

— KESSINGER'S LEGACY REPRINTS —



First Principles of Theosophy



C. Jinarajadasa



The First Principles of Theosophy

NHỮNG NGUYÊN LÝ ĐẦU TIÊN CỦA THÔNG THIÊN HỌC

By Curuppumullage Jinarajadasa

First published in 1921

INTRODUCTION—GIỚI THIỆU

Theosophy is the wisdom arising from the study of the evolution of life and form. This wisdom already exists, because the study has been pursued for long ages by properly equipped investigators into nature's mysteries. The investigators, who are called the Masters of the Wisdom, are those souls who in the evolutionary process have passed beyond the stage of man to the next higher, that of the "Adept". As man evolves to Adept, he gains knowledge by investigation and experiment. The knowledge so far gained by an unbroken line of Adepts is Theosophy, the Ancient Wisdom.

As man becomes Adept, he ceases to be merely an item in the evolutionary process, and appears as a master and director of that process, under the supervision of a great Consciousness called in Theosophy the Logos. He is enabled, as a cooperator with the Logos, to see nature from His standpoint, and to some extent survey her, not as her helpless tool, but with the vision of her Creator. Such a survey is Theosophy today.

These Masters of the Wisdom, the agents of the Logos, direct the evolutionary process in all its phases, each supervising a particular department in the evolution of life and form. They form a body known as the Great Hierarchy or the Great White Brotherhood. They guide the building and unbuilding of forms on sea and land; they direct the rise and fall of nations, giving to each just so much of the Ancient Wisdom as is needed for its

Thông Thiên Học là minh triết nảy sinh từ việc nghiên cứu sự tiến hóa của sự sống và hình tướng. Minh triết này vốn đã tồn tại, bởi vì cuộc nghiên cứu đã được thực hiện trong một thời gian dài bởi những nhà nghiên cứu được trang bị đầy đủ về những điều huyền bí của tự nhiên. Các nhà nghiên cứu, vốn được gọi là các Chân sư Minh Triết, là những linh hồn mà trong quá trình tiến hóa đã vượt qua giai đoạn con người để đến giai đoạn cao hơn tiếp theo, đó là "Bậc Chân sư". Khi con người tiến hóa thành Bậc Chân sư, Ngài đạt được kiến thức bằng cách điều tra và thử nghiệm. Kiến thức cho đến nay đã đạt được bởi một dòng Chân sư liên tục là Thông Thiên Học, Minh Triết Cổ Xưa.

Khi con người trở thành Chân sư, Ngài không còn đơn thuần là một yếu tố trong quá trình tiến hóa, và xuất hiện như một bậc thầy và người điều khiển quá trình đó, dưới sự giám sát của một Tâm thức vĩ đại được gọi trong Thông Thiên Học là Hành Tinh Thượng đế. Ngài có thể, với tư cách là người hợp tác với Hành Tinh Thượng đế, nhìn thấy tự nhiên từ quan điểm của Ngài, và ở một mức độ nào đó khảo sát nó, không phải như một công cụ bất lực của nó, mà bằng tầm nhìn của Đấng Sáng Tạo ra nó. Một cuộc khảo sát như vậy là Thông Thiên Học ngày nay.

Các Chân sư Minh Triết này, các tác nhân của Hành Tinh Thượng đế, chỉ đạo quá trình tiến hóa trong tất cả các giai đoạn của nó, mỗi Ngài giám sát một bộ phận cụ thể trong sự tiến hóa của sự sống và hình tướng. Các Ngài tạo thành một tổ chức được gọi là Đại Huyền Giai hay Đại Huynh Đệ Đoàn. Các Ngài hướng dẫn việc xây dựng và phá hủy các hình tướng trên biển và đất liền; Các Ngài chỉ đạo sự trỗi dậy và suy tàn của các quốc gia, trao cho mỗi quốc gia vừa đủ

welfare, and can be assimilated by it.

Sometimes that Wisdom is given indirectly, through workers in quest of knowledge, by inspiring them all unseen towards discoveries; sometimes it is given directly, as a revelation. Both these ways are observable now in the twentieth century. The Masters of the Wisdom, who are in charge of the evolution of all that lives, are giving the Wisdom—the science of facts—indirectly, through the invisible guidance and inspiration of scientific workers; directly, they have given it in a body of knowledge known by the term Theosophy.

Theosophy is then, in a sense, a revelation, but it is the revelation of a knowledge by those who have discovered it, to those who have not yet done so. It cannot but be a hypothesis at first to whomsoever it is offered; it can become one's own personal knowledge only by experiment and experience.

In Theosophy today we have not the fullness of knowledge of all facts. Only a few main facts and laws have been told us, sufficient to spur us on to study and discovery; but innumerable gaps remain to be filled in. They are being filled in by individual workers in our midst, but what we have of knowledge is as a drop in the ocean to what lies undiscovered or unrevealed. Nevertheless, the little we have is of wonderful fascination, and it reveals new inspiration and beauty everywhere. Theosophy today, in the modern Theosophical literature, will be found to be concerned mostly with the evolution of life. But the knowledge concerning the evolution

Minh Triết Cổ Xưa cần thiết cho phúc lợi của nó, và có thể được đồng hóa bởi nó.

Đôi khi Minh triết đó được trao một cách gián tiếp, thông qua những người lao động đang tìm kiếm kiến thức, bằng cách truyền cảm hứng cho họ một cách vô hình hướng tới những khám phá; đôi khi nó được trao trực tiếp, như một sự mặc khải. Cả hai cách này đều có thể quan sát được bây giờ trong thế kỷ hai mươi. Các Chân sư Minh Triết, những Ngài phụ trách sự tiến hóa của tất cả những gì đang sống, đang trao Minh triết—khoa học về các sự kiện—một cách gián tiếp, thông qua sự hướng dẫn và cảm hứng vô hình của những người làm khoa học; một cách trực tiếp, Các Ngài đã trao nó trong một khối kiến thức được gọi bằng thuật ngữ Thông Thiên Học.

Vậy thì, Thông Thiên Học, theo một nghĩa nào đó, là một sự mặc khải, nhưng đó là sự mặc khải về một kiến thức của những người đã khám phá ra nó, cho những người chưa làm như vậy. Ban đầu, nó không thể không phải là một giả thuyết đối với bất kỳ ai được trao cho nó; nó chỉ có thể trở thành kiến thức cá nhân của một người bằng thử nghiệm và kinh nghiệm.

Trong Thông Thiên Học ngày nay, chúng ta không có đầy đủ kiến thức về tất cả các sự kiện. Chỉ một vài sự kiện và định luật chính đã được nói với chúng ta, đủ để thúc đẩy chúng ta nghiên cứu và khám phá; nhưng vô số khoảng trống vẫn cần được lấp đầy. Chúng đang được lấp đầy bởi những người lao động cá nhân giữa chúng ta, nhưng những gì chúng ta có về kiến thức chỉ là một giọt nước trong đại dương so với những gì chưa được khám phá hoặc tiết lộ. Tuy nhiên, những gì ít ỏi chúng ta có lại có một sức hút kỳ diệu, và nó tiết lộ nguồn cảm hứng và vẻ đẹp mới ở khắp mọi nơi. Thông Thiên Học ngày nay, trong văn học Thông Thiên Học hiện đại, sẽ được tìm thấy chủ yếu liên quan

of form, now gathered in every department of modern science, is equally a part of the Ancient Wisdom. In both, there are gaps to be filled in; but when both are correctly viewed, each is seen to supplement the other.

In this exposition of Theosophy, as in every manual of science, there are bound to be two elements. A writer will expound what has been accepted as fact by all, or by a majority of scientific investigators, but at the same time he may include the result of the work of a few or of himself only, which may require corroboration or revision. As he proceeds, he may not separate, unconsciously or through lack of true scientific training, these two elements. Similarly, while the leading ideas of this work may be considered "Theosophical", and as a fairly correct exposition of the knowledge revealed by the Masters of the Wisdom, there will be parts that will not deserve that dignity. But as Truth is after all a matter of discovery by each for himself, what others can do is merely to point out the way. Scientifically established truths, and what may be but personal or erroneous views, must all be tested by the same standard.

Though in its fundamental ideas Theosophy is a revelation, yet there is no authority in it to an individual, unless he himself assents to it. Nevertheless, as a man must be ready to stand or fall by the noblest hypothesis of life which his heart and mind can conceive, this work is written to show that such a hypothesis exists in Theosophy.

đến sự tiến hóa của sự sống. Nhưng kiến thức liên quan đến sự tiến hóa của hình tướng, hiện được thu thập trong mọi bộ phận của khoa học hiện đại, cũng là một phần của Minh Triết Cổ Xưa. Trong cả hai, có những khoảng trống cần được lấp đầy; nhưng khi cả hai được xem xét một cách chính xác, mỗi cái được thấy là bổ sung cho cái kia.

Trong bài trình bày về Thông Thiên Học này, cũng như trong mọi sách hướng dẫn khoa học, chắc chắn sẽ có hai yếu tố. Một nhà văn sẽ trình bày những gì đã được chấp nhận là sự thật bởi tất cả, hoặc bởi đa số các nhà điều tra khoa học, nhưng đồng thời y có thể bao gồm kết quả công việc của một số ít hoặc chỉ của riêng mình, điều này có thể đòi hỏi sự xác nhận hoặc sửa đổi. Khi y tiến hành, y có thể không tách biệt, một cách vô thức hoặc do thiếu đào tạo khoa học thực sự, hai yếu tố này. Tương tự, trong khi những ý tưởng hàng đầu của tác phẩm này có thể được coi là "Thông Thiên Học", và là một trình bày khá chính xác về kiến thức được tiết lộ bởi các Chân sư Minh Triết, sẽ có những phần không xứng đáng với phẩm giá đó. Nhưng vì Chân lý xét cho cùng là một vấn đề khám phá của mỗi người cho chính mình, những gì người khác có thể làm chỉ đơn thuần là chỉ ra con đường. Những chân lý được thiết lập một cách khoa học, và những gì có thể chỉ là quan điểm cá nhân hoặc sai lầm, tất cả phải được kiểm tra theo cùng một tiêu chuẩn.

Mặc dù trong những ý tưởng cơ bản của nó, Thông Thiên Học là một sự mặc khải, nhưng không có thẩm quyền nào trong đó đối với một cá nhân, trừ khi chính y đồng ý với nó. Tuy nhiên, vì một người phải sẵn sàng đứng lên hoặc gục ngã bởi giả thuyết cao quý nhất về cuộc sống mà trái tim và trí tuệ của y có thể hình dung, tác phẩm này được viết ra để cho thấy rằng một giả thuyết như vậy tồn tại trong Thông Thiên Học.

CHƯƠNG I

THE EVOLUTION OF LIFE AND FORM—SỰ TIẾN HÓA CỦA SỰ SỐNG VÀ HÌNH TƯỢNG

There is no better preparation for a clear comprehension of Theosophy than a broad, general, knowledge of modern science. For science deals with facts, tabulating them and discovering laws; Theosophy deals with the same facts, and though they may be tabulated differently, the conclusions are in the main the same. Where they differ, it is not because Theosophy questions the facts of the scientist, but simply because, before coming to conclusions, it takes into account additional facts which modern science either ignores or has not as yet discovered. There is but one Science, so long as facts remain the same; what is strictly scientific is Theosophical, as what is truly Theosophical is entirely in harmony with all the facts, and therefore in the highest degree scientific.

The greatest achievement of modern science is the conception offered to the thinking mind of the phenomena of existence as factors in a great process called Evolution. Let us understand in broad outline what evolution means according to science, and we shall be ready to understand what it means according to Theosophy.

Let us consider first the great nebula in Orion (Fig. 1).

Không có sự chuẩn bị nào tốt hơn cho một sự hiểu biết rõ ràng về Thông Thiên Học hơn là một kiến thức rộng, tổng quát về khoa học hiện đại. Vì khoa học đề cập đến các sự kiện, lập bảng chúng và khám phá ra các định luật; Thông Thiên Học đề cập đến các sự kiện tương tự, và mặc dù chúng có thể được lập bảng khác nhau, nhưng các kết luận về cơ bản là giống nhau. Nơi chúng khác nhau, không phải vì Thông Thiên Học nghi ngờ các sự kiện của nhà khoa học, mà đơn giản là vì, trước khi đi đến kết luận, nó tính đến các sự kiện bổ sung mà khoa học hiện đại hoặc bỏ qua hoặc chưa khám phá ra. Chỉ có một Khoa học, miễn là các sự kiện vẫn như cũ; những gì hoàn toàn khoa học là Thông Thiên Học, vì những gì thực sự là Thông Thiên Học hoàn toàn phù hợp với tất cả các sự kiện, và do đó ở mức độ cao nhất là khoa học.

Thành tựu lớn nhất của khoa học hiện đại là quan niệm được đưa ra cho thể trí tư duy về các hiện tượng tồn tại như là các yếu tố trong một quá trình vĩ đại được gọi là Tiến hóa. Chúng ta hãy hiểu một cách khái quát ý nghĩa của tiến hóa theo khoa học, và chúng ta sẽ sẵn sàng hiểu ý nghĩa của nó theo Thông Thiên Học.

Chúng ta hãy xem xét trước tiên tinh vân lớn trong chòm sao Lạp Hộ (Hình 1).



HÌNH 1

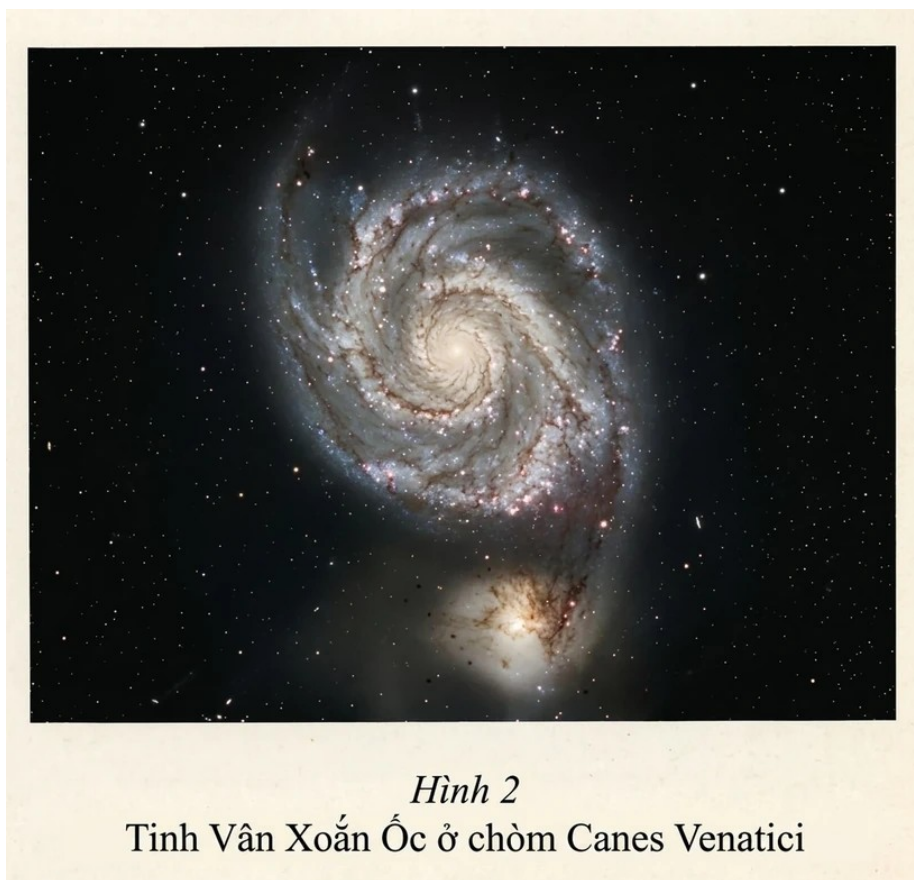
ĐẠI TINH VÂN ORION

It is a chaotic mass of matter in an intensely heated condition, millions and millions of miles in diameter. It is a vague, cloudy mass, full of energy; but, so far as we can see, it is energy not performing any useful work.

But there are other nebulae which give us an indication of a definite trend in evolution. The nebula in Canes Venatici (Fig. 2) is not only revolving round a center, but it also appears to be breaking up into distinct sections or arms. The material of each arm, while retaining its motion round the centre, will slowly condense round one or more nuclei. Each nucleus will become a star.

Đó là một khối vật chất hỗn loạn trong một điều kiện nóng dữ dội, đường kính hàng triệu và hàng triệu dặm. Đó là một khối mờ ảo, đầy năng lượng; nhưng, theo như chúng ta có thể thấy, đó là năng lượng không thực hiện bất kỳ công việc hữu ích nào.

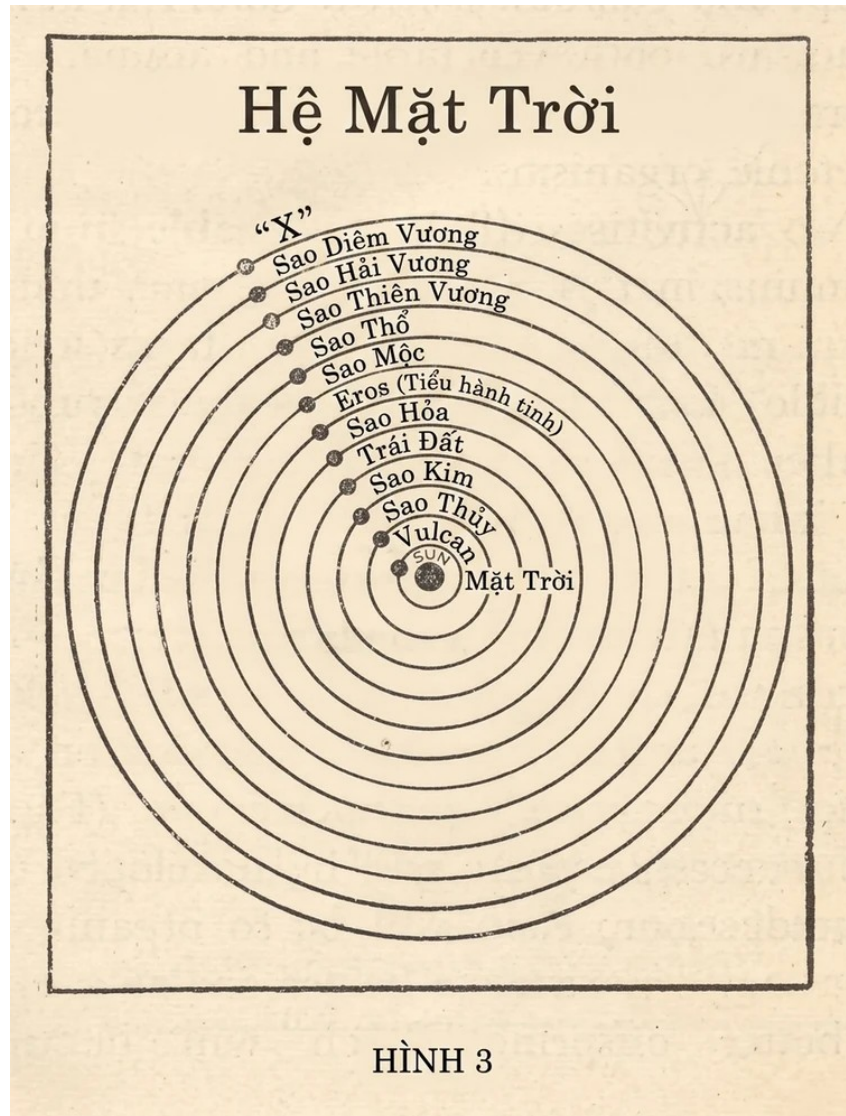
Nhưng có những tinh vân khác cho chúng ta thấy một xu hướng rõ ràng trong quá trình tiến hóa. Tinh vân trong chòm sao Lạp Khuyển (Hình 2) không chỉ quay quanh một tâm điểm, mà nó còn dường như đang vỡ ra thành các phần hoặc nhánh riêng biệt. Vật chất của mỗi nhánh, trong khi vẫn giữ chuyển động của nó quanh tâm điểm, sẽ từ từ ngưng tụ quanh một hoặc nhiều hạt nhân. Mỗi hạt nhân sẽ trở thành một ngôi sao.



Hình 2
Tinh Vân Xoắn Ốc ở chòm Canes Venatici

A similar process can be postulated for the next stage in evolution. The material of each star undergoes a change. Either because of its internal condition, or because it is affected by a passing star, it will develop subsidiary centers. The nebular matter will condense round them, and slowly these centers will become planets circling round the star's central nucleus. Thus, with regard to our own star, the Sun, we note what evolution has accomplished; it is today an orderly solar system, having a central sun and attendant planets circling round it (Fig. 3).

Một quá trình tương tự có thể được đưa ra cho giai đoạn tiếp theo trong quá trình tiến hóa. Vật chất của mỗi ngôi sao trải qua một sự thay đổi. Hoặc là do điều kiện bên trong của nó, hoặc là do nó bị ảnh hưởng bởi một ngôi sao đi ngang qua, nó sẽ phát triển các tâm điểm phụ. Vật chất tinh vân sẽ ngưng tụ xung quanh chúng, và từ từ các tâm điểm này sẽ trở thành các hành tinh quay quanh hạt nhân trung tâm của ngôi sao. Như vậy, đối với ngôi sao của chúng ta, Mặt Trời, chúng ta lưu ý những gì tiến hóa đã hoàn thành; ngày nay nó là một hệ mặt trời có trật tự, có một mặt trời trung tâm và các hành tinh đi kèm quay quanh nó (Hình 3).



What will be the next stage? By this time, there will have appeared within the solar system the lighter chemical elements. Hydrogen, carbon, nitrogen, oxygen, phosphorus, calcium, iron, and others, will be there; they will enter into certain combinations, and then will come the first appearance of Life. We shall now have some of the matter as protoplasm, the first form of Life. What, then, will be the next stage?

This protoplasm, too, arranges itself in groups and combinations; it takes the form of organisms, both vegetable and animal. Let us first watch what happens to it, as it becomes

Giai đoạn tiếp theo sẽ là gì? Vào thời điểm này, các nguyên tố hóa học nhẹ hơn sẽ xuất hiện bên trong hệ mặt trời. Hydro, carbon, nitơ, oxy, photpho, canxi, sắt và những chất khác sẽ ở đó; chúng sẽ đi vào một số kết hợp nhất định, và sau đó sẽ đến sự xuất hiện đầu tiên của Sự Sống. Bây giờ chúng ta sẽ có một số vật chất dưới dạng chất nguyên sinh, dạng Sự Sống đầu tiên. Vậy thì, giai đoạn tiếp theo sẽ là gì?

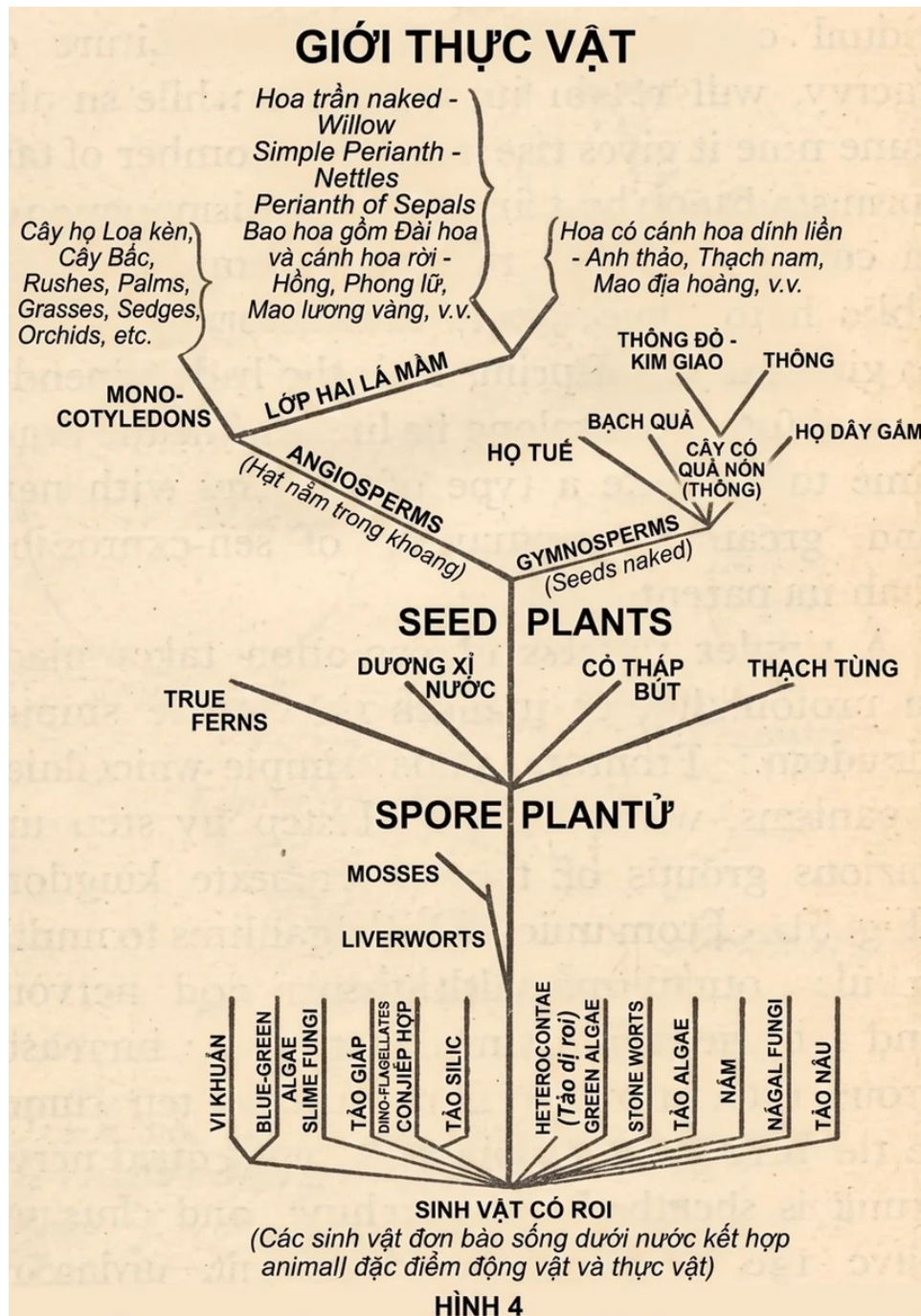
Chất nguyên sinh này cũng tự sắp xếp thành các nhóm và tổ hợp; nó mang hình thức của các sinh vật, cả thực vật và động vật. Trước tiên, chúng ta hãy theo dõi những gì xảy ra với

vegetable organisms.

Two activities will be noticeable from the beginning in this living matter: one, that the organism desires to retain its life as long as possible, by nutrition; the other, to produce another organism similar to its own. Under the impulse of these two instincts, it will “evolve”, that is, we shall see the simple organism taking on a complex structure. This process will continue, stage by stage, till slowly there will arise a vegetable kingdom on each planet, such as we have on our own (Fig. 4).

nó, khi nó trở thành các sinh vật thực vật.

Hai hoạt động sẽ được chú ý ngay từ đầu trong vật chất sống này: một là, sinh vật mong muốn duy trì sự sống của nó càng lâu càng tốt, bằng dinh dưỡng; hai là, tạo ra một sinh vật khác tương tự như chính nó. Dưới sự thúc đẩy của hai bản năng này, nó sẽ “tiến hóa”, nghĩa là, chúng ta sẽ thấy sinh vật đơn giản mang một cấu trúc phức tạp. Quá trình này sẽ tiếp tục, từng giai đoạn một, cho đến khi từ từ sẽ xuất hiện một giới thực vật trên mỗi hành tinh, chẳng hạn như chúng ta có trên hành tinh của mình (Hình 4).



Each successive stage will be developed from its predecessor; each will be so organized as to prolong its existence longer and to give rise to better offspring. Each will be more "evolved" than what has gone before. From unicellular organisms, such as bacteria, algae and fungi, spore plants will be developed, able to disseminate offspring in a new way; later, a

Mỗi giai đoạn kế tiếp sẽ được phát triển từ giai đoạn trước đó; mỗi giai đoạn sẽ được tổ chức để kéo dài sự tồn tại của nó lâu hơn và để tạo ra những con cháu tốt hơn. Mỗi giai đoạn sẽ "tiến hóa" hơn những gì đã có trước đó. Từ các sinh vật đơn bào, chẳng hạn như vi khuẩn, tảo và nấm, các loài thực vật có bào tử sẽ được phát triển, có khả năng truyền bá con cháu theo

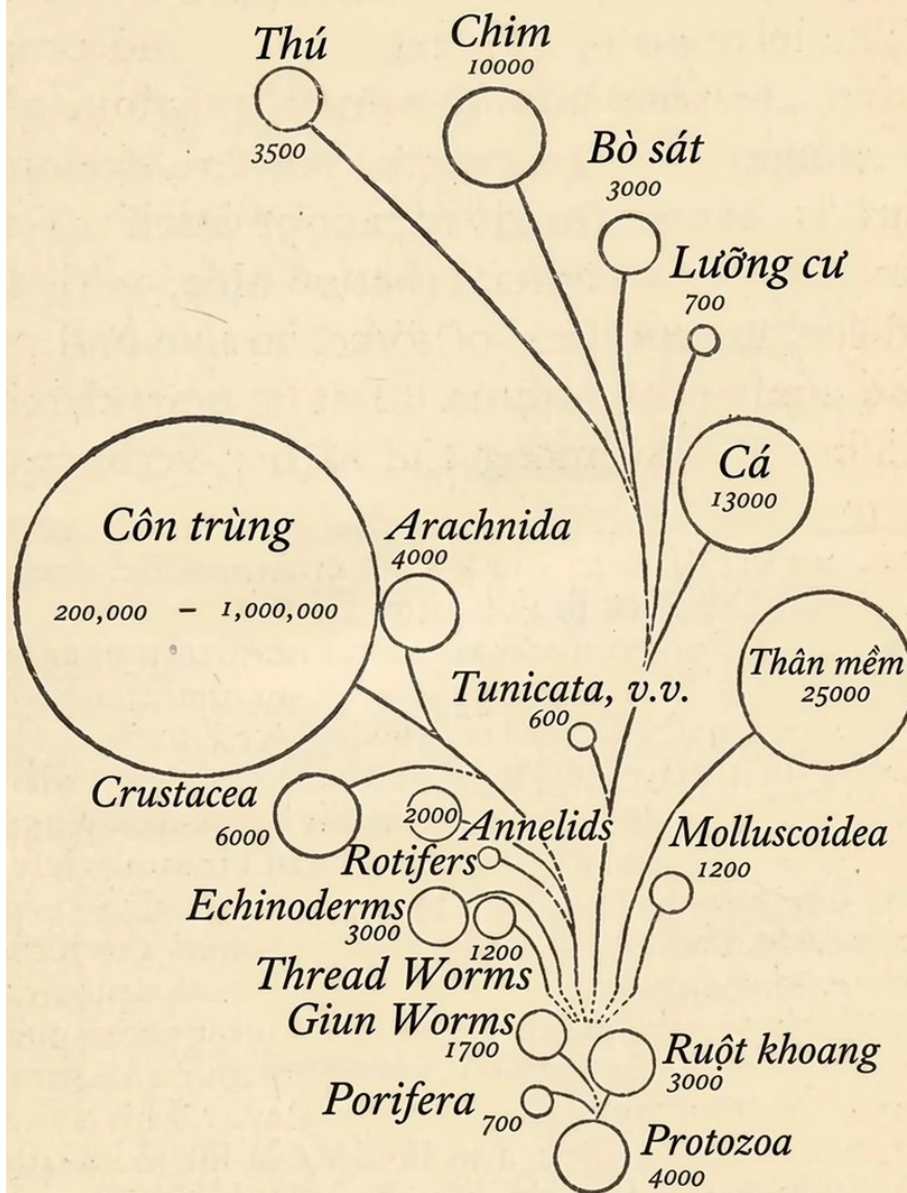
better method of propagation will be evolved, by means of seeds. Later still, there will come the stage of flowering plants, where the individual organism, with least expenditure of energy, will retain its own life, while at the same time it gives rise to a large number of offspring. Stage by stage, the organism increases in complexity; but that very complexity enables it to "live" more satisfactorily, that is, to give rise to offspring with the least expenditure of force, to prolong its life, and at the same time to produce a type of progeny with new and greater potentialities of self-expression than its parent.

A similar process of evolution takes place in protoplasm, as it gives rise to the animal kingdom. From protozoa, simple unicellular organisms, we find evolved step by step the various groups of the invertebrate kingdom (Fig. 5).

một cách mới; sau đó, một phương pháp sinh sản tốt hơn sẽ được tiến hóa, bằng phương tiện hạt giống. Sau đó nữa, sẽ đến giai đoạn của thực vật có hoa, nơi sinh vật cá thể, với ít tiêu hao năng lượng nhất, sẽ duy trì sự sống của chính nó, đồng thời nó tạo ra một số lượng lớn con cháu. Từng giai đoạn một, sinh vật tăng lên về độ phức tạp; nhưng chính sự phức tạp đó cho phép nó "sống" một cách thỏa đáng hơn, nghĩa là, tạo ra con cháu với ít tiêu hao lực nhất, để kéo dài sự sống của nó, và đồng thời tạo ra một kiểu hậu duệ với những tiềm năng tự biểu hiện mới và lớn hơn so với cha mẹ của nó.

Một quá trình tiến hóa tương tự diễn ra trong chất nguyên sinh, khi nó tạo ra giới động vật. Từ động vật nguyên sinh, các sinh vật đơn bào đơn giản, chúng ta thấy từng bước tiến hóa các nhóm khác nhau của giới động vật không xương sống (Hình 5).

GIỚI ĐỘNG VẬT



Số lượng loài thuộc mỗi phân chia chỉ được ước tính một cách đại khái.

Từ tác phẩm "KHÓA HỌC ĐẦU TIÊN VỀ ĐỘNG VẬT HỌC" của T. W. Galloway. HÌNH 5

From unicellular organisms to multi-cellular organisms with tissues and nervous and circulatory systems, complexity increases

Từ các sinh vật đơn bào đến các sinh vật đa bào với các mô và hệ thần kinh và tuần hoàn, độ phức tạp tăng lên nhóm sau nhóm. Sau đó,

group after group. Then a new step comes in the building of organisms; the central nerve trunk is sheathed by vertebrae, and thus we have the vertebrates. From one order of vertebrates, the reptiles, come the mammals; (only contains Figure 5) among the highest of the mammals appear the primates. Of this last order of the animal kingdom, the most highly organized is Man.

The instincts of self-preservation and propagation are seen in the animal kingdom also. As structure becomes more complex, the organism is better fitted to adapt itself to the changing environment, better able, with less and less expenditure of force, to live and produce similar organisms. But a new element of life appears among the higher vertebrates.

“If we contemplate life at large in its ascending forms, we see that in the lowest creatures the energies are wholly absorbed in self-sustentation and sustentation of the race. Each improvement in organization, achieving some economy or other, makes the maintenance of life easier; so that the energies evolved from a given quantity of food more than suffice to provide for the individual and for progeny; some unused energy is left. As we rise to the higher types of creatures having more developed structures, we see that this surplus energy becomes greater and greater; and the highest show us long intervals of cessation from the pursuit of food, during which there is not an infrequent spontaneous expenditure of unused energy in that pleasurable activity of the faculties we call play. This general truth has to be recognized as holding of life in its culminating forms—of human life as well as of other life. The progress of mankind is, under one aspect, a means of liberating more and more life from mere toil and leaving more and more life available for relaxation—for pleasurable

một bước mới đến trong việc xây dựng các sinh vật; thân thần kinh trung ương được bao bọc bởi đốt sống, và do đó chúng ta có động vật có xương sống. Từ một bộ động vật có xương sống, loài bò sát, đến loài động vật có vú; (chỉ chứa Hình 5) trong số những loài động vật có vú cao nhất xuất hiện loài linh trưởng. Trong bộ cuối cùng này của giới động vật, được tổ chức cao nhất là Con Người.

Các bản năng tự bảo tồn và sinh sản cũng được nhìn thấy trong giới động vật. Khi cấu trúc trở nên phức tạp hơn, sinh vật phù hợp hơn để thích nghi với môi trường thay đổi, có khả năng hơn, với ít tiêu hao lực hơn, để sống và tạo ra các sinh vật tương tự. Nhưng một yếu tố mới của sự sống xuất hiện giữa các động vật có xương sống cao hơn.

“Nếu chúng ta chiêm ngưỡng sự sống nói chung trong các hình thức thăng tiến của nó, chúng ta thấy rằng ở những sinh vật thấp nhất, năng lượng hoàn toàn bị hấp thụ vào việc tự duy trì và duy trì nòi giống. Mỗi cải tiến trong tổ chức, đạt được một số tiết kiệm nào đó, giúp cho việc duy trì sự sống dễ dàng hơn; do đó, năng lượng tiến hóa từ một lượng thức ăn nhất định không chỉ đủ để cung cấp cho cá nhân và cho con cháu; một số năng lượng chưa sử dụng còn lại. Khi chúng ta vươn lên các loại sinh vật cao hơn có cấu trúc phát triển hơn, chúng ta thấy rằng năng lượng dư thừa này ngày càng lớn hơn; và những sinh vật cao nhất cho chúng ta thấy những khoảng thời gian dài ngừng theo đuổi thức ăn, trong thời gian đó không thường xuyên có sự tiêu hao tự phát năng lượng chưa sử dụng trong hoạt động thú vị của các khả năng mà chúng ta gọi là vui chơi. Chân lý chung này phải được công nhận là đúng với sự sống trong các hình thức cao nhất của nó—của cuộc sống con người cũng như của cuộc sống khác. Sự tiến bộ của nhân loại, dưới một khía cạnh, là một phương tiện giải phóng ngày càng nhiều sự sống khỏi sự lao

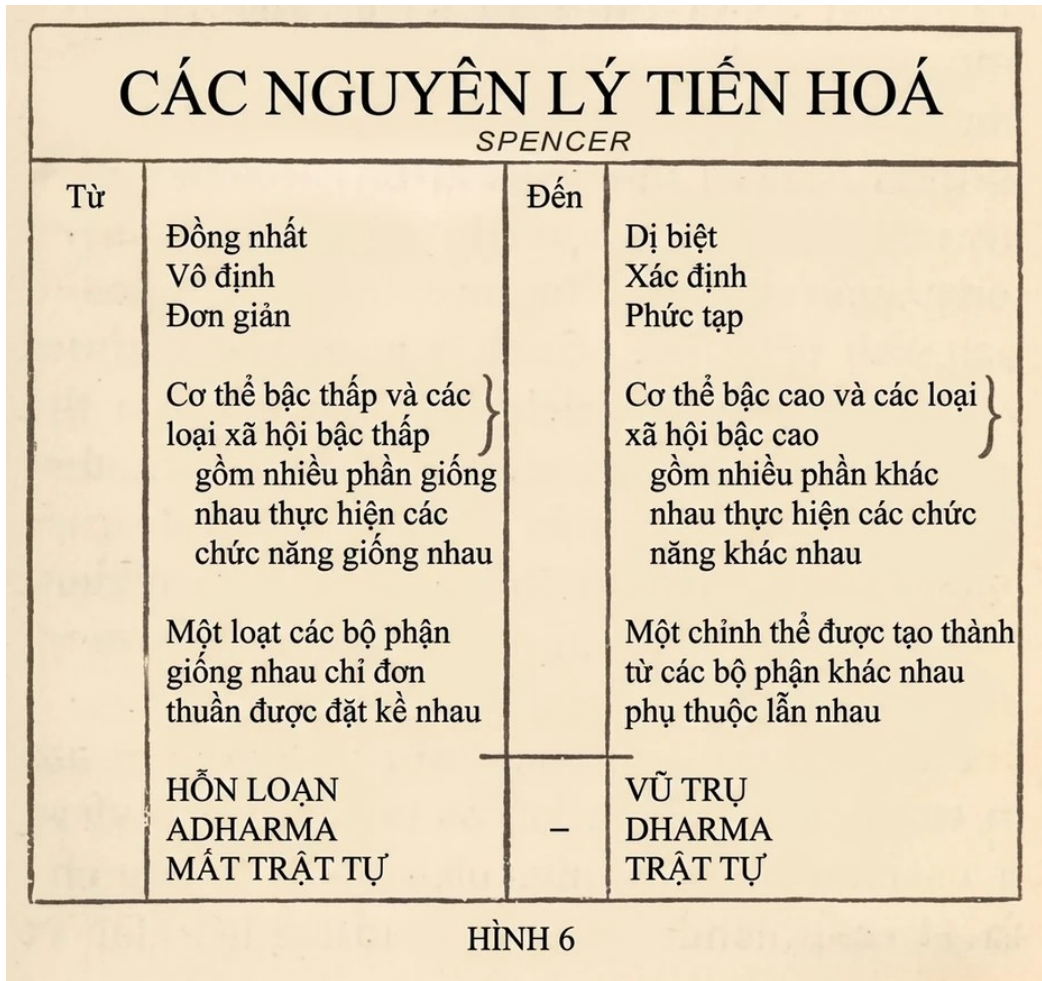
culture, for aesthetic gratification; for travel, for games.”¹

From the chaotic nebula, once upon a time, to man today, thinking, playing and loving—this is the process called Evolution. A chaos has become a cosmos, with orderly events, which the human mind can tabulate as laws; the unstable, “a-dharma”, has become the stable, “dharma”. We note what are the principles which nature has followed, as the One becomes the Many, as disorder becomes order, in the next diagram (Fig. 6).

nhọc đơn thuần và để lại ngày càng nhiều sự sống có sẵn để thư giãn—để nuôi dưỡng thú vị, để thỏa mãn thẩm mỹ; để du lịch, để chơi game.”

Từ tình vân hỗn loạn, vào một thời điểm nào đó, đến con người ngày nay, suy nghĩ, vui chơi và yêu thương—đây là quá trình được gọi là Tiến hóa. Một sự hỗn loạn đã trở thành một vũ trụ, với những sự kiện có trật tự, mà thể trí con người có thể lập bảng như các định luật; cái không ổn định, “a-dharma”, đã trở thành cái ổn định, “dharma”. Chúng ta lưu ý những nguyên tắc mà tự nhiên đã tuân theo, khi Cái Một trở thành Cái Nhiều, khi sự hỗn loạn trở thành trật tự, trong sơ đồ tiếp theo (Hình 6).

¹ 1 Herbert Spencer, *Life*, I, page 147



True, no eye of man saw the beginning of this process, nor has continuously watched it to the present day, and so can describe from direct observation each step in evolution, and say that evolution is a fact. We can only reconstruct the process by observing different kinds of nebulae, by studying the structures of extinct and living organisms, by piecing together here a tail with there a wing. None can say that the universe did not arise in all its complexity a few thousand years ago, just before historical tradition began; and none can say that the universe will not tomorrow cease to be. But man cannot be satisfied with taking note only of the few brief moments of the present which his consciousness can retain; he must construct some, conception of

Đúng vậy, không có con mắt nào của con người nhìn thấy sự khởi đầu của quá trình này, cũng như không liên tục theo dõi nó cho đến ngày nay, và do đó có thể mô tả từ quan sát trực tiếp từng bước trong quá trình tiến hóa, và nói rằng tiến hóa là một sự thật. Chúng ta chỉ có thể tái tạo quá trình bằng cách quan sát các loại tinh vân khác nhau, bằng cách nghiên cứu cấu trúc của các sinh vật đã tuyệt chủng và đang sống, bằng cách ghép một cái đuôi ở đây với một cái cánh ở đó. Không ai có thể nói rằng vũ trụ đã không phát sinh trong tất cả sự phức tạp của nó một vài nghìn năm trước, ngay trước khi truyền thống lịch sử bắt đầu; và không ai có thể nói rằng vũ trụ sẽ không ngừng tồn tại vào ngày mai. Nhưng con người không thể hài lòng với việc chỉ ghi lại một vài khoảnh

nature, and postulate a past and a future. Such a past and a future are propounded, largely from analogy, in the process called evolution. In a sense, evolution is a hypothesis; but it is the most satisfactory hypothesis so far in the history of mankind, and it is also one which, when once accepted, shows evolution everywhere, for all to see.

Fascinating as is the survey of the cosmos in the light of evolution as taught by modern science, there is nevertheless one gloomy element in it, and that is the insignificant part played by the individual in the timeless drama. Nature at work, "evolving", lavishly spends her energies, building form after form. But a terrible spendthrift she seems, producing far more forms than she provides sustenance for. Time is of no account, and the individual but of little, only indeed so long as he lives. During the brief life of the individual, nature smiles on him, caresses him, as though everything had been planned for his welfare. But after he has made the move she guides him to make, after he has given rise to offspring, or has slightly modified the environment for others by his living, death comes and he is annihilated. That "I am I", which impels each to live, to struggle, to seek happiness, ceases to be; for it is not we who are important, but the type—"so careful of the type she seems, so careless of the single life". Where today are Nineveh and Babylon, and "the glory that was Greece and the grandeur that was Rome"?

"Tis all a Checkerboard of Nights and Days

khắc ngăn ngủ của hiện tại mà tâm thức của y có thể giữ lại; y phải xây dựng một số quan niệm về tự nhiên, và đưa ra một quá khứ và một tương lai. Một quá khứ và một tương lai như vậy được đề xuất, phần lớn từ sự tương tự, trong quá trình được gọi là tiến hóa. Theo một nghĩa nào đó, tiến hóa là một giả thuyết; nhưng nó là giả thuyết thỏa đáng nhất cho đến nay trong lịch sử nhân loại, và nó cũng là một giả thuyết mà, khi đã được chấp nhận, cho thấy sự tiến hóa ở khắp mọi nơi, để mọi người đều thấy.

Dù cuộc khảo sát vũ trụ dưới ánh sáng của sự tiến hóa được giảng dạy bởi khoa học hiện đại có hấp dẫn đến đâu, thì vẫn có một yếu tố ảm đạm trong đó, đó là vai trò không đáng kể của cá nhân trong vở kịch vượt thời gian. Thiên nhiên làm việc, "tiến hóa", hào phóng tiêu tốn năng lượng của mình, xây dựng hết hình tượng này đến hình tượng khác. Nhưng Bà dường như là một người tiêu xài khủng khiếp, tạo ra nhiều hình tượng hơn số mà Bà cung cấp chất nuôi dưỡng. Thời gian không có ý nghĩa gì, và cá nhân chỉ có một chút ý nghĩa, thực sự chỉ là khi y còn sống. Trong suốt cuộc đời ngắn ngủi của cá nhân, thiên nhiên mỉm cười với y, vuốt ve y, như thể mọi thứ đã được lên kế hoạch cho phúc lợi của y. Nhưng sau khi y đã thực hiện động thái mà Bà hướng dẫn y thực hiện, sau khi y đã sinh ra con cái, hoặc đã sửa đổi một chút môi trường cho những người khác bằng cuộc sống của mình, cái chết đến và y bị tiêu diệt. Cái "Tôi là Tôi" đó, vốn thúc đẩy mỗi người sống, đấu tranh, tìm kiếm hạnh phúc, không còn nữa; vì không phải chúng ta là quan trọng, mà là kiểu người—"Bà dường như rất cẩn thận với kiểu người, rất bất cẩn với cuộc sống đơn độc". Ngày nay Nineveh và Babylon ở đâu, và "vinh quang của Hy Lạp và sự hùng vĩ của Rome"?

Tất cả chỉ là ván cờ Đêm và Ngày,

Where Destiny with men for Pieces plays;

Hither and thither moves, and mates, and slays,

And one by one back in the closet lays.”

From this aspect, evolution is terrible, a mechanical process, serene in its omnipotence and ruthlessness. Yet, since it is a process after all, perhaps to bring in personal considerations whether we like it or not may not be to the point. But since we are men and women who think and desire, we do bring in the personal element to our conception of life; and when we look at evolution, the outlook for us as individuals is not encouraging. We are as bubbles of the sea, arising from no volition of our own, and we cease to be, following developments in a process which we cannot control. We are “such stuff as dreams are made of, and our little life is rounded with a sleep”.

Is there possible any conception of the evolutionary process which can show a more encouraging outlook? It is that which Theosophy offers in the doctrine of the Evolution of Life through the evolution of forms.

As the scientist of today examines nature, he notes two inseparable elements, matter and force; a third, which we know as “life”, he considers to be the effect of the interaction of the two. He sees in matter the possibilities of both life and consciousness, and neither of them is considered by him capable of an existence independent of matter. In the main this conception is true; but, according to Theosophy, a modification is required, which

Định Mệnh chơi người như những quân đây;

Đẩy lên, giết, chiếu — rồi tan biến,

Từng quân lại xếp gọn, hộp khép tay.

Từ khía cạnh này, sự tiến hóa thật khủng khiếp, một quá trình máy móc, thanh thản trong sự toàn năng và tàn nhẫn của nó. Tuy nhiên, vì dù sao thì đó cũng là một quá trình, nên có lẽ việc đưa ra những cân nhắc cá nhân dù chúng ta có thích hay không có thể không phải là vấn đề. Nhưng vì chúng ta là những người nam và nữ suy nghĩ và mong muốn, chúng ta đưa yếu tố cá nhân vào quan niệm về cuộc sống của mình; và khi chúng ta nhìn vào sự tiến hóa, triển vọng cho chúng ta với tư cách là các cá nhân không mấy khả quan. Chúng ta giống như những bong bóng của biển, nổi lên không phải do ý chí của riêng mình, và chúng ta không còn nữa, theo sau những phát triển trong một quá trình mà chúng ta không thể kiểm soát. Chúng ta là “chất liệu làm nên những giấc mơ, và cuộc sống nhỏ bé của chúng ta được khép lại bằng một giấc ngủ”.

Liệu có thể có bất kỳ quan niệm nào về quá trình tiến hóa có thể cho thấy một triển vọng đáng khích lệ hơn không? Đó là những gì Thông Thiên Học mang lại trong học thuyết về Sự Tiến Hóa của Sự Sống thông qua sự tiến hóa của các hình tướng.

Khi nhà khoa học ngày nay xem xét thiên nhiên, Ông ghi nhận hai yếu tố không thể tách rời, vật chất và mãnh lực; một yếu tố thứ ba, mà chúng ta biết là “sự sống”, Ông coi là kết quả của sự tương tác của hai yếu tố đó. Ông thấy trong vật chất những khả năng của cả sự sống và tâm thức, và Ông không coi bất kỳ yếu tố nào trong số đó có khả năng tồn tại độc lập với vật chất. Về cơ bản, quan niệm này là đúng; nhưng, theo Thông Thiên Học, cần có một sự

may be stated as follows.

Just as we see no matter without force, and no force which is not affecting matter, so, too, there exists a similar relation between life and matter. The two are inseparable, and neither is the product of the other.

There are in the universe types of matter finer than those recognized by our senses, or ponderable by the most delicate of instruments. Many forms of energy, too, exist, of which but a few have as yet been discovered by man. One form of energy, which acts in conjunction with certain types of ultra-physical matter, is called Life. This life evolves; that is, it is slowly becoming more and more complex in its manifestations.

The complexity of the life-activities is brought about by building organisms in such matter as we know by our senses. (There are other modes of life-activities, but for the moment we shall confine our attention to those activities which our senses can perceive.) It is this life which holds a group of chemical compounds during a certain period as a living organism. While so holding it, that life gains a complexity by means of the experiences received through its receptacle. What we note as the death of the organism is the withdrawal of its life, in order to exist for a while dissociated from the lowest or physical forms of matter. It is, however, still linked to ultra-physical matter. In withdrawing from the organism at death, such experiences as were received through it are retained as habits learned by the life; they are transmuted into new capacities for form-building, and they will be utilized with its next effort to build a new organism.

sửa đổi, có thể được phát biểu như sau.

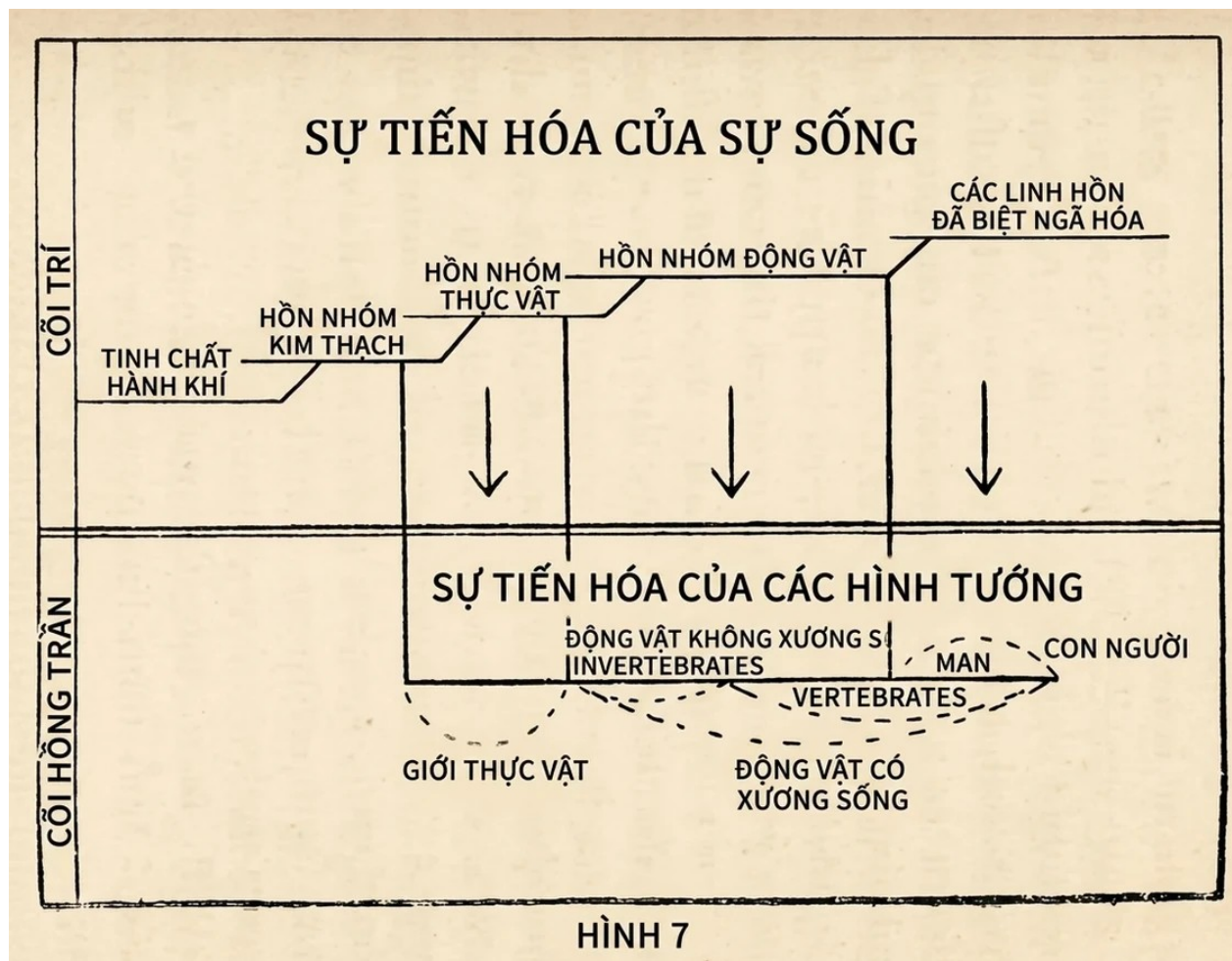
Giống như chúng ta không thấy vật chất nào mà không có mãnh lực, và không có mãnh lực nào mà không tác động đến vật chất, thì cũng có một mối quan hệ tương tự giữa sự sống và vật chất. Hai yếu tố này không thể tách rời, và không yếu tố nào là sản phẩm của yếu tố kia.

Có những loại vật chất trong vũ trụ tinh vi hơn những loại mà các giác quan của chúng ta nhận biết, hoặc có thể cân được bằng những dụng cụ tinh vi nhất. Nhiều dạng năng lượng cũng tồn tại, trong đó chỉ một số ít đã được con người khám phá ra. Một dạng năng lượng, hoạt động kết hợp với một số loại vật chất siêu vật lý nhất định, được gọi là Sự Sống. Sự sống này tiến hóa; nghĩa là, nó đang dần trở nên phức tạp hơn trong các biểu hiện của nó.

Sự phức tạp của các hoạt động sống được tạo ra bằng cách xây dựng các sinh vật trong vật chất mà chúng ta biết bằng các giác quan của mình. (Có những phương thức hoạt động sống khác, nhưng hiện tại chúng ta sẽ giới hạn sự chú ý của mình vào những hoạt động mà các giác quan của chúng ta có thể nhận thức được.) Chính sự sống này giữ một nhóm các hợp chất hóa học trong một khoảng thời gian nhất định như một sinh vật sống. Trong khi giữ nó như vậy, sự sống đó đạt được sự phức tạp thông qua những kinh nghiệm nhận được thông qua vật chứa của nó. Những gì chúng ta ghi nhận là cái chết của sinh vật là sự rút lui của sự sống của nó, để tồn tại trong một thời gian tách biệt khỏi các hình tướng vật chất hoặc thấp nhất. Tuy nhiên, nó vẫn được liên kết với vật chất siêu vật lý. Khi rút khỏi sinh vật lúc chết, những kinh nghiệm đã nhận được thông qua nó được giữ lại như những thói quen mà sự sống đã học được; chúng được chuyển hóa thành những năng lực mới để xây dựng hình tướng, và chúng sẽ được sử dụng với nỗ lực tiếp theo của nó để xây dựng một sinh vật mới.

If we look at Fig. 7, we shall be able to grasp clearly the Theosophical conception of the Evolution of Life.

Nếu chúng ta nhìn vào Hình 7, chúng ta sẽ có thể nắm bắt rõ ràng quan niệm của Thông Thiên Học về Sự Tiến Hóa của Sự Sống.



When we consider structures only, we are looking at but one side of evolution. For behind each structure is a life. Though a plant dies, the life which makes it living, and propels it to react to environment, does not die. When a rose withers and dies and disappears in dust, we know that none of its matter is destroyed; every particle of it still exists, for matter cannot be annihilated. So, too, is it with the life which out of chemical elements makes a rose. It merely withdraws for a time, to reappear later building another rose. The experiences of sunshine and storm, of the struggle for existence, gained through

Khi chúng ta chỉ xem xét các cấu trúc, chúng ta chỉ đang nhìn vào một mặt của sự tiến hóa. Vì đằng sau mỗi cấu trúc là một sự sống. Mặc dù một cái cây chết đi, nhưng sự sống làm cho nó sống và thúc đẩy nó phản ứng với môi trường, không chết. Khi một bông hồng tàn úa và chết đi và biến mất trong bụi bặm, chúng ta biết rằng không có vật chất nào của nó bị phá hủy; mọi hạt của nó vẫn tồn tại, vì vật chất không thể bị tiêu diệt. Cũng như vậy, đối với sự sống tạo ra một bông hồng từ các nguyên tố hóa học. Nó chỉ đơn thuần rút lui trong một thời gian, để xuất hiện trở lại sau đó xây dựng một bông hồng khác. Những kinh nghiệm về

the first rose, are slowly utilized to build a second (Contains only Fig. 19.) rose which shall be better adapted to live and propagate its kind.

Just as an individual organism is one unit in a larger group, so also is the life within each organism a unit in a larger group called a "group-soul". Behind the organisms of the vegetable kingdom as a whole is the vegetable group-soul, an indestructible reservoir of those life-forces which are attaining complexity by building vegetable forms. Each unit of life within that group-soul, as it appears on earth anew in an organism, comes there endowed with the sum total of the experiences of the dead organisms built by the group-soul; each unit, as it returns to the group-soul at death, contributes to the group what it has gained in power of new ways of reacting to environment. The same is true of the animal kingdom; each species, genus and family has its own compartment in the general animal group-soul.

With man, too, the principle is the same, except that man has passed the stage of belonging to a group-soul. Each man is an individual life and, though he is linked in mystic ways to all his fellows in a Brotherhood of Man, he treads his own path, and carves out his own future. He retains his experiences, gained by him life after life, and does not share them with others, unless he shares them of his own volition.

There is no such thing as death in nature, in the sense of a resolution into nothing. The life withdraws into its ultra-physical environment for a while, retaining there the experiences which it has gained as new modes

ánh nắng và bão tố, về cuộc đấu tranh để sinh tồn, thu được thông qua bông hồng đầu tiên, dần dần được sử dụng để xây dựng một bông hồng thứ hai (Chỉ chứa Hình 19.) sẽ thích nghi tốt hơn để sống và nhân giống loài của nó.

Giống như một sinh vật cá nhân là một đơn vị trong một nhóm lớn hơn, thì sự sống bên trong mỗi sinh vật cũng là một đơn vị trong một nhóm lớn hơn được gọi là "hồn nhóm". Đằng sau các sinh vật của giới thực vật nói chung là hồn nhóm thực vật, một kho chứa không thể phá hủy của những mãnh lực sống đang đạt được sự phức tạp bằng cách xây dựng các hình tướng thực vật. Mỗi đơn vị sự sống bên trong hồn nhóm đó, khi nó xuất hiện trên trái đất một lần nữa trong một sinh vật, đến đó được ban cho tổng số kinh nghiệm của các sinh vật đã chết được xây dựng bởi hồn nhóm; mỗi đơn vị, khi nó trở về hồn nhóm lúc chết, đóng góp cho nhóm những gì nó đã đạt được về sức mạnh của những cách mới để phản ứng với môi trường. Điều tương tự cũng đúng với giới động vật; mỗi loài, chi và họ có ngăn riêng trong hồn nhóm động vật nói chung.

Với con người, nguyên tắc cũng giống nhau, ngoại trừ việc con người đã vượt qua giai đoạn thuộc về một hồn nhóm. Mỗi người là một sự sống cá nhân và, mặc dù y được liên kết theo những cách huyền bí với tất cả đồng loại của mình trong một Huynh đệ Nhân loại, y bước đi trên con đường riêng của mình và tạo ra tương lai của riêng mình. Y giữ lại những kinh nghiệm của mình, thu được qua hết cuộc đời này đến cuộc đời khác, và không chia sẻ chúng với người khác, trừ khi y chia sẻ chúng theo ý muốn của riêng mình.

Không có cái gọi là cái chết trong tự nhiên, theo nghĩa là phân giải thành hư vô. Sự sống rút vào môi trường siêu vật lý của nó trong một thời gian, giữ lại ở đó những kinh nghiệm mà nó đã đạt được như những phương thức

of form-building. Though form after form comes and goes, their successive lives are but the entrances and exits of the same life in the evolutionary drama. Not a fraction of experience is lost, as not a particle of matter is destroyed.

Furthermore, this life evolves, as already mentioned. The method of its evolution is through growth in forms. The aim of a given part of the group-soul's life is to manifest through such forms as shall dominate, through the greatest adaptability to environment, all other forms, while at the same time they shall be capable of the most delicate response to the inner promptings of the life itself. Each part of a group-soul, each type of life, each group and class and order, has this aim; and hence ensues the fierce warfare in nature. She is "red in tooth and claw with raven", but the struggle for existence is not the wasteful work it seems. Forms are destroyed, but only to be built up into new forms. The life comes and goes, but step by step it comes nearer to the form which it seeks. No life is lost; the waste is but a seeming, and the ruthless struggle is the way to determine the best forms in an ever-changing environment.

When the fittest forms, for a given environment have been evolved, then that particular part of the group-soul pours its life through them with a fullness and richness which mark an epoch by its domination; and as the environment again changes, once more the quest is resumed for the next fitter forms. So all parts of the group-souls of the vegetable and animal kingdoms are at war, in a struggle for a survival of the fittest. Yet in that struggle not a single unit of life is annihilated; the

xây dựng hình tướng mới. Mặc dù hết hình tướng này đến hình tướng khác đến rồi đi, nhưng những cuộc sống kế tiếp của chúng chỉ là những lối vào và lối ra của cùng một sự sống trong vở kịch tiến hóa. Không một phần nhỏ kinh nghiệm nào bị mất đi, cũng như không một hạt vật chất nào bị phá hủy.

Hơn nữa, sự sống này tiến hóa, như đã đề cập. Phương pháp tiến hóa của nó là thông qua sự tăng trưởng trong các hình tướng. Mục tiêu của một phần nhất định của sự sống của hồn nhóm là biểu hiện thông qua những hình tướng sẽ thống trị, thông qua khả năng thích ứng cao nhất với môi trường, tất cả các hình tướng khác, đồng thời chúng sẽ có khả năng đáp ứng tinh tế nhất với những thúc đẩy bên trong của chính sự sống. Mỗi phần của một hồn nhóm, mỗi loại sự sống, mỗi nhóm và lớp và trật tự, đều có mục tiêu này; và do đó dẫn đến cuộc chiến khốc liệt trong tự nhiên. Bà "đỏ răng và vuốt vì tham lam", nhưng cuộc đấu tranh để sinh tồn không phải là công việc lãng phí như có vẻ. Các hình tướng bị phá hủy, nhưng chỉ để được xây dựng thành các hình tướng mới. Sự sống đến rồi đi, nhưng từng bước một nó đến gần hơn với hình tướng mà nó tìm kiếm. Không có sự sống nào bị mất đi; sự lãng phí chỉ là một sự giả tạo, và cuộc đấu tranh tàn nhẫn là cách để xác định những hình tướng tốt nhất trong một môi trường luôn thay đổi.

Khi những hình tướng phù hợp nhất, cho một môi trường nhất định đã tiến hóa, thì phần cụ thể đó của hồn nhóm đổ sự sống của nó thông qua chúng với sự viên mãn và phong phú đánh dấu một kỷ nguyên bằng sự thống trị của nó; và khi môi trường lại thay đổi, một lần nữa cuộc tìm kiếm lại được tiếp tục cho những hình tướng phù hợp hơn tiếp theo. Vì vậy, tất cả các phần của các hồn nhóm của giới thực vật và động vật đang trong cuộc chiến, trong một cuộc đấu tranh để sinh tồn của những kẻ

victory achieved by one type is not for itself, but for the totality of life which has been seeking that very form as the best through which to unfold its dormant energies.

Life as it evolves has its stages. First, it builds forms in ultra-physical matter, and then we name it "elemental" life. Then, with the experiences of its past building, it "ensouls" chemical elements in combination, and becomes the mineral group-soul. Next, it builds protoplasm, ensouls vegetable forms, and afterwards, at a later period, animal forms. Then we have the next stage as man. Life now builds individuals able to think and love, capable of self-sacrifice and idealism, for

...striving to be Man, the worm

Mounts through all the spires of form.

And man is not the last link in the chain.

In all this cosmic process from atom to man, there is one element which must be taken into account, if we are to understand the process correctly. Though matter evolves from homogeneous to heterogeneous, from indefinite to definite, from simple to complex, life does not so evolve. The evolution of matter is a rearrangement; the evolution of life is an unlocking and an unfoldment. In the first cell of living matter, there exists, in some incomprehensible fashion, Shakespeare and Beethoven. Nature may need millions of years to rearrange the substance, "selecting" age after age, till the proper aggregation is found, and Shakespeare and Beethoven can come from her bosom to be the protagonists in one

phù hợp nhất. Tuy nhiên, trong cuộc đấu tranh đó, không một đơn vị sự sống nào bị tiêu diệt; chiến thắng đạt được bởi một loại không phải cho chính nó, mà cho toàn bộ sự sống đã tìm kiếm chính hình tướng đó như là tốt nhất để mở ra những năng lượng tiềm ẩn của nó.

Sự sống khi nó tiến hóa có các giai đoạn của nó. Đầu tiên, nó xây dựng các hình tướng trong vật chất siêu vật lý, và sau đó chúng ta gọi nó là sự sống "hành khí". Sau đó, với những kinh nghiệm xây dựng trong quá khứ của nó, nó "phú linh" các nguyên tố hóa học trong sự kết hợp, và trở thành hồn nhóm khoáng vật. Tiếp theo, nó xây dựng chất nguyên sinh, phú linh các hình tướng thực vật, và sau đó, vào một thời kỳ sau đó, các hình tướng động vật. Sau đó, chúng ta có giai đoạn tiếp theo là con người. Sự sống giờ đây xây dựng những cá nhân có khả năng suy nghĩ và yêu thương, có khả năng hy sinh bản thân và lý tưởng, vì

...phấn đấu để trở thành Người, con sâu

Leo qua tất cả các đỉnh cao của hình tướng.

Và con người không phải là mắt xích cuối cùng trong chuỗi.

Trong tất cả quá trình vũ trụ này từ nguyên tử đến con người, có một yếu tố phải được tính đến, nếu chúng ta muốn hiểu quá trình này một cách chính xác. Mặc dù vật chất tiến hóa từ đồng nhất sang không đồng nhất, từ không xác định sang xác định, từ đơn giản sang phức tạp, nhưng sự sống không tiến hóa như vậy. Sự tiến hóa của vật chất là một sự sắp xếp lại; sự tiến hóa của sự sống là một sự mở khóa và một sự mở ra. Trong tế bào đầu tiên của vật chất sống, tồn tại, theo một cách khó hiểu nào đó, Shakespeare và Beethoven. Thiên nhiên có thể cần hàng triệu năm để sắp xếp lại chất, "lựa chọn" hết thời đại này đến thời đại khác, cho đến khi tìm thấy sự tập hợp thích hợp, và Shakespeare và Beethoven có thể đến từ lòng

scene of her drama. Yet all the while, throughout the millions of years, the life held them both mysteriously within itself. The evolution of life is not a receiving but a giving. For at the root of the life itself, as its very heart and soul, is something greater still, a Consciousness from His fullness of Power, Love and Beauty, He gave to the first speck of life all that He is., As all the rays from the glorious panorama or a mountain range may be converged by a lens into one invisible geometrical point, so each of life is as a focal point of that illimitable Existence. Within each cell He resides in His fullness; under His guidance, at the proper time Shakespeare and Beethoven step forth, and we call the action Evolution.

If the study of the evolution of forms, according to modern science, has enlarged and corrected our previous conceptions of the universe, the study of the evolution of life is more striking still in its consequences. For new elements of complexity appear in the life-side of evolution, and their consideration means a new evaluation of evolutionary processes. The first factor in the complexity is that, within the forms as studied by the scientist, there are several parallel streams of evolving life, each largely independent of the others in its development.

Two of these streams are those of Humanity and of a parallel stream called the evolution of Devas or Angels (Fig.8).

Bà để trở thành những nhân vật chính trong một cảnh trong vở kịch của Bà. Tuy nhiên, trong suốt hàng triệu năm, sự sống đã giữ cả hai một cách bí ẩn bên trong chính nó. Sự tiến hóa của sự sống không phải là một sự tiếp nhận mà là một sự cho đi. Vì ở gốc rễ của chính sự sống, như trái tim và linh hồn của nó, là một thứ gì đó vĩ đại hơn nữa, một Tâm thức từ sự viên mãn về Quyền Năng, Tình Thương và Vẻ Đẹp của Ngài, Ngài đã ban cho đốm sự sống đầu tiên tất cả những gì Ngài là. Như tất cả các tia sáng từ toàn cảnh vinh quang hoặc một dãy núi có thể được hội tụ bởi một thấu kính thành một điểm hình học vô hình, thì mỗi sự sống là một tiêu điểm của Sự Tồn Tại vô hạn đó. Bên trong mỗi tế bào, Ngài cư ngụ trong sự viên mãn của Ngài; dưới sự hướng dẫn của Ngài, vào thời điểm thích hợp, Shakespeare và Beethoven bước ra, và chúng ta gọi hành động đó là Sự Tiến Hóa.

Nếu việc nghiên cứu sự tiến hóa của các hình tượng, theo khoa học hiện đại, đã mở rộng và điều chỉnh những quan niệm trước đây của chúng ta về vũ trụ, thì việc nghiên cứu sự tiến hóa của sự sống còn nổi bật hơn nữa về những hậu quả của nó. Vì những yếu tố phức tạp mới xuất hiện ở phía sự sống của sự tiến hóa, và việc xem xét chúng có nghĩa là một sự đánh giá mới về các quá trình tiến hóa. Yếu tố đầu tiên trong sự phức tạp là, bên trong các hình tượng được nghiên cứu bởi nhà khoa học, có một số dòng sự sống tiến hóa song song, mỗi dòng phần lớn độc lập với những dòng khác trong sự phát triển của nó.

Hai trong số các dòng này là của Nhân loại và một dòng song song được gọi là sự tiến hóa của các thiên thần hay Deva (Hình 8).

CÁC LOẠI TIẾN HÓA						
1. NHÂN LOẠI	2. TIẾN HÓA THIÊN THẦN	3	4	5	6	7
Người Hoàn Thiện	“Thiên Thần” hay Thiên Thần (Deva)					
Người	Tinh linh tự nhiên (cảm dục)					
Động vật	Tinh linh tự nhiên (dĩ thái)					
Thực vật	Động vật					
Kim thạch	Thực vật		Nguyên tố hóa học			
Tinh chất hành khí	Kim thạch	Sự sống tế bào	Nguyên tử			

Hình 8

As already mentioned, human life has as its earlier stages animal, vegetable, mineral, and elemental life.

From that same mineral life, however, the life diverges into another channel, through the stages of vegetable forms, animal forms, then to forms of “nature-spirits” or the fairies of tradition, into Angels or Devas. Another parallel stream, about which little is known, is the life of cells, with its earlier phases and those to come. A stream of life through electrons, ions and chemical elements is also probably distinct. Yet other evolutions exist on our planet, but for lack of sufficient information they may for the moment be left out of consideration.

The ladder of life which evolves through the forms in our midst is seen in Fig. 9.

Như đã đề cập, sự sống của con người có các giai đoạn trước đó là sự sống động vật, thực vật, khoáng vật và hành khí.

Tuy nhiên, từ chính sự sống khoáng vật đó, sự sống phân nhánh sang một kênh khác, thông qua các giai đoạn của các hình tướng thực vật, các hình tướng động vật, sau đó đến các hình tướng của “tinh linh tự nhiên” hoặc những nàng tiên trong truyền thống, thành các thiên thần hay Deva. Một dòng song song khác, mà ít được biết đến, là sự sống của các tế bào, với các giai đoạn trước đó và những giai đoạn sắp tới. Một dòng sự sống thông qua các electron, ion và các nguyên tố hóa học cũng có thể khác biệt. Tuy nhiên, những sự tiến hóa khác tồn tại trên hành tinh của chúng ta, nhưng vì thiếu thông tin đầy đủ, chúng có thể tạm thời bị bỏ qua.

Nấc thang sự sống tiến hóa thông qua các hình tướng ở giữa chúng ta được thấy trong Hình 9.

type of lofty entities called Dhyan Chohans. Of the six, only two utilize physical matter in its finer physical or "etheric" states (first and third columns in the diagram), and then build forms in astral matter as "sylphs". One stream builds organisms living in water, while three use forms living on land. Only one of the six streams of life leads into humanity; the other five pass into the parallel evolution of the Devas or Angels.

It must be carefully noted that the evolution of life has its antecedent phases, its heredity, as it were, which is sometimes quite distinct from the heredity of the forms. The fact that mammals and birds have been developed from reptilian forms only indicates a common ancestry of bodily form. While seaweeds, fungi, grasses and mosses have a common physical heredity from unicellular aquatic organisms, the life nevertheless has ascended through four separate streams. Similarly, while birds and mammals have a common physical ancestry, the life of birds has, for its future, stages as etheric creatures, the fairies on the surface of the earth, then as fairies in higher etheric matter and so to astral fairies and Devas; but the life of mammals passes into the human kingdom.

Before passing from these etheric forms in earth-depths and in the depths of the sea, it must be pointed out that an etheric form, though composed of "matter", can pass through and exist in solid rock, or in the sea, as the air can pass through a wood-pile or remain among the interstices between the pieces: of wood. Even our densest substances are porous to the etheric types of matter; and organisms built up of these latter types find no difficulty in existing inside the earth or sea,

hoặc Các Thiên Thần Cao Cả, và lên đến đỉnh điểm trong một loại thực thể cao cả được gọi là Dhyan Chohan. Trong số sáu dòng, chỉ có hai dòng sử dụng vật chất vật lý ở các trạng thái vật lý hoặc "dĩ thái" tinh vi hơn của nó (cột thứ nhất và thứ ba trong sơ đồ), và sau đó xây dựng các hình tượng trong vật chất cảm dục như "sylph". Một dòng xây dựng các sinh vật sống trong nước, trong khi ba dòng sử dụng các hình tượng sống trên đất liền. Chỉ một trong sáu dòng sự sống dẫn vào nhân loại; năm dòng còn lại đi vào sự tiến hóa song song của các Deva hay Thiên Thần.

Cần lưu ý cẩn thận rằng sự tiến hóa của sự sống có các giai đoạn trước đó, có tính di truyền của nó, có thể nói như vậy, đôi khi khác biệt so với tính di truyền của các hình tượng. Việc động vật có vú và chim đã phát triển từ các hình tượng bò sát chỉ ra một tổ tiên chung của hình tượng cơ thể. Trong khi rong biển, nấm, cỏ và rêu có chung tính di truyền vật lý từ các sinh vật thủy sinh đơn bào, thì sự sống vẫn thăng lên qua bốn dòng riêng biệt. Tương tự, trong khi chim và động vật có vú có chung tổ tiên vật lý, thì sự sống của chim, cho tương lai của nó, các giai đoạn như những sinh vật dĩ thái, những nàng tiên trên bề mặt trái đất, sau đó là những nàng tiên trong vật chất dĩ thái cao hơn và do đó đến những nàng tiên cảm dục và Deva; nhưng sự sống của động vật có vú đi vào giới nhân loại.

Trước khi chuyển từ những hình tượng dĩ thái này ở độ sâu của trái đất và ở độ sâu của biển, cần phải chỉ ra rằng một hình tượng dĩ thái, mặc dù được cấu tạo từ "vật chất", có thể đi qua và tồn tại trong đá rắn, hoặc trong biển, như không khí có thể đi qua một đồng gỗ hoặc vẫn còn giữa các kẽ hở giữa các mảnh: gỗ. Ngay cả những chất đậm đặc nhất của chúng ta cũng xốp đối với các loại vật chất dĩ thái; và các sinh vật được xây dựng từ các loại vật chất sau này không gặp khó khăn gì khi tồn tại bên trong

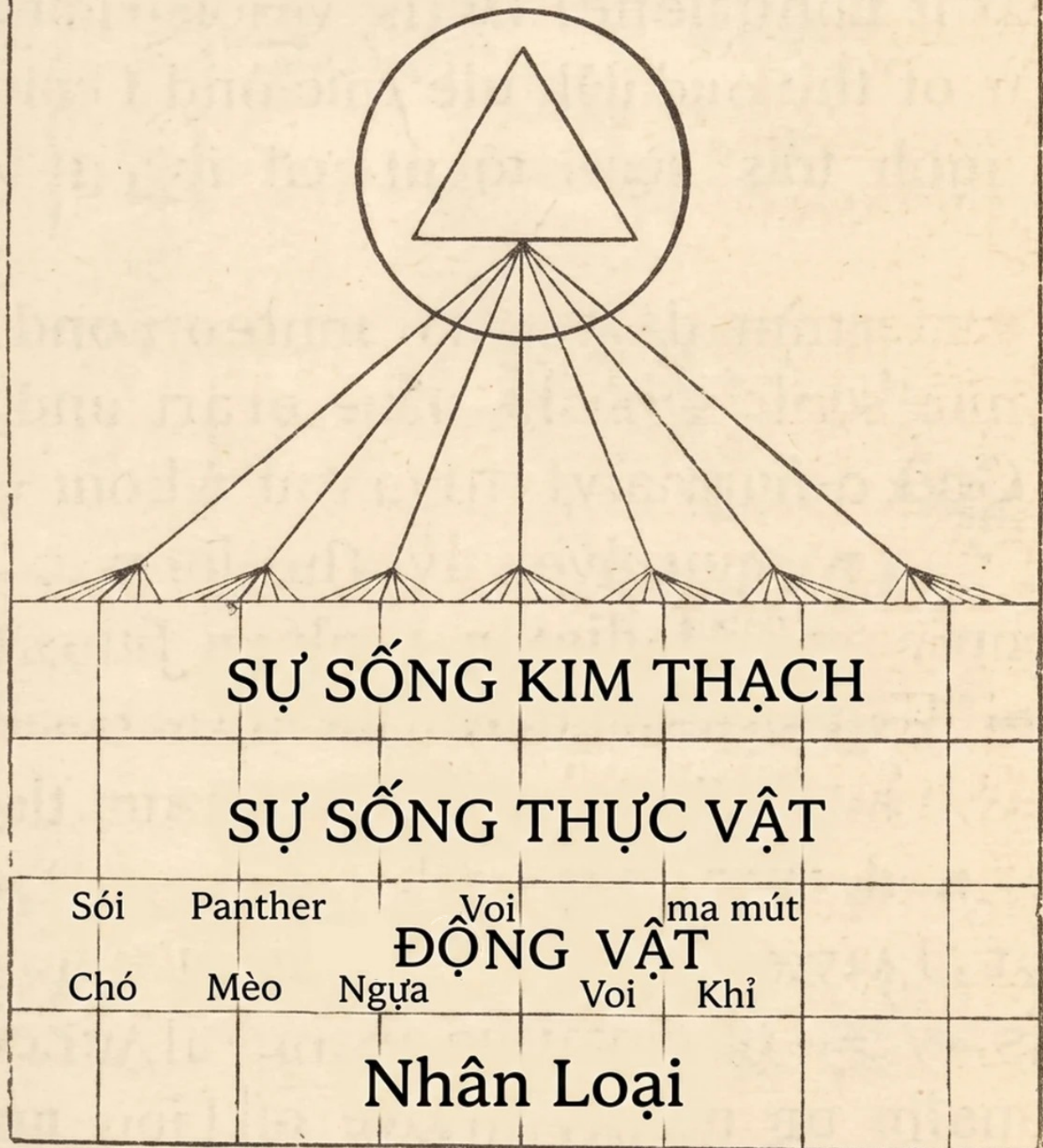
since they are not affected by the heat or the pressure which would make life for ordinary physical creatures impossible.

The same general differentiation of life is observable if we consider humanity alone (Fig. 10).

trái đất hoặc biển, vì chúng không bị ảnh hưởng bởi nhiệt hoặc áp suất vốn sẽ khiến sự sống trở nên bất khả thi đối với những sinh vật thể xác thông thường.

Sự phân hóa chung tương tự của sự sống có thể quan sát được nếu chúng ta chỉ xem xét nhân loại (Hình 10).

CÁC LOẠI SỰ SỐNG



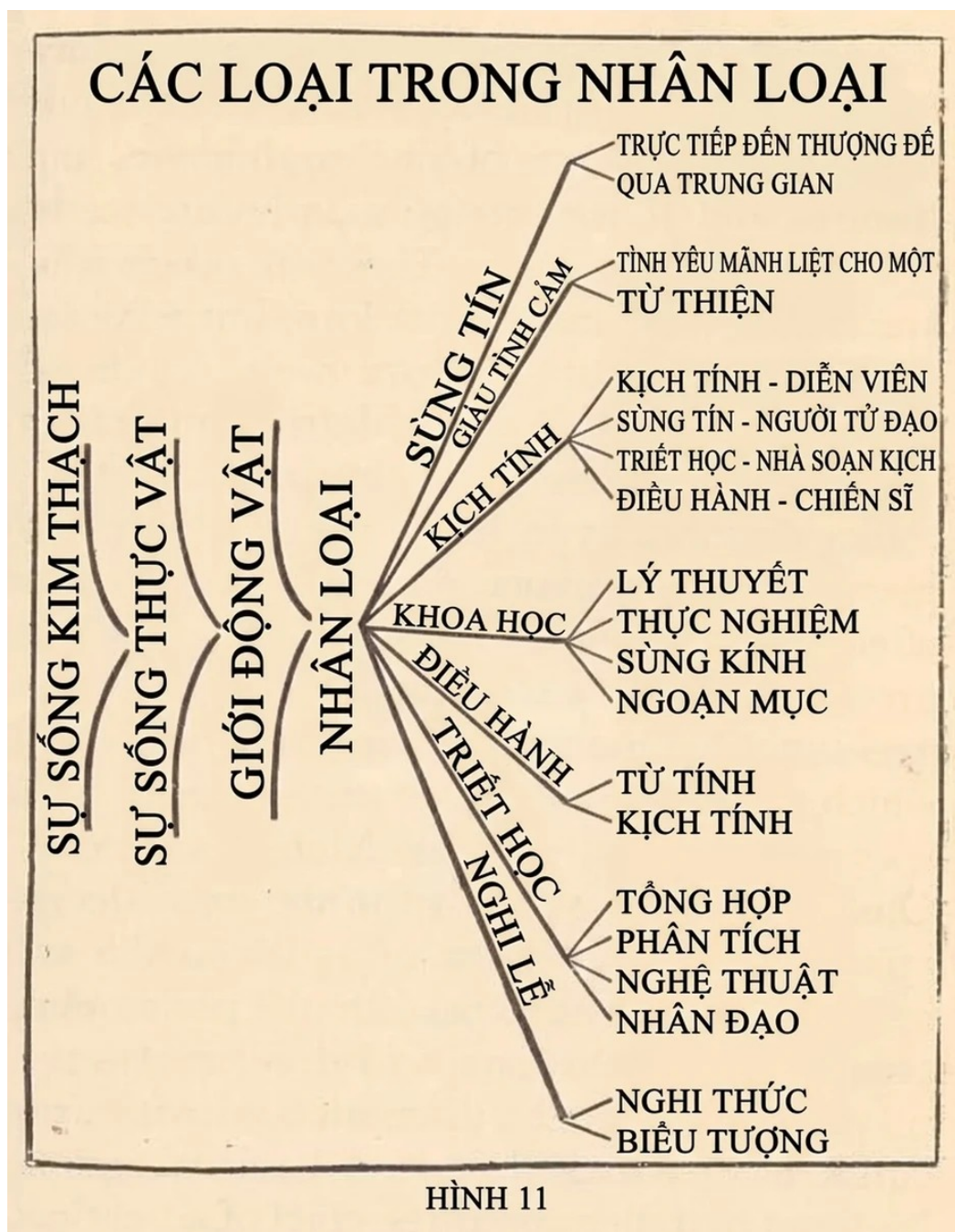
Hình 10

The stream of life, which later is to become humanity, has rudimentary marks of specialization, even in its early phases of elemental, mineral and vegetable life; we begin to note these more clearly when the animal kingdom is reached. There are seven fundamental types of this life which is going to be human; there are modifications in each type as it is influenced somewhat by the others. The types persist throughout all the kingdoms preceding the human. The life of dogs is always distinct from that of cats; that of tile elephants from both. The dog life evolved in forms of wolves and jackals and other canidae, previous to its highest embodiment in the domesticated dog. Similarly other types of animal life, like cats, horses, elephants, monkeys, had their earlier "incarnations" through more savage and prehistoric forms of the same species. (This subject will be dealt with more fully in Chapter VII—"The Evolution of Animals").

When we come to study these types as they appear in humanity, a most fascinating view of mankind opens before us. It requires but little imagination to see that the canine life, on its entrance into humanity, will appear as the devotional type of soul the classification in Fig. 11 is in no way final; it is given more by way of suggestion than as an absolutely correct clue to, the mystery of temperaments.

Dòng chảy của sự sống, sau này sẽ trở thành nhân loại, có những dấu hiệu sơ khai của sự chuyên môn hóa, ngay cả trong các giai đoạn ban đầu của sự sống hành khí, giới kim thạch và giới thực vật; chúng ta bắt đầu nhận thấy những điều này rõ ràng hơn khi giới động vật đạt đến. Có bảy loại cơ bản của sự sống này sẽ trở thành con người; có những sửa đổi trong mỗi loại khi nó bị ảnh hưởng phần nào bởi những loại khác. Các loại tồn tại trong tất cả các giới trước giới nhân loại. Sự sống của chó luôn khác biệt với sự sống của mèo; sự sống của voi khác với cả hai. Sự sống của chó đã tiến hóa trong các hình tướng chó sói và chó rừng và các loài chó khác, trước khi hiện thân cao nhất của nó trong con chó nhà. Tương tự, các loại sự sống động vật khác, như mèo, ngựa, voi, khỉ, đã có những "hóa thân" trước đó thông qua các hình tướng man rợ và tiền sử hơn của cùng một loài. (Chủ đề này sẽ được đề cập đầy đủ hơn trong Chương VII—"Sự Tiến Hóa của Động Vật").

Khi chúng ta nghiên cứu những loại này khi chúng xuất hiện trong nhân loại, một cái nhìn hấp dẫn nhất về nhân loại mở ra trước mắt chúng ta. Chỉ cần một chút tưởng tượng để thấy rằng sự sống của loài chó, khi bước vào nhân loại, sẽ xuất hiện như loại linh hồn sùng đạo, sự phân loại trong Hình 11 không phải là cuối cùng; nó được đưa ra theo cách gợi ý hơn là một manh mối hoàn toàn chính xác cho bí ẩn của tính khí.



Seven types are clearly marked; one is not better or higher than another. They are all needed in the great evolutionary drama, and each is great as it contributes to the whole that development of the one Divine Life and Consciousness which has been arranged for it by the Logos.

If we examine devotional souls around us we

Bảy loại được đánh dấu rõ ràng; loại này không tốt hơn hay cao hơn loại khác. Tất cả chúng đều cần thiết trong vở kịch tiến hóa vĩ đại, và mỗi loại đều vĩ đại khi nó đóng góp vào toàn bộ sự phát triển của Sự Sống và Tâm thức Thiêng Liêng duy nhất vốn đã được Hành Tinh Thượng đế sắp xếp cho nó.

Nếu chúng ta kiểm tra những linh hồn sùng

shall note some who in their heart and mind go to God direct, and others to whom God is vague unless conceived in the form of some Incarnation or Mediator, such as Jesus Christ or Shri Krishna. There are also devotional souls who are influenced by the dramatic wave of life; and then they will covet martyrdom, not out of conceit or from desire of posing, but because a life of devotion is unreal unless it is continually dramatic. Love of God and the mind of a Tolstoy will mean identifying himself in outward ways with the poor and the down-trodden, and playing a role in a dramatic situation; the Christ-life must be dramatic for these souls, to be full of meaning.

The affectionate type, too, has its many variants. There are those for whom all life is centred in the love of one soul alone, the Romeos and Juliets among us, who are ready to renounce all for one. There are others who are capable of a less intense love, but who delight in sending it out to a wider circle of parent, child and friend, and are attracted by philanthropic schemes of activity.

The dramatic type, one variant of which has been mentioned above, is interesting, as it is often misunderstood. To them life is not real unless an event is a scene in a drama. Happiness is not happiness, unless it is in a drama in which the soul is playing a "strong part"; grief is grief only if it is "like Niobe, all tears". One variant will be drawn to the stage, developing a dual conception of action as the self and the not-self; influenced by the philosophic type of life, another soul will develop into the playwright; while the dramatic soul with executive tendencies will

đạo xung quanh mình, chúng ta sẽ nhận thấy một số người trong trái tim và thể trí của họ đến với Thượng đế trực tiếp, và những người khác mà Thượng đế là mơ hồ trừ khi được hình dung dưới hình thức một Hóa Thân hoặc Đấng Trung Gian nào đó, chẳng hạn như Đức Jesus Christ hoặc Shri Krishna. Cũng có những linh hồn sùng đạo bị ảnh hưởng bởi làn sóng kịch tính của sự sống; và sau đó họ sẽ thêm muốn sự tử đạo, không phải vì tự phụ hay từ mong muốn tạo dáng, mà bởi vì một cuộc sống sùng đạo là không có thật trừ khi nó liên tục kịch tính. Tình yêu Thượng đế và thể trí của một Tolstoy sẽ có nghĩa là tự đồng nhất mình theo những cách bên ngoài với những người nghèo và những người bị áp bức, và đóng một vai trò trong một tình huống kịch tính; cuộc sống của Đức Christ phải kịch tính đối với những linh hồn này, để tràn đầy ý nghĩa.

Loại tình cảm, cũng có nhiều biến thể của nó. Có những người mà tất cả sự sống đều tập trung vào tình yêu của một linh hồn duy nhất, những Romeos và Juliets trong chúng ta, những người sẵn sàng từ bỏ tất cả vì một người. Có những người khác có khả năng yêu ít mãnh liệt hơn, nhưng lại thích gửi nó đến một vòng tròn rộng lớn hơn của cha mẹ, con cái và bạn bè, và bị thu hút bởi các kế hoạch hoạt động từ thiện.

Loại kịch tính, một biến thể trong số đó đã được đề cập ở trên, rất thú vị, vì nó thường bị hiểu lầm. Đối với họ, cuộc sống không có thật trừ khi một sự kiện là một cảnh trong một bộ phim. Hạnh phúc không phải là hạnh phúc, trừ khi nó ở trong một bộ phim mà linh hồn đang đóng một "vai mạnh mẽ"; đau buồn chỉ là đau buồn nếu nó "giống như Niobe, toàn nước mắt". Một biến thể sẽ được thu hút lên sân khấu, phát triển một quan niệm kép về hành động như bản thân và không phải bản thân; bị ảnh hưởng bởi loại hình sự sống triết học, một linh hồn khác sẽ phát triển thành nhà viết

find life fascinating as a leader of battalions or as the chief of a political party.

Among the scientific type, the theoretical and experimental variants are easily recognizable. A third, the reverential, is less common just now, but he is the soul full of zeal in scientific investigations, yet continually feeling the universe as the living garment of God. 'The scientist who is spectacular in his methods has the dramatic type influencing him; his behaviour is not necessarily the result of vanity or of a desire to be "in the limelight", but only because he is living his God-given temperament.

Of the executive type, there is the dramatic variant, seen in many a political leader, and another, the magnetic type, who is able to inspire subordinates with deep loyalty, but is not at all spectacular—if anything, prefers to keep in the background, so long as the work is done.

Little need be said of the philosophic type, the differences of method adopted by the various philosophers, in developing their conceptions of life, are due to what they are, within themselves, as expressions of the One Life. Spencer and Haeckel, Ruskin and Carlyle, Aristotle, Plato, Shankaracharya, Ramanujacharya, Kant, Hegel, Spinoza, and others, well represent a few of the many variations of this "Ray".

To another type, which is much misunderstood, belong those to whom symbolism strongly appeals. To these, life is not real unless it is an allegory. An example of this type would be St. John, the author of *Revelation*, who delights in symbols and

kịch; trong khi linh hồn kịch tính với khuynh hướng điều hành sẽ thấy cuộc sống hấp dẫn với tư cách là người lãnh đạo các tiểu đoàn hoặc là người đứng đầu một đảng chính trị.

Trong số các loại khoa học, các biến thể lý thuyết và thực nghiệm rất dễ nhận biết. Thứ ba, sự tôn kính, ít phổ biến hơn ngay bây giờ, nhưng y là linh hồn tràn đầy nhiệt huyết trong các cuộc điều tra khoa học, nhưng liên tục cảm nhận vũ trụ như chiếc áo sống động của Thượng đế. 'Nhà khoa học có phương pháp ngoạn mục có loại kịch tính ảnh hưởng đến y; hành vi của y không nhất thiết là kết quả của sự phù phiếm hoặc mong muốn được "ở trong ánh đèn sân khấu", mà chỉ vì y đang sống với tính khí do Thượng đế ban cho.

Trong số các loại điều hành, có biến thể kịch tính, được thấy ở nhiều nhà lãnh đạo chính trị, và một loại khác, loại từ tính, người có thể truyền cảm hứng cho cấp dưới bằng lòng trung thành sâu sắc, nhưng hoàn toàn không ngoạn mục—if có gì, thích giữ ở chế độ nền, miễn là công việc được thực hiện.

Không cần phải nói nhiều về loại hình triết học, sự khác biệt về phương pháp được các nhà triết học khác nhau áp dụng, trong việc phát triển các quan niệm của họ về sự sống, là do những gì họ là, bên trong chính họ, như là những biểu hiện của Sự Sống Duy Nhất. Spencer và Haeckel, Ruskin và Carlyle, Aristotle, Plato, Shankaracharya, Ramanujacharya, Kant, Hegel, Spinoza và những người khác, đại diện tốt cho một vài trong số nhiều biến thể của "Cung" này.

Đối với một loại khác, vốn bị hiểu lầm nhiều, thuộc về những người mà biểu tượng có sức hấp dẫn mạnh mẽ. Đối với những người này, cuộc sống không có thật trừ khi nó là một câu chuyện ngụ ngôn. Một ví dụ về loại này sẽ là Thánh John, tác giả của Khải Huyền, người

allegories. A modification of this type is seen in those who find religion real only when ritual accompanies it. Vestments and processions, incense and genuflections, are a part of the worship of a being of this type.

In manifold ways the Logos trains His children to help Him in the common work, and all are equal before Him. For each, He has hewn a path; it is for each to tread his own path, encouraging the while the others on theirs.

The subject is full of fascination, but enough has been said to show something of the Evolution of Life, and to suggest a line of thought and observation that will be productive of much wisdom.

This rapid survey of creation from Orion to man shows, then, an evolutionary process ever at work, the One becoming the Many. It is not a process where, in the Many, each strives for himself, but where each slowly realizes that his higher expression is dependent upon serving the others, for all are One. Not a series of like parts, simply placed in juxtaposition, but one whole, made up of unlike parts mutually dependent, is the key-note of the Evolution of Form; not one temperament, not one creed or mode of worship, but a diversity of temperaments and creeds and ways of service, all uniting to cooperate with the Logos to bring to realization what He has planned for us, is ever the key-note of the Evolution of Life.

thích thú với các biểu tượng và câu chuyện ngụ ngôn. Một sửa đổi của loại này được thấy ở những người chỉ thấy tôn giáo là có thật khi nghi lễ đi kèm với nó. Áo choàng và đám rước, hương và quỳ gối, là một phần của sự thờ phượng một sinh vật thuộc loại này.

Bằng nhiều cách, Hành Tinh Thượng để huấn luyện con cái của Ngài để giúp Ngài trong công việc chung, và tất cả đều bình đẳng trước Ngài. Đối với mỗi người, Ngài đã để một con đường; mỗi người phải bước trên con đường của riêng mình, đồng thời khuyến khích những người khác trên con đường của họ.

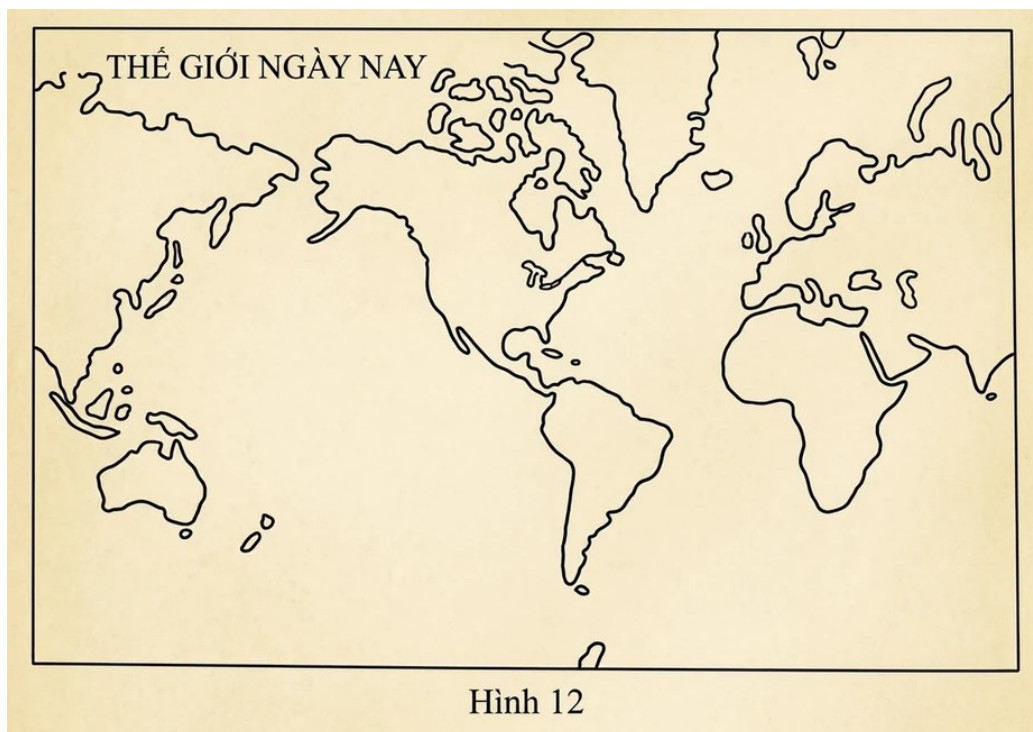
Chủ đề này tràn đầy sự hấp dẫn, nhưng đã nói đủ để cho thấy điều gì đó về Sự Tiến Hóa của Sự Sống, và để gợi ý một dòng suy nghĩ và quan sát sẽ tạo ra nhiều minh triết.

Cuộc khảo sát nhanh chóng về sự sáng tạo từ Orion đến con người cho thấy, một quá trình tiến hóa luôn hoạt động, Đấng Duy Nhất trở thành Số Nhiều. Đó không phải là một quá trình mà ở Số Nhiều, mỗi người đều cố gắng cho bản thân mình, mà là nơi mỗi người từ từ nhận ra rằng sự biểu hiện cao hơn của mình phụ thuộc vào việc phụng sự những người khác, vì tất cả là Một. Không phải là một loạt các bộ phận giống nhau, chỉ đơn giản là được đặt cạnh nhau, mà là một tổng thể, được tạo thành từ các bộ phận không giống nhau phụ thuộc lẫn nhau, là chìa khóa của Sự Tiến Hóa của Hình Tượng; không phải một tính khí, không phải một tín ngưỡng hay phương thức thờ phượng, mà là sự đa dạng của tính khí và tín ngưỡng và cách thức phụng sự, tất cả hợp nhất để hợp tác với Hành Tinh Thượng để để hiện thực hóa những gì Ngài đã lên kế hoạch cho chúng ta, luôn là chìa khóa của Sự Tiến Hóa của Sự Sống.

CHƯƠNG II

THE RISE AND FALL OF CIVILIZATIONS—SỰ HƯNG THỊNH VÀ SUY TÀN CỦA CÁC NỀN VĂN MINH

In Fig. 12 we have a picture of the world today. Trong Hình 12, chúng ta có một bức tranh về thế giới ngày nay.



In its many lands—north and south, east and west—live many peoples of diverse races and creeds, and a study of their race-characteristics and customs is one of great fascination. The study of peoples, aiming to understand their racial characteristics, is called Ethnology. We shall be better able to understand what Theosophy teaches as to the rise and fall of civilizations, if we first study what modern scientific research tells us of the living races of mankind.

Ở nhiều vùng đất của nó—bắc và nam, đông và tây—sinh sống nhiều dân tộc thuộc các chủng tộc và tín ngưỡng khác nhau, và việc nghiên cứu các đặc điểm và phong tục chủng tộc của họ là một trong những điều rất hấp dẫn. Việc nghiên cứu các dân tộc, nhằm mục đích hiểu các đặc điểm chủng tộc của họ, được gọi là Dân tộc học. Chúng ta sẽ có thể hiểu rõ hơn những gì Thông Thiên Học dạy về sự hưng thịnh và suy tàn của các nền văn minh, nếu trước tiên chúng ta nghiên cứu những gì nghiên cứu khoa học hiện đại cho chúng ta biết về các chủng tộc đang sống của nhân loại.

The peoples of the world today can be

Các dân tộc trên thế giới ngày nay có thể được

classified in many ways; among them are two recognized as trustworthy guides. It is found that the shape of the head and the texture of the hair are two fairly safe methods of classification, as they are characteristics which pass on from generation to generation with but little modification. Peoples are first divided into three groups according to their "cephalic index", as either dolichocephalous or long-headed, or brachycephalous or short-headed, or mesaticephalous or medium-headed. The "cephalic index" is that figure obtained when the maximum breadth of the head is stated as a percentage of its maximum length. Taking one hundred as the length of the head, then when its width is below seventy-five, a man is called dolichocephalous or long-headed; between seventy-five and eighty he is mesaticephalous or medium-headed; and above eighty he is said to be brachycephalous or short-headed.

The second method of classification, according to the texture of the hair, is due to the fact that hair may be woolly and kinky, or curly and wavy, or straight and smooth. In woolly hair, each hair is flattened like a ribbon, and a transverse section under the microscope is seen to be a flat ellipse. Smooth and straight hair is round like a wire, and a microscopical section shows it to be circular. Wavy and curly hair is midway between the two peculiarities of oval and circular, and its section is an oval ellipse. It is these structural characteristics which make hair woolly, or straight, or wavy.

These two broad methods of classifications, according to the cephalic index and according to the hair, are summed up in Fig. 13.

phân loại theo nhiều cách; trong số đó có hai cách được công nhận là hướng dẫn đáng tin cậy. Người ta thấy rằng hình dạng của đầu và kết cấu của tóc là hai phương pháp phân loại khá an toàn, vì chúng là những đặc điểm được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác với rất ít thay đổi. Các dân tộc trước tiên được chia thành ba nhóm theo "chỉ số đầu" của họ, là dolichocephalous hoặc đầu dài, hoặc brachycephalous hoặc đầu ngắn, hoặc mesaticephalous hoặc đầu trung bình. "Chỉ số đầu" là con số thu được khi chiều rộng tối đa của đầu được biểu thị bằng tỷ lệ phần trăm chiều dài tối đa của nó. Lấy một trăm làm chiều dài của đầu, thì khi chiều rộng của nó dưới bảy mươi lăm, một người được gọi là dolichocephalous hoặc đầu dài; giữa bảy mươi lăm và tám mươi, y là mesaticephalous hoặc đầu trung bình; và trên tám mươi, y được cho là brachycephalous hoặc đầu ngắn.

Phương pháp phân loại thứ hai, theo kết cấu của tóc, là do thực tế là tóc có thể xoắn và xoắn tít, hoặc xoắn và gọn sóng, hoặc thẳng và mượt. Trong tóc xoắn, mỗi sợi tóc dẹt như một dải ruy băng, và một mặt cắt ngang dưới kính hiển vi được nhìn thấy là một hình elip phẳng. Tóc thẳng và mượt tròn như dây, và một mặt cắt hiển vi cho thấy nó có hình tròn. Tóc gọn sóng và xoắn nằm giữa hai đặc điểm khác thường của hình bầu dục và hình tròn, và phần của nó là một hình elip hình bầu dục. Chính những đặc điểm cấu trúc này làm cho tóc xoắn, hoặc thẳng, hoặc gọn sóng.

Hai phương pháp phân loại rộng rãi này, theo chỉ số đầu và theo tóc, được tóm tắt trong Hình 13.

PHÂN LOẠI CHỦNG TỘC HỌC	
<u>BROCA</u>	1 Tóc thẳng (a) Đầu dài: <i>Eskimo</i> (b) Đầu ngắn: <i>Red-Indian, Peruvian, Mongol, Malay, v.v.</i> 2 Tóc lượn sóng hoặc xoắn (a) Đầu dài: <i>Anglo-Saxons-Scandinavians, Basque, Berber, Semite, Indo-Aryan, Nubian</i> (b) Đầu ngắn: <i>Finn, Kelt, Slav, Iranian</i> 3 Tóc xoắn tít: <i>Bushman, Kaffir, Negro</i>
<u>FLOWER</u> VÀ <u>LYDEKKER</u>	1 Ethiopian: <i>Negroid, Melanesian, Negro, Bushmen, Australian</i> 2 Mongolian: <i>Mongols, Malays, Polynesian</i> 3 Caucasian: (a) Tóc nhạt màu: <i>Slav, Teuton, Fair Celts</i> (b) Tóc sẫm màu: <i>Của Nam Âu, Arabs, Hindus, Hindus, Afghans</i>

Hình 13

Broca's classification shows us three main types of people. No race in all its individuals follows one type only; in each may be found long-headed or medium-headed or short-headed individuals; but one of the three types will predominate, and according to that will be the classification of the race. Sometimes, however, even though the hair will be a sure indication of classification, a race may be so mixed that the ethnologist is uncertain whether it should be labelled medium-headed rather than long-headed or short-headed.

The classification of Flower and Lydekker is but little different, though it also takes into consideration the facial angle, the color of the hair and skin, and other physical peculiarities.

It is noteworthy that both these systems of classification give us in the world today three principal types of races: (1) the Ethiopian type, dark-skinned, almost black, with thick lips,

Phân loại của Broca cho chúng ta thấy ba loại người chính. Không có chủng tộc nào trong tất cả các cá nhân của nó chỉ tuân theo một loại; trong mỗi loại có thể tìm thấy những cá nhân đầu dài hoặc đầu trung bình hoặc đầu ngắn; nhưng một trong ba loại sẽ chiếm ưu thế, và theo đó sẽ là sự phân loại của chủng tộc. Tuy nhiên, đôi khi, ngay cả khi tóc là một dấu hiệu chắc chắn của sự phân loại, một chủng tộc có thể bị trộn lẫn đến mức nhà dân tộc học không chắc chắn liệu nó nên được dán nhãn là đầu trung bình hơn là đầu dài hay đầu ngắn.

Phân loại của Flower và Lydekker không khác biệt nhiều, mặc dù nó cũng xem xét góc mặt, màu tóc và da, và các đặc điểm thể chất khác.

Điều đáng chú ý là cả hai hệ thống phân loại này đều cho chúng ta thấy trong thế giới ngày nay ba loại chủng tộc chính: (1) loại Ethiopia, da sẫm màu, gần như đen, với đôi môi dày, đầu

head tending to be dolichocephalic, and with black, woolly hair; (2) the Mongolian, with high cheek bones, yellow or reddish in complexion, hair black, straight and smooth, and, in the men, scanty on the face; (3) the

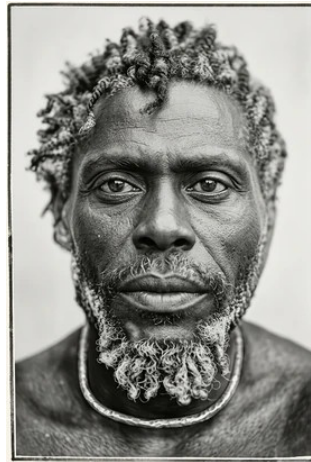
Aryan or Caucasian, either white or brown, with hair curling or with tendency to curl, in color flaxen, brown, black or "carrot"; the beard is usually full.

We have excellent examples of the Ethiopian type in Figs. 14 and 15. The woolly hair, the broad nose and thick lips are prominent in these peoples. Though these two individuals, chosen as examples of their race-type, are not handsome according to our standards of beauty, nevertheless they are not repulsive. Fig. 14 shows strength and dignity of a kind,

có xu hướng dolichocephalic và với mái tóc đen, xoăn; (2) người Mông Cổ, với gò má cao, nước da vàng hoặc đỏ, tóc đen, thẳng và mượt, và ở nam giới, thưa thớt trên khuôn mặt; (3)

Arya hoặc người da trắng, da trắng hoặc nâu, với mái tóc xoăn hoặc có xu hướng xoăn, màu vàng nhạt, nâu, đen hoặc "cà rốt"; bộ râu thường đầy đặn.

Chúng ta có những ví dụ tuyệt vời về loại Ethiopia trong Hình 14 và 15. Mái tóc xoăn, mũi rộng và môi dày nổi bật ở những dân tộc này. Mặc dù hai cá nhân này, được chọn làm ví dụ về loại chủng tộc của họ, không đẹp trai theo tiêu chuẩn sắc đẹp của chúng ta, nhưng họ không hề đáng ghê tởm. Hình 14 cho thấy sức mạnh và phẩm giá của một loại,



Hình 14

while Fig. 15 shows a rugged but artistic modelling that would have delighted the eye of Rodin.

trong khi Hình 15 cho thấy một mô hình gỗ gồ ghề nhưng mang tính nghệ thuật mà sẽ làm hài lòng con mắt của Rodin.



Hình 15

Figs. 16, 17 and 18 give us examples of the second type. We have it in a crude form in Fig. 16, which is that of a Red Indian "squaw" from British Columbia, with her high cheek bones and long, lank hair.

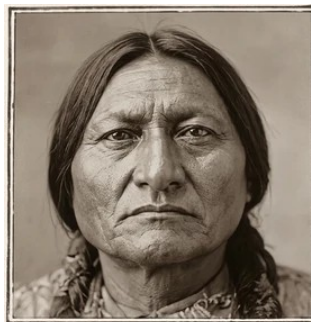
Hình 16, 17 và 18 cho chúng ta những ví dụ về loại thứ hai. Chúng ta có nó ở dạng thô trong Hình 16, đó là hình ảnh của một "squaw" người da đỏ từ British Columbia, với gò má cao và mái tóc dài, thẳng.



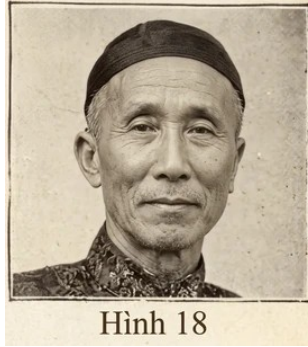
Hình 16

More typical of the second type are Figs. 17 and 18; in the former we have a Red Indian from the north-west of the United States, and in the latter a Chinese mandarin; the high cheek bones and the smooth, hairless face show us at once to which type they belong.

Điển hình hơn cho loại thứ hai là Hình 17 và 18; trong hình trước, chúng ta có một người da đỏ từ phía tây bắc Hoa Kỳ, và trong hình sau là một quan lại người Trung Quốc; gò má cao và khuôn mặt nhẵn nhụi, không có lông cho chúng ta thấy ngay họ thuộc loại nào.



Hình 17



Hình 18

When we come to the Caucasian races, we have a type nearer to our Western standards of the beautiful. We have two representatives, a Hindu with shaven face (Fig. 19),

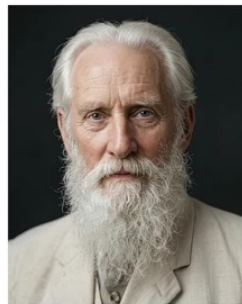
Khi chúng ta đến với các chủng tộc da trắng, chúng ta có một loại gần gũi hơn với các tiêu chuẩn phương Tây của chúng ta về cái đẹp. Chúng ta có hai đại diện, một người Hindu với khuôn mặt cạo nhẵn (Hình 19),



Hình 19

and a bearded Englishman (Fig. 20).

và một người đàn ông Anh có râu (Hình 20).



Hình 20

In the Aryan or Caucasian races we have in some respects the highest forms, not only for beauty of structure, but also for quick response to external stimuli and high sensitiveness to the finer philosophical and artistic thoughts and emotions.

Trong các chủng tộc Arya hoặc da trắng, chúng ta có ở một số khía cạnh các hình tượng cao nhất, không chỉ về vẻ đẹp của cấu trúc, mà còn về phản ứng nhanh chóng với các kích thích bên ngoài và độ nhạy cao với những suy nghĩ và cảm xúc triết học và nghệ thuật tinh tế

The peoples of the world today have their civilizations; but no nation continues for ever, and the fate of Nineveh and Tyre, of Greece and Rome, will be the fate of all. Some will vanish utterly, leaving hardly a trace; others like Greece, will leave to mankind a mighty message of the art of life. We may know something of the rise and fall of civilizations by a study of history, but in historical studies we see the past through the refracting medium of time and tradition, and we can never be fully certain that our conclusions are not partial or erroneous. Yet without a study of the past of humanity, we cannot judge of the present or construct the future, and our philosophy of life cannot be true to fact.

Theosophy opens a new way to study the civilizations that have been, a method in which, for the time, the past becomes the present, and therefore written records or traditions are not essential. Difficult as is this subject to expound, yet an attempt must be made, for it is one of the fundamental truths of existence, to which we shall have to refer again and again in the course of this exposition of Theosophy.

In Chapter I it was mentioned that behind all life and form, as their heart and soul, is a great Consciousness. It is His manifestation that is the evolutionary process, and "in Him we live and move and have our being". Of Him Theosophists today speak as the Logos. To that Consciousness there is no Past, and what to us has been is with Him an event that is happening even Now. To the Logos, the Past is

hơn.

Ngày nay, các dân tộc trên thế giới có nền văn minh của riêng mình; nhưng không quốc gia nào tồn tại mãi mãi, và số phận của Nineveh và Tyre, của Hy Lạp và La Mã, sẽ là số phận của tất cả. Một số sẽ biến mất hoàn toàn, hầu như không để lại dấu vết; những dân tộc khác như Hy Lạp, sẽ để lại cho nhân loại một thông điệp mạnh mẽ về nghệ thuật sống. Chúng ta có thể biết điều gì đó về sự trỗi dậy và suy tàn của các nền văn minh bằng cách nghiên cứu lịch sử, nhưng trong các nghiên cứu lịch sử, chúng ta nhìn thấy quá khứ thông qua môi trường khúc xạ của thời gian và truyền thống, và chúng ta không bao giờ có thể hoàn toàn chắc chắn rằng những kết luận của chúng ta không phải là phiến diện hoặc sai lầm. Tuy nhiên, nếu không nghiên cứu quá khứ của nhân loại, chúng ta không thể đánh giá hiện tại hoặc xây dựng tương lai, và triết lý sống của chúng ta không thể đúng với sự thật.

Thông Thiên Học mở ra một con đường mới để nghiên cứu các nền văn minh đã từng tồn tại, một phương pháp mà trong đó, trong thời gian đó, quá khứ trở thành hiện tại, và do đó các ghi chép hoặc truyền thống bằng văn bản không phải là điều cần thiết. Mặc dù chủ đề này rất khó để trình bày, nhưng vẫn phải nỗ lực, vì nó là một trong những sự thật cơ bản của sự tồn tại, mà chúng ta sẽ phải đề cập đến nhiều lần trong quá trình trình bày Thông Thiên Học này.

Trong Chương I, đã đề cập rằng đằng sau tất cả sự sống và hình tượng, như trái tim và linh hồn của chúng, là một Tâm thức vĩ đại. Sự biểu hiện của Ngài là quá trình tiến hóa, và "trong Ngài, chúng ta sống, di chuyển và hiện hữu". Ngày nay, các nhà Thông Thiên Học nói về Ngài như là Thượng Đế. Đối với Tâm thức đó, không có Quá khứ, và những gì đã từng là của chúng ta là một sự kiện đang xảy ra ngay cả

as the Present, and the event of each moment of past time is still happening in Him, is still a part of His present Self. Mortal mind can little understand the "Eternal Now"; and yet it is one of the greatest of truths, which, when grasped, shows new values to all things.

Mysterious and incredible as is this "Eternal Now", yet man too may know something of it. Man, the individual evolving soul, is in truth made in the image of his Maker, and what He is in His fullness now, that man will become someday. Hence it is that, by a certain development of faculties latent in the human consciousness, men can touch even now the fringe, as it were, of the Consciousness of the Logos, and so, with

Him, see the Past as happening even now. It is no picture which passes before the vision of the investigator, no panorama which unveils itself before him, as on a stage; it is an actual living in the so-called Past. He has but to select that part of the "Past" which he desires to investigate, and then he is *of it*, and *in it*. Does he desire to see the earth before its crust has solidified? Then he lives millions of years ago, and round him is the earth with its seething molten metals, and he can watch what is happening, hear the explosions, and feel the heat and the pressure. And this in no dream condition, but exactly as he may go into a busy thoroughfare today, hear the roar of the traffic, watch the people as they go to and fro, or look up at the sun and the clouds, and note whatsoever thing interests him. Does he desire to hear an oration of Pericles or see a triumph of Caesar? Then he is in Athens or in Rome; the life of that day is all around him; he hears the musical Greek or the sonorous Latin;

Bây giờ đối với Ngài. Đối với Thượng Đế, Quá khứ cũng như Hiện tại, và sự kiện của mỗi khoảnh khắc thời gian đã qua vẫn đang xảy ra trong Ngài, vẫn là một phần Bản thể hiện tại của Ngài. Hạ trí hữu hạn có thể hiểu rất ít về "Hiện Tại Vĩnh Cửu"; và tuy nhiên, đó là một trong những sự thật vĩ đại nhất, mà khi nắm bắt được, sẽ cho thấy những giá trị mới cho mọi thứ.

Mặc dù "Hiện Tại Vĩnh Cửu" này rất bí ẩn và khó tin, nhưng con người cũng có thể biết một chút về nó. Con người, linh hồn tiến hóa cá nhân, thực sự được tạo ra theo hình ảnh của Đấng Tạo Hóa của mình, và những gì Ngài đang có trong sự viên mãn của Ngài bây giờ, thì con người sẽ trở thành một ngày nào đó. Do đó, bằng một sự phát triển nhất định của các khả năng tiềm ẩn trong tâm thức con người, con người thậm chí có thể chạm vào rìa, như thể, của Tâm thức của Thượng Đế, và do đó, với

Ngài, thấy Quá khứ như đang xảy ra ngay bây giờ. Đó không phải là một bức tranh lướt qua trước tầm nhìn của nhà nghiên cứu, không phải là một toàn cảnh mở ra trước mắt y, như trên sân khấu; đó là một cuộc sống thực sự trong cái gọi là Quá khứ. Y chỉ cần chọn phần "Quá khứ" mà y muốn điều tra, và sau đó y thuộc về nó và ở trong đó. Y có muốn nhìn thấy Trái Đất trước khi lớp vỏ của nó đông đặc lại không? Sau đó, y sống hàng triệu năm trước, và xung quanh y là Trái Đất với các kim loại nóng chảy đang sôi sục, và y có thể quan sát những gì đang xảy ra, nghe thấy những tiếng nổ và cảm nhận được sức nóng và áp suất. Và điều này không phải trong trạng thái mơ màng, mà chính xác như y có thể đi vào một con phố nhộn nhịp ngày nay, nghe thấy tiếng ồn ào của xe cộ, quan sát mọi người đi tới đi lui, hoặc nhìn lên mặt trời và những đám mây, và ghi lại bất cứ điều gì y quan tâm. Y có muốn nghe một bài diễn văn của Pericles hoặc xem một chiến thắng của Caesar không? Sau đó, y ở

he watches the actors in life's drama of those days. The Book of Time is spread out before him, and it is for him to select an event which, to us, happened a thousand years since; but, as he puts himself in touch with the Memory of the Logos, the Past becomes for him the Present, and he may study it with such faculties as he possesses today.

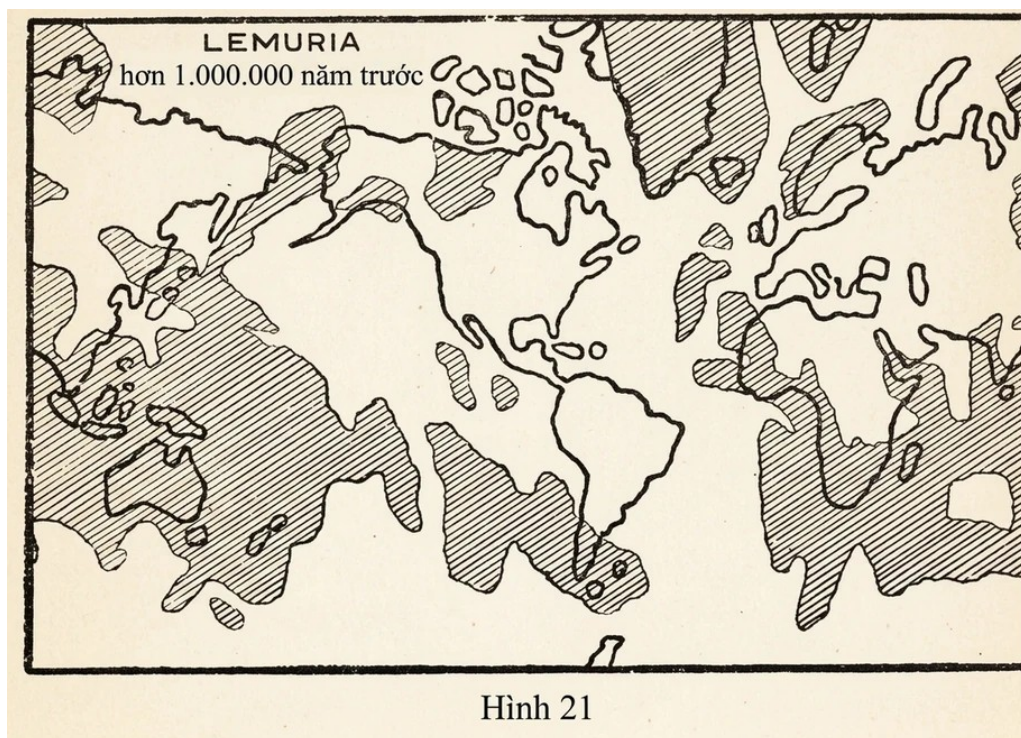
Theosophical investigators, of present and past generations, have thus investigated the Past of the earth by watching this Record in the Memory of the Logos; and much information gathered in this way forms a part of Theosophical teaching. What they have found in their researches into past civilizations is as follows.

Long, long ago—over one million years ago—the distribution of land and water was as shown in Fig. 21, the dark, shaded parts representing land.

Athens hoặc ở Rome; cuộc sống của ngày đó ở xung quanh y; y nghe thấy tiếng Hy Lạp du dương hoặc tiếng Latinh vang vọng; y quan sát các diễn viên trong vở kịch cuộc đời của những ngày đó. Cuốn Sách Thời Gian được mở ra trước mắt y, và y có thể chọn một sự kiện mà đối với chúng ta, đã xảy ra từ ngàn năm trước; nhưng, khi y tiếp xúc với Ký ức của Thượng Đế, Quá khứ trở thành Hiện Tại đối với y, và y có thể nghiên cứu nó bằng những khả năng mà y sở hữu ngày nay.

Các nhà nghiên cứu Thông Thiên Học, của các thế hệ hiện tại và quá khứ, đã điều tra Quá khứ của Trái Đất bằng cách theo dõi Bản Ghi này trong Ký ức của Thượng Đế; và nhiều thông tin thu thập được theo cách này tạo thành một phần của giáo lý Thông Thiên Học. Những gì Các Ngài đã tìm thấy trong các nghiên cứu của Các Ngài về các nền văn minh trong quá khứ như sau.

Từ rất lâu—hơn một triệu năm trước—sự phân bố đất và nước như được thể hiện trong Hình 21, các phần tối, được tô bóng đại diện cho đất.



Hình 21

We know that the surface of the earth is changing all the time, with here a coastline slowly sinking, and there new land rising out of the waves; but how may anyone know exactly what was the distribution of land and water a million years ago? It is this that is possible; first, by watching the Record, and secondly, by study in the museum of the Adept Brotherhood. The Hierarchy, or the Great Brotherhood, mentioned in the Introduction, has preserved, from the day man began his habitation of the earth, fossils and skeletons, maps, models and manuscripts, illustrative of the development of the earth and its inhabitants, animal and human. To those who, through utter renunciation of self and service of man, earn the privilege, the study of past forms and civilizations in this wonderful museum is a never-failing delight. There, the Theosophical investigator finds models in clay of the appearance of the earth long ago, before this or that cataclysm, patiently constructed for the guidance of later generations of students

Chúng ta biết rằng bề mặt Trái Đất luôn thay đổi, với đường bờ biển ở đây chìm xuống từ từ, và ở đó vùng đất mới nổi lên khỏi sóng; nhưng làm thế nào người ta có thể biết chính xác sự phân bố đất và nước cách đây một triệu năm? Điều này là có thể; thứ nhất, bằng cách theo dõi Bản Ghi, và thứ hai, bằng cách nghiên cứu trong bảo tàng của Huynh Đệ Đoàn Chân sư. Thánh Đoàn, hay Huynh Đệ Đoàn Vĩ Đại, được đề cập trong Phần Giới Thiệu, đã bảo tồn, từ ngày con người bắt đầu cư trú trên Trái Đất, các hóa thạch và bộ xương, bản đồ, mô hình và bản thảo, minh họa cho sự phát triển của Trái Đất và cư dân của nó, động vật và con người. Đối với những người, thông qua sự từ bỏ hoàn toàn bản thân và phụng sự con người, giành được đặc ân, việc nghiên cứu các hình tượng và nền văn minh trong quá khứ trong bảo tàng tuyệt vời này là một niềm vui không bao giờ cạn. Ở đó, nhà nghiên cứu Thông Thiên Học tìm thấy các mô hình bằng đất sét về sự xuất hiện của Trái Đất từ rất lâu trước đây, trước thảm họa này hay thảm họa khác, được xây dựng một cách kiên nhẫn để hướng dẫn các

by the Adept investigators of past civilizations. The maps of Figs. 21-24 have been drawn after a survey of the land and water by watching the earth's changes, and afterwards checking such survey with the globes in the museum of the Brotherhood.

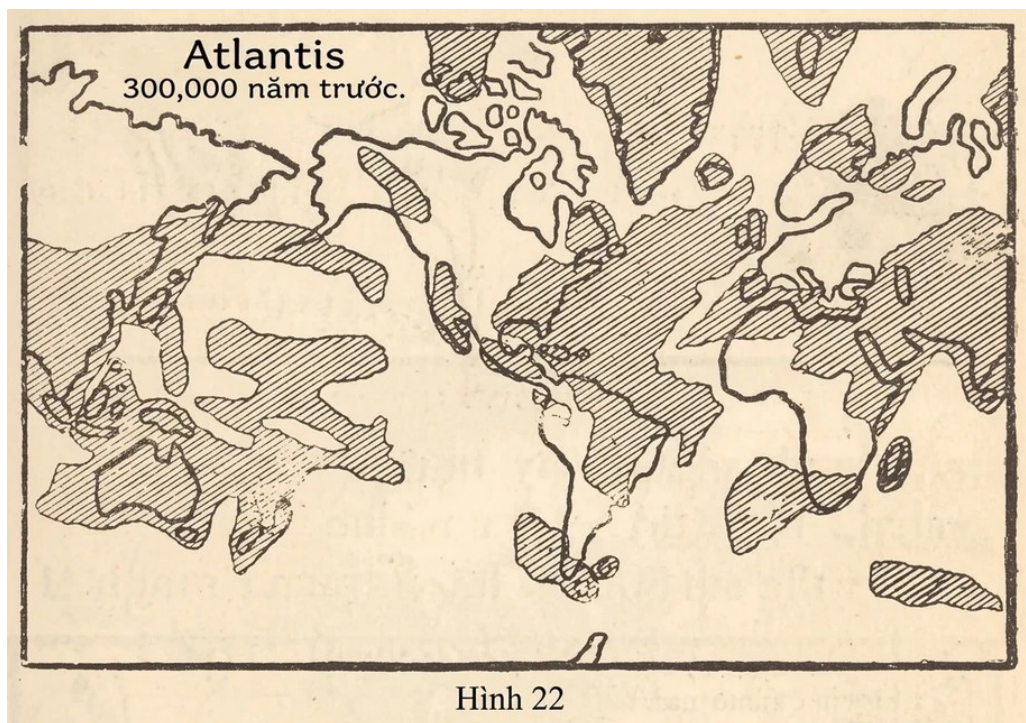
As we look at the map in Fig. 21, we see that most of the land today was under the waves then, while most of the land of those days has sunk below the sea, leaving here and there remnants, as in Australasia and in parts of other continents. The continent which is seen to extend along the equator and south of it, covering much of the present Pacific Ocean, is called Lemuria by the students of Theosophy. The term is taken from the naturalist Sclater, who believed in the existence of some such continent, because of the unusual distribution over wide territories of the Lemur monkeys. Even in the days of Lemuria, men peopled the earth, and the Lemurian peoples were of our first type, as in Figs. 14 and 15. The pure Negroes and other woolly-haired races today are remnants of the ancient Lemurians, with little change of type, except a diminution of stature.

Slowly, as years passed, the configuration became as in Fig. 22.

thế hệ sinh viên sau này bởi các nhà nghiên cứu Chân sư về các nền văn minh trong quá khứ. Các bản đồ của Hình 21-24 đã được vẽ sau một cuộc khảo sát về đất và nước bằng cách theo dõi những thay đổi của Trái Đất, và sau đó kiểm tra cuộc khảo sát đó với các quả cầu trong bảo tàng của Huynh Đệ Đoàn.

Khi chúng ta nhìn vào bản đồ trong Hình 21, chúng ta thấy rằng hầu hết đất đai ngày nay đều nằm dưới sóng vào thời điểm đó, trong khi hầu hết đất đai của những ngày đó đã chìm xuống dưới biển, để lại đây đó những tàn tích, như ở Australasia và ở các phần của các lục địa khác. Lục địa được nhìn thấy kéo dài dọc theo đường xích đạo và phía nam của nó, bao phủ phần lớn Thái Bình Dương ngày nay, được các sinh viên Thông Thiên Học gọi là Lemuria. Thuật ngữ này được lấy từ nhà tự nhiên học Sclater, người tin vào sự tồn tại của một lục địa như vậy, vì sự phân bố bất thường trên các vùng lãnh thổ rộng lớn của loài khỉ Lemur. Ngay cả trong thời đại Lemuria, con người đã sinh sống trên Trái Đất, và các dân tộc Lemuria thuộc loại hình đầu tiên của chúng ta, như trong Hình 14 và 15. Người da đen thuần chủng và các chủng tộc tóc xoắn khác ngày nay là tàn tích của người Lemuria cổ đại, với ít thay đổi về loại hình, ngoại trừ sự giảm sút về tầm vóc.

Từ từ, khi năm tháng trôi qua, cấu hình trở thành như trong Hình 22.

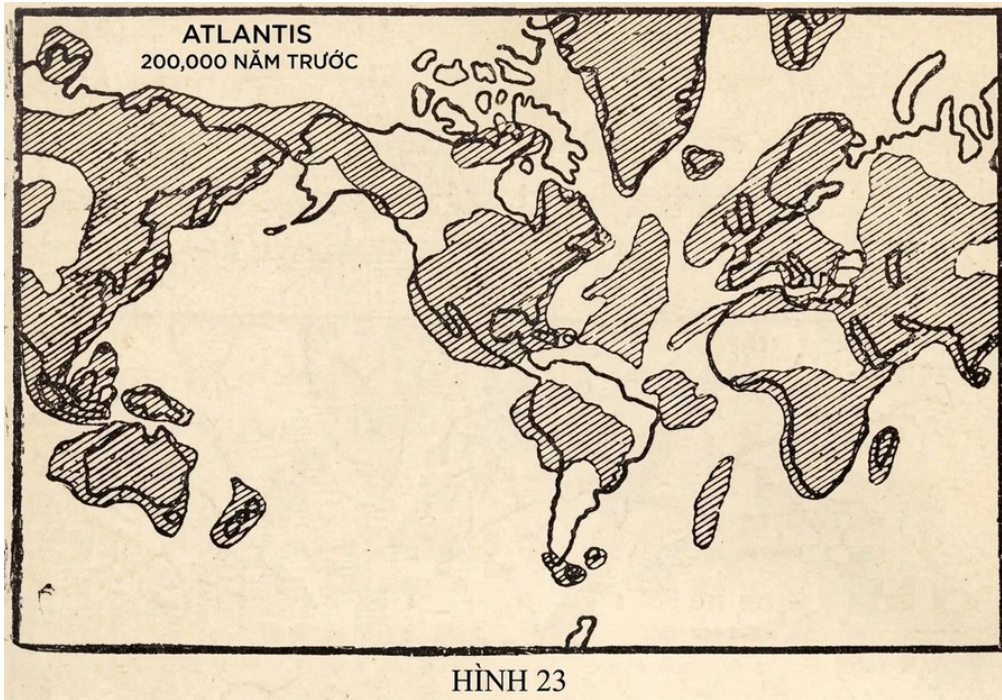


Where the Atlantic Ocean is today, there existed once upon a time a continent, which Theosophists, after Plato, called Atlantis. It was on this continent that there arose the second type of those peoples whom Flower and Lydekker have called Mongolians—those with smooth hair and high cheek bones. From their original home in Atlantis they migrated in all directions, and give us today the millions of China and kindred peoples, and the fast-disappearing Red Indians of North and South America.

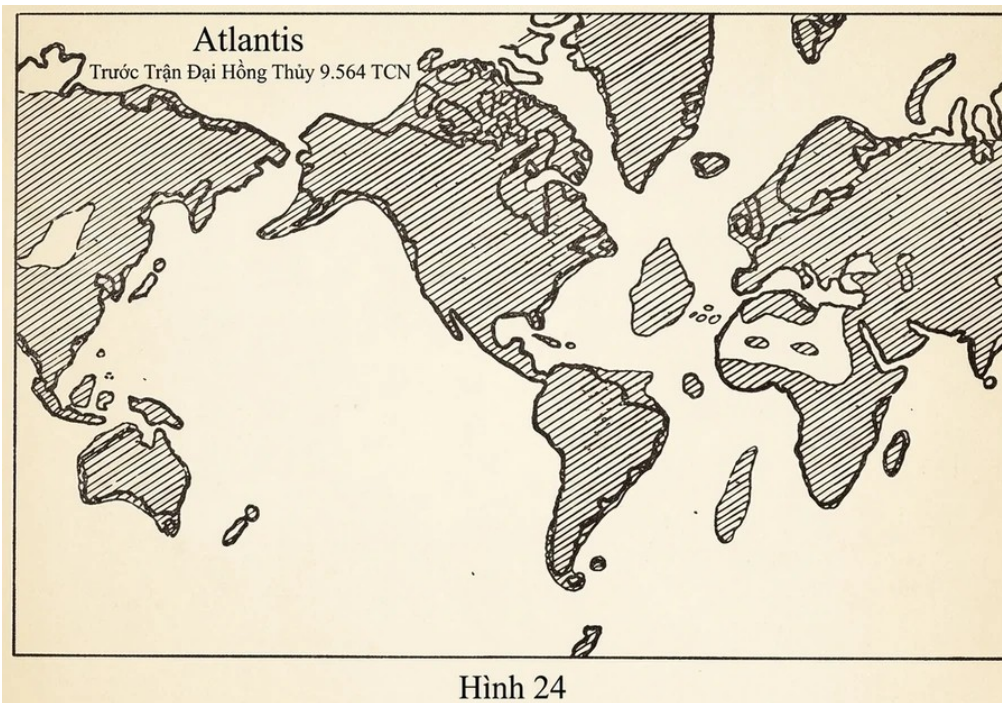
By the time of the map in Fig. 23, Atlantis and the remnants of Lemuria have changed in outline, and as we come to the days of Fig. 24, there remains of the once vast continent of Atlantis only a large island in the Atlantic Ocean.

Nơi có Đại Tây Dương ngày nay, đã từng tồn tại một lục địa, mà các nhà Thông Thiên Học, theo Plato, gọi là Atlantis. Chính trên lục địa này đã xuất hiện loại hình thứ hai của những dân tộc mà Flower và Lydekker gọi là người Mông Cổ—những người có mái tóc thẳng và gò má cao. Từ quê hương ban đầu của Các Ngài ở Atlantis, Các Ngài di cư theo mọi hướng, và cho chúng ta ngày nay hàng triệu người Trung Quốc và các dân tộc thân thuộc, và những người Da Đỏ đang nhanh chóng biến mất ở Bắc và Nam Mỹ.

Vào thời điểm bản đồ trong Hình 23, Atlantis và tàn tích của Lemuria đã thay đổi về đường nét, và khi chúng ta đến thời đại của Hình 24, chỉ còn lại một hòn đảo lớn ở Đại Tây Dương từ lục địa Atlantis rộng lớn một thời.



HÌNH 23



Hình 24

The story of its sinking as narrated to Solon, Plato's ancestor, by the Egyptian priests, is given by Plato in his *Timaeus* and *Kritias*. In 9564 B.C. mighty convulsions destroyed this last remnant of Atlantis, and the island sank so rapidly under the sea that it created a huge tidal wave which swept the low-lands of the

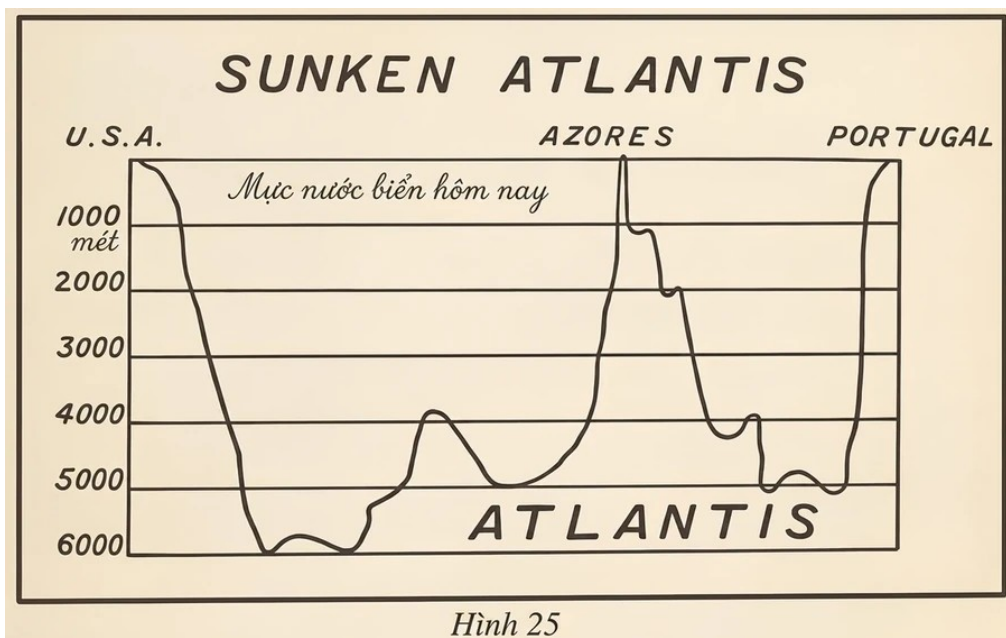
Câu chuyện về sự chìm xuống của nó như được kể cho Solon, tổ tiên của Plato, bởi các tu sĩ Ai Cập, được Plato kể trong *Timaeus* và *Kritias* của Ông. Vào năm 9564 trước Công nguyên, những cơn địa chấn mạnh mẽ đã phá hủy tàn tích cuối cùng này của Atlantis, và hòn đảo chìm xuống biển nhanh chóng đến nỗi nó tạo

earth, and left in men's minds the tradition of a vast, devastating "flood". As Atlantis sank under the waves, other parts of the earth, such as the desert of Sahara, rose up; and what was once an inland sea of Central Asia became what is now the Gobi Desert, and the earth took on more or less its appearance of today.

That Atlantis is not a mere myth is easily seen when we look at Fig. 25.

ra một làn sóng thủy triều khổng lồ quét qua vùng đất thấp của Trái Đất, và để lại trong tâm trí con người truyền thống về một "trận lụt" tàn khốc, rộng lớn. Khi Atlantis chìm xuống dưới sóng, các phần khác của Trái Đất, chẳng hạn như sa mạc Sahara, trỗi lên; và những gì từng là một vùng biển nội địa của Trung Á đã trở thành sa mạc Gobi ngày nay, và Trái Đất mang một hình dáng ít nhiều như ngày nay.

Việc Atlantis không chỉ là một huyền thoại đơn thuần có thể dễ dàng nhận thấy khi chúng ta nhìn vào Hình 25.



Hình 25

It gives us in outline the bed of the Atlantic Ocean, as mapped out according to deep sea soundings. Round the Azores, the land does not slope gently down, as in the ordinary coast lands, but descends precipitously; for, when Atlantis was above the level of the ocean, the present Azores were the inaccessible, snow-clad tops of the highest mountain range of the sunken continent.

Long before the destruction of Atlantis, however, a new race of men had sprung up round the southern shores of the Central

Nó cho chúng ta thấy đường nét của đáy Đại Tây Dương, như được vạch ra theo các phép đo độ sâu dưới biển sâu. Xung quanh Azores, đất không dốc xuống từ từ, như ở các vùng đất ven biển thông thường, mà dốc xuống rất nhanh; vì, khi Atlantis ở trên mực nước biển, Azores ngày nay là những đỉnh núi cao nhất, phủ đầy tuyết, không thể tiếp cận của dãy núi cao nhất của lục địa đã chìm.

Tuy nhiên, rất lâu trước khi Atlantis bị phá hủy, một chủng tộc người mới đã xuất hiện xung quanh bờ biển phía nam của Biển Trung

Asian Sea. These are the Aryans or Caucasians, our third type, of Figs. 19 and 20. Southwards and westwards they spread, becoming Hindus, Arabs and Persians, Greeks and Romans, Celts, Slavs and Teutons.

Thus in Lemuria, Atlantis and Asia, arose the three races whose descendants people the earth today.

Theosophy teaches that the rise and fall of civilizations is not a mechanical development, "a Checkerboard of Nights and Days where Destiny with Men for Pieces plays". Nations come, and nations go, but always according to a Plan. The Logos, from the beginning of human existence, has planned what races, and what religions and sciences appropriate to them, shall appear one after the other, and His Agents on earth, the Great Brotherhood, carry out His Plan. It is the Adept Brothers who, using all nature's forces, visible and invisible, direct the evolutionary process throughout the millions of years. In that

Brotherhood, there are two Adepts whose work is to mould the destiny of each great race. One is called the Manu, who directs the physical development of the race, forming the new race-type by modification from that already existing, according to the Plan of the Logos set before Him. It is the Manu who guides the migrations of the race, gives to each people its polity, and directs each to do its appointed work. The other guardian of the race is its Bodhisattva, or Spiritual Teacher, who watches over its intellectual and emotional development, and arranges for each people such religions, arts and sciences as shall enable it to play its role in the drama written by the Logos.

Ấ. Đây là những người Arya hay người da trắng, loại hình thứ ba của chúng ta, của Hình 19 và 20. Các Ngài lan rộng về phía nam và phía tây, trở thành người Hindu, Ả Rập và Ba Tư, Hy Lạp và La Mã, Celt, Slav và Teuton.

Như vậy, ở Lemuria, Atlantis và Châu Á, ba chủng tộc đã trỗi dậy mà con cháu của Các Ngài sinh sống trên Trái Đất ngày nay.

Thông Thiên Học dạy rằng sự trỗi dậy và suy tàn của các nền văn minh không phải là một sự phát triển cơ học, "một Bàn Cờ của Đêm và Ngày, nơi Định Mệnh chơi với Con Người để làm Quân Cờ". Các quốc gia đến, và các quốc gia đi, nhưng luôn theo một Thiên Cơ. Thượng Đế, từ khi bắt đầu sự tồn tại của con người, đã lên kế hoạch cho những chủng tộc nào, và những tôn giáo và khoa học nào phù hợp với Các Ngài, sẽ xuất hiện hết lần này đến lần khác, và Các Đặc Sứ của Ngài trên Trái Đất, Huynh Đệ Đoàn Vĩ Đại, thực hiện Thiên Cơ của Ngài. Chính Các Huynh Đệ Chân sư, sử dụng tất cả các lực lượng tự nhiên, hữu hình và vô hình, hướng dẫn quá trình tiến hóa trong suốt hàng triệu năm. Trong đó

Huynh Đệ Đoàn, có hai Chân sư có công việc là định hình số phận của mỗi chủng tộc vĩ đại. Một được gọi là Manu, người chỉ đạo sự phát triển thể chất của chủng tộc, hình thành loại hình chủng tộc mới bằng cách sửa đổi từ loại hình đã tồn tại, theo Thiên Cơ của Thượng Đế đã đặt ra trước Ngài. Chính Manu hướng dẫn các cuộc di cư của chủng tộc, ban cho mỗi dân tộc thể chế chính trị của nó và chỉ đạo mỗi dân tộc thực hiện công việc đã định của nó. Người bảo vệ khác của chủng tộc là Bồ Tát của nó, hay Huấn Sư Tinh Thần, người theo dõi sự phát triển trí tuệ và cảm xúc của nó, và sắp xếp cho mỗi dân tộc những tôn giáo, nghệ thuật và khoa học sẽ cho phép nó đóng vai trò của mình trong vở kịch do Thượng Đế viết.

Following the Plan of the Logos, during that period of time in which humanity evolves on earth, seven great race-types are made to appear, called "Root-races ". So far in the evolution of men, only five of the seven have appeared; of them the First and the Second appeared so long ago that they have left no direct descendants.

Each Root-race has seven modifications, called "sub-races". A sub-race has the fundamental characteristics of the Root-race, but it has also some tendency or modification peculiar to itself. In Fig. 26 we have the names of the three Root-races and their sub-races, whose representatives we have seen in the three race-types already studied.

Theo Thiên Cơ của Thượng Đế, trong khoảng thời gian mà nhân loại tiến hóa trên Trái Đất, bảy loại hình chủng tộc vĩ đại được tạo ra để xuất hiện, được gọi là "Các Chủng Dân Gốc". Cho đến nay trong quá trình tiến hóa của con người, chỉ có năm trong số bảy đã xuất hiện; trong số đó, Chủng Dân Gốc Thứ Nhất và Thứ Hai đã xuất hiện từ rất lâu trước đây đến nỗi Các Ngài không để lại hậu duệ trực tiếp nào.

Mỗi Chủng Dân Gốc có bảy sửa đổi, được gọi là "các chủng dân phụ". Một chủng dân phụ có các đặc điểm cơ bản của Chủng Dân Gốc, nhưng nó cũng có một số khuynh hướng hoặc sửa đổi đặc biệt của riêng nó. Trong Hình 26, chúng ta có tên của ba Chủng Dân Gốc và các chủng dân phụ của Các Ngài, mà chúng ta đã thấy đại diện trong ba loại hình chủng tộc đã nghiên cứu.

CÁC GIỐNG DÂN GỐC & GIỐNG DÂN PHỤ									
III LEMURIA		IV ATLANTIS		V ARYA		VI		VII	
4	Negro-Negrit Negrillo								
5									
6									
7									
		1	Rmoahal						
		2	Tlavatli						
		3	Toltec { Mayas Quichas						
		4	1 st Turanian { Người Trung Quốc cổ						
		5	Original Semite	1	Hindu-Ai Cập				
		6	Akkadian	2	Arya Semite				
		7	Mongolian	3	Iranian				
			Japanese-Malay	4	Celtic				
				5	Teutonic				
				6	Austral-American	1			
				7	Latin-American	2			

HÌNH 26

The Third Root-race is the Lemurian, and its Chủng Dân Gốc Thứ Ba là Lemuria, và các

earlier sub-races, the first, second and third, have left no trace at all. Negroes, Negritos, Negrillos, and other woolly-haired peoples represent the later sub-races of the Lemurian Root-race. Hardly anywhere is a Root-race to be found now quite pure, but though it may have intermingled with other races, usually it still shows its peculiar characteristics.

From the seventh sub-race of the Lemurian, the Manu of the Fourth Root-race developed the new Root-race, the Fourth or the Atlantean. It too has its seven sub-races. Of the first and second of its sub-races no pure descendants are living, but the skeleton of the "Furfooz man" is a fair specimen of the first, and that of the "Cro-Magnon man" of the second. The third, the Toltec sub-race, still remains in the "Indios" (Indians) of South and Central America, and the Red Indians of the United States and Canada. The fourth migrated from Atlantis, and went eastwards, past Babylonia, along the Yellow River into the plains of China. Its peoples are represented in certain parts of China today by a tall, yellow Chinese race, quite distinct from the later seventh sub-race Chinese. The "original Semites", the fifth sub-race, have left their descendants for us in the white pure Jews, and in the

Kabyles of North Africa. The sixth, the Akkadians, were the Phoenicians, who traded in the Mediterranean Seas; and the seventh, or Mongolians, were developed out of the fourth or Turanian on the plains of China, and became the modern Chinese. Two races, the Japanese and the Malays, belong hardly to any special one of its sub-races, having in them the

chủng dân phụ trước đó của nó, thứ nhất, thứ hai và thứ ba, hoàn toàn không để lại dấu vết nào. Người da đen, người Negrito, người Negrillo và các dân tộc tóc xoắn khác đại diện cho các chủng dân phụ sau này của Chủng Dân Gốc Lemuria. Hầu như không có nơi nào có thể tìm thấy một Chủng Dân Gốc hoàn toàn thuần chủng, nhưng mặc dù nó có thể đã hòa lẫn với các chủng tộc khác, nhưng thông thường nó vẫn thể hiện những đặc điểm đặc biệt của mình.

Từ chủng dân phụ thứ bảy của Lemuria, Manu của Chủng Dân Gốc Thứ Tư đã phát triển Chủng Dân Gốc mới, Thứ Tư hay Atlantis. Nó cũng có bảy chủng dân phụ của nó. Trong số chủng dân phụ thứ nhất và thứ hai của nó, không có hậu duệ thuần chủng nào còn sống, nhưng bộ xương của "người Furfooz" là một mẫu vật khá tốt của chủng dân phụ thứ nhất, và bộ xương của "người Cro-Magnon" của chủng dân phụ thứ hai. Chủng dân phụ thứ ba, Toltec, vẫn còn ở "Indios" (người Da Đỏ) ở Nam và Trung Mỹ, và người Da Đỏ ở Hoa Kỳ và Canada. Chủng dân phụ thứ tư di cư từ Atlantis, và đi về phía đông, qua Babylon, dọc theo sông Hoàng Hà vào đồng bằng Trung Quốc. Các dân tộc của nó được đại diện ở một số vùng của Trung Quốc ngày nay bởi một chủng tộc người Trung Quốc da vàng cao lớn, hoàn toàn khác biệt với người Trung Quốc chủng dân phụ thứ bảy sau này. "Người Semite nguyên thủy", chủng dân phụ thứ năm, đã để lại hậu duệ cho chúng ta là người Do Thái thuần chủng da trắng, và trong

Kabyle ở Bắc Phi. Chủng dân phụ thứ sáu, người Akkad, là người Phoenicia, những người buôn bán ở Biển Địa Trung Hải; và chủng dân phụ thứ bảy, hay người Mông Cổ, được phát triển từ chủng dân phụ thứ tư hay người Turan trên đồng bằng Trung Quốc, và trở thành người Trung Quốc hiện đại. Hai chủng tộc, người Nhật Bản và người Mã Lai, hầu như

mixture of two or more. With the Japanese especially, it is as though they are a final ebullition of the whole Root-race, as a crowning effort, before the energies of the race begin their slow decline; hence they possess many qualities which differentiate them from the seventh sub-race, the Chinese.

From the fifth or “original Semite” sub-race of the Atlantean, the Manu of the Fifth Root-race evolved His new type. The Fifth or Aryan Root-race also has its Seven subdivisions, but so far only five of them have appeared. Of the first are the Aryan Hindus, as also one type among the ancient Egyptians—that to which the upper ruling classes belonged. The second is the Aryan Semite, distinct from the “original Semite”, and it has its representatives today in the Arabs and the Moors. The third is the Iranian, to which belonged the ancient Persians, and whose descendants are the Iranians and Parsis of today. Of the fourth sub-race, or the Celts, were the ancient Greeks and Romans; and to it belong, with the exception of those of Teutonic descent, their modern descendants in Italy, Greece, France, Portugal and Spain and their descendants in South and Central America, Mexico and the Antilles. The Irish, the Scots, the Welsh, the Manx and the Bretons must also be numbered among the Celts.

To the Teutonic sub-race belong the Slavs, the Scandinavians, the Dutch; the Germans, the English, and their descendants all over the world. By an intermingling of several sub-races, the Manu of the Race is now developing the sixth sub-race, which is called in the diagram the “Austral-American”. It is in process of formation in the United States, Australia and New Zealand. The seventh sub-

không thuộc về bất kỳ một chủng dân phụ đặc biệt nào của nó, có trong Các Ngài sự pha trộn của hai hoặc nhiều hơn. Đặc biệt với người Nhật Bản, dường như Các Ngài là một sự bùng nổ cuối cùng của toàn bộ Chủng Dân Gốc, như một nỗ lực lên ngôi, trước khi năng lượng của chủng tộc bắt đầu suy giảm chậm; do đó Các Ngài sở hữu nhiều phẩm chất khác biệt Các Ngài với chủng dân phụ thứ bảy, người Trung Quốc.

Từ giống dân phụ thứ năm hay “Semite nguyên thủy” của Atlantis, Manu của Căn Dân Thứ Năm đã phát triển kiểu hình mới của Ngài. Căn Dân Thứ Năm hay Arya cũng có Bảy phân ngành, nhưng cho đến nay chỉ có năm trong số đó xuất hiện. Đầu tiên là người Hindu Arya, cũng như một kiểu hình trong số những người Ai Cập cổ đại—kiểu hình mà các tầng lớp thống trị thượng lưu thuộc về. Thứ hai là người Semite Arya, khác biệt với “người Semite nguyên thủy”, và nó có những đại diện ngày nay là người Ả Rập và người Moor. Thứ ba là người Iran, bao gồm những người Ba Tư cổ đại, và hậu duệ của họ là người Iran và Parsis ngày nay. Trong số giống dân phụ thứ tư, hay người Celt, là người Hy Lạp và La Mã cổ đại; và thuộc về nó, ngoại trừ những người gốc Teuton, hậu duệ hiện đại của họ ở Ý, Hy Lạp, Pháp, Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha và hậu duệ của họ ở Nam và Trung Mỹ, Mexico và Antilles. Người Ireland, người Scotland, người xứ Wales, người Manx và người Breton cũng phải được liệt kê vào hàng ngũ người Celt.

Giống dân phụ Teuton bao gồm người Slav, người Scandinavia, người Hà Lan; người Đức, người Anh và con cháu của họ trên khắp thế giới. Bằng sự pha trộn giữa một số giống dân phụ, Manu của Nhân Loại hiện đang phát triển giống dân phụ thứ sáu, được gọi là “Austral-American” trong sơ đồ. Nó đang trong quá trình hình thành ở Hoa Kỳ, Úc và New Zealand. Giống dân phụ thứ bảy, mà công việc

race, whose work is still far in the future, is already showing faint indications of its future type. In a child here and there in Brazil one may note a moulding of the face which shows that the type is not Austral-American, but another variant still of the Aryan race. The seventh sub-race may well be called "Latin-American", to distinguish it from the sixth, the Austral-American.

The Manu of the Sixth Root-race will develop His future type later on from the sixth sub-race of the Aryan, and tens of thousands of years hence the Manu of the Seventh Root-race will develop His new type from the seventh sub-race of the Sixth Root-race.

Root-races and sub-races play their roles in the drama of the Logos, in order to give experiences to us, His children, whom He sends to be born in them. For that it is, that the Manu brings about differences in His sub-races of color and other physical peculiarities, and places them among mountains or by the sea; for that it is, that the Bodhisattva of the race sends to the sub-races different aspects of the one Truth, in the many religions and philosophies which appear in them under His guidance.

In Fig. 27 we have something of the characteristics of the races, and to understand the significance of the table let us imagine a soul as he is born in sub-race after sub-race, in them all.

vẫn còn ở rất xa trong tương lai, đã cho thấy những dấu hiệu mờ nhạt về kiểu hình tương lai của nó. Ở một đứa trẻ ở Brazil, người ta có thể nhận thấy một sự uốn nắn trên khuôn mặt cho thấy kiểu hình đó không phải là Austral-American, mà là một biến thể khác của chủng tộc Arya. Giống dân phụ thứ bảy có thể được gọi là "Latin-American", để phân biệt nó với giống dân thứ sáu, Austral-American.

Manu của Căn Dân Thứ Sáu sẽ phát triển kiểu hình tương lai của Ngài sau này từ giống dân phụ thứ sáu của Arya, và hàng chục ngàn năm sau, Manu của Căn Dân Thứ Bảy sẽ phát triển kiểu hình mới của Ngài từ giống dân phụ thứ bảy của Căn Dân Thứ Sáu.

Các căn dân và giống dân phụ đóng vai trò của chúng trong vở kịch của Hành Tinh Thượng đế, để mang lại kinh nghiệm cho chúng ta, những đứa con của Ngài, những người mà Ngài gửi đến để được sinh ra trong đó. Vì đó là điều mà Manu mang lại sự khác biệt về màu da và những đặc điểm thể chất khác trong các giống dân phụ của Ngài, và đặt chúng giữa những ngọn núi hoặc bên bờ biển; vì đó là điều mà Bồ Tát của nhân loại gửi đến các giống dân phụ những khía cạnh khác nhau của một Chân Lý, trong nhiều tôn giáo và triết học xuất hiện trong chúng dưới sự hướng dẫn của Ngài.

Trong Hình 27, chúng ta có một số đặc điểm của các chủng tộc, và để hiểu được ý nghĩa của bảng, chúng ta hãy tưởng tượng một linh hồn khi y được sinh ra hết giống dân phụ này đến giống dân phụ khác, trong tất cả chúng.

Các đặc tính của các giống dân

	Atlantis		Arya
1	<i>Rmoahal-Giants-Mahogany-red</i>	1	<i>Hindu - Philosophic</i>
2	<i>Tlavatli-Mountaineers-Red-brown</i>		<i>Egyptian - Practical</i>
3	<i>Toltec-Administrators-Copper-red</i>	2	<i>Aryan Semite-Tribal</i>
4	<i>1st Turanian-Colonists-Yellow</i>	3	<i>Iranian - Mercantile</i>
5	<i>Original Semite-Fighters-White</i>	4	<i>Celtic - Emotional - Idealistic</i>
6	<i>Akkadian-Sea-Faring-White Traders</i>	5	<i>Teutonic - Commercial - Scientific-Individualistic</i>
7	<i>Mongolian-Farmers-Yellow</i>	6	<i>Austral-American - Intuitive Cooperative-Fraternal</i>

Hình 27

Starting with a birth in the first sub-race of the Atlantean what strange experiences he would have as a primitive, giant-like man; and then how different those as a mountaineer, taciturn and hardy, sensitive to changes of sun and cloud. In a birth as a Toltec, in Atlantis or Peru, his life would be as an administrator of some kind in the wonderful patriarchal government that was the glory of the Toltecs; he would have thrust upon his shoulders the welfare of a village or province, would be trained to sink his individuality in some life-work for his fellow-men. As a Turanian colonist, he would know of wanderings in search of new lands, of the struggle to tame nature in a new settlement. As an original Semite, he would be first and foremost a fighter, who developed quickness of decision and was taught that his life was not his, but belonged to his tribe. As an Akkad, he would

Bắt đầu với một lần sinh ra trong giống dân phụ đầu tiên của Atlantis, y sẽ có những trải nghiệm kỳ lạ như thế nào khi là một người nguyên thủy, giống như người khổng lồ; và sau đó những trải nghiệm đó sẽ khác biệt như thế nào khi là một người leo núi, ít nói và khỏe mạnh, nhạy cảm với những thay đổi của mặt trời và mây. Trong một lần sinh ra là một người Toltec, ở Atlantis hoặc Peru, cuộc sống của y sẽ là một nhà quản lý nào đó trong chính phủ phụ hệ tuyệt vời vốn là vinh quang của người Toltec; y sẽ phải gánh trên vai mình phúc lợi của một ngôi làng hoặc tỉnh, sẽ được huấn luyện để chìm cá tính của mình vào một công việc cuộc đời nào đó cho đồng loại. Là một người thực dân Turan, y sẽ biết về những cuộc lang thang tìm kiếm vùng đất mới, về cuộc đấu tranh để thuần hóa thiên nhiên ở một khu định cư mới. Là một người Semite nguyên thủy, y sẽ trước hết là một chiến binh,

know something of the magic of the sea, the need to sense the psychological moment in the disposal of his wares, and would develop much mental strength in business competition. And then as a Chinaman, a farmer, hardly leaving for a day his ancestral farm, how intimately he would know a few of his village, share their griefs and sorrows, and learn much of the inner meaning of life away from the turmoil of war or trade!

Imagine how different, too, would be the soul's experiences in those same sub-races, should he then be born in each in a woman's form, with a woman's duties; new standpoints and sensibilities would be developed, for the lack of which surely the soul would be all the poorer.

Following the soul's journeyings in rebirths, let us watch his entrance among the Aryans. Surely a life in India would leave an indelible mark on him, giving him something of the Hindu philosophical and detached view of life. Later, in Egypt of old, among its practical and happy people, not given to dreams, he would develop another phase of his nature. As an Arab, born in the bosom of the desert, would not that desert leave an impress upon the soul, in a quick sensitiveness and in the sense of the peopled solitude and the vastness of nature? As an Iranian, born in a civilization forcing him to a life of success through mercantile pursuits, what might he not learn of inventiveness and initiative, and of industry and integrity? He could not speak but his thought would take poetical form, and even if he had nothing of poetry in him, a life as an

người phát triển sự quyết đoán nhanh chóng và được dạy rằng cuộc sống của y không phải là của y, mà thuộc về bộ tộc của y. Là một người Akkad, y sẽ biết một chút về phép thuật của biển cả, sự cần thiết phải cảm nhận được thời điểm tâm lý trong việc xử lý hàng hóa của mình, và sẽ phát triển nhiều sức mạnh trí tuệ trong cạnh tranh kinh doanh. Và sau đó là một người Trung Quốc, một nông dân, hầu như không rời trang trại tổ tiên của mình một ngày nào, y sẽ biết một cách mật thiết một vài người trong làng của mình, chia sẻ những đau buồn và khổ đau của họ, và học được nhiều điều về ý nghĩa bên trong của cuộc sống tránh xa sự hỗn loạn của chiến tranh hoặc thương mại!

Hãy tưởng tượng những trải nghiệm của linh hồn sẽ khác biệt như thế nào trong những giống dân phụ đó, nếu y sau đó được sinh ra trong mỗi giống dân phụ trong hình hài một người phụ nữ, với những bổn phận của một người phụ nữ; những quan điểm và cảm xúc mới sẽ được phát triển, vì sự thiếu hụt đó chắc chắn linh hồn sẽ nghèo nàn hơn rất nhiều.

Tiếp theo hành trình tái sinh của linh hồn, chúng ta hãy theo dõi sự gia nhập của y vào Arya. Chắc chắn một cuộc sống ở Ấn Độ sẽ để lại một dấu ấn không thể phai mờ trên y, mang đến cho y một cái gì đó về quan điểm triết học và tách rời cuộc sống của người Hindu. Sau đó, ở Ai Cập thời cổ đại, giữa những người thực tế và hạnh phúc của nó, không mơ mộng, y sẽ phát triển một giai đoạn khác trong bản chất của mình. Là một người Ả Rập, sinh ra trong lòng sa mạc, chẳng phải sa mạc đó sẽ để lại một dấu ấn trong tâm hồn, trong sự nhạy cảm nhanh chóng và trong cảm giác về sự cô độc có người và sự rộng lớn của thiên nhiên sao? Là một người Iran, sinh ra trong một nền văn minh buộc y phải có một cuộc sống thành công thông qua các hoạt động thương mại, y có thể không học được gì về tính sáng tạo và chủ động, cũng như về sự cần cù và chính

Iranian would put him into touch with another phase of life. Then as a Celt—as a Greek of Athens perhaps—what a new conception of life he would have, believing that the gods were everywhere on sea and on land, that he was descended from them, born to make an art of life, to have as his ideal to know something of everything, and so develop a rounded nature and a health of heart; or as a Roman, firm in the conviction that religion and the family and the State are one, with his deep sense of law and reverence for it, and a readiness to obey, in order that he might learn how to rule; or as a Frenchman or an Italian, sensitive and quick to respond to emotions, dazzled by ideas because they are ideas, irrespective of material considerations; or as an Irishman, perhaps a descendant of the Tuatha de Danaan, with his dreams and intuitions, with his exaltations and depressions.

And then born a Teuton, in Scandinavia or England or America—what new qualities would not the soul add to those already acquired? A practical outlook, impersonality through scientific research, conscientiousness through business, and individualism, would he gain; and would not Beethoven, too, and Wagner, and Shakespeare, give him a new message of life?

Of the future sub-race, the sixth, the “Austral-American”, now arising in America, Australia and New Zealand, we can already forecast some qualities: fraternal, as in the new conception of the relation of parent and child; cooperative, with combinations and “mergers” in business and in the work of material development; intuitive, with an

trực? Y không thể nói nhưng suy nghĩ của y sẽ mang hình thức thơ ca, và ngay cả khi y không có gì là thơ ca trong mình, thì một cuộc sống như một người Iran sẽ đưa y tiếp xúc với một giai đoạn khác của cuộc sống. Sau đó, là một người Celt—có lẽ là một người Hy Lạp ở Athens—y sẽ có một quan niệm mới về cuộc sống như thế nào, tin rằng các vị thần ở khắp mọi nơi trên biển và trên đất liền, rằng y là hậu duệ của họ, sinh ra để tạo ra một nghệ thuật sống, để có lý tưởng là biết một chút về mọi thứ, và do đó phát triển một bản chất tròn trịa và một trái tim khỏe mạnh; hoặc là một người La Mã, vững tin rằng tôn giáo và gia đình và Nhà nước là một, với ý thức sâu sắc về luật pháp và sự tôn kính đối với nó, và sẵn sàng tuân theo, để y có thể học cách cai trị; hoặc là một người Pháp hoặc một người Ý, nhạy cảm và nhanh chóng đáp ứng với cảm xúc, bị choáng ngợp bởi những ý tưởng vì chúng là những ý tưởng, bất kể những cân nhắc vật chất; hoặc là một người Ireland, có lẽ là hậu duệ của Tuatha de Danaan, với những giấc mơ và trực giác của y, với những sự hưng phấn và suy sụp của y.

Và sau đó được sinh ra là một người Teuton, ở Scandinavia hoặc Anh hoặc Mỹ—những phẩm chất mới nào mà linh hồn sẽ không thêm vào những phẩm chất đã có? Một cái nhìn thực tế, tính khách quan thông qua nghiên cứu khoa học, sự tận tâm thông qua kinh doanh và chủ nghĩa cá nhân, y sẽ đạt được; và chẳng phải Beethoven, Wagner và Shakespeare cũng sẽ mang đến cho y một thông điệp mới về cuộc sống sao?

Về giống dân phụ tương lai, thứ sáu, “Austral-American”, hiện đang nổi lên ở Mỹ, Úc và New Zealand, chúng ta đã có thể dự đoán một số phẩm chất: huynh đệ, như trong quan niệm mới về mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái; hợp tác, với sự kết hợp và “sáp nhập” trong kinh doanh và trong công việc phát triển vật chất; trực quan, với khả năng tiếp cận mới vấn

ability to approach anew the world problem, untrammelled by the traditions of the old world; and a delight in sunshine and open air and in all things which bring men together in congregations.

And what of the seventh sub-race? Though still in the womb of time, its faint stirrings of life may today be noted in the craving of Latin-America for architecture, poetry and music, remembering subconsciously "the glory that was Greece and the grandeur that was Rome". In that far-off future, men will live a fuller life than even Greece dreamed of; from the treasure-house of Beauty which a man will then find in his heart and mind, he will know that he is divine, and realize his Divinity by creation.

Thus civilizations rise and fall, and develop this or that quality; but the meaning of it all is Reincarnation. They come and go, only to give us training-grounds for the experiences we need life after life. Our Father in Heaven makes them out of the dust, lets them play their parts, and sinks them under the waves, or destroys them in a fiery cataclysm; but they are all only scenes in the drama which He has written for us, His children, so that by playing well and truly our roles in them, we may someday become like Him.

để thế giới, không bị ràng buộc bởi các truyền thống của thế giới cũ; và một niềm vui trong ánh nắng mặt trời và không khí trong lành và trong tất cả những điều mang mọi người đến với nhau trong các hội chúng.

Và còn giống dân phụ thứ bảy thì sao? Mặc dù vẫn còn trong bụng mẹ thời gian, nhưng những khuấy động mờ nhạt của sự sống của nó ngày nay có thể được ghi nhận trong sự khao khát kiến trúc, thơ ca và âm nhạc của Châu Mỹ Latinh, nhớ lại một cách tiềm thức "vinh quang của Hy Lạp và sự hùng vĩ của La Mã". Trong tương lai xa xôi đó, con người sẽ sống một cuộc sống trọn vẹn hơn cả những gì Hy Lạp từng mơ ước; từ kho tàng Vẻ Đẹp mà một người đàn ông sau đó sẽ tìm thấy trong trái tim và thể trí của mình, y sẽ biết rằng y là thiêng liêng và nhận ra Thiên Tính của mình bằng sự sáng tạo.

Như vậy, các nền văn minh trỗi dậy và suy tàn, và phát triển phẩm chất này hay phẩm chất khác; nhưng ý nghĩa của tất cả là Tái Sinh. Chúng đến rồi đi, chỉ để cung cấp cho chúng ta những bài huấn luyện cho những kinh nghiệm mà chúng ta cần hết kiếp này đến kiếp khác. Cha của chúng ta trên Thiên Đàng tạo ra chúng từ bụi đất, để chúng đóng vai trò của mình, và nhấn chìm chúng dưới những cơn sóng, hoặc phá hủy chúng trong một trận đại hồng thủy dữ dội; nhưng tất cả chúng chỉ là những cảnh trong vở kịch mà Ngài đã viết cho chúng ta, những đứa con của Ngài, để bằng cách đóng tốt và trung thực vai trò của chúng ta trong đó, một ngày nào đó chúng ta có thể trở nên giống như Ngài.

CHƯƠNG III

THE LAWS OF REINCARNATION—CÁC ĐỊNH LUẬT VỀ TÁI SINH

The Lord let the house of a brute to the soul of a man,

And the man said, “Am I your debtor?”

And the Lord— “Not yet: but make it as clean as you can,

And then I will let you a better.”

TENNYSON

Once in ten thousand years or more, an idea is suddenly born into the world, that, like another Prometheus, ushers in a new era for men. In the century behind us, such an idea was born, a concept of concepts, in that of Evolution. Like a flash of lightning at night, its light penetrated into every corner, and ever since men have seen nature at work, and not merely felt her heavy hand. In the dim dawn of time was similarly born another concept, that of Reincarnation.

Reincarnation—that life, through successive embodiments, ascends to fuller and nobler capacities of thought and feeling—and Evolution—that form ascends, becoming ever more and more complex in structure—are as the right hand and left of the Great Architect who is fashioning the world. The riddle of the universe is but half solved in the light of one truth alone; consider the two as inseparable, the one the complement of the other, and man then finds a concept which grows with his growth.

Đức Chúa để ngôi nhà của một con thú cho linh hồn của một người,

Và người đó nói, “Tôi có phải là con nợ của Ngài không?”

Và Đức Chúa— “Chưa: nhưng hãy làm cho nó sạch sẽ nhất có thể,

Và sau đó Ta sẽ cho con một cái tốt hơn.”

TENNYSON

Cứ mười nghìn năm hoặc hơn, một ý tưởng đột nhiên ra đời trên thế giới, giống như một Prometheus khác, mở ra một kỷ nguyên mới cho con người. Trong thế kỷ sau chúng ta, một ý tưởng như vậy đã ra đời, một khái niệm về các khái niệm, trong khái niệm về Sự Tiến Hóa. Giống như một tia chớp vào ban đêm, ánh sáng của nó xuyên qua mọi ngóc ngách, và kể từ đó con người đã thấy thiên nhiên hoạt động, và không chỉ cảm thấy bàn tay nặng nề của nó. Vào buổi bình minh mờ mịt của thời gian, một khái niệm khác tương tự đã ra đời, đó là Tái Sinh.

Tái Sinh—rằng sự sống, thông qua các hóa thân liên tiếp, thăng lên những năng lực suy nghĩ và cảm xúc đầy đủ và cao quý hơn—và Sự Tiến Hóa—rằng hình tướng thăng lên, trở nên ngày càng phức tạp hơn về cấu trúc—giống như tay phải và tay trái của Đại Kiến Trúc Sư đang định hình thế giới. Câu đố của vũ trụ chỉ được giải quyết một nửa dưới ánh sáng của một chân lý duy nhất; hãy coi hai điều này là không thể tách rời, cái này là phần bổ sung cho cái kia, và con người sau đó tìm thấy một khái niệm phát triển cùng với sự phát triển của y.

Though Reincarnation is usually thought of as peculiar to the souls of men, it is in reality a process which affects all life in all organisms. The life of the rose that dies returns to its subdivision of the *Rosaceae* "group-soul", and then reincarnates as another rose; the puppy that dies of distemper returns to its dog "group-soul", and later reincarnates as the puppy of another litter. With man, the only difference is that at death he does not return to any group-soul, for he is an individual and separate consciousness; when he reincarnates, he returns with the faculties which he developed in his previous lives, undiminished by sharing them with another individual.

By common usage, however, the word Reincarnation is restricted to the process as it affects the souls of men, and it is used in one of three senses, as follows:

1. That at the birth of a child, God does not then create for it a soul, because that soul existed long before as an individual, in some spiritual condition. For the first and for the last time, the soul takes birth in a human form.

This is the doctrine of Pre-existence.

2. That the soul of man has already appeared in earlier embodiments, sometimes in human forms, but at other times as an animal or as a plant; and that similarly, after death, the soul may be reborn as an animal or plant, before returning once more to a human habitation. This idea is best known as Transmigration or Metempsychosis.

3. That the soul of man, before birth as a child, has already lived on earth as man and as woman, but not as an animal or a plant, except

Mặc dù Tái Sinh thường được coi là đặc thù đối với linh hồn của con người, nhưng trên thực tế, đó là một quá trình ảnh hưởng đến tất cả sự sống trong tất cả các sinh vật. Sự sống của bông hồng chết đi trở về phân ngành "hồn nhóm" *Rosaceae* của nó, và sau đó tái sinh thành một bông hồng khác; con chó con chết vì bệnh care trở về "hồn nhóm" chó của nó, và sau đó tái sinh thành chó con của một lứa khác. Với con người, sự khác biệt duy nhất là khi chết, y không trở về bất kỳ hồn nhóm nào, vì y là một tâm thức cá nhân và riêng biệt; khi y tái sinh, y trở lại với những khả năng mà y đã phát triển trong những kiếp trước, không hề suy giảm do chia sẻ chúng với một cá nhân khác.

Tuy nhiên, theo cách sử dụng thông thường, từ Tái Sinh được giới hạn trong quá trình ảnh hưởng đến linh hồn của con người, và nó được sử dụng theo một trong ba nghĩa sau:

1. Rằng khi một đứa trẻ được sinh ra, Thượng đế không tạo ra một linh hồn cho nó vào thời điểm đó, bởi vì linh hồn đó đã tồn tại từ lâu trước đó như một cá nhân, trong một trạng thái tinh thần nào đó. Lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng, linh hồn được sinh ra trong một hình hài con người.

Đây là học thuyết về Tiền Kiếp.

2. Rằng linh hồn của con người đã xuất hiện trong những hóa thân trước đó, đôi khi trong hình hài con người, nhưng những lúc khác là động vật hoặc thực vật; và tương tự như vậy, sau khi chết, linh hồn có thể được tái sinh thành động vật hoặc thực vật, trước khi trở lại một lần nữa nơi ở của con người. Ý tưởng này được biết đến nhiều nhất với tên gọi Chuyển Kiếp hoặc Luân Hồi.

3. Rằng linh hồn của con người, trước khi sinh ra là một đứa trẻ, đã từng sống trên trái đất với tư cách là đàn ông và phụ nữ, nhưng không

before “individualization”, i.e. before the soul became a permanent, self-conscious, individual entity; and that at death, after an interval of life in a spiritual condition, the soul returns to earth again, as man or as woman, but never more taking birth as a plant or as an animal. This is the doctrine of Reincarnation.

Theosophy teaches that a soul, once become “individualized” and human, cannot reincarnate in animal or vegetable forms, and Theosophists today use the word Reincarnation only in the third sense above. In modern Theosophical literature, Reincarnation never means rebirth as plant or animal, for, were such a thing possible, a soul would gain nothing for his evolution by such a retrograde step.

Since this work is a textbook of Theosophy, arguments for and against Reincarnation have here no place. Each inquirer must discover for himself the fact of Reincarnation by study and observation, as each student of science discovers the process of Evolution by similar means. This section will outline the laws under which souls reincarnate, in so far as laws have been discovered by occult investigations.

At the outset, we must clearly understand who or what it is that reincarnates. For this, we must understand what is the soul, and what are his vehicles or instruments of consciousness.

(Fig. 28)

phải là động vật hay thực vật, ngoại trừ trước khi “biệt ngã hóa”, tức là trước khi linh hồn trở thành một thực thể cá nhân, tự ý thức, vĩnh viễn; và rằng khi chết, sau một khoảng thời gian sống trong một trạng thái tinh thần, linh hồn trở lại trái đất một lần nữa, với tư cách là đàn ông hoặc phụ nữ, nhưng không bao giờ sinh ra nữa như một loài thực vật hoặc động vật. Đây là học thuyết về Tái Sinh.

Thông Thiên Học dạy rằng một linh hồn, một khi đã trở nên “biệt ngã hóa” và là con người, thì không thể tái sinh trong hình hài động vật hoặc thực vật, và những người theo Thông Thiên Học ngày nay chỉ sử dụng từ Tái Sinh theo nghĩa thứ ba ở trên. Trong văn học Thông Thiên Học hiện đại, Tái Sinh không bao giờ có nghĩa là tái sinh thành thực vật hoặc động vật, vì nếu một điều như vậy có thể xảy ra, thì một linh hồn sẽ không đạt được gì cho sự tiến hóa của mình bằng một bước thụt lùi như vậy.

Vì tác phẩm này là một cuốn sách giáo khoa về Thông Thiên Học, nên những tranh luận ủng hộ và phản đối Tái Sinh không có chỗ ở đây. Mỗi người tìm hiểu phải tự khám phá ra sự thật về Tái Sinh bằng cách nghiên cứu và quan sát, giống như mỗi sinh viên khoa học khám phá ra quá trình Tiến Hóa bằng các phương tiện tương tự. Phần này sẽ phác thảo các định luật mà theo đó linh hồn tái sinh, trong chừng mực các định luật đã được khám phá bởi các cuộc điều tra huyền bí học.

Ngay từ đầu, chúng ta phải hiểu rõ ai hoặc cái gì tái sinh. Vì điều này, chúng ta phải hiểu linh hồn là gì và các vận cụ hoặc công cụ tâm thức của y là gì.

(Hình 28)

CÁC VẬN CỤ CỦA LINH HỒN			
CỐI TRÍ	THƯỢNG TRÍ	THỂ NGUYÊN NHÂN	ĐỂ TIẾN HÓA CÙNG VỚI LÝ TƯỢNG — TƯ TƯỢNG TRỪU TƯỢNG
	HẠ TRÍ	THỂ TRÍ	ĐỂ SUY NGHĨ CÙNG VỚI Ý TƯỢNG — TƯ TƯỢNG CỤ THỂ
CỐI CẢM DỤC		THỂ CẢM DỤC	ĐỂ CẢM THẤY CÙNG VỚI CẢM XÚC — DỤC VỌNG
CỐI HỒNG TRẦN		THỂ XÁC	ĐỂ HÀNH ĐỘNG CÙNG VỚI PHẢN ỨNG GIÁC QUAN — HÀNH ĐỘNG

HÌNH 28

The soul of man is an individual and permanent Consciousness who lives in a form or body of invisible matter. This soul-body, composed of a type of matter called higher mental, is called in modern Theosophical studies the Causal Body. Its form is human, but not of either man or woman with sex characteristics, but more of the angel of tradition. It is called the Augoeides. It is surrounded by an ovoid of fiery, luminous matter, yet delicate as the evanescent tints of a sunset. The Augoeides and the ovoid of luminous matter surrounding it are the soul's permanent habitation, the causal body; it is called "causal", because the best impulses for thought, feeling and action on all the planes of the soul's operations, are caused or created in

Linh hồn của con người là một Tâm thức cá nhân và vĩnh cửu, vốn sống trong một hình tướng hoặc thể vật chất vô hình. Thể linh hồn này, được cấu thành từ một loại vật chất gọi là thượng trí, trong các nghiên cứu Thông Thiên Học hiện đại được gọi là Thể Nguyên Nhân. Hình tướng của nó là hình người, nhưng không phải là nam hay nữ với các đặc điểm giới tính, mà giống với thiên thần trong truyền thống hơn. Nó được gọi là Augoeides. Nó được bao quanh bởi một hình trứng của vật chất rực lửa, phát sáng, nhưng lại tinh tế như những sắc thái phù du của một buổi hoàng hôn. Augoeides và hình trứng vật chất phát sáng bao quanh nó là nơi cư ngụ vĩnh viễn của linh hồn, thể nguyên nhân; nó được gọi là "nguyên nhân", bởi vì những thôi thúc tốt

this permanent residence of the soul. In that causal body the soul lives, undying and eternal. To him there is no birth, childhood, old age or death; he is an immortal soul, growing in power to love, to think, to act, as the ages roll by. He lives his eternal life only in order to make himself an expert in some department of life by the experiences which he shall gain, and to find his utmost happiness in aiding the evolutionary Plan of his Divine Progenitor.

The growth of the soul commences first by experimenting with life on realms lower than those where is his true home. For this he reincarnates; that is,

1. He gathers matter of the lower mental plane and shapes it into a mental body, with which to *think*, that is, to translate the outer world of phenomena in terms of thoughts and laws;

2. He gathers astral matter and shapes it into an astral body, with which to *feel*, that is, to translate the phenomenal world in terms of personal desires and emotions;

3. He is provided with an appropriate physical body, with which to *act*; using that body, he translates the world in terms of physical properties—heavy or light, hot or cold, movable or immovable, and others.

This process of taking up these three bodies by the soul is Reincarnation. During the life of the physical body, every vibration to which the nerves respond first causes a sensorial reaction in the brain; this reaction is noted then by the astral body as pleasant or unpleasant; the mental body next notes the report of the astral, and translates the

nhất cho tư tưởng, cảm xúc và hành động trên tất cả các cõi hoạt động của linh hồn, được gây ra hoặc tạo ra trong nơi cư trú vĩnh viễn này của linh hồn. Trong thể nguyên nhân đó, linh hồn sống, bất diệt và vĩnh cửu. Với y không có sinh, thơ ấu, tuổi già hay cái chết; y là một linh hồn bất tử, lớn mạnh trong khả năng yêu thương, suy nghĩ, hành động, khi thời gian trôi qua. Y sống cuộc sống vĩnh cửu của mình chỉ để tự biến mình thành một chuyên gia trong một lĩnh vực nào đó của cuộc sống bằng những kinh nghiệm mà y sẽ đạt được, và để tìm thấy hạnh phúc tốt độ của mình trong việc hỗ trợ Thiên Cơ tiến hóa của Đấng Tổ Tiên Thiêng Liêng của y.

Sự trưởng thành của linh hồn bắt đầu trước tiên bằng cách thử nghiệm với cuộc sống trên các cõi thấp hơn những nơi là ngôi nhà đích thực của y. Vì điều này, y tái sinh; nghĩa là,

1. Y thu thập vật chất của cõi hạ trí và định hình nó thành một thể trí, để suy nghĩ, nghĩa là, để dịch thế giới hiện tượng bên ngoài thành các tư tưởng và định luật;

2. Y thu thập vật chất cảm dục và định hình nó thành một thể cảm dục, để cảm nhận, nghĩa là, để dịch thế giới hiện tượng thành các ham muốn và cảm xúc cá nhân;

3. Y được cung cấp một thể xác thích hợp, để hành động; sử dụng thể xác đó, y dịch thế giới thành các thuộc tính vật lý — nặng hay nhẹ, nóng hay lạnh, có thể di chuyển hoặc không thể di chuyển, và những thứ khác.

Quá trình linh hồn tiếp nhận ba thể này được gọi là Tái Sinh. Trong suốt cuộc đời của thể xác, mọi rung động mà các dây thần kinh đáp ứng trước tiên đều gây ra một phản ứng giác quan trong não; phản ứng này sau đó được thể cảm dục ghi nhận là dễ chịu hoặc khó chịu; thể trí tiếp theo ghi nhận báo cáo của thể cảm dục, và dịch ấn tượng thành một tư tưởng; tư tưởng

impression as a thought; that thought is finally noted by the soul in the causal body. The soul then sends, through the mental body to the astral body, and through the astral to the physical brain, its response to the phenomenon of the physical world. At every moment of time, when consciousness works, there is this telegraphing to and from the causal body. After many ideas are thus gained, the soul analyses them, tabulates them, and finally generalizes all life's experiences into ideals of thought and action. He thus transmutes the phenomenal world into eternal concepts which become a part of himself.

The return process in Reincarnation, called Death, makes no difference whatsoever to the soul in the causal body. First, the physical body is put aside, and a response is no longer made through it to physical phenomena. But he has still the mental body and the astral body. Then the astral is cast aside, and attention is no longer paid to astral phenomena, and the soul observes only the world of the lower mental plane. Lastly, the mental body itself is discarded, and the soul is fully himself in the causal body; he no longer possesses any lower vehicles. (See Chapter VI — "Man in Life and in Death".) He has returned home once more, as it were, though as a matter of fact he never left his real abode at all; he did but focus a part of his consciousness and will through his vehicles of lower matter, and men called it Reincarnation. He used his vehicles for varying lengths of time and, when he no longer needed them, he cast them aside. What we call life and death are, to the soul, only the sending forth of some of his consciousness to lower planes, and then its withdrawal to the higher once more.

The method of studying the laws of

đó cuối cùng được linh hồn ghi nhận trong thể nguyên nhân. Sau đó, linh hồn gửi, thông qua thể trí đến thể cảm dục, và thông qua thể cảm dục đến não bộ thể xác, phản ứng của nó đối với hiện tượng của thể giới hồng trần. Tại mọi thời điểm, khi tâm thức hoạt động, có sự liên lạc bằng điện báo này đến và đi từ thể nguyên nhân. Sau khi đạt được nhiều ý tưởng như vậy, linh hồn phân tích chúng, lập bảng chúng và cuối cùng khái quát hóa tất cả các kinh nghiệm của cuộc sống thành những lý tưởng về tư tưởng và hành động. Do đó, y chuyển hóa thể giới hiện tượng thành những khái niệm vĩnh cửu vốn trở thành một phần của chính y.

Quá trình trở lại trong Tái Sinh, được gọi là Cái Chết, không tạo ra bất kỳ sự khác biệt nào đối với linh hồn trong thể nguyên nhân. Đầu tiên, thể xác được gạt sang một bên, và không còn phản ứng thông qua nó đối với các hiện tượng vật lý nữa. Nhưng y vẫn có thể trí và thể cảm dục. Sau đó, thể cảm dục bị loại bỏ, và không còn chú ý đến các hiện tượng cảm dục nữa, và linh hồn chỉ quan sát thể giới của cõi hạ trí. Cuối cùng, chính thể trí bị loại bỏ, và linh hồn hoàn toàn là chính mình trong thể nguyên nhân; y không còn sở hữu bất kỳ vận cụ thấp hơn nào nữa. (Xem Chương VI — "Con Người trong Cuộc Sống và trong Cái Chết"). Y đã trở về nhà một lần nữa, như thể, mặc dù trên thực tế y chưa bao giờ rời khỏi nơi ở thực sự của mình; y chỉ tập trung một phần tâm thức và ý chí của mình thông qua các vận cụ vật chất thấp hơn của mình, và con người gọi đó là Tái Sinh. Y đã sử dụng các vận cụ của mình trong những khoảng thời gian khác nhau và, khi không còn cần chúng nữa, y đã gạt chúng sang một bên. Những gì chúng ta gọi là sự sống và cái chết, đối với linh hồn, chỉ là việc gửi một phần tâm thức của y đến các cõi thấp hơn, và sau đó rút nó trở lại cõi cao hơn một lần nữa.

Phương pháp nghiên cứu các định luật của Tái

Reincarnation is to observe souls as they are born into physical bodies, as they live in them, as they cast them aside at death, as they later free themselves from their astral and mental bodies, and as they are finally fully themselves in their causal bodies. Every incident of this process is recorded in the Memory of the Logos, and the investigator who can put himself in touch with that Memory can watch the reincarnations of any soul time after time.

Investigations by this method have been made, and enough facts have been gathered already to enable us to deduce laws. The first important fact in Reincarnation is that its laws differ for various types of souls. All souls at any given epoch are not of equal capacity, for some are older souls and others are younger. (Why there should be this difference in age will be explained in Chapter VII—"The Evolution of Animals".) The aim of Reincarnation is to enable a soul to be wiser and better after the experiences of each incarnation; but it is found that while one soul has the ability of learning quickly from an experience, another will be extremely slow to learn, and needs each experience to be repeated over and over again. This difference in capacity for assimilating experience is due to the difference in age of the two souls, and, according to such differences, souls naturally fall into five broad classes, as in Fig. 29.

Sinh là quan sát các linh hồn khi chúng được sinh ra trong thể xác, khi chúng sống trong đó, khi chúng gạt chúng sang một bên khi chết, khi chúng sau đó giải thoát chúng khỏi thể cảm dục và thể trí của chúng, và khi chúng cuối cùng hoàn toàn là chính mình trong thể nguyên nhân của chúng. Mọi sự cố của quá trình này đều được ghi lại trong Ký ức của Hành Tinh Thượng đế, và nhà nghiên cứu vốn có thể kết nối với Ký ức đó có thể theo dõi sự tái sinh của bất kỳ linh hồn nào hết lần này đến lần khác.

Các cuộc điều tra bằng phương pháp này đã được thực hiện, và đủ dữ kiện đã được thu thập để cho phép chúng ta suy ra các định luật. Dữ kiện quan trọng đầu tiên trong Tái Sinh là các định luật của nó khác nhau đối với các loại linh hồn khác nhau. Tất cả các linh hồn ở bất kỳ thời điểm nào đều không có năng lực ngang nhau, vì một số là linh hồn già hơn và những linh hồn khác là trẻ hơn. (Tại sao lại có sự khác biệt về tuổi tác này sẽ được giải thích trong Chương VII — "Sự Tiến Hóa của Động Vật"). Mục đích của Tái Sinh là cho phép một linh hồn khôn ngoan hơn và tốt hơn sau những kinh nghiệm của mỗi lần tái sinh; nhưng người ta thấy rằng trong khi một linh hồn có khả năng học hỏi nhanh chóng từ một kinh nghiệm, thì một linh hồn khác sẽ cực kỳ chậm học, và cần mỗi kinh nghiệm được lặp đi lặp lại nhiều lần. Sự khác biệt về khả năng đồng hóa kinh nghiệm này là do sự khác biệt về tuổi tác của hai linh hồn, và, theo những khác biệt như vậy, các linh hồn tự nhiên rơi vào năm loại rộng lớn, như trong Hình 29.

CÁC LOẠI LINH HỒN TÁI SINH

1. CHÂN SƯ — Vượt qua nhu cầu tái sinh
 2. “TRÊN ĐƯỜNG ĐẠO” — Tái sinh ngay lập tức dưới sự giám sát của Vị Thầy của mình. Từ bỏ đời sống ở cõi trời
 3. CÓ VĂN HÓA —
 - (a) Tái sinh hai lần trong mỗi giống dân phụ. Trung bình 1.200 năm ở cõi trời.
 - (b) Tái sinh nhiều hơn hai lần trong cùng giống dân phụ. Trung bình 700 năm ở cõi trời.
 4. TÂM TRÍ ĐƠN SƠ
 5. CHƯA PHÁT TRIỂN
- } Tái sinh nhiều lần trong một giống dân phụ trước khi chuyển sang giống dân phụ tiếp theo.

HÌNH 29

The youngest souls are those who are unable to control their violent and crude desire-natures and are lacking in mental ability; in the world today, these souls appear in the savage and semi-civilized races, as also in the backward or criminal-minded individuals in civilized communities (No.5). Somewhat further evolved, and so older, are those souls who have passed beyond the savage stage, but are still simple-minded, unimaginative, and lacking in initiative (No.4). These two classes include more than nine-tenths of humanity.

Then come the more advanced and cultured souls in all races, whose intellectual horizon is not altogether limited by family or nation, who crave an ideal of perfection, and are consciously aiming to achieve it (No.3). Fewer still are those souls who have discovered that the meaning of life is self-sacrifice and dedication, and are “on the Path” and

Những linh hồn trẻ nhất là những người không thể kiểm soát bản chất ham muốn thô bạo và dữ dội của mình và thiếu khả năng trí tuệ; trong thế giới ngày nay, những linh hồn này xuất hiện ở các chủng tộc man rợ và bán khai, cũng như ở những cá nhân lạc hậu hoặc có đầu óc tội phạm trong các cộng đồng văn minh (Số 5). Tiến hóa hơn một chút, và do đó già hơn, là những linh hồn đã vượt qua giai đoạn man rợ, nhưng vẫn còn đơn giản, thiếu trí tưởng tượng và thiếu sáng kiến (Số 4). Hai loại này bao gồm hơn chín phần mười nhân loại.

Sau đó đến những linh hồn tiên tiến và có văn hóa hơn trong tất cả các chủng tộc, những người có tầm nhìn trí tuệ không hoàn toàn bị giới hạn bởi gia đình hoặc quốc gia, những người khao khát một lý tưởng hoàn hảo và đang ý thức nhắm đến việc đạt được nó (Số 3). Ít hơn nữa là những linh hồn đã khám phá ra rằng ý nghĩa của cuộc sống là sự hy sinh bản

consciously moulding their future (No.2). And as the rare blossoms on our tree of Humanity are the Adepts, the Masters of the Wisdom, those mighty Elder Brothers of Humanity who are the Shadows of God upon earth, who stand guiding evolution according to the Divine Plan (No.1).

Reincarnation takes place in the sub-races of the Root-races studied in the last chapter; but before we come to its laws, we must first exempt from their working two classes—that of the Adepts and that of those “on the Path “. The Adept is past any need of Reincarnation; he has already gained all experiences which civilizations can give him; he has “wrought the purpose through of what did make him man”. Though he has become “a pillar in the temple of my God” and “shall go no more out”, yet many an Adept reincarnates among men to be a Lawgiver and Guide, to at-one mankind with God. As the Adept takes birth, he chooses where and when he will be born, for he is the absolute master of his destiny.

Those “on the Path” are the disciples of the Masters of the Wisdom, and usually, after death, they reincarnate within a few months or years, without discarding their mental and astral bodies, as is normally the case before rebirth. The general law is that, after the death of the physical body, the soul has a brief period of life on the astral plane; and then, after discarding the astral body, spends several centuries in the lower mental world. This lower mental world is in the Lower Heaven (often called Devachan in Theosophical literature), and there the longings and aspirations of the earth-life are lived over again, but with complete realization now of all

thân và sự cống hiến, và đang "trên Thánh Đạo" và ý thức định hình tương lai của họ (Số 2). Và những bông hoa hiếm có trên cây Nhân Loại của chúng ta là Các Chân sư, Các Huấn Sư của Minh Triết, những Huynh Trưởng vĩ đại của Nhân Loại, những người là Bóng Hình của Thượng đế trên trái đất, những người đang hướng dẫn sự tiến hóa theo Thiên Cơ (Số 1).

Tái Sinh diễn ra trong các giống dân phụ của các Giống dân gốc được nghiên cứu trong chương trước; nhưng trước khi chúng ta đi đến các định luật của nó, trước tiên chúng ta phải loại trừ khỏi hoạt động của chúng hai loại — loại Các Chân sư và loại những người "trên Thánh Đạo". Các Chân sư đã vượt qua mọi nhu cầu Tái Sinh; y đã đạt được tất cả những kinh nghiệm mà các nền văn minh có thể mang lại cho y; y đã "thực hiện mục đích thông qua những gì đã tạo ra y là người". Mặc dù y đã trở thành "một cây cột trong đền thờ Thượng đế của ta" và "sẽ không đi ra nữa", nhưng nhiều Chân sư tái sinh giữa loài người để trở thành Người Ban Hành Luật và Hướng Dẫn, để hòa hợp nhân loại với Thượng đế. Khi Các Chân sư giáng sinh, y chọn nơi và khi nào y sẽ được sinh ra, vì y là chủ nhân tuyệt đối của số phận của mình.

Những người "trên Thánh Đạo" là đệ tử của Các Huấn Sư của Minh Triết, và thông thường, sau khi chết, họ tái sinh trong vòng vài tháng hoặc vài năm, mà không loại bỏ thể trí và thể cảm dục của họ, như thường lệ trước khi tái sinh. Định luật chung là, sau khi thể xác chết đi, linh hồn có một khoảng thời gian ngắn ngủi trên cõi cảm dục; và sau đó, sau khi loại bỏ thể cảm dục, trải qua vài thế kỷ trong thế giới hạ trí. Thế giới hạ trí này nằm trong Hạ Thiên (thường được gọi là Devachan trong văn học Thông Thiên Học), và ở đó những khao khát và khát vọng của cuộc sống trần thế được sống lại, nhưng giờ đây đã nhận ra hoàn toàn tất cả những hạnh phúc mà người ta khao khát.

the happinesses longed for. Centuries are thus spent in happy activity, till the forces of aspiration work themselves out, and the soul discards the mental body itself. He has then finished his incarnation, and is himself, in his causal body only, with all his experiences transmuted into ideals and capacities. But as he has still much to do towards perfecting himself, he reincarnates again, taking three new bodies—the mental, the astral and the physical.

An exception to this usual method of evolution is the disciple “on the Path”; he puts by the centuries of happiness which he might have in the heaven world, for he is eager to continue on the physical plane the work for his Master; he therefore renounces the happiness which is his due, in order to serve mankind with his work. His Master chooses for him when and where he shall be born, and he returns to birth with the astral and mental bodies of the life just closed, taking only a new physical body.

The laws of Reincarnation, which apply to souls who are neither disciples, nor Adepts, can be deduced as we analyse the facts in Figs.30-33.

Hàng thế kỷ trôi qua trong hoạt động hạnh phúc như vậy, cho đến khi các lực lượng khát vọng tự giải quyết, và linh hồn tự loại bỏ thể trí. Sau đó, y đã hoàn thành kiếp sống của mình, và là chính mình, chỉ trong thể nguyên nhân của mình, với tất cả những kinh nghiệm của y được chuyển hóa thành những lý tưởng và năng lực. Nhưng vì y vẫn còn nhiều việc phải làm để hoàn thiện bản thân, y lại tái sinh, mang ba thể mới — thể trí, thể cảm dục và thể xác.

Một ngoại lệ đối với phương pháp tiến hóa thông thường này là đệ tử “trên Thánh Đạo”; y gạt bỏ những thế kỷ hạnh phúc mà y có thể có ở cõi thiên đường, vì y rất mong muốn tiếp tục trên cõi hồng trần công việc cho Chân sư của mình; do đó, y từ bỏ hạnh phúc vốn thuộc về mình, để phụng sự nhân loại bằng công việc của mình. Chân sư của y chọn cho y khi nào và ở đâu y sẽ được sinh ra, và y trở lại giáng sinh với thể cảm dục và thể trí của cuộc sống vừa kết thúc, chỉ mang một thể xác mới.

Các định luật của Tái Sinh, vốn áp dụng cho những linh hồn không phải là đệ tử, cũng không phải là Các Chân sư, có thể được suy ra khi chúng ta phân tích các dữ kiện trong Hình 30-33.

chủ thể A - 20 kiếp sống cuối cùng THỜI GIAN SỐNG TRUNG BÌNH TRÊN TRÁI ĐẤT LÀ 60 ½ NĂM KHOẢNG THỜI GIAN TRUNG BÌNH GIỮA CÁC LẦN NHẬP THỂ LÀ 1208 ¼ NĂM.					
NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỐNG DÂN	GIỚI TÍNH	TUỔI	GIỮA CÁC KIẾP SỐNG
TCN 23650	N. AMERICA	IV. 1	NAM	56	929
22665	N. AMERICA	.. 2	NAM	64	1135
21466	POSEIDONIS	.. 3	NAM	84	1826
19556	BACTRIA	.. 4	NAM	71	1276
18209	N. AFRICA	.. 5	NAM	69	1266
16874	POSEIDONIS	.. 6	NỮ	51	1041
15782	TARTARY	.. 7	NỮ	85	1167
14530	CANADA	IV. 1	NỮ	57	813
13654	POSEIDONIS	.. 2	NAM	54	1505
12095	PERU	.. 3	NAM	82	2238
9775	CHINA	.. 4	NAM	14	143
9618	POSEIDONIS	.. 5	NỮ	54	1262
8302	ETRURIA	.. 6	NỮ	44	1241
7017	EGYPT	V. 1	NAM	68	1314
5635	INDIA	.. 1	NAM	47	1551
4037	EGYPT	.. 1	NAM	70	1143
2824	CRETE	.. 4	NAM	37	830
1907	ARABIA	.. 2	NAM	45	1338
524	GREECE	.. 4	NAM	70	2301
SCN 1847	ENGLAND	.. 5	NAM	87	

Hình 30

CHỦ THẺ B-LAST 24 TIỀN KIẾP

THỜI GIAN SỐNG TRUNG BÌNH TRÊN TRÁI ĐẤT 53½ NĂM

THỜI GIAN TRUNG BÌNH GIỮA CÁC LẦN ĐẦU THAI 1017¾ NĂM

NGÀY SINH	NƠI SINH	CHUNG TỘC	GIỚI TÍNH	TUỔI	GIỮA CÁC LẦN SỐNG
T.C.N. 23875	HAWAII	IV. 2	NAM	60	837
22978	MADAGASCAR	„ 2	NỮ	57	713
22208	MALACCA	„ 7	„	56	612
21540	NAM ẤN ĐỘ	„ 2	„	36	0
21504	NAM ẤN ĐỘ	„ 2	„	48	0
21456	NAM ẤN ĐỘ	„ 2	„	64	1775
19617	BACTRIA	„ 4	NAM	71	1245
18301	MOROCCO	„ 5	NỮ	67	1006
17228	POSEIDONIS	„ 6	„	91	1447
15690	TARTARY	„ 7	„	58	1125
14507	CANADA	„ 6	NỮ	56	780
13671	POSEIDONIS	„ 2	NAM	38	1543
12090	PERU	„ 3	„	85	2313
9686	CHINA	„ 4	NỮ	13	70
9603	POSEIDONIS	„ 5	„	39	123.9
8325	ETRURIA	„ 6	NỮ	65	1502
6758	NAM ẤN ĐỘ	„ 7	„	52	1007
5629	INDIA	VI	„	62	1552
4015	EGYPT	„ 1	NAM	71	1208
2735	NAM PHI	„ 2	NỮ	48	809
1879	PERSIA	„ 3	„	17	341
1521	ASIA MINOR	„ 4	„	31	991
499	GREECE	„ 4	NỮ	76	2020
S.C.N. 1597	VENICE	„ 4	NỮ	23	276
1896	U. S. A.	„ 5	„		

HÌNH 31

ĐỐI TƯỢNG C - 30 KIẾP SỐNG CUỐI

TUỔI THỌ TRUNG BÌNH TRÊN TRÁI ĐẤT $72\frac{2}{3}$ NĂM

KHOẢNG THỜI GIAN TRUNG BÌNH GIỮA CÁC LẦN NHẬP THỂ 706 NĂM

NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỐNG DÂN	GIỚI TÍNH	TUỔI	GIỮA CÁC KIẾP SỐNG
T.C.N. 22662	N. AMERICA	IV. 2	NỮ	84	819
21 759	INDIA	„ 6	„	17	275
21 467	INDIA	„ 2	NAM	85	808
20 574	INDIA	„ 3	„	109	911
19 554	CHINA	„ 4	„	69	600
18885	CENTRAL ASIA	V. 1	„	73	607
18 209	N. AFRICA	IV. 5	„	71	574
17464	N. AFRICA	V. 1	„	60	528
16876	POSEIDONIS	IV. 6	„	84	797
15995	CENTRAL ASIA	V. 1	FEMALE	58	535
15402	INDIA	„ /	„	79	772
14551	INDIA	„ /	„	91	809
13651	POSEIDONIS	IV. 2	„	82	692
12877	INDIA	V. 1	NAM	82	702
12093	PERU	IV. 3	„	90	821
11182	INDIA	V. /	„	71	682
10429	INDIA	„ /	„	73	684
9672	POSEIDONIS	IV. 5	„	86	811
6775	INDIA	V. /	„	83	840
7852	INDIA	„ /	„	78	788
6986	EGYPT	„ /	FEMALE	77	945
5964	INDIA	„ /	„	17	312
5635	INDIA	„ /	„	47	618
4970	INDIA	„ /	„	69	866
4035	EGYPT	„ /	„	75	901
3059	INDIA	„ /	NAM	81	798
2180	INDIA	„ /	„	56	596
1528	PERSIA	„ 3	„	87	811
630	INDIA	„ /	„	71	1183
S.C.N. 624	INDIA	„ /	„	70	1201
1895	INDIA	„ /	„	„	„

HÌNH. 32

ĐỐI TƯỢNG D—17 KIẾP SỐNG CUỐI CÙNG ĐỜI SỐNG TRUNG BÌNH TRÊN TRÁI ĐẤT 55½ NĂM THỜI GIAN TRUNG BÌNH GIỮA CÁC LẦN ĐẦU THAI 1264 NĂM					
NGÀY SINH	NƠI SINH	CHUNG TỘC VÀ GIỐNG DÂN PHỤ	GIỚI TÍNH	TUỔI THỌ	THỜI GIAN GIỮA CÁC LẦN ĐẦU THAI
TCN.19,245	CHALDEA	IV. 6	NAM	76	2022
17,147	EGYPT	„ 5	„	72	1787
15,288	POSEIDONIS	„ 3	„	44	498
14,746	ESKIMO	„ 1	NỮ	55	653
14,038	BẮC MỸ	„ 2	„	62	1187
12,089	PERU	„ 3	„	85	2367
9,637	CHINA	„ 4	„	12	22
9,603	BẮC ATLANTIS	„ 5	„	39	995
8,569	ETRURIA	„ 6	„	59	1053
7,457	JAPAN	„ 7	„	65	1513
5,879	EGYPT	V. 1	NAM	75	1772
4,032	INDIA	„ 1	„	45	1829
2,158	ARABIA	„ 2	„	68	1517
573	PERSIA	„ 3	„	12	41
520	ATHENS	„ 4	„	71	1952
SCN.1,503	ĐỨC	„ 5	„	19	328
1,850	ANH	„ 5	„	83	

Hình 33

The charts give us, in tabular form, facts concerning the past lives of four individuals.² All four have of course behind them several hundred lives; but, for purposes of study, only their more recent lives have been investigated. These four belong to the cultured class of souls, but the study of the laws governing their evolution will give us also some facts concerning the reincarnation of the other two classes—the simple-minded and the undeveloped.

Các biểu đồ cho chúng ta, ở dạng bảng, các dữ kiện liên quan đến các kiếp sống trước đây của bốn cá nhân. Tất nhiên, cả bốn đều có hàng trăm kiếp sống phía sau; nhưng, vì mục đích nghiên cứu, chỉ những kiếp sống gần đây hơn của họ mới được điều tra. Bốn người này thuộc về tầng lớp linh hồn có văn hóa, nhưng việc nghiên cứu các định luật chi phối sự tiến hóa của họ cũng sẽ cung cấp cho chúng ta một số dữ kiện liên quan đến sự tái sinh của hai loại còn lại — những người có đầu óc đơn giản và

² These four individuals, A, B, C and D, are respectively the character-egos. Sirius, Orion, Alcyone and Erato of “The Lives of Alcyone”. Sirius and Alcyone do not, strictly speaking, belong anymore to class 3 of Fig. 29, since they are now “on the Path”. But as they entered “the Path” only recently—in the case of Sirius, in his Greek incarnation, 524 B.C., and in the case of Alcyone, in A.D. 1910—their lives are probably typical of class 3.

From the particulars given as to the place, time, sex and race of the incarnations, and from the time intervening between lives, we can deduce the following:

1. There are among the cultured souls two sub-types: one of those whose period between death and rebirth averages about 1,200 years (Subjects A, Band D, Figs. 30, 31 and 33), and the other, of those whose interval between lives is only about 700 years (Subject C, Fig. 32). The period between incarnations is largely spent in the lower heaven world, in "Devachan", and the length of life there depends on the amount and intensity of aspiration during the earthly life. In the case of the undeveloped and the simple-minded souls, a life in the physical body of some sixty years will create spiritual force which will give a life in Devachan, for the former from five to fifty years, and for the latter of some two or three-centuries; should, however, the physical life be short, as when death occurs in childhood or youth, the Devachan will be much shorter, since the spiritual force generated will be smaller in quantity.

In the case of the majority of cultured souls, a life of sixty years may need from 1,000 to 1,200 years in Devachan; the period of time depends on the quantity of force to be transmuted into faculty. Among these cultured souls, however, is a small group, of the type of Subject C in Fig. 32, who, though they may generate the same quantity of aspirational force as the others who require twelve centuries in Devachan, yet condense their heaven-world life into some seven centuries.

những người chưa phát triển.

Từ các chi tiết được cung cấp về địa điểm, thời gian, giới tính và chủng tộc của các kiếp sống, và từ thời gian xen kẽ giữa các kiếp sống, chúng ta có thể suy ra những điều sau:

1. Có hai loại phụ trong số các linh hồn có văn hóa: một loại có thời gian trung bình giữa cái chết và tái sinh khoảng 1.200 năm (Đối tượng A, B và D, Hình 30, 31 và 33), và loại còn lại, có khoảng thời gian giữa các kiếp sống chỉ khoảng 700 năm (Đối tượng C, Hình 32). Khoảng thời gian giữa các kiếp sống phần lớn được trải qua ở thế giới hạ thiên, ở "Devachan", và độ dài của cuộc sống ở đó phụ thuộc vào số lượng và cường độ của khát vọng trong cuộc sống trần thế. Trong trường hợp các linh hồn chưa phát triển và có đầu óc đơn giản, một cuộc sống trong thể xác khoảng sáu mươi năm sẽ tạo ra lực lượng tinh thần vốn sẽ mang lại một cuộc sống ở Devachan, đối với những người trước đây từ năm đến năm mươi năm, và đối với những người sau này khoảng hai hoặc ba thế kỷ; tuy nhiên, nếu cuộc sống thể xác ngắn ngủi, như khi cái chết xảy ra ở thời thơ ấu hoặc tuổi trẻ, thì Devachan sẽ ngắn hơn nhiều, vì lực lượng tinh thần được tạo ra sẽ nhỏ hơn về số lượng.

Trong trường hợp phần lớn các linh hồn có văn hóa, một cuộc sống sáu mươi năm có thể cần từ 1.000 đến 1.200 năm ở Devachan; khoảng thời gian phụ thuộc vào số lượng lực lượng cần được chuyển hóa thành năng lực. Tuy nhiên, trong số những linh hồn có văn hóa này, có một nhóm nhỏ, thuộc loại Đối tượng C trong Hình 32, những người, mặc dù họ có thể tạo ra cùng một lượng lực lượng khát vọng như những người khác vốn cần mười hai thế kỷ ở Devachan, nhưng lại cô đọng cuộc sống ở thế giới thiên đường của họ vào khoảng bảy thế kỷ.

2. Cultured souls of the first sub-type are born, in one cycle, in the sub-race of a Root-race at least twice in each sub-race, and generally in their numerical order. When we consider Subject A of Fig. 30, we find him born, in 23,650 B.C., in the first sub-race of the Atlantean Root-race; his subsequent lives occur in its other sub-races in their order. At his incarnation in the sixth sub-race, he changes sex. After his life in the seventh sub-race, he returns to the first again, and then is born in the next sub-races in numerical order. As he returns to these, he changes sex in the second and fifth sub-races. As he is born for the second time in the sub-races, he omits the seventh sub-race; when a sub-race is altogether missed, it is because the soul has already acquired elsewhere the qualities which are usually to be gained only in that race. In A's case, evidently one life in the seventh sub-race was enough to gain from it what he required. Similarly, where a life in a sub-race is repeated more than twice, the extra incarnation is needed for the soul to accomplish the purpose planned.

The second sub-type, represented by Subject C, must also follow some general law, but no such law can be deduced as we consult Fig. 32; later on, no doubt, when other individuals of the same sub-type are examined, some law may be seen.

3. Concerning the sex of the body, we may observe that these four individuals vary considerably. An incarnation as man or woman is for the purpose of gaining qualities more readily developed in the one sex than in the other. Since, however, the capacity for

2. Các linh hồn có văn hóa thuộc loại phụ thứ nhất được sinh ra, trong một chu kỳ, trong giống dân phụ của một Giống dân gốc ít nhất hai lần trong mỗi giống dân phụ, và thường theo thứ tự số của chúng. Khi chúng ta xem xét Đối tượng A của Hình 30, chúng ta thấy y được sinh ra, vào năm 23.650 trước Công nguyên, trong giống dân phụ đầu tiên của Giống dân gốc Atlantis; các kiếp sống tiếp theo của y xảy ra trong các giống dân phụ khác của nó theo thứ tự của chúng. Khi tái sinh trong giống dân phụ thứ sáu, y thay đổi giới tính. Sau cuộc sống của y trong giống dân phụ thứ bảy, y trở lại giống dân phụ thứ nhất một lần nữa, và sau đó được sinh ra trong các giống dân phụ tiếp theo theo thứ tự số. Khi y trở lại những giống dân này, y thay đổi giới tính trong giống dân phụ thứ hai và thứ năm. Khi y được sinh ra lần thứ hai trong các giống dân phụ, y bỏ qua giống dân phụ thứ bảy; khi một giống dân phụ bị bỏ lỡ hoàn toàn, đó là vì linh hồn đã có được ở nơi khác những phẩm chất thường chỉ có được ở giống dân đó. Trong trường hợp của A, rõ ràng một cuộc sống trong giống dân phụ thứ bảy là đủ để đạt được từ nó những gì y yêu cầu. Tương tự, khi một cuộc sống trong một giống dân phụ được lặp lại nhiều hơn hai lần, thì cần có thêm một kiếp sống để linh hồn hoàn thành mục đích đã định.

Loại phụ thứ hai, được đại diện bởi Đối tượng C, cũng phải tuân theo một số định luật chung, nhưng không thể suy ra định luật nào như vậy khi chúng ta tham khảo Hình 32; sau này, chắc chắn, khi các cá nhân khác cùng loại phụ được kiểm tra, một số định luật có thể được nhìn thấy.

3. Liên quan đến giới tính của thể xác, chúng ta có thể thấy rằng bốn cá nhân này rất khác nhau. Một kiếp sống làm nam hay nữ là để đạt được những phẩm chất dễ phát triển hơn ở giới tính này so với giới tính kia. Tuy nhiên, vì khả năng đồng hóa kinh nghiệm khác nhau ở mỗi

assimilating experiences varies with different souls, and since, further, the needs change as the lives are lived, there is no hard and fast rule as to the number of incarnations in the sexes. Usually, there are not more than seven lives consecutively, nor less than three, in one sex, before changing to the other; but there are exceptions, and we find our Subject A, after a series of three as a man, changes to two as a woman, and then reverts to the male sex again. There has been observed the case of a soul having as many as nine consecutive lives as a woman.

4. There is no general principle to be deduced as to the length of life in the physical body. The time of birth is determined by the ending of the life in the heaven world; the time of death is usually fixed beforehand by the "Lords of Karma"—those Angels of God's Plan whose work is to adjust the good and the evil of man's past and present, so that through their interaction the maximum of good may result for the future. The life may be brought early to a close through accident or disease, if they see that that is best for the soul's future evolution; if, on the other hand, a long life is just then needed to enable the soul to acquire some faculty, then the length of life will be adjusted to that end.

Though the main incidents and the close of an incarnation are fixed by these commissaries of God according to the soul's "Karma"—i.e., according to the services due by him to others, and by them to him, as the result of past lives—nevertheless the general plan may be modified by an exercise of initiative by the individual himself, or by others whose actions directly affect him. For instance, when death is by accident, it is not infrequently the ending planned by the Lords of Karma for that incarnation; but sometimes it is not so

linh hồn, và hơn nữa, những nhu cầu thay đổi khi các kiếp sống được sống, nên không có quy tắc cứng nhắc nào về số lượng kiếp sống ở mỗi giới tính. Thông thường, không có quá bảy kiếp sống liên tiếp, cũng không ít hơn ba, ở một giới tính, trước khi thay đổi sang giới tính khác; nhưng có những trường hợp ngoại lệ, và chúng ta thấy Đối tượng A của chúng ta, sau một loạt ba kiếp sống là nam giới, đã thay đổi thành hai kiếp sống là nữ giới, và sau đó quay trở lại giới tính nam. Người ta đã quan sát thấy trường hợp một linh hồn có tới chín kiếp sống liên tiếp là nữ giới.

4. Không có nguyên tắc chung nào có thể suy ra về độ dài của cuộc sống trong thể xác. Thời điểm sinh ra được xác định bởi sự kết thúc của cuộc sống ở cõi thiên; thời điểm chết thường được ấn định trước bởi "Các Đấng Chúa Tế Nghiệp Quả" - những Thiên Thần của Thiên Cơ, vốn có công việc điều chỉnh những điều tốt và xấu trong quá khứ và hiện tại của con người, để thông qua sự tương tác của chúng, kết quả tốt đẹp tối đa có thể đạt được cho tương lai. Cuộc sống có thể sớm kết thúc do tai nạn hoặc bệnh tật, nếu Các Ngài thấy rằng điều đó là tốt nhất cho sự tiến hóa tương lai của linh hồn; mặt khác, nếu một cuộc sống lâu dài là cần thiết để cho phép linh hồn có được một số khả năng, thì độ dài của cuộc sống sẽ được điều chỉnh cho mục đích đó.

Mặc dù các sự kiện chính và sự kết thúc của một kiếp sống được ấn định bởi những người được ủy thác của Thượng đế này theo "Nghiệp Quả" của linh hồn - tức là, theo những sự phụng sự mà y nợ người khác, và họ nợ y, như là kết quả của những kiếp sống trước - tuy nhiên, kế hoạch chung có thể được sửa đổi bằng cách thực hiện sáng kiến của chính cá nhân, hoặc bởi những người khác có hành động ảnh hưởng trực tiếp đến y. Ví dụ, khi cái chết là do tai nạn, thì đó không phải là sự kết thúc thường xuyên được lên kế hoạch bởi Các

intended, and the accidental death is therefore an interference by new forces brought to bear on the life. In such a case, the disturbed plan will be adjusted in the beginning of the next life, so that there will not be anything lost in the end to the soul whose destiny has been changed for the moment by others.

In no case is suicide in the plan of a man's life; for such an act the soul is directly responsible, though that responsibility may also be shared by others. There are many varieties of suicide, some in order to escape the result of evil-doing, some due from mental derangement, and some due to noble motives. According to the causes and motives of the suicide will be the karmic result which follows.

For souls of the two classes—the simple-minded and the undeveloped—the law of Reincarnation is modified to the extent that they will be born repeatedly in a sub-race before passing on to the next. This will be due to their inability to gain the required experience during two or three lives in a sub-race. The period between their incarnations is sometimes only a few years, though it may be as long as two or three centuries. They are in reality millions of years behind the cultured class, so far as their general evolution is concerned. Yet the backwardness of classes 4 and 5 is not due to any evil in them; it is merely a matter of the age of the soul; they are young souls. The larger outlook on life and the wider sympathies, which are natural today to a cultured soul, will some day be possessed by the undeveloped and the simple-minded souls also. Growth comes to all, sooner or later, in the endless life of the soul.

Đấng Chúa Tể Nghiệp Quả cho kiếp sống đó; nhưng đôi khi nó không có ý định như vậy, và cái chết do tai nạn do đó là một sự can thiệp bởi các lực lượng mới tác động lên cuộc sống. Trong trường hợp như vậy, kế hoạch bị xáo trộn sẽ được điều chỉnh vào đầu kiếp sống tiếp theo, để không có gì bị mất đi cuối cùng cho linh hồn có số phận đã bị thay đổi trong giây lát bởi những người khác.

Trong mọi trường hợp, tự tử không nằm trong kế hoạch cuộc sống của một người; đối với một hành động như vậy, linh hồn phải chịu trách nhiệm trực tiếp, mặc dù trách nhiệm đó cũng có thể được chia sẻ bởi những người khác. Có nhiều loại tự tử, một số để trốn tránh kết quả của việc làm ác, một số do rối loạn tâm thần và một số do động cơ cao thượng. Theo nguyên nhân và động cơ của vụ tự tử sẽ là kết quả nghiệp quả xảy ra sau đó.

Đối với các linh hồn thuộc hai tầng lớp - những người có tâm hồn đơn giản và những người kém phát triển - định luật Tái Sinh được sửa đổi đến mức họ sẽ được sinh ra nhiều lần trong một giống dân phụ trước khi chuyển sang giống dân tiếp theo. Điều này là do họ không có khả năng đạt được kinh nghiệm cần thiết trong hai hoặc ba kiếp sống trong một giống dân phụ. Khoảng thời gian giữa các kiếp sống của họ đôi khi chỉ là vài năm, mặc dù nó có thể kéo dài đến hai hoặc ba thế kỷ. Họ thực sự chậm hơn hàng triệu năm so với tầng lớp văn minh, về sự tiến hóa chung của họ. Tuy nhiên, sự lạc hậu của các tầng lớp 4 và 5 không phải do bất kỳ điều gì xấu xa trong họ; nó chỉ đơn thuần là vấn đề tuổi tác của linh hồn; họ là những linh hồn trẻ. Quan điểm rộng lớn hơn về cuộc sống và sự đồng cảm rộng lớn hơn, vốn là điều tự nhiên ngày nay đối với một linh hồn văn minh, một ngày nào đó cũng sẽ được sở hữu bởi những linh hồn kém phát triển và đơn giản. Sự tăng trưởng đến với tất cả, sớm hay muộn, trong cuộc sống vô tận của linh hồn.

Looking at these charts of lives, and noting the particulars therein of place and date and race, it may be asked how the occult investigator is certain as to any of them. How is he sure that a man in Poseidonis (Subject D) and an Eskimo woman of the next life are the same soul? Granted that there is a Memory of the Logos, how can these things be found out?

The question is natural, and the answer will perhaps make clear that the methods of occult investigation are not radically different from those employed by the scientists today. The locating of any part of the earth where an individual is born is not a difficult matter; the investigator will see the birth of the child, and then he will have to look round the surrounding country to note its relation to seas and mountains and lakes and rivers; his present knowledge of geography will then enable him to locate the place. If the epoch is remote, and the configuration of the surface of the globe is different, he must for one moment look at the place as it was then, and the next moment put himself in touch with the Divine Memory, *at the same place*, but in later historical times or even today; he can then know what name geographers give to the place today.

To know the race and sub-race, much previous study in ethnology is required. To one who has travelled much, there is little difficulty in distinguishing a Chinaman from a Japanese, or even a French Celt from an Italian Celt, or a Norwegian from an Englishman. Similarly, observations of the race peculiarities, and especially of the variations in the constituents of the subtle invisible bodies of the sub-races, will enable the investigator to find the information which he seeks.

Nhìn vào những biểu đồ cuộc sống này và ghi lại những chi tiết về địa điểm, ngày tháng và chủng tộc, người ta có thể hỏi làm thế nào mà nhà nghiên cứu huyền bí học chắc chắn về bất kỳ điều gì trong số đó. Làm thế nào Ông chắc chắn rằng một người đàn ông ở Poseidonis (Đối tượng D) và một phụ nữ Eskimo của kiếp sống tiếp theo là cùng một linh hồn? Cho rằng có một Ký ức của Thượng đế, làm thế nào những điều này có thể được tìm ra?

Câu hỏi là tự nhiên, và câu trả lời có lẽ sẽ làm rõ rằng các phương pháp điều tra huyền bí học không khác biệt căn bản so với những phương pháp được các nhà khoa học sử dụng ngày nay. Việc xác định vị trí bất kỳ phần nào của trái đất nơi một cá nhân được sinh ra không phải là một vấn đề khó khăn; nhà điều tra sẽ nhìn thấy sự ra đời của đứa trẻ, và sau đó Ông sẽ phải nhìn xung quanh vùng nông thôn xung quanh để ghi lại mối quan hệ của nó với biển, núi, hồ và sông; kiến thức địa lý hiện tại của Ông sau đó sẽ cho phép Ông xác định vị trí nơi đó. Nếu thời đại đã xa xưa và cấu hình bề mặt của địa cầu khác nhau, Ông phải trong một khoảnh khắc nhìn vào nơi đó như nó đã từng, và khoảnh khắc tiếp theo kết nối với Ký ức Thiêng Liêng, tại cùng một nơi, nhưng trong thời kỳ lịch sử sau này hoặc thậm chí ngày nay; sau đó Ông có thể biết các nhà địa lý đặt tên cho nơi đó ngày nay là gì.

Để biết chủng tộc và giống dân phụ, cần phải nghiên cứu nhiều về dân tộc học trước đó. Đối với một người đã đi nhiều, có rất ít khó khăn trong việc phân biệt một người Trung Quốc với một người Nhật Bản, hoặc thậm chí một người Celt Pháp với một người Celt Ý, hoặc một người Na Uy với một người Anh. Tương tự, những quan sát về những đặc điểm chủng tộc, và đặc biệt là những biến thể trong các thành phần của các thể vô hình tinh tế của các giống dân phụ, sẽ cho phép nhà điều tra tìm thấy thông tin mà Ông tìm kiếm.

The fixing of dates is a more difficult task. As the investigator reads the Memory of the Logos, he can watch the events on earth as fast or as slowly as he desires. He may, if he likes, watch the incidents of a day of long ago, minute by minute; or he can in the course of a few seconds swiftly note summer, autumn, winter and spring, and summer once more, at any place he chooses, and so count time by seasons. If he desires perfect accuracy, he must watch the seasons as they fly thus, rapidly counting the passage of time, year by year.

Within historical times, for instance, if he is watching a scene in Egypt, and desires to know the date, he may perhaps need to observe some court ceremony, catch the Pharaoh's name as it is pronounced by someone, and then consult an encycloproia to find the date of that monarch. In Greece he may need to see someone write a letter or document, and note the number of the Olympiad, or he may fix upon some well-known event, like the Battle of Marathon, and then count the number of years from that to the incident in which he is interested. In Rome he must find a scribe dating a letter "such and such a year from the founding of the City", or he could find the date by watching some debate in the Senate and noting the names of the Consuls for the year, and then by getting their date from an historical list. Sometimes he will count backwards or forwards from a landmark in time, like the sinking of Atlantis, 9564 B.C.—that time having been once and for all fixed by him by previous counting. When hundreds of thousands of years are needed to be counted, the investigator will need to know something of astronomy so as to calculate the large periods by the relative position of the Pole Star to the earth's axis. As with modern scientific research, so too the value of the work of the occult investigator depends upon

Việc ấn định ngày tháng là một nhiệm vụ khó khăn hơn. Khi nhà điều tra đọc Ký ức của Thượng đế, Ông có thể xem các sự kiện trên trái đất nhanh hay chậm tùy ý. Nếu muốn, Ông có thể xem các sự kiện của một ngày xa xưa, từng phút một; hoặc Ông có thể trong vài giây nhanh chóng ghi lại mùa hè, mùa thu, mùa đông và mùa xuân, và mùa hè một lần nữa, ở bất kỳ nơi nào Ông chọn, và do đó đếm thời gian theo mùa. Nếu Ông muốn độ chính xác tuyệt đối, Ông phải xem các mùa trôi qua như vậy, nhanh chóng đếm thời gian trôi qua, năm này qua năm khác.

Ví dụ, trong thời kỳ lịch sử, nếu Ông đang xem một cảnh ở Ai Cập và muốn biết ngày tháng, Ông có lẽ cần phải quan sát một số nghi lễ triều đình, bắt được tên của Pharaoh khi nó được ai đó phát âm, và sau đó tham khảo một bách khoa toàn thư để tìm ngày tháng của vị vua đó. Ở Hy Lạp, Ông có thể cần phải thấy ai đó viết một lá thư hoặc tài liệu, và ghi lại số thứ tự của Thế vận hội Olympic, hoặc Ông có thể ấn định một số sự kiện nổi tiếng, như Trận chiến Marathon, và sau đó đếm số năm từ đó đến sự kiện mà Ông quan tâm. Ở Rome, Ông phải tìm một người ghi chép ghi ngày tháng một lá thư "năm này năm kia kể từ khi thành lập Thành phố", hoặc Ông có thể tìm ngày tháng bằng cách xem một số cuộc tranh luận trong Thượng viện và ghi lại tên của các Quan chấp chính trong năm, và sau đó lấy ngày tháng của họ từ một danh sách lịch sử. Đôi khi Ông sẽ đếm ngược hoặc đếm xuôi từ một cột mốc thời gian, như sự chìm xuống của Atlantis, [9564] năm trước Công nguyên - thời điểm đó đã được Ông ấn định một lần và mãi mãi bằng cách đếm trước đó. Khi cần đếm hàng trăm ngàn năm, nhà điều tra sẽ cần biết một chút về thiên văn học để tính toán các khoảng thời gian lớn theo vị trí tương đối của Sao Bắc Cực so với trục của trái đất. Cũng như với nghiên cứu khoa học hiện đại, giá trị công việc của nhà điều tra huyền bí học phụ thuộc vào sự cẩn thận của

his care in observation, and upon his general culture and ability to present his observations in a methodical manner.

In recognizing a soul in his different incarnations, a careful investigator need never make any mistake in identification. It is quite true that the subject's physical body is a different one in each incarnation; but his soul-body, the Causal Body with the Augoeides in it, does not change. Once the investigator has noted the appearance of that permanent body of the soul, he will recognize it life after life, whatever be the changes in the temporary physical body. It is that causal body which is the certain mark of identification, and that will be the same, whether the physical body be that of a new-born infant or that of a man tottering to the grave.

Two more diagrams remain to be considered in this chapter. They are Figs. 34 and 35.

Ông trong quan sát, và vào nền văn hóa chung và khả năng trình bày các quan sát của Ông một cách có phương pháp.

Trong việc nhận ra một linh hồn trong các kiếp sống khác nhau của y, một nhà điều tra cẩn thận không bao giờ cần phải mắc bất kỳ sai lầm nào trong việc xác định. Hoàn toàn đúng là thể xác của đối tượng là một thể khác nhau trong mỗi kiếp sống; nhưng thể linh hồn của y, Thể Nguyên Nhân với Augoeides trong đó, không thay đổi. Một khi nhà điều tra đã ghi lại sự xuất hiện của thể trường tồn đó của linh hồn, Ông sẽ nhận ra nó hết kiếp này đến kiếp khác, bất kể những thay đổi trong thể xác tạm thời là gì. Chính thể nguyên nhân đó là dấu hiệu nhận dạng chắc chắn, và nó sẽ giống nhau, cho dù thể xác là của một đứa trẻ sơ sinh hay của một người đàn ông lão đảo đến năm mồi.

Hai sơ đồ nữa còn lại cần được xem xét trong chương này. Đó là Hình [34] và [35].

B	A	A	C
		CHỒNG	VỢ
VỢ	CHỒNG	ANH/EM RẺ/VỢ	ANH/EM RẺ/VỢ
CỤ ÔNG	CHÁU CÓ (NAM)	huynh đệ	huynh đệ
		huynh đệ*	huynh đệ*
		VỢ	CHỒNG
CON TRAI	MẸ		
MẸ	CON TRAI	CHỒNG	VỢ
BẠN BÈ	BẠN BÈ	huynh đệ	huynh đệ
BẠN BÈ	BẠN BÈ		
MẸ	CON GÁI†	CON GÁI	CHA
		CHA	CON GÁI
VỢ	CHỒNG	huynh đệ*	CHỊ/EM GÁI*
BẠN BÈ	BẠN BÈ	NGƯỜI YÊU	NGƯỜI YÊU
CON TRAI†	CHA		
CON TRAI	CHA		
BẠN BÈ	BẠN BÈ	BẠN BÈ	BẠN BÈ
† ĐƯỢC NHẬN NUÔI		* SINH ĐÔI	

HÌNH 34

CÁC CHỦ THỂ - E VÀ F		
ĐỊA ĐIỂM	E	F
Atlantis	anh/em cùng cha khác mẹ (hoặc cùng mẹ khác cha)	chị/em cùng cha khác mẹ (hoặc cùng mẹ khác cha)
Ấn Độ	chồng	vợ
Scandinavia	chồng	vợ
Peru	cha	con gái
—	mẹ	{ con trai chồng bạn bè cô gái mồ côi trong đền thờ
Ba Tư	vợ	
Bắc Mỹ	bạn bè	
Assyria	tu sĩ	vợ
Ấn Độ	chồng	người tình
Ai Cập	người tình	người tình
Ả Rập	—	người phụ nữ
Thuộc địa Hy Lạp	chồng	vợ
La Mã	người nam	Woman
Ngày nay	"Trên Đường Đạo"	(chưa gặp nhau)

Hình 35

The three souls, A, B and C, whom we have studied, are closely linked by bonds of affection, by bonds, that were forged many, many lives ago. Each soul evolves under the pressure of his own separate Eternity, but he does not tread the path to his Deification alone, but in companionship with other souls whom he learns to love. A true bond of deep affection is always one between souls, and not merely between their earthly garments; and whatever these latter may be, love will flash through them from soul to soul. Physical relationships are of minor consequence; the one many-dimensional power of love will manifest itself—always as love and service, whatever be the earthly channel marked out for it by the Lords of Karma.

Ba linh hồn, A, B và C, mà chúng ta đã nghiên cứu, được liên kết chặt chẽ bởi những mối dây tình cảm, bởi những mối dây đã được rèn từ rất nhiều, rất nhiều kiếp sống trước. Mỗi linh hồn tiến hóa dưới áp lực của Vĩnh Hằng riêng của mình, nhưng y không bước đi trên Thánh Đạo đến Sự Thần Thánh Hóa của mình một mình, mà trong sự đồng hành với những linh hồn khác mà y học cách yêu thương. Một mối dây chân thật của tình cảm sâu sắc luôn là một mối dây giữa các linh hồn, và không chỉ giữa những bộ quần áo trần tục của họ; và dù những bộ quần áo này có thể là gì, tình yêu sẽ lóe lên xuyên qua chúng từ linh hồn này sang linh hồn khác. Các mối quan hệ thể xác có tầm quan trọng thứ yếu; quyền năng đa chiều của tình yêu sẽ biểu lộ chính nó - luôn luôn là tình yêu và sự phụng sự, bất kể kênh trần tục nào

Of the three subjects A, B and C, A and B belong to that sub-type among cultured souls who have 1,200 years in Devachan, while C belongs to the second sub-type with only 700 years interval between lives. It is obvious that A and B cannot appear in all the lives of C, unless they both die in each life at that age which will entitle them to some 700 years only of Devachan. What has really happened is given in Fig. 34. During the time that C has lived 31 incarnations, A has lived only 19, and B only 23. In the first of A's lives in this series, he meets C, and they become husband and wife; but in that life A does not meet his other friend B. When A is next born again, he is husband to B, and brother-in-law to C; but in the meantime B has had three lives and C one, where they have not met A. Studying the chart, we shall find that during 31 lives C meets A twelve times, while he meets both A and B together only eight times. The bond between A and C is specially strong, as will be seen from the diagram; whatever is the physical relation—as husband and wife, or wife and husband, as brother and sister, or as lovers to whom the fates are unpropitious, so that they do not marry—soul speaks to soul. Once B as a woman adopts a little girl, A; that debt is paid later by A when as a man he adopts a little boy, B.

In fourteen of the lives of Subjects E and F, Fig. 35, in which they meet, we see how the bond of love appears in varying forms. When E changes sex and has two lives as a woman, her beloved is with her, first as son, and then as husband. When F changes sex and has three lives as a man, in the third of them he meets his friend E as a man; between the two men there springs up an unusual bond of

được Các Đấng Chúa Tế Nghiệp Quả vạch ra cho nó.

Trong ba đối tượng A, B và C, A và B thuộc về kiểu phụ trong số những linh hồn văn minh vốn có [1.200] năm ở Devachan, trong khi C thuộc về kiểu phụ thứ hai chỉ có khoảng thời gian [700] năm giữa các kiếp sống. Rõ ràng là A và B không thể xuất hiện trong tất cả các kiếp sống của C, trừ khi cả hai đều chết trong mỗi kiếp sống ở độ tuổi đó, điều này sẽ cho phép họ chỉ có khoảng [700] năm Devachan. Những gì thực sự đã xảy ra được đưa ra trong Hình [34]. Trong thời gian C đã sống [31] kiếp sống, A chỉ sống [19] kiếp sống và B chỉ sống [23] kiếp sống. Trong kiếp sống đầu tiên của A trong loạt kiếp sống này, y gặp C, và họ trở thành vợ chồng; nhưng trong kiếp sống đó, A không gặp người bạn khác của mình là B. Khi A tái sinh lần nữa, y là chồng của B và là anh rể của C; nhưng trong khi đó, B đã có ba kiếp sống và C một kiếp sống, nơi họ không gặp A. Nghiên cứu biểu đồ, chúng ta sẽ thấy rằng trong [31] kiếp sống, C gặp A mười hai lần, trong khi y gặp cả A và B cùng nhau chỉ tám lần. Mối dây giữa A và C đặc biệt mạnh mẽ, như sẽ thấy từ sơ đồ; bất kể mối quan hệ thể xác là gì - là vợ chồng, hoặc vợ và chồng, là anh trai và em gái, hoặc là những người yêu nhau mà số phận không thuận lợi, đến nỗi họ không kết hôn - linh hồn nói chuyện với linh hồn. Một khi B là một người phụ nữ nhận nuôi một bé gái, A; món nợ đó được A trả sau đó khi là một người đàn ông nhận nuôi một bé trai, B.

Trong mười bốn kiếp sống của Đối tượng E và F, Hình [35], trong đó họ gặp nhau, chúng ta thấy mối dây tình yêu xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như thế nào. Khi E thay đổi giới tính và có hai kiếp sống là một người phụ nữ, người yêu của Bà ở bên Bà, đầu tiên là con trai, và sau đó là chồng. Khi F thay đổi giới tính và có ba kiếp sống là một người đàn ông, trong kiếp sống thứ ba trong số đó, y gặp người

sympathy and affection. In the next life, E is a priest, and a little orphan girl is brought to him to be admitted to the temple; little need for many months to elapse before they are great friends, and the priest is father and guide. Then comes a life where they are husband and wife again, and then two lives in which they meet and love springs up between them, but the course of true love does not run smooth. Follows then a life where F does not meet her beloved; but they meet again as husband and wife in Rome. In their present life they have not yet met each other; though the plans of the Lords of Karma for each has kept them apart this time, the bond, soul to soul, is strong and unbroken, and they will meet again in future lives,—as wife and husband, as son and father, or as friends. They will be true lovers once more, capable of that many-dimensional love which goes out in devotion and sacrifice to its beloved, in whatever channel for it the Lords of Fate give.

bạn E của mình là một người đàn ông; giữa hai người đàn ông nảy sinh một mối dây cảm thông và tình cảm khác thường. Trong kiếp sống tiếp theo, E là một linh mục, và một bé gái mồ côi được đưa đến cho Ông để được nhận vào đền thờ; không cần nhiều tháng trôi qua trước khi họ trở thành những người bạn tuyệt vời, và vị linh mục là cha và người hướng dẫn. Sau đó đến một kiếp sống nơi họ lại là vợ chồng, và sau đó là hai kiếp sống nơi họ gặp nhau và tình yêu nảy sinh giữa họ, nhưng con đường của tình yêu đích thực không suôn sẻ. Sau đó là một kiếp sống nơi F không gặp người yêu của mình; nhưng họ gặp lại nhau với tư cách là vợ chồng ở Rome. Trong kiếp sống hiện tại của họ, họ vẫn chưa gặp nhau; mặc dù những kế hoạch của Các Đấng Chúa Tể Nghiệp Quả cho mỗi người đã giữ họ xa nhau lần này, mối dây, từ linh hồn đến linh hồn, vẫn mạnh mẽ và không hề đứt đoạn, và họ sẽ gặp lại nhau trong những kiếp sống tương lai - với tư cách là vợ và chồng, với tư cách là con trai và cha, hoặc với tư cách là bạn bè. Họ sẽ lại là những người yêu nhau đích thực, có khả năng yêu đa chiều, hướng đến sự tận tâm và hy sinh cho người yêu của mình, trong bất kỳ kênh nào mà Các Đấng Chúa Tể Số Phận ban cho nó.

Act first, this Earth, a stage so gloom'd with woe,

You all but sicken at the shifting scenes.

And yet be patient. Our playwright may show

In some fifth Act what this wild Drama means.

Life, without Reincarnation as a clue, is a wild, wild drama indeed, as it seemed to Tennyson once, in spite of his Christian faith. A cruel

Hành động đầu tiên, Trái Đất này, một sân khấu quá u ám với nỗi đau,

Tất cả các bạn gần như phát ốm với những cảnh chuyển đổi.

Và vẫn hãy kiên nhẫn. Nhà viết kịch của chúng ta có thể cho thấy

Trong một số Hành động thứ năm, bộ phim hoang dã này có nghĩa là gì.

Cuộc sống, nếu không có Tái Sinh như một manh mối, thực sự là một bộ phim hoang dã, hoang dã, như Tennyson đã từng nghĩ, mặc dù

process is Evolution, careful of the type and careless of the single life. But grant that Life, indestructible and undying, also evolves, then the future of each individual is bright indeed. In the light of Reincarnation, death loses its sting and the grave its victory; for men go ever onwards to Deification, hand in hand with those they love, with never a fear of parting. Mortality is but a role which the soul plays for a while; and when the play is done, when all lives are lived and all deaths are dead, then the soul begins his destiny as a Master of the Wisdom, as a Shadow of God upon earth, even as "the Word made flesh". To us one and all, cultured or savage now, this is the future that awaits us, the glory that shall be revealed.

có đức tin Cơ đốc của Ông. Một quá trình tàn khốc là Sự Tiến Hóa, cẩn thận về kiểu và bất cẩn về sự sống đơn lẻ. Nhưng cho rằng Sự Sống, không thể phá hủy và bất diệt, cũng tiến hóa, thì tương lai của mỗi cá nhân thực sự tươi sáng. Dưới ánh sáng của Tái Sinh, cái chết mất đi nọc độc và nắm mồ mất đi chiến thắng; vì con người luôn tiến về phía trước đến Sự Thần Thánh Hóa, tay trong tay với những người họ yêu thương, không bao giờ sợ chia ly. Sự tử vong chỉ là một vai trò mà linh hồn đóng trong một thời gian; và khi vở kịch kết thúc, khi tất cả các kiếp sống đã được sống và tất cả các cái chết đã chết, thì linh hồn bắt đầu số phận của mình như một Chân sư của Minh Triết, như một Bóng Hình của Thượng Đế trên trái đất, thậm chí như "Linh từ trở thành nhục thể". Đối với tất cả chúng ta, văn minh hay man rợ bây giờ, đây là tương lai đang chờ đợi chúng ta, vinh quang sẽ được tiết lộ.

CHƯƠNG IV

THE LAW OF KARMA—ĐỊNH LUẬT NGHIỆP QUẢ

Who toiled a slave may come anew a Prince,
For gentle worthiness and merit won;
Who ruled a King may wander earth in rags
For things done and undone.

— *The Light of Asia*

Little by little, as man's knowledge grows, the world in which he lives is seen to be a world of law. Each law of nature, as it is discovered, liberates more of our will, however much it may seem at first sight to circumscribe our action; and since actions are but the resultant diagonal of a series of forces of thought and feeling of an inner world, man's supreme need is to understand that inner world of his as one of law and order. The great Law of Karma or Action, which Theosophy expounds, reveals to man something of the inner fabric of his being, and so helps him little by little to be a master of circumstance, and not its slave.

We are already familiar in science with the conception of the whole universe as an expression of energy. The electron is a storehouse of energy; so too, though on a larger scale, is a star. This energy is continually changing, motion transforming itself into light or heat or electricity, and a heavy element into a lighter, and so on from one transformation to another. Man himself is a storehouse of energy; he takes in energy with his food, and transforms it into the

Kẻ từng mang ách nô lệ nhọc nhằn
Có thể tái sinh làm hoàng tử;
Kẻ từng cầm quyền, trị vì thiên hạ
Có thể lang thang rách rưới, vì những điều đã
làm và không làm.

— *Ánh Sáng Á Châu*

Dần dần, khi tri thức của con người tăng lên, thế giới mà y đang sống được thấy là một thế giới của định luật. Mỗi định luật của tự nhiên, khi được khám phá, giải phóng thêm ý chí của chúng ta, dù thoát nhìn nó có vẻ giới hạn hành động của chúng ta đến đâu đi nữa; và vì hành động chỉ là kết quả đường chéo của một loạt các mãnh lực của tư tưởng và cảm xúc của một thế giới nội tại, nhu cầu tối thượng của con người là thấu hiểu thế giới nội tại đó của y như một thế giới của định luật và trật tự. Đại Định Luật Nghiệp Quả hay Hành Động, vốn được Thông Thiên Học giải thích, tiết lộ cho con người điều gì đó về cấu trúc bên trong con người y, và do đó giúp y dần dần làm chủ hoàn cảnh, chứ không phải nô lệ của nó.

Chúng ta đã quen thuộc trong khoa học với quan niệm về toàn bộ vũ trụ như một biểu hiện của năng lượng. Điện tử là một kho chứa năng lượng; ngôi sao cũng vậy, mặc dù ở quy mô lớn hơn. Năng lượng này liên tục thay đổi, chuyển động biến đổi thành ánh sáng hoặc nhiệt hoặc điện, và một nguyên tố nặng thành một nguyên tố nhẹ hơn, v.v. từ biến đổi này sang biến đổi khác. Bản thân con người là một kho chứa năng lượng; y hấp thụ năng lượng từ thức ăn của mình và biến nó thành các chuyển

movements of his body. The energy in man, when utilized for a kindly action, is beneficent; and we call such a use “good”; when it is employed to injure another, we term such a use “evil”. All the time that man lives, he is a transformer; the universal energy enters into him, to be transformed by him into service or into injury.

The Law of Karma is the statement of cause and effect as man transforms energy. It takes into account not only, as science does, the visible universe and its forces, but also that larger, unseen universe of force which is man’s true sphere of activity. Just as, with the flicker of an eyelid, man throws into the universe a force which affects the equilibrium of all other forces in our physical cosmos, so too, with each thought and feeling, he changes the adjustment of himself to the universe, and the adjustment of the universe to himself.

The first principle to grasp, in the attempt to understand Karma, is that we are dealing with force and its effects. This force is of the physical world of movement, or of the astral world of feeling, or of the mental world of thinking. We are using all three types of force, the first with the activities of our physical bodies, the second with the feelings of our astral bodies, and the third with the concrete and abstract thoughts of our mental and causal bodies. To aspire, to dream, to plan, to think, to feel, to act—all this means to set in motion forces or three worlds; and, according to the use made by us of these forces, we *help* or we *hinder*.

Now, all the force which we use, on all the planes, is the energy of the Logos; we are but transformers of that energy. As we so

động của cơ thể. Năng lượng trong con người, khi được sử dụng cho một hành động tử tế, là có lợi; và chúng ta gọi cách sử dụng đó là “tốt”; khi nó được sử dụng để làm tổn thương người khác, chúng ta gọi cách sử dụng đó là “xấu”. Trong suốt thời gian con người sống, y là một máy biến áp; năng lượng vũ trụ đi vào y, để được y biến đổi thành phụng sự hoặc thành tổn hại.

Định Luật Nghiệp Quả là tuyên bố về nhân quả khi con người biến đổi năng lượng. Nó tính đến không chỉ, như khoa học, vũ trụ hữu hình và các mãnh lực của nó, mà còn cả vũ trụ mãnh lực lớn hơn, vô hình đó vốn là phạm vi hoạt động thực sự của con người. Giống như, với một cái nháy mắt, con người ném vào vũ trụ một mãnh lực vốn ảnh hưởng đến sự cân bằng của tất cả các mãnh lực khác trong vũ trụ vật chất của chúng ta, thì cũng vậy, với mỗi tư tưởng và cảm xúc, y thay đổi sự điều chỉnh của bản thân với vũ trụ và sự điều chỉnh của vũ trụ với bản thân y.

Nguyên tắc đầu tiên cần nắm bắt, trong nỗ lực thấu hiểu Nghiệp Quả, là chúng ta đang đề cập đến mãnh lực và các tác động của nó. Mãnh lực này thuộc về thế giới vật chất của chuyển động, hoặc thế giới cảm dục của cảm xúc, hoặc thế giới trí tuệ của tư duy. Chúng ta đang sử dụng cả ba loại mãnh lực, loại thứ nhất với các hoạt động của thể xác, loại thứ hai với những cảm xúc của thể cảm dục, và loại thứ ba với những tư tưởng cụ thể và trừu tượng của thể trí và thể nguyên nhân. Khao khát, mơ mộng, lên kế hoạch, suy nghĩ, cảm nhận, hành động—tất cả điều này có nghĩa là khởi động các mãnh lực ở ba cõi giới; và, tùy theo cách chúng ta sử dụng các mãnh lực này, chúng ta giúp đỡ hoặc cản trở.

Giờ đây, tất cả mãnh lực mà chúng ta sử dụng, trên tất cả các cõi, là năng lượng của Hành Tinh Thượng đế; chúng ta chỉ là những máy

transform and use that energy, it is His Desire that we use it to further His Plan of Evolution. When we help that Plan, our action is “good”; when we hinder it, our action is “evil”. And since we use His force all the time, we must, at each moment of time, either help or hinder that Plan.

Since man is not an individual by himself, but is one unit in a Humanity of millions of individuals, each thought or feeling or act of man affects each of his fellow-men, in proportion to the nearness of each to him as the distributor of force. Each such use of force by a man, which helps or hinders the whole, of which he is a part, brings with it a result to him; this result is briefly stated, in terms of his action and its resultant reaction, in Fig. 36.

biến áp của năng lượng đó. Khi chúng ta biến đổi và sử dụng năng lượng đó, Ngài mong muốn chúng ta sử dụng nó để thúc đẩy Thiên Cơ Tiến Hóa của Ngài. Khi chúng ta giúp đỡ Thiên Cơ đó, hành động của chúng ta là "tốt"; khi chúng ta cản trở nó, hành động của chúng ta là "xấu". Và vì chúng ta sử dụng mãnh lực của Ngài mọi lúc, nên chúng ta phải, tại mỗi thời điểm, hoặc giúp đỡ hoặc cản trở Thiên Cơ đó.

Vì con người không phải là một cá nhân đơn độc, mà là một đơn vị trong một Nhân Loại gồm hàng triệu cá nhân, mỗi tư tưởng hoặc cảm xúc hoặc hành động của con người ảnh hưởng đến mỗi người đồng loại của y, tỷ lệ thuận với sự gần gũi của mỗi người với y với tư cách là người phân phối mãnh lực. Mỗi cách sử dụng mãnh lực như vậy của một người, vốn giúp đỡ hoặc cản trở toàn bộ, mà y là một phần của nó, mang lại cho y một kết quả; kết quả này được nêu ngắn gọn, về mặt hành động của y và phản ứng kết quả của nó, trong Hình 36.

Hành Động và Phản Ứng				
Thượng trí	Khát vọng	Lý tưởng	☆	125
Hạ trí	Sự trân trọng	Cảm hứng	○	25
	Sự phê bình	Nỗi lo âu	●	25
Cảm dục	Sự cảm thông	Sự hoan hỉ	△	5
	Sự oán giận	Nỗi đau buồn	▲	5
Hồng trần	Hành động hữu ích	Sự thoải mái	□	1
	Hành động gây hại	Nỗi đau	■	1

FIG. 36

Each hurtful act is so much force (represented in the diagram by a black square) thrown out into the universe, which works itself out in the injury inflicted on another; but the equilibrium of the universe to that other has then been disturbed by the injurer, and that equilibrium must be restored at the expense of the wrong-doer. His "karma" for the injury is a "pain"; the force which produces that pain discharges itself through the injured as the fulcrum, and thus restores the original equilibrium. Similarly is it with a kind act; its karma or reaction is a force which adjusts circumstances so as to produce a "comfort".

Mỗi hành động gây tổn thương là rất nhiều mãnh lực (được biểu thị trong sơ đồ bằng một hình vuông màu đen) ném vào vũ trụ, vốn tự giải quyết bằng cách gây tổn thương cho người khác; nhưng sự cân bằng của vũ trụ đối với người kia sau đó đã bị người gây thương tích làm xáo trộn, và sự cân bằng đó phải được khôi phục bằng chi phí của người làm sai. "Nghiệp quả" của y đối với thương tích là một "nỗi đau"; mãnh lực tạo ra nỗi đau đó tự giải phóng thông qua người bị thương với tư cách là điểm tựa, và do đó khôi phục lại trạng thái cân bằng ban đầu. Tương tự như vậy đối với một hành động tử tế; nghiệp quả hoặc phản ứng của nó là một mãnh lực điều chỉnh các hoàn cảnh để tạo ra một "sự thoải mái".

Furthermore, in this universe of law, each type of force works on its own plane. One man may give alms to a beggar with pity and sympathy, but another merely to get rid of him as a nuisance; both perform a kind act, and to both the karma of the act on the physical plane is a "comfort"; but there is to the former an additional karma on the astral plane for his pity and sympathy, and it returns to him as a happy emotion, while to the latter there is no karma of this kind. Similarly, I may have nothing but pity to give to a sufferer; I reap thereby an emotional "happiness", but I do not reap a physical "comfort" as well.

For the purpose of the exposition of this difficult subject, a symbol has been taken for each type of force which makes karma (see last column in diagram); these signs-squares, triangles, circles and the star—are merely symbols, and nothing more. On the higher mental plane, where the soul of man resides in his causal body, evil "is null, is naught, is silence implying sound"; there, no evil counterpart exists to the soul's aspiration. There is therefore nothing which can be symbolized by a black star. The wicked man is not a wicked *soul*; he is but the representative in an earthly body of an undeveloped soul, whose energies are too feeble as yet to control his emotional and physical agents.

Each one of us, as he enters this life, comes from a long past of many lives; as we take up our task once more on earth, we bring with us our karma of good and evil. Now this karma, as already explained, consists of forces; and Fig. 37 is an attempt to suggest to our imagination this fact of the individual as a

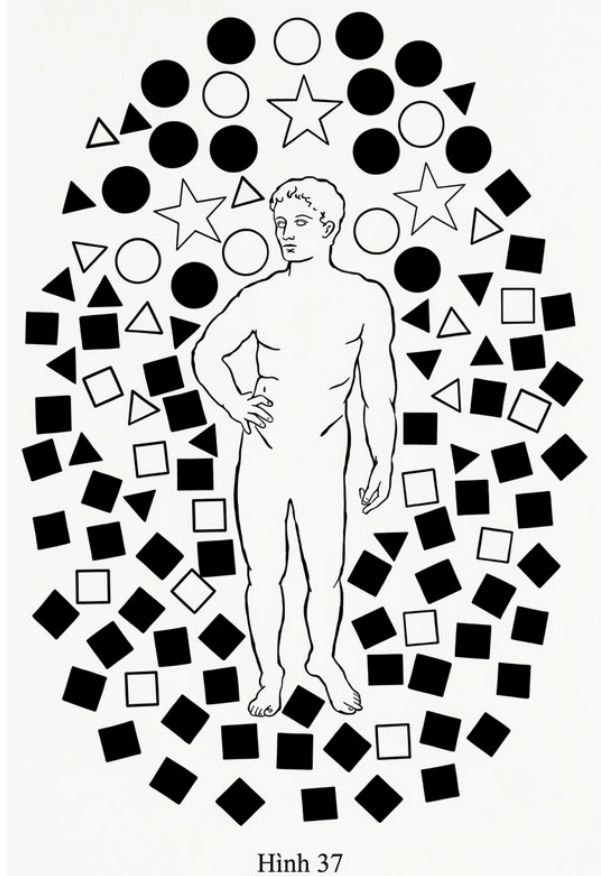
Hơn nữa, trong vũ trụ của định luật này, mỗi loại mãnh lực hoạt động trên cõi riêng của nó. Một người có thể bố thí cho một người ăn xin với lòng thương hại và cảm thông, nhưng một người khác chỉ để tống khứ y như một sự phiền toái; cả hai đều thực hiện một hành động tử tế, và đối với cả hai, nghiệp quả của hành động trên cõi hồng trần là một "sự thoải mái"; nhưng đối với người trước, có một nghiệp quả bổ sung trên cõi cảm dục vì lòng thương hại và cảm thông của y, và nó quay trở lại với y như một cảm xúc hạnh phúc, trong khi đối với người sau, không có nghiệp quả nào thuộc loại này. Tương tự, tôi có thể không có gì ngoài lòng thương hại để cho một người đau khổ; do đó tôi gặt hái được một "hạnh phúc" về mặt cảm xúc, nhưng tôi cũng không gặt hái được một "sự thoải mái" về thể chất.

Với mục đích trình bày chủ đề khó khăn này, một biểu tượng đã được lấy cho mỗi loại mãnh lực tạo ra nghiệp quả (xem cột cuối cùng trong sơ đồ); những dấu hiệu này—hình vuông, hình tam giác, hình tròn và ngôi sao—chỉ là những biểu tượng và không hơn. Trên cõi thượng trí, nơi linh hồn của con người cư ngụ trong thể nguyên nhân của y, cái ác "là vô hiệu, là hư không, là sự im lặng ngụ ý âm thanh"; ở đó, không có đối phần xấu xa nào tồn tại đối với khát vọng của linh hồn. Do đó, không có gì có thể được tượng trưng bằng một ngôi sao đen. Kẻ ác không phải là một linh hồn xấu xa; y chỉ là đại diện trong một thể xác của một linh hồn chưa phát triển, có năng lượng còn quá yếu để kiểm soát các tác nhân cảm xúc và thể chất của y.

Mỗi người trong chúng ta, khi bước vào cuộc đời này, đến từ một quá khứ lâu dài của nhiều kiếp sống; khi chúng ta đảm nhận nhiệm vụ của mình một lần nữa trên Trái Đất, chúng ta mang theo nghiệp quả tốt và xấu của mình. Giờ đây, nghiệp quả này, như đã giải thích, bao gồm các mãnh lực; và Hình 37 là một nỗ lực để

fulcrum for the discharge of the good and evil forces of his own creation.³

gợi ý cho trí tưởng tượng của chúng ta về sự thật này của cá nhân như một điểm tựa để giải phóng các mảnh lực tốt và xấu do chính y tạo ra.



Hình 37

Perhaps, as we look at the diagram, our eye is first impressed by the large number of “pains”, “griefs” and. “worries” which are the man’s due; and we count only three “ideals”. But we must not forget that the forces of all the planes are not of equal value in the production of changes in a man’s destiny; a unit of physical force, producing a “comfort”, may be only a hundredth fraction as powerful as a unit of mental force which makes an “ideal”. If we give 1 as the “work” equivalent for a physical unit of force, we shall not be exaggerating if

Có lẽ, khi chúng ta nhìn vào sơ đồ, mắt chúng ta trước tiên bị ấn tượng bởi số lượng lớn "nỗi đau", "nỗi buồn" và. "lo lắng" vốn là của con người; và chúng ta chỉ đếm được ba "lý tưởng". Nhưng chúng ta không được quên rằng các mảnh lực của tất cả các cõi không có giá trị ngang nhau trong việc tạo ra những thay đổi trong số phận của một người; một đơn vị mảnh lực vật chất, tạo ra một "sự thoải mái", có thể chỉ mạnh bằng một phần trăm đơn vị mảnh lực trí tuệ tạo ra một "lý tưởng". Nếu chúng ta cho 1 là giá trị tương đương "công

³ In the diagram, the black signs represent pains, griefs and worries respectively, and the white symbolize ideals, inspirations, joys and comforts. See Fig. 36.

we put 5 for an astral unit, 25 for a lower mental, and 125 for an "ideal" of the higher mental world. While a man may have many "pains" 'and "griefs" and "worries" as his karma, yet if he but have a few "ideals" as well, he will make a success of his life and not a failure; on the other hand, a man may get as his karmic due wealth and position, giving him many "comforts" and "happiness", and yet, if he has not brought from his past any "inspirations" for his mind, his life may be merely one largely of agreeable futility.

Looking round us at the lives which men and women live, it is scarcely an exaggeration to say that, in most lives today, there is more "bad" karma than "good", that is, there is on the whole more of tedious toil and sorrow than of happy labor and joy. At the present stage of human evolution, there is, in the store of forces accumulated by each of us, more to give us pain than pleasure. Our evil account is larger than our good, because in our past lives we have not desired to be guided by wisdom, but preferred instead to live selfish lives, caring little whom we hurt by our selfishness. But each karmic force must discharge its energy, for "whatsoever a man soweth, that shall he also reap".

As a man "reaps", his karmic forces are carefully adjusted, so that, from the interaction between his good and his evil, the final result shall be an addition, however slight, to his good. If, as we enter life, all our karmic forces of good and evil were to be set into operation, then, seeing how much larger a stock we have of evil than of good, our lives

việc" cho một đơn vị mãnh lực vật chất, chúng ta sẽ không phóng đại nếu chúng ta đặt 5 cho một đơn vị cảm dục, 25 cho một đơn vị hạ trí và 125 cho một "lý tưởng" của thế giới thượng trí. Mặc dù một người có thể có nhiều "nỗi đau", "nỗi buồn" và "lo lắng" như nghiệp quả của y, nhưng nếu y chỉ có một vài "lý tưởng", y sẽ thành công trong cuộc đời mình chứ không phải thất bại; mặt khác, một người có thể nhận được của cải và địa vị như là nghiệp quả của mình, mang lại cho y nhiều "sự thoải mái" và "hạnh phúc", nhưng nếu y không mang từ quá khứ của mình bất kỳ "cảm hứng" nào cho thể trí của mình, thì cuộc đời y có thể chỉ là một cuộc đời phần lớn là vô ích dễ chịu.

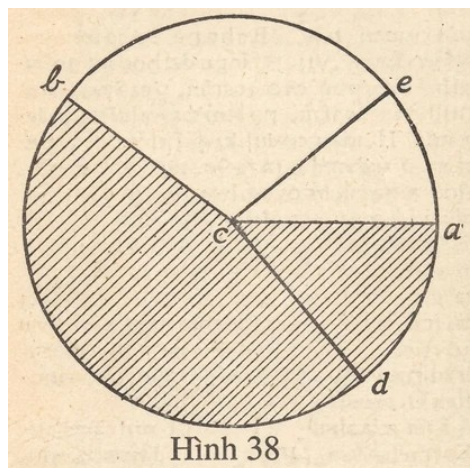
Nhìn xung quanh chúng ta về cuộc sống mà những người nam và nữ đang sống, thật khó mà phóng đại khi nói rằng, trong hầu hết các cuộc đời ngày nay, có nhiều nghiệp quả "xấu" hơn là "tốt", nghĩa là, nói chung, có nhiều lao động và đau khổ tẻ nhạt hơn là lao động và niềm vui hạnh phúc. Ở giai đoạn tiến hóa của con người hiện tại, có, trong kho mãnh lực tích lũy của mỗi chúng ta, nhiều thứ mang lại cho chúng ta nỗi đau hơn là niềm vui. Tài khoản xấu của chúng ta lớn hơn tài khoản tốt của chúng ta, bởi vì trong những kiếp sống trước đây, chúng ta đã không mong muốn được hướng dẫn bởi minh triết, mà thay vào đó thích sống một cuộc sống ích kỷ, ít quan tâm đến việc chúng ta làm tổn thương ai bằng sự ích kỷ của mình. Nhưng mỗi mãnh lực nghiệp quả phải giải phóng năng lượng của nó, vì "người ta gieo gì, thì cũng sẽ gặt nấy".

Khi một người "gặt hái", các mãnh lực nghiệp quả của y được điều chỉnh cẩn thận, để, từ sự tương tác giữa cái tốt và cái xấu của y, kết quả cuối cùng sẽ là một sự bổ sung, dù là nhỏ nhất, cho cái tốt của y. Nếu, khi chúng ta bước vào cuộc sống, tất cả các mãnh lực nghiệp quả tốt và xấu của chúng ta được đưa vào hoạt động, thì, khi thấy chúng ta có một lượng dự trữ xấu

would be so weighted with pain and sadness that we should have little spirit to struggle through the battle of life. In order, however, that we should struggle and succeed, and increase the good side of our account and not the bad, a careful adjustment is made for each soul as he enters into incarnation.

This adjustment is made by the "Lords of Karma", those beneficent Intelligences who, in the Plan of the Logos, act as the arbiters of Karma. They neither reward nor punish; they only adjust the operation of a man's own forces, so that his karma shall help him one step forward in evolution. We can study a typical method of adjustment from the diagrams which now follow.

In Fig. 38 we have a circle which represents the totality of a man's karma, or the accumulated force of all his past lives; the circle has two segments, the white and the dark. The white segment represents the quantity of good karma, and the dark that of the evil karma.



We will presume that the individual's total

lớn hơn bao nhiêu so với tốt, cuộc sống của chúng ta sẽ bị đè nặng bởi nỗi đau và nỗi buồn đến mức chúng ta sẽ có ít tinh thần để đấu tranh vượt qua cuộc chiến của cuộc đời. Tuy nhiên, để chúng ta đấu tranh và thành công, và gia tăng mặt tốt trong tài khoản của mình chứ không phải mặt xấu, một sự điều chỉnh cẩn thận được thực hiện cho mỗi linh hồn khi y bước vào hóa thân.

Sự điều chỉnh này được thực hiện bởi "các Đấng Chúa Tế Nghiệp Quả", những Trí Tuệ nhân từ đó, trong Thiên Cơ của Hành Tinh Thượng đế, đóng vai trò là người phân xử Nghiệp Quả. Các Ngài không thưởng cũng không phạt; Các Ngài chỉ điều chỉnh hoạt động các mãnh lực của chính một người, để nghiệp quả của y sẽ giúp y tiến thêm một bước trong quá trình tiến hóa. Chúng ta có thể nghiên cứu một phương pháp điều chỉnh điển hình từ các sơ đồ sau đây.

Trong Hình 38, chúng ta có một vòng tròn đại diện cho toàn bộ nghiệp quả của một người, hoặc mãnh lực tích lũy của tất cả các kiếp sống trước đây của y; vòng tròn có hai đoạn, màu trắng và màu tối. Đoạn màu trắng đại diện cho số lượng nghiệp quả tốt, và đoạn màu tối đại diện cho nghiệp quả xấu.

Chúng ta sẽ cho rằng tổng nghiệp quả của cá

karma comes to one hundred units, and that the relation between his good and his evil is in the ratio depicted in the diagram, which is as 2 to 3. The segment $a e b c a$, then, represents the good karma of 40 units, while the segment $a d b c a$ represents the bad karma of 60 units. This total of accumulated past karma is known in Indian philosophy as Sanchita or "accumulated" karma.

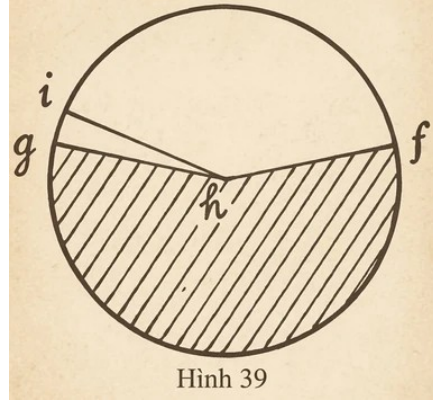
Out of this total, the Lords of Karma select a certain quantity for the new life of the soul; we will imagine that they take for the work of the new life one-fourth of the total. This one-fourth is represented in the diagram by the segment $e c d a e$; and of this $e c a$ represents the good, with 10.7 units, and $a c d$ the bad, with 14.3 units. The ratio between this good and bad is not as 2 to 3, which is that of the total; it is as 3 to 4, thus giving the individual more out of his good account than is properly speaking his share. This stock of karma, with which the soul starts his incarnation, is called in Sanskrit Prarabdha or "starting" karma; it is that "fate" which the Muslim believes God ties round the neck of each soul at his birth.

In Fig. 39 we have this Prarabdha karma; and its good is the white segment $f i g h f$ and its evil is the dark segment $f h g f$. It was mentioned that more of good karma was selected for the life than was the ratio in the total karma of all past lives. This is shown in the diagram, where the segment $f i h f$ represents the proportion of good according to the total of karma, and the larger segment $f i g h f$ represents the proportion of good actually selected for the new life.

nhân lên tới một trăm đơn vị, và mối quan hệ giữa cái tốt và cái xấu của y theo tỷ lệ được mô tả trong sơ đồ, là 2 trên 3. Đoạn $a e b c a$, sau đó, đại diện cho nghiệp quả tốt là 40 đơn vị, trong khi đoạn $a d b c a$ đại diện cho nghiệp quả xấu là 60 đơn vị. Tổng nghiệp quả tích lũy trong quá khứ này được gọi trong triết học Ấn Độ là Sanchita hay nghiệp quả "tích lũy".

Từ tổng số này, các Đấng Chúa Tế Nghiệp Quả chọn một số lượng nhất định cho cuộc sống mới của linh hồn; chúng ta sẽ tưởng tượng rằng Các Ngài lấy một phần tư tổng số cho công việc của cuộc sống mới. Một phần tư này được biểu thị trong sơ đồ bằng đoạn $e c d a e$; và trong số này, $e c a$ đại diện cho cái tốt, với 10,7 đơn vị, và $a c d$ đại diện cho cái xấu, với 14,3 đơn vị. Tỷ lệ giữa cái tốt và cái xấu này không phải là 2 trên 3, vốn là tỷ lệ của tổng số; nó là 3 trên 4, do đó cho cá nhân nhiều hơn từ tài khoản tốt của y so với phần chia sẻ của y một cách thích hợp. Kho nghiệp quả này, mà linh hồn bắt đầu hóa thân của mình, được gọi trong tiếng Phạn là Prarabdha hay nghiệp quả "khởi đầu"; đó là "số phận" mà người Hồi giáo tin rằng Thượng đế trối quanh cổ mỗi linh hồn khi y sinh ra.

Trong Hình 39, chúng ta có nghiệp quả Prarabdha này; và cái tốt của nó là đoạn màu trắng $f i g h f$ và cái xấu của nó là đoạn màu tối $f h g f$. Đã đề cập rằng nhiều nghiệp quả tốt đã được chọn cho cuộc sống hơn là tỷ lệ trong tổng nghiệp quả của tất cả các kiếp sống trước đây. Điều này được thể hiện trong sơ đồ, nơi đoạn $f i h f$ đại diện cho tỷ lệ tốt theo tổng nghiệp quả, và đoạn lớn hơn $f i g h f$ đại diện cho tỷ lệ tốt thực sự được chọn cho cuộc sống mới.

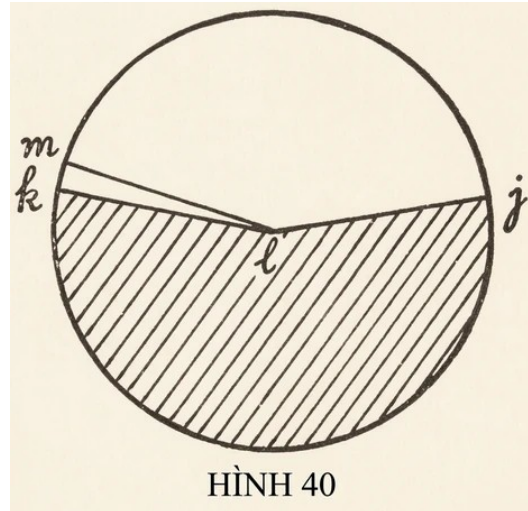


Karma is force; as force spends itself, it does “work”. This “work” brings about in a man’s life those reactions which are described in Fig.36. As a man’s life is lived, the Karma represented by our Fig. 39 exhausts itself. But the “work” it does has, however, the result of making him create new karma by its reaction; according to the man’s wisdom will be this new karma which is thus produced. If his “pains” teach him resignation and sympathy, if his “grief” and “worries” spur him to effort to right the wrongs which he has done, if he “pays his karmic debts” with understanding, then the new karma which he generates is good and not evil. But if he is resentful of the debts which he is called upon to pay, if his nature hardens, and as a result he causes misery to others, the new karma which he makes is evil. As a matter of fact, most of us, as we pay our karmic debts, make our new karma mixed, as of old, of both good and evil; only, there will be, in the wiser of us, a larger proportion of good than evil.

This *new* karma created, called in Sanskrit Agami or Kriyamana, or “future” Karma, is shown in Fig. 40.

Nghiệp Quả là mãnh lực; khi mãnh lực tự tiêu hao, nó sẽ làm “công việc”. “Công việc” này mang lại trong cuộc đời một người những phản ứng được mô tả trong Hình 36. Khi cuộc đời một người được sống, Nghiệp Quả được biểu thị bằng Hình 39 của chúng ta tự cạn kiệt. Nhưng “công việc” mà nó làm, tuy nhiên, có kết quả là khiến y tạo ra nghiệp quả mới bằng phản ứng của nó; theo minh triết của người đó sẽ là nghiệp quả mới này được tạo ra. Nếu “nỗi đau” của y dạy y sự cam chịu và cảm thông, nếu “nỗi buồn” và “lo lắng” của y thúc đẩy y nỗ lực sửa chữa những sai trái mà y đã gây ra, nếu y “trả nợ nghiệp quả” của mình bằng sự thấu hiểu, thì nghiệp quả mới mà y tạo ra là tốt chứ không phải xấu. Nhưng nếu y phẫn uất về những khoản nợ mà y được yêu cầu phải trả, nếu bản chất của y trở nên chai sạn, và kết quả là y gây ra đau khổ cho người khác, thì nghiệp quả mới mà y tạo ra là xấu. Trên thực tế, hầu hết chúng ta, khi trả nợ nghiệp quả của mình, tạo ra nghiệp quả mới của chúng ta hỗn hợp, như ngày xưa, cả tốt và xấu; chỉ có điều, trong số những người khôn ngoan hơn chúng ta, sẽ có một tỷ lệ tốt lớn hơn là xấu.

Nghiệp quả mới được tạo ra này, được gọi trong tiếng Phạn là Agami hoặc Kriyamana, hay Nghiệp Quả “tương lai”, được thể hiện trong Hình 40.

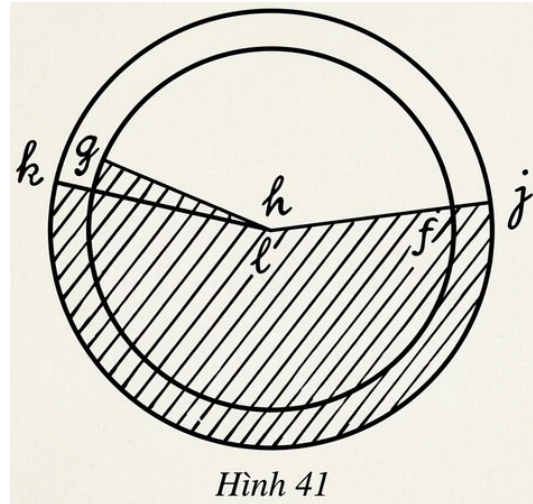


It is a larger circle than that of Fig. 39. While 25 units of karma were spent, good and bad, we shall presume that 36 new units of both have been created; whereas the proportion of good and evil with which the life was started was as 3 to 4, the proportion, as the life closes, of the new karma created—of good 16 and of bad 20—is as 4 to 5. In Fig. 40 the radii m l and k l mark respectively the sizes of the segments of the old exhausted good karma and the new generated.

In Fig. 41 we have the two Figs. 39 and 40 superimposed one over the other; we see at once that here both a larger quantity of force is generated, and a larger proportion of good to evil.

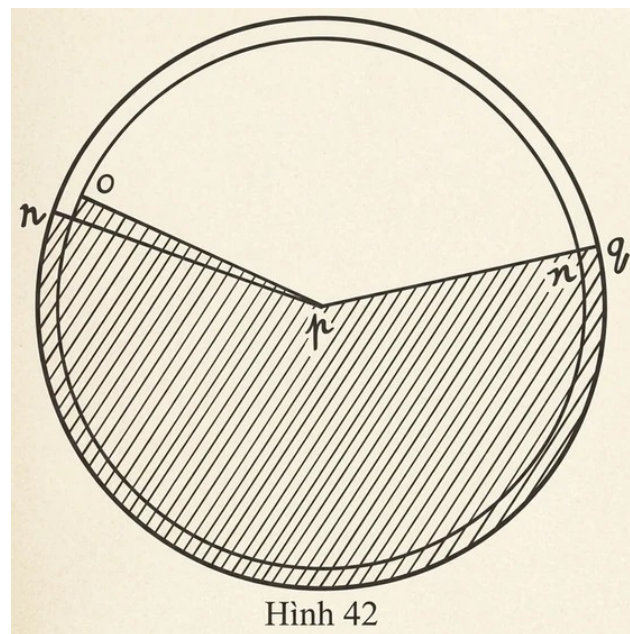
Nó là một vòng tròn lớn hơn vòng tròn của Hình 39. Trong khi 25 đơn vị nghiệp quả đã được tiêu, tốt và xấu, chúng ta sẽ cho rằng 36 đơn vị mới của cả hai đã được tạo ra; trong khi tỷ lệ tốt và xấu mà cuộc sống được bắt đầu là 3 trên 4, thì tỷ lệ, khi cuộc sống kết thúc, của nghiệp quả mới được tạo ra—tốt 16 và xấu 20—là 4 trên 5. Trong Hình 40, các bán kính m l và k l lần lượt đánh dấu kích thước của các đoạn của nghiệp quả tốt đã cạn kiệt cũ và nghiệp quả mới được tạo ra.

Trong Hình 41, chúng ta có hai Hình 39 và 40 được chồng lên nhau; chúng ta thấy ngay rằng ở đây cả một số lượng lớn hơn mãnh lực được tạo ra, và một tỷ lệ tốt trên xấu lớn hơn.



Referring once more to Fig. 38, we now find that the segment $a e c d a$ has been exhausted; we must put in its place the new karma represented by Fig. 40. This is done in the new Fig. 42.

Tham khảo lại Hình 38, giờ đây chúng ta thấy rằng đoạn $a e c d a$ đã cạn kiệt; chúng ta phải đặt vào vị trí của nó nghiệp quả mới được biểu thị bằng Hình 40. Điều này được thực hiện trong Hình 42 mới.



The outer circle represents the new total of 111 units, while the inner circle represents the old total of 100; the radii $p r$, $p o$ show us how there is for the future a larger proportion of good to evil, the proportion being now practically as 41 to 59. Since the proportion of the old total was 40 to 60, the change is not

Vòng tròn bên ngoài biểu thị tổng số mới là [111] đơn vị, trong khi vòng tròn bên trong biểu thị tổng số cũ là [100]; các bán kính $p r$, $p o$ cho chúng ta thấy làm thế nào trong tương lai sẽ có một tỷ lệ lớn hơn giữa thiện và ác, tỷ lệ này hiện gần như là [41] trên [59]. Vì tỷ lệ tổng số cũ là [40] trên [60], nên sự thay đổi không

great; there is only one more unit of the good, and one less of the bad, as the result of one incarnation. But as a matter of fact, till a man understands the plan of evolution, there is no great change in him from life to life; there are the usual ups and downs of good and evil fortune, of griefs and joys, as years pass and lives are lived. It is only when a man definitely aspires to serve the Plan of the Logos, to live not for himself but for his fellow-men, that great changes take place in his karma, and his evolution is hastened. Then his progress is swift from life to life, even as in the ratio of geometrical progression.

We can understand now, how to some extent, there is for each man a "fate", for "fate" is that quantity of good and evil karma selected for him by the Lords of Karma for a given life. His parents, his heredity, those who help him and those who hinder him, his opportunities, his obligations, his death—these are as his "fate"; but while these forces spend themselves, they do not impose upon him the manner in which he shall *react* to them. Small though his will is, as yet, that will is still free; he can react to his old karma and produce good rather than bad new karma. It is true that he is greatly handicapped, both by his past tendencies and by the pressure of his environment; yet the Divine Spirit lives within him, and, if he will but rouse himself, he may cooperate with the Divine Will in evolution, and not work against it. It is the duty of his teachers and elders, as well as of the government under which he lives, so to arrange his education and environment that he will find it easier to cooperate with the Divine Will than to thwart it; but this Utopia is still in the womb of the future. Till that day comes, when any man fails—and much of his failure now is due to his environment—each of us who has helped

lớn; chỉ có thêm một đơn vị thiện và ít hơn một đơn vị ác, như là kết quả của một lần lâm phạm. Nhưng trên thực tế, cho đến khi một người thấu hiểu được thiên cơ tiến hóa, thì không có sự thay đổi lớn nào ở y từ kiếp này sang kiếp khác; có những thăng trầm thông thường của vận may tốt và xấu, của những đau khổ và niềm vui, khi năm tháng trôi qua và các kiếp sống được sống. Chỉ khi một người dứt khoát khao khát phụng sự Thiên Cơ của Hành Tinh Thượng đế, sống không vì bản thân mà vì đồng loại, thì những thay đổi lớn mới xảy ra trong nghiệp quả của y, và sự tiến hóa của y được đẩy nhanh. Khi đó, sự tiến bộ của y sẽ nhanh chóng từ kiếp này sang kiếp khác, thậm chí theo tỷ lệ của cấp số nhân.

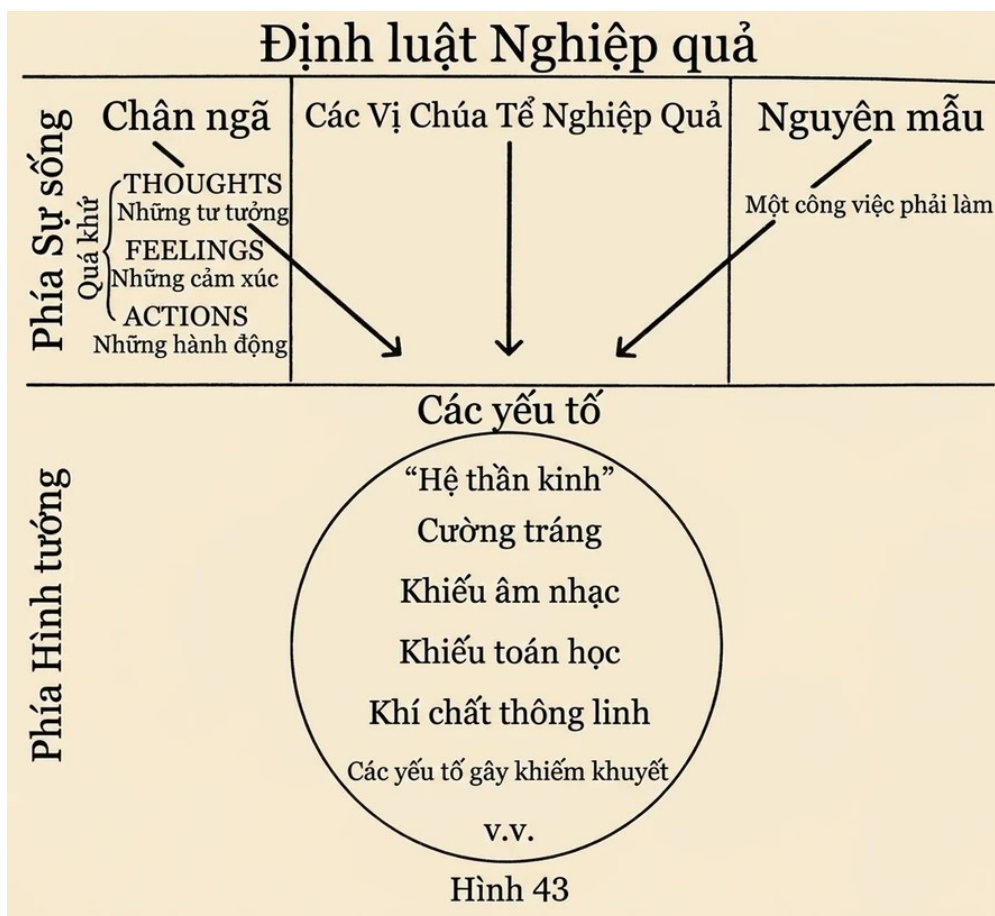
Chúng ta có thể hiểu bây giờ, ở một mức độ nào đó, có một "số phận" cho mỗi người, vì "số phận" là số lượng nghiệp quả thiện và ác được Các Đấng Chúa Tế Nghiệp Quả chọn cho y trong một kiếp sống nhất định. Cha mẹ y, sự di truyền của y, những người giúp đỡ y và những người cản trở y, những cơ hội của y, những nghĩa vụ của y, cái chết của y—những điều này là "số phận" của y; nhưng trong khi những lực này tự tiêu hao, chúng không áp đặt lên y cách y phản ứng với chúng. Dù ý chí của y còn nhỏ bé, ý chí đó vẫn tự do; y có thể phản ứng với nghiệp quả cũ của mình và tạo ra nghiệp quả mới tốt hơn là xấu. Đúng là y bị cản trở rất nhiều, cả bởi những khuynh hướng trong quá khứ và bởi áp lực của môi trường; tuy nhiên, Tinh Thần Thiêng Liêng sống bên trong y, và nếu y chịu thức tỉnh, y có thể hợp tác với Ý Chí Thiêng Liêng trong quá trình tiến hóa, và không chống lại nó. Bốn phận của các huấn sư và trưởng lão của y, cũng như của chính phủ mà y đang sống, là sắp xếp nền giáo dục và môi trường của y sao cho y dễ dàng hợp tác với Ý Chí Thiêng Liêng hơn là cản trở nó; nhưng Utopia này vẫn còn nằm trong bụng mẹ của tương lai. Cho đến ngày đó đến, khi bất kỳ người nào thất bại—và phần lớn sự thất bại

to make that environment shares in the karma of his failure.

của y hiện nay là do môi trường của y—mỗi người trong chúng ta đã giúp tạo ra môi trường đó đều chia sẻ nghiệp quả về sự thất bại của y.

It has been mentioned that, in the working out of karmic forces, the Lords of Karma direct their operation; we must now understand the principles which guide these Directors; they are briefly summarized in Fig. 43.

Người ta đã đề cập rằng, trong việc thực thi các lực nghiệp quả, Các Đấng Chúa Tế Nghiệp Quả chỉ đạo hoạt động của chúng; giờ đây chúng ta phải hiểu các nguyên tắc vốn hướng dẫn những Đấng Điều Hành này; chúng được tóm tắt ngắn gọn trong Hình [43].



The Lords of Karma must use the individual's own stock of force; they cannot add to it nor diminish it. He comes out of a past, with karmic bonds to individuals, to a community, to a people; he must be sent to be born where he can “work out” his karma with respect to these. But also, his life is only one of a series of lives, and at the end of them, he is to become a

Các Đấng Chúa Tế Nghiệp Quả phải sử dụng kho mẫn lực riêng của cá nhân; Các Ngài không thể thêm vào cũng không thể bớt đi. Y bước ra từ quá khứ, với những mối ràng buộc nghiệp quả với các cá nhân, với một cộng đồng, với một dân tộc; y phải được gửi đến để sinh ra ở nơi y có thể “giải quyết” nghiệp quả của mình đối với những điều này. Nhưng đồng

Master of the Wisdom, a Perfect Man, in the image of an Archetype which the Logos has created for him. The Lords of Karma, then, must adjust the individual's karma so that he grows steadily towards his Archetype.

Now, much of a man's activities will depend upon the kind of physical body which he has; and since this is provided by a father and a mother, the heredity from the parents is an important matter. In these days we think of heredity in terms of Mendelian "genes" — those units of physical attributes which are in the germ-cells of the parents; the Lords of Karma have therefore to select such "genes" as will be useful for the type of body which the karma requires. I quote here what I have written previously on the subject in *Theosophy and Modern Thought*, whence, too, is taken this Fig. 43.

"Once more the problem resolves itself into happenings in two worlds, the seen and the unseen. On the seen, the form side, we have man as a body, and that body has been fashioned by factors.⁴ But these factors are helpful to some and are handicaps to others; one man is born with a splendid physique, while another has night-blindness or hemophilia as his share; one may be musical, and another deaf and dumb. In a family with the factor for color-blindness, we have one son normal, but three are affected; why are three handicapped thus, but not the fourth?

thời, cuộc đời của y chỉ là một trong một loạt các kiếp sống, và vào cuối những kiếp sống đó, y sẽ trở thành một Chân sư Minh Triết, một Con Người Hoàn Hảo, theo hình ảnh của một Nguyên Mẫu mà Hành Tinh Thượng đế đã tạo ra cho y. Vậy thì, Các Đấng Chúa Tế Nghiệp Quả phải điều chỉnh nghiệp quả của cá nhân để y phát triển đều đặn hướng tới Nguyên Mẫu của mình.

Giờ đây, phần lớn các hoạt động của một người sẽ phụ thuộc vào loại thể xác mà y có; và vì điều này được cung cấp bởi một người cha và một người mẹ, nên sự di truyền từ cha mẹ là một vấn đề quan trọng. Trong những ngày này, chúng ta nghĩ về sự di truyền theo thuật ngữ "gen" Mendelian—những đơn vị thuộc tính thể chất vốn có trong tế bào mầm của cha mẹ; do đó, Các Đấng Chúa Tế Nghiệp Quả phải chọn những "gen" vốn sẽ hữu ích cho loại thể mà nghiệp quả yêu cầu. Tôi trích dẫn ở đây những gì tôi đã viết trước đây về chủ đề này trong Thông Thiên Học và Tư Tưởng Hiện Đại, từ đó cũng lấy Hình [43] này.

"Một lần nữa, vấn đề tự giải quyết thành những sự kiện ở hai thế giới, hữu hình và vô hình. Về mặt hữu hình, phía hình tướng, chúng ta có con người như một thể xác, và thể xác đó đã được hình thành bởi các yếu tố. Nhưng những yếu tố này hữu ích cho một số người và là trở ngại cho những người khác; một người được sinh ra với một thể chất tuyệt vời, trong khi một người khác bị mù đêm hoặc máu khó đông như là phần của y; một người có thể có năng khiếu âm nhạc, và một người khác bị điếc và câm. Trong một gia đình có yếu tố mù màu, chúng ta có một người con trai bình thường, nhưng ba người bị ảnh hưởng; tại sao ba người lại bị thiệt thòi như vậy, nhưng không phải là người thứ tư?

⁴ In 1914, when I wrote, the word "gene" had not been invented as a substitute for Bateson's "factors" what are now termed "genes".

“We must turn to the life side to understand the riddle of man’s destiny. Three elements there come into play. Of these the first is that the man is an Ego, an imperishable circle in the sphere of Divinity; “long, long ago, indeed, he had his birth, he verily is now within the germ”. He has lived on earth in many a past life, and there thought and felt and acted both good and evil; he has set in motion forces that help or hinder both himself and others. He is bound and not free. But he lives on from age to age to achieve an ideal, which is his Archetype. Just as for plant and animal life there are archetypes of the forms, so are there archetypes for the souls of men. One shall be a great saint of compassion, another a teacher of truth, a third a ruler of men; artist and scientist, doer and dreamer, each has set before him his Archetype, that Thought of God Himself of what each man shall be in the perfection of his God-given temperament. And each ego achieves his Archetype by finding his work. For this it is that we, as egos, come into incarnation—to discover our work and to release the hidden powers within us by battling with circumstances as we achieve that work.

“But to do our work we must have a body of flesh; and the help or, the handicap the body is to our work depends on the factors of which it is made. Here once more there is no fortuitous concourse of factors; Deva Builders come to help man with his destiny. These are the Lords of Karma, those invisible Intelligences who administer the great Law of Righteousness which establishes that as a man soweth so shall he reap; they select from the factors

“Chúng ta phải chuyển sang phía sự sống để hiểu được bí ẩn về số phận của con người. Có ba yếu tố phát huy tác dụng ở đó. Trong số này, yếu tố đầu tiên là con người là một Chân ngã, một vòng tròn bất diệt trong phạm vi của Thượng đế; “thật lâu, thật lâu về trước, y đã được sinh ra, y thực sự đang ở trong mầm”. Y đã sống trên Trái Đất trong nhiều kiếp sống trước đây, và ở đó đã suy nghĩ và cảm nhận và hành động cả thiện và ác; y đã khởi động các lực giúp đỡ hoặc cản trở cả bản thân và người khác. Y bị ràng buộc chứ không được tự do. Nhưng y sống từ thời đại này sang thời đại khác để đạt được một lý tưởng, vốn là Nguyên Mẫu của y. Giống như đối với sự sống thực vật và động vật, có những nguyên mẫu về hình tướng, thì cũng có những nguyên mẫu cho linh hồn của con người. Một người sẽ là một vị thánh vĩ đại của lòng trắc ẩn, một người khác là một huấn sư về chân lý, một người thứ ba là một người cai trị loài người; nghệ sĩ và nhà khoa học, người làm và người mơ mộng, mỗi người đều đặt trước y Nguyên Mẫu của mình, Tư Tưởng đó của chính Thượng Đế về những gì mỗi người sẽ trở thành trong sự hoàn hảo của khí chất do Thượng Đế ban cho. Và mỗi chân ngã đạt được Nguyên Mẫu của mình bằng cách tìm ra công việc của mình. Vì điều này mà chúng ta, với tư cách là các chân ngã, đến lâm phạm—để khám phá công việc của mình và giải phóng những quyền năng tiềm ẩn bên trong chúng ta bằng cách chiến đấu với hoàn cảnh khi chúng ta đạt được công việc đó.

“Nhưng để làm công việc của mình, chúng ta phải có một thể xác bằng xương bằng thịt; và sự giúp đỡ hoặc trở ngại mà thể xác mang lại cho công việc của chúng ta phụ thuộc vào các yếu tố cấu thành nó. Ở đây một lần nữa, không có sự tập hợp ngẫu nhiên của các yếu tố; Các Đấng Kiến Tạo Deva đến để giúp con người với số phận của y. Đây là Các Đấng Chúa Tế Nghiệp Quả, những Trí Tuệ vô hình vốn quản lý Định luật Công Bình vĩ đại vốn thiết lập rằng một

provided by the parents those that are most serviceable to the ego for the lesson he has to learn and for the work he has to do, in that particular body which Karma allots to him.

“The Lords of Karma neither punish nor reward; they only adjust the forces of a man’s past, so that those forces in their new grouping shall help the man one step nearer his Archetype. Whatever the Lords give to a man, joy or sorrow, opportunity or disaster, they keep one thing in mind, that man’s purpose in life at his present stage is neither to be happy nor miserable, but to achieve his Archetype. There is, later on, untold bliss for him in action, when he is the Archetype in realization; but till that day, it is their duty to press him on from one experience to another.

“After the zygote⁵ is made, the Lords of Karma select the factors, since as yet the ego cannot do so himself; if the next stage in evolution for him is by developing some particular gift—as, for instance, that of music—then they select for him the appropriate factors; the musician will need an abnormally sensitive nervous system and a special development of the cells of the ear, and the Lords will pick out these factors as the embryo is fashioned. If at the same time the man’s inner strength is to be roused by a handicap, or his nature to be purified by suffering, then an appropriate factor will also appear, some factor perhaps like that which brings about a lack of virility or of resistance to disease. If on the other hand the ego, already a mathematician, is in this life to be a mathematical genius, then those factors in the zygote that build the

người gieo gì thì sẽ gặt nấy; Các Ngài chọn từ các yếu tố do cha mẹ cung cấp những yếu tố hữu ích nhất cho chân ngã để y học được bài học và để làm công việc y phải làm, trong thể xác cụ thể mà Nghiệp Quả phân cho y.

“Các Đấng Chúa Tế Nghiệp Quả không trừng phạt cũng không ban thưởng; Các Ngài chỉ điều chỉnh các lực trong quá khứ của một người, để những lực đó trong sự nhóm lại mới của chúng sẽ giúp người đó tiến gần hơn một bước đến Nguyên Mẫu của y. Bất cứ điều gì Các Đấng ban cho một người, niềm vui hay nỗi buồn, cơ hội hay tai họa, Các Ngài luôn ghi nhớ một điều, rằng mục đích của con người trong cuộc sống ở giai đoạn hiện tại của y không phải là hạnh phúc hay đau khổ, mà là đạt được Nguyên Mẫu của y. Sau này, có vô vàn hạnh phúc cho y trong hành động, khi y là Nguyên Mẫu trong sự hiện thực hóa; nhưng cho đến ngày đó, bốn phận của Các Ngài là thúc đẩy y từ kinh nghiệm này sang kinh nghiệm khác.

“Sau khi hợp tử được tạo ra, Các Đấng Chúa Tế Nghiệp Quả chọn các yếu tố, vì chân ngã vẫn chưa thể tự mình làm như vậy; nếu giai đoạn tiếp theo trong quá trình tiến hóa của y là phát triển một số năng khiếu đặc biệt—ví dụ, năng khiếu âm nhạc—thì Các Ngài sẽ chọn cho y các yếu tố thích hợp; nhạc sĩ sẽ cần một hệ thần kinh nhạy cảm bất thường và sự phát triển đặc biệt của các tế bào tai, và Các Đấng sẽ chọn ra những yếu tố này khi phôi thai được hình thành. Nếu đồng thời sức mạnh bên trong của người đó được khơi dậy bởi một trở ngại, hoặc bản chất của y được thanh lọc bằng đau khổ, thì một yếu tố thích hợp cũng sẽ xuất hiện, một số yếu tố có lẽ giống như yếu tố mang lại sự thiếu cường tráng hoặc khả năng chống lại bệnh tật. Nếu mặt khác, chân ngã, vốn đã là một nhà toán học, trong kiếp này sẽ là một thiên tài toán học, thì những yếu tố trong hợp

⁵ The first cell of the embryo, made by the union of the two germ-cells contributed by the parents.

mathematical brain will be brought out as the zygote grows to be the embryo.

“Whatever is the work for the ego, appropriate factors are selected for; it by the Lords; virility for the pioneer in new lands, the psychic temperament for those who can help by communing with the invisible, a disabling factor for one who shall grow through suffering, and so on, factor by factor, the Lords distribute the karma of men. With infinite compassion and with infinite wisdom, but swerving not one hair's breadth from justice, they build for one soul a body suited for genius, and for another a body which is as a log. It is not theirs to make the man happy or discontented, good or evil; their one duty is to guide the man one step nearer his Archetype. Helps and handicaps, joys and pains, opportunities or privations, are the bricks of the ego's own making for his temporary habitation; the Lords of Karma add nothing and take nothing away; they only adjust the forces of the soul's making, so that his ultimate destiny, his Archetype, shall be achieved as swiftly as may be, as he treads the round of births and deaths.”

We must not, however, imagine that this “fate” selected for the individual is absolutely rigid and immutable; a man can, and does, change his “fate” sometimes, by an unusual reaction to circumstances. For instance, suicide is not in a man's fate, though his visible and invisible circumstances may, seemingly to us, be too much for his strength; the plan for the individual is always to struggle through his “pains” and “griefs” and “worries”, and not “go under “. Similarly, an individual may take an opportunity not specially arranged for him; some religious teacher, for instance, whose appearance is not

tử xây dựng bộ não toán học sẽ được đưa ra khi hợp tử phát triển thành phôi thai.

“Bất kể công việc của chân ngã là gì, các yếu tố thích hợp đều được chọn cho; nó bởi Các Đấng; cường tráng cho người tiên phong ở những vùng đất mới, khí chất thông linh cho những người có thể giúp đỡ bằng cách giao tiếp với thế giới vô hình, một yếu tố vô hiệu hóa cho một người sẽ trưởng thành qua đau khổ, v.v., yếu tố này đến yếu tố khác, Các Đấng phân phối nghiệp quả của con người. Với lòng trắc ẩn vô hạn và với minh triết vô hạn, nhưng không hề lay chuyển một sợi tóc khỏi công lý, Các Ngài xây dựng cho một linh hồn một thể xác phù hợp với thiên tài, và cho một linh hồn khác một thể xác như một khúc gỗ. Không phải việc của Các Ngài là làm cho con người hạnh phúc hay bất mãn, tốt hay xấu; bổn phận duy nhất của Các Ngài là hướng dẫn con người tiến gần hơn một bước đến Nguyên Mẫu của y. Sự giúp đỡ và trở ngại, niềm vui và nỗi đau, cơ hội hay tước đoạt, là những viên gạch do chính chân ngã tạo ra cho nơi ở tạm thời của y; Các Đấng Chúa Tế Nghiệp Quả không thêm gì và không lấy đi gì; Các Ngài chỉ điều chỉnh các lực do linh hồn tạo ra, để số phận cuối cùng của y, Nguyên Mẫu của y, sẽ đạt được nhanh chóng nhất có thể, khi y bước đi trên vòng sinh tử.”

Tuy nhiên, chúng ta không được tưởng tượng rằng “số phận” được chọn cho cá nhân là hoàn toàn cứng nhắc và bất biến; một người có thể, và thực sự, thay đổi “số phận” của mình đôi khi, bằng một phản ứng khác thường với hoàn cảnh. Ví dụ, tự tử không nằm trong số phận của một người, mặc dù hoàn cảnh hữu hình và vô hình của y, dường như đối với chúng ta, có thể là quá sức đối với sức mạnh của y; kế hoạch cho cá nhân luôn là đấu tranh vượt qua “những nỗi đau” và “những nỗi buồn” và “những lo lắng” của y, chứ không phải là “chịu thua”. Tương tự, một cá nhân có thể nắm lấy một cơ hội không được sắp xếp đặc biệt cho y;

pecially related to him, may affect him, and he may make for himself a new opportunity. Not infrequently too, a man's karma may be as it were put out of gear by the actions of others which are not calculated for in his karma. In all these cases, whether the event be of service or disservice to the individual, there is always a large reserve of karma not actually in operation, and the new karma is deducted from or added to this reserve, so that there is no final favoritism or injustice.

một huấn sư tôn giáo nào đó, chẳng hạn, người mà sự xuất hiện không liên quan đặc biệt đến y, có thể ảnh hưởng đến y, và y có thể tự tạo cho mình một cơ hội mới. Cũng không hiếm khi, nghiệp quả của một người có thể bị lệch lạc do hành động của những người khác vốn không được tính đến trong nghiệp quả của y. Trong tất cả những trường hợp này, dù sự kiện đó có phục vụ hay gây bất lợi cho cá nhân, luôn có một lượng lớn nghiệp quả không thực sự hoạt động, và nghiệp quả mới được khấu trừ hoặc thêm vào lượng dự trữ này, để không có sự thiên vị hay bất công cuối cùng nào.

ĐỊNH LUẬT NGHIỆP QUẢ <i>“Nghiệp quả” = Hoạt động</i>		
CỦA KIẾP TRƯỚC		CỦA KIẾP NÀY
Hành động hữu ích	<i>tạo nên</i>	Môi trường tốt
Hành động gây hại	”	EVIL trường xấu
Khát vọng và mong muốn	”	CAPACITIES Khả năng
SUSTAINED được duy trì	”	CHARACTER Tính cách
SUCCESES thành công	”	ENTHUSIASM Nhiệt huyết
EXPERIENCES trải nghiệm	”	WISDOM Minh triết
Những trải nghiệm đau khổ	”	CONSCIENCE Lương tâm
WILLS TO-Phụng sự	”	SPIRITUALITY Tinh thần
<i>“Gieo nhân nào, soweth, thật, gặt quả nấy ấy.”</i> <i>Gal. VI. 7.</i>		

FIG. 44

It is also interesting to note that there are Cũng rất thú vị khi lưu ý rằng có một số loại

several types of karma, and that individuals can be related by one, or more, of them, but not necessarily by all. The commonest "karmic link" is of love or hatred; but there are also links of caste, or of race. A man born, for instance, into a priestly caste shares to some extent in the good or the evil done by the caste as a whole; an individual born among a particular people is handicapped or helped by the karma which that people has made for itself throughout the centuries. There is also the karma attaching to a special type of work; the henchmen of a Pericles or the lieutenants of a Caesar will be drawn by karmic links to their chief whenever that chief is in incarnation and works again at his life's dream. In such cases, there may or may not be any emotional links at all between those united in the common work; the link which binds them, so that they help or hinder each other and the common work, is a karmic link of work.

This vast subject of the soul's karma, or the soul *at work*, can only be suggested in outline in such a brief summary as this. To understand Karma in its fullest operation and significance requires the wisdom of an Adept; but to understand the principle Of Karma is to revolutionize one's conception of the possibilities of life and of oneself. As Theosophy is intensely ethical in its outlook, there perhaps is no more useful way of summarizing what we know of Karma than as done in Fig. 44.

* * * *

Ah, Love, could you and I with Him conspire,

ngiệp quả, và các cá nhân có thể liên quan đến một hoặc nhiều loại trong số đó, nhưng không nhất thiết phải liên quan đến tất cả. "Liên kết nghiệp quả" phổ biến nhất là tình yêu hoặc sự căm ghét; nhưng cũng có những liên kết về đẳng cấp, hoặc về chủng tộc. Ví dụ, một người sinh ra trong một đẳng cấp tư tế chia sẻ ở một mức độ nào đó những điều tốt hoặc điều xấu do đẳng cấp đó thực hiện nói chung; một cá nhân sinh ra giữa một dân tộc cụ thể bị cản trở hoặc được giúp đỡ bởi nghiệp quả mà dân tộc đó đã tạo ra cho chính mình trong suốt nhiều thế kỷ. Cũng có nghiệp quả gắn liền với một loại công việc đặc biệt; những tay sai của một Pericles hoặc những trung úy của một Caesar sẽ bị lôi kéo bởi các liên kết nghiệp quả với thủ lĩnh của họ bất cứ khi nào thủ lĩnh đó lâm phạm và làm lại giấc mơ cuộc đời của mình. Trong những trường hợp như vậy, có thể có hoặc không có bất kỳ liên kết cảm xúc nào giữa những người hợp nhất trong công việc chung; liên kết ràng buộc họ, để họ giúp đỡ hoặc cản trở lẫn nhau và công việc chung, là một liên kết nghiệp quả của công việc.

Chủ đề rộng lớn này về nghiệp quả của linh hồn, hay linh hồn trong công việc, chỉ có thể được gợi ý một cách khái quát trong một bản tóm tắt ngắn gọn như thế này. Để hiểu Nghiệp Quả trong hoạt động và ý nghĩa đầy đủ nhất của nó đòi hỏi mình triết của một Chân sư; nhưng để hiểu nguyên tắc của Nghiệp Quả là cách mạng hóa quan niệm của một người về những khả năng của cuộc sống và của chính mình. Vì Thông Thiên Học mang tính đạo đức sâu sắc trong quan điểm của nó, nên có lẽ không có cách nào hữu ích hơn để tóm tắt những gì chúng ta biết về Nghiệp Quả hơn là như đã làm trong Hình [44].

* * * *

Ôi, Tình Yêu, nếu em và anh có thể âm mưu với Ngài,

To grasp this sorry scheme of things entire,

Would we not shatter it to bits, and then

Remould it nearer to the heart's desire!

There is indeed One who has made this "scheme of things entire " according to a Plan of Love and Beauty; but, at the present stage of human evolution, that Plan is "in heaven", and not "on earth". But He is waiting till the day when His Will shall be done "on earth, as it is in heaven"; and that day cannot come till each one of the myriads of souls who are Fragments of Him is ready to work with Him to shatter His present scheme and remould it nearer to His "heart's desire". He is the great Reconstructor, who shatters what He erstwhile built, and rebuilds nearer to His heart's desire. For the whole world is His Karma, His Action. And we need only to follow His guidance, as He whispers in our inmost hearts how to shatter our scheme of things entire, and then make it nearer to our heart's desire. When each of us has indeed the vision of his heart's *true* desire, and wants to shatter his scheme of things entire, so that a better, diviner scheme shall exist *for all men* and not for himself alone, then he will inevitably know how so to fashion his Karma that each action of his shall be the action of the Logos, according to His Heart's Desire.

Để nắm bắt toàn bộ kế hoạch tồi tệ này,

Chúng ta sẽ không đập nó thành từng mảnh, và sau đó

Tái tạo nó gần hơn với mong muốn của trái tim!

Thật vậy, có một Đấng đã tạo ra "kế hoạch của mọi thứ" này theo một Thiên Cơ Tình Yêu và Vẻ Đẹp; nhưng, ở giai đoạn hiện tại của quá trình tiến hóa của con người, Thiên Cơ đó là "ở trên trời", chứ không phải "ở trên Trái Đất". Nhưng Ngài đang chờ đợi cho đến ngày Ý Chí của Ngài sẽ được thực hiện "ở trên Trái Đất, như ở trên trời"; và ngày đó không thể đến cho đến khi mỗi một trong vô số linh hồn vốn là Mảnh Vỡ của Ngài sẵn sàng làm việc với Ngài để phá vỡ kế hoạch hiện tại của Ngài và tái tạo nó gần hơn với "mong muốn của trái tim" Ngài. Ngài là Đấng Tái Thiết vĩ đại, Đấng phá vỡ những gì Ngài đã từng xây dựng, và xây dựng lại gần hơn với mong muốn của trái tim Ngài. Vì toàn bộ thế giới là Nghiệp Quả của Ngài, Hành Động của Ngài. Và chúng ta chỉ cần làm theo sự hướng dẫn của Ngài, khi Ngài thì thâm trong trái tim sâu thẳm nhất của chúng ta cách phá vỡ kế hoạch của mọi thứ của chúng ta, và sau đó làm cho nó gần hơn với mong muốn của trái tim chúng ta. Khi mỗi người trong chúng ta thực sự có tầm nhìn về mong muốn thực sự của trái tim mình, và muốn phá vỡ kế hoạch của mọi thứ của mình, để một kế hoạch tốt hơn, thiêng liêng hơn sẽ tồn tại cho tất cả mọi người chứ không chỉ cho riêng mình, thì y chắc chắn sẽ biết cách tạo ra Nghiệp Quả của mình để mỗi hành động của y sẽ là hành động của Hành Tinh Thượng đế, theo Mong Muốn của Trái Tim Ngài.

CHƯƠNG V

THE INVISIBLE WORLDS—CÁC THẾ GIỚI VÔ HÌNH

In the life of each of us, the world which surrounds us has a very great, if not the greatest, influence. We are very much what our knowledge of the world makes us. We know the world by means of our five senses; and if one of our senses is defective, our knowledge of the world is less by that defect.

Now, though we are all the time exercising our senses, and see, hear, touch, taste and smell the objects of the world in which we live, we little realize what complex processes of consciousness are involved in our "knowing" the world. Nor do we realize that we know only a part of what there is to be known of the world around us.

Let us consider, for instance, our knowledge of the world through the faculty of sight. What do we mean by "seeing" an object? It means that our eyes respond to such vibrations of light as are given off by the *front* of the object, and that our consciousness translates those vibrations into ideas of form and color.

What we see is of course only the front of the object, never the whole, which is both the front and the back. Our faculty of sight, then, is due to waves of light to which our eyes respond. But what, after all, is "light"? In answering that question we shall quickly see how small a part of the true world is the visible world, and how large a part the invisible. In Fig. 45 we have a diagram showing us the main facts about light.

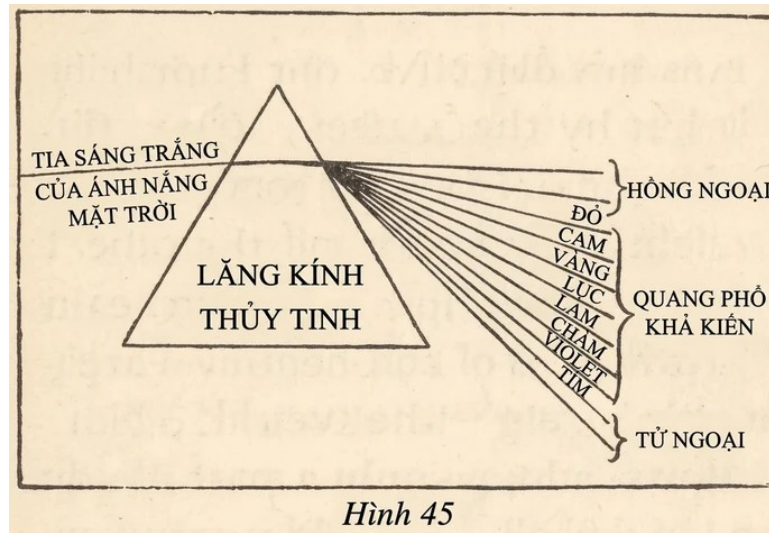
Trong đời sống của mỗi chúng ta, thế giới vốn bao quanh chúng ta có một ảnh hưởng rất lớn, nếu không muốn nói là lớn lao nhất. Chúng ta phần nhiều là do tri thức của mình về thế giới nặn thành. Chúng ta biết thế giới bằng năm giác quan của mình; và nếu một trong những giác quan ấy bị khiếm khuyết, thì tri thức của chúng ta về thế giới sẽ bị giảm bớt đúng bằng sự khiếm khuyết đó.

Giờ đây, mặc dù chúng ta luôn sử dụng các giác quan của mình, và nhìn, nghe, chạm, nếm và ngửi các vật thể của thế giới mà chúng ta đang sống, chúng ta ít nhận ra những quá trình tâm thức phức tạp nào có liên quan đến việc chúng ta "biết" thế giới. Chúng ta cũng không nhận ra rằng chúng ta chỉ biết một phần những gì có thể biết về thế giới xung quanh.

Chúng ta hãy xem xét, chẳng hạn, kiến thức của chúng ta về thế giới thông qua khả năng thị giác. Chúng ta có ý gì khi "nhìn thấy" một vật thể? Nó có nghĩa là đôi mắt của chúng ta phản ứng với những rung động ánh sáng vốn được phát ra từ *phía trước* của vật thể, và tâm thức của chúng ta chuyển những rung động đó thành ý niệm về hình dạng và màu sắc.

Những gì chúng ta thấy tất nhiên chỉ là mặt trước của vật thể, không bao giờ là toàn bộ, vốn là cả mặt trước và mặt sau. Vậy thì, khả năng thị giác của chúng ta là do các sóng ánh sáng mà mắt chúng ta phản ứng. Nhưng rốt cuộc thì "ánh sáng" là gì? Khi trả lời câu hỏi đó, chúng ta sẽ nhanh chóng thấy phần nhỏ bé của thế giới thực là thế giới hữu hình, và phần lớn của thế giới vô hình lớn đến mức nào. Trong Hình 45, chúng ta có một sơ đồ cho chúng ta thấy những sự thật chính về ánh

sáng.



Light is a vibration; according to the frequency of the vibration is the color produced by it. The light by which we see comes from the sun, which throws off bundles of vibrations of various frequencies, and we call the aggregates of these bundles white light. But if we interpose a prism of glass in the way of a white ray of light, the particles of glass break the white light into its constituent vibrations. These vibrations create in our consciousness, when they are noted by the retina of our eyes, the sense of color. The colors which our eyes can see are seven—red, orange, yellow, green, blue, indigo and violet; these seven colors and their shades and their mixtures make up the many colors of the world in which we live.

But the colors which we see are not the only colors which exist. We see only such colors as our eyes can respond to. But the response of our eyes is limited; we can see in the spectrum the colors from red to blue, and then the violet; few of us can see any indigo between the blue and the violet. So long as the vibrations are not larger than 38,000 to the inch (or 15,000 to the centimeter), making the color red, nor smaller than 62,000 to the inch (or 25,000 to

Ánh sáng là một rung động; theo tần số của rung động, màu sắc được tạo ra bởi nó. Ánh sáng mà chúng ta nhìn thấy đến từ mặt trời, vốn phát ra các bó rung động với nhiều tần số khác nhau, và chúng ta gọi tập hợp của các bó này là ánh sáng trắng. Nhưng nếu chúng ta đặt một lăng kính thủy tinh trên đường đi của một tia sáng trắng, các hạt thủy tinh sẽ phá vỡ ánh sáng trắng thành các rung động cấu thành của nó. Những rung động này tạo ra trong tâm thức của chúng ta, khi chúng được ghi nhận bởi võng mạc của mắt chúng ta, cảm giác về màu sắc. Các màu sắc mà mắt chúng ta có thể nhìn thấy là bảy—đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm và tím; bảy màu này và các sắc thái của chúng và các hỗn hợp của chúng tạo nên nhiều màu sắc của thế giới mà chúng ta đang sống.

Nhưng những màu sắc mà chúng ta nhìn thấy không phải là những màu sắc duy nhất tồn tại. Chúng ta chỉ nhìn thấy những màu sắc mà mắt chúng ta có thể phản ứng. Nhưng sự phản ứng của mắt chúng ta là có giới hạn; chúng ta có thể nhìn thấy trong quang phổ các màu từ đỏ đến lam, và sau đó là tím; ít người trong chúng ta có thể nhìn thấy bất kỳ màu chàm nào giữa màu lam và màu tím. Miễn là các rung động không lớn hơn [38.000] trên inch

the centimeter), making the color violet, we can respond to solar vibrations, and know them as color. But a little experiment will quickly show us that, below the red of the spectrum, and beyond the violet, there exist vibrations which would mean color to us, if we could but respond to them. If, after the spectrum is made, we put a burning-glass where come the infra-red rays (where our eyes see nothing), and put a piece of phosphorus where the rays of the lens converge, we shall have the phosphorus set on fire by heat; evidently, below the color red of the spectrum, there are vibrations producing heat. Similarly, at the other end of the spectrum, if we shut off the violet rays by a screen, and in that part of the space beyond the violet, where our eyes see no color, we place a disc or screen covered with plantino-cyanide, the disc will begin to glow, owing to the effect of the ultraviolet rays. There are, then, in the sun's rays, infrared and ultraviolet colors which our eyes cannot see; if we could see them, it is obvious that the colors in natural objects would be seen to have not only new colors but also new shades.

Our sense of hearing is similarly limited; there are sounds both too high and too low for us to hear. Sound is made by waves in the air; $16\frac{1}{2}$ sound-waves per second make the low C note of the organ. While some can hear this, others cannot hear a note which produces fewer vibrations than 40 per second. So too with the highest audible note; some can hear a note as high as 40,000 per second, but others only up to 20,000 per second. Wherever exist sounds which some of us, due to some defect, cannot hear, they do not exist *for us*; they exist for others who respond to those vibrations. In Fig.

(hoặc [15.000] trên centimet), tạo ra màu đỏ, cũng không nhỏ hơn [62.000] trên inch (hoặc [25.000] trên centimet), tạo ra màu tím, chúng ta có thể phản ứng với các rung động mặt trời, và biết chúng là màu sắc. Nhưng một thí nghiệm nhỏ sẽ nhanh chóng cho chúng ta thấy rằng, bên dưới màu đỏ của quang phổ, và vượt ra ngoài màu tím, tồn tại những rung động vốn sẽ có nghĩa là màu sắc đối với chúng ta, nếu chúng ta có thể phản ứng với chúng. Nếu, sau khi quang phổ được tạo ra, chúng ta đặt một kính lúp ở nơi các tia hồng ngoại đến (nơi mắt chúng ta không nhìn thấy gì), và đặt một miếng phốt pho ở nơi các tia của thấu kính hội tụ, chúng ta sẽ thấy phốt pho bốc cháy do nhiệt; rõ ràng, bên dưới màu đỏ của quang phổ, có những rung động tạo ra nhiệt. Tương tự, ở đầu kia của quang phổ, nếu chúng ta chặn các tia tím bằng một màn chắn, và trong phần không gian vượt ra ngoài màu tím đó, nơi mắt chúng ta không nhìn thấy màu sắc, chúng ta đặt một đĩa hoặc màn chắn được phủ bằng plantino-cyanide, đĩa sẽ bắt đầu phát sáng, do tác dụng của các tia cực tím. Vậy thì, trong các tia của mặt trời, có các màu hồng ngoại và cực tím mà mắt chúng ta không thể nhìn thấy; nếu chúng ta có thể nhìn thấy chúng, rõ ràng là các màu sắc trong các vật thể tự nhiên sẽ được nhìn thấy không chỉ có màu sắc mới mà còn có các sắc thái mới.

Khả năng nghe của chúng ta cũng bị giới hạn tương tự; có những âm thanh quá cao và quá thấp để chúng ta nghe thấy. Âm thanh được tạo ra bởi các sóng trong không khí; $[16\frac{1}{2}]$ sóng âm thanh mỗi giây tạo ra nốt Đô thấp của đàn organ. Trong khi một số người có thể nghe thấy điều này, những người khác không thể nghe thấy một nốt nhạc tạo ra ít rung động hơn [40] mỗi giây. Tương tự như vậy với nốt cao nhất có thể nghe được; một số người có thể nghe thấy một nốt nhạc cao tới [40.000] mỗi giây, nhưng những người khác chỉ lên đến [20.000] mỗi giây. Bất cứ nơi nào tồn tại những

46 we have a table of vibrations, giving us a general idea of such effects as are produced in nature by vibrations in air and in the aether.⁶

âm thanh mà một số người trong chúng ta, do một số khiếm khuyết, không thể nghe thấy, chúng không tồn tại đối với chúng ta; chúng tồn tại cho những người khác phản ứng với những rung động đó. Trong Hình 46, chúng ta có một bảng các rung động, cho chúng ta một ý tưởng chung về những tác động vốn được tạo ra trong tự nhiên bởi các rung động trong không khí và trong dĩ thái.

BẢNG VỀ RUNG ĐỘNG	
ĐIỂM KHỞI ĐẦU	CON LẮC GIÂY
BƯỚC 1.....	2 RUNG ĐỘNG MỖI GIÂY
2.....	4
3.....	8
4.....	16
5.....	32
6.....	64
7.....	128
8.....	256
9.....	512
10.....	1 024
15.....	32 768
20.....	1 045 576
25.....	33 554 432
30.....	1 073 741 824
35.....	34 359 738 368
40.....	1 099 511 627 776
45.....	35 184 372 088 832
50.....	1 125 899 906 842 624
55.....	36 028 797 018 963 968
56.....	72 057 594 037 927 936
57.....	144 115 188 075 855 872
58.....	288 230 376 151 711 744
59.....	576 460 752 303 423 488
60...1	152 921 504 606 846 976
61...2	305 843 009 213 693 952
62...4	611 686 018 427 387 904
63...9	223 372 036 854 775 808

ÂM THANH BẮT ĐẦU VỚI TAI NGƯỜI

ÂM THANH KẾT THÚC ĐỐI VỚI TAI NGƯỜI VÀ CÁC SÓNG ĐIỆN BẮT ĐẦU

CÁC SÓNG ĐIỆN KẾT THÚC

CÁC SÓNG ÁNH SÁNG BẮT ĐẦU CHO MẮT NGƯỜI

CÁC SÓNG ÁNH SÁNG KẾT THÚC CHO MẮT NGƯỜI

CÁC TIA X BẮT ĐẦU

HÌNH 46

If we imagine a pendulum swinging twice per second, then increasing to four times per second, and then to eight, and so on, doubling at each step, we shall produce certain

Nếu chúng ta hình dung một con lắc đung đưa hai lần trong một giây, rồi tăng lên bốn lần trong một giây, rồi tám lần, và cứ thế, gấp đôi ở mỗi bước, thì chúng ta sẽ tạo ra những con số

⁶ I know that physics today has discarded the existence of the aether, since the phenomenon of light can be explained without any need to postulate a medium in which it moves. All the same the ether exists, *for I see it*.

numbers of vibrations per second. Of waves producible in the air, our faculty of hearing begins only when they are at the 5th step, and it ends between the 13th and 15th steps. Of the electro-magnetic waves in the ether, also, we “see” only those of a definite range of frequency. The wire carrying the current to a lamp is opaque to our eyes, but when the electricity meets with resistance, and vibrations, corresponding to those of the 45th to 46th steps in the diagram, are produced in the ether, then light appears and our eyes recognize the presence of the electric current. Of the wide range of vibrations, extending from waves a minute fraction of an inch in length, to many miles, which have been tabulated by science, our senses respond only to a little more than one-ninth of the whole. Thus, of the world around us, which science has discovered, we know only about one-eighth; seven-eighths of the world is hidden to our consciousness.

Suppose that our nerves were differently organized; suppose they did not respond to light waves but to some other range of electro-magnetic vibrations, what a different world would then be around us! When the sun shone, there would be no sunlight; the atmosphere about us would be opaque but for waves such as those used in radio. When we turned on the electric switch, our rooms would be lit, not by the light of the electric bulb, but by the wires along the walls and by the discharges of static electricity from the objects in the room. As a matter of fact, if our eyes responded to electric waves, we should require no wires at all; we should “see” by means of the light emitted by the protons and electrons composing the atoms. There would then be for us no alternations of night and day; it would always be “day” for us, so long as the protons and electrons swung in their

nhất định về số dao động trong một giây. Trong số các làn sóng có thể tạo ra trong không khí, năng lực thính giác của chúng ta chỉ bắt đầu khi chúng đạt đến bước thứ 5, và kết thúc trong khoảng giữa bước thứ 13 và 15. Đối với các làn sóng điện-từ trong dĩ thái, chúng ta cũng chỉ “thấy” những sóng có một miền tần số nhất định. Dây dẫn điện đến một bóng đèn thì hoàn toàn không thể thấy được bằng mắt, nhưng khi dòng điện gặp phải điện trở và tạo ra trong dĩ thái những dao động tương ứng với bước thứ 45 đến 46 trong sơ đồ, thì ánh sáng xuất hiện và mắt chúng ta nhận ra sự hiện diện của dòng điện. Trong toàn bộ dải dao động—from những làn sóng có chiều dài bằng một phần rất nhỏ của một inch cho đến những làn sóng dài hàng dặm—đã được khoa học ghi nhận, giác quan của chúng ta chỉ đáp ứng với hơn một phần chín đôi chút. Như thế, trong thế giới quanh ta mà khoa học đã khám phá, chúng ta chỉ biết khoảng một phần tám; bảy phần tám của thế giới vẫn ẩn khuất đối với tâm thức của chúng ta.

Giả sử hệ thần kinh của chúng ta được tổ chức theo một cách khác; giả sử chúng không đáp ứng với các làn sóng ánh sáng mà lại đáp ứng với một dải dao động điện-từ nào đó khác, thì thế giới quanh ta hẳn sẽ khác biệt bao! Khi mặt trời chiếu sáng, sẽ không hề có ánh nắng; bầu khí quyển quanh ta sẽ hoàn toàn mờ đục, trừ đối với những làn sóng như loại được dùng trong vô tuyến. Khi chúng ta bật công tắc điện, căn phòng sẽ không được chiếu sáng bởi ánh sáng của bóng đèn điện, mà bởi chính các dây dẫn chạy dọc tường và bởi những phóng điện tĩnh điện từ các vật trong phòng. Thật vậy, nếu mắt chúng ta đáp ứng với các làn sóng điện, chúng ta sẽ chẳng cần dây dẫn nào cả; chúng ta sẽ “thấy” nhờ ánh sáng phát ra từ các proton và electron cấu tạo nên nguyên tử. Khi ấy, đối với chúng ta sẽ không còn sự luân phiên giữa ngày và đêm; trời sẽ luôn “ban ngày”, miễn là các proton và electron còn tiếp tục quay trên

orbits.

Fig. 47 and 48 show us how different an object can appear if cognized by two different types of vibration. Both are pictures of the sun, taken by the photographic camera; but in Fig. 47 we have a picture made by the ordinary photographic negative, which responds to all the rays emitted by the sun, that is, to the white rays.

quỹ đạo của chúng.

Hình 47 và 48 cho chúng ta thấy một vật thể có thể trông khác nhau đến mức nào khi được nhận thức bằng hai loại dao động khác nhau. Cả hai đều là những bức ảnh về mặt trời, được chụp bằng máy ảnh; nhưng trong Hình 47, chúng ta có một bức ảnh được tạo ra bằng âm bản nhiếp ảnh thông thường, vốn đáp ứng với tất cả các tia mà mặt trời phát ra, nghĩa là các tia trắng.



—But Fig. 48 is a picture of the sun taken by means of the spectroheliograph, in which the negative responds only to selected vibrations from the sun and to no others. To make this picture, only the vibrations of light emitted by the hydrogen vapors of the sun are allowed to enter the camera. We have thus two different

— Nhưng Hình 48 là một bức ảnh mặt trời được chụp bằng máy quang phổ nhật hoa, trong đó âm bản chỉ đáp ứng với những dao động được chọn lọc từ mặt trời và không đáp ứng với các dao động khác. Để tạo ra bức ảnh này, chỉ những dao động ánh sáng phát ra từ các hơi khí hydrogen của mặt trời mới được

pictures of the sun, both made by the camera. If, therefore, at one and the same time, we were to photograph the sun by two telescopes, one with the ordinary camera attachment and the other with the spectroheliograph adjusted to a particular rate of vibration, we should then obtain two photographs, of one and the same sun, differing entirely in detail, except for the circular contour common to both.

This is exactly the principle underlying what is called Clairvoyance. Around us are many types of vibrations to which the ordinary mortal cannot respond. He is blind to and unconscious of a part of the universe which is ready to reveal itself to him, were he but ready to respond to its vibrations. But the clairvoyant does so respond, and therefore he “sees” more of the real world in which we spend our days. Of course all clairvoyants are not alike in their response to the unseen world; some “see” only a little, others a great deal; some make clear conceptions of what they see, others are confused and incoherent. But the principle of Clairvoyance is exactly the principle of ordinary sight⁷. We do not yet know what special development of nerves and of brain centres is necessary to call out response to the vibrations of the invisible world; the science of a future day will map out for us the occult physiology of the brain, which will explain to us more than we now know of the mechanism of Clairvoyance.

On this matter of a larger, unseen world

phép đi vào ống kính máy ảnh. Như thế, chúng ta có hai bức ảnh khác nhau của mặt trời, cả hai đều do máy ảnh chụp. Vậy nên, nếu cùng một lúc chúng ta chụp mặt trời bằng hai kính thiên văn—một kính gắn máy ảnh thông thường, và kính kia gắn máy quang phổ nhật hoa được điều chỉnh theo một nhịp dao động đặc thù—thì chúng ta sẽ thu được hai bức ảnh của cùng một mặt trời, hoàn toàn khác nhau về chi tiết, ngoại trừ đường viền hình tròn vốn giống nhau ở cả hai.

Đây chính xác là nguyên tắc cơ bản của cái gọi là thông nhãn. Xung quanh chúng ta có nhiều loại rung động mà người phàm trần bình thường không thể phản ứng. Ý mù quáng và bất tỉnh trước một phần của vũ trụ vốn sẵn sàng tiết lộ chính nó cho ý, nếu ý sẵn sàng phản ứng với những rung động của nó. Nhưng nhà thông nhãn làm như vậy, và do đó ý “nhìn thấy” nhiều hơn về thế giới thực mà chúng ta trải qua những ngày của mình. Tất nhiên, không phải tất cả các nhà thông nhãn đều giống nhau trong phản ứng của họ với thế giới vô hình; một số “nhìn thấy” chỉ một chút, những người khác rất nhiều; một số tạo ra những quan niệm rõ ràng về những gì họ nhìn thấy, những người khác thì bối rối và rời rạc. Nhưng nguyên tắc của thông nhãn chính xác là nguyên tắc của thị giác thông thường. Chúng ta vẫn chưa biết sự phát triển đặc biệt nào của các dây thần kinh và các trung tâm não là cần thiết để kêu gọi phản ứng với các rung động của thế giới vô hình; khoa học của một ngày mai sẽ vạch ra cho chúng ta sinh lý học huyền bí của não bộ, vốn sẽ giải thích cho chúng ta nhiều hơn những gì chúng ta hiện biết về cơ chế của thông nhãn.

Về vấn đề một thế giới lớn hơn, vô hình xung

⁷ I refer here only to those clairvoyants who see objectively, that is, the object is seen in front of them, and apart from them, just as in the case of physical sight. Many clairvoyants, however, “see” subjectively, that is, by mental impressions received which create images or pictures.

around, us, I speak not at second hand, but partly of my own direct observation and knowledge. What there is peculiar in the centres of my brain I do not know; but a never-vanishing fact of my consciousness is that there is on all sides of me, through, within and without everything, an invisible world, which is most difficult to describe. It scarcely requires an effort of the will to see it; there is no greater need to concentrate to see it than for the physical eye to focus instantly to see an object. It is not seen with the eye; whether the eye is open or shut makes no difference. The sight of the physical eye and this inner sight are independent of each other, and yet both work simultaneously; my eye sees the paper on which I write this, and at the same time my something—scarcely know what to call it—sees the invisible world above, below, around and through the paper, and the table, and the room. That world is luminous, and seems as if every point of its space was a point of self-created light of a kind different from the light of the physical world; the whole of its space is full of movement, but in a puzzling, indescribable manner, suggestive of a fourth dimension of space. I must testify, with all the vehemence at my command, that to my consciousness, to all that I know of as “I”, this invisible world has a *greater reality* than the physical world; that as I look at it, and then with my physical eye look at the world of earth and sky and human habitations, the physical world is an utter illusion, a Maya, and has no quality in it which my consciousness can truly label as “real”. “Our world”, when I compare it to the intense reality of even this fragment of the invisible worlds which I see, is less than a mirage or a shadow or a dream; it seems scarcely even an idea of my brain. Nevertheless, of course, our physical world is “real” enough; in its own way, it is real enough just now to me, seeing that, as I write this among the hills of Java, mosquitoes are biting

quanh chúng ta, tôi không nói gián tiếp, mà một phần từ sự quan sát và kiến thức trực tiếp của riêng tôi. Tôi không biết điều gì đặc biệt trong các trung tâm não của tôi; nhưng một sự thật không bao giờ biến mất trong tâm thức của tôi là có ở tất cả các phía của tôi, xuyên qua, bên trong và bên ngoài mọi thứ, một thế giới vô hình, vốn rất khó mô tả. Hầu như không cần một nỗ lực của ý chí để nhìn thấy nó; không cần tập trung nhiều hơn để nhìn thấy nó so với việc mắt vật lý tập trung ngay lập tức để nhìn thấy một vật thể. Nó không được nhìn thấy bằng mắt; việc mắt mở hay nhắm không tạo ra sự khác biệt. Thị giác của mắt vật lý và thị giác bên trong này độc lập với nhau, và tuy nhiên cả hai đều hoạt động đồng thời; mắt tôi nhìn thấy tờ giấy mà tôi viết điều này, và đồng thời một cái gì đó của tôi—hầu như không biết gọi nó là gì—nhìn thấy thế giới vô hình ở trên, bên dưới, xung quanh và xuyên qua tờ giấy, và cái bàn, và căn phòng. Thế giới đó phát sáng, và dường như mọi điểm trong không gian của nó là một điểm ánh sáng tự tạo thuộc một loại khác với ánh sáng của thế giới vật lý; toàn bộ không gian của nó tràn ngập chuyển động, nhưng theo một cách khó hiểu, không thể mô tả, gợi ý về một chiều không gian thứ tư. Tôi phải làm chứng, với tất cả sự nhiệt tình mà tôi có, rằng đối với tâm thức của tôi, đối với tất cả những gì tôi biết là “Tôi”, thế giới vô hình này có một thực tế lớn hơn thế giới vật lý; rằng khi tôi nhìn vào nó, và sau đó bằng mắt vật lý của mình nhìn vào thế giới của đất trời và những nơi ở của con người, thế giới vật lý là một ảo ảnh hoàn toàn, một Maya, và không có phẩm chất nào trong đó mà tâm thức của tôi có thể thực sự dán nhãn là “thực”. “Thế giới của chúng ta”, khi tôi so sánh nó với thực tế mãnh liệt của ngay cả mảnh vỡ này của thế giới vô hình mà tôi nhìn thấy, còn ít hơn một *мираж* hoặc một cái bóng hoặc một giấc mơ; nó dường như thậm chí không phải là một ý tưởng trong não của tôi. Tuy nhiên, tất nhiên, thế giới vật lý của chúng ta là “thực” đủ; theo cách riêng

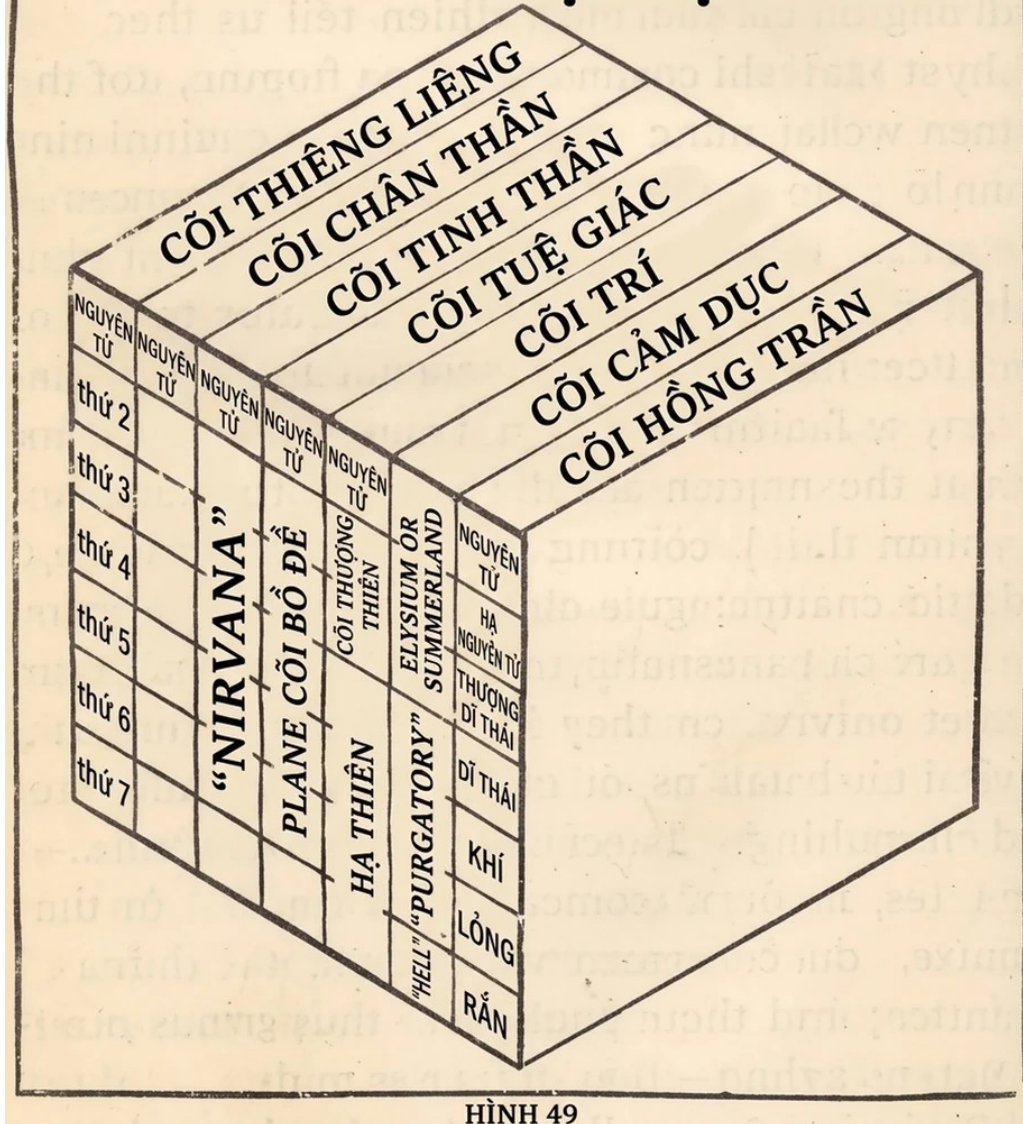
me, and I am acutely conscious of their stings. Some day, when opportunity permits, I may be able to develop this faculty with which I have been born, and add to the stock of facts about the invisible worlds which have already been gathered by Theosophical investigators.

The facts already gathered by the scientists of the Theosophical tradition tell us that this physical world of ours is only a fragment of the true world, and that interpenetrating this world, as also beyond it, are many invisible worlds. Each of these worlds is material, that is, not a mere conception, but made of matter; the matter of the invisible worlds, however, is far finer in quality and substantiality than the matter to which we are usually accustomed. We are aware of solid matter, and liquid matter; gaseous matter, as of the air, we are not normally conscious of, and we note gases only when they incommode us, as when wind obstructs us, or some gas causes difficulty in breathing. Beyond this gaseous state of matter, modern science has discovered further states, once termed by Crookes "radiant" matter; and there is also the mysterious luminiferous ether—in every sense matter, and yet differing in its attributes from such matter as we know. All this vast domain of finer states of matter has been investigated and described in Theosophy, and in Fig. 49 we have in tabular form some facts about the invisible worlds.

của nó, nó đủ thực đối với tôi ngay bây giờ, khi thấy rằng, khi tôi viết điều này giữa những ngọn đồi của Java, muỗi đang đốt tôi, và tôi hoàn toàn ý thức được những vết đốt của chúng. Một ngày nào đó, khi có cơ hội cho phép, tôi có thể phát triển khả năng mà tôi đã được sinh ra này, và thêm vào kho sự thật về thế giới vô hình vốn đã được thu thập bởi các nhà điều tra Thông Thiên Học.

Những sự thật đã được thu thập bởi các nhà khoa học của truyền thống Thông Thiên Học cho chúng ta biết rằng thế giới vật lý của chúng ta chỉ là một mảnh vỡ của thế giới thực, và rằng xen kẽ thế giới này, cũng như vượt ra ngoài nó, là nhiều thế giới vô hình. Mỗi thế giới này là vật chất, nghĩa là, không chỉ là một ý niệm đơn thuần, mà được tạo thành từ vật chất; tuy nhiên, vật chất của thế giới vô hình có chất lượng và tính thực chất tốt hơn nhiều so với vật chất mà chúng ta thường quen thuộc. Chúng ta nhận thức được vật chất rắn, và vật chất lỏng; vật chất khí, như của không khí, chúng ta không ý thức được một cách bình thường, và chúng ta chỉ ghi nhận các chất khí khi chúng gây khó chịu cho chúng ta, như khi gió cản trở chúng ta, hoặc một số chất khí gây khó khăn trong việc thở. Vượt ra ngoài trạng thái vật chất khí này, khoa học hiện đại đã khám phá ra các trạng thái xa hơn, từng được Crookes gọi là vật chất "rạng rỡ"; và cũng có dĩ thái phát quang bí ẩn—theo mọi nghĩa là vật chất, và tuy nhiên khác biệt về các thuộc tính của nó so với vật chất mà chúng ta biết. Toàn bộ lĩnh vực rộng lớn này của các trạng thái vật chất tốt hơn đã được điều tra và mô tả trong Thông Thiên Học, và trong Hình 49, chúng ta có ở dạng bảng một số sự thật về thế giới vô hình.

CÁC CÔI CỦA HỆ MẶT TRỜI



HÌNH 49

There are seven "planes" or worlds which have special relation to man, and each individual has some phase of his life in them. He is represented in the three lower planes by a vehicle or body made of matter of each of those planes, and each body serves him as a means of knowledge and communication with that plane. Thus, each of us has a physical body, made up of the seven sub-states of physical matter, and through that

Có bảy "cõi" hoặc thế giới có mối quan hệ đặc biệt với con người, và mỗi cá nhân có một số giai đoạn của cuộc đời mình trong đó. Y được đại diện trong ba cõi thấp hơn bởi một vận cụ hoặc thể được tạo thành từ vật chất của mỗi cõi đó, và mỗi thể phục vụ y như một phương tiện kiến thức và giao tiếp với cõi đó. Như vậy, mỗi người trong chúng ta có một thể xác, được tạo thành từ bảy cõi phụ của vật chất hồng trần, và thông qua thể đó y có được những

body he gains his experiences of the physical world. Similarly, each of us has a body of “astral” matter—so called because the matter is starry or self-luminous—which is called the “astral body”, and each has also a “mental body” and a “causal body” made up of materials of the mental world. (See Fig. 28.) Each invisible body is of course highly organized, as is the physical body; there is an anatomy and physiology of these invisible vehicles more complex than that of the physical body. On planes higher than the mental world, man’s consciousness is as yet rudimentary, and his bodies or vehicles in them are still awaiting organization.

As is shown in the diagram, each plane or world is quite distinct from all the others; natural phenomena like heat and light and electricity are of our physical world of physical matter, and do not affect, for instance, the world of mental matter. As there are laws of solid, liquid and gaseous states of physical matter, so are there similarly laws of matter for each plane. The matter of each plane has seven sub-states, called sub-planes; our physical world has not only the three sub-states, solid, liquid and gaseous with which we are familiar, but also four other sub-states, called respectively etheric, super-etheric, sub-atomic and atomic. (It should here be mentioned that the word “etheric” relates to certain sub-states of *physical* matter, and does not refer to the ether, that substance which fills interstellar space and bears to us the lightwaves from the farthest stars.)

The highest sub-plane of each of the seven planes is labelled “atomic”, for the reason that its particles are not molecular; each particle is a unit which is not further divisible into smaller constituents of that plane.

kinh nghiệm của mình về thế giới vật lý. Tương tự, mỗi người trong chúng ta có một thể vật chất “cảm dục” (astral)—được gọi như vậy vì vật chất có tính chất tinh tú hoặc tự phát sáng—vốn được gọi là “thể cảm dục”, và mỗi người cũng có một “thể trí” và một “thể nguyên nhân” được tạo thành từ các vật liệu của cõi trí. (Xem Hình 28.) Tất nhiên, mỗi thể vô hình đều được tổ chức cao, giống như thể xác; có một giải phẫu học và sinh lý học của những vận cụ vô hình này phức tạp hơn của thể xác. Trên các cõi cao hơn cõi trí, tâm thức của con người vẫn còn sơ khai, và các thể hoặc vận cụ của y trong đó vẫn đang chờ được tổ chức.

Như được thể hiện trong sơ đồ, mỗi cõi hoặc thế giới hoàn toàn khác biệt với tất cả những cõi khác; các hiện tượng tự nhiên như nhiệt, ánh sáng và điện thuộc về thế giới vật chất hồng trần của chúng ta, và không ảnh hưởng đến, ví dụ, thế giới vật chất trí tuệ. Vì có các định luật về trạng thái rắn, lỏng và khí của vật chất hồng trần, nên cũng có các định luật tương tự về vật chất cho mỗi cõi. Vật chất của mỗi cõi có bảy trạng thái phụ, được gọi là các cõi phụ; thế giới hồng trần của chúng ta không chỉ có ba trạng thái phụ, rắn, lỏng và khí mà chúng ta đã quen thuộc, mà còn có bốn trạng thái phụ khác, lần lượt được gọi là dĩ thái, siêu dĩ thái, hạ nguyên tử và nguyên tử. (Ở đây cần phải đề cập rằng từ “dĩ thái” liên quan đến một số trạng thái phụ của vật chất hồng trần, và không đề cập đến dĩ thái, chất vốn lấp đầy không gian giữa các vì sao và mang đến cho chúng ta các sóng ánh sáng từ những ngôi sao xa xôi nhất.)

Cõi phụ cao nhất của mỗi trong bảy cõi được dán nhãn “nguyên tử”, vì lý do là các hạt của nó không phải là phân tử; mỗi hạt là một đơn vị không thể chia nhỏ hơn nữa thành các thành phần nhỏ hơn của cõi đó.

All the invisible worlds exist around us, here and now; they are not removed in space from this world. The astral world and its inhabitants are around us all the time, though most of us are unaware of them. So too is that invisible world which is known in tradition as "Heaven"; the glories of Heaven are here and now, and all about us, had we but the eye to see and the ear to hear. How can this be, that in our rooms, in our gardens and roads and cities, there are also other worlds? How can several worlds exist in one and the same space?

They can so exist, because each higher world is of finer matter than the one below. If we compare the matter of the three lower worlds—physical, astral, mental—to the three states of physical matter with which we are familiar—solid, liquid and gaseous; if we think of the physical world for a moment as "solid", the astral world as "liquid", and the mental world as "gaseous", then in one and the same space these three worlds can exist. A bottle can be filled with sand; but it is not really full, as there are air spaces between the particles of sand; we can put water into the bottle, and the water particles will occupy the empty spaces in the sand. Even with the sand and the water the bottle is not really full, for we can aerate the water, that is, send gas particles to fill the empty spaces in the water, since water does not closely pack space but is full of holes between its particles. Sand, water and gas can thus exist together inside one and the same bottle.

We can use another simile in order to understand how several worlds can occupy the same space. Suppose a large room or hall were filled with old-fashioned round cannon

Tất cả các thế giới vô hình tồn tại xung quanh chúng ta, ở đây và ngay bây giờ; chúng không bị loại bỏ trong không gian khỏi thế giới này. Thế giới cảm dục và cư dân của nó luôn ở xung quanh chúng ta, mặc dù hầu hết chúng ta không nhận thức được chúng. Thế giới vô hình vốn được biết đến trong truyền thống là "Thiên đường" cũng vậy; vinh quang của Thiên đường ở đây và ngay bây giờ, và ở khắp xung quanh chúng ta, nếu chúng ta có con mắt để thấy và đôi tai để nghe. Làm thế nào có thể như vậy, rằng trong phòng của chúng ta, trong vườn và đường xá và thành phố của chúng ta, cũng có những thế giới khác? Làm thế nào nhiều thế giới có thể tồn tại trong cùng một không gian?

Chúng có thể tồn tại như vậy, bởi vì mỗi thế giới cao hơn có vật chất tinh tế hơn thế giới bên dưới. Nếu chúng ta so sánh vật chất của ba cõi thấp hơn—hồng trần, cảm dục, trí tuệ—với ba trạng thái của vật chất hồng trần mà chúng ta đã quen thuộc—rắn, lỏng và khí; nếu chúng ta nghĩ về thế giới hồng trần trong một khoảng khắc là "rắn", thế giới cảm dục là "lỏng", và thế giới trí tuệ là "khí", thì trong cùng một không gian, ba thế giới này có thể tồn tại. Một cái chai có thể được đổ đầy cát; nhưng nó không thực sự đầy, vì có những khoảng trống không khí giữa các hạt cát; chúng ta có thể cho nước vào chai, và các hạt nước sẽ chiếm các khoảng trống trong cát. Ngay cả với cát và nước, chai vẫn không thực sự đầy, vì chúng ta có thể sục khí cho nước, nghĩa là, gửi các hạt khí để lấp đầy các khoảng trống trong nước, vì nước không đóng gói không gian chặt chẽ mà chứa đầy các lỗ giữa các hạt của nó. Cát, nước và khí do đó có thể cùng tồn tại bên trong cùng một chai.

Chúng ta có thể sử dụng một phép so sánh khác để hiểu làm thế nào nhiều thế giới có thể chiếm cùng một không gian. Giả sử một căn phòng hoặc hội trường lớn chứa đầy những

balls, as closely as they will pack; because of the spherical shape of the balls, there will be empty spaces between them, however closely they are packed. Suppose then we send into the room thousands of small gun shot, each having a mysterious faculty of movement; the shot could exist in the empty spaces between the cannon balls, and move about without finding them an insuperable obstruction. Suppose the room is quite full of shot, and there is no room for them to move at all among the cannon balls; still, because the shot are round, there are empty spaces between them. If then we send in an army of microbes, they will live quite at ease among the small shot, move about without finding the shot an obstruction.

This is somewhat the way that the astral world, the mental and the higher worlds, are here all about us; our physical world, of solid and liquid and gaseous and the etheric states, is porous, and between its finest particles exist great spaces; in these spaces exist particles of matter of the higher planes. An atom of a rare gas in the atmosphere, like argon, might move in and out between the meshes of a wire fence without in the least being incommoded by the fence; and as argon will not combine with any substance, the argon atom and the fence will be shut off from each other, as it were, in consciousness, though both partake of the same space. Similarly, entities of the astral and other worlds are all about us, living their life, but we are not conscious of them, nor they of us, except under abnormal circumstances.

Suppose there exists a man who responds to the vibrations of the astral and mental worlds, and so can "see" them, and that he has also

quả bóng đại bác tròn kiểu cũ, được đóng gói chặt chẽ nhất có thể; vì hình dạng hình cầu của các quả bóng, sẽ có những khoảng trống giữa chúng, dù chúng được đóng gói chặt chẽ đến đâu. Giả sử sau đó chúng ta gửi vào phòng hàng ngàn viên đạn nhỏ, mỗi viên có một khả năng di chuyển bí ẩn; các viên đạn có thể tồn tại trong các khoảng trống giữa các quả bóng đại bác, và di chuyển xung quanh mà không thấy chúng là một trở ngại không thể vượt qua. Giả sử căn phòng chứa đầy đạn, và không còn chỗ cho chúng di chuyển giữa các quả bóng đại bác; tuy nhiên, vì các viên đạn tròn, nên có những khoảng trống giữa chúng. Nếu sau đó chúng ta gửi vào một đội quân vi trùng, chúng sẽ sống khá thoải mái giữa các viên đạn nhỏ, di chuyển xung quanh mà không thấy các viên đạn là một trở ngại.

Đây là một phần nào đó cách mà thế giới cảm dục, thế giới trí tuệ và các thế giới cao hơn, ở đây xung quanh chúng ta; thế giới hồng trần của chúng ta, gồm các trạng thái rắn, lỏng, khí và dĩ thái, là xốp, và giữa các hạt mịn nhất của nó tồn tại những không gian rộng lớn; trong những không gian này tồn tại các hạt vật chất của các cõi cao hơn. Một nguyên tử của một loại khí hiếm trong khí quyển, như argon, có thể di chuyển vào và ra giữa các mắt lưới của hàng rào dây mà không hề bị hàng rào làm khó chịu; và vì argon sẽ không kết hợp với bất kỳ chất nào, nguyên tử argon và hàng rào sẽ bị tách biệt khỏi nhau, như thế, trong tâm thức, mặc dù cả hai đều tham gia vào cùng một không gian. Tương tự, các thực thể của thế giới cảm dục và các thế giới khác đều ở xung quanh chúng ta, sống cuộc sống của chúng, nhưng chúng ta không ý thức được chúng, cũng như chúng không ý thức được chúng ta, ngoại trừ trong những trường hợp bất thường.

Giả sử có một người đáp ứng các rung động của thế giới cảm dục và trí tuệ, và do đó có thể "nhìn thấy" chúng, và y cũng đã được đào tạo

been scientifically trained in observation and judgment, what does he see? He sees a multitude of phenomena, which will take him long years to analyze and understand. The first and most striking thing will be that he sees, living in either astral or mental bodies, those friends and acquaintances of his whom he thought of as dead; they are not removed in space, in a far-off heaven or purgatory or hell, but are here, in the finer unseen extensions of this world. He will see the "dead" blissfully happy, mildly contented, bored, or utterly miserable; he will note that entities with these attributes of consciousness are localized to various sub-planes of the astral and mental worlds. He will observe how far from the earth's surface these sub-planes extend, and so he will make for himself a geography of the invisible worlds.

He will see that in the astral world, and in its lowest subdivision, live for a time men and women acutely miserable, and that that part of the astral world is evidently the "hell" described in all the religions; that a higher part of the astral world is evidently "purgatory"; and that a higher part still is the "Summerland" described by the communicating entities at spiritualistic seances. With a higher faculty of observation still, he will note a part of the invisible world where the "dead" live as intensely happy as each is capable of being, and he will note that this is evidently "heaven", though in many ways radically different and more sensible than the religious imagination has conceived heaven to be. The mystery of life and death will be solved for him as he thus observes the invisible worlds.

Fig. 50 is an attempt to sum up in tabular form the various inhabitants of the "three worlds", the physical, the astral and the mental or heaven world.

một cách khoa học về quan sát và phán đoán, y thấy gì? Y thấy vô số hiện tượng, sẽ mất nhiều năm để y phân tích và hiểu. Điều đầu tiên và nổi bật nhất sẽ là y thấy, sống trong thể cảm dục hoặc thể trí, những người bạn và người quen của y mà y nghĩ là đã chết; họ không bị loại bỏ trong không gian, trong một thiên đường hoặc luyện ngục hoặc địa ngục xa xôi, mà ở đây, trong những phần mở rộng vô hình tinh tế hơn của thế giới này. Y sẽ thấy những người "chết" hạnh phúc vô cùng, hài lòng vừa phải, buồn chán hoặc hoàn toàn khổ; y sẽ lưu ý rằng các thực thể có những thuộc tính tâm thức này được định vị ở các cõi phụ khác nhau của thế giới cảm dục và trí tuệ. Y sẽ quan sát các cõi phụ này mở rộng ra bao xa so với bề mặt trái đất, và do đó y sẽ tự tạo cho mình một bản đồ về các thế giới vô hình.

Y sẽ thấy rằng trong thế giới cảm dục, và trong phân khu thấp nhất của nó, những người nam và nữ sống trong một thời gian vô cùng khổ, và phần đó của thế giới cảm dục rõ ràng là "địa ngục" được mô tả trong tất cả các tôn giáo; rằng một phần cao hơn của thế giới cảm dục rõ ràng là "luyện ngục"; và rằng một phần cao hơn nữa là "Summerland" được mô tả bởi các thực thể giao tiếp tại các buổi gọi hồn theo thuyết duy linh. Với một khả năng quan sát cao hơn nữa, y sẽ lưu ý một phần của thế giới vô hình nơi những người "chết" sống hạnh phúc mãnh liệt như mỗi người có khả năng, và y sẽ lưu ý rằng đây rõ ràng là "thiên đường", mặc dù về nhiều mặt khác biệt hoàn toàn và hợp lý hơn so với trí tưởng tượng tôn giáo đã hình dung về thiên đường. Bí ẩn của sự sống và cái chết sẽ được giải quyết cho y khi y quan sát các thế giới vô hình như vậy.

Hình 50 là một nỗ lực để tóm tắt dưới dạng bảng các cư dân khác nhau của "ba cõi", thế giới hồng trần, thế giới cảm dục và thế giới trí tuệ hoặc thiên đường.

CƯ DÂN TRONG “BA CỖI GIỚI”					
CỖI TRỜI CAO	Chân sư & Điểm đạo đồ		TINH CHẤT HÀNH KHÍ THỨ NHẤT	Arupa Devas	
	Linh hồn tiến hóa				
	Linh hồn trung bình				
LOWER HẠ THIÊN	CON NGƯỜI VÀ CÁC ĐỘNG VẬT ĐƯỢC BIẾT NGÃ HÓA Ở DEVACHAN	Triết học	TINH CHẤT HÀNH KHÍ THỨ HAI CÁC HÌNH TƯ TƯỢNG	Rupa Devas	
		Nghệ thuật			
		Bác ái			
		Sùng tín			
		Trìu mến			
THỂ GIỚI CẢM DỤC	CON NGƯỜI & ĐỘNG VẬT (<i>Khi ngủ và tạm thời sau sau khi chết</i>) CÁC THỂ CẢM DỤC BỊ BỎ LẠI— “SPOOKS”		TINH CHẤT HÀNH KHÍ THỨ BA CÁC HÌNH TƯ TƯỢNG “Elementals”	Kama Devas CÁC TINH LINH TỰ NHIÊN Sylphs	
CỖI HỒNG TRẦN	Nguyên tử	BÔNG MA NGHĨA TRANG NHÀ THỜ	CÁC HÌNH TƯỢNG DĨ THÁI THẤP “Elementals”	CÁC TINH LINH TỰ NHIÊN 1. Tinh linh đám mây 2. Tinh linh Lửa (Salamanders) 3. Tiên Nước (Undines) 3. Tiên Nước (Undines) 4. Tiên Bề mặt Đất 5. Tiên Đất (Gnomes)	
	Hạ nguyên tử				
	Siêu dĩ thái				
	Dĩ thái	Con người	SỰ SỐNG KIM THẠCH		
	Thể khí	Động vật			
	Thể lỏng	Thực vật			
	Thể rắn				

Hình 50

Hình 50

Three distinct types of evolving entities share in common these worlds: (1) the human (including individualized animals), (2) the life of “elemental Essence”, and the life of minerals, (3) the Devas or Angels, with the nature-spirits or fairies. The second type is the most difficult to grasp, because it is life which is not differentiated into stable or persistent forms. **The matter of the astral and mental worlds, quo matter, that is, irrespective of the soul who makes a vehicle out of it, is**

Ba loại thực thể tiến hóa riêng biệt có chung những thế giới này: (1) con người (bao gồm cả động vật đã biệt ngã hóa), (2) sự sống của “Tinh chất hành khí”, và sự sống của khoáng vật, (3) các Deva hoặc Thiên Thần, với các tinh linh tự nhiên hoặc tiên. Loại thứ hai là khó nắm bắt nhất, bởi vì đó là sự sống không được phân hóa thành các hình tượng ổn định hoặc dai dẳng. Vật chất của thế giới cảm dục và trí tuệ, với tư cách là vật chất, nghĩa là, bất kể linh hồn nào tạo ra một vận cụ từ nó, đều sống

alive with a peculiar kind of life, which is delicately sensitive, quick with life, and yet is not individualized; if we imagine what the particles of water in a cup might feel as an electric current passed through the water, we have a faint idea of the increased vitality and energy of mental and astral grades of matter as “elemental essence” of the first, second and third types acts through them.

This elemental essence is, as it were, in a “critical state”, ready to precipitate into “thought-forms” the moment a vibration of thought from a thinker’s mind affects it. According to the type and quality and strength of the thought is the thought-form which is made by elemental essence out of astral or mental matter. These thought-forms are fleeting or last for hours, months or years; **and hence they can well be classed among the inhabitants of the invisible worlds. They are called Elementals.**

Of the same somewhat undifferentiated type of life are forms of the etheric grades of physical matter; while more differentiated is the life of minerals. A mineral has a dual existence, as form and as life; as form, it is composed of various chemical elements; as life, it is a grade of evolving life trained to build in matter crystal forms according to geometrical designs.

Looking at the second column of the diagram, we have, of course, as physical inhabitants, all minerals, plants, animals and men. Temporary inhabitants, disintegrating after a few weeks or months, are those finer etheric counterparts of the physical bodies, called the “etheric doubles”, which float over graves where the coarser physical bodies are buried. “Since these etheric doubles have the shape of

động với một loại sự sống đặc biệt, vốn nhạy cảm một cách tinh tế, nhanh chóng với sự sống, nhưng lại không được biệt ngã hóa; nếu chúng ta tưởng tượng những hạt nước trong một cái cốc có thể cảm thấy như thế nào khi một dòng điện chạy qua nước, chúng ta sẽ có một ý niệm mơ hồ về sức sống và năng lượng gia tăng của các cấp độ vật chất trí tuệ và cảm dục khi “tinh chất hành khí” của loại thứ nhất, thứ hai và thứ ba tác động thông qua chúng.

Tinh chất hành khí này, như thế, ở trong một “trạng thái tới hạn”, sẵn sàng kết tủa thành “hình tư tưởng” ngay khi một rung động tư tưởng từ thể trí của một người suy nghĩ tác động đến nó. Theo loại, phẩm chất và sức mạnh của tư tưởng là hình tư tưởng được tạo ra bởi tinh chất hành khí từ vật chất cảm dục hoặc trí tuệ. Những hình tư tưởng này thoáng qua hoặc kéo dài hàng giờ, hàng tháng hoặc hàng năm; và do đó chúng có thể được xếp vào hàng cư dân của thế giới vô hình. Chúng được gọi là Các Tinh Linh.

Cùng một loại sự sống có phần chưa phân hóa là các hình tướng của các cấp độ dĩ thái của vật chất hồng trần; trong khi sự sống của khoáng vật được phân hóa nhiều hơn. Một khoáng vật có một sự tồn tại kép, như hình tướng và như sự sống; như hình tướng, nó bao gồm các nguyên tố hóa học khác nhau; như sự sống, nó là một cấp độ của sự sống tiến hóa được huấn luyện để xây dựng trong vật chất các hình tướng tinh thể theo các thiết kế hình học.

Nhìn vào cột thứ hai của sơ đồ, tất nhiên, chúng ta có, với tư cách là cư dân hồng trần, tất cả các khoáng vật, thực vật, động vật và con người. Cư dân tạm thời, tan rã sau vài tuần hoặc vài tháng, là những đối phần dĩ thái tinh tế hơn của các thể xác, được gọi là “thể dĩ thái kép”, vốn trôi nổi trên những ngôi mộ nơi các thể xác thô hơn được chôn cất. “Vì những thể dĩ thái kép này có hình dạng của các đối phần

their more physical counterparts, and since they are still 'physical matter of a sort, they are sometimes seen by sensitive people in churchyards, and mistaken for the souls of the dead.

In the astral world exist temporarily all those physical entities, men and animals, for whom sleep involves a separation of the physical body for a time from the higher bodies. While we "sleep", we live in our astral bodies, either fully conscious and active, or partly conscious and semi-dormant, as the case may be, according to our evolutionary growth; when we "wake", the physical and the higher bodies are interlocked again, and we cease to be inhabitants of the astral world. Of course the "dead" live in astral bodies in the astral world; "temporarily", as mentioned in the diagram, since after a period of time they finally pass on to life in the heaven world; this temporary life in the astral world may, however, vary from a few hours to several dozen years. (See Fig. 54.)

"Discarded astral bodies" are exactly described by the words; just as we discard our physical bodies when we "die", and go to live in the astral world for a time, so too, when we leave the astral world to pass on to the mental world, our astral bodies are cast aside. These discarded astral bodies are, however, different from our discarded physical bodies, because they retain a certain amount of the departed soul's consciousness locked up among their astral particles; they possess, therefore, many memories, and, having a curious vitality for a while, will, like automata, enact certain habits and modes of expression of the departed entity. **They are called "spooks", and often are attracted to seances, where they are mistaken for the true souls**, of whom they are nothing more than mere simulacra⁸. Unless

hồng trần hơn của chúng, và vì chúng vẫn là 'vật chất hồng trần' thuộc một loại nào đó, nên đôi khi chúng được những người nhạy cảm nhìn thấy trong nghĩa trang, và bị nhầm lẫn với linh hồn của người chết.

Trong thế giới cảm dục, tạm thời tồn tại tất cả những thực thể hồng trần, người và động vật, mà đối với họ giấc ngủ liên quan đến sự tách rời của thể xác trong một thời gian khỏi các thể cao hơn. Trong khi chúng ta "ngủ", chúng ta sống trong thể cảm dục của mình, hoặc hoàn toàn tỉnh táo và hoạt động, hoặc một phần tỉnh táo và bán ngủ, tùy theo trường hợp, theo sự phát triển tiến hóa của chúng ta; khi chúng ta "thức", thể xác và các thể cao hơn lại liên kết với nhau, và chúng ta không còn là cư dân của thế giới cảm dục nữa. Tất nhiên, những người "chết" sống trong thể cảm dục trong thế giới cảm dục; "tạm thời", như đã đề cập trong sơ đồ, vì sau một khoảng thời gian, cuối cùng họ chuyển sang cuộc sống ở thế giới thiên đường; tuy nhiên, cuộc sống tạm thời này trong thế giới cảm dục có thể thay đổi từ vài giờ đến vài chục năm. (Xem Hình 54.)

"Các thể cảm dục bị loại bỏ" được mô tả chính xác bằng những từ ngữ này; giống như chúng ta loại bỏ thể xác của mình khi chúng ta "chết", và đi sống trong thế giới cảm dục trong một thời gian, thì cũng vậy, khi chúng ta rời khỏi thế giới cảm dục để chuyển sang thế giới trí tuệ, thể cảm dục của chúng ta bị vứt bỏ. Tuy nhiên, những thể cảm dục bị loại bỏ này khác với thể xác bị loại bỏ của chúng ta, bởi vì chúng giữ lại một lượng tâm thức nhất định của linh hồn đã khuất bị khóa trong các hạt cảm dục của chúng; do đó, chúng sở hữu nhiều ký ức, và, có một sức sống kỳ lạ trong một thời gian, sẽ, giống như những cỗ máy tự động, ban hành những thói quen và phương thức biểu hiện nhất định của thực thể đã khuất. Chúng được gọi là "ma", và thường bị thu hút đến các buổi gọi hồn, nơi chúng bị nhầm lẫn với linh hồn

they are artificially stimulated, as at seances; **they disintegrate in a few hours, or in a few months or years**, according to the spiritual or material nature of the entity who has passed on into the heaven world.

The seven sub-planes of the heaven world [the Mental Plane] form two great divisions; the three higher sub-planes make the higher heaven, and the four lower sub-planes make the lower heaven. The lower heaven world is also known as "Devachan", the abode of Bliss, or the place of intense joy because in its four lower sub-divisions are found souls after death in conditions of happiness described in the various religions as "heaven". Here too are found those animals who, before death, became "individualized", and attained to the stature of a human soul. On the lowest sub-plane live those men and women and children in whom affection predominated in the character when on earth (however limited may have been its manifestation, owing to adverse circumstances), and they dwell in bliss for centuries in happy communion with those to love whom was the highest possible heaven of earthly dreams. On the next higher sub-plane are those who added to affection a devotion to some definite religious ideal; on the sub-plane above, the men and women who delighted to express their dreams of love and devotion in philanthropic action; on the fourth sub-plane are those who, with all these beautiful attributes, added philosophic, artistic or scientific interests to their soul's manifestations when on earth.

In the three higher sub-planes, in the higher heaven, ever live all the souls who compose

thật, mà chúng không là gì hơn là những bản sao đơn thuần. Trừ khi chúng bị kích thích một cách giả tạo, như tại các buổi gọi hồn; chúng tan rã trong vài giờ, hoặc trong vài tháng hoặc vài năm, tùy theo bản chất tinh thần hoặc vật chất của thực thể đã chuyển sang thế giới thiên đường.

Bảy cõi phụ của thế giới thiên đường [Cõi Trí Tuệ] tạo thành hai bộ phận lớn; ba cõi phụ cao hơn tạo nên thượng thiên, và bốn cõi phụ thấp hơn tạo nên hạ thiên. Thế giới hạ thiên còn được gọi là "Devachan", nơi ở của Chân Phúc, hoặc nơi của niềm vui mãnh liệt bởi vì trong bốn phân khu thấp hơn của nó, các linh hồn được tìm thấy sau khi chết trong những điều kiện hạnh phúc được mô tả trong các tôn giáo khác nhau là "thiên đường". Ở đây cũng có những động vật, trước khi chết, đã trở nên "biệt ngã hóa", và đạt đến tầm vóc của một linh hồn người. Trên cõi phụ thấp nhất, những người nam và nữ và trẻ em sống trong đó tình cảm chiếm ưu thế trong tính cách khi còn ở trên trái đất (tuy nhiên, sự biểu hiện của nó có thể bị hạn chế do những hoàn cảnh bất lợi), và họ sống trong hạnh phúc trong nhiều thế kỷ trong sự giao tiếp hạnh phúc với những người mà tình yêu là thiên đường cao nhất có thể có của những giấc mơ trần thế. Trên cõi phụ cao hơn tiếp theo là những người đã thêm vào tình cảm một sự tận tâm với một lý tưởng tôn giáo xác định; trên cõi phụ phía trên, những người nam và nữ thích bày tỏ những giấc mơ yêu thương và tận tâm của họ trong hành động bác ái; trên cõi phụ thứ tư là những người, với tất cả những thuộc tính tốt đẹp này, đã thêm các mối quan tâm triết học, nghệ thuật hoặc khoa học vào những biểu hiện linh hồn của họ khi còn ở trên trái đất.

Trong ba cõi phụ cao hơn, trong thượng thiên, tất cả các linh hồn cấu thành nhân loại của

⁸ cái giống hoặc được cho làm giống ai/cái gì; vật thay thế giả tạo

our humanity. Here each lives as the “individuality”, as the totality of capacity and consciousness evolved throughout the long course of evolution. From here, as the individuality, each soul descends into incarnation, putting forth only a part of himself as the “personality”, to experiment with life on lower planes. On the highest sub-plane live the Adepts and their higher pupils; on that next below, the souls whose higher evolution is attested by their inborn culture and natural refinement when in earthly bodies; and on the third sub-plane are the vast majority of the 60,000 millions of souls who form the mass of our, as yet, backward humanity.

Totally distinct from all the life in the visible and invisible worlds so far described, is the life of an evolution of entities known as Devas or Angels. In the higher heaven live Devas of the highest grade, known as Arupa or “formless” Devas, because the matter of their bodies is made up of the three higher sub-planes of mental matter, technically called “formless”. The term “formless” is used because thought in that matter does not precipitate into definite shapes having form, but expresses itself as a complex, radiating vibration. On the four lower sub-planes, called the Rupa or “form” sub-planes, because thought creates thought-forms having definite shapes with outlines, exist the Rupa or “form” Devas, the lesser-Angels.

On the astral plane exists a still lower order of Angels known as Kama or “desire” Devas, since the astral world in which they live is essentially the realm of self-centred emotions. On this plane and on the higher etheric levels of the physical, exist the nature-spirits or fairies, whose relation to the Devas is

chúng ta luôn sống. Ở đây, mỗi người sống như " cá tính", như toàn bộ khả năng và tâm thức đã tiến hóa trong suốt quá trình tiến hóa lâu dài. Từ đây, với tư cách là cá tính, mỗi linh hồn giáng hạ vào hóa thân, chỉ đưa ra một phần của bản thân mình như là "phàm ngã", để thử nghiệm với cuộc sống trên các cõi thấp hơn. Trên cõi phụ cao nhất, các Chân sư và các đệ tử cao cấp hơn của Các Ngài sống; trên cõi phụ tiếp theo bên dưới, các linh hồn có sự tiến hóa cao hơn được chứng thực bởi nền văn hóa bẩm sinh và sự tinh tế tự nhiên của họ khi ở trong thể xác trần thế; và trên cõi phụ thứ ba là phần lớn trong số 60.000 triệu linh hồn vốn tạo thành khối nhân loại lạc hậu của chúng ta.

Hoàn toàn khác biệt với tất cả sự sống trong thế giới hữu hình và vô hình đã được mô tả cho đến nay, là sự sống của một quá trình tiến hóa của các thực thể được gọi là Deva hay Thiên Thần. Trong cõi thượng thiên, các Deva thuộc cấp bậc cao nhất sinh sống, được gọi là Arupa hay Deva "vô hình tướng", bởi vì vật chất trong cơ thể Các Ngài được tạo thành từ ba cõi phụ cao hơn của vật chất trí tuệ, về mặt kỹ thuật được gọi là "vô hình tướng". Thuật ngữ "vô hình tướng" được sử dụng vì tư tưởng trong vật chất đó không kết tinh thành những hình dạng xác định có hình tướng, mà thể hiện chính nó như một rung động phức tạp, tỏa ra. Trên bốn cõi phụ thấp hơn, được gọi là các cõi phụ Rupa hay "hình tướng", vì tư tưởng tạo ra các hình tư tưởng có hình dạng xác định với đường nét, tồn tại các Rupa hay Deva "hình tướng", các Tiểu-Thiên Thần.

Trên cõi cảm dục tồn tại một trật tự Thiên Thần thấp hơn nữa được gọi là Kama hay Deva "ái dục", vì thế giới cảm dục nơi Các Ngài sinh sống về bản chất là vương quốc của những cảm xúc vị kỷ. Trên cõi này và trên các cấp độ dĩ thái cao hơn của cõi hồng trần, tồn tại các tinh linh tự nhiên hay tiên, có mối quan hệ với

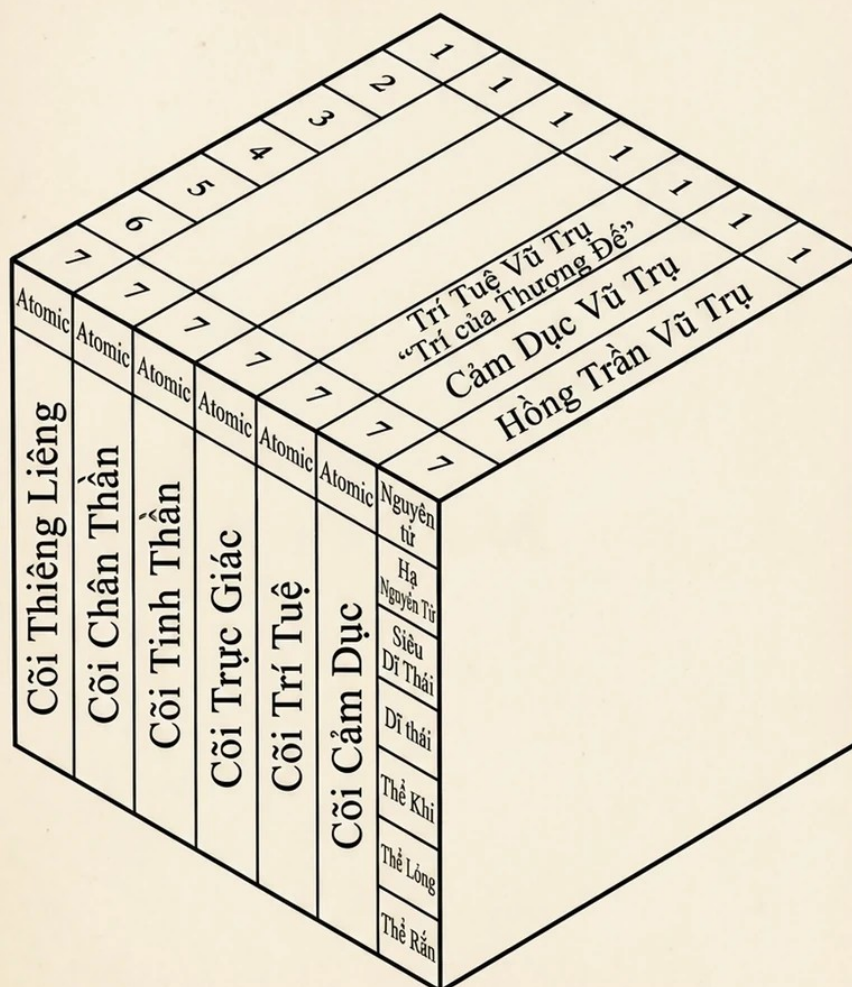
somewhat akin to the relation which our domestic pets hold to us. These fairies, though their higher grades possess high intelligence, are not yet individualized, i.e., they are still part of a fairy group-soul. They individualize and become permanent egos by their devotion to individual Devas, just as, one by one, our pet dogs and cats attain to the possession of a reincarnating soul through their devotion to us.

The invisible worlds of Fig. 49 are those within the boundaries of our solar system, and are the fields of experience for our evolving humanity. There are, however, other planes, extra-solar and so cosmic in their nature and extent, called the "Cosmic Planes". Each of these cosmic planes too has its seven subdivisions or sub-planes; the lowest and seventh sub-plane of each cosmic plane makes the highest and first, the atomic, sub-plane of our seven planes within the solar system. The idea will be clear if we study the two diagrams of Figs. 49 and 51 together.

các Deva hơi giống với mối quan hệ mà vật nuôi trong nhà của chúng ta có với chúng ta. Những nàng tiên này, mặc dù cấp bậc cao hơn của Các Ngài sở hữu trí thông minh cao, nhưng vẫn chưa được biệt ngã hóa, tức là Các Ngài vẫn là một phần của hồn nhóm tiên. Các Ngài biệt ngã hóa và trở thành các chân ngã vĩnh cửu bằng sự tận tâm của Các Ngài với các Deva riêng lẻ, giống như, hết lần này đến lần khác, chó và mèo cưng của chúng ta đạt đến việc sở hữu một linh hồn tái sinh thông qua sự tận tâm của chúng đối với chúng ta.

Thế giới vô hình của Hình 49 là những thế giới nằm trong ranh giới của hệ mặt trời của chúng ta, và là các lĩnh vực kinh nghiệm cho nhân loại đang tiến hóa của chúng ta. Tuy nhiên, có những cõi khác, ngoài hệ mặt trời và do đó có tính vũ trụ về bản chất và quy mô, được gọi là "Các Cõi Vũ Trụ". Mỗi cõi vũ trụ này cũng có bảy phân khu hoặc cõi phụ; cõi phụ thấp nhất và thứ bảy của mỗi cõi vũ trụ tạo thành cõi phụ cao nhất và thứ nhất, nguyên tử, của bảy cõi của chúng ta trong hệ mặt trời. Ý tưởng sẽ rõ ràng nếu chúng ta cùng nhau nghiên cứu hai sơ đồ của Hình 49 và 51.

Các Cõi Vũ Trụ



Hình 51

It is on the fifth or Cosmic Mental Plane that there exists as a definite Thought-Form the great Plan of the evolution of all types of life and form in all our seven planes; this Plan is the Thought of the Logos Himself of how evolution shall proceed from its beginning to its end. In this "Mind of the Logos" are the "Ideas" or "Archetypes" discussed by Plato; here, "as it was in the beginning, is now and ever shall be" is an objective reality.

Chính trên Cõi Trí Vũ Trụ thứ năm, tồn tại như một Hình Tư Tưởng xác định, Thiên Cơ vĩ đại về sự tiến hóa của tất cả các loại sự sống và hình tướng trong tất cả bảy cõi của chúng ta; Thiên Cơ này là Tư Tưởng của chính Hành Tinh Thượng đế về cách sự tiến hóa sẽ tiến hành từ đầu đến cuối. Trong "Thể Trí của Hành Tinh Thượng đế" này là những "Ý niệm" hay "Nguyên Mẫu" được Plato thảo luận; ở đây, "như thuở ban đầu, bây giờ và mãi mãi" là

As will be noted by examining the two diagrams of the Planes of the Solar System and of the Cosmic Planes, the highest sub-plane of our mental world is seen to make the lowest subdivision of the Cosmic Mental Plane; from this follows a striking fact, that whoever can raise his consciousness to work in the former comes directly under the inspiring vision and power of the Archetypes of the latter. As the glorious colors of a sunset are reflected on the still surface at the bottom of a deep well, though in space the water and the clouds are far removed, so can the purified intellect and the spiritual emotions of the soul see and sense and know the Eternal Now, the future that awaits us, "the glory that shall be revealed". It is in this manner that the great artists glimpse with their intuitions what eternally IS, and so create for us works of art which are, at one and the same time, beauty and wisdom, work and sacrifice.

Such are the worlds invisible and visible, in the lowest and least part of which we play at our roles of mortality. But our immortal selves are the inheritors of a vast unseen universe, in which our fuller life shall become, as we advance in knowledge and growth, a series of inspiring adventures amidst divine masterpieces. Even a tiny glimpse of that vast invisible world corrects our mortal vision of things, and gives a perspective to life and evolution which never palls in its fascination. All doubts of man fade away, as mists dissolve when the sun rises, when man can thus see for himself, and know by direct vision, and not merely believe.

một thực tế khách quan.

Như sẽ được lưu ý bằng cách kiểm tra hai sơ đồ về Các Cõi của Hệ Mặt Trời và Các Cõi Vũ Trụ, cõi phụ cao nhất của thế giới trí tuệ của chúng ta được thấy tạo thành phân khu thấp nhất của Cõi Trí Vũ Trụ; từ điều này rút ra một sự thật nổi bật, rằng bất cứ ai có thể nâng cao tâm thức của mình để làm việc trong cõi trước sẽ trực tiếp chịu sự soi dẫn tầm nhìn và quyền năng của các Nguyên Mẫu của cõi sau. Giống như những màu sắc rực rỡ của một buổi hoàng hôn được phản chiếu trên bề mặt tĩnh lặng ở đáy một giếng sâu, mặc dù trong không gian nước và mây ở rất xa, thì trí tuệ thanh khiết và những cảm xúc tinh thần của linh hồn có thể nhìn thấy và cảm nhận và biết Hiện Tại Vĩnh Cửu, tương lai đang chờ đợi chúng ta, "vinh quang sẽ được tiết lộ". Chính theo cách này mà các nghệ sĩ vĩ đại thoáng thấy bằng trực giác của họ những gì VĨNH VIỄN LÀ, và do đó tạo ra cho chúng ta những tác phẩm nghệ thuật đồng thời là vẻ đẹp và minh triết, công việc và sự hy sinh.

Đó là những thế giới vô hình và hữu hình, trong phần thấp nhất và nhỏ bé nhất trong số đó, chúng ta đóng vai trò của sự hữu hạn. Nhưng bản ngã bất tử của chúng ta là những người thừa kế một vũ trụ bao la vô hình, trong đó cuộc sống trọn vẹn hơn của chúng ta sẽ trở thành, khi chúng ta tiến bộ trong tri thức và trưởng thành, một loạt những cuộc phiêu lưu đầy cảm hứng giữa những kiệt tác thiêng liêng. Ngay cả một thoáng nhìn nhỏ bé về thế giới vô hình rộng lớn đó cũng điều chỉnh tầm nhìn hữu hạn của chúng ta về mọi thứ, và mang đến một viễn cảnh cho cuộc sống và sự tiến hóa mà không bao giờ phai nhạt trong sự hấp dẫn của nó. Tất cả những nghi ngờ của con người đều tan biến, như sương mù tan khi mặt trời mọc, khi con người có thể tự mình nhìn thấy như vậy, và biết bằng tầm nhìn trực tiếp, chứ không chỉ đơn thuần là tin tưởng.

Though for most of us this vision is not as yet attainable, yet there is another vision of the purified intellect and of the glorified intuition, which is indeed as a beacon light to guide our steps amid the dark paths of our mortal world. If Theosophy cannot give at once, and to all, the direct vision to the eye, it can at least give, more satisfactorily than any other philosophy, a vision of "things as they are" to the human intellect, which inspires to good and adds to life's enthusiasms. Till all can see what now only a few see, this is all that Theosophy can legitimately claim, as the vision of the invisible worlds is thus revealed to the aspiring intellects of men.

Mặc dù đối với hầu hết chúng ta, tầm nhìn này vẫn chưa thể đạt được, nhưng vẫn có một tầm nhìn khác về trí tuệ thanh khiết và trực giác được tôn vinh, thực sự là một ngọn hải đăng soi đường cho chúng ta giữa những con đường tăm tối của thế giới hữu hạn của chúng ta. Nếu Thông Thiên Học không thể mang lại ngay lập tức, và cho tất cả mọi người, tầm nhìn trực tiếp cho đôi mắt, thì ít nhất nó có thể mang lại, thỏa đáng hơn bất kỳ triết lý nào khác, một tầm nhìn về "mọi thứ như chúng vốn là" cho trí tuệ con người, vốn truyền cảm hứng cho điều tốt đẹp và làm tăng thêm sự nhiệt huyết cho cuộc sống. Cho đến khi tất cả mọi người có thể nhìn thấy những gì mà bây giờ chỉ một số ít người nhìn thấy, thì đây là tất cả những gì mà Thông Thiên Học có thể khẳng định một cách hợp pháp, vì tầm nhìn về thế giới vô hình do đó được tiết lộ cho trí tuệ đầy khát vọng của con người.

CHƯƠNG VI

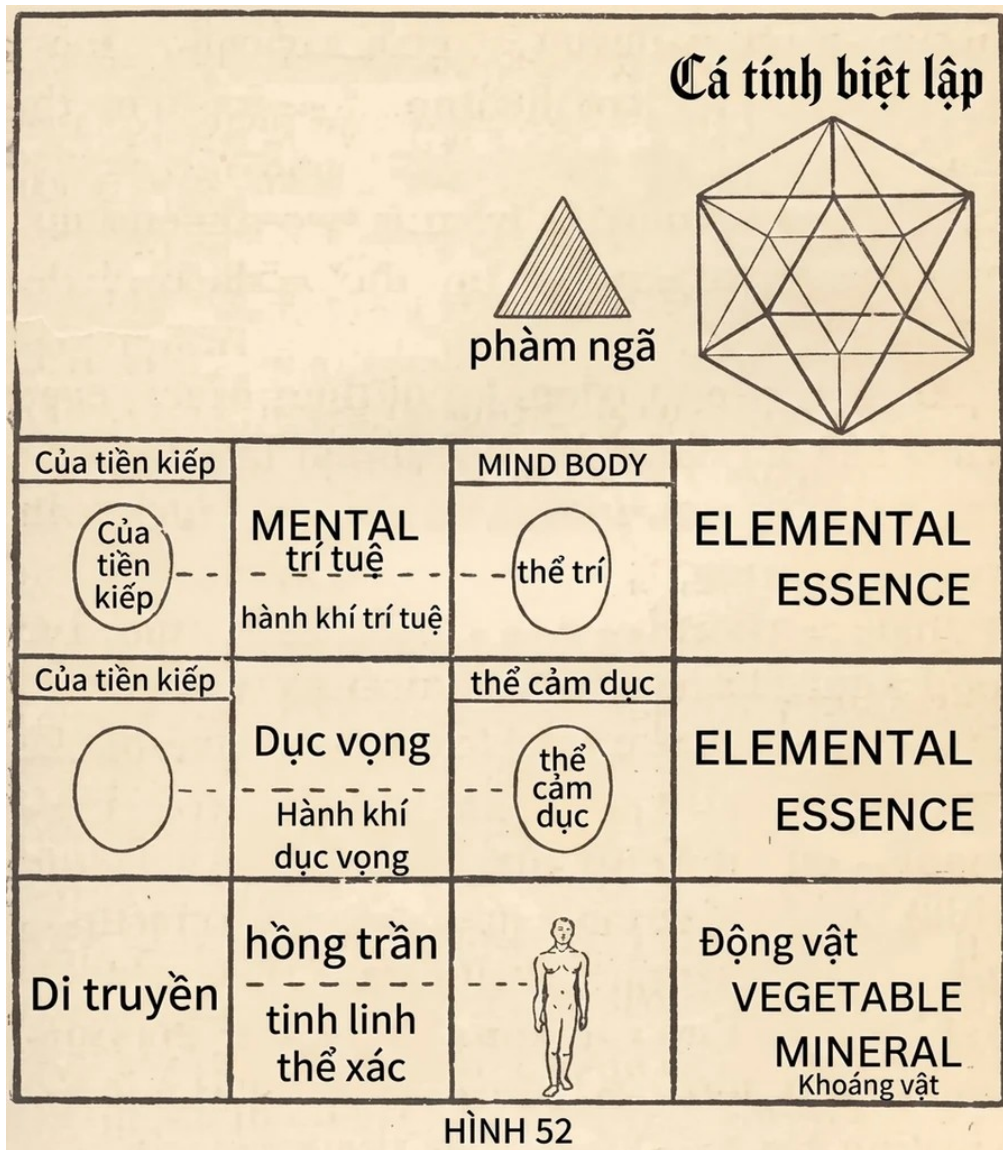
MAN IN LIFE AND IN DEATH—CON NGƯỜI TRONG CUỘC SỐNG VÀ CÁI CHẾT

It is an axiom in our modern conception of evolution that the more diverse are the functions of which an organism is capable, the more complex is its structure. It is therefore in the order of things that man should have a complexity of structure not found in less developed organisms. But the complexity of the human organism revealed to us in anatomy and physiology is only a small part of the full complexity of man; even what we are told in modern psychology lays bare but little of the complexity revealed in Theosophy.

In Fig. 52 are summarized the main facts about man, as seen in Theosophy.

Một tiên đề trong quan niệm hiện đại của chúng ta về sự tiến hóa là các chức năng mà một sinh vật có khả năng càng đa dạng thì cấu trúc của nó càng phức tạp. Do đó, theo lẽ thường, con người phải có một cấu trúc phức tạp không thấy ở các sinh vật kém phát triển hơn. Nhưng sự phức tạp của cơ thể con người được tiết lộ cho chúng ta trong giải phẫu học và sinh lý học chỉ là một phần nhỏ trong toàn bộ sự phức tạp của con người; ngay cả những gì chúng ta được cho biết trong tâm lý học hiện đại cũng chỉ bộc lộ một chút về sự phức tạp được tiết lộ trong Thông Thiên Học.

Trong Hình 52, các sự kiện chính về con người được tóm tắt, như được thấy trong Thông Thiên Học.



At the birth of an individual, we have several elements which go to build the unit of humanity whom we call "man". They are as follows:

1. The Ego, the true Soul of man, of whom in all cases only a part can ever be manifested in a physical body. This Ego is the Individuality.

Khi một cá nhân được sinh ra, chúng ta có một số yếu tố để xây dựng đơn vị nhân loại mà chúng ta gọi là "con người". Chúng như sau:

1. Chân ngã, Linh Hồn đích thực của con người, mà trong mọi trường hợp, chỉ một phần mới có thể được biểu hiện trong một thể xác. Chân ngã này là Chân ngã.

2. A part of the Individuality which is manifested in a reincarnation, at a given time, in a particular race, and as either a man or a woman. This is the Personality.

The relation between the Individuality and the Personality has been expressed by many symbols; one, which has been used in the old mysteries, is that of a string of pearls, where the string represents the Individuality, and the pearls the separate Personalities in successive incarnations. In Fig. 52 another symbol is taken. If we take the three-dimensional, twenty-equal-surfaced geometrical solid, known as the icosahedron, to represent the Individuality, then the Personality is equivalent to one of the twenty two-dimensional triangles which make up the surface of the figure.

All the twenty triangles of the surface, even when put side by side, will always fail to represent one characteristic of the figure, which is its third dimension; and conversely, since a triangle has only two dimensions, and the solid figure has three, it is possible to separate an infinity of triangles from each face of the icosahedron. In a similar fashion, each Personality—as, too, all the Personalities together which an Ego ensouls at successive rebirths—fails to reveal certain attributes of the real Ego; and, also, an Ego can ensoul as many Personalities as his force is adequate to, without exhausting his true nature as the Ego.

Only one Personality, however, is ensouled by the Individuality for the purpose of the work done in any one incarnation.

3. The Personality (Fig. 52, column 3) at rebirth takes a Mind or Mental Body, an Astral Body and a Physical Body.

4. Each of these three bodies has a life and

2. Một phần của Chân Nhân được biểu hiện trong một lần tái sinh, vào một thời điểm nhất định, trong một chủng tộc cụ thể, và là nam hay nữ. Đây là phàm ngã.

Mối quan hệ giữa Chân ngã và phàm ngã đã được thể hiện bằng nhiều biểu tượng; một biểu tượng đã được sử dụng trong những bí ẩn cổ xưa, là một chuỗi ngọc trai, trong đó chuỗi đại diện cho Chân ngã, và những viên ngọc trai đại diện cho các phàm ngã riêng biệt trong các lần tái sinh liên tiếp. Trong Hình 52, một biểu tượng khác được lấy. Nếu chúng ta lấy chất rắn hình học ba chiều, hai mươi mặt bằng nhau, được gọi là khối icosahedron, để đại diện cho Chân ngã, thì phàm ngã tương đương với một trong hai mươi hình tam giác hai chiều tạo nên bề mặt của hình.

Tất cả hai mươi hình tam giác của bề mặt, ngay cả khi đặt cạnh nhau, sẽ luôn không thể hiện được một đặc điểm của hình, đó là chiều thứ ba của nó; và ngược lại, vì một hình tam giác chỉ có hai chiều, và hình khối có ba chiều, nên có thể tách vô số hình tam giác khỏi mỗi mặt của khối icosahedron. Tương tự, mỗi phàm ngã—cũng như tất cả các phàm ngã cùng nhau mà một Chân ngã phú linh trong các lần tái sinh liên tiếp—không thể tiết lộ một số thuộc tính nhất định của Chân ngã thực sự; và, Chân ngã cũng có thể phú linh nhiều phàm ngã như lực của Ngài đủ khả năng, mà không làm cạn kiệt bản chất thực sự của Ngài với tư cách là Chân ngã.

Tuy nhiên, chỉ có một phàm ngã được Chân ngã phú linh cho mục đích công việc được thực hiện trong bất kỳ một lần nhập thể nào.

3. Phàm ngã (Hình 52, cột 3) khi tái sinh sẽ có một Thể Trí, một Thể Cảm Dục và một Thể Xác.

4. Mỗi thể trong ba thể này có sự sống và tâm

consciousness *of its own*, quite distinct from the life and consciousness of the Personality who uses them. This "body-consciousness" of each vehicle is known respectively as the "mental elemental" of the mind body, the "desire elemental" of the astral body, and the "physical elemental" of the physical body (column 2). This "body-consciousness" is the life of the Elemental Essences of mental and astral matter, and the life of the mineral, vegetable and animal streams of life which make up the physical body (column 4).

5. The physical body, which is provided by the parents, is the repository of the hereditary Mendelian genes or "factors" which are in the parental ancestry; out of these parental genes such of them are selected, at the building of the embryo at conception, as are consonant with the karma of the Individuality, and will be useful for the work of the Personality.

6. The astral and mental bodies also have hereditary factors of a kind; but these are not provided by the parents but by the Ego himself. The astral and mental bodies with which a child is born are replicas of the astral body and the mental body with which the previous incarnation ended, when the Personality of the previous life discarded his astral body to enter the heaven world, and later discarded his mental body, at the end of his period in the heaven world.

Man then, when examined in the light of Theosophy, is a very complex entity, the resultant of the diagonals of many parallelograms of forces of three worlds; for the purpose of coherent study, we can well arrange these forces into three groups:

1. The Individuality, who lives on in the permanent Causal Body from life to life, and retains the memories of the experiences of all

thức riêng, hoàn toàn khác biệt với sự sống và tâm thức của phàm ngã, vốn sử dụng chúng. "Tâm thức thể" này của mỗi vận cụ được gọi tương ứng là "tinh linh trí tuệ" của thể trí, "tinh linh ái dục" của thể cảm dục và "tinh linh thể xác" của thể xác (cột 2). "Tâm thức thể" này là sự sống của Tinh Chất Hành Khí của vật chất trí tuệ và cảm dục, và sự sống của các dòng sự sống khoáng vật, thực vật và động vật tạo nên thể xác (cột 4).

5. Thể xác, do cha mẹ cung cấp, là nơi chứa các gen hoặc "yếu tố" Mendelian di truyền có trong tổ tiên của cha mẹ; từ những gen của cha mẹ này, những gen nào phù hợp với nghiệp quả của Chân ngã và sẽ hữu ích cho công việc của phàm ngã sẽ được chọn ra, tại thời điểm xây dựng phôi thai khi thụ thai.

6. Thể cảm dục và thể trí cũng có các yếu tố di truyền thuộc một loại; nhưng những yếu tố này không phải do cha mẹ cung cấp mà do chính Chân ngã cung cấp. Thể cảm dục và thể trí mà một đứa trẻ được sinh ra là bản sao của thể cảm dục và thể trí mà lần nhập thể trước kết thúc, khi phàm ngã của kiếp trước loại bỏ thể cảm dục của mình để bước vào cõi thiên, và sau đó loại bỏ thể trí của mình, vào cuối giai đoạn của mình ở cõi thiên.

Vậy thì, con người, khi được xem xét dưới ánh sáng của Thông Thiên Học, là một thực thể rất phức tạp, là kết quả của các đường chéo của nhiều hình bình hành lực của ba thế giới; cho mục đích nghiên cứu mạch lạc, chúng ta có thể sắp xếp tốt những lực này thành ba nhóm:

1. Chân ngã, người tiếp tục sống trong Thể Nguyên Nhân vĩnh cửu từ kiếp này sang kiếp khác, và giữ lại những ký ức về những kinh

his Personalities;

2. The Personality, a more or less partial representative of the Individuality;

3. **The “body consciousness” of each of the three vehicles, the mental, astral and physical elementals.**

nhịệm của tất cả các phàm ngã của Ngài;

2. Phàm ngã, một đại diện ít nhiều mang tính bộ phận của Chân ngã;

3. "Tâm thức thể" của mỗi vận cụ trong ba vận cụ, các tinh linh trí tuệ, cảm dục và thể xác.

Three elementals of the personality—Ba tinh linh của phàm ngã

We shall consider first the kinds of body-consciousness. The physical body has a consciousness which, however limited, is sufficient for the purposes of its life and functions. This consciousness knows how to attract the attention of the occupier when there is need for it; when the body is tired it urges the individual to rest; when it needs food and drink, it creates in him the desire to eat and drink. When such physical functions work, it is not the Ego who wants to eat and drink; but merely the physical elemental. It is clever enough, through long ancestral habits of heredity, to protect itself; when attacked by disease germs, it marshals its army of phagocytes to kill them; when wounded, it organizes the cells to heal when the body is asleep (that is, when the owner departs in his astral body, and the physical body is tenantless), it pulls up the bedclothes to cover itself against the cold, or turns over to sleep in a new position. In any event which it thinks threatens its life, it will instantly do what it can, however limited, to protect itself; if a shot is fired or a door is slammed, it jumps back; its consciousness is not sufficient to distinguish between the danger revealed by the sound of a shot and the absence of danger from the slamming of a door.

Many of these manifestations of the physical elemental are natural enough, and need not be interfered with by the consciousness of the tenant of the body; but sometimes such

Trước tiên, chúng ta sẽ xem xét các loại tâm thức thể. Thể xác có một tâm thức, tuy hạn chế, nhưng đủ cho các mục đích của sự sống và các chức năng của nó. Tâm thức này biết cách thu hút sự chú ý của người cư ngụ khi cần thiết; khi cơ thể mệt mỏi, nó thúc giục cá nhân nghỉ ngơi; khi nó cần thức ăn và đồ uống, nó tạo ra trong y mong muốn ăn và uống. Khi các chức năng thể chất như vậy hoạt động, không phải Chân ngã muốn ăn và uống; mà chỉ là tinh linh thể xác. Nó đủ thông minh, thông qua những thói quen di truyền lâu đời của tổ tiên, để tự bảo vệ mình; khi bị các mầm bệnh tấn công, nó tập hợp đội quân thực bào của mình để tiêu diệt chúng; khi bị thương, nó tổ chức các tế bào để chữa lành khi cơ thể đang ngủ (tức là, khi chủ nhân rời đi trong thể cảm dục của mình, và thể xác không có người ở), nó kéo chăn lên để che chắn khỏi cái lạnh, hoặc lật người để ngủ ở một tư thế mới. Trong bất kỳ sự kiện nào mà nó nghĩ rằng đe dọa đến sự sống của nó, nó sẽ ngay lập tức làm những gì nó có thể, dù hạn chế đến đâu, để tự bảo vệ mình; nếu một phát súng nổ hoặc một cánh cửa bị đóng sầm, nó sẽ nhảy lùi lại; tâm thức của nó không đủ để phân biệt giữa sự nguy hiểm được tiết lộ bởi âm thanh của một phát súng và sự không nguy hiểm từ việc đóng sầm cửa.

Nhiều biểu hiện này của tinh linh thể xác là đủ tự nhiên và không cần thiết phải bị tâm thức của người cư ngụ trong cơ thể can thiệp; nhưng đôi khi sự can thiệp như vậy là cần

interference is necessary, as when a duty has to be performed, and the body is tired and objects, and yet must be forced to work, or when there is a work of danger to be done, and the elemental, fearing for its life, wants to run away and yet must be held to its task by the will of the owner. In children the physical elemental is most pronounced; when a baby cries and screams, It is the elemental which manifests its objections (reasonable to it, though often unreasonable to us), but it is not the Soul of the baby who screams and cries.

This physical elemental's life and consciousness is the reservoir of all the experiences of pleasure and pain of its long line of physical ancestors; its life was once the life of the desire elementals of savages of long ago. It has all kinds of ancestral memories and tendencies, to which it often reverts, whenever the Ego's consciousness over it is lessened. It is this body-consciousness which has been discovered in the researches of modern psychoanalysts of the schools of Freud, Jung and Adler, and its vagaries of consciousness are manifest in our inconsequential and often meaningless dreams.

The elementals of the astral and mental bodies consist of the life of the Elemental Essence. This Elemental Essence is a phase of the life of the Logos at an earlier stage of manifestation than even the life of the mineral; it is on the "downward arc" of life, and is "descending into matter", to become, later, mineral life, and later still, vegetable and animal life. Its chief need is to feel itself alive, and in as many new ways as possible; it wants a variety of vibrations, and the coarser they are, that is, tending more to materiality, the better pleased it is. This is that "law in my members, warring against the law of my mind", of which St. Paul speaks, the "sin that dwelleth in me".

thiết, như khi một nhiệm vụ phải được thực hiện, và cơ thể mệt mỏi và phản đối, nhưng vẫn phải bị buộc phải làm việc, hoặc khi có một công việc nguy hiểm phải làm, và tinh linh, sợ cho sự sống của nó, muốn bỏ chạy nhưng vẫn phải bị ý chí của chủ nhân giữ lại nhiệm vụ. Ở trẻ em, tinh linh thể xác được thể hiện rõ nhất; khi một đứa trẻ khóc và la hét, đó là tinh linh thể hiện những phản đối của nó (hợp lý đối với nó, mặc dù thường vô lý đối với chúng ta), nhưng không phải là Linh Hồn của đứa trẻ la hét và khóc lóc.

Sự sống và tâm thức của tinh linh thể xác này là hồ chứa của tất cả những kinh nghiệm về khoái lạc và đau đớn của dòng dõi tổ tiên thể xác lâu đời của nó; sự sống của nó đã từng là sự sống của các tinh linh ái dục của những người man rợ từ rất lâu về trước. Nó có tất cả các loại ký ức và khuynh hướng của tổ tiên, mà nó thường quay trở lại, bất cứ khi nào tâm thức Chân ngã đối với nó bị suy giảm. Chính tâm thức thể này đã được khám phá trong các nghiên cứu của các nhà phân tâm học hiện đại thuộc trường phái Freud, Jung và Adler, và những điều kỳ quái trong tâm thức của nó được thể hiện trong những giấc mơ vô nghĩa và thường vô nghĩa của chúng ta.

Các tinh linh của thể cảm dục và thể trí bao gồm sự sống của Tinh Chất Hành Khí. Tinh Chất Hành Khí này là một giai đoạn của sự sống của Hành Tinh Thượng đế ở giai đoạn biểu hiện sớm hơn thậm chí cả sự sống của khoáng vật; nó đang ở trên "vòng cung đi xuống" của sự sống, và đang "giáng xuống vật chất", để sau này trở thành sự sống khoáng vật, và sau đó nữa, sự sống thực vật và động vật. Nhu cầu chính của nó là cảm thấy mình còn sống, và theo càng nhiều cách mới càng tốt; nó muốn có nhiều loại rung động, và chúng càng thô, tức là càng có xu hướng vật chất, thì nó càng hài lòng hơn. Đây là "luật trong các chi thể của tôi, chiến đấu chống lại

The desire elemental likes the astral body to be roused, to have in fact "a rousing time"; variety, novelty, excitement are what it wants on its downward arc of life. The mental elemental does not like the mind to be held to one thought; it is ever restless, and craves as many varied thought vibrations as it can induce its owner to give; hence our difficulty in concentration because of this "fickleness of the mind".

But the owner of the astral and mental bodies, the Ego, is on the *upward arc* of life; billions of years ago he lived as the mineral, the plant and the animal; such experiences as the mental and desire elementals now prefer, on their downward arc, are not necessarily what he, the Ego who is on the upward arc, finds useful for his work in life. Hence that continual warfare for mastery between the Ego and his vehicles, graphically described by St. Paul; "the good that I would, I do not; but the evil which I would not, that I do."

Man's work in life and death and beyond is to control his vehicles, and use their energies to accomplish a work mapped out for him by the Lords of Karma, and acquiesced in by the Ego. He may succeed or he may fail according to the amount of will-power in the Ego, and according to his knowledge of how to exercise it. This battleground of life, this crucible of experience, is outlined in Fig. 53.

luật trong trí tuệ của tôi", mà Thánh Phaolô nói đến, "tội lỗi ngự trong tôi".

Tinh linh dục vọng thích thể cảm dục được khuấy động, trên thực tế là có "một khoảng thời gian náo động"; sự đa dạng, mới lạ, phần khích là những gì nó muốn trên vòng cung đi xuống của cuộc đời. Tinh linh trí tuệ không thích thể trí bị giữ chặt vào một ý nghĩ; nó luôn bồn chồn và khao khát nhiều rung động tư tưởng khác nhau nhất có thể để xui khiến chủ nhân của nó trao cho; do đó chúng ta gặp khó khăn trong việc tập trung vì "tính hay thay đổi của thể trí" này.

Nhưng chủ nhân của thể cảm dục và thể trí, chân ngã, đang ở trên vòng cung đi lên của cuộc đời; hàng tỷ năm trước, Ngài đã sống như giới kim thạch, giới thực vật và giới động vật; những kinh nghiệm mà các tinh linh trí tuệ và dục vọng hiện đang ưa thích, trên vòng cung đi xuống của chúng, không nhất thiết là những gì Ngài, chân ngã vốn đang ở trên vòng cung đi lên, thấy hữu ích cho công việc của mình trong cuộc đời. Do đó có cuộc chiến liên tục để giành quyền làm chủ giữa chân ngã và các vận cụ của Ngài, được Thánh Paul mô tả một cách sinh động; "điều lành mà ta muốn, ta không làm; nhưng điều ác mà ta không muốn, ta lại làm."

Công việc của con người trong cuộc sống và cái chết và xa hơn nữa là kiểm soát các vận cụ của mình, và sử dụng năng lượng của chúng để hoàn thành một công việc được vạch ra cho y bởi các Đấng Chúa Tể Nghiệp Quả, và được chân ngã đồng ý. Y có thể thành công hoặc thất bại tùy theo lượng ý chí trong chân ngã, và tùy theo kiến thức của y về cách thực hiện nó. Chiến trường của cuộc đời này, lò lửa kinh nghiệm này, được phác thảo trong Hình 53.

“DAEMON” CHÂN NGÃ * ĀTMĀ * Bò đê (*) MANAS		
Ý chí ngủ ngầm		Ý chí kiểm soát
Tiềm thức	Ý thức thông thường	Siêu thức
Thành kiến	<i>MENTAL</i>	Khái niệm
	Ý tưởng	
Ham muốn	<i>ASTRAL</i>	Tình cảm và Sự đồng cảm
	Ước muốn	
Thói quen quay lại trạng thái cũ	<i>PHYSICAL</i>	Kiểm soát bản thân và Sự thuần khiết
	Chức năng	

Hình 53

The Individuality is the “Higher Self”, “the Demon” of Plato; he has three fundamental attributes, described as Atma, the Spirit; Buddhi, the Intuition; and Higher Manas, the Abstract Mind. Will, Wisdom and Activity also describe this fundamental triplicity of the Higher Self. The personality is the “Lower Self”, and is composed of the Lower Manas or the Concrete Mind, the astral or desire nature, the physical functions, and the three vehicles in which these activities manifest. The Higher Self “puts down” a part of himself into incarnation for the work of transforming experiences into faculty.

Cá tính là "Chân ngã Cao hơn", "Demon" của Plato; Ngài có ba thuộc tính cơ bản, được mô tả là Atma, Tinh thần; Bò đê, Trực giác; và Thượng trí, Trí Trừu Tượng. Ý chí, Minh triết và Hoạt động cũng mô tả tính tam phân cơ bản này của Chân ngã Cao hơn. Phàm ngã là "Bản ngã Thấp hơn", và bao gồm Hạ trí hay Trí Cụ Thể, bản chất cảm dục hoặc dục vọng, các chức năng thể xác và ba vận cụ trong đó các hoạt động này biểu hiện. Chân ngã Cao hơn "đặt xuống" một phần của chính mình vào trong kiếp sống để thực hiện công việc chuyển hóa kinh nghiệm thành năng lực.

Everything now depends on how much power of will exists in the Ego, and is being manifested by him in the control of his vehicles. Where the will of the Ego dominates the instincts of the mental, desire and physical elementals, the incarnation is a success; where, on the other hand, the three elementals gain the upper hand, the incarnation is so much wasted effort. In the case of most men, there is neither complete domination nor complete slavery; in some things we succeed in dominating, in others we fail. What happens in each case, we can see from the diagram.

The functions of the physical body are neither good nor evil; it is the body's duty to eat to live, drink to satisfy thirst.

The evil begins when a natural function is intensified, by the identification of the desire nature of the man with the function. When the purely animal sensations from food and drink are delighted in by the astral body, the body becomes gluttonous and craves stimulants; at first the astral body dictates when the cravings must be indulged in, but after a while the physical elemental makes the astral body its tool. It is natural enough for a primitive savage to gorge and be a glutton; but when a civilized man allows a purely physical function to hypnotize his desire nature, he is for the time reverting to the savage. The process of reversion is well illustrated in the Japanese proverb about drunkenness:

First the man takes a drink;

Then the drink takes a drink;

Then the drink takes the man.

But where the will is dominant, then, from the physical functions, permanent qualities are

Mọi thứ bây giờ phụ thuộc vào việc có bao nhiêu sức mạnh ý chí tồn tại trong chân ngã, và đang được Ngài biểu hiện trong việc kiểm soát các vận cụ của mình. Nơi ý chí của chân ngã thống trị bản năng của các tinh linh trí tuệ, dục vọng và thể xác, thì kiếp sống là một thành công; mặt khác, nơi ba tinh linh chiếm thể thượng phong, thì kiếp sống là một nỗ lực lãng phí. Trong trường hợp của hầu hết mọi người, không có sự thống trị hoàn toàn cũng không có sự nô lệ hoàn toàn; trong một số việc chúng ta thành công trong việc thống trị, trong những việc khác chúng ta thất bại. Điều gì xảy ra trong mỗi trường hợp, chúng ta có thể thấy từ sơ đồ.

Các chức năng của thể xác không tốt cũng không xấu; đó là nhiệm vụ của thể xác là ăn để sống, uống để thỏa mãn cơn khát. Điều xấu bắt đầu khi một chức năng tự nhiên được tăng cường, bởi sự đồng hóa của bản chất dục vọng của con người với chức năng đó. Khi những cảm giác thuần túy động vật từ thức ăn và đồ uống được thể cảm dục thích thú, thể xác trở nên phàm ăn và khao khát chất kích thích; ban đầu thể cảm dục ra lệnh khi nào những ham muốn phải được nuông chiều, nhưng sau một thời gian, tinh linh thể xác biến thể cảm dục thành công cụ của nó. Việc một người man rợ nguyên thủy ăn ngấu nghiến và trở nên phàm ăn là điều khá tự nhiên; nhưng khi một người văn minh cho phép một chức năng thuần túy thể xác thôi miên bản chất dục vọng của mình, thì y tạm thời quay trở lại trạng thái man rợ. Quá trình thoái hóa được minh họa rõ trong câu tục ngữ của Nhật Bản về sự say xỉn:

Đầu tiên người đàn ông uống một ly;

Sau đó, ly rượu uống một ly;

Sau đó, ly rượu uống người đàn ông.

Nhưng nơi ý chí chiếm ưu thế, thì từ các chức năng thể xác, các phẩm chất vĩnh cửu được

developed by the Ego of self-control and purity. It is of great use to the Ego to have perfect control over the physical body, so that the body's technique may be fully and swiftly under the Ego's control in the work in life. Rational and pure diet, perfect health, control over muscle and limb, through exercise and games, are invaluable in transforming physical functions into self-control and purity.

In exactly a similar way, it is natural for the astral body to desire; it is natural that the astral body should object to offensive smells or to discords in sound, and be pleased at harmonious surroundings and agreeable tones. The desire nature of the astral body provides a delicate instrument of cognition. Evil begins when the desire elemental dominates and dis-possesses the Ego for the time. A natural desire then becomes a craving, and the astral body gets out of control.

When a man loses his temper, so that for the time he is not showing a soul's attributes, but those of a wild beast, he has for the time reverted to an early stage of evolution, dragged thereto by the astral body which he cannot control.

What we have to understand is that we are *not* the habits of the desire elemental of the astral body, but are to search out, for our soul's purpose, such aptitudes in it as are useful to us. Sometimes, through suffering, we discover for ourselves this duality in us; an American girl of thirteen whom I knew so discovered it. One day she came home from school almost crying because her playmates had been teasing her; and when her mother asked her if they had hurt her, she replied: "N-no, but they made my feelings feel bad." When we realize

chân ngã phát triển bằng sự tự chủ và thanh tịnh. Việc chân ngã có quyền kiểm soát hoàn hảo đối với thể xác là rất hữu ích, để kỹ thuật của thể xác có thể hoàn toàn và nhanh chóng nằm dưới sự kiểm soát của chân ngã trong công việc trong cuộc đời. Chế độ ăn uống hợp lý và thanh khiết, sức khỏe hoàn hảo, kiểm soát cơ bắp và chân tay, thông qua tập thể dục và trò chơi, là vô giá trong việc chuyển đổi các chức năng thể xác thành sự tự chủ và thanh tịnh.

Một cách hoàn toàn tương tự, việc thể cảm dục khao khát là điều tự nhiên; việc thể cảm dục phản đối những mùi khó chịu hoặc những âm thanh không hài hòa, và hài lòng với môi trường hài hòa và những âm điệu dễ chịu là điều tự nhiên. Bản chất dục vọng của thể cảm dục cung cấp một công cụ nhận thức tinh tế. Điều xấu bắt đầu khi tinh linh dục vọng thống trị và chiếm đoạt chân ngã trong một thời gian. Một ham muốn tự nhiên sau đó trở thành một sự thèm khát, và thể cảm dục mất kiểm soát.

Khi một người mất bình tĩnh, đến nỗi trong một thời gian y không thể hiện các thuộc tính của linh hồn, mà là các thuộc tính của một con thú hoang, thì y tạm thời quay trở lại giai đoạn tiến hóa ban đầu, bị thể cảm dục kéo đến đó mà y không thể kiểm soát.

Điều chúng ta phải hiểu là chúng ta không phải là thói quen của tinh linh dục vọng của thể cảm dục, mà là tìm kiếm, cho mục đích linh hồn của chúng ta, những năng khiếu hữu ích cho chúng ta trong đó. Đôi khi, thông qua đau khổ, chúng ta tự khám phá ra tính nhị nguyên này trong chúng ta; một cô gái người Mỹ mười ba tuổi mà tôi biết đã khám phá ra điều đó. Một ngày nọ, cô bé đi học về gần như khóc vì các bạn chơi đã trêu chọc cô bé; và khi mẹ cô bé hỏi liệu họ có làm cô bé bị thương không, cô bé trả lời: "K-không, nhưng họ làm

that we are not the feelings of the astral body but possess them, just as we might possess a tennis racket or a motor car, then we shall know exactly how much freedom to give to the feelings.

On the reverse side of the picture, the feelings of our astral body, when controlled, can be made most sensitive and delicate, and can be transformed into wonderful revelations of the soul's affection and sympathy; the astral body then becomes a fine instrument upon which we can play, so as to throw the invisible world around us into waves of inspiring and purifying emotions.

What has been said above, about the desire elemental of the astral body, applies with even greater force to the mental elemental of the mind body. The mental body has, as its natural function, that of responding to thought; and thought, when exercised by the Ego, is a means of discovering the world in which he lives. Concrete thought weighs and measures the universe; the function of abstract thought is to transform all experiences of the mental and lower bodies into eternal concepts which can be incorporated into the soul's nature.

But very few of our thoughts are of this nature, for two reasons: first, that the mental elemental often clings to past thoughts of ours, and insists on thinking them, despite our attempts to control it; and secondly, that what we think is less our own creation, and more what is supplied to us by others. Of the former type are prejudices, which are in reality thoughts which were once *useful* to us in our work in life, though not necessarily *true*; they become later no longer useful, and we are better without them, but the mental

cho cảm xúc của con cảm thấy tồi tệ." Khi chúng ta nhận ra rằng chúng ta không phải là cảm xúc của thể cảm dục mà sở hữu chúng, giống như chúng ta có thể sở hữu một cây vợt tennis hoặc một chiếc xe hơi, thì chúng ta sẽ biết chính xác nên cho cảm xúc bao nhiêu tự do.

Ở mặt trái của bức tranh, những cảm xúc của thể cảm dục của chúng ta, khi được kiểm soát, có thể trở nên nhạy cảm và tinh tế nhất, và có thể được chuyển đổi thành những mặc khải tuyệt vời về tình cảm và sự đồng cảm của linh hồn; thể cảm dục sau đó trở thành một công cụ tốt mà chúng ta có thể chơi, để ném thế giới vô hình xung quanh chúng ta vào những làn sóng cảm xúc đầy cảm hứng và thanh lọc.

Những gì đã được nói ở trên, về tinh linh dục vọng của thể cảm dục, áp dụng với một lực lượng thậm chí còn lớn hơn đối với tinh linh trí tuệ của thể trí. Thể trí có chức năng tự nhiên là đáp ứng với tư tưởng; và tư tưởng, khi được chân ngã thực hiện, là một phương tiện để khám phá thế giới mà Ngài đang sống. Tư tưởng cụ thể cân và đo vũ trụ; chức năng của tư tưởng trừu tượng là chuyển đổi tất cả những kinh nghiệm của thể trí và các thể thấp hơn thành những khái niệm vĩnh cửu có thể được hợp nhất vào bản chất của linh hồn.

Nhưng rất ít những tư tưởng của chúng ta có bản chất này, vì hai lý do: thứ nhất, tinh linh trí tuệ thường bám vào những tư tưởng trong quá khứ của chúng ta, và khẳng khái nghĩ về chúng, bất chấp những nỗ lực của chúng ta để kiểm soát nó; và thứ hai, những gì chúng ta nghĩ ít là sự sáng tạo của riêng chúng ta hơn, và nhiều hơn những gì được người khác cung cấp cho chúng ta. Loại trước là những thành kiến, trên thực tế là những tư tưởng đã từng hữu ích cho chúng ta trong công việc của chúng ta trong cuộc đời, mặc dù không nhất

elemental retains the strength which we instilled into them, and, the better to gain its end, hypnotizes us into believing that they are still our true thoughts. The prejudices which men have as to the superiority of race, creed, sex, caste, class or color, are largely of this nature.

Of the second type are the thoughts of other people, which are being continually poured into the world's mental atmosphere, and which, impinging on our mental bodies, draw out of us automatically a response of like thoughts. When such thoughts seek admittance, we need to take care that we give welcome only to those which are useful for our soul's work, and that we rigorously exclude all others.

Certain thoughts of both these types sometimes behave like the "malignant growths" which appear in the human body as tumors and cancers. Some thoughts make definite centers in the mental body, and gather round them similar thoughts, and absorb their vitality; they then become distinctly malignant mental growths of the mind body. Just as a tumor in the brain, in the beginning, will produce only a slight ache, but afterwards, as it grows larger, will derange many functions of the body, so too is it with these malignant mental growths; at first they are hardly evident, except perhaps as unreasonable phantasies and worries; later, they grow and produce definite mental diseases, like phobias of various kinds and insanity.

The transmutation of the experiences into eternal concepts, which is gained through

thiết là đúng; sau này chúng không còn hữu ích nữa, và chúng ta sẽ tốt hơn nếu không có chúng, nhưng tinh linh trí tuệ vẫn giữ được sức mạnh mà chúng ta đã thấm nhuần vào chúng, và, để đạt được mục đích của nó tốt hơn, thôi miên chúng ta tin rằng chúng vẫn là những tư tưởng chân thật của chúng ta. Những thành kiến mà con người có về sự vượt trội của chủng tộc, tín ngưỡng, giới tính, đẳng cấp, giai cấp hoặc màu da, phần lớn có bản chất này.

Loại thứ hai là những tư tưởng của người khác, liên tục được đổ vào bầu không khí trí tuệ của thế giới, và khi tác động vào thể trí của chúng ta, sẽ tự động rút ra khỏi chúng ta một phản ứng của những tư tưởng tương tự. Khi những tư tưởng như vậy tìm cách được chấp nhận, chúng ta cần cẩn thận để chỉ chào đón những tư tưởng hữu ích cho công việc linh hồn của chúng ta, và chúng ta loại trừ một cách nghiêm ngặt tất cả những tư tưởng khác.

Một số tư tưởng thuộc cả hai loại này đôi khi cư xử giống như "sự tăng trưởng ác tính" xuất hiện trong cơ thể con người như các khối u và ung thư. Một số tư tưởng tạo ra các trung tâm xác định trong thể trí, và tập hợp xung quanh chúng những tư tưởng tương tự, và hấp thụ sức sống của chúng; sau đó chúng trở thành sự tăng trưởng trí tuệ ác tính rõ rệt của thể trí. Giống như một khối u trong não, ban đầu, sẽ chỉ gây ra một cơn đau nhẹ, nhưng sau đó, khi nó lớn hơn, sẽ làm rối loạn nhiều chức năng của cơ thể, thì cũng như vậy đối với những sự tăng trưởng trí tuệ ác tính này; ban đầu chúng hầu như không rõ ràng, ngoại trừ có lẽ là những ảo tưởng và lo lắng vô lý; sau đó, chúng phát triển và tạo ra những bệnh tâm thần xác định, như chứng ám ảnh các loại khác nhau và chứng mất trí.

Sự chuyển hóa những kinh nghiệm thành những khái niệm vĩnh cửu, đạt được thông

right thinking, feeling and acting, is only partly accomplished during the life on earth and in the astral world after death; the task is continued when the individual begins his life in the heaven world. There, under the most ideal and congenial surroundings, with the power to create all such happiness as he longs for, and above all with the wonderful aid of the Mind of the Logos playing upon his mental body and causing it to grow, the man lives his period in the heaven world. He develops his will and transforms all his experiences into eternal concepts, and into faculties which more and more reflect his hidden Divine Nature.

This work which man does during his period, "in Heaven" naturally depends upon the strength of his aspirations, and upon the amount of capacity with which he sets to work upon the work of transmutation. These factors determine how long he is "in Devachan", growing there through happiness. In Fig. 54 we have a table giving a general average for various types of Egos.

qua tư duy, cảm nhận và hành động đúng đắn, chỉ được hoàn thành một phần trong cuộc sống trên Trái Đất và trong cõi cảm dục sau khi chết; nhiệm vụ được tiếp tục khi cá nhân bắt đầu cuộc sống của mình ở cõi thượng thiên. Ở đó, dưới những môi trường lý tưởng và phù hợp nhất, với sức mạnh để tạo ra tất cả những hạnh phúc mà y khao khát, và trên hết là với sự trợ giúp tuyệt vời của Thể Trí của Hành Tinh Thượng để tác động lên thể trí của y và khiến nó phát triển, con người sống giai đoạn của mình ở cõi thượng thiên. Y phát triển ý chí của mình và chuyển đổi tất cả những kinh nghiệm của mình thành những khái niệm vĩnh cửu, và thành những năng lực ngày càng phản ánh Bản Chất Thiêng Liêng ẩn giấu của mình.

Công việc mà con người làm trong giai đoạn của mình, "ở Thiên đường" một cách tự nhiên phụ thuộc vào sức mạnh của những khát vọng của y, và vào lượng năng lực mà y bắt đầu thực hiện công việc chuyển hóa. Những yếu tố này quyết định thời gian y "ở Devachan", phát triển ở đó thông qua hạnh phúc. Trong Hình 54, chúng ta có một bảng đưa ra mức trung bình chung cho các loại chân ngã khác nhau.

Khoảng thời gian giữa các kiếp sống								
LOẠI	Người suy đồi	Người nguyên thủy	Thợ thủ công	Nông dân	Thương gia	Bác sĩ	Người lý tưởng	đệ tử
TỔNG CỘNG	5	40	200	300	500	1000	1200	2300
Thượng thiên	<i>Không có</i>	<i>None</i>	<i>None</i>	<i>None</i>	<i>None</i>	Ngắn ngủi	50	150
Hạ thiên	<i>Không có</i>	<i>None</i>	160	260	475	975	1150	2150
cõi cảm dục	5	40	40	40	25	25	5	<i>Không có</i>

Hình 54

When the death of the physical body takes place, the man lives in the astral world for a while; afterwards he passes to the lower heaven, to live there "in Devachan". At the end of Devachan, the mental body, the last remnant of the Personality, is cast aside, and the Ego is once more fully himself, with all his energies, in the higher heaven. After a period, brief or long, dimly conscious or fully aware of the process of rebirth, the Ego once more puts

Khi cái chết của thể xác xảy ra, con người sống trong cõi cảm dục một thời gian; sau đó y chuyển đến cõi hạ thiên, để sống ở đó "trong Devachan". Vào cuối Devachan, thể trí, tàn tích cuối cùng của phàm ngã, bị loại bỏ, và chân ngã một lần nữa hoàn toàn là chính mình, với tất cả năng lượng của mình, ở cõi thượng thiên. Sau một giai đoạn, ngắn hoặc dài, ý thức lơ mơ hoặc nhận thức đầy đủ về quá trình tái sinh, chân ngã một lần nữa đặt xuống

down a part of himself into incarnation to become the new Personality.

We see from the diagram that the degenerate, low type of human being lives about five years in the astral world and, having no spiritual qualities needing Devachan for their growth, returns at once into incarnation. The terms *artisan*, *farmer*, *merchant* are used to describe general types; and *doctor* is used to represent professional men in general. But a farmer or a merchant may be a highly cultivated man and belong really to a higher type of Ego than is represented by his occupation.

The cultured man, who is definitely idealistic and who makes sacrifices for the sake of his ideals, has a consciously active life as the Individuality in the higher heaven. The man consecrated to service under the guidance of a Master of the Wisdom, should he "take his Devachan", will have so purified his astral nature before death that he need have no life in the astral world at all; he will pass at once into his Devachan.

We see from the diagram that the period between incarnations may vary from five years to twenty-three centuries. When a child dies, he, too, has his short astral life and his short Devachan before return to birth again; the period between his death and rebirth may vary from a few months to several years, according to the age and the mental and emotional nature of the child.

Many of the facts already mentioned, about the hidden nature of man and his finer vehicles, are restated in the next diagram, Fig. 55.

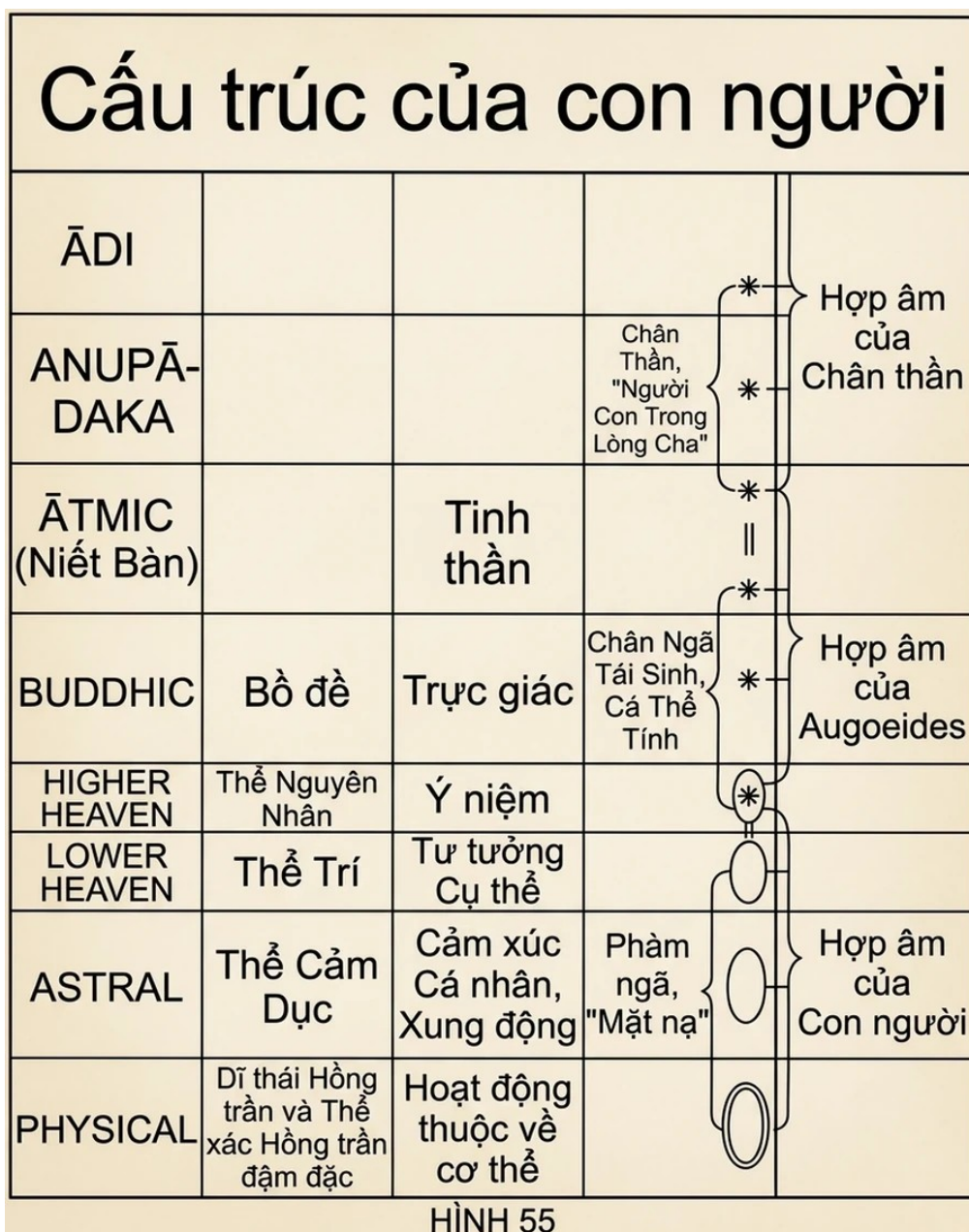
một phần của chính mình vào trong kiếp sống để trở thành phàm ngã mới.

Chúng ta thấy từ sơ đồ rằng loại người thoái hóa, thấp kém sống khoảng năm năm trong cõi cảm dục và, không có những phẩm chất tinh thần cần Devachan để phát triển, ngay lập tức quay trở lại kiếp sống. Các thuật ngữ thợ thủ công, nông dân, thương gia được sử dụng để mô tả các loại hình chung; và bác sĩ được sử dụng để đại diện cho những người làm nghề chuyên môn nói chung. Nhưng một người nông dân hoặc một thương gia có thể là một người có học thức cao và thực sự thuộc về một loại chân ngã cao hơn so với những gì được đại diện bởi nghề nghiệp của y.

Người có văn hóa, người có lý tưởng rõ ràng và hy sinh vì lý tưởng của mình, có một cuộc sống tích cực có ý thức như một Cá tính ở cõi thượng thiên. Người được hiến dâng để phụng sự dưới sự hướng dẫn của một Chân sư Minh triết, nếu y "lấy Devachan của mình", sẽ thanh lọc bản chất cảm dục của mình trước khi chết đến mức y không cần phải có cuộc sống nào trong cõi cảm dục cả; y sẽ ngay lập tức chuyển vào Devachan của mình.

Chúng ta thấy từ sơ đồ rằng khoảng thời gian giữa các kiếp sống có thể thay đổi từ năm năm đến hai mươi ba thế kỷ. Khi một đứa trẻ chết, nó cũng có cuộc sống ngắn ngủi ở cõi cảm dục và Devachan ngắn ngủi trước khi trở lại tái sinh; khoảng thời gian giữa cái chết và sự tái sinh của nó có thể thay đổi từ vài tháng đến vài năm, tùy thuộc vào độ tuổi và bản chất trí tuệ và cảm xúc của đứa trẻ.

Nhiều sự kiện đã được đề cập, về bản chất ẩn giấu của con người và các vận cụ tốt đẹp hơn của y, được trình bày lại trong sơ đồ tiếp theo, Hình 55.



In the first column we have the seven planes of the solar system; in the second we have the four bodies which man now uses. It will be seen from the third and fourth columns that man exists, in his highest nature, as the "Monad", on the four planes higher than the mental plane, but that he has as yet no vehicle or instrument of cognition and action in them.

Trong cột đầu tiên, chúng ta có bảy cõi của hệ mặt trời; trong cột thứ hai, chúng ta có bốn thể mà con người hiện đang sử dụng. Có thể thấy từ cột thứ ba và thứ tư rằng con người tồn tại, trong bản chất cao nhất của mình, như "chân thần", trên bốn cõi cao hơn cõi trí, nhưng y vẫn chưa có vận cụ hoặc công cụ nhận thức và hành động nào trong chúng.

For all general purposes of study, the soul of man is the Individuality in the causal body. The Individuality creates a Personality for the purpose of incarnation, and the Personality has three vehicles, the mental, astral and physical bodies. Each of these three lower bodies represents one aspect of the Ego; and since the Ego in the causal body gives the fundamental tone or temperament for the incarnation, we, may think of the Ego and his three lower vehicles as forming a chord of temperamental, tones, the Chord of the Man. But the Individuality in the causal body is only a partial representation of all his qualities; behind his Higher Manas or Abstract Mind exists the Buddhi, the Divine Intuition, and behind that, the Atma or the indomitable Spirit of God in man. But the Atma, Buddhi and Manas are themselves reflections of still higher attributes of the Monad, “the Son in the bosom of the “Father”, The fundamental note of the Life of the Logos gives the dominant tone for the Monad, and the three attributes of the Monad, on the Adi, Anupadaka and higher Nirvanic planes, make the “Chord of the Monad”. The Monad then creates the Individuality; the tone of the Monad being then the dominant, it and the tones represented by the Atma, Buddhi and Manas make the “Chord of the Augoeides”. When next the Individuality creates the Personality, the “mask”, we have the “Chord of the Man”.

Man’s work in life and in death is to discover what he is, what is the world, and what is the Logos “in whom we live, and move, and have our being”. Ages of experience and action are required before he begins to grasp this “Wisdom of God in a mystery”, and to understand “God’s Plan, which is Evolution”. Yet this is his eternal work—to know, in himself and in others, the clod, the brute and

Đối với tất cả các mục đích nghiên cứu chung, linh hồn của con người là Chân ngã trong thể nguyên nhân. Chân ngã tạo ra một Phàm ngã cho mục đích nhập thể, và Phàm ngã có ba vận cụ, thể trí, thể cảm dục và thể xác. Mỗi một trong ba thể thấp này đại diện cho một khía cạnh của Chân ngã; và vì Chân ngã trong thể nguyên nhân mang lại âm hưởng hoặc khí chất cơ bản cho sự nhập thể, chúng ta có thể nghĩ về Chân ngã và ba vận cụ thấp hơn của Ngài như tạo thành một hợp âm của các âm điệu khí chất, Hợp Âm của Con Người. Nhưng Chân ngã trong thể nguyên nhân chỉ là một biểu hiện một phần của tất cả các phẩm chất của Ngài; đằng sau Thượng trí hoặc Trí Trừu Tượng của Ngài tồn tại Bồ đề, Trực Giác Thiêng Liêng, và đằng sau đó, là Atma hoặc Tinh Thần Thượng đế bất khuất trong con người. Nhưng Atma, Bồ đề và Manas bản thân chúng là những phản ánh của các thuộc tính cao hơn nữa của Chân Thần, “Con trong lòng” Cha”, Âm điệu cơ bản của Sự Sống của Hành Tinh Thượng đế mang lại âm điệu chủ đạo cho Chân Thần, và ba thuộc tính của Chân Thần, trên các cõi Adi, Anupadaka và Niết Bàn cao hơn, tạo nên “Hợp Âm của Augoeides”. Chân Thần sau đó tạo ra Chân ngã; âm điệu của Chân Thần sau đó là chủ đạo, nó và các âm điệu do Atma, Bồ đề và Manas đại diện tạo nên “Hợp Âm của Augoeides”. Khi Chân ngã tạo ra Phàm ngã, “mặt nạ”, chúng ta có “Hợp Âm của Con Người”.

Công việc của con người trong cuộc sống và trong cái chết là khám phá ra y là ai, thế giới là gì và Hành Tinh Thượng đế là ai “mà trong đó chúng ta sống, di chuyển và hiện hữu”. Cần có nhiều kỷ nguyên kinh nghiệm và hành động trước khi y bắt đầu nắm bắt được “Minh Triết của Thượng đế trong một điều huyền bí” này, và để thấu hiểu “Thiên Cơ của Thượng đế, vốn là Sự Tiến Hóa”. Tuy nhiên, đây là công việc

the God. All life is a workshop where he is taught his work; and many are the instructors who come to help him. These are the religions and the philosophies, the sciences and the arts of his time. Instructors too, unwelcome for the most part, are the sufferings which are his lot. But most welcome of all his instructors can be the Hidden Wisdom known as Theosophy, which reveals God's Plan with such a fascination to the mind, and with such an inspiration to the heart, as have not yet been found in any other revelation.

vĩnh cửu của y — để biết, trong bản thân và trong những người khác, cục đất, con vật và Thượng đế. Tất cả cuộc sống là một xưởng làm việc, nơi y được dạy công việc của mình; và có rất nhiều người hướng dẫn đến giúp y. Đây là các tôn giáo và triết học, các ngành khoa học và nghệ thuật của thời đại y. Những người hướng dẫn cũng vậy, phần lớn không được hoan nghênh, là những đau khổ vốn là số phận của y. Nhưng được hoan nghênh nhất trong tất cả những người hướng dẫn của y có thể là Minh Triết Ẩn giấu được gọi là Thông Thiên Học, vốn tiết lộ Thiên Cơ của Thượng đế với một sự hấp dẫn đối với thể trí, và với một nguồn cảm hứng cho trái tim, như vẫn chưa được tìm thấy trong bất kỳ sự mặc khải nào khác.

CHƯƠNG VII

THE EVOLUTION OF ANIMALS—SỰ TIẾN HÓA CỦA ĐỘNG VẬT

When we survey nature, we can readily see that by far the greater number of living organisms are to be found not in the human kingdom, but in the vegetable and animal kingdoms. The theories of modern science tell us that there is a bridge in the evolution of forms from the vegetable to the animal, and from the animal to man; therefore it is evident that, since man is the highest so far in evolution, all forms lower than man must be tending towards his type. The highest type in the animal kingdom, which is nearest to man, is the “missing link”; and the anthropoid apes are the forms now existing which are nearest to this “missing link”. On the side of the physical form, we can see clearly enough the transition from the anthropoid apes to man; but when we consider intelligence in the animal kingdom, there is a serious gap in the scientific conception of evolution. We have certain domestic animals, like dogs, cats and horses, in whom distinctly human characteristics of intelligence and emotion appear; many a dog in his inner nature is nearer to man than the anthropoid ape. It is obvious that there is no possible transition, on the side of form, from the dog to man; inevitably, therefore, the high human attributes developed in our domestic pets must be practically wasted, if evolution proceeds rigidly according to the ladder of forms enunciated by science. (Fig. 5.)

In order to understand more thoroughly nature at her work, we must supplement the conception of the evolution of form in the animal kingdom with that of the evolution of

Khi chúng ta khảo sát thiên nhiên, chúng ta có thể dễ dàng thấy rằng phần lớn các sinh vật sống không được tìm thấy trong giới nhân loại, mà là trong giới thực vật và giới động vật. Các lý thuyết của khoa học hiện đại cho chúng ta biết rằng có một cầu nối trong sự tiến hóa của các hình tướng từ thực vật đến động vật, và từ động vật đến con người; do đó, rõ ràng là, vì con người là cao nhất cho đến nay trong quá trình tiến hóa, tất cả các hình tướng thấp hơn con người phải có xu hướng hướng tới kiểu người. Loại cao nhất trong giới động vật, vốn gần với con người nhất, là “mắt xích còn thiếu”; và vượn người là những hình tướng hiện đang tồn tại gần với “mắt xích còn thiếu” này nhất. Về phía hình tướng thể xác, chúng ta có thể thấy khá rõ sự chuyển đổi từ vượn người sang người; nhưng khi chúng ta xem xét trí thông minh trong giới động vật, có một khoảng cách nghiêm trọng trong quan niệm khoa học về sự tiến hóa. Chúng ta có một số động vật nuôi, như chó, mèo và ngựa, trong đó các đặc điểm trí thông minh và cảm xúc của con người xuất hiện rõ rệt; nhiều con chó trong bản chất bên trong của nó gần với con người hơn là vượn người. Rõ ràng là không có sự chuyển đổi nào có thể xảy ra, về phía hình tướng, từ chó sang người; do đó, một cách không thể tránh khỏi, các thuộc tính cao của con người được phát triển ở vật nuôi của chúng ta phải bị lãng phí một cách thực tế, nếu sự tiến hóa tiến hành một cách cứng nhắc theo thang hình tướng do khoa học đưa ra. (Hình 5.)

Để thấu hiểu kỹ lưỡng hơn về thiên nhiên trong công việc của nó, chúng ta phải bổ sung quan niệm về sự tiến hóa của hình tướng trong giới động vật với quan niệm về sự tiến hóa của

its life. Only this latter conception will enable us fully to understand the role which the animal kingdom plays in evolutionary processes.

All life whatsoever, whether in mineral, plant, animal or, man, is fundamentally the One Life, which is an expression of the nature and action of the Logos; but this Life reveals its attributes more fully, or less fully, according to the amount of limitation which it has surmounted in evolution. The limitations to its manifestation are greatest in the mineral, but they become by degrees less in the plant, the animal and man. In the evolution of its attributes, the Life undergoes these limitations in succession; after enduring the limitation of mineral matter, and there having learned to express itself in the building of geometrical forms through crystallization, it next passes on to become the life of the vegetable kingdom. Retaining all the capacities which the Life learned through mineral matter, it now adds new capacities as the plant, and discovers new ways of self-revelation. When sufficient evolutionary work has been done in the vegetable kingdom, this Life, with all the experiences gained as the mineral and as the plant, builds organisms in the animal kingdom, in order to reveal more of its hidden attributes through the more complex and more pliant forms of animal life. When its evolutionary work is over in the animal kingdom, its next stage of self-revelation is in the human kingdom.

Through all these great stages, as the mineral, the vegetable, the animal and the human, it is the One Life which is at work, building and unbuilding and rebuilding, ever at work to build higher and higher forms. This One Life, long before it begins its work in mineral

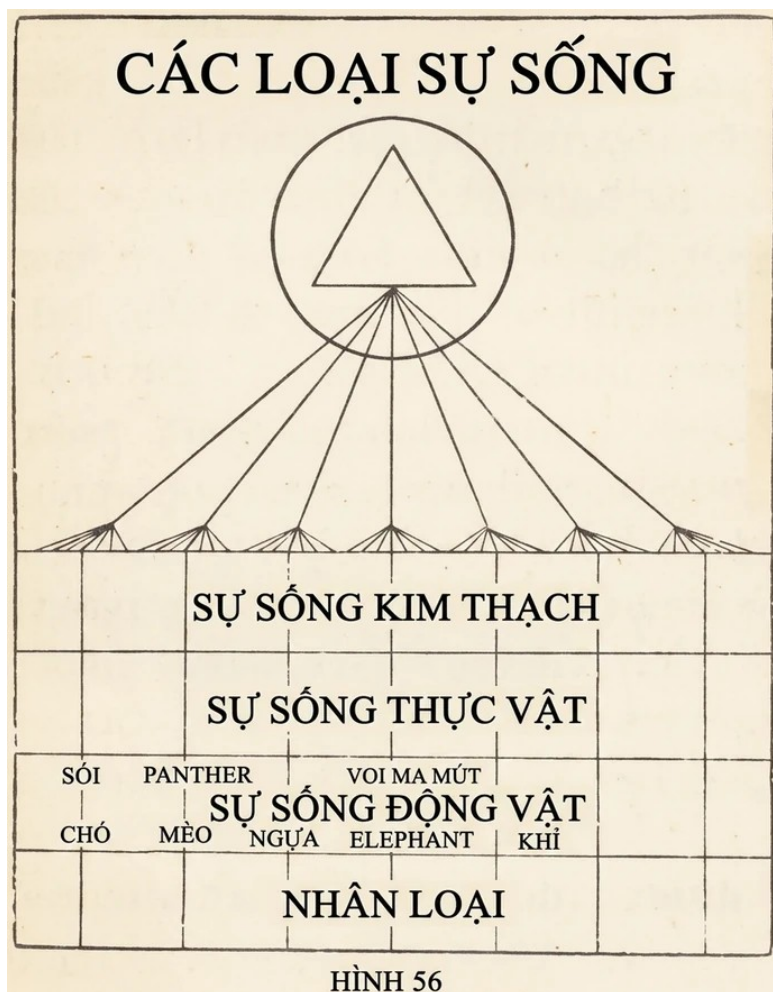
sự sống của nó. Chỉ có quan niệm thứ hai này mới cho phép chúng ta thấu hiểu đầy đủ vai trò mà giới động vật đóng trong các quá trình tiến hóa.

Tất cả sự sống, dù là trong giới kim thạch, thực vật, động vật hay con người, về cơ bản là Sự Sống Duy Nhất, vốn là một biểu hiện về bản chất và hành động của Hành Tinh Thượng đế; nhưng Sự Sống này tiết lộ các thuộc tính của nó đầy đủ hơn, hoặc ít đầy đủ hơn, tùy theo mức độ giới hạn mà nó đã vượt qua trong quá trình tiến hóa. Những hạn chế đối với sự biểu hiện của nó là lớn nhất trong giới kim thạch, nhưng chúng trở nên ít hơn theo từng cấp độ trong giới thực vật, động vật và con người. Trong quá trình tiến hóa các thuộc tính của nó, Sự Sống trải qua những hạn chế này liên tiếp; sau khi chịu đựng sự giới hạn hoặc vật chất kim thạch, và ở đó đã học cách thể hiện bản thân trong việc xây dựng các hình tượng hình học thông qua kết tinh, nó tiếp tục trở thành sự sống của giới thực vật. Giữ lại tất cả các năng lực mà Sự Sống đã học được thông qua vật chất kim thạch, giờ đây nó bổ sung các năng lực mới với tư cách là thực vật, và khám phá ra những cách thức tự mặc khải mới. Khi công việc tiến hóa đầy đủ đã được thực hiện trong giới thực vật, Sự Sống này, với tất cả những kinh nghiệm thu được với tư cách là kim thạch và thực vật, xây dựng các sinh vật trong giới động vật, để tiết lộ nhiều hơn về các thuộc tính ẩn giấu của nó thông qua các hình tượng phức tạp hơn và dễ uốn nắn hơn của đời sống động vật. Khi công việc tiến hóa của nó kết thúc trong giới động vật, giai đoạn tự mặc khải tiếp theo của nó là trong giới nhân loại.

Thông qua tất cả các giai đoạn vĩ đại này, với tư cách là kim thạch, thực vật, động vật và con người, chính Sự Sống Duy Nhất đang hoạt động, xây dựng và phá bỏ và xây dựng lại, luôn hoạt động để xây dựng các hình tượng cao hơn và cao hơn. Sự Sống Duy Nhất này, rất lâu

matter, differentiates itself into seven great streams, each of which has its own special and unchanging characteristics. (Fig. 56.)

trước khi nó bắt đầu công việc của mình trong vật chất kim thạch, đã tự phân hóa thành bảy dòng chảy vĩ đại, mỗi dòng chảy đều có những đặc điểm đặc biệt và không thay đổi của riêng nó. (Hình 56.)



The One Source of Life is symbolized in the diagram by the triangle within the circle. Each of these seven streams differentiates itself into seven modifications. If we represent the seven great streams by the figures 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, then the modifications of each are as in the following table.

It will now be apparent how the first type of life has seven variants, in the first of which its own special characteristic is doubly emphasized (11), but in its 2nd to 7th variants

Nguồn Gốc Duy Nhất của Sự Sống được biểu thị trong sơ đồ bằng hình tam giác bên trong vòng tròn. Mỗi một trong bảy dòng chảy này tự phân hóa thành bảy biến thể. Nếu chúng ta biểu thị bảy dòng chảy vĩ đại bằng các số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, thì các biến thể của mỗi dòng chảy như trong bảng sau.

Bây giờ sẽ rõ ràng loại sự sống thứ nhất có bảy biến thể, trong đó đặc điểm đặc biệt của chính nó được nhấn mạnh gấp đôi (11), nhưng trong các biến thể thứ 2 đến thứ 7, đặc điểm đặc biệt

its own special characteristic is modified by the characteristics of the six other fundamental types 1.2 1.3 1.4 1.5 1.6 1.7. The same principle holds good with reference to the six other fundamental types also, as will be seen from the table. These types are known as the “Rays”.

1.1	2.1	3.1	4.1	5.1	6.1	7.1
1.2	2.2	3.2	4.2	5.2	6.2	7.2
1.3	2.3	3.3	4.3	5.3	6.3	7.3
1.4	2.4	3.4	4.4	5.4	6.4	7.4
1.5	2.5	3.5	4.5	5.5	6.5	7.5
1.6	2.6	3.6	4.6	5.6	6.6	7.6
1.7	2.7	3.7	4.7	5.7	6.7	7.7

Each of the forty-nine variants of the One Life follows its own characteristic development through all the great kingdoms of life, the mineral, the vegetable, the animal and the human. The type of life, which in the animal Kingdom belongs to the 3.2 variety, passes from the mineral kingdom to the vegetable kingdom along its own special channel, and is the 3.2 life of the vegetable kingdom; when the time comes for it to pass into the animal kingdom, it appears there still as 3.2 animal life, and through animal forms which are exclusively reserved for the development of this type or life. When this animal life comes to the stage of passing into the human, it will build an individual of the 3.2 type of human being, and not one of another type. These forty-nine variants of the One Life-Stream follow their forty-nine distinct channels through all the great kingdoms, and there is no mingling of one type of life with another type.

của chính nó được sửa đổi bởi các đặc điểm của sáu loại cơ bản khác 1.2 1.3 1.4 1.5 1.6 1.7. Nguyên tắc tương tự cũng đúng với sáu loại cơ bản khác, như sẽ thấy trong bảng. Các loại này được gọi là “Các Cung”.

Mỗi một trong bốn mươi chín biến thể của Sự Sống Duy Nhất tuân theo sự phát triển đặc trưng của riêng nó thông qua tất cả các giới vĩ đại của sự sống, giới kim thạch, giới thực vật, giới động vật và giới nhân loại. Loại sự sống, vốn trong Giới Động Vật thuộc về loại 3.2, đi từ giới kim thạch đến giới thực vật dọc theo kênh đặc biệt của riêng nó, và là sự sống 3.2 của giới thực vật; khi đến thời điểm nó đi vào giới động vật, nó vẫn xuất hiện ở đó với tư cách là sự sống động vật 3.2, và thông qua các hình tướng động vật được dành riêng cho sự phát triển của loại sự sống này. Khi sự sống động vật này đến giai đoạn đi vào con người, nó sẽ xây dựng một cá nhân thuộc loại người 3.2, chứ không phải một loại khác. Bốn mươi chín biến thể này của Dòng Chảy Sự Sống Duy Nhất tuân theo bốn mươi chín kênh riêng biệt của chúng thông qua tất cả các giới vĩ đại, và không có sự pha trộn của một loại sự sống với một loại khác.

When the forty-nine life-streams in the animal kingdom are ready to pass into the human, each of the seven variants of each fundamental type converges, in the highest phases of its animal life, to a few predetermined animal forms. These animal forms are arranged in the Divine Plan so as to come into close touch with humanity as domestic pets; and, under the influence of the care lavished upon them, the animal life reveals its hidden attributes, and develops them, and “individualizes” into the human kingdom.

We have today certain animal types which stand as the doors from the animal kingdom to the human; such types are the dog, the cat, the horse, the elephant, and probably also the monkey. The transition from the animal to the human can take place through these doors, provided the proper influences are brought to bear on the animal by the action of man. While the life in dogs and cats is of the highest type along their two “Rays”, yet the transition will take place only when an individual dog or cat has developed his intelligence and affection by the direct action of a human being.

Our domestic animals have been developed out of earlier and more savage types of animal life; the dog is the descendant of the wolf, and the cat of various cat-like creatures, like the panther, the tiger, etc. At the present stage, the life-streams manifesting in the dog-streams of life, the Canine, all converge upon the domesticated dog for the purpose of entering the human kingdom; and similarly the Feline types of life converge today upon the domesticated cat. In future ages we shall have other “domesticated animals, who also will be among the forms making the seven doors to humanity.

Khi bốn mươi chín dòng chảy sự sống trong giới động vật sẵn sàng đi vào con người, mỗi một trong bảy biến thể của mỗi loại cơ bản hội tụ, trong các giai đoạn cao nhất của đời sống động vật của nó, đến một vài hình tướng động vật được xác định trước. Các hình tướng động vật này được sắp xếp trong Thiên Cơ để tiếp xúc gần gũi với nhân loại như vật nuôi trong nhà; và, dưới ảnh hưởng của sự chăm sóc dành cho chúng, đời sống động vật tiết lộ các thuộc tính ẩn giấu của nó, và phát triển chúng, và “biệt ngã hóa” vào giới nhân loại.

Ngày nay, chúng ta có một số loại động vật đóng vai trò là cánh cửa từ giới động vật đến con người; các loại như vậy là chó, mèo, ngựa, voi và có lẽ cả khỉ. Sự chuyển đổi từ động vật sang người có thể diễn ra thông qua những cánh cửa này, miễn là những ảnh hưởng thích hợp được tác động lên động vật bởi hành động của con người. Mặc dù sự sống trong chó và mèo thuộc loại cao nhất dọc theo hai “Cung” của chúng, nhưng sự chuyển đổi sẽ chỉ diễn ra khi một con chó hoặc mèo riêng lẻ đã phát triển trí thông minh và tình cảm của nó bằng hành động trực tiếp của một con người.

Vật nuôi của chúng ta đã được phát triển từ các loại đời sống động vật trước đó và man rợ hơn; chó là hậu duệ của chó sói, và mèo là hậu duệ của nhiều sinh vật giống mèo khác nhau, như báo, hổ, v.v. Ở giai đoạn hiện tại, các dòng chảy sự sống biểu hiện trong các dòng chảy sự sống của chó, dòng Canin, tất cả đều hội tụ vào chó nhà cho mục đích đi vào giới nhân loại; và tương tự như vậy, các loại sự sống Feline ngày nay hội tụ vào mèo nhà. Trong các kỷ nguyên tương lai, chúng ta sẽ có những “động vật được thuần hóa” khác, vốn cũng sẽ nằm trong số các hình tướng tạo nên bảy cánh cửa dẫn đến nhân loại.

In the understanding of the evolution of the animals, it is necessary to grasp clearly what is the animal group-soul. Just as, from the Theosophical standpoint, the individual man is not the physical body, but an invisible spiritual entity possessing a physical body, so too is the animal. The true animal is not the body; he is an invisible life which acts on the animal form as does the soul of man on man's body. This invisible life, which energizes the animal forms, is called the Group-Soul.

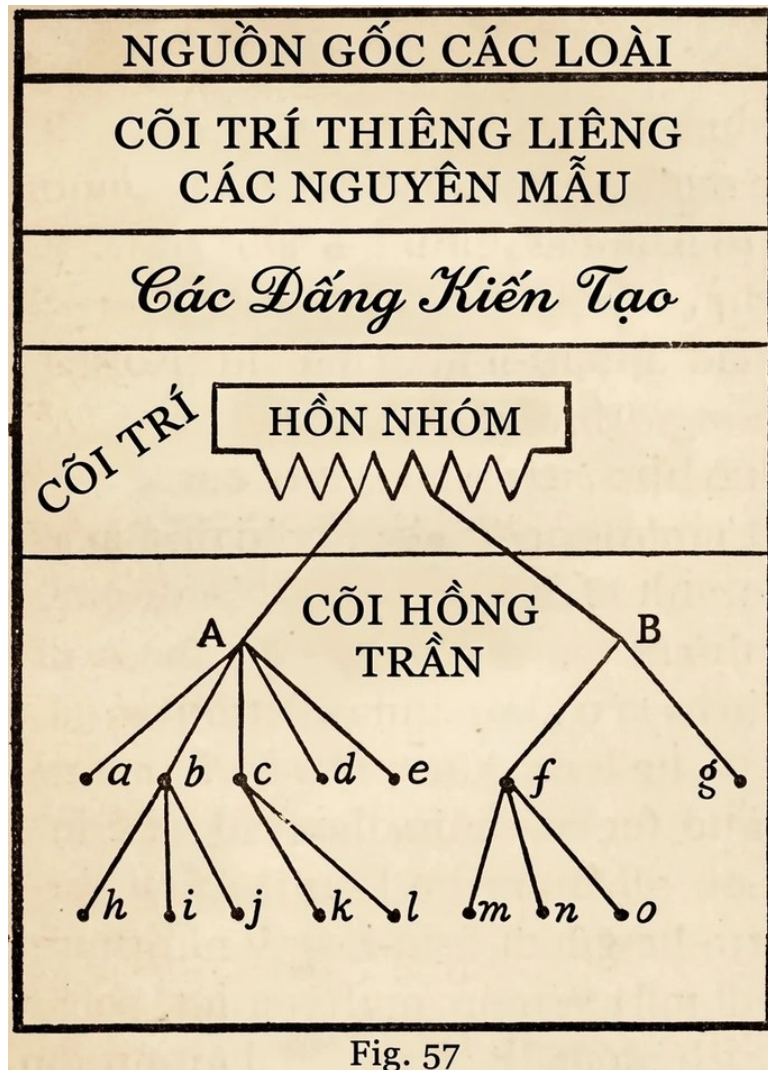
The group-soul is a certain definite quantity of mental matter charged with the energy of the Logos. This mental matter contains a definite life at the animal grade of evolution, and in that life are retained all the possible developments of animal consciousness and activity. This animal group-soul was, in previous cycles, the vegetable group-soul; and in earlier cycles still, it was the mineral group-soul. So that now, at the stage we are considering, the animal group-soul is already highly specialized, as the result of its experiences in vegetable and mineral matter. At the present stage of evolution, there is no one animal group-soul for the animal kingdom, just as there is no one physical type for all animals; and just as in the evolution of forms we have today their division into kingdom, sub-kingdom, group, class, order, family, genus and species, so have we similar divisions in the animal group-soul.

Our next diagram, Fig. 57, will give us an idea of the way that the group-soul works.

Trong việc thấu hiểu sự tiến hóa của động vật, cần phải nắm bắt rõ ràng linh hồn nhóm động vật là gì. Giống như, từ quan điểm Thông Thiên Học, con người cá nhân không phải là thể xác, mà là một thực thể tinh thần vô hình sở hữu một thể xác, thì động vật cũng vậy. Động vật thật không phải là thể xác; nó là một sự sống vô hình tác động lên hình tướng động vật giống như linh hồn của con người tác động lên thể xác của con người. Sự sống vô hình này, vốn tiếp thêm sinh lực cho các hình tướng động vật, được gọi là Hồn Nhóm.

Hồn nhóm là một số lượng vật chất trí tuệ nhất định mang năng lượng của Hành Tinh Thượng đế. Vật chất trí tuệ này chứa đựng một sự sống nhất định ở cấp độ tiến hóa của động vật, và trong sự sống đó, tất cả những phát triển có thể có của tâm thức và hoạt động của động vật được giữ lại. Hồn nhóm động vật này, trong các chu kỳ trước đây, là hồn nhóm thực vật; và trong các chu kỳ trước đó nữa, nó là hồn nhóm kim thạch. Vì vậy, bây giờ, ở giai đoạn chúng ta đang xem xét, hồn nhóm động vật đã được chuyên môn hóa cao, do kết quả của những kinh nghiệm của nó trong vật chất thực vật và kim thạch. Ở giai đoạn tiến hóa hiện tại, không có một hồn nhóm động vật duy nhất cho giới động vật, giống như không có một loại thể xác duy nhất cho tất cả các loài động vật; và giống như trong sự tiến hóa của các hình tướng, ngày nay chúng ta có sự phân chia của chúng thành giới, á giới, nhóm, lớp, bộ, họ, chi và loài, thì chúng ta cũng có sự phân chia tương tự trong hồn nhóm động vật.

Sơ đồ tiếp theo của chúng ta, Hình 57, sẽ cho chúng ta một ý tưởng về cách hồn nhóm hoạt động.



Let us presume that there exists, on the mental plane, the group-soul of some species of animal life; this group-soul will repeatedly reincarnate on earth through its animal representatives. The life of two animals of this group-soul will be quite distinct so long as they are alive; but when they die, the life of each returns to the group-soul, and is mingled with all other such returning lives which form the group-soul of that species. Looking at our diagram, if we consider that A and B are two representatives of the group-soul on the physical plane, then, when they give birth to offspring—A to a, b, c, d, and e, and B to f and g—the life ensouling the bodies of the new

Chúng ta hãy cho rằng, trên cõi trí, tồn tại hồn nhóm của một số loài đời sống động vật; hồn nhóm này sẽ liên tục tái sinh trên trái đất thông qua các đại diện động vật của nó. Sự sống của hai con vật thuộc hồn nhóm này sẽ hoàn toàn khác biệt miễn là chúng còn sống; nhưng khi chúng chết, sự sống của mỗi con vật trở về hồn nhóm, và được trộn lẫn với tất cả những sự sống trở về khác tạo thành hồn nhóm của loài đó. Nhìn vào sơ đồ của chúng ta, nếu chúng ta coi A và B là hai đại diện của hồn nhóm trên cõi hồng trần, thì, khi chúng sinh ra con cái—A sinh ra a, b, c, d và e, và B sinh ra f và g—sự sống phú linh cho thể xác của thể hệ mới đến trực tiếp từ hồn nhóm trên cõi trí.

generation comes direct from the group-soul on the mental plane. Let us presume that, in the litter of A, the young animals represented by a, d and e, die young through feebleness, or get destroyed by the enemies of the species; and also that one offspring of B, denoted by g, suffers a similar fate. When these animals die, their life returns direct to the group-soul, and contributes to its stock of experiences such few experiences as they gained before death. Now we see, according to the diagram, that b gives rise to offspring h, i and j, and c to offspring k and l, and f to offspring m, and o. The life ensouling the bodies of the third generation also comes direct from the group-soul, but it will have impressed upon it such experiences as have been gathered by those of earlier generations who had died before the third generation was conceived. As each animal dies, the life which ensouled that animal form is poured back into the group-soul; and this life, as it returns to the group-soul, adds as innate memories the experiences it gained in its various physical environments. It is the memory of these past experiences which expresses itself as instinct in animals; and the consciousness of the group-soul is slowly changing, according to the contributions received by it from its representatives on earth after their return.

It will be evident that b, c and f survived only because they were able to adapt themselves to the environment of nature, which is constantly changing around them; and a, d, e and g died because they were not strong enough to adapt themselves to that environment. The former survived because they were the strongest and the fittest, in an environment full of struggle and competition; and being the fittest to survive, they become the channels of the evolving life of the group-soul; they then produce descendants who possess this quality of fitness to survive which

Chúng ta hãy cho rằng, trong lứa của A, những con vật non do a, d và e đại diện, chết non do yếu ớt, hoặc bị kẻ thù của loài tiêu diệt; và cũng có một con của B, được biểu thị bằng g, chịu chung số phận. Khi những con vật này chết, sự sống của chúng trở về trực tiếp với hồn nhóm, và đóng góp vào kho kinh nghiệm của nó những kinh nghiệm ít ỏi mà chúng thu được trước khi chết. Bây giờ chúng ta thấy, theo sơ đồ, rằng b sinh ra con cái h, i và j, và c sinh ra con cái k và l, và f sinh ra con cái m và o. Sự sống phú linh cho thể xác của thế hệ thứ ba cũng đến trực tiếp từ hồn nhóm, nhưng nó sẽ được ghi dấu những kinh nghiệm đã được thu thập bởi những người thuộc các thế hệ trước đã chết trước khi thế hệ thứ ba được thụ thai. Khi mỗi con vật chết, sự sống đã phú linh cho hình tướng động vật đó được đổ trở lại vào hồn nhóm; và sự sống này, khi nó trở về hồn nhóm, thêm vào ký ức bẩm sinh những kinh nghiệm mà nó đã thu được trong các môi trường thể xác khác nhau của nó. Chính ký ức về những kinh nghiệm trong quá khứ này thể hiện bản thân như bản năng ở động vật; và tâm thức của hồn nhóm đang thay đổi chậm chạp, theo những đóng góp mà nó nhận được từ các đại diện của nó trên trái đất sau khi chúng trở về.

Rõ ràng là b, c và f sống sót chỉ vì chúng có thể thích nghi với môi trường tự nhiên, vốn liên tục thay đổi xung quanh chúng; và a, d, e và g chết vì chúng không đủ mạnh để thích nghi với môi trường đó. Những loài trước sống sót vì chúng mạnh nhất và phù hợp nhất, trong một môi trường đầy rẫy đấu tranh và cạnh tranh; và vì phù hợp nhất để sống sót, chúng trở thành kênh dẫn cho sự sống tiến hóa của hồn nhóm; sau đó chúng tạo ra những hậu duệ sở hữu phẩm chất phù hợp để sống sót này, vốn đã được phát triển cho một môi trường nhất định.

had been developed for a given environment.

In this action by nature of selecting the forms best fitted to survive, an important role is played by certain entities in the invisible worlds who are called, in our diagram, the “Builders”. These Intelligences belong to a kingdom higher than the human, and are known as Devas or Angels. One department of these “Shining Ones” has as its work that of guiding the processes of life in nature; it is they who guide the Struggle for existence, and watch for the development in their charges of those characteristics which are tending towards the ideal forms of the species. They combine the Mendelian genes which are so intimately connected with the revelation of the latent characteristics of the life dwelling in the form. These Builders have before them certain ideal Types which have to be developed in nature, so as to serve best the purposes of the Life; with these Archetypes before them, they watch and mould organisms from the unseen worlds, so as to bring about that *arrival of the fittest* which is difficult to explain with the ordinary evolutionary theories.

Present-day theories of biology are not sufficient to explain the “three major problems of evolution”—the origin of species, the origin of adaptations, and the maintenance of long range trends. That “blind nature” can work so purposefully with a purely mechanical method of trial and error is not convincing. The adaptations are towards a definite end in the long run. The conception of the group-soul, and of the operations of the Deva Builders, provide a reasonable explanation. It is the Builders who use trial and error as their method in their long range operations throughout the ages, but the final

Trong hành động này của tự nhiên là chọn lọc những hình tướng phù hợp nhất để sống sót, một vai trò quan trọng được đảm nhận bởi một số thực thể trong các cõi vô hình, vốn được gọi trong sơ đồ của chúng ta là “Những Nhà Kiến Tạo”. Những Trí Tuệ này thuộc về một giới cao hơn giới nhân loại, và được biết đến là Deva hay Thiên Thần. Một bộ phận của những “Đấng Tỏa Sáng” này có công việc là hướng dẫn các quá trình sự sống trong tự nhiên; chính Các Ngài hướng dẫn Cuộc Đấu Tranh sinh tồn, và theo dõi sự phát triển trong những đối tượng mà Các Ngài phụ trách về những đặc điểm vốn có xu hướng hướng tới các hình tướng lý tưởng của loài. Các Ngài kết hợp các gen Mendelian vốn có liên hệ mật thiết với sự mặc khải về các đặc điểm tiềm ẩn của sự sống cư ngụ trong hình tướng. Những Nhà Kiến Tạo này có trước Các Ngài những Nguyên Mẫu lý tưởng nhất định vốn phải được phát triển trong tự nhiên, để phục vụ tốt nhất cho các mục đích của Sự Sống; với những Nguyên Mẫu này trước mắt, Các Ngài theo dõi và uốn nắn các sinh vật từ các cõi vô hình, để mang lại sự xuất hiện của những sinh vật phù hợp nhất, điều này khó giải thích bằng các lý thuyết tiến hóa thông thường.

Các lý thuyết sinh học ngày nay không đủ để giải thích “ba vấn đề chính của sự tiến hóa” - nguồn gốc của các loài, nguồn gốc của sự thích nghi và việc duy trì các xu hướng tầm xa. Việc “tự nhiên mù quáng” có thể hoạt động một cách có chủ đích như vậy với một phương pháp thử và sai hoàn toàn mang tính máy móc là không thuyết phục. Sự thích nghi là hướng tới một mục tiêu xác định về lâu dài. Quan niệm về hồn nhóm và các hoạt động của Các Nhà Kiến Tạo Deva cung cấp một lời giải thích hợp lý. Chính Các Nhà Kiến Tạo sử dụng phương pháp thử và sai như một phương pháp của Các Ngài trong các hoạt động tầm xa của

type is before them from the beginning.

The struggle for existence is the method adopted by the Builders to the living organisms, in order to find out which of them will develop, in that struggle, those adaptations which build types that steadily approximate to the Archetypes. It must be remembered that, in the death of any organism, its life is not dissipated into nothing; that *life*, with its experiences, returns to its group-soul, and thence issues later to dwell in another *form*. Therefore, when we see that out of one hundred seeds perhaps only one finds soil in which to grow, and ninety-nine are wasted, the waste is only apparent, since the life of the “unfit” ninety-nine appears in a later generation as the descendants of the one “fit” seed.

With this principle before them of the indestructibility of Life, the Builders arrange for a keen struggle for existence in the vegetable and animal kingdoms. This method, which brings about a fierce brutality in visible nature, yet has on its unseen side a most amicable cooperation among the Builders who are directing the growth of rival forms. They all have but one aim, which is, to carry out the Divine Will, which places before them the Archetypes which must be reproduced in the evolution of forms.

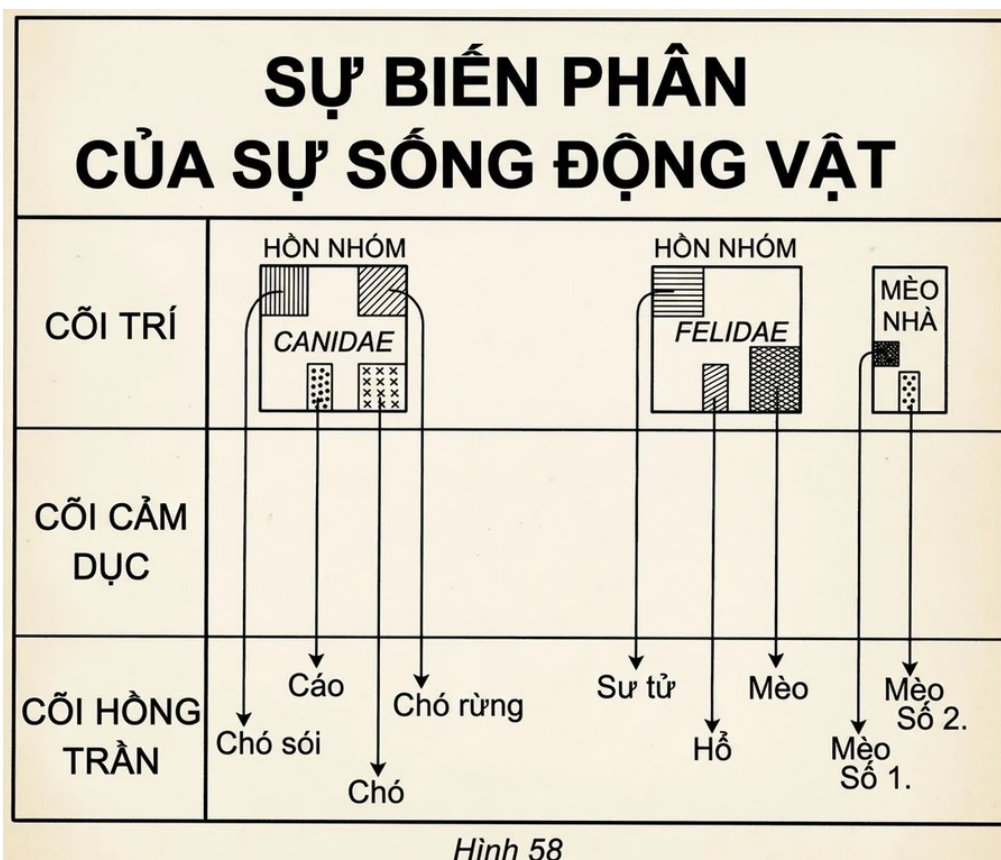
We must now understand how the animal life differentiates itself in its progress to individualization. If we consider any group-soul, such as, for instance, the Canine (Fig. 58), we shall first note that its group-soul exists on the mental plane.

Các Ngài trong suốt các thời đại, nhưng loại hình cuối cùng đã ở trước Các Ngài ngay từ đầu.

Cuộc đấu tranh sinh tồn là phương pháp được Các Nhà Kiến Tạo áp dụng cho các sinh vật sống, để tìm ra những sinh vật nào trong số chúng sẽ phát triển, trong cuộc đấu tranh đó, những sự thích nghi vốn xây dựng các loại hình dần dần xấp xỉ với các Nguyên Mẫu. Cần phải nhớ rằng, trong cái chết của bất kỳ sinh vật nào, sự sống của nó không bị tiêu tan vào hư không; sự sống đó, với những kinh nghiệm của nó, trở về với hồn nhóm của nó, và từ đó phát ra sau này để cư ngụ trong một hình tướng khác. Do đó, khi chúng ta thấy rằng trong số một trăm hạt giống có lẽ chỉ có một hạt tìm thấy đất để nảy mầm, và chín mươi chín hạt bị lãng phí, thì sự lãng phí đó chỉ là bề ngoài, vì sự sống của chín mươi chín hạt “không phù hợp” xuất hiện ở một thể hệ sau như là hậu duệ của một hạt “phù hợp”.

Với nguyên tắc này trước mắt về tính bất hoại của Sự Sống, Các Nhà Kiến Tạo sắp xếp cho một cuộc đấu tranh sinh tồn gay gắt trong giới thực vật và động vật. Phương pháp này, vốn mang lại sự tàn bạo khốc liệt trong tự nhiên hữu hình, nhưng ở mặt vô hình của nó lại có một sự hợp tác thân thiện nhất giữa Các Nhà Kiến Tạo vốn đang chỉ đạo sự tăng trưởng của các hình tướng đối địch. Tất cả Các Ngài chỉ có một mục tiêu, đó là thực hiện Thiên Ý, vốn đặt trước Các Ngài các Nguyên Mẫu vốn phải được tái tạo trong quá trình tiến hóa của các hình tướng.

Bây giờ chúng ta phải hiểu sự sống động vật tự phân hóa như thế nào trong quá trình tiến tới biệt ngã hóa. Nếu chúng ta xem xét bất kỳ hồn nhóm nào, chẳng hạn như, ví dụ, nhóm Chó (Hình 58), trước tiên chúng ta sẽ lưu ý rằng hồn nhóm của nó tồn tại trên cõi trí.



Let us presume that it puts out expressions of itself in Canine forms in different parts of the world. The differences of climate and other variations in environment will draw out of the individuals' differences of response, according to the part of the world where the life of each is manifest; each individual in a country will, as it dies, take back to the group-soul a particular type of experience and tendency. As time passes and these experiences accumulate, there will arise in the group-soul different nuclei, each segregating particular experiences and tendencies. If we think of an experience as a rate of vibration in the indwelling life, then, where in one mass two rates of vibration are produced, there will be a tendency for the mass to divide, just as a glass cracks when boiling water is poured into it, because the rate of vibration of the inner particles is suddenly made more rapid than that of the outer particles. Similarly we shall

Chúng ta hãy cho rằng nó đưa ra những biểu hiện của chính nó trong các hình tượng Chó ở các vùng khác nhau trên thế giới. Sự khác biệt về khí hậu và các biến thể khác trong môi trường sẽ rút ra khỏi những cá thể những khác biệt về phản ứng, tùy theo phần nào của thế giới mà sự sống của mỗi cá thể được biểu hiện; mỗi cá thể ở một quốc gia, khi chết đi, sẽ mang trở lại hồn nhóm một loại kinh nghiệm và khuynh hướng cụ thể. Khi thời gian trôi qua và những kinh nghiệm này tích lũy, sẽ có những hạt nhân khác nhau nảy sinh trong hồn nhóm, mỗi hạt nhân phân tách những kinh nghiệm và khuynh hướng cụ thể. Nếu chúng ta nghĩ về một kinh nghiệm như một tốc độ rung động trong sự sống nội tại, thì, ở nơi mà hai tốc độ rung động được tạo ra trong một khối duy nhất, sẽ có xu hướng khối đó phân chia, giống như một chiếc ly bị nứt khi nước sôi được đổ vào, vì tốc độ rung động của các hạt bên trong đột nhiên trở nên nhanh hơn tốc độ rung động

find that, after several generations, the Canine group-soul will subdivide into specialized group-souls of wolves, foxes, dogs, jackals and other varieties. Similarly, the Feline group-soul (Fig. 58) will divide, following specializations of experience, into smaller group-souls of lions, tigers, cats, etc. In fact, just as genera subdivide into families, so too does the group-soul slowly divide itself into smaller and smaller group-souls containing more and more specialized characteristics and tendencies.

In this process of the subdivision of the group-soul, we shall come to a point when a highly specialized small group-soul will be the indwelling life of only a small number of physical forms; when this happens, and when the forms can be brought under the influence of man, the transition from the animal to the human becomes possible, and individualization is near.

If, for instance, we consider the original Feline group-soul, we shall, in the course of time, have a small group-soul which energizes one highly specialized breed of domestic cats (Fig. 58); at this stage individualization is possible. If we consider two cats, No. 1 and No. 2, we may presume that their experiences will vary; we will presume that cat No.1 finds a home where he is appreciated and much interest and affection are lavished upon him, and that cat No.2 is born in another home where he is relegated to the kitchen and banished from the drawing-room. Cat No.1, in his favorable environment, will begin to respond to the high rates of vibration impinging upon him from the thoughts and feelings of his master or mistress; and even before his death, this will bring about such a specialization in the little group-soul that that part of the group-soul which stands as the soul of Cat No.1 will

của các hạt bên ngoài. Tương tự, chúng ta sẽ thấy rằng, sau nhiều thế hệ, hồn nhóm Chó sẽ phân chia thành các hồn nhóm chuyên biệt của chó sói, cáo, chó nhà, chó rừng và các giống khác. Tương tự, hồn nhóm Mèo (Hình 58) sẽ phân chia, theo sau những chuyên môn hóa về kinh nghiệm, thành các hồn nhóm nhỏ hơn của sư tử, hổ, mèo, v.v. Trên thực tế, giống như các chi phân chia thành các họ, hồn nhóm cũng từ từ tự phân chia thành các hồn nhóm nhỏ hơn và nhỏ hơn chứa đựng ngày càng nhiều các đặc điểm và khuynh hướng chuyên biệt.

Trong quá trình phân chia hồn nhóm này, chúng ta sẽ đến một điểm khi một hồn nhóm nhỏ chuyên biệt cao độ sẽ là sự sống nội tại của chỉ một số lượng nhỏ các hình tướng thể xác; khi điều này xảy ra, và khi các hình tướng có thể được đưa vào dưới ảnh hưởng của con người, thì sự chuyển đổi từ động vật sang con người trở nên khả thi, và sự biệt ngã hóa đã đến gần.

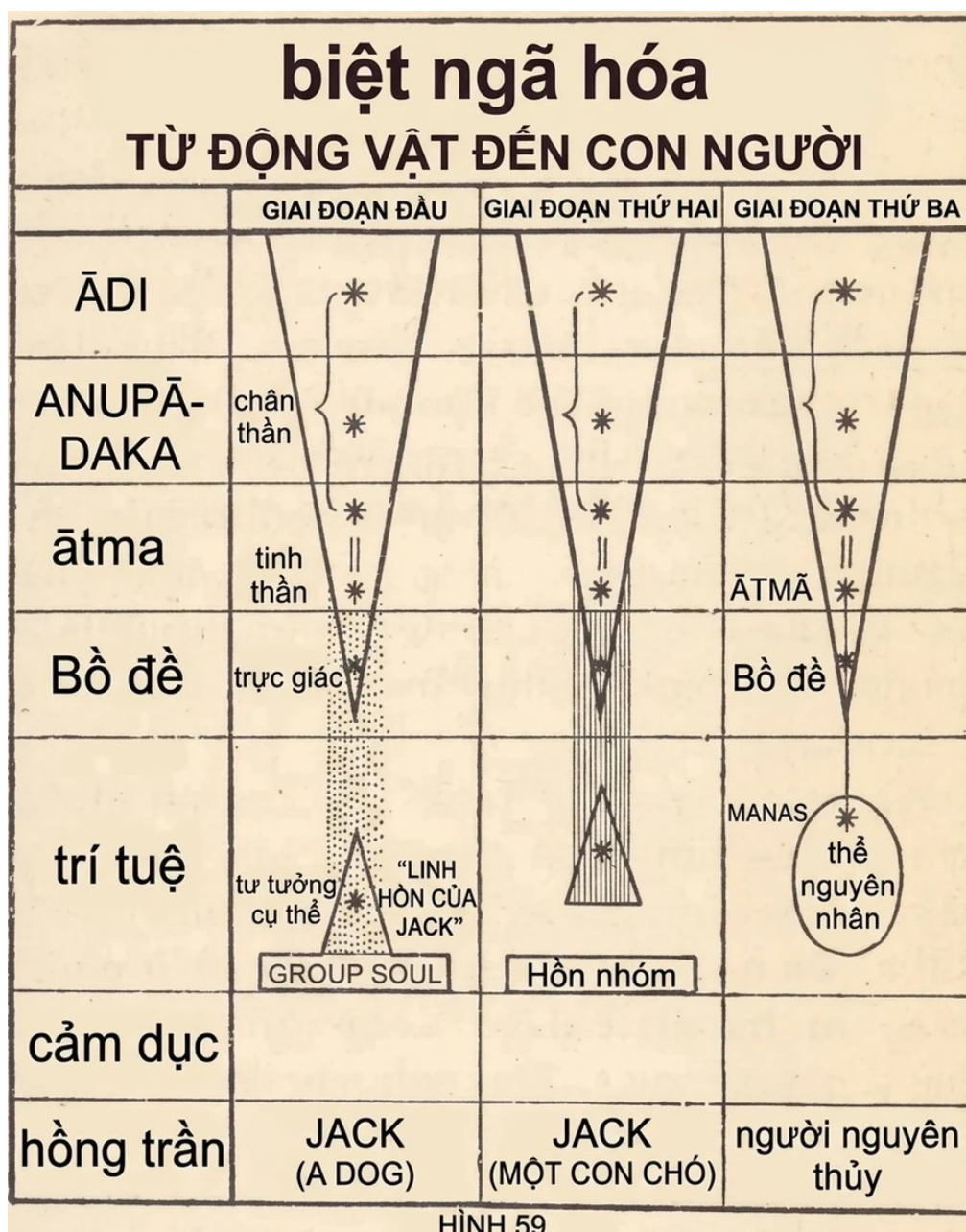
Ví dụ, nếu chúng ta xem xét hồn nhóm Mèo ban đầu, thì theo thời gian, chúng ta sẽ có một hồn nhóm nhỏ vốn tiếp sinh lực cho một giống mèo nhà chuyên biệt cao độ (Hình 58); ở giai đoạn này, sự biệt ngã hóa là khả thi. Nếu chúng ta xem xét hai con mèo, Số 1 và Số 2, chúng ta có thể cho rằng kinh nghiệm của chúng sẽ khác nhau; chúng ta sẽ cho rằng mèo Số 1 tìm thấy một ngôi nhà nơi nó được đánh giá cao và nhiều sự quan tâm và tình cảm được dành cho nó, và mèo Số 2 được sinh ra trong một ngôi nhà khác nơi nó bị đẩy xuống bếp và bị trục xuất khỏi phòng khách. Mèo Số 1, trong môi trường thuận lợi của nó, sẽ bắt đầu đáp ứng với các tốc độ rung động cao tác động lên nó từ những tư tưởng và cảm xúc của chủ nhân của nó; và ngay cả trước khi nó chết, điều này sẽ mang lại một sự chuyên môn hóa trong hồn nhóm nhỏ đến mức phần hồn nhóm vốn đóng vai trò là linh hồn của Mèo Số 1 sẽ tách ra

break off from the rest of the group-soul. In the case of Cat No. 2, the life in him, when he dies, will return to the group-soul, there to mingle with all the other returning lives.

When Cat No. 1 has so separated himself during life from his group-soul, the further stages of individualization can be understood from the next diagram (Fig. 59).

khỏi phần còn lại của hồn nhóm. Trong trường hợp Mèo Số 2, sự sống trong nó, khi nó chết, sẽ trở về hồn nhóm, ở đó để hòa nhập với tất cả những sự sống trở về khác.

Khi Mèo Số 1 đã tự tách mình ra khỏi hồn nhóm của nó trong suốt cuộc đời, các giai đoạn biệt ngã hóa tiếp theo có thể được hiểu từ sơ đồ tiếp theo (Hình 59).



The animal taken into consideration is, however, not a cat, but a dog, “Jack”. Jack was a fox terrier of pedigree who was most devoted to his master and mistress, and also a great friend of the writer. If we look at our diagram and imagine the group-soul, with Jack in it before he came to his master, as a rectangle, then the special affection lavished on Jack will have the effect, which is shown in the diagram, of drawing up that part of the group-soul which is Jack into a cone that rises upwards. The amount of mental matter, which stands as the “Soul of Jack”, then slowly separates itself from the rest of the mental matter making up the group-soul, as shown in the third column of the diagram.

Now this specialization of Jack out of the dog-group-soul is due, not only to the higher vibrations sent towards him from Jack’s master, mistress and friends, but also to the fact that a Monad, “a Fragment of Divinity”, is seeking to form an Ego or Soul in order to begin his human pilgrimage. This Monad long ago attached to himself an atom of each of the planes as a center on that plane, as an “earnest” deposited in advance with a view to his future work. These “permanent atoms” of his were sent out into the elemental, mineral, vegetable and animal group-souls in succession, there to receive whatever experiences they could. When the “permanent atoms find themselves in touch with a highly specialized part of the animal group-soul, like the “soul of Jack”, then the Monad sends down from his high plane certain influences, in response to the outer work done for the “soul of Jack” by his human friends. These influences are symbolized in our diagram as the force from the Monad sprayed on the “soul of Jack”. The Monad is symbolized in the diagram as the upper inverted cone, and each star in that cone represents the quality which the Monad is manifesting on each of the

Tuy nhiên, con vật được xem xét không phải là mèo, mà là chó, “Jack”. Jack là một con chó sục lông cáo có phẩm hệ vốn rất tận tụy với chủ nhân của nó, và cũng là một người bạn tuyệt vời của nhà văn. Nếu chúng ta nhìn vào sơ đồ của chúng ta và hình dung hồn nhóm, với Jack ở trong đó trước khi nó đến với chủ nhân của nó, như một hình chữ nhật, thì tình cảm đặc biệt dành cho Jack sẽ có tác dụng, vốn được thể hiện trong sơ đồ, là kéo phần hồn nhóm vốn là Jack thành một hình nón hướng lên trên. Lượng vật chất trí tuệ, vốn đóng vai trò là “Linh Hồn của Jack”, sau đó từ từ tách ra khỏi phần còn lại của vật chất trí tuệ tạo nên hồn nhóm, như được thể hiện trong cột thứ ba của sơ đồ.

Sự chuyên môn hóa của Jack ra khỏi hồn nhóm chó này là do, không chỉ những rung động cao hơn được gửi đến nó từ chủ nhân, bà chủ và bạn bè của Jack, mà còn do thực tế là một Chân Thần, “một Mảnh Thiêng Liêng”, đang tìm cách hình thành một Chân Ngã hay Linh Hồn để bắt đầu cuộc hành hương nhân loại của Ngài. Chân Thần này từ lâu đã gắn vào mình một nguyên tử của mỗi cõi như một trung tâm trên cõi đó, như một “vật bảo đảm” được ký gửi trước để xem xét công việc tương lai của Ngài. Những “nguyên tử trường tồn” này của Ngài đã được gửi vào các hồn nhóm hành khí, kim thạch, thực vật và động vật liên tiếp, ở đó để nhận bất cứ kinh nghiệm nào mà chúng có thể. Khi các “nguyên tử trường tồn” thấy mình tiếp xúc với một phần chuyên biệt cao độ của hồn nhóm động vật, như “linh hồn của Jack”, thì Chân Thần gửi xuống từ cõi cao của Ngài những ảnh hưởng nhất định, để đáp ứng với công việc bên ngoài được thực hiện cho “linh hồn của Jack” bởi những người bạn nhân loại của nó. Những ảnh hưởng này được tượng trưng trong sơ đồ của chúng ta như là mảnh lực từ Chân Thần phun lên “linh hồn của Jack”. Chân Thần được tượng trưng trong sơ đồ như hình nón ngược phía trên, và mỗi ngôi sao

planes of his activity.

When the “soul of Jack”, as a result of the stronger and more divine radiations from the Monad, breaks off from the group-soul, Jack is still a dog to outer appearance, but he is really at an intermediate stage, as he certainly is not dog nor yet man. This stage is illustrated in the third column of the diagram. The next stage, illustrated in the last column of the diagram, is when, as a result of the increased outpouring from the higher planes by the Monad, the Causal Body is made.

What happens can only be described by a simile; if we imagine that the “soul of Jack” which in the third column is represented by the lower cone, is like a volume of watery vapor of no precise shape or coherence; if we then think of all this vapor as being condensed into a drop; if we then imagine that into the drop air is blown and a bubble is created; then this is something like what happens to the “soul of Jack” when the Monad descends and creates a causal body. A divine afflatus, which is the energy of the Monad, pours into the mental matter which has stood to Jack as his little soul. The mental matter rearranges itself into a causal body, to become the vehicle of this “Son in the Bosom of the Father” who has descended to become a human soul.

It should here be clearly noted that, in this process of individualization, the animal does not become the human in the same way that the vegetable evolves into the animal; at individualization, all that has been for ages the animal becomes now the *vehicle* to hold a

trong hình nón đó đại diện cho phẩm chất mà Chân Thần đang biểu hiện trên mỗi cõi hoạt động của Ngài.

Khi “linh hồn của Jack”, do kết quả của những bức xạ mạnh mẽ hơn và thiêng liêng hơn từ Chân Thần, tách ra khỏi hồn nhóm, Jack vẫn là một con chó về bề ngoài, nhưng nó thực sự đang ở một giai đoạn trung gian, vì nó chắc chắn không phải là chó cũng không phải là người. Giai đoạn này được minh họa trong cột thứ ba của sơ đồ. Giai đoạn tiếp theo, được minh họa trong cột cuối cùng của sơ đồ, là khi, do kết quả của sự tuôn đổ gia tăng từ các cõi cao hơn bởi Chân Thần, Thể Nguyên Nhân được tạo ra.

Những gì xảy ra chỉ có thể được mô tả bằng một phép so sánh; nếu chúng ta hình dung rằng “linh hồn của Jack” vốn trong cột thứ ba được đại diện bởi hình nón phía dưới, giống như một khối hơi nước không có hình dạng hay sự gắn kết chính xác; nếu sau đó chúng ta nghĩ về tất cả hơi nước này như đang được ngưng tụ thành một giọt; nếu sau đó chúng ta hình dung rằng không khí được thổi vào giọt đó và một bong bóng được tạo ra; thì điều này có phần giống với những gì xảy ra với “linh hồn của Jack” khi Chân Thần giáng xuống và tạo ra một thể nguyên nhân. Một luồng sinh khí thiêng liêng, vốn là năng lượng của Chân Thần, đổ vào vật chất trí tuệ vốn đã đóng vai trò là linh hồn nhỏ bé của Jack. Vật chất trí tuệ tự sắp xếp lại thành một thể nguyên nhân, để trở thành vận cụ của “Con trong Lòng Cha” này, vốn đã giáng xuống để trở thành một linh hồn nhân loại.

Ở đây cần lưu ý rõ ràng rằng, trong quá trình biệt ngã hóa này, động vật không trở thành con người theo cùng một cách mà thực vật tiến hóa thành động vật; tại thời điểm biệt ngã hóa, tất cả những gì đã từng là động vật trong nhiều thời đại giờ đây trở thành vận cụ để chứa đựng

fragment of Divinity, the Monad, who has descended from above.

This Monad cannot make an Ego with a Causal Body until all the previous stages have been achieved, of experience in the animal and preceding kingdoms; but, while he utilizes what the animal kingdom has prepared for him, he is in reality an utterly different stream of energy and consciousness of the Divine Life from what is found in kingdoms lower than man. That is why there is an infinite gap in evolution between the highest anthropoid ape and the youngest individualized soul; in the latter is the life of a Monad, in the former we have as yet only the higher manifestations of animal life.

From the time that the “soul of Jack” separates itself from his dog-group-soul, he has in reality ceased to be a dog, though he still has a dog’s form. From this point of separation up to the actual formation of the causal body, there are several stages of transformation. These stages can be hastened by the proper understanding by men of the process of individualization, so that our animal friends may pass swiftly to the reception of that Divine Outpouring which makes of each a Soul of Man.

One of the greatest privileges in life which men have is to cooperate with the Divine Plan in hastening the individualization of the higher animals; but it is a privilege which, through ignorance, only a few are ready to accept today. Most people now take for granted that animals exist only to serve men’s purposes; though animals are indeed intended to give us their strength and intelligence to help us in the development of our civilizations, yet they exist not primarily for

một mảnh Thiêng Liêng, Chân Thần, vốn đã giáng xuống từ trên cao.

Chân Thần này không thể tạo ra một Chân Ngã với một Thể Nguyên Nhân cho đến khi tất cả các giai đoạn trước đó đã đạt được, về kinh nghiệm trong giới động vật và các giới trước đó; nhưng, trong khi Ngài sử dụng những gì giới động vật đã chuẩn bị cho Ngài, thì Ngài thực sự là một dòng năng lượng và tâm thức hoàn toàn khác của Sự Sống Thiêng Liêng so với những gì được tìm thấy trong các giới thấp hơn con người. Đó là lý do tại sao có một khoảng cách vô hạn trong quá trình tiến hóa giữa loài vượn hình người cao nhất và linh hồn biệt ngã hóa trẻ nhất; trong linh hồn sau có sự sống của một Chân Thần, trong linh hồn trước chúng ta vẫn chỉ có những biểu hiện cao hơn của sự sống động vật.

Kể từ thời điểm “linh hồn của Jack” tách khỏi hồn nhóm chó của nó, nó thực sự đã không còn là một con chó nữa, mặc dù nó vẫn có hình dạng của một con chó. Từ điểm tách biệt này cho đến khi hình thành thực tế của thể nguyên nhân, có một số giai đoạn biến đổi. Những giai đoạn này có thể được đẩy nhanh bằng sự thấu hiểu đúng đắn của con người về quá trình biệt ngã hóa, để những người bạn động vật của chúng ta có thể nhanh chóng chuyển sang tiếp nhận Sự Tuôn Đổ Thiêng Liêng vốn tạo ra mỗi người một Linh Hồn của Con Người.

Một trong những đặc ân lớn nhất trong cuộc sống mà con người có là hợp tác với Thiên Cơ trong việc đẩy nhanh sự biệt ngã hóa của các loài động vật cao hơn; nhưng đó là một đặc ân mà, do thiếu hiểu biết, chỉ có một số ít sẵn sàng chấp nhận ngày nay. Hầu hết mọi người hiện nay đều coi việc động vật tồn tại chỉ để phục vụ mục đích của con người là điều hiển nhiên; mặc dù động vật thực sự được dự định để cho chúng ta sức mạnh và trí thông minh của chúng để giúp chúng ta trong sự phát triển các

men, but to fulfil their own purposes in the Divine Plan. In our dealings with animals, we have to remember that, while they give us their strength, yet our first duty is to see that they develop in such ways as hasten their individualization. In these days, we train the intelligence of horses to take pride in speed, that of dogs to develop their cunning in hunting, that of cats to be “good mousers”. All this is utterly wrong, for the animals are brought into touch with man to have their savage instincts weaned out of them, and to have the higher human attributes called out of them. Each action of man, which utilizes the mere cunning of the animal to gratify man’s desires, is so much injury done to the evolving animal life. We have yet to learn that, while our superior intelligence and control of nature’s forces give us a control of the animal kingdom, yet that control has to be exercised for the benefit of the animal kingdom, and not for our own.

nền văn minh của chúng ta, nhưng chúng tồn tại không chủ yếu vì con người, mà để hoàn thành các mục đích riêng của chúng trong Thiên Cơ. Trong cách chúng ta đối xử với động vật, chúng ta phải nhớ rằng, trong khi chúng cho chúng ta sức mạnh của chúng, thì bổn phận đầu tiên của chúng ta là phải xem xét rằng chúng phát triển theo những cách đầy nhanh sự biệt ngã hóa của chúng. Trong những ngày này, chúng ta huấn luyện trí thông minh của ngựa để tự hào về tốc độ, của chó để phát triển sự xảo quyệt của chúng trong việc săn bắn, của mèo để trở thành “những kẻ bắt chuột giỏi”. Tất cả điều này là hoàn toàn sai trái, vì động vật được đưa vào tiếp xúc với con người để những bản năng man rợ của chúng bị loại bỏ, và để những thuộc tính nhân loại cao hơn được kêu gọi từ chúng. Mỗi hành động của con người, vốn sử dụng sự xảo quyệt đơn thuần của động vật để thỏa mãn ham muốn của con người, là rất nhiều tổn thương gây ra cho sự sống động vật đang tiến hóa. Chúng ta vẫn chưa học được rằng, trong khi trí thông minh vượt trội và khả năng kiểm soát các lực lượng tự nhiên của chúng ta cho phép chúng ta kiểm soát giới động vật, thì sự kiểm soát đó phải được thực hiện vì lợi ích của giới động vật, chứ không phải vì lợi ích của chúng ta.

CHƯƠNG VIII

THE WORK OF THE TRIPLE LOGOS—CÔNG VIỆC CỦA BA Đấng THƯỢNG ĐẾ

Each system of thought worthy of the name Philosophy has in it many elements which cannot be tested by the limited intelligence of man. Man's experiences deal mainly with a world interpreted for him by his five senses; even such faculties of the imagination as he has are largely circumscribed by these experiences. When, therefore, a philosophy tells of the beginnings of things, or unveils a panorama of past or future events, no man can judge of its truth by the standard of his own experiences.

This is the case with some of the teachings of modern science; when science tells us that all the planets and the sun once formed a nebula, we can logically infer it by observing the many nebulae existing in the heavens, but we should be certain of it only if we were to see the original nebula, and watch its process of division into sun and planets. When science tells us of the evolutionary process, of the building of molecules into protoplasm, and of protoplasm into man, through definite stages of a ladder of evolution, we accept the account, not because we can prove it to be true, but because our acceptance of it makes our intellectual life more vital and fruitful. Logically, if the test of truth were only man's own experiences, he should put aside every statement of science or philosophy which, for him, is outside the range of possible experience. But, on the other hand, he would lose thereby most of his present intellectual poise and imaginative vigor.

Mỗi hệ tư tưởng xứng đáng với danh xưng Triết học đều chứa đựng nhiều yếu tố mà trí thông minh hữu hạn của con người không thể kiểm chứng được. Những trải nghiệm của con người chủ yếu liên quan đến một thế giới được diễn giải cho y bởi năm giác quan của y; ngay cả những khả năng tưởng tượng mà y có cũng phần lớn bị giới hạn bởi những trải nghiệm này. Vì vậy, khi một triết lý nói về sự khởi đầu của mọi thứ, hoặc hé lộ một bức tranh toàn cảnh về các sự kiện trong quá khứ hoặc tương lai, không ai có thể đánh giá tính đúng đắn của nó bằng tiêu chuẩn kinh nghiệm của chính mình.

Đây là trường hợp của một số giáo lý khoa học hiện đại; khi khoa học cho chúng ta biết rằng tất cả các hành tinh và mặt trời đã từng tạo thành một tinh vân, chúng ta có thể suy luận một cách hợp lý bằng cách quan sát nhiều tinh vân tồn tại trên bầu trời, nhưng chúng ta sẽ chắc chắn về điều đó chỉ khi chúng ta nhìn thấy tinh vân ban đầu và quan sát quá trình phân chia của nó thành mặt trời và các hành tinh. Khi khoa học cho chúng ta biết về quá trình tiến hóa, về việc xây dựng các phân tử thành chất nguyên sinh và chất nguyên sinh thành con người, thông qua các giai đoạn xác định của một bậc thang tiến hóa, chúng ta chấp nhận lời giải thích, không phải vì chúng ta có thể chứng minh nó là đúng, mà vì sự chấp nhận của chúng ta về nó làm cho đời sống trí tuệ của chúng ta trở nên sống động và hiệu quả hơn. Về mặt logic, nếu bài kiểm tra về sự thật chỉ là kinh nghiệm của chính con người, y nên gạt bỏ mọi tuyên bố của khoa học hoặc triết học mà đối với y, nằm ngoài phạm vi kinh nghiệm có thể có. Nhưng, mặt khác, y sẽ mất đi phần lớn sự cân bằng trí tuệ và nghị lực

It is only as a man is continually imaginative, that he transcends the limitations which a perishable body imposes upon his sense of individuality. The larger is a man's intellectual horizon, the more powerful is his imagination, and the combined result of both makes him more forceful in his environment. Since the sum total of any philosophy, in terms of conduct, is to give us more power to change our environment, philosophical ideas are essential for our life, even though at any particular moment it may be beyond our capabilities to test their truth.

When a man is confronted by philosophical ideas which deal with subjects outside his experience, he can survey them as a whole, and accept them only in so far as they appeal to his sense of the fitness of things. If the intellectual edifice which a philosophy provides for him proves not only sound but also inspiring, and if all the facts of which he is aware: find logical and harmonious place in that dwelling, he may as well accept that philosophy to live by as any other. Exactly this, no more but no less, can be said of those particular Theosophical ideas which form this chapter and the next; while they are not likely to be personally proved for many a life by the average inquirer, nevertheless they offer to the mind a conception of life which is attractive to man's reason and inspiring to his imagination.

1. The Divine Wisdom tells us that the universe with its myriads of stars is the expression of a Conscious Life, called variously God, Isvara, Ahura Mazda, Allah, or the Logos. This One Life is, we are told, a

tượng tượng hiện tại của mình.

Chỉ khi một người liên tục giàu trí tưởng tượng, y mới vượt qua được những giới hạn mà một thể xác dễ hư hoại áp đặt lên ý thức về cá tính của y. Chân trời trí tuệ của một người càng lớn, trí tưởng tượng của y càng mạnh mẽ và kết quả kết hợp của cả hai khiến y trở nên mạnh mẽ hơn trong môi trường của mình. Vì tổng số của bất kỳ triết lý nào, về mặt hành vi, là mang lại cho chúng ta nhiều quyền lực hơn để thay đổi môi trường của mình, nên những ý tưởng triết học là điều cần thiết cho cuộc sống của chúng ta, ngay cả khi tại một thời điểm cụ thể nào đó, chúng ta không có khả năng kiểm tra tính đúng đắn của chúng.

Khi một người đối mặt với những ý tưởng triết học đề cập đến các chủ đề nằm ngoài kinh nghiệm của y, y có thể khảo sát chúng như một tổng thể và chỉ chấp nhận chúng trong chừng mực chúng hấp dẫn ý thức của y về sự phù hợp của mọi thứ. Nếu công trình trí tuệ mà một triết lý cung cấp cho y không chỉ tỏ ra vững chắc mà còn đầy cảm hứng, và nếu tất cả các sự kiện mà y nhận thức được: tìm thấy một vị trí hợp lý và hài hòa trong ngôi nhà đó, y cũng có thể chấp nhận triết lý đó để sống theo như bất kỳ triết lý nào khác. Chính xác điều này, không hơn không kém, có thể được nói về những ý tưởng Thông Thiên Học cụ thể tạo nên chương này và chương tiếp theo; mặc dù chúng không có khả năng được chứng minh một cách cá nhân trong nhiều kiếp bởi một người tìm hiểu trung bình, nhưng chúng vẫn mang đến cho thể trí một quan niệm về cuộc sống hấp dẫn lý trí của con người và truyền cảm hứng cho trí tưởng tượng của y.

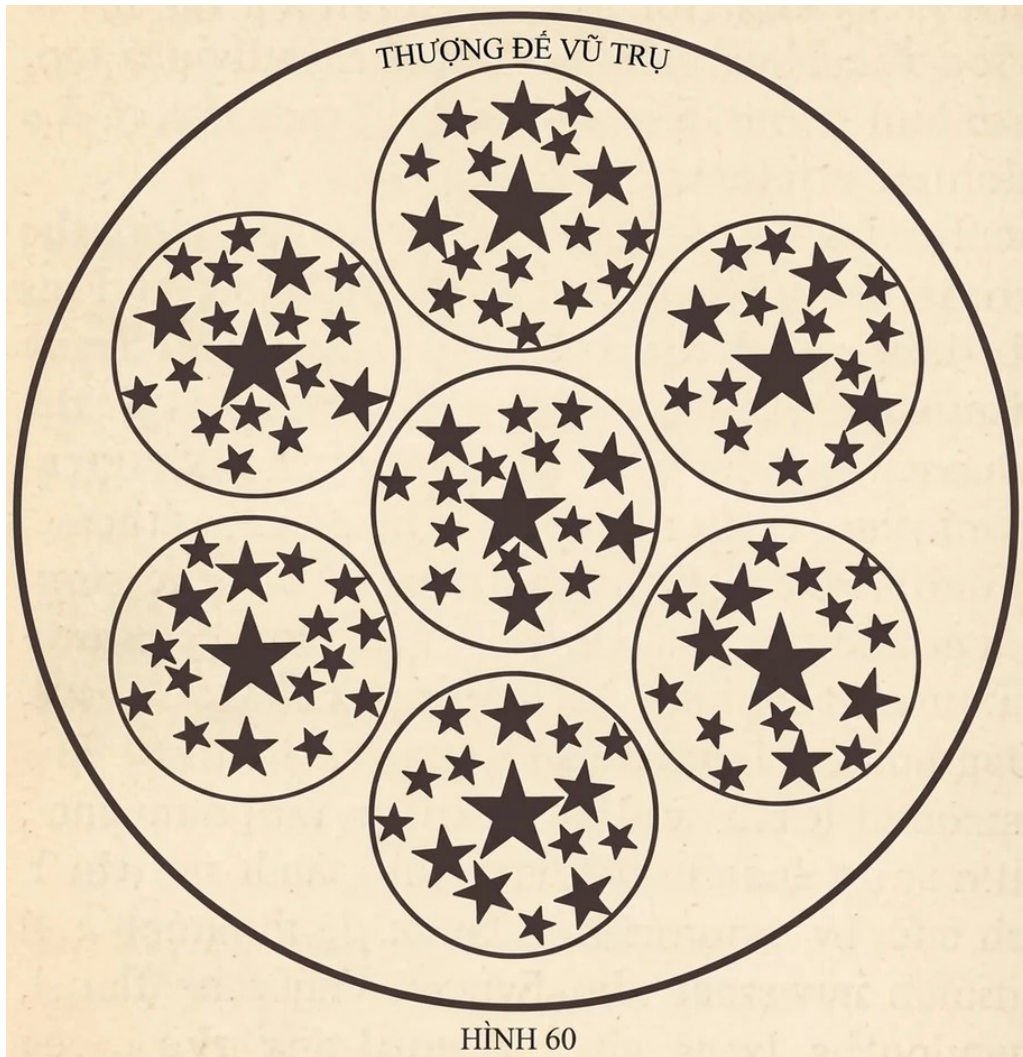
1. Minh Triết Thiên Liêng cho chúng ta biết rằng vũ trụ với vô số ngôi sao là sự biểu hiện của một Sự Sống Tâm Thức, được gọi bằng nhiều tên khác nhau là Thượng đế, Isvara, Ahura Mazda, Allah, hoặc Thượng Đế. Chúng

Person but He transcends all the limitations which necessarily are associated with our ideas of Personality. We are told that this Cosmic Logos is ever a Unity, "One without a second" (*ekam advitiyam*); nevertheless, as He energizes a universe, He energizes it as a Trinity of three fundamental modes of manifestation. God as a Trinity is described in Hinduism as Brahma the Creator, Vishnu the Preserver, and Shiva the Destroyer; in Christianity the Trinity is stated as God the Father, God the Son, and God the Holy Ghost. In other religions too, we find names for the trinitarian modes of the divine activities.

2. Associated with the work in the universe of the Cosmic Logos are seven Embodiments of His Nature, called the Seven Cosmic Planetary Logoi. All the stars in the universe, each of which is the center of a great evolutionary system, belong to one or other of these great Seven, and are in some way expressions of Their life, as They in turn are expressions of the One Life of the Cosmic Logos. Fig. 60 is an attempt to symbolize the Primordial One and His seven Embodiments; the seven small circles, within each of which should be innumerable stars, both great and small, represent the Seven Planetary Logoi, while the large circle, embracing the seven small circles, represents the Cosmic Logos.

ta được cho biết rằng Sự Sống Duy Nhất này là một Ngôi Vị nhưng Ngài vượt qua mọi giới hạn vốn nhất thiết phải liên kết với những ý niệm của chúng ta về Ngôi Vị. Chúng ta được cho biết rằng Thái dương Thượng đế này luôn là một Sự Hợp Nhất, "Duy Nhất không có thứ hai" (*ekam advitiyam*); tuy nhiên, khi Ngài tiếp sinh lực cho một vũ trụ, Ngài tiếp sinh lực cho nó như một Tam Vị của ba phương thức biểu hiện cơ bản. Thượng đế như một Tam Vị được mô tả trong Ấn Độ giáo là Brahma Đấng Sáng Tạo, Vishnu Đấng Bảo Tồn và Shiva Đấng Hủy Diệt; trong Cơ đốc giáo, Tam Vị được tuyên bố là Thượng đế Cha, Thượng đế Con và Thượng đế Chúa Thánh Thần. Trong các tôn giáo khác, chúng ta cũng tìm thấy những cái tên cho các phương thức tam vị của các hoạt động thiêng liêng.

2. Liên kết với công việc trong vũ trụ của Thái dương Thượng đế là bảy Hiện Thân Bản Chất của Ngài, được gọi là Bảy Hành Tinh Thượng đế Vũ Trụ. Tất cả các ngôi sao trong vũ trụ, mỗi ngôi sao là trung tâm của một hệ thống tiến hóa vĩ đại, thuộc về một hoặc một trong bảy Đấng vĩ đại này, và bằng cách nào đó là sự biểu hiện của sự sống của Các Ngài, đến lượt Các Ngài là sự biểu hiện của Sự Sống Duy Nhất của Thái dương Thượng đế. Hình 60 là một nỗ lực để tượng trưng cho Đấng Nguyên Thủy Duy Nhất và bảy Hiện Thân của Ngài; bảy vòng tròn nhỏ, bên trong mỗi vòng tròn phải có vô số ngôi sao, cả lớn và nhỏ, đại diện cho Bảy Hành Tinh Thượng đế, trong khi vòng tròn lớn, bao trùm bảy vòng tròn nhỏ, đại diện cho Thái dương Thượng đế.



3. In all this vast splendor of universal life, the Lord of our Solar System, the Solar Logos, exists. As a Star, as the Lord of a System among the myriads of stars, He lives and moves and has His Being in His Father-Star, one of the great Seven; yet He mirrors directly the Life and Light and Glory of the “One without a second”. What is the special purpose which the Solar Logos, with the Brother-Stars of His Company, fulfils in the growth of the Universe, who can tell? But this at least is sure, that, for us men, He is God, the ultimate of all our thought and imagination, the only God whom we can conceive, because we ourselves are He and none other.

3. Trong tất cả sự huy hoàng rộng lớn này của sự sống vũ trụ, Đức Chúa Tể của Hệ Mặt Trời của chúng ta, Thái dương Thượng đế, tồn tại. Như một Ngôi Sao, như Đức Chúa Tể của một Hệ Thống giữa vô số các ngôi sao, Ngài sống và vận động và có Sự Hiện Hữu của Ngài trong Ngôi Sao Cha của Ngài, một trong bảy Đấng vĩ đại; nhưng Ngài phản ánh trực tiếp Sự Sống và Ánh Sáng và Vinh Quang của “Đấng Duy Nhất không có thứ hai”. Mục đích đặc biệt mà Thái dương Thượng đế, với Các Ngôi Sao Huynh Đệ trong Công Ty của Ngài, hoàn thành trong sự phát triển của Vũ Trụ là gì, ai có thể nói? Nhưng ít nhất điều này là chắc chắn, rằng, đối với chúng ta, những người nam và nữ, Ngài là Thượng đế, là tối thượng của mọi suy nghĩ và

True, we are rooted in the “One without a second”; but we abide in that glory only as seeds within the seed-pod. The action of the Solar Logos is to nourish us till we grow into. Individuality, as the mother nourishes the embryo till it can begin its separate existence as an entity. But for His thinking we could not think, but for His loving we could not love, but for His living we could not live. Our Individualities are fractions of the Total of His Individuality, circles inscribed on the vast sphere of His Being. His field of activity is a vast sphere, whose radius begins with the sun and ends with the last satellite of the farthest planet yet to be discovered. Within this sphere, in “bright-space”, He works, ever impelling His system to reveal more and more of His wondrous nature as the cycles pass, patiently waiting for the Day when all the life of the system which has come forth from Him shall return to Him, conscious of its revealed glory.

4. “As above, so below.” In the image of the Cosmic Logos, the Logos of the solar system is also a Trinity when He energizes His system. He works in three fundamental modes, which are symbolized in the great religions as those of the Creator, the Preserver, and the Destroyer; or the Father, the Son, and the Holy Ghost. In modern Theosophical nomenclature, this triple activity is described as that of the First Logos (Father), the Second Logos (Son), and the Third Logos (Holy Ghost). The First Logos, the Second Logos and the

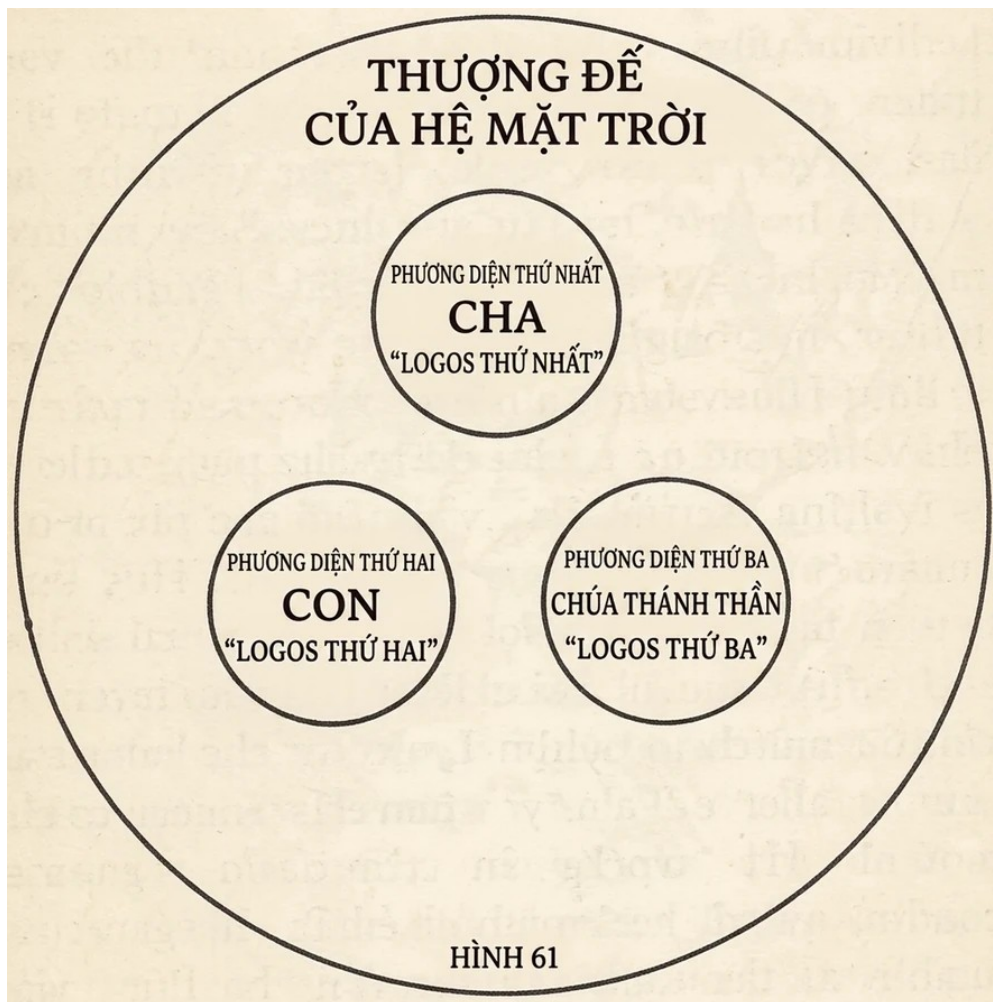
trí tưởng tượng của chúng ta, là Thượng đế duy nhất mà chúng ta có thể hình dung, bởi vì chính chúng ta là Ngài và không ai khác.

Đúng vậy, chúng ta bắt nguồn từ “Đấng Duy Nhất không có thứ hai”; nhưng chúng ta ở trong vinh quang đó chỉ như những hạt giống bên trong vỏ hạt. Hành động của Thái dương Thượng đế là nuôi dưỡng chúng ta cho đến khi chúng ta phát triển thành. Cá Tính, như người mẹ nuôi dưỡng phôi thai cho đến khi nó có thể bắt đầu sự tồn tại riêng biệt như một thực thể. Nhưng nếu không có tư duy của Ngài, chúng ta không thể tư duy, nhưng nếu không có tình yêu của Ngài, chúng ta không thể yêu thương, nhưng nếu không có sự sống của Ngài, chúng ta không thể sống. Các Cá Tính của chúng ta là những phần nhỏ của Tổng Số Cá Tính của Ngài, những vòng tròn được khắc trên quả cầu rộng lớn về Sự Hiện Hữu của Ngài. Lĩnh vực hoạt động của Ngài là một quả cầu rộng lớn, có bán kính bắt đầu từ mặt trời và kết thúc bằng vệ tinh cuối cùng của hành tinh xa nhất vẫn chưa được khám phá. Bên trong quả cầu này, trong “không gian sáng”, Ngài làm việc, không ngừng thúc đẩy hệ thống của Ngài tiết lộ ngày càng nhiều hơn về bản chất kỳ diệu của Ngài khi các chu kỳ trôi qua, kiên nhẫn chờ đợi Ngày mà tất cả sự sống của hệ thống đã xuất phát từ Ngài sẽ trở về với Ngài, ý thức được vinh quang được tiết lộ của nó.

4. “Trên sao, dưới vậy.” Theo hình ảnh của Thái dương Thượng đế, Thượng Đế của hệ mặt trời cũng là một Tam Vị khi Ngài tiếp sinh lực cho hệ thống của Ngài. Ngài làm việc theo ba phương thức cơ bản, được tượng trưng trong các tôn giáo lớn như những phương thức của Đấng Sáng Tạo, Đấng Bảo Tồn và Đấng Hủy Diệt; hoặc Cha, Con và Chúa Thánh Thần. Trong danh pháp Thông Thiên Học hiện đại, hoạt động tam phân này được mô tả là hoạt động của Thượng Đế Thứ Nhất (Cha), Thượng Đế Thứ Hai (Con) và Thượng Đế Thứ Ba (Chúa

Third Logos are but three *Aspects* of the one Solar Logos; while three *in manifestation*, He is yet ever the one indivisible Godhead. (Fig. 61.)

Thánh Thần). Thượng Đế Thứ Nhất, Thượng Đế Thứ Hai và Thượng Đế Thứ Ba chỉ là ba Phương Diện của một Thái dương Thượng đế; trong khi ba trong biểu hiện, Ngài vẫn luôn là Thần Tính duy nhất không thể phân chia. (Hình 61.)

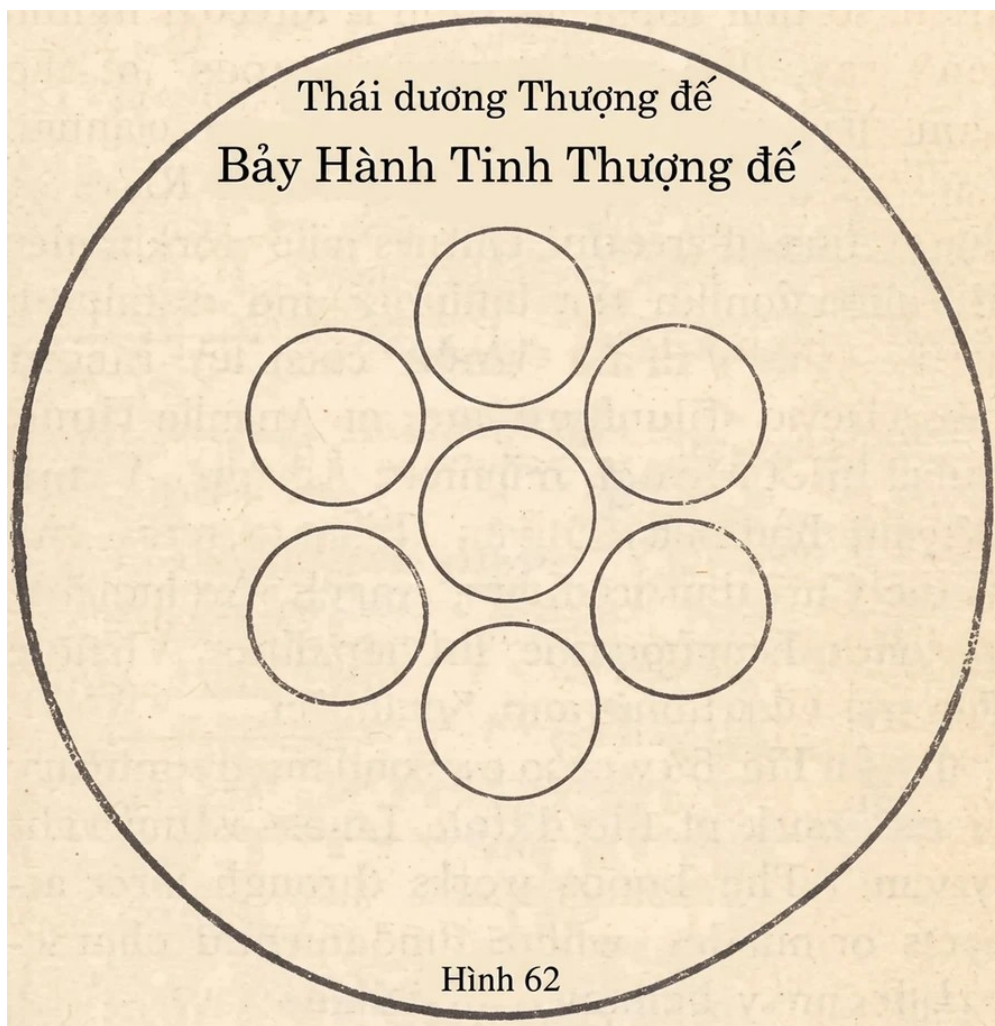


5. “As above, so below.” Associated with “the work of the Logos of our solar system are seven Beings, who are as seven expressions of His Nature, as seven channels of His inexhaustible Life. These Seven are called the Seven Planetary Logoi. (Fig. 62.) In Hinduism They are called the Seven Prajapatis (Lords of Creatures), in Zoroastrianism the Seven Amesha Spentas (Immortal Holy Ones), in the Hebrew and Christian tradition the “Seven

5. “Trên sao, dưới vậy.” Liên kết với “công việc của Thượng Đế của hệ mặt trời của chúng ta là bảy Đấng, vốn là bảy biểu hiện về Bản Chất của Ngài, như bảy kênh dẫn Sự Sống vô tận của Ngài. Bảy Đấng này được gọi là Bảy Hành Tinh Thượng đế. (Hình 62.) Trong Ấn Độ giáo, Các Ngài được gọi là Bảy Prajapati (Chúa Tể của Chúng Sinh), trong Zoroastrianism là Bảy Amesha Spentas (Các Đấng Thánh Bất Tử), trong truyền thống Do Thái và Cơ đốc giáo là

Spirits before the Throne of God.” [Revelation 4:5]

“Bảy Thánh Linh trước Ngai Thượng Đế”. [Khải Huyền 4:5]



The energies of these Seven control and direct all that takes place within the solar system; each of the Seven contributes His typical nature as a vibratory response even to each atom, so that when an atom is affected by the sun's ray, the seven "minor strands" of the atom flash out the seven prismatic colors. Each of the Seven is the Head and Ruler of hierarchies of creative entities who work under His direction in the building and sustaining of the solar system. Under each are ranged those Devas (Shining Ones) or "Angelic Hosts, called in Oriental religions Adityas, Vasus, Phyanis Buddhas, Dhyans Chohans, etc.,

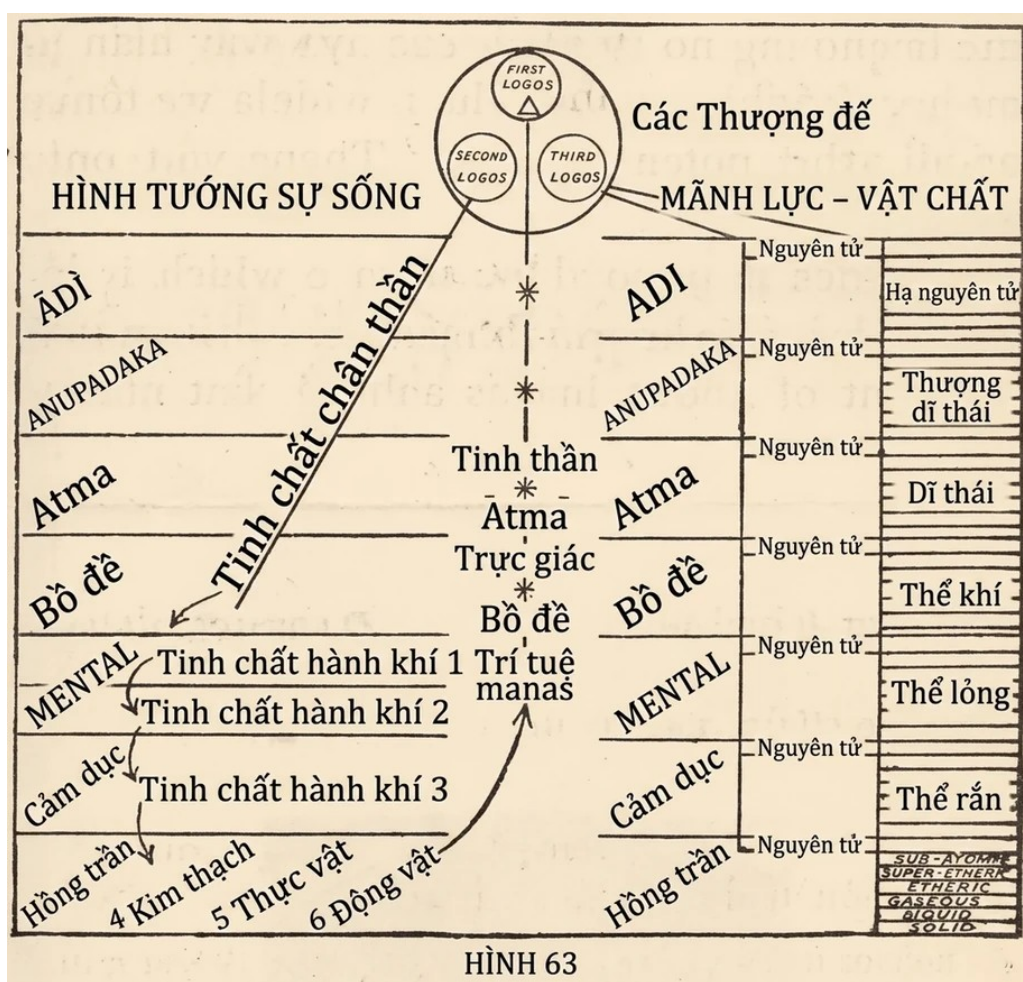
Năng lượng của Bảy Đấng này kiểm soát và chỉ đạo mọi thứ diễn ra bên trong hệ mặt trời; mỗi một trong Bảy Đấng đóng góp bản chất điển hình của Ngài như một phản ứng rung động ngay cả đối với mỗi nguyên tử, sao cho khi một nguyên tử bị ảnh hưởng bởi tia sáng của mặt trời, bảy "sợi nhỏ" của nguyên tử lóe lên bảy màu lăng kính. Mỗi một trong Bảy Đấng là Người Đứng Đầu và Người Cai Trị của các huyền giai của các thực thể sáng tạo, những người làm việc dưới sự chỉ đạo của Ngài trong việc xây dựng và duy trì hệ mặt trời. Dưới mỗi Đấng được sắp xếp những Deva (Các Đấng Tỏa Sáng) hoặc "Đội Quân Thiên Thần, được gọi

and in the Christian tradition, Angels, Archangels, Thrones, Dominations, Principalities, Virtues, Powers, Cherubim and Seraphim.

trong các tôn giáo phương Đông là Adityas, Vasus, Phyanis Buddhas, Dhyani Chohans, v.v., và trong truyền thống Cơ đốc giáo, Thiên Thần, Tổng Lãnh Thiên Thần, Ngai, Thống Trị, Quân Hạt, Đức Hạnh, Quyền Lực, Cherubim và Seraphim.

6. In Fig. 63 we have a condensed summary of the work of the Triple Logos within His system.

[1]6. Trong Hình 63, chúng ta có một bản tóm tắt cô đọng về công việc của Tam Vị Thượng Đế bên trong hệ thống của Ngài.



The Logos works through three aspects or modes, whose fundamental characteristics may be stated as follows:

I. First Thượng Đế: Divinity-Humanity.

Thượng Đế hoạt động thông qua ba phương diện hoặc phương thức, có các đặc điểm cơ bản có thể được nêu như sau:

I. Thượng Đế Thứ Nhất: Thần Tính-Nhân Tính.

II. Second Thượng Đế: Life-Form.

III. Third Thượng Đế: Force-Matter.

Before the Logos began the work of the system, He created on the “Plane of the Divine Mind” (see Fig. 51) the system as it was to be, from its commencement to its end. He created all the Archetypes of forces, forms, emotions, thoughts and intuitions, and determined how and by what stages in civilization each should be realized in the evolutionary scheme of His system. Then, in that part of space selected by Him for the work of His Plan, He commenced His work through His *Third* Aspect, the Third Logos as Force-Matter.

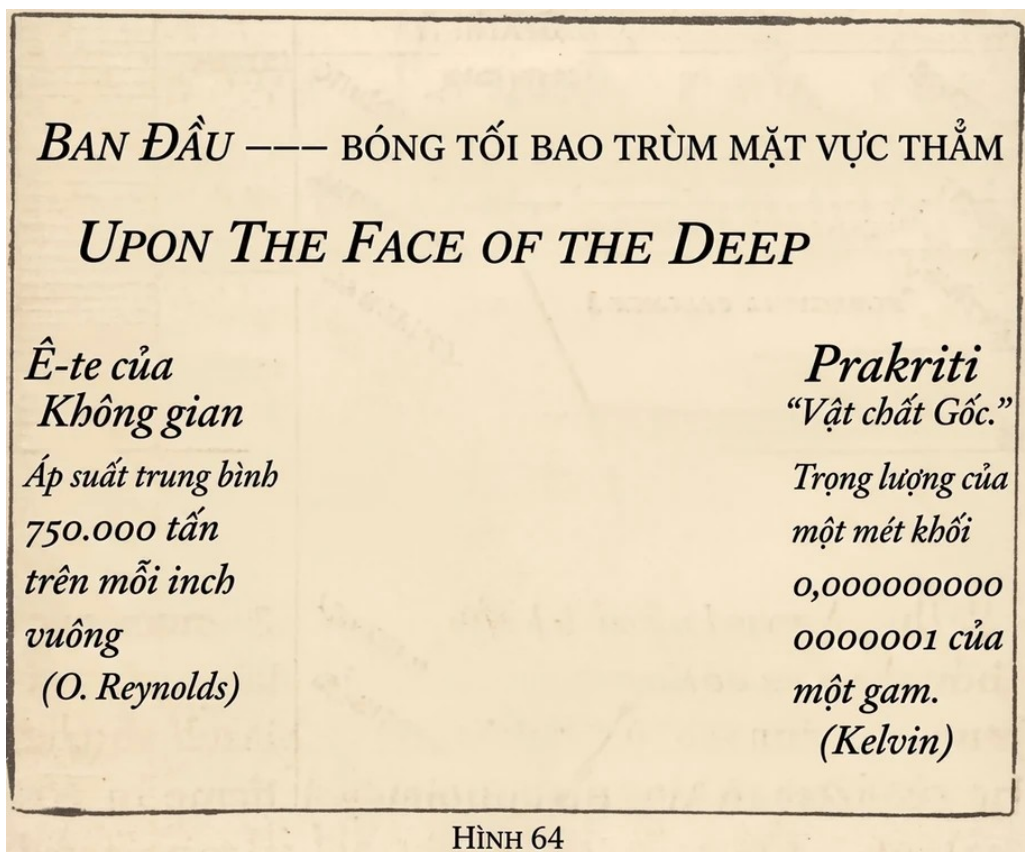
The vast sphere in space, within which the sun and its planets were to arise, contained at the beginning no substance in any way akin to matter (visible or invisible) which we have within the system today. There was only *Mulaprakrti* or “root-matter”, that ether of space once postulated by science which is incomprehensible to our imagination, since it is only out of “holes in the aether” that matter such as we know is composed. In our Theosophical studies we have called this primordial ether or negation of matter “Koilon”, the “emptiness”. (Fig. 64.)

II. Thượng Đế Thứ Hai: Sự Sống-Hình Tượng.

III. Thượng Đế Thứ Ba: Mãnh Lực-Vật Chất.

Trước khi Thượng Đế bắt đầu công việc của hệ thống, Ngài đã tạo ra trên “Cõi Trí Tuệ Thiêng Liêng” (xem Hình 51) hệ thống như nó vốn phải thế, từ khi bắt đầu đến khi kết thúc. Ngài đã tạo ra tất cả các Nguyên Mẫu về mãnh lực, hình tượng, cảm xúc, tư tưởng và trực giác, đồng thời xác định cách thức và theo những giai đoạn nào trong nền văn minh, mỗi nguyên mẫu sẽ được hiện thực hóa trong sơ đồ tiến hóa của hệ thống của Ngài. Sau đó, trong phần không gian được Ngài chọn cho công việc Thiên Cơ của Ngài, Ngài bắt đầu công việc của mình thông qua Phương Diện Thứ Ba của Ngài, Thượng Đế Thứ Ba như Mãnh Lực-Vật Chất.

Quả cầu rộng lớn trong không gian, bên trong đó mặt trời và các hành tinh của nó sẽ phát sinh, ngay từ đầu không chứa bất kỳ chất nào theo bất kỳ cách nào tương tự như vật chất (hữu hình hoặc vô hình) mà chúng ta có trong hệ thống ngày nay. Chỉ có *Mulaprakrti* hay “gốc-vật chất”, chất dĩ thái của không gian mà khoa học đã từng đưa ra, vốn không thể hiểu được đối với trí tưởng tượng của chúng ta, vì chỉ từ “những lỗ hổng trong dĩ thái” mà vật chất như chúng ta biết được cấu thành. Trong các nghiên cứu Thông Thiên Học của chúng ta, chúng ta đã gọi chất dĩ thái nguyên thủy này hoặc phủ định vật chất là “Koilon”, “sự trống rỗng”. (Hình 64.)

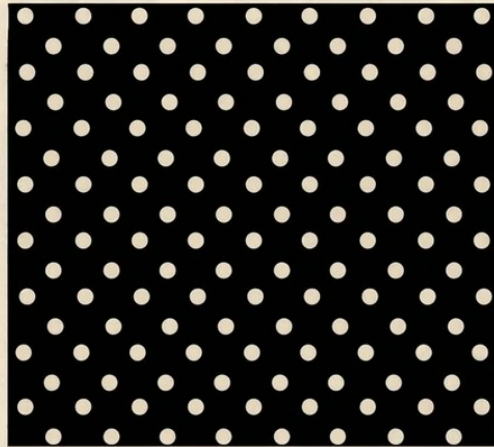


Into this Koilon, or primordial ether of “space, the Cosmic Logos poured His energy, pressing back the Koilon from innumerable points within it. (Fig. 65.)

Vào Koilon này, hay chất dĩ thái nguyên thủy của “không gian, Thái dương Thượng đế đã rót năng lượng của Ngài, đẩy lùi Koilon khỏi vô số điểm bên trong nó. (Hình 65.)

Tinh thần của Thượng đế vận hành trên
mặt hành mặt nước

Và Thượng đế phán: “Phải có ánh sáng”



Hình 65

Each “bubble” or point of light exists where Koilon *is not*; therefore each bubble is in reality a point of consciousness of the Third Aspect of the Cosmic Logos; and each bubble persists only so long as He wills to keep back the enveloping Koilon.

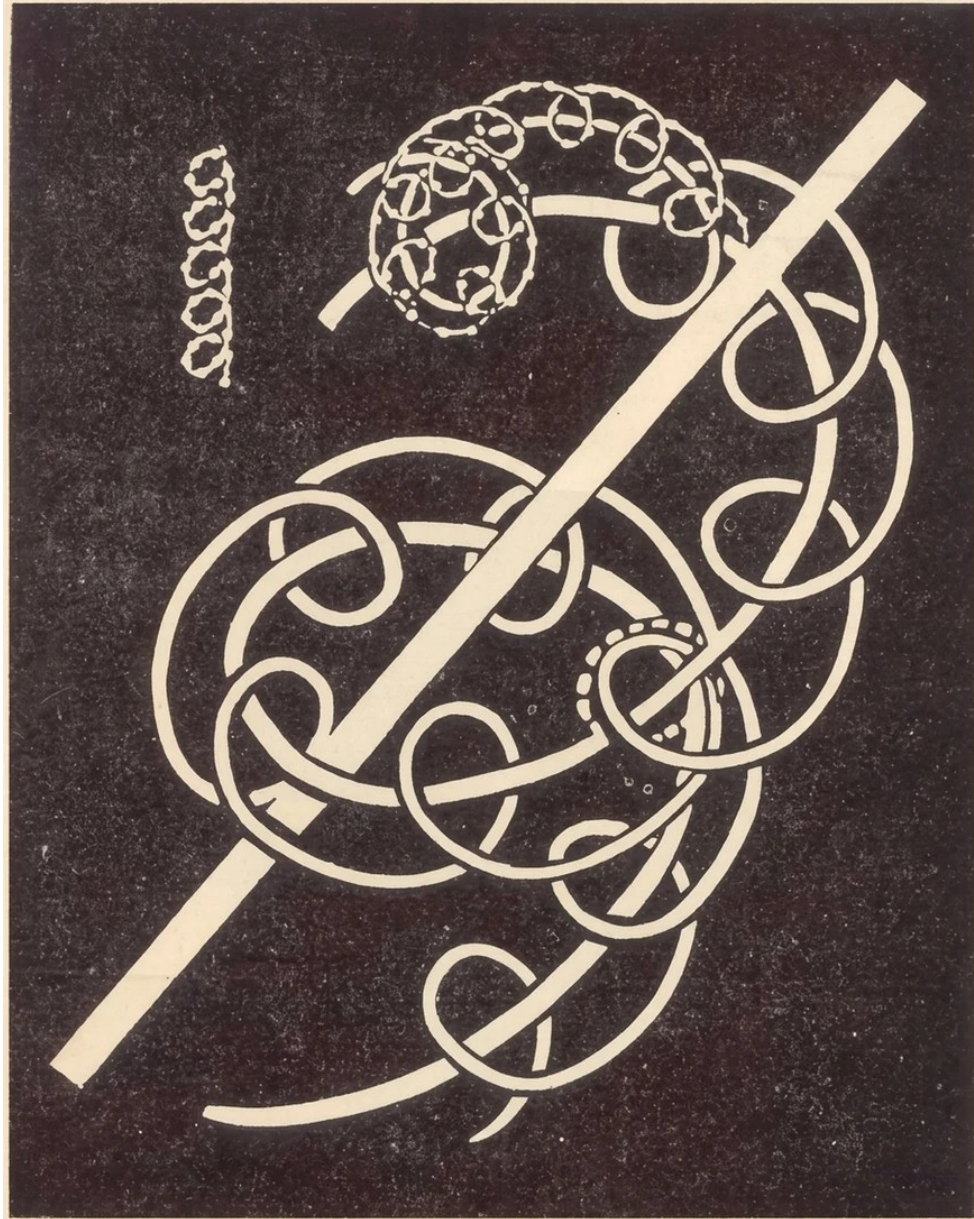
As the next action, the Solar Logos, acting in His Third Aspect, swept these bubbles into spiral formations (Fig. 66), with seven bubbles spiral. The bubbles are so held by His Will. These are termed “spirals of the first order”. He coiled great lengths of these spirals of the first order, into larger loops still, with seven spirals making one “spiral of the second order”; lengths of spirals of the second order were similarly twisted and held as “spirals of the third order”; and so on till there were created lengths of “spirals of the sixth order”. (Fig.66 shows spirals of the first, second and third orders; the white line connecting the

Mỗi “bong bóng” hoặc điểm sáng tồn tại nơi Koilon không có; do đó, mỗi bong bóng thực chất là một điểm tâm thức của Phương Diện Thứ Ba của Thái dương Thượng đế; và mỗi bong bóng chỉ tồn tại chừng nào Ngài còn muốn giữ lại Koilon bao bọc.

Là hành động tiếp theo, Thái dương Thượng đế, hành động trong Phương Diện Thứ Ba của Ngài, đã quét những bong bóng này thành các cấu trúc xoắn ốc (Hình 66), với bảy bong bóng xoắn ốc. Các bong bóng được giữ như vậy bởi Ý Chí của Ngài. Chúng được gọi là “các đường xoắn ốc bậc nhất”. Ngài cuộn những đoạn dài của các đường xoắn ốc bậc nhất này thành những vòng lớn hơn nữa, với bảy đường xoắn ốc tạo thành một “đường xoắn ốc bậc hai”; các đoạn đường xoắn ốc bậc hai tương tự được xoắn và giữ làm “các đường xoắn ốc bậc ba”; v.v. cho đến khi tạo ra các đoạn “các đường xoắn ốc bậc sáu”. (Hình 66 cho thấy các đường

bubbles in the spiral of the first order, and that going through the loops in the spirals of the second and third orders, denote the particular forces of the Will of the Third Logos which holds the bubbles in each spiral order.) Ten parallel strands, composed of lengths of spirals of the sixth order, were then twisted, as shown in Fig. 67, to make the fundamental unit of our physical matter.

xoắn ốc bậc nhất, bậc hai và bậc ba; đường trắng nối các bong bóng trong đường xoắn ốc bậc nhất và đường đi qua các vòng trong các đường xoắn ốc bậc hai và bậc ba, biểu thị các mãnh lực cụ thể của Ý Chí của Thượng Đế Thứ Ba, vốn giữ các bong bóng theo mỗi bậc xoắn ốc.) Mười sợi song song, bao gồm các đoạn đường xoắn ốc bậc sáu, sau đó được xoắn lại, như trong Hình 67, để tạo thành đơn vị cơ bản của vật chất hồng trần của chúng ta.



Hình 66

—Each action in the making of these spirals, from the spiral of the first order to the physical atom, is due to the focussing of the consciousness of the Third Logos to that particular purpose; each order of spirals retains its formation only because His consciousness continues to hold it so. Our physical atom is not “matter”; it is in reality myriads of points of the consciousness of the Third Cosmic Logos, held by the Solar Logos in

Mỗi hành động trong việc tạo ra các đường xoắn ốc này, từ đường xoắn ốc bậc nhất đến nguyên tử vật chất, là do sự tập trung tâm thức của Thượng Đế Thứ Ba vào mục đích cụ thể đó; mỗi bậc đường xoắn ốc giữ lại sự hình thành của nó chỉ vì tâm thức của Ngài tiếp tục giữ nó như vậy. Nguyên tử vật chất của chúng ta không phải là “vật chất”; nó thực chất là vô số điểm tâm thức của Thái dương Thượng đế Thứ Ba, được Thái dương Thượng đế giữ trong một

a particular formation to do a specific work—that of building the physical plane.

But the building of the physical plane is preceded by the building of the superphysical planes; to grasp this we must revert to Fig. 63. In that diagram, we find that the little circle representing the Third Logos has two lines issuing from the right side; these two lines denote two activities which build the planes and sub-planes. The shorter line refers to the first action of all of the Third Logos which is, as already described, that of grouping the bubbles in Koilon; these bubbles are the final units, the bricks so to say, out of which all the seven planes of the solar system are made.

The first or Adi plane is made out of the bubbles in Koilon directly, and the atom of this plane is one bubble. The atom of the next plane, the Anupadaka, is made out of 49 bubbles. The Atomic atom is made out of 492 or 2,401 bubbles. We have the atoms of the lower planes then made in succession with bubbles to the number as follows: atom of the Buddhic plane, 493 or $49 \times 2,401$ bubbles; atom of the Mental plane, 494 or $2,401 \times 2,401$ bubbles; atom of the Astral plane, 495 or $49 \times 2,401 \times 2,401$ bubbles; atom of the Physical plane, 496 or $2,401 \times 2,401 \times 2,401$ bubbles, with a definite number of bubbles in addition, owing to the peculiar formation of the physical atom.

When the atoms of each of the seven planes have been created, then the Third Logos creates the sub-planes of each plane. (The longer line, issuing to the right from the small circle of the Third Logos, denotes this second action.) The atoms of each plane are swept into groups of two, three, four, etc., to make the sub-planes. The first or highest sub-plane is composed of the single atoms themselves,

cấu trúc cụ thể để thực hiện một công việc cụ thể—đó là xây dựng cõi hồng trần.

Nhưng việc xây dựng cõi hồng trần phải được thực hiện trước bằng việc xây dựng các cõi siêu vật chất; để nắm bắt được điều này, chúng ta phải quay lại Hình 63. Trong sơ đồ đó, chúng ta thấy rằng vòng tròn nhỏ đại diện cho Thượng Đế Thứ Ba có hai đường phát ra từ phía bên phải; hai đường này biểu thị hai hoạt động xây dựng các cõi và cõi phụ. Đường ngắn hơn đề cập đến hành động đầu tiên của tất cả Thượng Đế Thứ Ba, như đã mô tả, đó là nhóm các bong bóng trong Koilon; những bong bóng này là những đơn vị cuối cùng, có thể nói là những viên gạch, từ đó tất cả bảy cõi của hệ mặt trời được tạo ra.

Cõi Adi thứ nhất được tạo ra trực tiếp từ các bong bóng trong Koilon và nguyên tử của cõi này là một bong bóng. Nguyên tử của cõi tiếp theo, Anupadaka, được tạo ra từ 49 bong bóng. Nguyên tử Atma được tạo ra từ 492 hay 2.401 bong bóng. Sau đó, chúng ta có các nguyên tử của các cõi thấp hơn được tạo ra liên tiếp với số lượng bong bóng như sau: nguyên tử của cõi Bồ đề, 493 hay 49×2.401 bong bóng; nguyên tử của cõi Trí, 494 hay 2.401×2.401 bong bóng; nguyên tử của cõi Cảm Dục, 495 hay $49 \times 2.401 \times 2.401$ bong bóng; nguyên tử của cõi Hồng Trần, 496 hay $2.401 \times 2.401 \times 2.401$ bong bóng, với một số lượng bong bóng xác định ngoài ra, do sự hình thành đặc biệt của nguyên tử vật chất.

Khi các nguyên tử của mỗi cõi trong bảy cõi đã được tạo ra, thì Đệ Tam Thượng Đế tạo ra các cõi phụ của mỗi cõi. (Đường dài hơn, phát ra bên phải từ vòng tròn nhỏ của Đệ Tam Thượng Đế, biểu thị hành động thứ hai này.) Các nguyên tử của mỗi cõi được quét thành các nhóm hai, ba, bốn, v.v., để tạo thành các cõi phụ. Cõi phụ thứ nhất hoặc cao nhất bao gồm chính các nguyên tử đơn lẻ, trong khi cõi phụ

while the second, third, fourth, fifth, sixth and seventh sub-planes are made by combinations of these atoms into molecules. Thus, on the physical plane, the highest sub-plane is composed of unit physical atoms, of two varieties, the positive and the negative. Then, by combination of these positive and negative atoms, there are built the remaining, sub-planes, called sub-atomic, super-etheric, etheric, gaseous, liquid and solid. It is in the course of building the sub-planes of the physical world, that the chemical elements are produced, as will later be explained when dealing with the subject of Occult Chemistry.

The work of the Third Logos, then, builds the seven great planes, with their sub-planes, of the solar system. That building is not complete, and it is still proceeding apace. He is the ensouling Force in the Matter of all the planes; electricity is one expression of His force through the matter of the physical plane; another expression, which is totally distinct, is Kundalini, the mysterious "serpent fire" which operates in all higher organisms.

In the seven great planes thus built by the Third Logos, next appears the work of the Second Logos. His energy is essentially of an order best described as Life-Form; with this energy He ensouls the matter of the seven planes, and enables it to build forms which have that mysterious quality which we call "life". This life builds the matter of the planes into varying forms, and, each form persists only so long as the life of the Second Logos holds the matter in that form.

Now for the first time appear the phenomena of birth, growth, decay and death. A form is born because the Life of the Second Logos has a work of evolution to do through that form; it grows while that work is progressing to its

thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu và thứ bảy được tạo ra bằng cách kết hợp các nguyên tử này thành các phân tử. Như vậy, trên cõi hồng trần, cõi phụ cao nhất bao gồm các nguyên tử vật chất đơn vị, thuộc hai loại, dương tính và âm tính. Sau đó, bằng cách kết hợp các nguyên tử dương tính và âm tính này, các cõi phụ còn lại được xây dựng, được gọi là hạ nguyên tử, siêu dĩ thái, dĩ thái, thể khí, thể lỏng và thể rắn. Trong quá trình xây dựng các cõi phụ của thế giới hồng trần, các nguyên tố hóa học được tạo ra, như sẽ được giải thích sau khi đề cập đến chủ đề Hóa Học Huyền Bí.

Công việc của Thượng đế Thứ Ba, sau đó, xây dựng bảy cõi lớn, với các cõi phụ của chúng, của hệ mặt trời. Việc xây dựng đó chưa hoàn thành và nó vẫn đang tiến triển nhanh chóng. Ngài là Mạnh Lực phú linh trong Vật chất của tất cả các cõi; điện là một biểu hiện mạnh lực của Ngài thông qua vật chất của cõi hồng trần; một biểu hiện khác, hoàn toàn khác biệt, là Kundalini, "lửa rắn" bí ẩn hoạt động trong tất cả các sinh vật bậc cao.

Trong bảy cõi lớn do Đệ Tam Thượng Đế xây dựng, tiếp theo xuất hiện công việc của Đệ Nhị Thượng Đế. Năng lượng của Ngài về bản chất thuộc một trật tự được mô tả tốt nhất là Dạng Sống; với năng lượng này, Ngài phú linh vật chất của bảy cõi và cho phép nó xây dựng các hình tượng có phẩm chất bí ẩn mà chúng ta gọi là "sự sống". Sự sống này xây dựng vật chất của các cõi thành các hình tượng khác nhau, và mỗi hình tượng chỉ tồn tại chừng nào sự sống của Đệ Nhị Thượng Đế còn giữ vật chất trong hình tượng đó.

Bây giờ lần đầu tiên xuất hiện các hiện tượng sinh, trưởng, suy và tử. Một hình tượng được sinh ra vì Sự Sống của Đệ Nhị Thượng Đế có một công việc tiến hóa phải làm thông qua hình tượng đó; nó phát triển trong khi công

culmination; it shows signs of *decay* because the Second Logos slowly withdraws the life from the form, since the life has evolved all it can through that form; it *dies* when finally the "Second Logos withdraws all of the life, in order to send it back once again to build a newer and better form, which can give the evolving life the new experiences necessary for its further growth and self-revelation. On the physical plane, the expression of the force of the second Logos is Prana, Vitality.

When manifest on the four highest planes of the solar system, that life of the Second Logos is called the Monadic Essence; it descends stage by stage, gaining at each stage the growth which has been planned for it in the Great Plan. During a long period of time, called a Chain⁹, it first manifests in the matter of the Adi plane; at the end of the Chain, it returns to the Second Logos, from whom it issues forth again at the beginning of the succeeding Chain, in order to ensoul the matter of the second, the Anupadaka plane. It commences the work of the second Chain, with all the experiences of the first Chain inherent in it as tendencies and capacities.

Chain by Chain, the Monadic Essence descends from plane to plane, and at the beginning of its fifth cycle, it begins to ensoul the matter of the higher mental plane. Up to this point, the Monadic Essence was not limited for its experiences to one "scheme of evolution"; but henceforth its experiences are restricted to those obtainable in our "scheme of evolution". From the time of its entrance into the matter of our mental plane, it is called Elemental Essence. During the period of its growth in higher mental matter, this life of

việc đó đang tiến triển đến đỉnh cao; nó cho thấy các dấu hiệu suy tàn vì Đệ Nhị Thượng Đế từ từ rút sự sống khỏi hình tướng, vì sự sống đã tiến hóa tất cả những gì nó có thể thông qua hình tướng đó; nó chết khi cuối cùng "Đệ Nhị Thượng Đế rút lại tất cả sự sống, để gửi nó trở lại một lần nữa để xây dựng một hình tướng mới hơn và tốt hơn, có thể mang lại cho sự sống đang tiến hóa những kinh nghiệm mới cần thiết cho sự phát triển hơn nữa và sự tự mặc khải của nó. Trên cõi hồng trần, sự biểu hiện của mãnh lực của Đệ Nhị Thượng Đế là Prana, Sinh Lực.

Khi biểu hiện trên bốn cõi cao nhất của hệ mặt trời, sự sống đó của Đệ Nhị Thượng Đế được gọi là Tinh Chất Chân Thần; nó giáng hạ từng giai đoạn, đạt được ở mỗi giai đoạn sự phát triển đã được lên kế hoạch cho nó trong Thiên Cơ. Trong một khoảng thời gian dài, được gọi là Dây, nó lần đầu tiên biểu hiện trong vật chất của cõi Adi; vào cuối Dây, nó trở về với Đệ Nhị Thượng Đế, từ đó nó lại phát ra khi bắt đầu Dây kế tiếp, để phú linh vật chất của cõi thứ hai, cõi Anupadaka. Nó bắt đầu công việc của Dây thứ hai, với tất cả những kinh nghiệm của Dây thứ nhất vốn có trong nó như những khuynh hướng và năng lực.

Dây này qua Dây khác, Tinh Chất Chân Thần giáng hạ từ cõi này sang cõi khác, và khi bắt đầu chu kỳ thứ năm, nó bắt đầu phú linh vật chất của cõi thượng trí. Cho đến thời điểm này, Tinh Chất Chân Thần không bị giới hạn về kinh nghiệm của nó đối với một "hệ hành tinh tiến hóa"; nhưng từ nay trở đi, những kinh nghiệm của nó bị giới hạn ở những kinh nghiệm có được trong "hệ hành tinh tiến hóa" của chúng ta. Kể từ khi nó đi vào vật chất của cõi trí tuệ của chúng ta, nó được gọi là Tinh Chất Hành Khí. Trong thời gian phát triển của

⁹ In the next chapter the terms "chain" and "scheme of evolution" will be fully explained.

the Second Logos is called the First Elemental Essence; after the end of a Chain, it reappears at the commencement of a new Chain, and ensouls lower mental matter; at this stage it is called the Second Elemental Essence. At the next Chain, it becomes the Third Elemental Essence, and ensouls the matter of the astral plane.

It is this ensouling life of the Second Logos which gives to mental and astral matter their peculiarly living quality, so that the faintest vibration caused in the mental world by a thought, or in the astral world by desire, makes the mental and astral matter swiftly generate shapes and forms, and causes it to crystallize into "thought-forms".

Still "descending into matter" Chain by Chain, the life of the Second Logos, after ensouling astral matter, next ensouls physical matter. The first effect of this new ensouling is to give to the chemical elements a power of combination among themselves. While the Third Logos creates hydrogen and oxygen, it is only when the life of the Second Logos appears that two atoms of hydrogen can combine with one of oxygen to make water. Physical matter as we know it today appears with the work of the Second Logos; under His guidance there now appears the mineral kingdom, ready to build a solid earth. In terms of rhythm and beauty, matter now crystallizes with mathematical precision; through each physical encasement the work of the Second Logos is done according to the Plan. To our eyes, the mineral is inert and lifeless, mere earth; yet all the while the Second Logos is at work in that seemingly inert matter. Of a truth is the God now "dead and buried", crucified on a cross of matter.

nó trong vật chất thượng trí, sự sống này của Đệ Nhị Thượng Đế được gọi là Tinh Chất Hành Khí Thứ Nhất; sau khi kết thúc một Dây, nó xuất hiện trở lại khi bắt đầu một Dây mới và phú linh vật chất hạ trí; ở giai đoạn này, nó được gọi là Tinh Chất Hành Khí Thứ Hai. Ở Dây tiếp theo, nó trở thành Tinh Chất Hành Khí Thứ Ba và phú linh vật chất của cõi cảm dục.

Chính sự sống phú linh này của Đệ Nhị Thượng Đế mang lại cho vật chất trí tuệ và cảm dục phẩm chất sống đặc biệt của chúng, do đó, rung động mờ nhạt nhất gây ra trong thế giới trí tuệ bởi một tư tưởng, hoặc trong thế giới cảm dục bởi ham muốn, khiến vật chất trí tuệ và cảm dục nhanh chóng tạo ra các hình dạng và hình tượng, và khiến nó kết tinh thành "hình tư tưởng".

Vẫn "giáng hạ vào vật chất" Dây này qua Dây khác, sự sống của Đệ Nhị Thượng Đế, sau khi phú linh vật chất cảm dục, tiếp theo phú linh vật chất hồng trần. Tác động đầu tiên của sự phú linh mới này là mang lại cho các nguyên tố hóa học một sức mạnh kết hợp giữa chúng. Trong khi Đệ Tam Thượng Đế tạo ra hydro và oxy, thì chỉ khi sự sống của Đệ Nhị Thượng Đế xuất hiện thì hai nguyên tử hydro mới có thể kết hợp với một nguyên tử oxy để tạo ra nước. Vật chất hồng trần như chúng ta biết ngày nay xuất hiện với công việc của Đệ Nhị Thượng Đế; dưới sự hướng dẫn của Ngài, giới kim thạch hiện ra, sẵn sàng xây dựng một trái đất rắn chắc. Về nhịp điệu và vẻ đẹp, vật chất giờ đây kết tinh với độ chính xác toán học; thông qua mỗi lớp vỏ vật chất, công việc của Đệ Nhị Thượng Đế được thực hiện theo Thiên Cơ. Trong mắt chúng ta, khoáng chất trơ và vô tri, chỉ là đất; nhưng trong khi đó, Đệ Nhị Thượng Đế vẫn đang làm việc trong vật chất dường như trơ trọi đó. Quả thật, Thượng đế giờ đã "chết và bị chôn vùi", bị đóng đinh trên thập giá vật chất.

The life of the Second Logos, after its lowest descent into matter as the mineral kingdom, now begins its ascent. Its next manifestation is as the vegetable kingdom. At the commencement of this stage, the substances of earth develop a new capacity, that of becoming a vehicle for life, such life as our eyes can see. The chemical elements group themselves together, and a mysterious life appears among them, and builds them into protoplasm. Guided by the Second Logos, this protoplasm undergoes transformation, becoming in process of time the vegetable kingdom. (Fig. 4.) After long experiences of growth, slowly evolving during the period of a Chain, the vegetable kingdom appears in a subsequent Chain as the animal kingdom. (Fig. 5.) In due course of time, out of the animal kingdom, arise those highest animals which are capable of individualization.

When the animal group-soul has been built, as has been explained in the previous chapter, and a particular animal is ready for individualization, then begins the action of the First Logos. He sends a Fragment of Himself, a "Monad", to make an Individuality in a Causal Body. A Soul of Man, made "in the image of his Maker", then begins his evolution, which is to discover the Divinity in himself, in his fellowmen, and in all the life of nature which surrounds him. On the physical plane the expression of the force of the First Logos is the Immortal Soul in a mortal body.

* * * *

Thus swiftly we have surveyed the mighty work of the Triple Logos, which began long, long ago, and yet is, as says the Upanishad, still "in the womb". Creator, Preserver and Destroyer, He builds, and unbuilds, and builds

Sự sống của Đệ Nhị Thượng Đế, sau khi giáng hạ thấp nhất vào vật chất như giới kim thạch, giờ bắt đầu thăng lên. Biểu hiện tiếp theo của nó là giới thực vật. Khi bắt đầu giai đoạn này, các chất của trái đất phát triển một năng lực mới, đó là trở thành một vận cụ cho sự sống, một sự sống mà mắt chúng ta có thể thấy. Các nguyên tố hóa học nhóm lại với nhau, và một sự sống bí ẩn xuất hiện giữa chúng, và xây dựng chúng thành chất nguyên sinh. Được hướng dẫn bởi Đệ Nhị Thượng Đế, chất nguyên sinh này trải qua quá trình biến đổi, trở thành giới thực vật theo thời gian. (Hình 4.) Sau những kinh nghiệm phát triển lâu dài, từ từ tiến hóa trong thời gian một Dây, giới thực vật xuất hiện trong một Dây tiếp theo như giới động vật. (Hình 5.) Đến một thời điểm thích hợp, từ giới động vật, nảy sinh những động vật cao nhất có khả năng biệt ngã hóa.

Khi hồn nhóm động vật đã được xây dựng, như đã được giải thích trong chương trước, và một con vật cụ thể đã sẵn sàng cho việc biệt ngã hóa, thì hành động của Đệ Nhất Thượng Đế bắt đầu. Ngài gửi một Mảnh của Chính Ngài, một "Chân Thần", để tạo ra một Cá Tính trong một Thể Nguyên Nhân. Một Linh Hồn của Con Người, được tạo ra "theo hình ảnh của Đấng Tạo Hóa của y", sau đó bắt đầu quá trình tiến hóa của mình, đó là khám phá ra Thiên Tính trong chính mình, trong đồng loại của mình và trong tất cả sự sống của tự nhiên bao quanh y. Trên cõi hồng trần, sự biểu hiện của mảnh lực của Đệ Nhất Thượng Đế là Linh Hồn Bất Tử trong một thể xác hữu tử.

* * * *

Như vậy, một cách nhanh chóng, chúng ta đã khảo sát công việc vĩ đại của Ba Vị Thượng Đế, công việc đã bắt đầu từ rất lâu, và vẫn còn, như Upanishad nói, vẫn "trong bụng mẹ". Đấng Sáng Tạo, Bảo Tồn và Hủy Diệt, Ngài xây dựng,

again, coming by each stage one step nearer to the Perfection of His Plan. To see that Plan is to have the Beatific Vision; to work for that Plan is to change one's mortal nature to that of a deathless immortal. Deathlessness in life, Eternity in time, Divinity in humanity, are his who, understanding the Plan, works for it unceasingly.

và tháo dỡ, và xây dựng lại, đến mỗi giai đoạn một bước gần hơn đến Sự Hoàn Hảo của Thiên Cơ của Ngài. Nhìn thấy Thiên Cơ đó là có được Khải Tượng Hạnh Phúc; làm việc cho Thiên Cơ đó là thay đổi bản chất hữu tử của một người thành bản chất của một người bất tử không chết. Sự bất tử trong cuộc sống, Sự vĩnh cửu trong thời gian, Thiên Tính trong nhân loại, là của những ai, thấu hiểu Thiên Cơ, làm việc cho nó không ngừng.

CHƯƠNG IX

THE KINGDOMS OF LIFE—CÁC GIỚI SỰ SỐNG

Magnificently, as modern science has developed the concept of evolution, it has yet to come to that breadth and grander which is revealed in Theosophy. The word "life", especially has, in Theosophical studies, a profounder and more far-reaching significance; for life is seen, not only, as with modern science, in the small circle of existence which comprises the human, animal and vegetable kingdoms, but also as manifesting in the seeming dead matter of minerals, and in organisms of invisible matter lower than minerals and higher than man. In Fig. 68, we have briefly summarized the wave of evolving life which leads up to humanity.

Một cách tráng lệ, khi khoa học hiện đại đã phát triển khái niệm về sự tiến hóa, nó vẫn chưa đạt đến bề rộng và sự vĩ đại hơn được tiết lộ trong Thông Thiên Học. Từ "sự sống", đặc biệt, trong các nghiên cứu Thông Thiên Học, có một ý nghĩa sâu sắc hơn và sâu rộng hơn; vì sự sống được nhìn thấy, không chỉ, như với khoa học hiện đại, trong vòng tròn nhỏ của sự tồn tại bao gồm giới nhân loại, động vật và thực vật, mà còn biểu hiện trong vật chất dường như đã chết của khoáng chất, và trong các sinh vật của vật chất vô hình thấp hơn khoáng chất và cao hơn con người. Trong Hình 68, chúng ta đã tóm tắt ngắn gọn làn sóng sự sống đang tiến hóa dẫn đến nhân loại.



A comparison of this figure with that of Fig. 9 will show that there are other streams of evolving life which, without touching the human kingdom, pass, through levels which correspond to that of humanity, into kingdoms higher than man.

Fig. 68, however, deals with those forms of life, which, in their evolutionary growth, issue in a humanity like ours. We see from it that, stage by stage, the life of the Logos manifests as three types of Elemental Essence, and then subsequently as Mineral Life, Vegetable Life, Animal Life and Humanity. The transition from stage to stage was explained in the previous chapter, and, in [Fig. 59](#), was shown

So sánh hình này với hình của Hình 9 sẽ cho thấy rằng có những dòng sự sống đang tiến hóa khác, mà không chạm vào giới nhân loại, đi qua các cấp độ tương ứng với cấp độ của nhân loại, vào các giới cao hơn con người.

Tuy nhiên, Hình 68 đề cập đến những hình tướng sự sống đó, mà trong sự phát triển tiến hóa của chúng, phát ra một nhân loại giống như chúng ta. Chúng ta thấy từ đó rằng, từng giai đoạn, sự sống của Thượng đế biểu hiện như ba loại Tinh Chất Hành Khí, và sau đó là Sự Sống Khoáng Chất, Sự Sống Thực Vật, Sự Sống Động Vật và Nhân Loại. Sự chuyển đổi từ giai đoạn này sang giai đoạn khác đã được giải

the transition of the highest animal into the human kingdom.

The seven stages of evolving life, from Elemental Essence I to Humanity, are called the "Life Wave.". Other forms of life and consciousness are also, of course, "life waves"; but, for the clearer understanding of a difficult topic, the term "life wave" is reserved for those forms of life which are most closely related to our humanity in a direct line of growth, as shown in [Fig. 68](#).

All these great changes involve vast periods of time; nevertheless in each fraction of time the evolutionary work is done according to a predestined plan. Each type of form and consciousness appears in evolution only at its given time, and always under the supervision of those Workers in the Divine Plan whose function it is to supervise the intricate workings of evolution. We must think of these periods of time less in terms of actual years, and more in terms of quotas of evolutionary work completed in the furtherance of the Plan.

It was shown in Chapter II, on "The Rise and Fall of Civilizations", that, during the time that humanity exists on our Earth, seven great Root-races appear, and that each of these Root-races has seven sub-races. The period of time which is necessary to accomplish the work, which has to be done through seven Root-races and their sub-races, is called a "World Period ". During a World Period, the evolutionary scheme, as it affects the seven kingdoms of our life wave, is in full operation; the life wave may be said to begin with the appearance of the first sub-race of the First Root-race, and it ends when the seventh sub-

thích trong chương trước, và, trong Hình 59, đã cho thấy sự chuyển đổi của động vật cao nhất thành giới nhân loại.

Bảy giai đoạn của sự sống đang tiến hóa, từ Tinh Chất Hành Khí I đến Nhân Loại, được gọi là "Làn Sóng Sự Sống". Tất nhiên, các hình tượng sự sống và tâm thức khác cũng là "làn sóng sự sống"; nhưng, để hiểu rõ hơn về một chủ đề khó, thuật ngữ "làn sóng sự sống" được dành riêng cho những hình tượng sự sống có liên quan chặt chẽ nhất đến nhân loại của chúng ta theo một đường phát triển trực tiếp, như được hiển thị trong Hình 68.

Tất cả những thay đổi lớn này liên quan đến những khoảng thời gian rộng lớn; tuy nhiên, trong mỗi phần thời gian, công việc tiến hóa được thực hiện theo một kế hoạch định trước. Mỗi loại hình tượng và tâm thức xuất hiện trong quá trình tiến hóa chỉ vào thời điểm nhất định của nó, và luôn luôn dưới sự giám sát của những Người Làm Việc trong Thiên Cơ, những người có chức năng giám sát các hoạt động phức tạp của sự tiến hóa. Chúng ta phải nghĩ về những khoảng thời gian này ít hơn về số năm thực tế và nhiều hơn về hạn ngạch công việc tiến hóa đã hoàn thành để thúc đẩy Thiên Cơ.

Trong Chương II, về "Sự Trỗi Dậy và Suy Tàn của Các Nền Văn Minh", đã chỉ ra rằng, trong thời gian nhân loại tồn tại trên Trái Đất của chúng ta, bảy Giống Dân Gốc vĩ đại xuất hiện, và mỗi Giống Dân Gốc này có bảy giống dân phụ. Khoảng thời gian cần thiết để hoàn thành công việc, phải được thực hiện thông qua bảy Giống Dân Gốc và các giống dân phụ của chúng, được gọi là "Thời Kỳ Thế Giới". Trong một Thời Kỳ Thế Giới, hệ thống tiến hóa, khi nó ảnh hưởng đến bảy giới của làn sóng sự sống của chúng ta, đang hoạt động đầy đủ; có thể nói rằng làn sóng sự sống bắt đầu với sự xuất hiện của giống dân phụ đầu tiên của

race of the Seventh Root-race has done its work.

When the allotted span of work for a particular World Period is finished, the life wave passes from our Earth, to commence its evolution on another globe of our solar system. On this new globe, each of the seven stages of life, from Elemental Essence I to Humanity, resumes its work and continues its further development. Once again, this development, so far as humanity is concerned, takes place through civilizations and cultures develop in seven Root-races and their sub-races. At the end of the evolutionary work on this new globe, the life wave passes on to another globe, there to resume its work under new conditions, and accomplish the part in evolution next allotted to it in the Great Plan.

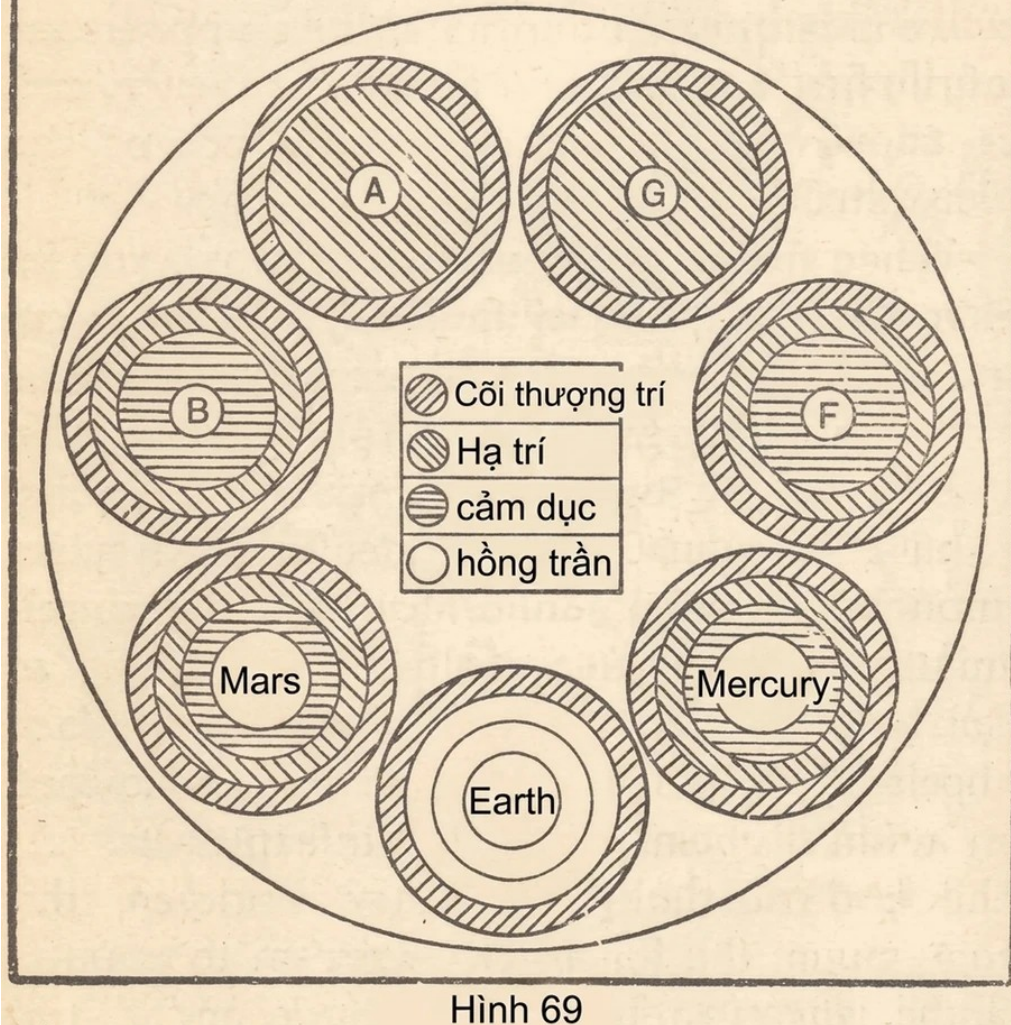
The work of the life wave, with which humanity on this Earth is associated, will be understood if we carefully study our next diagram, Fig. 69.

Giống Dân Gốc Thứ Nhất, và nó kết thúc khi giống dân phụ thứ bảy của Giống Dân Gốc Thứ Bảy đã hoàn thành công việc của mình.

Khi khoảng thời gian làm việc được phân bổ cho một Thời Kỳ Thế Giới cụ thể kết thúc, làn sóng sự sống rời khỏi Trái Đất của chúng ta, để bắt đầu quá trình tiến hóa của nó trên một bầu hành tinh khác của hệ mặt trời của chúng ta. Trên bầu hành tinh mới này, mỗi giai đoạn trong bảy giai đoạn của sự sống, từ Tinh Chất Hành Khí I đến Nhân Loại, tiếp tục công việc của mình và tiếp tục phát triển hơn nữa. Một lần nữa, sự phát triển này, liên quan đến nhân loại, diễn ra thông qua các nền văn minh và văn hóa phát triển trong bảy Giống Dân Gốc và các giống dân phụ của chúng. Vào cuối công việc tiến hóa trên bầu hành tinh mới này, làn sóng sự sống chuyển sang một bầu hành tinh khác, ở đó tiếp tục công việc của mình trong các điều kiện mới và hoàn thành phần trong quá trình tiến hóa tiếp theo được phân bổ cho nó trong Thiên Cơ.

Công việc của làn sóng sự sống, mà nhân loại trên Trái Đất này có liên quan, sẽ được hiểu nếu chúng ta nghiên cứu cẩn thận sơ đồ tiếp theo của chúng ta, Hình 69.

Dãy Hành Tinh Của Chúng Ta (Số 4)



Hình 69

Our life wave requires for invisible types of matter. These too have their revolutions round the sun, as have the visible planets, but their matter is of superphysical states. Of these four invisible planets, two—B and F—are of astral matter, and the remaining two—A and G—of lower mental matter. Each of these globes is separated in space from all the others; each is a complete planet by itself, just as are Mars, Earth and Mercury.

Làn sóng sự sống của chúng ta đòi hỏi các loại vật chất vô hình. Chúng cũng có các cuộc cách mạng của chúng xung quanh mặt trời, giống như các hành tinh hữu hình, nhưng vật chất của chúng thuộc các trạng thái siêu vật chất. Trong số bốn hành tinh vô hình này, hai—B và F—thuộc vật chất cảm dục, và hai hành tinh còn lại—A và G—thuộc vật chất hạ trí. Mỗi bầu hành tinh này được phân tách trong không gian với tất cả những bầu hành tinh khác; mỗi bầu hành tinh là một hành tinh hoàn chỉnh, giống như Sao Hỏa, Trái Đất và Sao Thủy.

If we consult our diagram, and carefully study that part of it which represents our Earth, we shall see that the Earth is shown as being composed of physical matter surrounded by envelopes of astral, lower mental and higher mental types of matter. It goes without saying that each higher and finer type of matter interpenetrates all grosser than itself; thus the astral envelope not only extends from the Earth's surface miles upwards, but it also interpenetrates the Earth; and similarly, the envelope of lower mental matter interpenetrates both the astral world and the physical Earth. This astral envelope round our Earth, and interpenetrating it, is our Astral Plane; the lower mental matter is our Lower Heaven, and the higher mental matter makes our Higher Heaven. Associated with all these are, of course, the higher planes of nature, composed of Buddhic, Atmic and higher types of matter though they are not shown in the diagram.

But in a similar fashion, Mars, a physical globe, has also an astral envelope, and two envelopes of lower and higher mental matter. The astral envelope interpenetrating the physical planet Mars is the astral plane of Mars. This Martian astral plane is totally distinct from the astral plane of our Earth. Moreover, just as there is no communication of a physical kind through interplanetary space between the Earth and Mars, so is there no astral communication between the astral plane of Mars and our astral plane. Mars also has its lower heaven world and its higher heaven. Exactly the same scheme holds good for Mercury, which has its own astral and lower and higher mental planes. When we come to planets B and F, we find that they have no physical counterparts; they are astral planets, but each planet has its own lower and higher heavens and also higher planes still. Planets A and G, it will be seen from the diagram, are globes of lower mental

Nếu chúng ta tham khảo sơ đồ của mình và nghiên cứu cẩn thận phần đại diện cho Trái Đất của chúng ta, chúng ta sẽ thấy rằng Trái Đất được hiển thị là bao gồm vật chất hồng trần được bao quanh bởi các lớp vỏ vật chất cảm dục, hạ trí và thượng trí. Cần phải nói rằng mỗi loại vật chất cao hơn và tốt hơn đều xuyên thấu tất cả các loại vật chất thô hơn chính nó; do đó, lớp vỏ cảm dục không chỉ kéo dài từ bề mặt Trái Đất lên hàng dặm, mà nó còn xuyên thấu Trái Đất; và tương tự, lớp vỏ vật chất hạ trí xuyên thấu cả thế giới cảm dục và Trái Đất hồng trần. Lớp vỏ cảm dục này xung quanh Trái Đất của chúng ta, và xuyên thấu nó, là Cõi Cảm Dục của chúng ta; vật chất hạ trí là Hạ Thiên của chúng ta, và vật chất thượng trí tạo nên Thượng Thiên của chúng ta. Liên kết với tất cả những điều này, tất nhiên, là các cõi cao hơn của tự nhiên, bao gồm các loại vật chất Bồ đề, Atma và cao hơn mặc dù chúng không được hiển thị trong sơ đồ.

Nhưng theo một cách tương tự, Sao Hỏa, một bầu hồng trần, cũng có một lớp vỏ cảm dục, và hai lớp vỏ vật chất trí tuệ hạ và thượng trí. Lớp vỏ cảm dục xuyên thấu hành tinh Sao Hỏa hồng trần là cõi cảm dục của Mars. Cõi cảm dục Sao Hỏa này hoàn toàn khác biệt với cõi cảm dục của Trái Đất chúng ta. Hơn nữa, giống như không có sự giao tiếp vật lý nào thông qua không gian giữa các hành tinh giữa Trái Đất và Sao Hỏa, thì cũng không có sự giao tiếp cảm dục nào giữa cõi cảm dục của Sao Hỏa và cõi cảm dục của chúng ta. Sao Hỏa cũng có cõi hạ thiên và thượng thiên của riêng nó. Chính xác thì sơ đồ tương tự cũng đúng với Sao Thủy, vốn có các cõi trí tuệ hạ và thượng trí và cõi cảm dục riêng. Khi chúng ta đến các hành tinh B và F, chúng ta thấy rằng chúng không có đối phần hồng trần; chúng là các hành tinh cảm dục, nhưng mỗi hành tinh có các cõi thượng thiên và hạ thiên riêng và cả các cõi cao hơn nữa. Các hành tinh A và G, như có thể thấy từ

matter; they too have their higher mental, Buddhic, Atmic and higher planes, but they have no planes below the lower mental plane. We must think then, of the seven planets—A, B, Mars, Earth Mercury, F and G—as complete in themselves, and each revolving round the sun; but only three of them are visible to our physical eyes.

We can now grasp in general outline the work of the life wave. The life wave on the Earth, at this actual moment, is doing the work, so far as humanity is concerned, of the Third, Fourth and Fifth Root-races, and it has progressed up to the point of starting the first variants—the sixth sub-race of the Fifth Root-Race; they are now appearing in the United States of America, Australia and New Zealand. Side by side with the work of humanity is the evolutionary work of animals, plants, minerals and the three types of Elemental Essence.

There still remains to be done on the Earth the work of the seventh sub-race of the Fifth Root-race, and the vast work of the Sixth and Seventh Root-races which are still to come, with their respective sub-races and variations. How many hundreds of thousands of years more this work will require, we can scarcely tell; but the life wave will not have accomplished the work set before it, during its occupation of the Earth and its higher planes, till all this further work comes to a successful conclusion.

When the seventh sub-race of the Seventh Root-Race has given its message to evolution there is no more work to be done, for the time, on the Earth; the life wave then passes on to another planet, to begin there the next stage of its unfoldment. This planet is Mercury. On

sơ đồ, là các bầu vật chất hạ trí; chúng cũng có các cõi Bồ đề, atma, trí tuệ cao hơn và các cõi cao hơn, nhưng chúng không có cõi nào thấp hơn cõi hạ trí. Vì vậy, chúng ta phải nghĩ về bảy hành tinh—A, B, Sao Hỏa, Trái Đất, Sao Thủy, F và G—như là hoàn chỉnh trong bản thân chúng, và mỗi hành tinh quay quanh mặt trời; nhưng chỉ có ba trong số chúng là hữu hình đối với đôi mắt hồng trần của chúng ta.

Bây giờ chúng ta có thể nắm bắt được một cách khái quát công việc của làn sóng sự sống. Làn sóng sự sống trên Trái Đất, vào thời điểm hiện tại, đang thực hiện công việc, liên quan đến nhân loại, của các Giống Dân Gốc Thứ Ba, Thứ Tư và Thứ Năm, và nó đã tiến triển đến mức bắt đầu các biến thể đầu tiên—giống dân phụ thứ sáu của Giống Dân Gốc Thứ Năm; chúng hiện đang xuất hiện ở Hoa Kỳ, Úc và New Zealand. Song song với công việc của nhân loại là công việc tiến hóa của động vật, thực vật, khoáng vật và ba loại Tinh chất Hành khí.

Vẫn còn phải thực hiện trên Trái Đất công việc của giống dân phụ thứ bảy của Giống Dân Gốc Thứ Năm, và công việc to lớn của các Giống Dân Gốc Thứ Sáu và Thứ Bảy vốn vẫn còn ở phía trước, với các giống dân phụ và biến thể tương ứng của chúng. Chúng ta khó có thể biết được công việc này sẽ đòi hỏi thêm bao nhiêu trăm ngàn năm nữa; nhưng làn sóng sự sống sẽ không hoàn thành công việc đã đặt ra trước mắt nó, trong thời gian nó chiếm giữ Trái Đất và các cõi cao hơn của nó, cho đến khi tất cả công việc tiếp theo này đi đến một kết luận thành công.

Khi giống dân phụ thứ bảy của Giống Dân Gốc Thứ Bảy đã truyền tải thông điệp của nó đến quá trình tiến hóa thì không còn công việc nào phải làm nữa, trong thời gian đó, trên Trái Đất; làn sóng sự sống sau đó chuyển sang một hành tinh khác, để bắt đầu ở đó giai đoạn tiếp theo

Mercury, as on the Earth, the life wave in all its divisions, from Elemental Essence I to Humanity, will continue its work from stage to stage; in the human kingdom there will be seven Root-races with their sub-races. Each Root-race, through the structure of its visible and invisible bodies, enables the development of some new form and expression of consciousness and activity; hence the need for the various Root-races and their subdivisions.

After the life wave has finished on Mercury, it will be transferred to the next planet, which is F. On F, which is an astral planet and has no physical counterpart, obviously there can be no physical forms for the evolving life; that life will have to do its work through forms of astral and higher matter. After the life wave has completed its work on planet F, it will then be transferred to planet G. As this planet G is composed of lower mental matter, all evolution will necessarily take place in forms of this and finer types of matter. When the life wave completes its work on planet G, it will pass on to evolutionary work on planet A. From A it will pass on to B, where evolution will be resumed again in astral forms. After the work done on B, the life wave will pass on to Mars, where work will be begun once again through physical forms also. After the life wave completes its work on Mars, it will be transferred to the Earth, there to begin another stage of evolution through new human, animal and, vegetable types. When the life wave has completed its work on the seven planets in succession, it will have taken a period of time called a "Round".

của sự khai triển của nó. Hành tinh này là Sao Thủy. Trên Sao Thủy, cũng như trên Trái Đất, làn sóng sự sống trong tất cả các phân ngành của nó, từ Tinh chất Hành khí I đến Nhân loại, sẽ tiếp tục công việc của nó từ giai đoạn này sang giai đoạn khác; trong giới nhân loại sẽ có bảy Giống Dân Gốc với các giống dân phụ của chúng. Mỗi Giống Dân Gốc, thông qua cấu trúc của các thể hữu hình và vô hình của nó, cho phép sự phát triển của một số hình thức và biểu hiện mới của tâm thức và hoạt động; do đó cần có các Giống Dân Gốc khác nhau và các phân ngành của chúng.

Sau khi làn sóng sự sống kết thúc trên Sao Thủy, nó sẽ được chuyển sang hành tinh tiếp theo, đó là F. Trên F, vốn là một hành tinh cảm dục và không có đối phần hồng trần, rõ ràng là không thể có các hình tướng hồng trần cho sự sống đang tiến hóa; sự sống đó sẽ phải thực hiện công việc của mình thông qua các hình tướng vật chất cảm dục và cao hơn. Sau khi làn sóng sự sống đã hoàn thành công việc của mình trên hành tinh F, nó sẽ được chuyển sang hành tinh G. Vì hành tinh G này bao gồm vật chất hạ trí, nên tất cả quá trình tiến hóa nhất thiết sẽ diễn ra trong các hình tướng vật chất này và các loại vật chất tốt đẹp hơn. Khi làn sóng sự sống hoàn thành công việc của mình trên hành tinh G, nó sẽ chuyển sang công việc tiến hóa trên hành tinh A. Từ A, nó sẽ chuyển sang B, nơi quá trình tiến hóa sẽ được tiếp tục lại trong các hình tướng cảm dục. Sau khi công việc được thực hiện trên B, làn sóng sự sống sẽ chuyển sang Sao Hỏa, nơi công việc sẽ được bắt đầu một lần nữa thông qua các hình tướng hồng trần. Sau khi làn sóng sự sống hoàn thành công việc của mình trên Sao Hỏa, nó sẽ được chuyển sang Trái Đất, để bắt đầu ở đó một giai đoạn tiến hóa khác thông qua các loại hình người, động vật và thực vật mới. Khi làn sóng sự sống đã hoàn thành công việc của mình trên bảy hành tinh liên tiếp, nó sẽ mất một khoảng thời gian được gọi là "Cuộc

In the description so far given of the transference of the life wave, it was made to start from the Earth and to pass through Mercury, F, G, A, B, Mars, to return to the Earth again, thus making a completed Round. In reality, however, the life wave begins on planet A, then passes on to planet B, and next to Mars, Earth, Mercury; F and G. Our present life wave, therefore, began long ages ago on planet A in the First Round, and has already gone through three complete Rounds; only after this work was done, began then the work of the Fourth Round, on planet A. Then the life wave passed on to B, and then to Mars, and so to the Earth; this is where it is today.

In the evolutionary scheme, we are at present on the fourth planet of the Fourth Round. This is exactly midway in the larger scheme of our evolution, since the life wave has yet to complete the Fourth Round bypassing to Mercury, F and G, and then afterwards to complete the Fifth, Sixth and Seventh Rounds. When the life wave has so passed through seven complete Rounds in succession, the time occupied in the process is called a Chain.

These facts are summarized in Fig. 70.

Tuần Hoàn”.

Trong phần mô tả đã trình bày về sự chuyển giao của làn sóng sự sống, nó được tạo ra để bắt đầu từ Trái Đất và đi qua Sao Thủy, F, G, A, B, Sao Hỏa, để quay trở lại Trái Đất một lần nữa, do đó tạo thành một Cuộc Tuần Hoàn hoàn chỉnh. Tuy nhiên, trên thực tế, làn sóng sự sống bắt đầu trên hành tinh A, sau đó chuyển sang hành tinh B, và tiếp theo là Sao Hỏa, Trái Đất, Sao Thủy; F và G. Do đó, làn sóng sự sống hiện tại của chúng ta đã bắt đầu từ rất lâu trước đây trên hành tinh A trong Cuộc Tuần Hoàn Thứ Nhất, và đã trải qua ba Cuộc Tuần Hoàn hoàn chỉnh; chỉ sau khi công việc này được thực hiện, thì công việc của Cuộc Tuần Hoàn Thứ Tư mới bắt đầu, trên hành tinh A. Sau đó, làn sóng sự sống chuyển sang B, rồi đến Sao Hỏa, và đến Trái Đất; đây là nơi nó đang ở ngày hôm nay.

Trong sơ đồ tiến hóa, hiện tại chúng ta đang ở hành tinh thứ tư của Cuộc Tuần Hoàn Thứ Tư. Điều này hoàn toàn nằm giữa sơ đồ lớn hơn về quá trình tiến hóa của chúng ta, vì làn sóng sự sống vẫn chưa hoàn thành Cuộc Tuần Hoàn Thứ Tư bằng cách đi vòng qua Sao Thủy, F và G, và sau đó hoàn thành các Cuộc Tuần Hoàn Thứ Năm, Thứ Sáu và Thứ Bảy. Khi làn sóng sự sống đã đi qua bảy Cuộc Tuần Hoàn hoàn chỉnh liên tiếp, thì thời gian chiếm dụng trong quá trình này được gọi là một Dãy.

Những sự kiện này được tóm tắt trong Hình 70.



Seven sub-races compose one Root-race; the time occupied by seven Root-races is that of one World Period. Seven World Periods, on seven successive globes while the life wave passes from one to another, compose one Round. Seven Rounds, in each of which the life wave has passed from planet to planet, compose one Chain.

The work of evolution, of all life and form in the solar system is, however, not accomplished within the period of one Chain. It is intended in the Plan that, during the period of activity of one Chain, one kingdom of life shall have evolved to the next-higher kingdom; thus, that which began as animal life at the beginning of bur Chain, that is, on planet A of the First Round, will rise to the stage of humanity at the end of the Chain, which will be on planet G of the Seventh Round; similarly, that which began the Chain as vegetable life will, at its ending, have risen to the animal life. If we look back to Fig. 68, we see the various steps of evolution of the kingdom of life; each step requires one complete Chain.

When our Chain began on planet A of our First

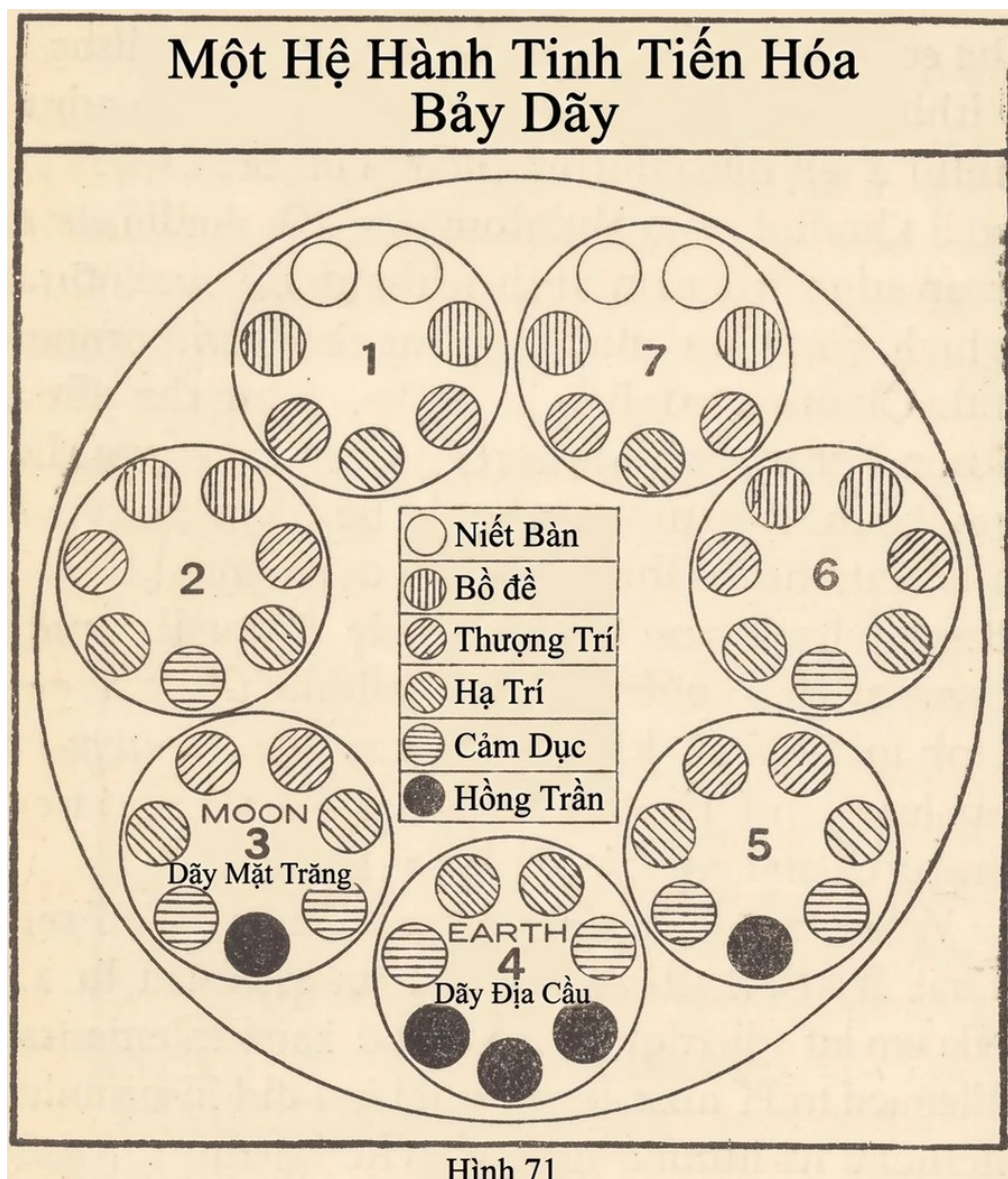
Bảy giống dân phụ hợp thành một Giống Dân Gốc; thời gian chiếm dụng bởi bảy Giống Dân Gốc là thời gian của một Thời Kỳ Thế Giới. Bảy Thời Kỳ Thế Giới, trên bảy bầu liên tiếp trong khi làn sóng sự sống đi từ bầu này sang bầu khác, hợp thành một Cuộc Tuần Hoàn. Bảy Cuộc Tuần Hoàn, trong mỗi cuộc tuần hoàn mà làn sóng sự sống đã đi từ hành tinh này sang hành tinh khác, hợp thành một Dây.

Tuy nhiên, công việc tiến hóa của tất cả sự sống và hình tướng trong hệ mặt trời không được hoàn thành trong khoảng thời gian của một Dây. Theo Thiên Cơ, trong thời gian hoạt động của một Dây, một giới sự sống sẽ tiến hóa lên giới cao hơn tiếp theo; do đó, thứ bắt đầu là sự sống động vật vào đầu Dây của chúng ta, nghĩa là trên hành tinh A của Cuộc Tuần Hoàn Thứ Nhất, sẽ vươn lên giai đoạn nhân loại vào cuối Dây, vốn sẽ ở trên hành tinh G của Cuộc Tuần Hoàn Thứ Bảy; tương tự, thứ bắt đầu Dây là sự sống thực vật, khi kết thúc, sẽ vươn lên sự sống động vật. Nếu chúng ta nhìn lại Hình 68, chúng ta thấy các bước tiến hóa khác nhau của giới sự sống; mỗi bước đòi hỏi một Dây hoàn chỉnh.

Khi Dây của chúng ta bắt đầu trên hành tinh A

Round, the work was commenced In all the seven kingdoms, from the First Elemental Essence to Humanity; but where did Humanity achieve its human characteristics, and the animal life its animal characteristics, so as to begin the Chain already thus equipped? To answer this we must turn to Fig. 71.

của Cuộc Tuần Hoàn Thứ Nhất, công việc đã được bắt đầu trong tất cả bảy giới, từ Tinh chất Hành khí Thứ Nhất đến Nhân loại; nhưng Nhân loại đã đạt được các đặc điểm của con người ở đâu, và sự sống động vật đạt được các đặc điểm động vật của nó ở đâu, để bắt đầu Dây đã được trang bị như vậy? Để trả lời điều này, chúng ta phải chuyển sang Hình 71.



We find in it, as the fourth circle, the Earth Chain; this is practically Fig. 69 in miniature, for we find Mars, Earth and Mercury as the three black spheres denoting physical matter,

Chúng ta thấy trong đó, là vòng tròn thứ tư, Dây Địa Cầu; đây thực tế là Hình 69 thu nhỏ, vì chúng ta thấy Sao Hỏa, Trái Đất và Sao Thủy là ba hình cầu màu đen biểu thị vật chất hồng

while planets B and F are marked as of astral matter and planets A and G as of matter of the lower mental plane. We see preceding the Fourth Chain a Third, called in the diagram the Moon Chain. In this Moon Chain we find that there are seven globes, but only one of them is physical, while two are astral, two are lower mental, and two higher mental.

Now, our life wave, before it entered our Chain, the Earth Chain, was for countless ages the life of the preceding Chain, the Moon Chain; but the life wave on the Moon Chain was exactly one stage earlier than what it is today on the Earth Chain. That is to say, that which is humanity now on the Earth Chain was the animal kingdom of the Moon Chain; our present animal kingdom of the Earth Chain was the vegetable kingdom of the Moon Chain; and similarly, all the other kingdoms of life on the Earth Chain were one stage earlier on the Moon Chain.

In an exactly similar fashion, the kingdoms of life of the Moon Chain themselves came into it from an earlier Chain still, Chain No.2 on the diagram. It will be seen that this Chain has no physical planet at all, but is composed of one astral, two lower mental, two higher mental, and two planets of Buddhic matter. Each kingdom of life on this Second Chain was exactly one stage earlier than it was on the Moon Chain; thus, that which was the animal kingdom of the Moon Chain was the vegetable kingdom of Chain No.2. Chain No.2 itself derived its life from an earlier Chain No. 1; in this we have only one lower mental planet, two higher mental, two of Buddhic matter, and two of Nirvanic matter.

The kingdoms of life on this Chain No.1 were at one stage earlier than they were on Chain No.2. To sum up, following the direction of evolution, that which began on Chain No.1 as

trần, trong khi các hành tinh B và F được đánh dấu là vật chất cảm dục và các hành tinh A và G là vật chất của cõi hạ trí. Chúng ta thấy trước Dây Thứ Tư là Dây Thứ Ba, được gọi trong sơ đồ là Dây Mặt Trăng. Trong Dây Mặt Trăng này, chúng ta thấy rằng có bảy bầu, nhưng chỉ có một trong số chúng là hồng trần, trong khi hai là cảm dục, hai là hạ trí và hai là thượng trí.

Giờ đây, làn sóng sự sống của chúng ta, trước khi nó đi vào Dây của chúng ta, Dây Địa Cầu, đã là sự sống của Dây trước đó, Dây Mặt Trăng trong vô số kỷ nguyên; nhưng làn sóng sự sống trên Dây Mặt Trăng sớm hơn đúng một giai đoạn so với những gì nó đang có ngày nay trên Dây Địa Cầu. Điều đó có nghĩa là, thứ là nhân loại bây giờ trên Dây Địa Cầu là giới động vật của Dây Mặt Trăng; giới động vật hiện tại của chúng ta trên Dây Địa Cầu là giới thực vật của Dây Mặt Trăng; và tương tự, tất cả các giới sự sống khác trên Dây Địa Cầu sớm hơn một giai đoạn trên Dây Mặt Trăng.

Theo một cách hoàn toàn tương tự, các giới sự sống của Dây Mặt Trăng đã đi vào nó từ một Dây trước đó nữa, Dây Số 2 trên sơ đồ. Có thể thấy rằng Dây này hoàn toàn không có hành tinh hồng trần nào, mà bao gồm một hành tinh cảm dục, hai hành tinh hạ trí, hai hành tinh thượng trí và hai hành tinh vật chất Bồ đề. Mỗi giới sự sống trên Dây Thứ Hai này sớm hơn đúng một giai đoạn so với trên Dây Mặt Trăng; do đó, thứ là giới động vật của Dây Mặt Trăng là giới thực vật của Dây Số 2. Bản thân Dây Số 2 có được sự sống của nó từ một Dây Số 1 trước đó; trong đó chúng ta chỉ có một hành tinh hạ trí, hai hành tinh thượng trí, hai hành tinh vật chất Bồ đề và hai hành tinh vật chất Niết Bàn.

Các giới sự sống trên Dây Số 1 này ở giai đoạn sớm hơn một giai đoạn so với trên Dây Số 2. Tóm lại, theo hướng tiến hóa, thứ bắt đầu trên Dây Số 1 là giới kim thạch xuất hiện trên Dây

the mineral kingdom appeared on Chain No.2 as the vegetable kingdom, and on Chain No.3—the Moon Chain—as the animal kingdom, and on Chain No. 4—our present Earth Chain—it is our Humanity.

When the work of this Earth Chain is completed at the end of the Seventh Round, each kingdom of evolving life will have ascended one stage; our animals of today will, at the end of our Chain, have come to the human level; our vegetable life will have entered into the animal kingdom. Our Humanity will have gone to a stage beyond humanity. The Fifth Chain will be similar to the Third Chain, so far, at least, as the nature of its globes is concerned; just as, on the Third Chain, there was only one physical planet, so will there be but one physical planet in the Fifth Chain, though it will have two astral planets, two of lower mental matter, and two of higher mental.

The constituent planets of Chains No.6 and No.7 will be as marked on the diagram.

The work of the First, Second and Third Chains is now over, and their planets have disintegrated, except that the only physical planet of the Third Chain still remains, though shrunk, as the Moon which goes round the Earth. The Moon has now on it none of the life wave, and it is practically a dead planet, waiting its final disintegration. Evolution is now exactly midway among the seven Chains, since our present Chain is the Fourth; and on this Fourth Chain we are at the fourth planet of the Fourth Round.

We have before us, when the work of the Earth Chain is completed, work to be done by the kingdoms of evolving life in the next, the Fifth Chain. This Chain will have one physical

Số 2 là giới thực vật, và trên Dây Số 3—Dây Mặt Trăng—là giới động vật, và trên Dây Số 4—Dây Địa Cầu hiện tại của chúng ta—nó là Nhân loại của chúng ta.

Khi công việc của Dây Địa Cầu này hoàn thành vào cuối Cuộc Tuần Hoàn Thứ Bảy, mỗi giới sự sống đang tiến hóa sẽ thăng lên một giai đoạn; động vật của chúng ta ngày nay, vào cuối Dây của chúng ta, sẽ đạt đến trình độ con người; sự sống thực vật của chúng ta sẽ bước vào giới động vật. Nhân loại của chúng ta sẽ đi đến một giai đoạn vượt ra ngoài nhân loại. Dây Thứ Năm sẽ tương tự như Dây Thứ Ba, ít nhất là về bản chất của các bầu của nó; giống như trên Dây Thứ Ba, chỉ có một hành tinh hồng trần, thì cũng sẽ chỉ có một hành tinh hồng trần trong Dây Thứ Năm, mặc dù nó sẽ có hai hành tinh cảm dục, hai hành tinh vật chất hạ trí và hai hành tinh vật chất thượng trí.

Các hành tinh cấu thành của các Dây Số 6 và Số 7 sẽ được đánh dấu trên sơ đồ.

Công việc của các Dây Thứ Nhất, Thứ Hai và Thứ Ba hiện đã kết thúc, và các hành tinh của chúng đã tan rã, ngoại trừ hành tinh hồng trần duy nhất của Dây Thứ Ba vẫn còn tồn tại, mặc dù đã co lại, như Mặt Trăng quay quanh Trái Đất. Mặt Trăng hiện không có làn sóng sự sống nào trên đó, và nó thực tế là một hành tinh chết, chờ đợi sự tan rã cuối cùng của nó. Quá trình tiến hóa hiện đang diễn ra chính xác ở giữa bảy Dây, vì Dây hiện tại của chúng ta là Dây Thứ Tư; và trên Dây Thứ Tư này, chúng ta đang ở hành tinh thứ tư của Cuộc Tuần Hoàn Thứ Tư.

Chúng ta có trước mắt, khi công việc của Dây Địa Cầu hoàn thành, công việc sẽ được thực hiện bởi các giới sự sống đang tiến hóa trong Dây tiếp theo, Dây Thứ Năm. Dây này sẽ có

planet, which will be made by coalescing into one planetary mass the Asteroids, which now make a ring of little planets between Mars and Jupiter. By the time the Asteroids have coalesced into a planet, and become the center of evolution of the life wave, the work will have been completed in the Earth Chain. Our Earth will have become a dead planet with no evolving life upon it; it will have shrunk in size through loss of its liquids and gases and other causes, and It will then be attracted to the physical planet of the new Chain and attached to it as a Moon.

Our present animal kingdom will begin the work of the Fifth Chain as its humanity; our present vegetable kingdom will then be its animal kingdom. In exactly a similar way, the work in the Sixth and Seventh Chains, which are yet to come, will be accomplished. In each successive Chain the life evolves from one kingdom to the next beyond it.

The work done through seven Chains in succession makes one "Scheme of Evolution". There are seven such Schemes of Evolution, and over the work of each presides a Planetary Logos; nay, more, each Scheme is the *expression* of His exalted Life, and the seven Chains of His Scheme are as successive incarnations of that Life. Each of the seven Planetary Logoi has thus before Him a Scheme of Evolution to develop and guide; each Scheme involves seven Chains, and each Chain requires seven distinct globes.

There are now in the solar system seven Schemes of Evolution; they require, at some stage of their work, a physical planet; the stage of each of these seven Schemes is given in our next diagram, Fig. 72. (We are told that there are three Schemes which require no physical

một hành tinh hồng trần, vốn sẽ được tạo ra bằng cách hợp nhất thành một khối hành tinh các Tiểu Hành Tinh, hiện tạo thành một vành đai các hành tinh nhỏ giữa Sao Hỏa và Sao Mộc. Vào thời điểm các Tiểu Hành Tinh đã hợp nhất thành một hành tinh và trở thành trung tâm tiến hóa của làn sóng sự sống, công việc sẽ được hoàn thành trong Dây Địa Cầu. Trái Đất của chúng ta sẽ trở thành một hành tinh chết không có sự sống tiến hóa trên đó; nó sẽ co lại về kích thước do mất chất lỏng và khí và các nguyên nhân khác, và sau đó Nó sẽ bị hút về hành tinh hồng trần của Dây mới và gắn vào nó như một Mặt Trăng.

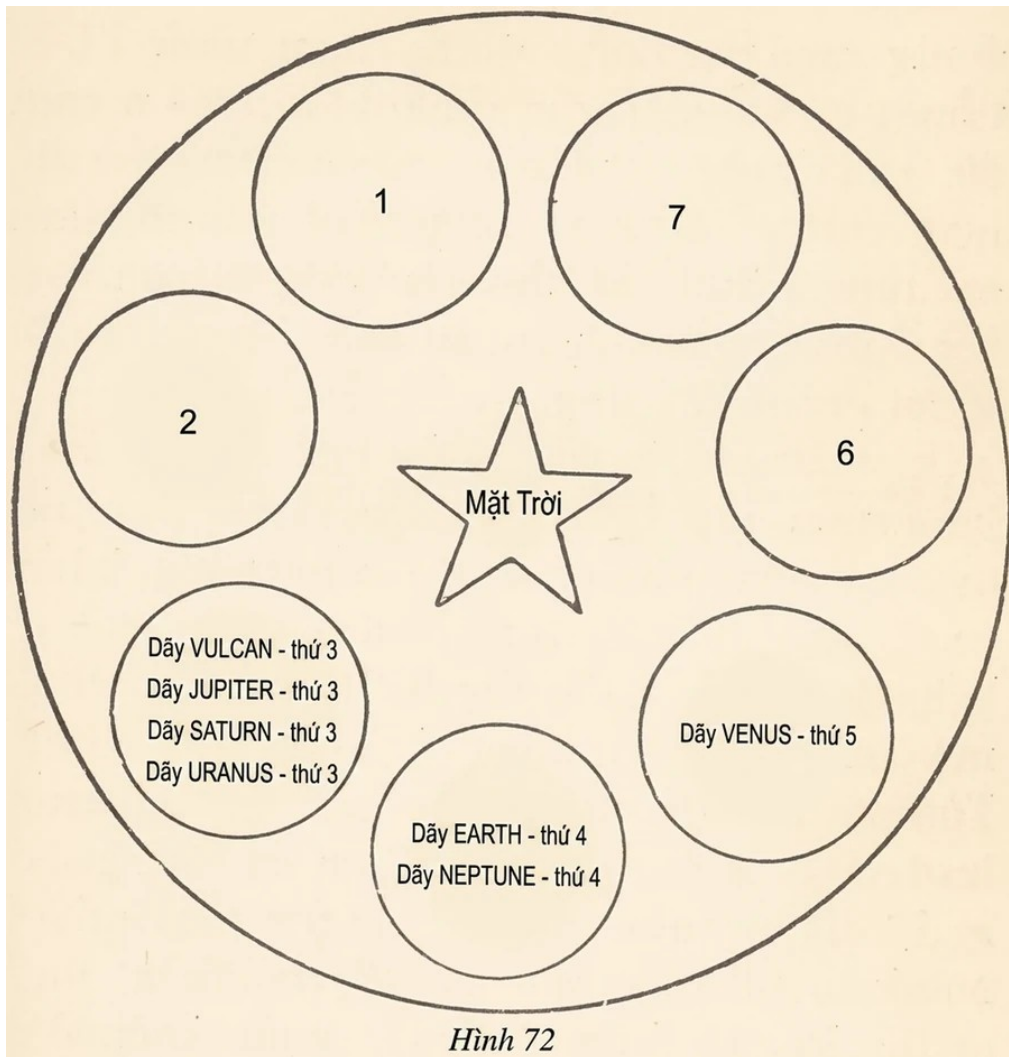
Giới động vật hiện tại của chúng ta sẽ bắt đầu công việc của Dây Thứ Năm với tư cách là nhân loại của nó; giới thực vật hiện tại của chúng ta sau đó sẽ là giới động vật của nó. Theo một cách hoàn toàn tương tự, công việc trong các Dây Thứ Sáu và Thứ Bảy, vốn vẫn còn ở phía trước, sẽ được hoàn thành. Trong mỗi Dây liên tiếp, sự sống tiến hóa từ giới này sang giới tiếp theo.

Công việc được thực hiện thông qua bảy Dây liên tiếp tạo thành một "Sơ Đồ Tiến Hóa". Có bảy Sơ Đồ Tiến Hóa như vậy, và mỗi Sơ Đồ đều có một Hành Tinh Thượng để chủ trì công việc; hơn nữa, mỗi Sơ Đồ là sự biểu hiện của Sự Sống cao cả của Ngài, và bảy Dây của Sơ Đồ của Ngài giống như những lần hóa thân liên tiếp của Sự Sống đó. Do đó, mỗi một trong bảy Hành Tinh Thượng để có trước Ngài một Sơ Đồ Tiến Hóa để phát triển và hướng dẫn; mỗi Sơ Đồ bao gồm bảy Dây, và mỗi Dây đòi hỏi bảy bầu riêng biệt.

Hiện có bảy Sơ Đồ Tiến Hóa trong hệ mặt trời; chúng đòi hỏi, ở một số giai đoạn trong công việc của chúng, một hành tinh hồng trần; giai đoạn của mỗi một trong bảy Sơ Đồ này được đưa ra trong sơ đồ tiếp theo của chúng ta, Hình 72. (Chúng ta được cho biết rằng có ba Sơ Đồ

planet at all; but there is no information about their arrangement.) The Schemes of Evolution which involve Vulcan, Jupiter, Saturn and Uranus, are behind the Earth Scheme by one Chain; the Neptune Scheme (which includes Pluto and another planet not yet discovered) is, like the Earth Scheme, at its Fourth Chain whereas the Venus Scheme of Evolution is in advance of the Earth Scheme by one Chain.

không yêu cầu hành tinh hồng trần nào cả; nhưng không có thông tin về sự sắp xếp của chúng.) Các Sơ Đồ Tiến Hóa liên quan đến Vulcan, Sao Mộc, Sao Thổ và Sao Thiên Vương, đi sau Sơ Đồ Trái Đất một Dãy; Sơ Đồ Sao Hải Vương (bao gồm Sao Diêm Vương và một hành tinh khác chưa được khám phá) cũng giống như Sơ Đồ Trái Đất, ở Dãy Thứ Tư của nó, trong khi Sơ Đồ Tiến Hóa Sao Kim đi trước Sơ Đồ Trái Đất một Dãy.



It must be remembered that though a physical planet may not be able, owing to heat and pressure or absence of atmosphere, to permit life in such organisms as we have on our Earth, nevertheless there are types of non-

Cần nhớ rằng mặc dù một hành tinh hồng trần có thể không có khả năng, do nhiệt và áp suất hoặc thiếu bầu khí quyển, cho phép sự sống trong các sinh vật như chúng ta có trên Trái Đất, tuy nhiên có những loại hình tiến hóa phi

physical evolution which can do their work efficiently on the astral planes of planets, where physical life is not possible.

It is because the Venus Scheme is one Chain in advance of the Earth, and therefore the average humanity of Venus is near the Adept level, that Adepts from Venus were able to help the work of the Earth Chain at its commencement, becoming Lords of Worlds, Manus, Buddhas, Chohans, and other great leaders of our evolution. These are the “gods” and “divine rulers” of the myths of primitive mankind. In exactly a similar fashion, such of the Earth’s humanity as attain Adeptship at the end of the Earth Chain, and care to do so, may begin helping the work of evolution of the four backward Chains of the Vulcan, Saturn, Jupiter and Uranus Schemes.

When an individual completes the work of evolution set before him, he attains the level of a Master of the Wisdom. He will attain this level, in the normal course of slow evolution, at the end of the Seventh Round of this Chain; but he may, by hastening his evolution, attain Adeptship far earlier than this. A small number among the advanced souls of humanity have already done so. Whenever a soul attains the Adept level, and has gained such experiences as this Chain can afford him, he has before him seven choices, regarding his future growth and activity. These seven choices are summarized in our next diagram, Fig. 73.

vật chất có thể thực hiện công việc của chúng một cách hiệu quả trên các cõi cảm dục của các hành tinh, nơi sự sống hồng trần là không thể.

Chính vì Hệ Sao Kim đi trước Dãy Địa Cầu một Dãy, và do đó nhân loại trung bình của Sao Kim gần đến cấp độ Chân sư, mà các Chân sư từ Sao Kim đã có thể giúp công việc của Dãy Địa Cầu khi nó bắt đầu, trở thành các Đức Chúa Tể Thế Giới, các Đức Manu, các Đức Phật, các Đức Chohan, và những nhà lãnh đạo vĩ đại khác trong quá trình tiến hóa của chúng ta. Đây là những “vị thần” và “những nhà cai trị thiêng liêng” trong các huyền thoại của nhân loại sơ khai. Theo một cách hoàn toàn tương tự, những người trong nhân loại của Trái Đất đạt đến cấp bậc Chân sư vào cuối Dãy Địa Cầu, và muốn làm như vậy, có thể bắt đầu giúp đỡ công việc tiến hóa của bốn Dãy lạc hậu của các Hệ Vulcan, Sao Thổ, Sao Mộc và Sao Thiên Vương.

Khi một cá nhân hoàn thành công việc tiến hóa được đặt ra trước y, y đạt đến cấp độ của một Chân sư Minh Triết. Y sẽ đạt đến cấp độ này, trong quá trình tiến hóa chậm chạp thông thường, vào cuối Cuộc Tuần Hoàn Thứ Bảy của Dãy này; nhưng y có thể, bằng cách đẩy nhanh quá trình tiến hóa của mình, đạt được cấp bậc Chân sư sớm hơn nhiều so với điều này. Một số ít trong số những linh hồn tiến hóa của nhân loại đã làm như vậy. Bất cứ khi nào một linh hồn đạt đến cấp độ Chân sư, và đã đạt được những kinh nghiệm mà Dãy này có thể mang lại cho y, y có bảy lựa chọn trước mắt, liên quan đến sự tăng trưởng và hoạt động trong tương lai của y. Bảy lựa chọn này được tóm tắt trong sơ đồ tiếp theo của chúng ta, Hình 73.

BẢY LỰA CHỌN CỦA NGƯỜI HOÀN THIỆN.

1. Ở LẠI VỚI NHÂN LOẠI: VỚI TƯ CÁCH LÀ VIÊN CHỨC CỦA THÁNH ĐOÀN.
2. Ở LẠI VỚI NHÂN LOẠI: VỚI TƯ CÁCH LÀ 'NIRMANAKAYA'.
3. GIA NHẬP CÁC THIÊN THẦN HOẶC HÀNG NGŨ THIÊN THẦN.
4. GIA NHẬP 'HỘI ĐỒNG THAM MƯU CỦA THƯỢNG ĐẾ'.
5. CHUẨN BỊ CÔNG VIỆC CHO 'DÃY' TIẾP THEO.
6. ĐI VÀO NIRVANA.
7. ĐI VÀO NIRVANA.

HÌNH 73.

Among the seven choices none is better than the others; each Adept will choose his path according to his temperament and the needs of the Great Plan. A certain number, quite a minority, decide to qualify themselves to become Manus, Buddhas, Chohans and other officials of the Hierarchy who guide the evolution of the kingdoms of life on a globe; this choice requires constant physical incarnation, though, as an Adept, the need for incarnation is long over. Adepts of another temperament, while not desiring to take office as officials of the Hierarchy, nevertheless remain with humanity, and live in the invisible worlds as "Nirmanakayas"; in this condition of existence, they create great spiritual forces, which are then transferred to the members of the Hierarchy to be used to further human advancement.

A third type of Adept passes into the kingdom of the Devas or Angelic Hosts, there to work sometimes indirectly with humanity as Angels, and sometimes to do the work of the

Trong số bảy lựa chọn, không có lựa chọn nào tốt hơn những lựa chọn khác; mỗi Chân sư sẽ chọn con đường của mình theo tính khí và nhu cầu của Thiên Cơ. Một số lượng nhất định, khá ít, quyết định đủ điều kiện để trở thành các Đức Manu, các Đức Phật, các Đức Chohan và các quan chức khác của Thánh Đoàn, vốn hướng dẫn sự tiến hóa của các giới sống trên một bầu hành tinh; sự lựa chọn này đòi hỏi sự hóa thân thể xác liên tục, mặc dù, với tư cách là một Chân sư, nhu cầu hóa thân đã qua từ lâu. Các Chân sư có tính khí khác, mặc dù không mong muốn nhậm chức với tư cách là quan chức của Thánh Đoàn, tuy nhiên vẫn ở lại với nhân loại, và sống trong những thế giới vô hình với tư cách là "Nirmanakayas"; trong điều kiện tồn tại này, Các Ngài tạo ra những mãnh lực tinh thần vĩ đại, sau đó được chuyển giao cho các thành viên của Thánh Đoàn để được sử dụng để thúc đẩy sự tiến bộ của nhân loại.

Loại Chân sư thứ ba đi vào giới của các Deva hoặc Thiên Thần, ở đó đôi khi làm việc gián tiếp với nhân loại với tư cách là các Thiên Thần, và đôi khi thực hiện công việc của các

Angelic Hosts in other parts of the solar system than the Earth. Yet another type of Adept enrolls himself in the "Staff Corps of the Logos", training himself to work in any part of the solar system, and in any work needed, where he may be sent, in accordance with the needs of the Plan. A certain number of Adepts will choose to do the work of preparation necessary to initiate the Fifth Chain. The sixth and seventh types of Adepts enter upon a phase of spiritual evolution and activity incomprehensible to our consciousness, and technically called "entering Nirvana"; they do not achieve any kind of "annihilation" or negativity, but give their splendid contribution to the Great Plan, though in ways incomprehensible to our present limited human consciousness.

All this process of evolution, taking millions of years for its unfoldment, is far vaster than our imagination can conceive. At each stage, more power, wisdom and beauty are released in the universe. The vegetable kingdom in each Round is more highly evolved than the vegetable kingdom of the previous Round; in each Chain it is more evolved still. What our present trees, plants and shrubs, with their exquisite foliage and flowers, are to the antediluvian forests of tree ferns; what our birds, with their gorgeous coloring, song and joyous life, are to their ungainly, drab ancestors of bygone ages; that too will the animal kingdom, of Rounds and Chains to come, be to what is the animal kingdom of the present Round. Even the invisible atom evolves, Round by Round and Chain by Chain; and all life grows in greater self-expression and self-revelation as the cycles go by.

Man's life, too, changes Round by Round; Our

Thiên Thần ở những nơi khác trong hệ mặt trời ngoài Trái Đất. Một loại Chân sư khác ghi danh vào "Đội ngũ Nhân viên của Thượng đế", tự đào tạo để làm việc ở bất kỳ nơi nào trong hệ mặt trời, và trong bất kỳ công việc cần thiết nào, nơi y có thể được cử đến, theo nhu cầu của Thiên Cơ. Một số lượng nhất định các Chân sư sẽ chọn thực hiện công việc chuẩn bị cần thiết để khởi xướng Dây Thứ Năm. Loại Chân sư thứ sáu và thứ bảy bước vào một giai đoạn tiến hóa và hoạt động tinh thần khó hiểu đối với tâm thức của chúng ta, và về mặt kỹ thuật được gọi là "bước vào Niết bàn"; Các Ngài không đạt được bất kỳ loại "hủy diệt" hoặc tiêu cực nào, mà cống hiến sự đóng góp tuyệt vời của mình cho Thiên Cơ, mặc dù theo những cách khó hiểu đối với tâm thức nhân loại hạn hẹp hiện tại của chúng ta.

Toàn bộ quá trình tiến hóa này, mất hàng triệu năm để mở ra, còn rộng lớn hơn nhiều so với trí tưởng tượng của chúng ta có thể hình dung. Ở mỗi giai đoạn, nhiều quyền năng, minh triết và vẻ đẹp được giải phóng trong vũ trụ. Giới thực vật trong mỗi Cuộc Tuần Hoàn tiến hóa cao hơn giới thực vật của Cuộc Tuần Hoàn trước đó; trong mỗi Dây, nó còn tiến hóa hơn nữa. Những cây cối, thực vật và cây bụi hiện tại của chúng ta, với tán lá và hoa tuyệt đẹp của chúng, đối với những khu rừng cây dương xỉ cổ đại trước trận đại hồng thủy là gì; những con chim của chúng ta, với màu sắc tuyệt đẹp, tiếng hót và cuộc sống vui tươi, đối với tổ tiên vụng về, xám xịt của chúng trong những thời đại đã qua là gì; thì giới động vật, của các Cuộc Tuần Hoàn và các Dây sắp tới, cũng sẽ như vậy đối với giới động vật của Cuộc Tuần Hoàn hiện tại. Ngay cả nguyên tử vô hình cũng tiến hóa, Cuộc Tuần Hoàn này qua Cuộc Tuần Hoàn khác và Dây này qua Dây khác; và tất cả sự sống phát triển trong sự tự biểu hiện và tự mặc khải lớn hơn khi các chu kỳ trôi qua.

Cuộc sống của con người cũng thay đổi theo

mental life will have in the next Round a richness scarce to be grasped today, for our lowest instrument of thinking, the brain, will be composed of atoms of substances more evolved than they are in this Fourth Round. Since matter is force, and form is life, and man's humanity is fundamentally Divinity, so, wherever evolution is, there the Logos is at work; and where He is, there a joyous work comes, step by step, near to fulfilment.

từng Cuộc Tuần Hoàn; Đời sống trí tuệ của chúng ta sẽ có trong Cuộc Tuần Hoàn tiếp theo một sự phong phú khó nắm bắt ngày nay, vì công cụ tư duy thấp nhất của chúng ta, bộ não, sẽ bao gồm các nguyên tử của các chất tiến hóa hơn so với trong Cuộc Tuần Hoàn Thứ Tư này. Vì vật chất là mãnh lực, và hình tướng là sự sống, và nhân loại của con người về cơ bản là Thiên Tính, nên, bất cứ nơi nào có sự tiến hóa, thì Thượng đế đang làm việc ở đó; và nơi Ngài ở, một công việc vui tươi sẽ đến, từng bước một, gần đến sự hoàn thành.

CHƯƠNG X

THE EVOLUTION OF MATTER AND FORCE—SỰ TIẾN HÓA CỦA VẬT CHẤT VÀ MẠNH LỰC

It is usual for men to make a contrast between mind and matter; mind signifies to them a spiritual faculty while matter denotes a lifeless unspiritual substance which is the very opposite of mind. But a new outlook arises when we realize that both mind and matter are the expressions and revelations of a wondrous Personality, the Logos “in whom we live and move and have our being”. Then we see that matter is no less divine than mind, and that there is a gospel of beauty and grandeur to be found, not only in the mind of a genius, but also in the tiny fragment of matter which makes a crystal. Behind both mind and matter a mighty Doer works, who wills to evolve, and who directs each stage. In the understanding of what constitutes His matter, no less than in the understanding of His mind, we may gain a slight glimpse into His Nature—that ever-attractive nature, for which matter is a mirror of His wisdom, strength and beauty.

Before we attempt to understand the Life of the Logos as matter, as revealed in Theosophy, we must first grasp fairly clearly what matter is, as modern science has discovered it for us. For the facts established by science are God's Facts, and the understanding of them enables us to lay a sure foundation for the deeper wisdom about God's Facts revealed in Theosophy. Leaving aside for the time the fact that matter consists fundamentally of “holes in the ether”, with those “holes” grouped into electrons, protons and neutrons, the matter of the world around us consists of various

Người ta thường tạo ra sự tương phản giữa thể trí và vật chất; thể trí biểu thị cho họ một năng lực tinh thần trong khi vật chất biểu thị một chất vô tri không tinh thần, vốn trái ngược với thể trí. Nhưng một viễn cảnh mới nảy sinh khi chúng ta nhận ra rằng cả thể trí và vật chất đều là những biểu hiện và mặt khác của một Phạm ngã kỳ diệu, Thượng đế “mà trong Ngài chúng ta sống, di chuyển và hiện hữu”. Sau đó, chúng ta thấy rằng vật chất thiêng liêng không kém gì thể trí, và có một phúc âm về vẻ đẹp và sự hùng vĩ được tìm thấy, không chỉ trong thể trí của một thiên tài, mà còn trong mảnh vật chất nhỏ bé tạo nên một tinh thể. Đằng sau cả thể trí và vật chất, một Đấng Thực Hiện hùng mạnh làm việc, Đấng muốn tiến hóa, và Đấng chỉ đạo từng giai đoạn. Trong sự thấu hiểu về những gì cấu thành vật chất của Ngài, không kém gì trong sự thấu hiểu về thể trí của Ngài, chúng ta có thể thoáng nhìn vào Bản Chất của Ngài—bản chất luôn hấp dẫn đó, mà vật chất là tấm gương phản chiếu minh triết, sức mạnh và vẻ đẹp của Ngài.

Trước khi chúng ta cố gắng thấu hiểu Sự Sống của Thượng đế như là vật chất, như được tiết lộ trong Thông Thiên Học, trước tiên chúng ta phải nắm bắt khá rõ ràng vật chất là gì, như khoa học hiện đại đã khám phá ra cho chúng ta. Vì những sự thật do khoa học thiết lập là Sự Thật của Thượng Đế, và sự thấu hiểu về chúng cho phép chúng ta đặt một nền tảng vững chắc cho sự minh triết sâu sắc hơn về Sự Thật của Thượng Đế được tiết lộ trong Thông Thiên Học. Tạm gác lại sự thật rằng vật chất về cơ bản bao gồm “các lỗ hổng trong dĩ thái”, với những “lỗ hổng” đó được nhóm lại thành các

substances with which we are more or less familiar. The earth we tread is solid, the water we drink is liquid, and the air we breathe is gaseous; our houses, our utensils, our furniture are all made of matter of various kinds—earths, woods, metals; we have matter, but of a different kind, in the living bodies of ourselves and of people around us, and in the plants and animals and other “living” things which people our world.

electron, proton và neutron, vật chất của thế giới xung quanh chúng ta bao gồm các chất khác nhau mà chúng ta ít nhiều quen thuộc. Đất mà chúng ta giẫm lên là chất rắn, nước chúng ta uống là chất lỏng, và không khí chúng ta hít thở là chất khí; nhà cửa, đồ dùng, đồ đạc của chúng ta đều được làm từ vật chất thuộc nhiều loại khác nhau—đất, gỗ, kim loại; chúng ta có vật chất, nhưng thuộc một loại khác, trong cơ thể sống của chính chúng ta và của những người xung quanh, và trong thực vật và động vật và những thứ “sống” khác vốn có trong thế giới của chúng ta.

Now, this matter is either solid, as wood or iron; liquid, as water; or gaseous, as the atmosphere. It exists for us in thousands of variations. But, numerous are the kinds of matter which compose the objects of our world, in reality they are made up out of a few fundamental substances. These fundamental substances are called the “chemical elements”, and modern science has, so far, tabulated for us 92 elements¹⁰. Each chemical element exists in an “atomic”¹¹ state; thus, for example, a piece of sulphur is an aggregation of sulphur “atoms”, and the nature of each of these atoms is such that it cannot be further subdivided, without losing its characteristic as the element. The atom (is built of protons (carrying a charge of positive electricity) electrons (negative electricity) and neutrons (neither positive nor negative).

The known chemical elements are divisible into two main groups—metals and non-metals.

Metallic elements are Aluminium, Manganese, Calcium, etc., and non-metals are Carbon, Boron, Oxygen, Chlorine, etc. Metals in electrolysis appear at the cathode or negative

Giờ đây, vật chất này có thể là chất rắn, như gỗ hoặc sắt; chất lỏng, như nước; hoặc chất khí, như khí quyển. Nó tồn tại cho chúng ta trong hàng ngàn biến thể. Nhưng, có vô số loại vật chất cấu thành các vật thể trong thế giới của chúng ta, trên thực tế, chúng được tạo thành từ một vài chất cơ bản. Những chất cơ bản này được gọi là “các nguyên tố hóa học”, và cho đến nay, khoa học hiện đại đã lập bảng cho chúng ta 92 nguyên tố. Mỗi nguyên tố hóa học tồn tại ở trạng thái “nguyên tử”; ví dụ, một miếng lưu huỳnh là một tập hợp các “nguyên tử” lưu huỳnh, và bản chất của mỗi nguyên tử này là nó không thể được chia nhỏ hơn nữa, mà không làm mất đi đặc tính của nó như là nguyên tố. Nguyên tử (được cấu tạo từ các proton (mang điện tích dương) electron (điện tích âm) và neutron (không dương cũng không âm).

Các nguyên tố hóa học đã biết có thể chia thành hai nhóm chính—kim loại và phi kim.

Các nguyên tố kim loại là Nhôm, Mangan, Canxi, v.v., và các phi kim là Cacbon, Bor, Oxy, Clo, v.v. Kim loại trong quá trình điện phân xuất hiện ở cực âm hoặc cực âm, và phi kim ở

¹⁰ List of chemical elements as given in the International Atomic Weights Table of 1937: Aluminium, Antimony, Argon, Arsenic, Barium, Beryllium, Bismuth, Boron, Bromine, Cadmium, Calcium, Carbon, Caesium, Cesium, Chlorine, Chromium, Cobalt, Columbium, Copper, Dysprosium, Erbium, Europium, Fluorine, Gadolinium, Gallium, Germanium, Gold, Hagnium, Helium, Holmium, Hydrogen, Indium, Iodine, Iridium, Iron, Krypton, Lanthanum, Lead, Lithium, Lutecium; Magnesium, Manganese, Mercury, Molybdenum, Neodymium, Neon, Nickel, Nitrogen, Osmium, Oxygen, Palladium, Phosphorus, Platinum, Potassium, Praseodymium, Protoactinium, Radium, Radon, Rhenium, Rhodium, Rubidium, Ruthenium, Samarium, Scandium, Selenium, Silicon, Silver, Sodium, Strontium, Sulphur, Tantalum, Tellurium, Terbium, Thallium, Thorium, Thulium, Tin, Titanium, Tungsten, Uranium, Vanadium, Xenon, Ytterbium, Yttrium, Zinc, Zirconium.

¹¹ The words “atomic” and “atom” are here used in the ordinary chemical sense, not in that of “Occult Chemistry”.

pole, and non-metals at the anode or positive pole. The metals are good conductors of heat and electricity, while the non-metals are bad conductors. There is a third group of elements, like Arsenic, Antimony, etc., called metalloids, as they are hybrid in character, being like both metals and non-metals in their behavior.

In Fig. 74, we have in its first division twelve out of the 92 chemical elements, with the symbols used for them: H=Hydrogen, C=Carbon, N=Nitrogen, O=Oxygen, Na (for Natrium)=Sodium, Cl=Chlorine, K (for Kalium)=Potassium, S=Sulphur, Al=Aluminium, Fe (for Ferrum)=Iron, P=Phosphorus, Ca=Calcium. Each has its definite weight, and certain other marked characteristics.

cực dương hoặc cực dương. Kim loại là chất dẫn nhiệt và điện tốt, trong khi phi kim là chất dẫn điện kém. Có một nhóm nguyên tố thứ ba, như Asen, Antimon, v.v., được gọi là á kim, vì chúng có tính chất lai, giống cả kim loại và phi kim trong hành vi của chúng.

Trong Hình 74, chúng ta có trong bộ phận đầu tiên của nó mười hai trong số 92 nguyên tố hóa học, với các ký hiệu được sử dụng cho chúng: H=Hydro, C=Cacbon, N=Nitơ, O=Oxy, Na (cho Natrium)=Natri, Cl=Clơ, K (cho Kali)=Kali, S=Lưu huỳnh, Al=Nhôm, Fe (cho Ferrum)=Sắt, P=Phốt pho, Ca=Canxi. Mỗi loại có trọng lượng xác định và một số đặc điểm nổi bật khác.

<i>H = Hydrogen</i>	<i>Na = Sodium</i>	
<i>C = Carbon</i>	<i>Cl = Chlorine</i>	
<i>N = Nitrogen</i>	<i>K = Potassium</i>	
<i>O = Oxygen</i>	<i>S = Sulphur</i>	
<i>Water = H₂O</i>	<i>Alcohol = C₂H₆O</i>	
<i>Salt = NaCl</i>	<i>Cane Sugar = C₁₂H₂₂O₁₁</i>	
	<i>Glucose = C₆H₁₂O₆</i>	
<i>Egg albumen = C₂₀₄H₃₂₂N₅₂O₆₆</i>		
<i>Haemoglobin = C₇₁₂H₁₁₃₀N₂₁₄Fe</i>		
<i>Protoplasm = H. C. N. O. S. P. C</i>		

Hình 74

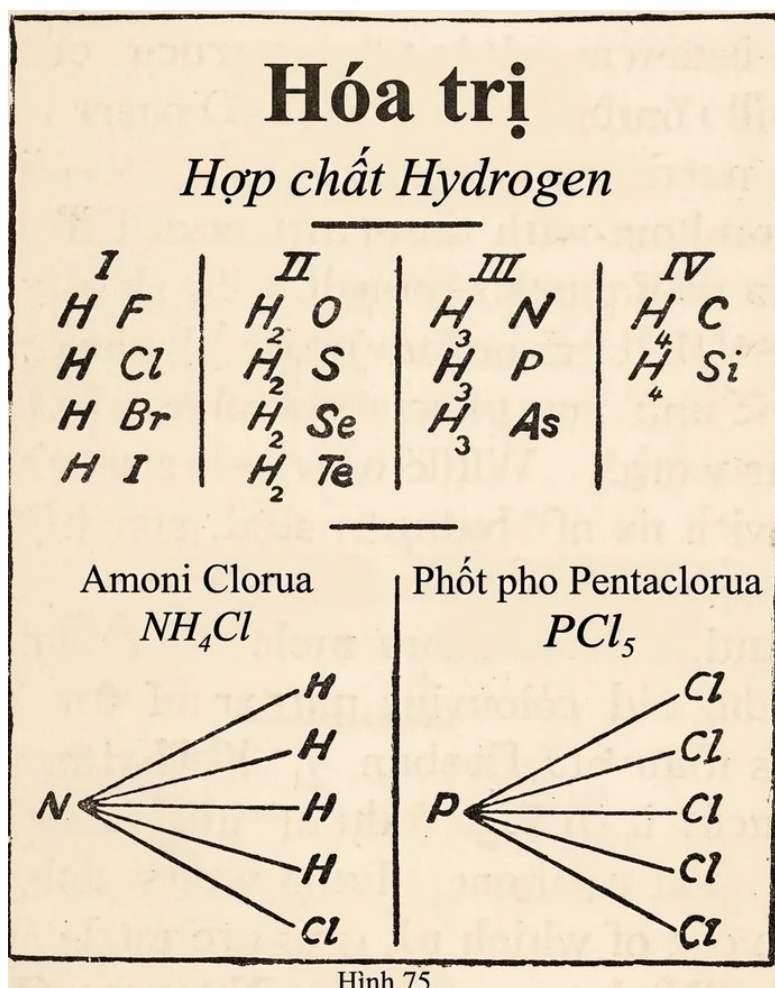
In the second and third divisions of Fig. 74, we have illustrated the fact that these primary elements combine among themselves to make new substances. Thus, two particles of Hydrogen will combine with one of Oxygen to make a unit particle of water; one particle of Sodium will combine with one particle of Chlorine to make a unit particle of salt. So element combines with element to make the myriads of organic and inorganic substances which make up our world. While only two atoms of Carbon, with six of Hydrogen and one of Oxygen, are necessary to make one molecule of alcohol, we require, to make one molecule of Hemoglobin (the red coloring-matter of the blood), no less than 712 Carbon, 1,130 Hydrogen, 214 Nitrogen, 1 Iron, 2 Sulphur and 425 Oxygen atoms. Protoplasm, the primary living substance out of which all cells are made, is composed of Hydrogen, Carbon, Nitrogen, Oxygen, Sulphur, Phosphorous, Chlorine, Sodium, Potassium, Calcium, Magnesium and Iron atoms, but in what proportion science cannot as yet say.

The chemical elements, the bricks, so to say, of our universe, not only combine (with a few exceptions) among themselves, but they combine according to certain habits characteristic of each element. This habit of combination is called "valency" (see Fig. 75). Thus (see Figure, first column), one atom of Fluorine, or of Chlorine, Bromine or Iodine, prefers to combine with one atom of Hydrogen rather than with two; while on the other hand, an atom of Oxygen, or Sulphur, Selenium or Tellurium, prefers to combine with two Hydrogen atoms rather than with one (see Figure, second column). Nitrogen, Phosphorous and Arsenic atoms select three Hydrogen atoms for combinations, and atoms of Carbon and Silicon choose four (see Figure, third and fourth columns). Chemical science merely catalogues this behavior of the

Trong bộ phận thứ hai và thứ ba của Hình 74, chúng ta đã minh họa thực tế là các nguyên tố sơ cấp này kết hợp với nhau để tạo ra các chất mới. Như vậy, hai hạt Hydro sẽ kết hợp với một hạt Oxy để tạo ra một hạt nước đơn vị; một hạt Natri sẽ kết hợp với một hạt Clo để tạo ra một hạt muối đơn vị. Vì vậy, nguyên tố kết hợp với nguyên tố để tạo ra vô số chất hữu cơ và vô cơ cấu thành thế giới của chúng ta. Mặc dù chỉ cần hai nguyên tử Cacbon, với sáu nguyên tử Hydro và một nguyên tử Oxy, để tạo ra một phân tử rượu, nhưng chúng ta cần, để tạo ra một phân tử Hemoglobin (chất tạo màu đỏ của máu), không dưới 712 Cacbon, 1.130 Hydro, 214 Nitơ, 1 Sắt, 2 Lưu huỳnh và 425 nguyên tử Oxy. Nguyên sinh chất, chất sống sơ cấp mà từ đó tất cả các tế bào được tạo ra, bao gồm các nguyên tử Hydro, Cacbon, Nitơ, Oxy, Lưu huỳnh, Phốt pho, Clo, Natri, Kali, Canxi, Magie và Sắt, nhưng khoa học vẫn chưa thể nói được tỷ lệ nào.

Các nguyên tố hóa học, có thể nói là các viên gạch của vũ trụ chúng ta, không chỉ kết hợp (với một vài ngoại lệ) với nhau, mà chúng còn kết hợp theo những thói quen nhất định đặc trưng cho mỗi nguyên tố. Thói quen kết hợp này được gọi là "hóa trị" (xem Hình 75). Như vậy (xem Hình, cột đầu tiên), một nguyên tử Flo, hoặc Clo, Brom hoặc Iốt, thích kết hợp với một nguyên tử Hydro hơn là với hai nguyên tử; trong khi mặt khác, một nguyên tử Oxy, hoặc Lưu huỳnh, Selen hoặc Telua, thích kết hợp với hai nguyên tử Hydro hơn là với một nguyên tử (xem Hình, cột thứ hai). Các nguyên tử Nitơ, Phốt pho và Asen chọn ba nguyên tử Hydro để kết hợp, và các nguyên tử Cacbon và Silic chọn bốn (xem Hình, cột thứ ba và thứ tư). Khoa học hóa học chỉ đơn thuần lập danh mục hành vi này của các nguyên tố, và gọi nó là hóa trị, mà không thể giải thích chính xác về

elements, and terms its valency, without nó.
being able to account for it precisely.



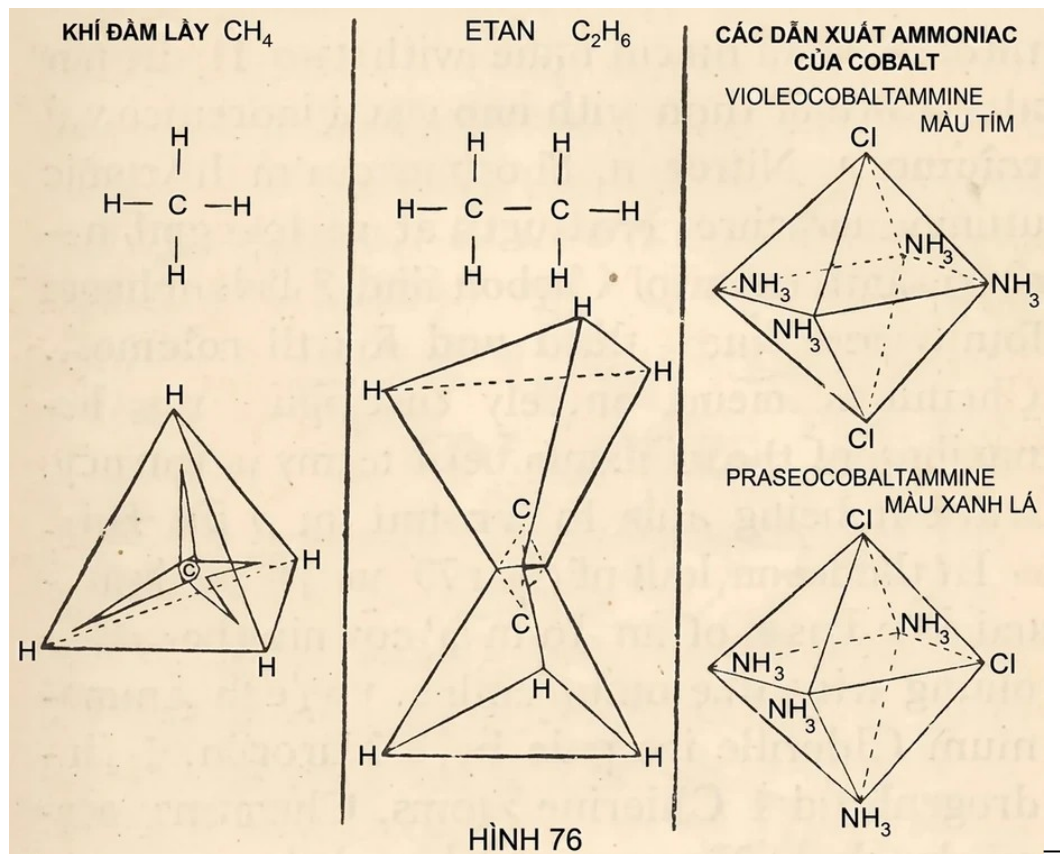
In the lower half of Fig. 75, we have illustrated two cases of an atom of an element combining with five other bodies. When Ammonium Chloride is made by 1 Nitrogen, 4 Hydrogen and 1 Chlorine atoms, Chemistry presumes that Nitrogen, whose valency is, as here, five, in some way puts out of itself in five directions five unsatisfied desires for combination; these are fulfilled by combining with 4 Hydrogen and 1 Chlorine atoms. We have a similar case of a fivefold valency in Phosphorus Pentachloride.

Ở nửa dưới của Hình 75, chúng ta đã minh họa hai trường hợp một nguyên tử của một nguyên tố kết hợp với năm vật thể khác. Khi Amoni Clorua được tạo ra bởi 1 nguyên tử Nitơ, 4 nguyên tử Hydro và 1 nguyên tử Clo, Hóa học cho rằng Nitơ, có hóa trị là năm, như ở đây, bằng cách nào đó đưa ra khỏi chính nó theo năm hướng năm mong muốn chưa được thỏa mãn để kết hợp; những điều này được thực hiện bằng cách kết hợp với 4 nguyên tử Hydro và 1 nguyên tử Clo. Chúng ta có một trường hợp tương tự về hóa trị năm lần trong Phốt pho Pentaclorua.

The next interesting fact taught us in Một thực tế thú vị tiếp theo được dạy cho

Chemistry is that, as chemical elements combine they combine so as to make geometrical figures; we have this fact illustrated for us in Fig. 76.

chúng ta trong Hóa học là, khi các nguyên tố hóa học kết hợp, chúng kết hợp để tạo thành các hình hình học; chúng ta có thực tế này được minh họa cho chúng ta trong Hình 76.



Marsh Gas is composed of 1 Carbon and 4 Hydrogen atoms; it has been suggested by Kekule that the spatial positions of the five atoms are as shown in the diagram, that is, the Carbon atom stands in the middle of a tetrahedron, and the 4 Hydrogen atoms are placed at its four corners. With another gas, called Ethane, which is composed of 2 Carbon and 6 Hydrogen atoms, it has been suggested that the positions of the 8 atoms are as in the figure, where the apices of two tetrahedra interpenetrate each other, there being at each apex 1 Carbon atom, and 6 Hydrogen atoms being placed at the other corners of the two tetrahedra.

Khí Marsh bao gồm 1 nguyên tử Cacbon và 4 nguyên tử Hydro; Kekule đã gợi ý rằng vị trí không gian của năm nguyên tử như được hiển thị trong sơ đồ, nghĩa là, nguyên tử Cacbon đứng ở giữa một tứ diện và 4 nguyên tử Hydro được đặt ở bốn góc của nó. Với một loại khí khác, được gọi là Etan, bao gồm 2 nguyên tử Cacbon và 6 nguyên tử Hydro, người ta đã gợi ý rằng vị trí của 8 nguyên tử như trong hình, trong đó các đỉnh của hai tứ diện xuyên thấu lẫn nhau, có 1 nguyên tử Cacbon ở mỗi đỉnh và 6 nguyên tử Hydro được đặt ở các góc khác của hai tứ diện.

A further illustration of this geometrical building appears in the ammoniacal derivatives of Cobalt, Violeocobaltamine and Praseocobaltamine. The former in color is violet and the latter green; yet in both there are 2 atoms of Chlorine with four groups of Ammonia, each of which is made up of 1 Nitrogen and 3 Hydrogen atoms. Now, it has been suggested that the difference of color is due to the difference of position in an octohedron of the two Chlorine atoms; where the two atoms of Chlorine are at the opposite apices of the octohedron, the Cobalt derivative is Violet, while when these two atoms are at the ends of an edge of the octohedron, the derivative is green.

There are certain marked characteristics in the chemical elements, which can be summarized as follows:

1. Each element has a definite average weight, and no two elements are of the same weight.
2. Elements are either paramagnetic or diamagnetic; that is to say, when they are brought under the influence of magnetic force, some remain parallel to the lines of that force (paramagnetic), while others remain at right angles to that force (diamagnetic).
3. Elements are either electro-positive or electro-negative.
4. Elements have valency, that is, they can combine with or displace one or more atoms of Hydrogen.

Now when all the elements are arranged in a list, according to their atomic weights, it is found that they group themselves naturally in a certain order according to valency, magnetic and electric qualities. This method of grouping of the elements is known as the

Một minh họa khác về cấu trúc hình học này xuất hiện trong các dẫn xuất amoniac của Coban, Violeocobaltamine và Praseocobaltamine. Màu trước đây là tím và màu sau là xanh lục; tuy nhiên, trong cả hai đều có 2 nguyên tử Clo với bốn nhóm Amoni, mỗi nhóm được tạo thành từ 1 nguyên tử Nitơ và 3 nguyên tử Hydro. Giờ đây, người ta đã gợi ý rằng sự khác biệt về màu sắc là do sự khác biệt về vị trí trong một bát diện của hai nguyên tử Clo; khi hai nguyên tử Clo ở các đỉnh đối diện của bát diện, dẫn xuất Coban có màu Tím, trong khi hai nguyên tử này ở các đầu của một cạnh của bát diện, dẫn xuất có màu xanh lục.

Có một số đặc điểm nổi bật trong các nguyên tố hóa học, có thể được tóm tắt như sau:

1. Mỗi nguyên tố có một trọng lượng trung bình xác định và không có hai nguyên tố nào có cùng trọng lượng.
2. Các nguyên tố là thuận từ hoặc nghịch từ; nghĩa là, khi chúng chịu ảnh hưởng của lực từ, một số vẫn song song với các đường của lực đó (thuận từ), trong khi những nguyên tố khác vẫn vuông góc với lực đó (nghịch từ).
3. Các nguyên tố là dương điện hoặc âm điện.
4. Các nguyên tố có hóa trị, nghĩa là, chúng có thể kết hợp với hoặc thay thế một hoặc nhiều nguyên tử Hydro.

Giờ đây, khi tất cả các nguyên tố được sắp xếp trong một danh sách, theo trọng lượng nguyên tử của chúng, người ta thấy rằng chúng tự nhóm lại một cách tự nhiên theo một trật tự nhất định theo hóa trị, các phẩm chất từ tính và điện. Phương pháp nhóm các

“Periodic Law”. There are several ways of stating this “periodicity” of the elements but, the way that the Periodic Law has been stated for us by the late Sir William Crookes is perhaps the clearest. We have it in our next diagram, Fig. 77.

(Click here for Figure 77.) In the line depicting a pendulum which swings backwards and forwards all the elements are marked in their order of weight; the lightest, Hydrogen, beginning the pendulum swing, and the heaviest, Uranium, (and possibly one or more heavier, yet to be discovered) closing the swing. Among the upper-right lines is a middle line, and there are four on either side; if the middle-perpendicular line represents no valency, and also “inter-periodicity”, if the four lines on either side of this median line represent, in order, valency 1, valency 2, valency 3 and valency 4; then, it is found, as the elements are mapped out in the order of their atomic weights, and placed at the intersecting points of the pendulum line and the nine upright lines, that (with a few exceptions):

1. On the median line fall the “inert gases”, whose characteristic is that they will not combine with any other element, and hence have valency

0. They appear regularly after one complete swing of the pendulum.

2. On the same median line, and at regular intervals, that is, after one complete swing of the pendulum (after Neon), occur the Inter-periodics.

nguyên tố này được gọi là “Định luật Tuần hoàn”. Có một số cách để phát biểu “tính tuần hoàn” này của các nguyên tố nhưng, cách mà Định luật Tuần hoàn đã được cố Sir William Crookes phát biểu cho chúng ta có lẽ là rõ ràng nhất. Chúng ta có nó trong sơ đồ tiếp theo của chúng ta, Hình 77.

(Nhấp vào đây để xem Hình 77.) Trong đường thẳng mô tả một con lắc đung đưa qua lại, tất cả các nguyên tố được đánh dấu theo thứ tự trọng lượng của chúng; nguyên tố nhẹ nhất, Hydro, bắt đầu vòng quay của con lắc, và nguyên tố nặng nhất, Uranium, (và có thể một hoặc nhiều nguyên tố nặng hơn, vẫn chưa được khám phá) kết thúc vòng quay. Trong số các đường phía trên bên phải có một đường ở giữa và có bốn đường ở hai bên; nếu đường vuông góc ở giữa biểu thị không có hóa trị, và cả “liên tuần hoàn”, nếu bốn đường ở hai bên của đường trung tuyến này biểu thị, theo thứ tự, hóa trị 1, hóa trị 2, hóa trị 3 và hóa trị 4; thì, người ta thấy rằng, khi các nguyên tố được vạch ra theo thứ tự trọng lượng nguyên tử của chúng, và được đặt tại các điểm giao nhau của đường con lắc và chín đường thẳng đứng, thì (với một vài ngoại lệ):

1. Trên đường trung tuyến là các “khí trơ”, có đặc điểm là chúng sẽ không kết hợp với bất kỳ nguyên tố nào khác, và do đó có hóa trị

0. Chúng xuất hiện đều đặn sau một vòng quay hoàn chỉnh của con lắc.

2. Trên cùng một đường trung tuyến, và ở các khoảng thời gian đều đặn, nghĩa là, sau một vòng quay hoàn chỉnh của con lắc (sau Neon), xảy ra các Liên-tuần hoàn.

3. All elements to the right of the median line are diamagnetic, and those to the left paramagnetic, according to the theory of Crookes.

4. The elements appear in a certain order of valency; beginning with any element having characteristic valency 0, the next heavier has valency 1, and following it there come those with valency 2, valency 3, valency 4; next the valency diminishes, and the succeeding elements have valency 3, valency 2 and valency 1; and after this the next element, valency 0.

5. As the pendulum swings outward from the median line, most of the elements coming on the outward swing are all electro-positive; as the pendulum swings inward to the median line, the elements coming on this inward swing are all electro-negative.

As long ago as 1887, Crooke conceived of the chemical elements as appearing in the Cosmos one after another, their characteristics modified by forces brought to bear upon them. He drew a picture of the “Genesis of the Elements” out of a primordial substance which he called “protyle”. The diagram of Crookes appears as Fig. 77, with scarcely any modifications; the chief changes are the giving to each element not the weight given in Chemistry but its “number weight”, i.e., the number of “ultimate physical atoms” which it contains¹², and that new elements discovered since 1887 have also been added to the diagram.

The idea of a “genesis of the elements” “is in reality no mere hypothesis at all, but a fact of the greatest inspiration. Let us first conceive

3. Tất cả các nguyên tố ở bên phải đường trung tuyến là nghịch từ, và những nguyên tố ở bên trái là thuận từ, theo lý thuyết của Crookes.

4. Các nguyên tố xuất hiện theo một thứ tự hóa trị nhất định; bắt đầu với bất kỳ nguyên tố nào có hóa trị đặc trưng 0, nguyên tố nặng hơn tiếp theo có hóa trị 1, và tiếp theo đó là những nguyên tố có hóa trị 2, hóa trị 3, hóa trị 4; tiếp theo hóa trị giảm dần, và các nguyên tố kế tiếp có hóa trị 3, hóa trị 2 và hóa trị 1; và sau đó là nguyên tố tiếp theo, hóa trị 0.

5. Khi con lắc vung ra ngoài từ đường trung tuyến, hầu hết các nguyên tố đến trên vòng quay ra ngoài đều dương điện; khi con lắc vung vào trong đường trung tuyến, các nguyên tố đến trên vòng quay vào trong này đều âm điện.

Từ năm 1887, Crooke đã hình dung hoặc các nguyên tố hóa học xuất hiện trong Vũ Trụ hết nguyên tố này đến nguyên tố khác, các đặc điểm của chúng được sửa đổi bởi các lực tác động lên chúng. Ông đã vẽ một bức tranh về “Nguồn gốc của các Nguyên tố” từ một chất nguyên thủy mà ông gọi là “protyle”. Sơ đồ của Crookes xuất hiện dưới dạng Hình 77, hầu như không có bất kỳ sửa đổi nào; những thay đổi chính là gán cho mỗi nguyên tố không phải trọng lượng được đưa ra trong Hóa học mà là “trọng lượng số” của nó, tức là số lượng “các nguyên tử vật lý tối thượng” mà nó chứa, và các nguyên tố mới được phát hiện kể từ năm 1887 cũng đã được thêm vào sơ đồ.

Ý tưởng về một “nguồn gốc của các nguyên tố” thực sự không chỉ là một giả thuyết đơn thuần, mà là một sự thật đầy cảm hứng lớn lao. Trước

¹² As discovered by clairvoyant investigation by Annie Besant and C. W. Leadbeater. See the book, *Occult Chemistry*.

the idea as Crookes presented it to a materialistically-minded scientific audience at the Royal Institution of London on February 18, 1887; we shall then have our imaginations fairly prepared to grasp the more magnificent conception given as in Occultism.¹³

“We may trace, in the undulating curve, the action of two forms of energy, the one acting vertically and the other vibrating to and fro like a pendulum: Let the vertical line represent temperature gradually sinking through an unknown number of degrees from the dissociation-point of the first-formed element downwards to the dissociation-point of the last member of the scale.

“But what form of energy is figured by the oscillating line? We see it swinging to and fro to points equidistant from a neutral center. We see this divergence from neutrality confer atomicity of one, two, three, or four degrees, as the distance from the center increases to one, two, three, or four divisions. We see the approach to or the retrocession from this same neutral line deciding the electro-negative or electro-positive character of each element; those on the retreating half of the swing being positive, and those on the approaching half negative. In short, we are led to suspect that this oscillating power must be closely connected with the imponderable matter, essence, or source of energy we call electricity.

“Our pendulum begins its swing from the electro-positive side: lithium, next to hydrogen in the simplicity of its atomic weight, is now formed, followed by glucinum,

tiên, chúng ta hãy hình dung ý tưởng này như Crookes đã trình bày nó cho một khán giả khoa học có tư tưởng duy vật tại Học viện Hoàng gia Luân Đôn vào ngày 18 tháng 2 năm 1887; sau đó, chúng ta sẽ có trí tưởng tượng của mình được chuẩn bị sẵn sàng để nắm bắt quan niệm tráng lệ hơn được đưa ra như trong Huyền bí học.

“Chúng ta có thể theo dõi, trong đường cong nhấp nhô, tác động của hai dạng năng lượng, một dạng tác động theo chiều dọc và dạng kia dao động qua lại như một con lắc: Hãy để đường thẳng đứng biểu thị nhiệt độ giảm dần qua một số lượng độ không xác định từ điểm phân ly của nguyên tố được hình thành đầu tiên xuống điểm phân ly của thành viên cuối cùng của thang đo.

“Nhưng dạng năng lượng nào được thể hiện bằng đường dao động? Chúng ta thấy nó đung đưa qua lại đến các điểm cách đều một tâm trung tính. Chúng ta thấy sự khác biệt so với tính trung lập này mang lại tính nguyên tử của một, hai, ba hoặc bốn độ, khi khoảng cách từ tâm tăng lên một, hai, ba hoặc bốn vạch chia. Chúng ta thấy sự tiếp cận hoặc sự thoái lui khỏi cùng một đường trung tính này quyết định đặc tính âm điện hoặc dương điện của mỗi nguyên tố; những nguyên tố ở nửa sau của vòng quay là dương, và những nguyên tố ở nửa trước là âm. Tóm lại, chúng ta bị dẫn đến nghi ngờ rằng sức mạnh dao động này phải có liên quan chặt chẽ đến vật chất, bản chất hoặc nguồn năng lượng vô trọng lượng mà chúng ta gọi là điện.

“Con lắc của chúng ta bắt đầu vòng quay của nó từ phía dương điện: lithium, tiếp theo là hydro về độ đơn giản của trọng lượng nguyên tử của nó, hiện được hình thành, tiếp theo là

¹³ In quoting from Crookes's lecture at the Royal Institution, I have left out here and there sentences and paragraphs of a somewhat technical nature.

boron, and carbon. Each element, at the moment of birth, takes up definite quantities of electricity, and on these quantities its atomicity depends. Thus are fixed the types of the monatomic, diatomic, triatomic and tetratomic elements.

“It has been pointed out by Dr. Carnelly that “those elements belonging to the even series of the periodic classification are always paramagnetic, whereas the elements belonging to the odd series are always diamagnetic”. Now in our curve the even series to the left, so far as has been ascertained, are paramagnetic, whilst, with a few exceptions, all to the right are diamagnetic.

“We come now to the return or negative part of the swing; nitrogen appears and shows instructively how position governs the rrian, dominant atomicity. Nitrogen occupies a position immediately below boron, a tri-atomic element, and, therefore, nitrogen is likewise tri-atomic. But nitrogen also follows upon carbon, a tetratomic body, and occupies the fifth position if we count from the place of origin. Now these seemingly opposing tendencies are beautifully harmonized by the endowment of nitrogen with a double atomicity, its atom being capable of acting either as a tri- or as a pent-atomic element. With oxygen (di and hex-atomic) and fluorine mon- and hept-atomic) the same law holds good, and one half-oscillation of the pendulum is completed. Passing the neutral line again, we find successively formed the electro-positive bodies sodium (monatomic), magnesium (diatomic), aluminium (triatomic), and silicon (tetratomic).

“The first complete swing of the pendulum is accomplished by the birth of the three electro-negative elements, phosphorus, sulphur, and chlorine; all three, like the corresponding

glucinum, boron và carbon. Mỗi nguyên tố, tại thời điểm ra đời, hấp thụ một lượng điện xác định, và tính nguyên tử của nó phụ thuộc vào những lượng này. Như vậy, các loại nguyên tố đơn nguyên tử, nhị nguyên tử, tam nguyên tử và tứ nguyên tử được cố định.

“Tiến sĩ Carnelly đã chỉ ra rằng “những nguyên tố thuộc dãy chẵn của phân loại tuần hoàn luôn thuận từ, trong khi những nguyên tố thuộc dãy lẻ luôn nghịch từ”. Giờ đây, trong đường cong của chúng ta, dãy chẵn ở bên trái, theo như đã được xác định, là thuận từ, trong khi, với một vài ngoại lệ, tất cả ở bên phải là nghịch từ.

“Bây giờ chúng ta đến phần quay trở lại hoặc âm của vòng quay; nitơ xuất hiện và cho thấy một cách hướng dẫn cách vị trí chi phối tính nguyên tử chiếm ưu thế. Nitơ chiếm một vị trí ngay bên dưới boron, một nguyên tố tam nguyên tử, và do đó, nitơ cũng là tam nguyên tử. Nhưng nitơ cũng theo sau carbon, một chất tứ nguyên tử, và chiếm vị trí thứ năm nếu chúng ta đếm từ nơi xuất phát. Giờ đây, những xu hướng dường như đối lập này được hài hòa một cách tuyệt vời bằng cách ban cho nitơ tính nguyên tử kép, nguyên tử của nó có khả năng hoạt động như một nguyên tố tam- hoặc ngũ-nguyên tử. Với oxy (nhị và lục-nguyên tử) và flo đơn- và thất-nguyên tử) thì quy luật tương tự cũng đúng, và một nửa dao động của con lắc đã hoàn thành. Vượt qua đường trung tính một lần nữa, chúng ta thấy liên tiếp hình thành các chất dương điện natri (đơn nguyên tử), magiê (nhị nguyên tử), nhôm (tam nguyên tử) và silic (tứ nguyên tử).

“Vòng quay hoàn chỉnh đầu tiên của con lắc được hoàn thành bằng sự ra đời của ba nguyên tố âm điện, phốt pho, lưu huỳnh và clo; cả ba, giống như các nguyên tố tương ứng trên vòng

elements on the opposite homeward swing, having at least a double atomicity, depending upon position.

“Again let us follow our pendulum... and the first element to come into existence, when the pendulum starts for its second oscillation, is not lithium, but the metal next allied to it in the series, i.e., potassium, which may be regarded as the lineal descendant of lithium, with the same hereditary tendencies, but with less molecular mobility and a higher atomic weight.

“Pass along the curve, and in nearly every case the same law holds good. Thus the last element of the first complete vibration is chlorine. In the corresponding place in the second vibration we have, not an exact repetition of chlorine, but the very similar body bromine, and when the same position recurs for a third time we see iodine. I need not multiply examples. I may, however, point out that we have here a phenomenon which reminds us of alternating or cyclical generation in the organic world, or we may perhaps say of atavism, a recurrence to ancestral types somewhat modified. “

Now that we have gained a general idea of the speculations of modern science as to a possible “genesis of the elements”, we can understand more fully what Theosophy reveals of the mysteries, of force and matter. From the beginning we must remember that there is no such thing as a “fortuitous concourse of atoms”; the building of the universe was thought out by a Divine Builder, and each step in the building is directed by Him. Atoms rush together or part, only because He so wills.

The first stages in the building of matter by

quay về nhà đối diện, có ít nhất một tính nguyên tử kép, tùy thuộc vào vị trí.

“Một lần nữa, chúng ta hãy theo dõi con lắc của mình... và nguyên tố đầu tiên xuất hiện, khi con lắc bắt đầu dao động thứ hai, không phải là lithium, mà là kim loại liên kết gần nhất với nó trong dãy, tức là kali, có thể được coi là hậu duệ trực hệ của lithium, với những khuynh hướng di truyền tương tự, nhưng với tính di động phân tử ít hơn và trọng lượng nguyên tử cao hơn.

“Đi dọc theo đường cong, và trong hầu hết mọi trường hợp, quy luật tương tự đều đúng. Như vậy, nguyên tố cuối cùng của dao động hoàn chỉnh đầu tiên là clo. Ở vị trí tương ứng trong dao động thứ hai, chúng ta không có sự lặp lại chính xác của clo, mà là chất rất giống brom, và khi vị trí tương tự lặp lại lần thứ ba, chúng ta thấy iốt. Tôi không cần phải nhân thêm các ví dụ. Tuy nhiên, tôi có thể chỉ ra rằng ở đây chúng ta có một hiện tượng nhắc nhở chúng ta về sự luân phiên hoặc sự sinh sản theo chu kỳ trong thế giới hữu cơ, hoặc chúng ta có thể nói về sự trở lại tổ tiên, một sự tái diễn các kiểu tổ tiên có phần được sửa đổi. “

Giờ đây, chúng ta đã có được một ý tưởng chung về những suy đoán của khoa học hiện đại về một “nguồn gốc có thể có của các nguyên tố”, chúng ta có thể hiểu đầy đủ hơn những gì Thông Thiên Học tiết lộ về những bí ẩn, về lực và vật chất. Ngay từ đầu, chúng ta phải nhớ rằng không có cái gọi là “sự tập hợp ngẫu nhiên của các nguyên tử”; việc xây dựng vũ trụ đã được một Đấng Kiến Tạo Thiêng Liêng nghĩ ra, và mỗi bước trong quá trình xây dựng đều do Ngài chỉ đạo. Các nguyên tử lao vào nhau hoặc tách ra, chỉ vì Ngài muốn như vậy.

Các giai đoạn đầu tiên trong việc xây dựng vật

the Logos have already been described in Chapter VIII, on “The Work of the Triple Logos”, in Figs. 64, 65 and 66. The energy of the Cosmic Logos, called “Fohat” in The Secret Doctrine, “thrilling through the inert Substance” makes in Koilon those holes or bubbles which are the true units of our solar planes. Then these holes, thus filled with the Consciousness of the Cosmic Logos, are whirled by the Solar Logos into spiral formations. When, in the process of forming the physical, atom, spirillae of the sixth order have been formed, He then coils strands of them into three parallel series, as in Fig. 78. The coils in this figure go from right to left, in order to make a positive atom;¹⁴ the coils are wound from left to right, to make the negative atom.¹⁵

chất bởi Thượng Đế đã được mô tả trong Chương VIII, về “Công Việc của Tam Vị Thượng Đế”, trong Hình 64, 65 và 66. Năng lượng của Vũ Trụ Thượng Đế, được gọi là “Fohat” trong Giáo Lý Bí Nhiệm, “rung động xuyên qua Chất Liệu trơ” tạo ra trong Koilon những lỗ hoặc bong bóng vốn là những đơn vị thực sự của các cõi thái dương của chúng ta. Sau đó, những lỗ này, do đó chứa đầy Tâm thức của Vũ Trụ Thượng Đế, được Thái dương Thượng đế xoáy thành các cấu trúc xoắn ốc. Khi, trong quá trình hình thành nguyên tử vật lý, các vòng xoắn của bậc thứ sáu đã được hình thành, Ngài sau đó cuộn các sợi của chúng thành ba dãy song song, như trong Hình 78. Các cuộn dây trong hình này đi từ phải sang trái, để tạo ra một nguyên tử dương; các cuộn dây được quấn từ trái sang phải, để tạo ra nguyên tử âm.

¹⁴ The word “atom” is used henceforth in the Theosophical sense.

¹⁵ The details of this subject of “occult chemistry” will be found in *Occult Chemistry* by Annie Besant and C. W. Leadbeater.

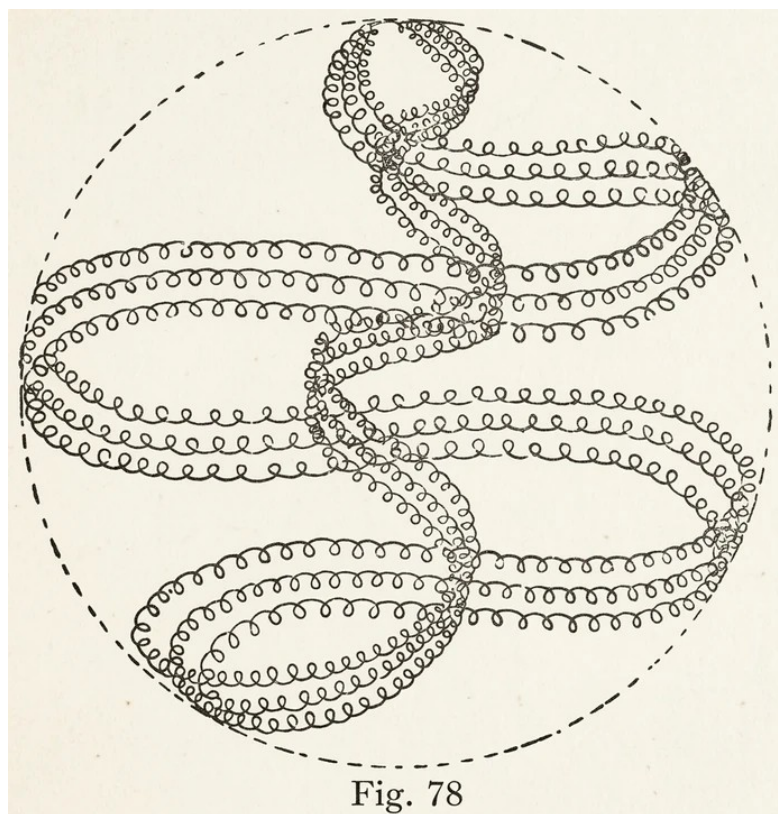


Fig. 78

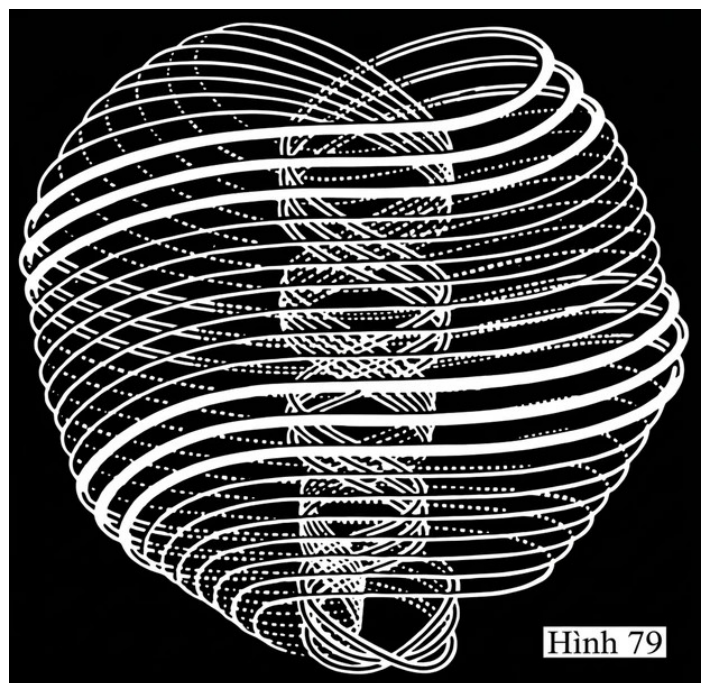
These three coils in some mysterious way are charged with the three types of energy characteristic of the Triple Logos; “in the three whorls flow currents of different electricities”.¹⁶ Then the seven embodiments of the Triple Logos, the Seven Planetary Logoi, twist seven parallel coils to complete the physical atom. Each of these minor seven coils, when affected by light and sound, throws out one color of the solar spectrum and one of the seven sounds or the natural scale, and there with the special influence of its Planetary Logos.

The atom, when completed, appears in outline as in Figs. 79 and 80, which are diagrams of a positive and a negative atom.

Ba cuộn dây này theo một cách bí ẩn nào đó được tích điện với ba loại năng lượng đặc trưng của Tam Vị Thượng Đế; “trong ba vòng xoáy, các dòng điện khác nhau chảy qua”. Sau đó, bảy hiện thân của Tam phân Thượng Đế, Bảy Hành Tinh Thượng đế, xoắn bảy cuộn dây song song để hoàn thành nguyên tử vật lý. Mỗi cuộn dây nhỏ trong số bảy cuộn dây này, khi bị ảnh hưởng bởi ánh sáng và âm thanh, sẽ phát ra một màu của quang phổ mặt trời và một trong bảy âm thanh hoặc thang âm tự nhiên, và cùng với ảnh hưởng đặc biệt của Hành Tinh Thượng đế của nó.

Nguyên tử, khi hoàn thành, xuất hiện trong phác thảo như trong Hình 79 và 80, là sơ đồ của một nguyên tử dương và một nguyên tử âm.

¹⁶ *Occult Chemistry*, page 7 of First Edition



—We must never forget that the atom is not “substance”, but the *negation* of substance; the white lines in Figs. 79 and 80 represent the bubbles in their coils, and are lines of force. The substance, the fundamental rather, is represented by the *black* background of the diagram. So, as Poincare truly said, the atom is only a “hole in the ether”. Yet is this “hole in the ether” filled with the Divine Nature; “hole” though it be, when compared with Koilon, it is real to us, true substance to our knowing, just because the Cosmic Logos is there, and creates in us the thought of substance and reality. As He thinks, and as the Solar Logos thinks, so think we, *at our level*, with Them.

When the physical atom; of the two types, positive and negative, is constructed, then begins the building of the chemical elements. They are built according to the Periodic Law, outlined in Fig. 77; but there is more Wisdom and Beauty in the Periodic. Law than has yet happened to the scientific imagination to

Chúng ta không bao giờ được quên rằng nguyên tử không phải là “chất liệu”, mà là sự phủ định của chất liệu; các đường màu trắng trong Hình 79 và 80 biểu thị các bong bóng trong các cuộn dây của chúng và là các đường lực. Chất liệu, đúng hơn là chất liệu cơ bản, được biểu thị bằng nền đen của sơ đồ. Vì vậy, như Poincare đã nói một cách chân thực, nguyên tử chỉ là một “lỗ trong dĩ thái”. Tuy nhiên, “lỗ trong dĩ thái” này chứa đầy Bản Chất Thiên Linh; mặc dù nó là “lỗ”, khi so sánh với Koilon, nó là có thật đối với chúng ta, chất liệu thực sự đối với sự hiểu biết của chúng ta, chỉ vì Vũ Trụ Thượng Đế ở đó, và tạo ra trong chúng ta ý nghĩ về chất liệu và thực tại. Khi Ngài nghĩ, và khi Thái dương Thượng đế nghĩ, thì chúng ta cũng nghĩ như vậy, ở cấp độ của chúng ta, với Các Ngài.

Khi nguyên tử vật lý; của hai loại, dương và âm, được cấu tạo, thì việc xây dựng các nguyên tố hóa học bắt đầu. Chúng được xây dựng theo Định luật Tuần hoàn, được vạch ra trong Hình 77; nhưng có nhiều Minh Triết và Vẻ Đẹp hơn trong Định luật Tuần hoàn so với trí tưởng tượng khoa học đã từng hình dung. Trước khi

conceive. Before we can appreciate the Periodic Law in all its magnificence, we must turn aside for a while to study what are known as the Platonic Solids (Fig. 81).

There are five, and only five, three-dimensional solids, in each of which its *lines, angles and surfaces* are equal. They are the Tetrahedron, Cube (Hexahedron), Octahedron, Dodecahedron and Icosahedron.¹⁷ In the first row of Fig. 81 are illustrations of them, as the five solids appear when they lie on a flat surface. In this position, their symmetry is not readily evident; hence they are placed in a different position, in order to bring out their symmetry, and their appearance then is given in the illustrations of the second and third rows. These five “Platonic Solids” were considered of special significance by the Platonic schools of Greece and Alexandria; the reason for this will be evident soon. Now, these five solids, distinctive though each is in the number of its lines, angles and surfaces, are all developable from one solid, the tetrahedron. Thus, the cube and the octahedron are developed out of *two* tetrahedra when symmetrically interlaced (see the second figure of the second row); the 8 *corners* of the 2 interlacing tetrahedra give the 8 corners of the cube, while the 6 intersecting *points* give the 6 corners of the octahedron. This fact has long been well known in geometry. But the further fact, that the two remaining Platonic Solids, the dodecahedron and the icosahedron, are also developable from the tetrahedron, was discovered by Senor Arturo Soria y Mata, a Theosophist of Madrid. By interlacing 5 tetrahedra, we have the complicated solid shown in the first figure of the third row; the 20 *corners* of the 5 interlacing tetrahedra make

chúng ta có thể đánh giá Định luật Tuần hoàn trong tất cả sự tráng lệ của nó, chúng ta phải tạm dừng một thời gian để nghiên cứu những gì được gọi là Chất Rắn Platon (Hình 81).

Có năm, và chỉ năm, chất rắn ba chiều, trong đó mỗi đường, góc và bề mặt của nó đều bằng nhau. Chúng là Tứ Diện, Khối Lập Phương (Lục Diện), Bát Diện, Thập Nhị Diện và Nhị Thập Diện. Ở hàng đầu tiên của Hình 81 là hình minh họa về chúng, khi năm chất rắn xuất hiện khi chúng nằm trên một bề mặt phẳng. Ở vị trí này, tính đối xứng của chúng không dễ thấy; do đó, chúng được đặt ở một vị trí khác, để làm nổi bật tính đối xứng của chúng, và sự xuất hiện của chúng sau đó được đưa ra trong các hình minh họa của hàng thứ hai và thứ ba. Năm “Chất Rắn Platon” này được coi là có ý nghĩa đặc biệt bởi các trường phái Platon của Hy Lạp và Alexandria; lý do cho điều này sẽ sớm trở nên rõ ràng. Giờ đây, năm chất rắn này, mặc dù mỗi chất rắn đều khác biệt về số lượng đường, góc và bề mặt của nó, nhưng tất cả đều có thể phát triển từ một chất rắn, tứ diện. Như vậy, khối lập phương và khối bát diện được phát triển từ hai tứ diện khi xen kẽ đối xứng (xem hình thứ hai của hàng thứ hai); 8 góc của 2 tứ diện xen kẽ tạo thành 8 góc của khối lập phương, trong khi 6 điểm giao nhau tạo thành 6 góc của khối bát diện. Sự thật này từ lâu đã được biết đến trong hình học. Nhưng sự thật hơn nữa, rằng hai Chất Rắn Platon còn lại, khối thập nhị diện và khối nhị thập diện, cũng có thể phát triển từ tứ diện, đã được Senor Arturo Soria y Mata, một nhà Thông Thiên Học ở Madrid, khám phá ra. Bằng cách xen kẽ 5 tứ diện, chúng ta có chất rắn phức tạp được hiển thị trong hình đầu tiên của hàng thứ ba; 20 góc của 5 tứ diện xen kẽ tạo thành 20 góc của khối thập nhị diện, trong khi 12 điểm giao nhau tạo thành 12 góc của khối nhị thập

¹⁷ Tetrahedron, 4, surfaces; Hexahedron, or Cube, 6 surfaces; Octahedron, 8 surfaces; Dodecahedron, 12 surfaces; Icosahedron, 20 surfaces.

the 20 corners of the dodecahedron, while the 12 intersecting points give the 12 corners of the icosahedron.

There are, in each of the five solids, a number of surfaces and corners; these give the directions for the building of the chemical elements. Taking the first three solids—the tetrahedron, cube and octahedron—we have:

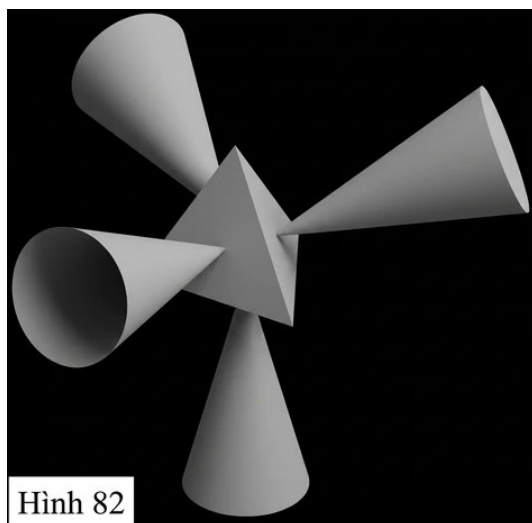
SOLID	SURFACES	CORNERS
Tetrahedron	4	4
Cube	6	8
Octahedron	8	6

We find that these three solids are the *tanmatras*—“the measures of That”—or axes for the building of the divalent, trivalent and tetravalent elements of the Periodic Law. Thus, all divalent elements, both positive and negative, paramagnetic and diamagnetic, with the single exception of Oxygen, are of the general type of Beryllium (Glucinum), illustrated in Fig. 82.

diện.

Có, trong mỗi năm chất rắn, một số lượng bề mặt và góc; chúng đưa ra các hướng dẫn để xây dựng các nguyên tố hóa học. Lấy ba chất rắn đầu tiên—tứ diện, khối lập phương và khối bát diện—chúng ta có:

Chúng ta thấy rằng ba chất rắn này là *tanmatras*—“các thước đo của Cái Đó”—hoặc các trục để xây dựng các nguyên tố hóa trị hai, hóa trị ba và hóa trị bốn của Định luật Tuần hoàn. Như vậy, tất cả các nguyên tố hóa trị hai, cả dương và âm, thuận từ và nghịch từ, với ngoại lệ duy nhất là Oxy, đều thuộc loại chung của Beryllium (Glucinum), được minh họa trong Hình 82.



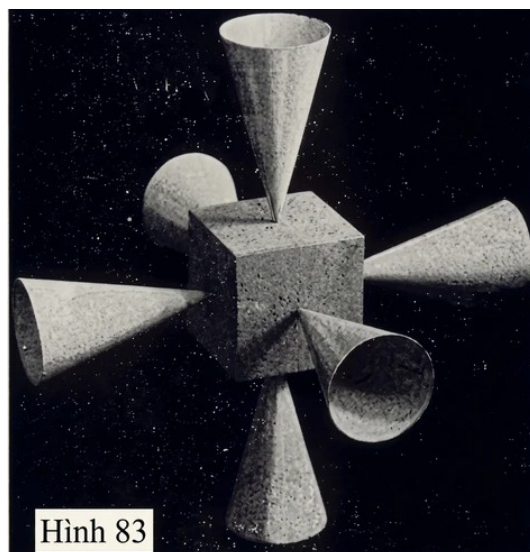
Hình 82

Atoms of the positive and negative types are massed together in groups, but especially in four main groups or “funnels”, which radiate from the center of the tetrahedron to its four surfaces. This is the simple divalent structure for the lighter elements; in the heavier elements there appear, in addition to the “funnels”, new groups termed “spikes”, four in number, and radiating from the center to the four *corners*. (The unit of each element is surrounded by a spherical limiting wall, composed of the circumambient matter of the atomic sub-plane of the physical plane, but for the sake of simplicity, this is not shown in the diagrams.)

All trivalent elements, with the single exception of Nitrogen, are of the type in Fig. 83; the lighter trivalents are composed of six “funnels” radiating from the center of a cube to its six surfaces; the heavier trivalents have, in addition to the six funnels, eight “spikes” radiating to the eight corners of the cube.

Các nguyên tử thuộc loại dương và âm được tập hợp lại thành các nhóm, nhưng đặc biệt là trong bốn nhóm chính hoặc "phễu", phát ra từ tâm của hình tứ diện đến bốn bề mặt của nó. Đây là cấu trúc hóa trị hai đơn giản cho các nguyên tố nhẹ hơn; trong các nguyên tố nặng hơn, ngoài các "phễu", còn xuất hiện các nhóm mới được gọi là "gai", số lượng là bốn và tỏa ra từ tâm đến bốn góc. (Đơn vị của mỗi nguyên tố được bao quanh bởi một bức tường giới hạn hình cầu, bao gồm vật chất xung quanh của cõi phụ nguyên tử của cõi hồng trần, nhưng vì mục đích đơn giản, điều này không được hiển thị trong sơ đồ.)

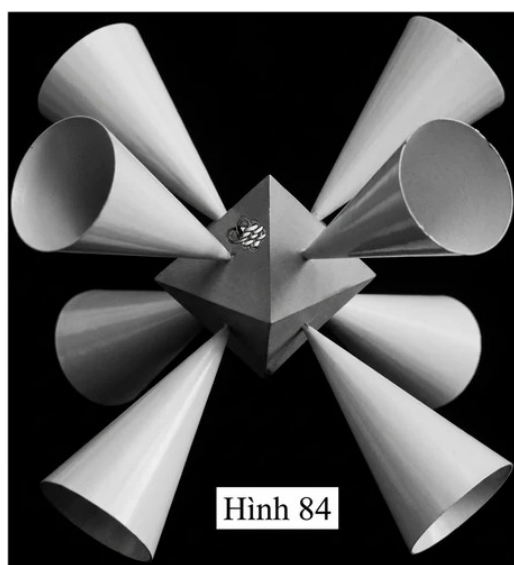
Tất cả các nguyên tố hóa trị ba, với ngoại lệ duy nhất là Nitơ, đều thuộc loại trong Hình 83; các chất hóa trị ba nhẹ hơn bao gồm sáu "phễu" tỏa ra từ tâm của một hình khối đến sáu bề mặt của nó; các chất hóa trị ba nặng hơn có, ngoài sáu phễu, tám "gai" tỏa ra đến tám góc của hình khối.



Hình 83

All tetravalent elements, with the exception of Titanium and Zirconium, are of the type in Fig. 84; the lighter tetravalents are composed of eight “funnels”, starting from the center of an octahedron and pointing to its eight surfaces; the heavier tetravalents have, in addition, six “spikes” pointing to the six corners:

Tất cả các nguyên tố hóa trị bốn, ngoại trừ Titan và Zircon, đều thuộc loại trong Hình 84; các chất hóa trị bốn nhẹ hơn bao gồm tám "phễu", bắt đầu từ tâm của một hình bát diện và chỉ đến tám bề mặt của nó; các chất hóa trị bốn nặng hơn, ngoài ra, có sáu "gai" chỉ đến sáu góc:



Hình 84

There remain the dodecahedron and the icosahedron; the former is the *tanmatra*, not for anyone type of elements, but for a constituent of some of the elements. This constituent is composed of groups of atoms

Vẫn còn hình thập nhị diện và hình khối hai mươi mặt; cái trước là *tanmatra*, không dành cho bất kỳ loại nguyên tố nào, mà dành cho một thành phần của một số nguyên tố. Thành phần này bao gồm các nhóm nguyên tử được

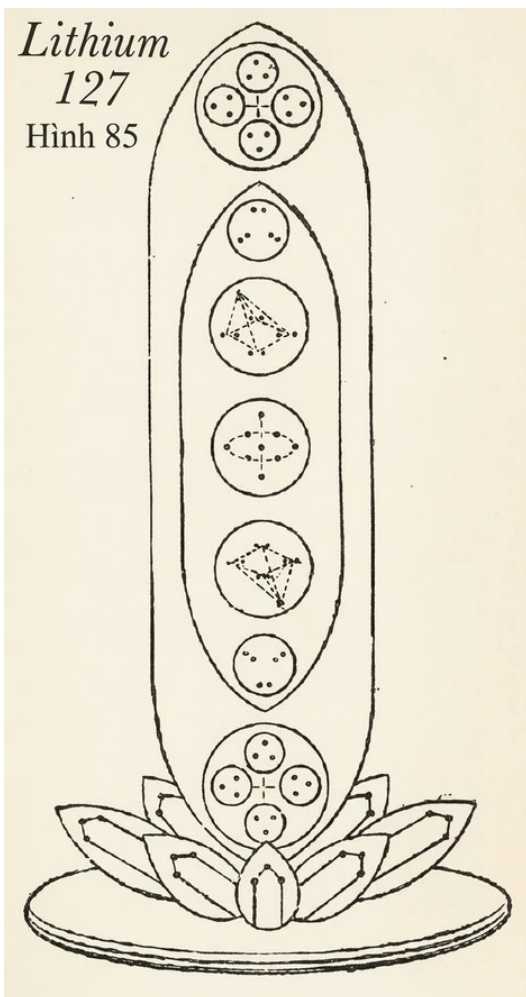
which are placed at the twenty corners of a dodecahedron.¹⁸ Except that the icosahedron is implied in a dodecahedron—for the corners of an icosahedron are the twelve points where the five tetrahedra regularly intersect—no definite groups of bodies in the building of the elements have so far been noted, as placed at the twelve corners of an icosahedron.

The monovalent elements are built according to the types represented by Figs. 85 and 86. The paramagnetic monovalents start with Lithium, whose structure is given in Fig. 85.

đặt ở hai mươi góc của một hình thập nhị diện. Ngoại trừ việc hình khối hai mươi mặt được ngụ ý trong một hình thập nhị diện — vì các góc của một hình khối hai mươi mặt là mười hai điểm nơi năm hình tứ diện giao nhau một cách đều đặn — cho đến nay, không có nhóm vật thể xác định nào trong việc xây dựng các nguyên tố được ghi nhận, được đặt ở mười hai góc của một hình khối hai mươi mặt.

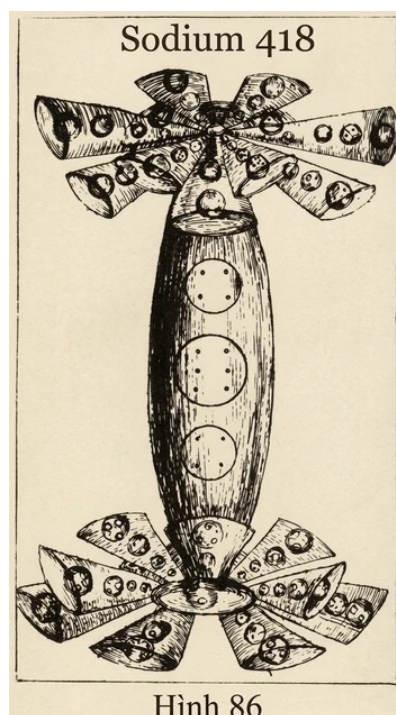
Các nguyên tố hóa trị một được xây dựng theo các loại được biểu thị bằng Hình 85 và 86. Các chất hóa trị một thuận từ bắt đầu với Liti, có cấu trúc được đưa ra trong Hình 85.

¹⁸ The dodecahedron also appears in the “ring” series of carbon compounds like naphthalene, anthracene, etc., with 12 funnels pointing to the 12 surfaces of the dodecahedron.



Lithium contains 127 ultimate physical atoms. The remaining elements, down the line of Lithium, in Fig. 77 of the Periodic Law (with the exception of Fluorine), have the center pillar or "cigar" of Lithium, but made heavier by the addition of new bodies, and multiplied in a definite series, and radiating from a common center. The direction of these radiating bodies has not yet been determined, but they will be sure to follow definite positions formed by the interlacing of various solids. The diamagnetic monovalents are all built after the type of Sodium in Fig. 86; there is a central bar or rod, which connects an upper group of twelve

Liti chứa 127 nguyên tử vật chất tối hậu. Các nguyên tố còn lại, xuống dòng Liti, trong Hình 77 của Định luật Tuần hoàn (ngoại trừ Flo), có trụ cột trung tâm hoặc "điếu xì gà" của Liti, nhưng được làm nặng hơn bằng cách thêm các vật thể mới và nhân lên trong một chuỗi xác định và tỏa ra từ một tâm chung. Hướng của các vật thể tỏa ra này vẫn chưa được xác định, nhưng chúng chắc chắn sẽ tuân theo các vị trí xác định được hình thành bởi sự đan xen của các chất rắn khác nhau. Các chất hóa trị một nghịch từ đều được xây dựng theo loại Natri trong Hình 86; có một thanh hoặc que trung tâm, kết nối một nhóm mười hai

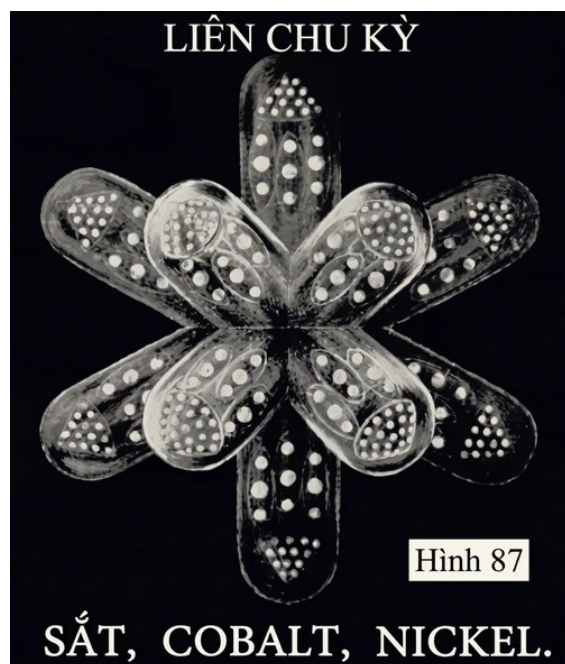


(This page only contains Fig. 85.) radiating funnels with a lower group of twelve similarly radiating funnels.

There are two remaining groups in the table of the chemical elements to be accounted for; these are the “interperiodic” metals, and the “inert gases” of the atmosphere. Both groups, come on the median line of the diagram of the Periodic Law. The appearance of the Interperiodics (Iron, Cobalt, Nickel, Palladium, Ruthenium, Rhodium, etc.) is given in Fig. 87.

(Trang này chỉ chứa Hình 85.) các phễu tỏa ra với một nhóm mười hai phễu tỏa ra tương tự ở phía dưới.

Có hai nhóm còn lại trong bảng các nguyên tố hóa học cần được giải thích; đây là các kim loại "giữa chu kỳ" và "khí trơ" của khí quyển. Cả hai nhóm đều nằm trên đường trung bình của sơ đồ Định luật Tuần hoàn. Sự xuất hiện của các chất giữa chu kỳ (Sắt, Coban, Niken, Paladi, Ruteni, Rhodi, v.v.) được đưa ra trong Hình 87.



Each is composed of 14 “bars” radiating from a center. The four interperiodic groups so far noted go in triplets (with the fourth group adding a fourth member), and they have a striking peculiarity in that each member of its group is 28 atoms heavier than the preceding member. Thus, since each Interperiodic is composed of 14 bars, all of which within one element are alike, we have “periodicity” coming regularly as follows in each group:

Mỗi chất bao gồm 14 "thanh" tỏa ra từ một tâm. Bốn nhóm giữa chu kỳ cho đến nay đã được ghi nhận đi theo bộ ba (với nhóm thứ tư thêm một thành viên thứ tư) và chúng có một đặc điểm nổi bật là mỗi thành viên trong nhóm của nó nặng hơn 28 nguyên tử so với thành viên trước đó. Do đó, vì mỗi chất giữa chu kỳ bao gồm 14 thanh, tất cả đều giống nhau trong một nguyên tố, chúng ta có "tính tuần hoàn" đến đều đặn như sau trong mỗi nhóm:

NHÓM I. IRON, COBALT, NICKEL

	<i>trong một thanh</i>	<i>Tổng cộng 14 thanh</i>	<i>Tổng trọng lượng, H=1</i>
Iron	72	1008	56
Cobalt	74	1036	57.55
Nickel	76	1064	59.11

NHÓM II. RUTHENIUM, RHODIUM, PALLADIUM

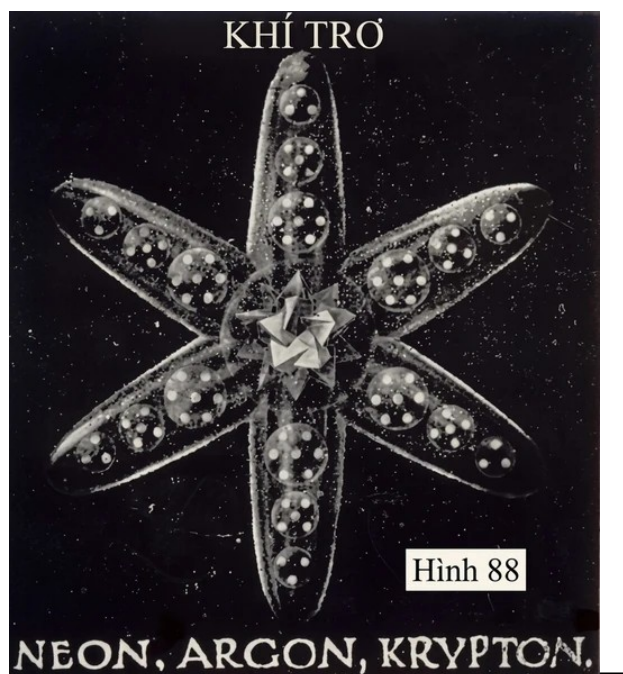
Ruthenium	132	1848	102.6 6
Rhodium	134	1876	104.22
Palladium	136	1904	105.77

NHÓM III. X, Y, Z

X	189	2646	147
Y	191	2674	148.55
Z	193	2702	150.11

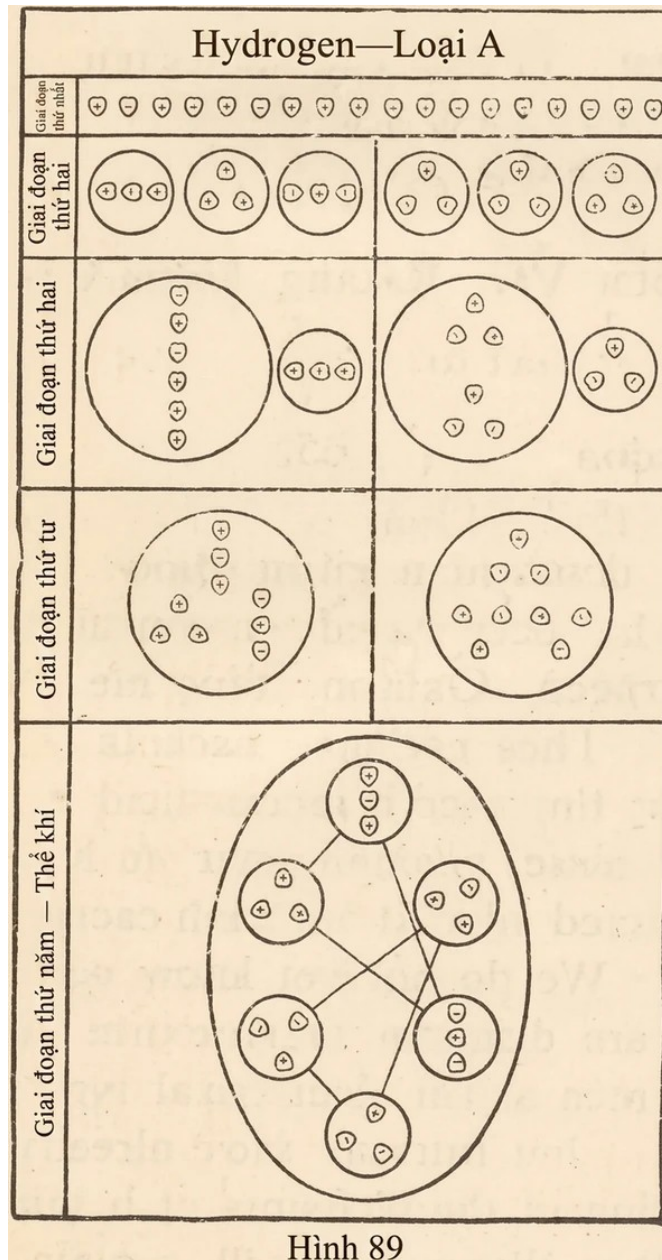
NHÓM IV OSMIUM, IRIDIUM, PLATINUM, PLATINUM B

Osmium	245	3430	190.55
Iridium	247	3458	192.11
Platinum	249	3486	193.66
Platinum B ¹	251	3514	195.22



This same characteristic of periodicity appears in the second type of elements which come on the median line, the inert gases. Their general appearance is given in Fig. 88.

Đặc điểm tương tự của tính tuần hoàn xuất hiện trong loại nguyên tố thứ hai nằm trên đường trung bình, các khí trơ. Hình dạng chung của chúng được đưa ra trong Hình 88.



Hình 89

These inert gases go in pairs, the second member of the pair having exactly 42 atoms more than the first member. Fig. 88 shows us that in the center there appears the complicated five interlacing tetrahedra which came in Fig. 81; radiating from this, but all on one plane, are six arms, each having the same number of atoms. Periodicity appears in the fact that, in each inert gas, the second member or "isotope" has 7 atoms more in each arm., (In all of the inert gases, the center sphere has

Các khí trơ này đi theo cặp, thành viên thứ hai của cặp có chính xác 42 nguyên tử nhiều hơn thành viên đầu tiên. Hình 88 cho chúng ta thấy rằng ở trung tâm xuất hiện năm hình tứ diện đan xen phức tạp đã xuất hiện trong Hình 81; tỏa ra từ đây, nhưng tất cả trên một mặt phẳng, là sáu cánh tay, mỗi cánh tay có cùng số lượng nguyên tử. Tính tuần hoàn xuất hiện ở chỗ, trong mỗi khí trơ, thành viên thứ hai hoặc "đồng vị" có nhiều hơn 7 nguyên tử trong mỗi cánh tay. (Trong tất cả các khí trơ, hình

only 120 atoms.)

cầu trung tâm chỉ có 120 nguyên tử.)

NHÓM I. NEON, META-NENON

	<i>Số lượng trong một nhánh</i>	<i>Tổng trọng lượng, H=1</i>
Neon	40	20
Meta-Neon	47	22.33

NHÓM II. ARGON, META-ARGON

Argon	99	39.66
Meta-Argon	106	42

NHÓM III. KRYPTON, META-KRYPTON

Krypton	224	81.33
Meta-Krypton	231	83.66

NHÓM IV. XENON, META-XENON

	<i>Số lượng trong một nhánh</i>	<i>Tổng trọng lượng, H=1</i>
Xenon	363	127.66
Meta-Xenon	370	130

NHÓM V. "KALON", "META-KALON"

"Kalon"	489	169.66
"Meta-Kalon"	496	172

NHÓM VI. RADON, META-RADON

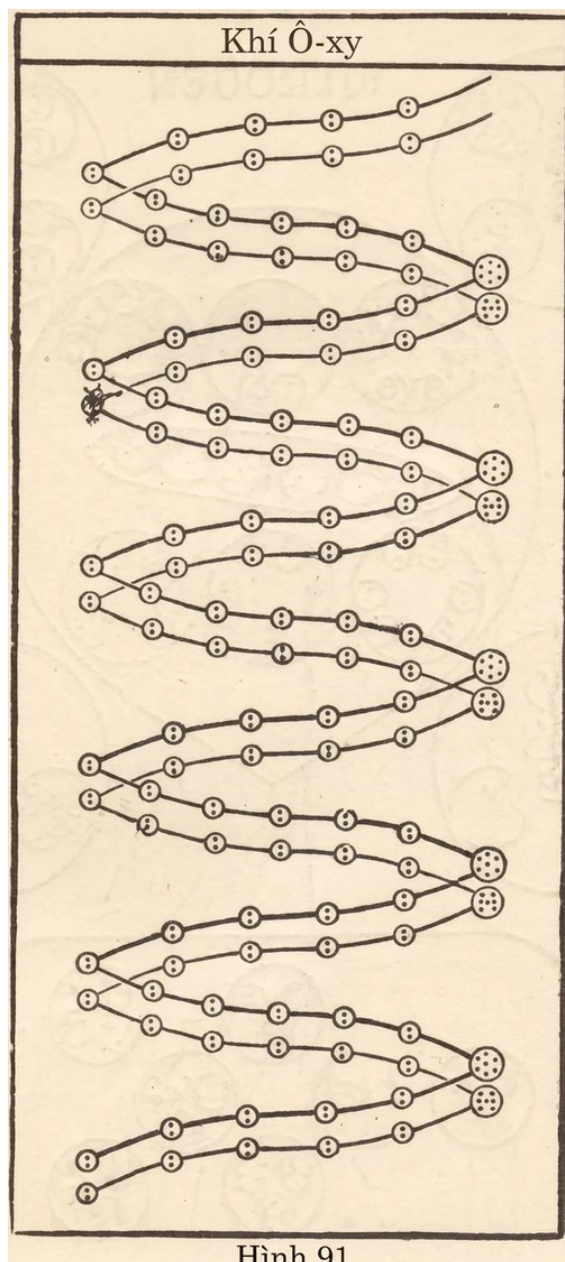
Radon	645	221.6
Meta-Radon	652	224

In the description given above of the elements, it has been stated that certain elements (i.e., Nitrogen, Oxygen, Fluorine, etc.) are *exceptions*. There are no "exceptions" to divine laws; the word is merely used in the conventional sense, to imply that we have not as yet discovered of what law each exception is an example. We do not yet know why the exceptions are different in structure from that which is seen as the "ancestral type". But, even from what little we have already seen of the building of the elements, it is fairly clear that further discoveries will explain exactly why these exceptions have their present formations.

Of the few exceptions, among the noteworthy are Hydrogen, Nitrogen and Oxygen, represented in Figs. 89, 90, 91. In Fig. 89, which is that of Hydrogen, the stages of its building are given. Hydrogen has in each unit 18 atoms, but there are two varieties of Hydrogen, the first composed of ten positive and eight negative atoms, and the second composed of nine positive and nine negative atoms. Figure 89 shows the first variety. In its first stage, the atoms, ten of which are positive and eight negative exist, on the atomic sub-plane of the physical plane. At the next stage, on the sub-atomic sub-plane (see Fig. 49), the 18 atoms arrange themselves into 6 groups of 3 each. At the next stage, on the super-etheric sub-plane, there is a rearrangement. At the fourth stage on the etheric sub-plane, there is a further rearrangement. Finally, when we come to the gaseous sub-plane, the 18 atoms making up the one unit of Hydrogen (the *chemical* atom of Hydrogen) re-group themselves into 6 groups of 3 each; three of these 6 groups are specially linked together as a positive half of Hydrogen, while the remaining 3 groups link themselves together as the negative half of Hydrogen.

Trong phần mô tả trên về các nguyên tố, người ta đã nói rằng một số nguyên tố (tức là Nitơ, Oxy, Flo, v.v.) là những ngoại lệ. Không có "ngoại lệ" nào đối với các định luật thiêng liêng; từ này chỉ được sử dụng theo nghĩa thông thường, để ngụ ý rằng chúng ta vẫn chưa khám phá ra mỗi ngoại lệ là một ví dụ về định luật nào. Chúng ta vẫn chưa biết tại sao các ngoại lệ lại khác về cấu trúc so với những gì được coi là "loại tổ tiên". Nhưng, ngay cả từ những gì ít ỏi chúng ta đã thấy về việc xây dựng các nguyên tố, rõ ràng là những khám phá sâu hơn sẽ giải thích chính xác tại sao những ngoại lệ này lại có các hình thức hiện tại của chúng.

Trong số một vài ngoại lệ, đáng chú ý là Hydro, Nitơ và Oxy, được thể hiện trong Hình 89, 90, 91. Trong Hình 89, là hình của Hydro, các giai đoạn xây dựng của nó được đưa ra. Hydro có 18 nguyên tử trong mỗi đơn vị, nhưng có hai loại Hydro, loại đầu tiên bao gồm mười nguyên tử dương và tám nguyên tử âm, và loại thứ hai bao gồm chín nguyên tử dương và chín nguyên tử âm. Hình 89 cho thấy loại đầu tiên. Ở giai đoạn đầu tiên, các nguyên tử, mười trong số đó là dương và tám là âm, tồn tại trên cõi phụ nguyên tử của cõi hồng trần. Ở giai đoạn tiếp theo, trên cõi phụ hạ nguyên tử (xem Hình 49), 18 nguyên tử tự sắp xếp thành 6 nhóm, mỗi nhóm 3 nguyên tử. Ở giai đoạn tiếp theo, trên cõi phụ siêu dĩ thái, có một sự sắp xếp lại. Ở giai đoạn thứ tư trên cõi phụ dĩ thái, có một sự sắp xếp lại nữa. Cuối cùng, khi chúng ta đến cõi phụ khí, 18 nguyên tử tạo nên một đơn vị Hydro (nguyên tử hóa học của Hydro) tự nhóm lại thành 6 nhóm, mỗi nhóm 3 nguyên tử; ba trong số 6 nhóm này được liên kết đặc biệt với nhau như một nửa dương của Hydro, trong khi 3 nhóm còn lại liên kết với nhau như một nửa âm của Hydro.



In this First Principles of Theosophy it is obviously out of place to write fully on "Occult Chemistry", i.e., chemical structure as seen by the enlarging power of trained clairvoyance. But Occult Chemistry is interesting even to a beginner in Theosophy, because, when, after leaving on one side mere theories and speculations about chemical structure, one

Trong Những Nguyên Tắc Đầu Tiên của Thông Thiên Học này, rõ ràng là không thích hợp để viết đầy đủ về "Hóa Học Huyền Bí", tức là cấu trúc hóa học như được nhìn thấy bởi sức mạnh mở rộng của thông nhãn được huấn luyện. Nhưng Hóa Học Huyền Bí rất thú vị ngay cả đối với người mới bắt đầu trong Thông Thiên Học, bởi vì, khi, sau khi gạt sang một bên

sees how elements are actually constructed, then one realizes how, even in the proton, electron, and neutron in the atom and the element, the Logos is at work, building.

The vision of “things as they are” is a vision revealing a wonderful craftsmanship and an inspiring wisdom. A glimpse of His Plan, even for the chemical element, enables one to know that there is no place where He is not, and nothing in which He is not working.

We have had glimpses of the modes of His working in the elements in their geometrical design, in their periodicity, in their “valency”. We get another glimpse as we look at one more diagram, that of Fig. 92, which gives us the skeleton of the structure of six monovalent elements—Sodium, Chlorine, Copper, Bromine, Silver and Iodine. All these come on one line of the Periodic Table, Fig. 77, and all are of the “ancestral type” of Sodium shown in Fig. 86. That figure shows us Sodium somewhat like a dumb-bell in shape; there is a central rod connecting two groups of funnels, an upper and a lower; the funnels of each group are twelve in number, and each set of twelve radiates on to two planes from a central sphere. This “dumb-bell” structure is carried on to all elements appearing on the diamagnetic monovalent line. If, therefore, in anyone of these elements, we know the bar, one funnel, and one sphere from which the funnels radiate, we can construct the full element. Then, by counting the total number of “ultimate physical atoms”, and dividing by 18 (for Hydrogen has 18 such atoms, and if we make $H=1$, to reduce “atomic weights” to a common standard), we get the “atomic weight” of the element in terms of

những lý thuyết và suy đoán đơn thuần về cấu trúc hóa học, người ta thấy các nguyên tố thực sự được xây dựng như thế nào, thì người ta nhận ra rằng, ngay cả trong proton, electron và neutron trong nguyên tử và nguyên tố, Hành Tinh Thượng đế đang làm việc, xây dựng.

Tầm nhìn về “những điều như chúng vốn là” là một tầm nhìn tiết lộ một nghệ thủ công tuyệt vời và một minh triết đầy cảm hứng. Một thoáng nhìn về Thiên Cơ của Ngài, ngay cả đối với nguyên tố hóa học, cho phép người ta biết rằng không có nơi nào Ngài không ở, và không có gì mà Ngài không làm việc.

Chúng ta đã có những thoáng nhìn về các phương thức làm việc của Ngài trong các nguyên tố trong thiết kế hình học của chúng, trong tính tuần hoàn của chúng, trong “hóa trị” của chúng. Chúng ta có được một thoáng nhìn khác khi chúng ta nhìn vào một sơ đồ nữa, sơ đồ của Hình 92, cho chúng ta bộ xương của cấu trúc của sáu nguyên tố hóa trị một — Natri, Clo, Đồng, Brom, Bạc và Iốt. Tất cả những chất này đều nằm trên một dòng của Bảng Tuần Hoàn, Hình 77, và tất cả đều thuộc “loại tổ tiên” của Natri được hiển thị trong Hình 86. Hình đó cho chúng ta thấy Natri hơi giống hình quả tạ; có một thanh trung tâm kết nối hai nhóm phễu, một nhóm trên và một nhóm dưới; các phễu của mỗi nhóm có số lượng là mười hai và mỗi bộ mười hai tỏa ra trên hai mặt phẳng từ một hình cầu trung tâm. Cấu trúc “quả tạ” này được chuyển sang tất cả các nguyên tố xuất hiện trên dòng hóa trị một nghịch từ. Do đó, nếu, trong bất kỳ nguyên tố nào trong số này, chúng ta biết thanh, một phễu và một hình cầu mà từ đó các phễu tỏa ra, chúng ta có thể xây dựng nguyên tố đầy đủ. Sau đó, bằng cách đếm tổng số “nguyên tử vật chất tối hậu” và chia cho 18 (vì Hydro có 18 nguyên tử như vậy và nếu chúng ta đặt $H=1$, để giảm “trọng lượng nguyên tử” về

Hydrogen.¹⁹ Fig.92 is illuminating, as it shows us how the Logos builds from an “ancestral type”, as Crookes suggests. To make a funnel of Chlorine²⁰, the funnel of Sodium is taken, and added to, and the bar is made heavier by 5 atoms. Then the funnel of Chlorine is in turn taken to make the funnels of Copper and Bromine, and new groups of atoms are added. Bromine in its turn is taken to build Silver and Iodine, and the Bromine funnel of 58 atoms is used with additions in order to build them. The changes made in the spheres connecting the funnels are shown in the diagram. It will be seen that from Chlorine to Iodine no change is made in the bar. Counting all the dots, which represent “ultimate physical atoms”, and remembering that in each element there is one bar, two spheres, and 24 funnels (see Sodium, Fig. 86), we get the following:

một tiêu chuẩn chung), chúng ta sẽ nhận được "trọng lượng nguyên tử" của nguyên tố theo Hydro. Hình 92 rất sáng tỏ, vì nó cho chúng ta thấy Hành Tinh Thượng để xây dựng từ một "loại tổ tiên" như thế nào, như Crookes gợi ý. Để tạo ra một phễu Clo, phễu Natri được lấy và thêm vào, và thanh được làm nặng hơn 5 nguyên tử. Sau đó, phễu Clo lần lượt được lấy để tạo ra các phễu Đồng và Brom, và các nhóm nguyên tử mới được thêm vào. Brom lần lượt được lấy để xây dựng Bạc và Iốt, và phễu Brom gồm 58 nguyên tử được sử dụng với các bổ sung để xây dựng chúng. Những thay đổi được thực hiện trong các hình cầu kết nối các phễu được hiển thị trong sơ đồ. Có thể thấy rằng từ Clo đến Iốt, không có thay đổi nào được thực hiện trong thanh. Đếm tất cả các dấu chấm, đại diện cho "các nguyên tử vật chất tối hậu" và ghi nhớ rằng trong mỗi nguyên tố có một thanh, hai hình cầu và 24 phễu (xem Natri, Hình 86), chúng ta nhận được như sau:

¹⁹ If it is desired to get the “atomic weight” in terms of Oxygen = 16, as is done now in Chemistry, the divisor will have to be made 18.144.

²⁰ There is an isotope of Chlorine with 667 atoms, and weight 37.05.

Tiến Hoá			
THEO THẦN THOẠI ẤN ĐỘ GIÁO			
CÁC ĐẰNG HOÁ THÂN CỦA VISHNU.			
1	Cá	Động Vật Biển	} độ
2	Rùa	Lưỡng cư	
3	Lợn Rừng	Sinh Vật Sống Trên Cạn	
4	"Người-Sư tử"	Thú-Người	} Chu
5	Người Lùn	"Mắt Xích Thiểu"	
6	Người Không Lò Phá Hoại	Người Nguyên Thủy	} co
7	Vua Rāma	Con Người Lý Tưởng	
8	Krishna	Thượng Đế trong Phạm Ngã	} thi
9	Kalki (chưa đến)	Thượng Đế trong Phạm Ngã	
Hình 93			

[Bảng]

Here I must leave this fascinating subject of the building of the chemical elements, referring students who care to follow the matter further to the special work on the subject, *Occult Chemistry*, by Annie Besant and C. W. Leadbeater.²¹

When most of us turn our attention to the substances around us, which are all composed of the chemical elements, we think of these substances by the relation which they bear to us. Utterly wrapped up in our man-centered outlook, we say that this substance is useful, or that useless. We look with interest at a diamond, but with no interest at all at a piece of granite or clay. It has not yet dawned on our imagination that all substances have their part in the Divine Plan, and are doing their work to further that Plan, irrespective of their relation to us mortals.

Ở đây tôi phải rời khỏi chủ đề hấp dẫn này về việc xây dựng các nguyên tố hóa học, giới thiệu các sinh viên quan tâm đến việc theo dõi vấn đề này sâu hơn đến công trình đặc biệt về chủ đề này, *Hóa Học Huyền Bí*, của Bà Annie Besant và Ông C. W. Leadbeater.

Khi hầu hết chúng ta hướng sự chú ý đến các chất xung quanh chúng ta, tất cả đều được cấu tạo từ các nguyên tố hóa học, chúng ta nghĩ về những chất này theo mối quan hệ mà chúng mang lại cho chúng ta. Hoàn toàn đắm chìm trong quan điểm lấy con người làm trung tâm của chúng ta, chúng ta nói rằng chất này hữu ích, hoặc chất kia vô dụng. Chúng ta nhìn một viên kim cương với sự thích thú, nhưng hoàn toàn không thích thú với một mảnh đá granit hoặc đất sét. Chúng ta vẫn chưa nhận ra rằng tất cả các chất đều có vai trò của chúng trong Thiên Cơ, và đang thực hiện công việc của

²¹ First edition, 1908; second edition, 1919; third edition, 1951. French, Italian and German translations of this work have appeared.

How different all nature appears when we come to know that even the "dead" substances which compose our world are evolving; and that, as each one of us is irresistibly drawn upwards towards an ideal, so all the elements and their combinations are being drawn upwards slowly to become more perfect lenses of the Divinity dwelling within them. For He does so dwell, even as in the soul of man. Did not Christ the Logos say: "Raise the stone, and there thou shalt find Me; cleave the wood, and there am I?" To him that hath ears to hear, there is not only a melody in the surf of the sea and in the whispers of the wood, there is also a Song of nature wherever even the tiniest speck of matter exists, and does its part in the Great Plan. Out of the earth, out of heaven and hell, from every corner of all the worlds visible and invisible, there ever rises one triumphant pean of nature:

Thus at the roaring Loom of time I ply,

And weave for God the Robe thou seest Him by.

chúng để thúc đẩy Thiên Cơ đó, bất kể mối quan hệ của chúng với chúng ta, những người phàm.

Tất cả thiên nhiên xuất hiện khác biệt như thế nào khi chúng ta biết rằng ngay cả những chất "chết" cấu tạo nên thế giới của chúng ta cũng đang tiến hóa; và rằng, khi mỗi người chúng ta bị lôi cuốn một cách không thể cưỡng lại lên trên về phía một lý tưởng, thì tất cả các nguyên tố và sự kết hợp của chúng đang từ từ bị lôi cuốn lên trên để trở thành những thấu kính hoàn hảo hơn của Thượng đế ngự trị bên trong chúng. Vì Ngài thực sự ngự trị như vậy, ngay cả trong linh hồn của con người. Đức Christ Hành Tinh Thượng đế đã chẳng nói: "Hãy nhấc hòn đá lên, và ở đó người sẽ tìm thấy Ta; hãy chẻ gỗ ra, và ở đó có Ta sao?" Đối với người có tai để nghe, không chỉ có một giai điệu trong tiếng sóng biển và trong tiếng thì thầm của khu rừng, mà còn có một Bài Ca của thiên nhiên ở bất cứ nơi nào ngay cả hạt vật chất nhỏ bé nhất tồn tại, và thực hiện vai trò của nó trong Thiên Cơ Vĩ Đại. Từ trái đất, từ thiên đàng và địa ngục, từ mọi góc ngách của tất cả các thế giới hữu hình và vô hình, luôn trỗi dậy một khúc ca khải hoàn của thiên nhiên:

Như vậy, tại Khung Cửi garm rú của thời gian, ta miệt mài,

Và dệt cho Thượng đế Chiếc Áo choàng mà người thấy Ngài mặc.

CHƯƠNG XI

THE EVOLUTION OF LIFE—SỰ TIẾN HÓA CỦA SỰ SỐNG

Of all the perennially inspiring facts in life which Theosophy reveals, none is so overwhelming as the fact that Matter, Life and Consciousness are three aspects of one indivisible Unity. It is impossible to conceive of any matter which is not living, nor of any life which has not consciousness. And when a man realizes that all forms of consciousness, from that of an electron to that of a Dhyani Chohan, are embodiments of the one Logos; that, “cabined, cribbed, and confined” though He be there, yet He is within the electron; then he begins to live in a universe of perpetual light, and to him nature at work in realms visible and invisible is one blaze of glory of the Ineffable. To know this, even merely intellectually, is to gain a new insight into everything in heaven and earth. But to feel it, to live it, is to discover an exhilaration and an enthusiasm of which he had not thought himself capable.

It was shown, in the chapter on “The Evolution of the Matter and Force”, that the Consciousness of the Logos pervades all the processes in the building of the chemical elements. The same is true when we watch all the processes which we consider characteristic of life, as distinct from those of matter. At each stage of life, from the lowest to the highest, from a bacterium to an archangel, He works, with His agents as His helpers, with His plan before Him. Nothing comes to birth by chance; nothing dies by chance; life and death are the warp and woof of His loom. Each organism contains—when the seed, when the

Trong tất cả những sự thật đầy cảm hứng vĩnh cửu trong cuộc sống mà Thông Thiên Học tiết lộ, không có sự thật nào áp đảo bằng sự thật rằng Vật Chất, Sự Sống và Tâm thức là ba khía cạnh của một Sự Hợp Nhất không thể phân chia. Không thể hình dung bất kỳ vật chất nào không sống, cũng như bất kỳ sự sống nào không có tâm thức. Và khi một người nhận ra rằng tất cả các hình thức tâm thức, từ tâm thức của một electron đến tâm thức của một Dhyani Chohan, đều là hiện thân của một Hành Tinh Thượng đế; rằng, mặc dù Ngài bị “giam hãm, bó buộc và giới hạn” ở đó, nhưng Ngài vẫn ở bên trong electron; thì y bắt đầu sống trong một vũ trụ ánh sáng vĩnh cửu, và đối với y, thiên nhiên làm việc trong các cõi hữu hình và vô hình là một ngọn lửa vinh quang của Đấng Bất Khả Tử. Biết điều này, thậm chí chỉ đơn thuần là về mặt trí tuệ, là để có được một cái nhìn sâu sắc mới về mọi thứ trên trời và dưới đất. Nhưng để cảm nhận nó, để sống nó, là để khám phá ra một sự phấn khích và một sự nhiệt tình mà y đã không nghĩ rằng mình có khả năng.

Trong chương về “Sự Tiến Hóa của Vật Chất và Mạnh Lực”, người ta đã chỉ ra rằng Tâm thức của Hành Tinh Thượng đế thấm nhuần tất cả các quá trình trong việc xây dựng các nguyên tố hóa học. Điều tương tự cũng đúng khi chúng ta quan sát tất cả các quá trình mà chúng ta coi là đặc trưng của sự sống, khác với các quá trình của vật chất. Ở mỗi giai đoạn của sự sống, từ thấp nhất đến cao nhất, từ một vi khuẩn đến một tổng lãnh thiên thần, Ngài làm việc, với các tác nhân của Ngài là những người trợ giúp của Ngài, với Thiên Cơ của Ngài trước mắt Ngài. Không có gì ra đời do tình cờ; không có gì chết do tình cờ; sự sống và cái chết là sợi dọc và

tree, in life, as too, in death—one chapter of the Divine Wisdom for him who will study its processes.

What are the principles which guide the evolution of life? There are many, and one of them is that life grows in response to a stimulus from without. Stimuli from the world without are needed so as to rouse the slumbering life, whether of mineral, plant, animal or man. Heat, strain, pressure and other external impacts, which impinge on the slumbering life in a mineral, awaken that mineral to its higher possibilities of organization. The fiery glow of a nebula has no meaning to us men, and we do not grow, but die, in that whirling mass of heat and pressure and movement. But to the chemical element, all that incandescence is as the breath of its life. Our earth, when it was one seething mass of lava, was impossible for us men as a habitation; but it was as a fairy garden to the mineral, who rejoiced in receiving those fiery impacts and pressures which would have annihilated plant and animal organisms. An inner impulse in the life and a stimulus from the outer environment are both necessary for the life's growth; without the impact, the life is dormant; with stimulus alone, but without the inner impulse, the form is dead.

A second principle to note is that life grows by building and unbuilding. A myriad deaths or unbuildings matter little to the life, so long as one opportunity can be seized to build a more fitting form. Life lavishly builds and unbuilds, ever seeking to build for itself that garment which is placed before it as its ideal. In all this process, there seems to be a terrible waste of

sợi ngang của khung cửu của Ngài. Mỗi sinh vật chứa đựng — khi hạt giống, khi cây, trong sự sống, cũng như trong cái chết — một chương của Minh Triết Thiêng Liêng cho người sẽ nghiên cứu các quá trình của nó.

Những nguyên tắc nào vốn dẫn dắt sự tiến hóa của sự sống? Có rất nhiều, và một trong số đó là sự sống phát triển để đáp ứng với một kích thích từ bên ngoài. Các kích thích từ thế giới bên ngoài là cần thiết để đánh thức sự sống đang ngủ say, dù là của giới kim thạch, thực vật, động vật hay nhân loại. Nhiệt, sức ép, áp suất và các tác động bên ngoài khác, vốn tác động vào sự sống đang ngủ say trong một khoáng vật, đánh thức khoáng vật đó đến những khả năng tổ chức cao hơn của nó. Ánh sáng rực lửa của một tinh vân không có ý nghĩa gì đối với chúng ta, và chúng ta không phát triển, mà chết, trong khối nhiệt, áp suất và chuyển động xoáy đó. Nhưng đối với nguyên tố hóa học, tất cả sự rực lửa đó giống như hơi thở của sự sống. Trái đất của chúng ta, khi nó là một khối nham thạch sôi sục, là không thể ở được đối với chúng ta; nhưng nó giống như một khu vườn thần tiên đối với khoáng vật, vốn vui mừng nhận được những tác động và áp lực rực lửa đó, vốn sẽ tiêu diệt các sinh vật thực vật và động vật. Một xung lực bên trong trong sự sống và một kích thích từ môi trường bên ngoài là cả hai đều cần thiết cho sự phát triển của sự sống; không có tác động, sự sống sẽ ngủ yên; chỉ với kích thích, nhưng không có xung lực bên trong, hình tướng sẽ chết.

Nguyên tắc thứ hai cần lưu ý là sự sống phát triển bằng cách xây dựng và phá bỏ. Vô số cái chết hoặc sự phá bỏ không quan trọng đối với sự sống, miễn là một cơ hội có thể được nắm bắt để xây dựng một hình tướng phù hợp hơn. Sự sống xây dựng và phá bỏ một cách hào phóng, luôn tìm cách xây dựng cho mình chiếc áo choàng vốn được đặt trước nó như là lý

forms; yet in reality there is no waste at all. The matter of the forms, after they are broken up, still remains the same matter. As for the life, it withdraws from the dying organisms, to reappear undiminished in the forms of succeeding generations. Since life is indestructible, it works at its self-evolution by experiment after experiment in the building of forms. (See Fig. 57.)

Perhaps the most vital principle to grasp is that, as life evolves, more and more consciousness is released. A successful evolutionary form means one through which the consciousness locked up within the life can manifest more fully. Simply to live means little for the life; but, while living, to think, to feel, to intuit, to aspire, however vaguely, however feebly, is what all nature is striving for. There is not an electron that is not vaguely aspiring to be a fuller representative of the Divine Force of which it is a channel; each plant and each animal, from the dim recesses of its thought and feeling, is dumbly hoping and trying to be a larger mirror of the Divine Life which it contains. Life is ever striving to be more and more self-conscious, and, above all, to be conscious of the Great Plan, and of its own joyous participation in that Plan.

These principles of the evolving life are seen in operation in that struggle for existence which characterizes the evolution of our vegetable and animal forms. Seen through the cold passionless eyes of a scientific materialism, nature is "red in tooth and claw with ravin"; what else may one think as one examines nature with the magnifying lens of a botanist?

tưởng của nó. Trong tất cả quá trình này, dường như có một sự lãng phí khủng khiếp các hình tướng; nhưng trong thực tế, không có sự lãng phí nào cả. Vật chất của các hình tướng, sau khi chúng bị phá vỡ, vẫn là vật chất đó. Đối với sự sống, nó rút khỏi các sinh vật đang chết, để xuất hiện trở lại không hề suy giảm trong các hình tướng của các thế hệ kế tiếp. Vì sự sống là bất diệt, nó hoạt động để tự tiến hóa bằng hết thí nghiệm này đến thí nghiệm khác trong việc xây dựng các hình tướng. (Xem Hình 57.)

Có lẽ nguyên tắc quan trọng nhất cần nắm bắt là, khi sự sống tiến hóa, ngày càng có nhiều tâm thức được giải phóng. Một hình tướng tiến hóa thành công có nghĩa là một hình tướng mà qua đó tâm thức bị khóa bên trong sự sống có thể biểu lộ đầy đủ hơn. Đơn giản chỉ để sống có ý nghĩa ít đối với sự sống; nhưng, trong khi sống, để suy nghĩ, để cảm nhận, để trực giác, để khao khát, dù mơ hồ đến đâu, dù yếu ớt đến đâu, là điều mà tất cả giới tự nhiên đang cố gắng đạt được. Không có một electron nào mà không mơ hồ khao khát trở thành một đại diện đầy đủ hơn của Lực Thiêng Liêng mà nó là một kênh dẫn; mỗi thực vật và mỗi động vật, từ những góc ngách mờ tối trong suy nghĩ và cảm xúc của nó, đang âm thầm hy vọng và cố gắng trở thành một tấm gương lớn hơn của Sự Sống Thiêng Liêng mà nó chứa đựng. Sự sống luôn cố gắng ngày càng tự ý thức hơn, và trên hết, để ý thức về Thiên Cơ Vĩ Đại, và về sự tham gia vui vẻ của chính nó vào Thiên Cơ đó.

Những nguyên tắc này của sự sống đang tiến hóa được thấy trong hoạt động trong cuộc đấu tranh sinh tồn vốn đặc trưng cho sự tiến hóa của các hình tướng thực vật và động vật của chúng ta. Được nhìn qua con mắt lạnh lùng vô cảm của chủ nghĩa duy vật khoa học, giới tự nhiên "đỏ ngầu răng và vuốt với sự tham lam"; người ta có thể nghĩ gì khác khi người ta kiểm tra giới tự nhiên bằng ống kính lúp của một

The gaily-colored lid of the *Sarracenia* pitcher is bedewed in spring and early summer with drops of nectar, which lie on its inward surface, at least for the most part; not on both, as in the pennon of the *Darlingtonia*.

A closer examination of its surface shows that these drops are at once helped to form, and if sufficiently large to trickle downwards, by a coating of fine but short and stiff hairs which arise from the epidermic surface. Here, in fact, is in every way an admirably-constructed "attractive surface", and it is obvious as well as natural that the insects which sip the honey should travel down into the interior of the pitcher to seek for more. Beyond the lid surface, with its hairs and nectar-glands, they come upon the smooth and glassy "conducting surface", and well-paved path leading indeed towards destruction. In *S. purpurea* there are indeed a few fresh nectaries to be reached by this descent, a new secreting surface below the conducting one—in *S. flaua* and other species not even this—but in all cases we soon reach the "detentive surface" of the whole lower part of the pitcher. This is covered with long, stout, bristly hairs, averaging say 1/4 inch long, all sloping downwards into the cavity of the pitcher, and so presenting no obstacle towards descent, but much resistance towards return, as the finger can easily verify, or as the dead inmates of the tubular prison still more conclusively show. That so comparatively powerful an insect as a wasp or bluebottle can be thus detained may be at first sight perplexing; but we see that there is no scope to use the wings for escape, while legs and wings alike become entangled and held back by the stiffly-pointed hairs, which the struggling insect can at most only thrust along, and thus not break. Another

nhà thực vật học?

Nắp đầy màu sắc vui nhộn của bình *Sarracenia* được đọng sương vào mùa xuân và đầu mùa hè với những giọt mật hoa, vốn nằm trên bề mặt bên trong của nó, ít nhất là phần lớn; không phải trên cả hai, như trong cờ hiệu của *Darlingtonia*.

Một cuộc kiểm tra kỹ hơn về bề mặt của nó cho thấy rằng những giọt này ngay lập tức được giúp hình thành, và nếu đủ lớn để nhỏ xuống, bởi một lớp lông tơ mịn nhưng ngắn và cứng mọc lên từ bề mặt biểu bì. Ở đây, trên thực tế, là một "bề mặt hấp dẫn" được xây dựng một cách tuyệt vời về mọi mặt, và rõ ràng cũng như tự nhiên rằng côn trùng vốn nhám nháp mật ong nên di chuyển xuống bên trong bình để tìm kiếm thêm. Vượt ra ngoài bề mặt nắp, với lông và tuyến mật của nó, chúng bắt gặp "bề mặt dẫn điện" nhẵn và bóng như thủy tinh, và con đường được lát đá tốt dẫn đến sự hủy diệt. Trong *S. purpurea*, thực sự có một vài tuyến mật tươi để đạt được bằng sự đi xuống này, một bề mặt tiết mới bên dưới bề mặt dẫn điện — trong *S. flaua* và các loài khác thậm chí không có điều này — nhưng trong mọi trường hợp, chúng ta sớm đạt đến "bề mặt giam giữ" của toàn bộ phần dưới của bình. Điều này được bao phủ bởi những sợi lông dài, chắc khỏe, có lông cứng, trung bình khoảng 1/4 inch, tất cả đều dốc xuống vào khoang của bình, và do đó không gây ra trở ngại nào đối với việc đi xuống, nhưng có nhiều lực cản đối với việc quay trở lại, như ngón tay có thể dễ dàng xác minh, hoặc như những người cư ngụ đã chết của nhà tù hình ống cho thấy một cách thuyết phục hơn. Rằng một loài côn trùng tương đối mạnh mẽ như ong bắp cày hoặc bluebottle có thể bị giam giữ như vậy thoát nhìn có thể gây khó hiểu; nhưng chúng ta thấy rằng không có phạm vi sử dụng cánh để trốn thoát, trong khi chân và cánh đều bị vướng và giữ lại bởi những sợi lông có đầu cứng, mà con côn trùng đang

captive soon comes on top; ventilations becomes checked, and the foul air rising from dead predecessors must still further check respiration; little wonder then that life must fail.. Even in our greenhouses the leaf thus becomes filled, not only 1 or 2, but often 5 or 6 inches deep with dead insects; while observers on the spot, notably Dr. Melichamp, to whom our knowledge is mainly due, have shown that there is normally a considerable amount of fluid secreted by the pitcher, although this does not seem to appear in European cultivation, and that this fluid has distinctly anaesthetic and fatal properties to insects immersed in it.

It is an old fact that while with us the bluebottle falls an easy and natural prey to this unwanted trap, being doubtless attracted like the wasp by that odor of decomposing carrion to which the bee and butterfly in turn owe their safety, a shrewder American cousin (*Sarcophaga sarraceniae*) lays few eggs over the pitcher edge, where the maggots hatch and fatten on the abundant food. In April three or four of these larvae are to be found, but in June or July only one survives, the victor who has devoured his brethren. But nemesis is often at hand in the form of a grub-seeking bird, who slits up the pitcher with his beak, and makes short work of all its eatable contents. For this bird in turn the naturalist has next to lie in wait, and so adds a new link to the chain.

The larvae of a moth, (*Xanthoptera semicrotea*) also inhabit the pitcher, but devour its tissue,

vật lộn cùng lắm chỉ có thể đẩy dọc theo, và do đó không phá vỡ. Một tù nhân khác sống đến trên đỉnh; sự thông gió bị kiểm tra, và không khí ô nhiễm bốc lên từ những người tiền nhiệm đã chết chắc chắn sẽ kiểm tra thêm sự hô hấp; không có gì ngạc nhiên khi sự sống phải thất bại. Ngay cả trong nhà kính của chúng ta, lá do đó trở nên đầy, không chỉ 1 hoặc 2, mà thường sâu 5 hoặc 6 inch với côn trùng chết; trong khi những người quan sát tại chỗ, đặc biệt là Tiến sĩ Melichamp, người mà kiến thức của chúng ta chủ yếu là do, đã chỉ ra rằng thông thường có một lượng chất lỏng đáng kể được tiết ra bởi bình, mặc dù điều này dường như không xuất hiện trong việc trồng trọt ở châu Âu, và chất lỏng này có đặc tính gây mê và gây tử vong rõ rệt đối với côn trùng bị ngâm trong đó.

Một thực tế cũ là trong khi với chúng ta, bluebottle rơi vào một con mồi dễ dàng và tự nhiên vào cái bẫy không mong muốn này, chắc chắn bị thu hút như ong bắp cày bởi mùi xác thối phân hủy đó mà ong và bướm lần lượt nợ sự an toàn của chúng, một người anh em họ khôn ngoan hơn người Mỹ (*Sarcophaga sarraceniae*) để ít trứng trên mép bình, nơi giới nở và béo lên nhờ thức ăn dồi dào. Vào tháng Tư, có thể tìm thấy ba hoặc bốn ấu trùng này, nhưng vào tháng Sáu hoặc tháng Bảy, chỉ có một con sống sót, người chiến thắng đã nuốt chửng anh em của mình. Nhưng sự báo oán thường ở trong tầm tay dưới hình thức một con chim tìm sâu, vốn rạch bình bằng mỏ của nó, và làm việc nhanh chóng với tất cả các nội dung ăn được của nó. Đối với con chim này, đến lượt mình, nhà tự nhiên học phải nằm chờ, và do đó thêm một liên kết mới vào chuỗi.

Ấu trùng của một con bướm đêm, (*Xanthoptera semicrotea*) cũng sống trong

not its animal inmates; in fact, they spin a web across its diameter, as if to exclude further entrance of these, and then devour the upper part of the tissue especially, it would seem, the nectar-glands, finally passing through their chrysalis stage within the cavity of the pitcher, and not, as in the case of the *Sarcophaga* larva, making their exit into the ground.

It is said that spiders also spin their webs over the mouths of the pitchers and wait to reap the profit of their attractiveness—again a point of almost human shrewdness.²²

The struggle for existence in the vegetable and animal kingdoms is a wonderful part of the Great Plan. Ever at its work of releasing more and more of consciousness, it strives to select those forms which are most responsive both to the inner urge of the life and to the changing environment. It works at selection first by multiplying forms and then by segregating those most suited to survive in the struggle for existence. Hosts of Devas or Angels, higher and lower, are guardians of the multitudinous types of evolving life; they carry on a fierce warfare, for each Deva arranges for his charges to fatten on those of another Deva, to slay and to be slain; each concentrates on his own type of life and form, as if it alone were intended to thrive according to the Great Plan. But since the death of the form is not a waste of the life, and since, too, each seeming loss brings with its experience both of wisdom and force to the life, to help it

binh, nhưng ăn mô của nó, không phải những người cư ngụ động vật của nó; trên thực tế, chúng giăng một mạng lưới trên đường kính của nó, như thể để loại trừ sự xâm nhập thêm của những thứ này, và sau đó ăn phần trên của mô đặc biệt, dường như là các tuyến mật, cuối cùng trải qua giai đoạn nhộng của chúng bên trong khoang của bình, và không, như trong trường hợp của ấu trùng *Sarcophaga*, thực hiện lối ra của chúng vào lòng đất.

Người ta nói rằng nhện cũng giăng mạng của chúng trên miệng bình và chờ đợi để gặt hái lợi nhuận từ sự hấp dẫn của chúng — một lần nữa là một điểm khôn ngoan gần như của con người.

Cuộc đấu tranh sinh tồn trong giới thực vật và động vật là một phần tuyệt vời của Thiên Cơ Vĩ Đại. Luôn luôn trong công việc giải phóng ngày càng nhiều tâm thức, nó cố gắng chọn những hình tướng vốn đáp ứng tốt nhất cả với sự thôi thúc bên trong của sự sống và với môi trường đang thay đổi. Nó hoạt động để lựa chọn trước tiên bằng cách nhân lên các hình tướng và sau đó bằng cách phân tách những hình tướng phù hợp nhất để tồn tại trong cuộc đấu tranh sinh tồn. Vô số Deva hay Thiên Thần, cao hơn và thấp hơn, là những người bảo vệ vô số các loại sự sống đang tiến hóa; Các Ngài tiến hành một cuộc chiến khốc liệt, vì mỗi Deva sắp xếp cho những người được giao của mình béo lên nhờ những người của một Deva khác, để giết và bị giết; mỗi người tập trung vào loại sự sống và hình tướng của riêng mình, như thể chỉ có nó mới được dự định phát triển theo Thiên Cơ Vĩ Đại. Nhưng vì cái chết của hình tướng không phải là một sự lãng phí

²² Geddes, Chapters in Modern Botany, pp.8-10.

towards its ultimate success, the ghastly warfare in nature is a mimic warfare after all, for all the unseen Builders are one in their dedication to the needs of the Plan.

The conception that the life-energies in nature do not work blindly nor at haphazard, but are guided by Builders, is not only novel to most, but startling to many. Yet the idea is as old as the hills. Mankind has ever believed in the greater invisible workers, the Angels or Devas, that they ruled planets and stars, and that patron saints guide the destinies of nations. The belief is still vital in Hinduism and Buddhism; Zoroastrianism and Muhammadanism have it as an integral part of their teaching. It exists in Christianity, but is professed sincerely only by a few today. The belief in the lesser invisible workers is equally widespread; fairies of earth and water, of air and fire, are well known in Oriental traditions; faith in their existence began to disappear in Europe only after the birth of modern science. But that such a faith is not irrational is well illustrated in the following description of a process in embryology by T. H. Huxley, whose trained scientific imagination led him beyond the bounds of his temperamental agnosticism:

The student of nature wonders the more and is astonished the less, the more conversant he becomes with her operations; but of all the perennial miracles she offers to his inspection,

sự sống, và vì, quá, mỗi mất mát dường như mang lại với kinh nghiệm của nó cả minh triết và mãnh lực cho sự sống, để giúp nó đạt được thành công cuối cùng, cuộc chiến khùng khiếp trong giới tự nhiên là một cuộc chiến mô phỏng sau tất cả, vì tất cả các Nhà Kiến Tạo vô hình đều hợp nhất trong sự cống hiến của Các Ngài cho các nhu cầu của Thiên Cơ.

Quan niệm rằng các năng lượng sự sống trong giới tự nhiên không hoạt động một cách mù quáng cũng không phải ngẫu nhiên, mà được dẫn dắt bởi các Nhà Kiến Tạo, không chỉ mới lạ đối với hầu hết mọi người, mà còn gây sửng sốt cho nhiều người. Tuy nhiên, ý tưởng này đã có từ lâu đời. Nhân loại đã luôn tin vào những công nhân vô hình vĩ đại hơn, các Thiên Thần hay Deva, rằng Các Ngài cai trị các hành tinh và các ngôi sao, và rằng các vị thánh bảo trợ hướng dẫn số phận của các quốc gia. Niềm tin vẫn còn quan trọng trong Ấn Độ giáo và Phật giáo; Zoroastrian giáo và Muhammad giáo có nó như là một phần không thể thiếu trong giáo lý của họ. Nó tồn tại trong Cơ đốc giáo, nhưng chỉ được một số ít người ngày nay tuyên xưng một cách chân thành. Niềm tin vào những công nhân vô hình nhỏ hơn cũng lan rộng không kém; những nàng tiên của đất và nước, của không khí và lửa, được biết đến rộng rãi trong các truyền thống phương Đông; niềm tin vào sự tồn tại của Các Ngài chỉ bắt đầu biến mất ở châu Âu sau khi khoa học hiện đại ra đời. Nhưng việc một đức tin như vậy không phải là phi lý được minh họa rõ ràng trong mô tả sau đây về một quá trình trong phôi học của T. H. Huxley, người có trí tưởng tượng khoa học được đào tạo đã dẫn Ông vượt ra ngoài giới hạn của thuyết bất khả tri theo tính khí của Ông:

Người nghiên cứu giới tự nhiên càng ngạc nhiên hơn và ít ngạc nhiên hơn, Ông càng quen thuộc với các hoạt động của nó; nhưng trong tất cả những phép lạ lâu năm mà nó

perhaps the most worthy of admiration is the development of a plant or of an animal from its embryo. Examine the recently laid eggs of some common animal, such as a salamander or a newt. It is a minute spheroid in which the best microscope will reveal nothing but a structureless sac, enclosing a glairy fluid holding granules in suspension. But strange possibilities lie dormant in that semi-fluid globe. Let a moderate amount of warmth reach its watery cradle, and the plastic matter undergoes changes so rapid and yet so steady and purpose-like in their succession that one can only compare them to those operated by a skilled modeller upon a formless lump of clay. As with an invisible trowel, the mass is divided and subdivided into smaller and smaller proportions, until it is reduced to an aggregation of granules not too large to build withal the finest fabrics of the nascent organism. And then, it is as if a delicate finger traced out the line to be occupied by the spinal column, and moulded the contour of the body, pinching up the head at one end, the tail at the other, and fashioning flank and limb into due salamandrine proportions in so artistic a way that, after watching the process hour by hour, one is almost involuntarily possessed by the notion that some more subtle aid to vision than an achromatic microscope would show the hidden artist, with his plan before him, striving with skilful manipulation to perfect his work.²³

This is exactly what happens. Myriads of Builders, great and small, are ever at work, building cells, guiding organs to form, moulding and coloring the flowers, selecting from the Mendelian "genes" those which are most suited to bring about the particular form, the model of which is placed before

cung cấp cho sự kiểm tra của Ông, có lẽ đáng ngưỡng mộ nhất là sự phát triển của một thực vật hoặc một động vật từ phôi của nó. Kiểm tra trứng mới đẻ của một số động vật thông thường, chẳng hạn như kỳ nhông hoặc sa giông. Đó là một hình cầu nhỏ, trong đó kính hiển vi tốt nhất sẽ không tiết lộ gì ngoài một túi không cấu trúc, bao quanh một chất lỏng glairy giữ các hạt lơ lửng. Nhưng những khả năng kỳ lạ nằm im lìm trong quả cầu bán lỏng đó. Hãy để một lượng nhiệt vừa phải đến được cái nôi đầy nước của nó, và vật chất dẻo trải qua những thay đổi rất nhanh chóng và vẫn ổn định và có mục đích trong sự kế thừa của chúng đến nỗi người ta chỉ có thể so sánh chúng với những thay đổi được thực hiện bởi một người mẫu lành nghề trên một cục đất sét vô định hình. Như với một cái bay vô hình, khối lượng được chia và chia nhỏ thành những tỷ lệ nhỏ hơn và nhỏ hơn, cho đến khi nó được giảm thành một tập hợp các hạt không quá lớn để xây dựng với tất cả các loại vải tốt nhất của sinh vật mới sinh. Và sau đó, nó giống như thể một ngón tay tinh tế vạch ra đường sẽ được chiếm bởi cột sống, và tạo hình đường viền của cơ thể, véo đầu ở một đầu, đuôi ở đầu kia, và tạo hình sườn và chi thành những tỷ lệ sa giông thích hợp một cách nghệ thuật đến nỗi, sau khi xem quá trình này hàng giờ, người ta gần như vô tình bị ám ảnh bởi ý nghĩ rằng một sự hỗ trợ tinh tế hơn cho tầm nhìn so với kính hiển vi achromatic sẽ cho thấy nghệ sĩ ẩn giấu, với kế hoạch của Ông trước mặt, cố gắng với sự khéo léo để hoàn thiện tác phẩm của Ông.

Đây chính xác là những gì xảy ra. Vô số Nhà Kiến Tạo, lớn và nhỏ, luôn làm việc, xây dựng các tế bào, hướng dẫn các cơ quan hình thành, tạo hình và tô màu cho các bông hoa, chọn từ các "gen" Mendelian những gen phù hợp nhất để mang lại hình tướng cụ thể, mô hình mà Deva phụ trách đặt trước Các Ngài. Giới tự

²³ *Lay Sermons, Addresses and Reveries*, Chapter, "The Origin of Species".

them by the Deva in charge. Nature is truly a factory, but so vast and stupendous that the imagination of man can but stand dazed at the sight of her many creations.

Stage by stage life evolves, and in these days we need but take a textbook of Botany or Zoology to see what is God's Plan for the vegetable and animal kingdoms. But while we study that Plan, we must never forget that the Plan is He, and that it is His self-revelation which we are watching as the pageant of nature passes before our eyes. The crude ideas of Animism professed by primitive savages are in some ways nearer the truth than the expositions of modern skeptical scientists; the former have discovered the truth as to the Life, while the latter have found the truth as to the Form. Both are blended and given us in symbol in Hinduism in its doctrine of the Avataras (Fig.93). An Avatara is literally a "descent", and is specially used to describe the descents or "incarnations" ²⁴ of Vishnu, the Second Person of the Hindu Trinity.

nhiên thực sự là một nhà máy, nhưng rất rộng lớn và đồ sộ đến nỗi trí tưởng tượng của con người chỉ có thể đứng sững sờ trước cảnh tượng về nhiều sáng tạo của nó.

Từng giai đoạn, sự sống tiến hóa, và trong những ngày này, chúng ta chỉ cần lấy một cuốn sách giáo khoa về Thực vật học hoặc Động vật học để xem Thiên Cơ của Thượng đế dành cho giới thực vật và động vật là gì. Nhưng trong khi chúng ta nghiên cứu Thiên Cơ đó, chúng ta không bao giờ được quên rằng Thiên Cơ là Ngài, và rằng đó là sự tự mặc khải của Ngài mà chúng ta đang theo dõi khi màn trình diễn của giới tự nhiên trôi qua trước mắt chúng ta. Những ý tưởng thô thiển về Thuyết vật linh được tuyên xưng bởi những người man rợ nguyên thủy theo một số cách gần với sự thật hơn là những lời giải thích của các nhà khoa học hoài nghi hiện đại; những người trước đã khám phá ra sự thật về Sự Sống, trong khi những người sau đã tìm thấy sự thật về Hình Tượng. Cả hai được pha trộn và trao cho chúng ta trong biểu tượng trong Ấn Độ giáo trong học thuyết về Avataras của nó (Hình 93). Một Avatara theo nghĩa đen là một "sự giáng xuống", và được sử dụng đặc biệt để mô tả sự giáng xuống hoặc "hóa thân" của Vishnu, Ngôi Thứ Hai của Tam Vị Nhất Thể Hindu.

²⁴ In the literal sense of the word, i.e" "entering into flesh", into physical life for the first time. Compare in the Christian Gospel: *Et Verbum caro factum est*—"And the Word was made flesh."



HÌNH 94

Ravi Var

In all the Trinities, the Second Logos is specially identified with the Life-Form activities in manifestation. Thus it is that the Avatars are of Vishnu, and not of Brahma or Shiva, the Third and First Persons of the Hindu Trinity.

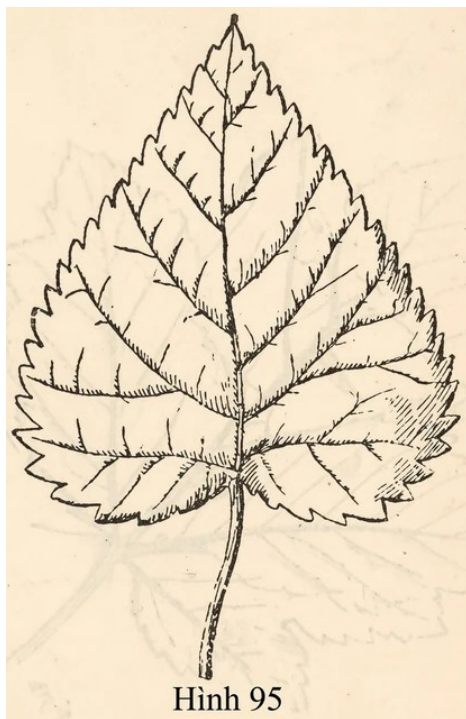
According, then, to the Hindu myth, the first stage in the Divine Revelation is marked by the fish, the creature of water. The statement that God was a fish seems revolting, until we grasp its inner significance. How that statement appears to the Hindu imagination is shown in Fig. 94, which represents the popular idea of the Matsya or Fish Avatar. The Avatar came at the time of the “Deluge”

Trong tất cả các Tam Vị Nhất Thể, Thượng Đế Thứ Hai được đặc biệt xác định với các hoạt động Sự Sống-Hình Tượng trong biểu hiện. Do đó, Avatars là của Vishnu, và không phải của Brahma hoặc Shiva, Ngôi Thứ Ba và Thứ Nhất của Tam Vị Nhất Thể Hindu.

Theo đó, theo thần thoại Hindu, giai đoạn đầu tiên trong Mặc Khải Thiên Linh được đánh dấu bởi con cá, sinh vật của nước. Tuyên bố rằng Thượng đế là một con cá có vẻ ghê tởm, cho đến khi chúng ta nắm bắt được ý nghĩa bên trong của nó. Tuyên bố đó xuất hiện như thế nào đối với trí tưởng tượng của người Hindu được thể hiện trong Hình 94, vốn đại diện cho ý tưởng phổ biến về Matsya hay Fish

to save for the human race the volumes of the Divine Revelation, the four Vedas, which are represented as four children rescued from the flood. The artist has drawn the children white, brown, yellow and black in color, his imagination sensing in the children the races of mankind.

Avatara. Avatara đến vào thời điểm "Đại Hồng Thủy" để cứu cho nhân loại những tập sách về Mặc Khải Thiêng Liêng, bốn Veda, vốn được đại diện là bốn đứa trẻ được giải cứu khỏi trận lụt. Nghệ sĩ đã vẽ những đứa trẻ có màu trắng, nâu, vàng và đen, trí tưởng tượng của Ông cảm nhận trong những đứa trẻ các chủng tộc của nhân loại.



The next higher stage is one of transition, as the life in water-creatures slowly ascends to life in creatures of the land. Hence the Avatara is the tortoise, the animal both of land and water. The next stage in evolution is represented by a creature who lives completely on land, the boar. Next comes once again a transition, that of the Divine Life in animal forms as it slowly begins to manifest in human forms. This is the mythical "man-lion", the lion being taken to represent the highest stage of animal evolution. After the man-lion, the next stage is that of complete humanity, but of a primitive kind; and the Divine Life in the early stage of human

Giai đoạn cao hơn tiếp theo là một giai đoạn chuyển tiếp, khi sự sống trong các sinh vật dưới nước từ từ thăng lên sự sống trong các sinh vật trên cạn. Do đó, Đấng Hoá Thân là loài rùa, loài vật vừa ở trên cạn vừa ở dưới nước. Giai đoạn tiếp theo trong quá trình tiến hóa được đại diện bởi một sinh vật sống hoàn toàn trên cạn, con lợn rừng. Tiếp theo, một lần nữa là một sự chuyển tiếp, đó là Sự Sống Thiêng Liêng trong các hình thức động vật khi nó từ từ bắt đầu biểu hiện trong các hình thức con người. Đây là "người-sư tử" thần thoại, sư tử được coi là đại diện cho giai đoạn tiến hóa cao nhất của động vật. Sau người-sư tử, giai đoạn tiếp theo là giai đoạn nhân loại hoàn chỉnh,

activity is represented by the “dwarf”, the primitive man. The human life, after ages of growth, becomes strong in body, with giant shapes, violent, selfish, destructive; yet that life is God Himself, and so the Avatara is Parashu Rama—Rama with the axe—whose energies were bent more on destruction than on reconstruction.

Now comes the stage of the Divine Life as full and perfect humanity, and the Avatara is Ramachandra, the ideal king of the Hindus, who reigned in India tens of thousands of years ago, and whose exploits and sacrifices for Duty and Righteousness are treasured in every Indian heart today. Comes thereafter the succeeding stage, when the perfect man is both man and conscious God, and so the Avatara is that of Shri Krishna, who taught with authority, ruling and guiding men because He was God. A further Avatara is promised, though our imaginations can scarce grasp what it is; the books say that Kalki will come, riding on a white winged horse²⁵, again to establish Righteousness for the sake of men.

So life evolves, at each stage releasing more of the consciousness enshrined in it, and steadily becoming a fuller reflection of Divine Wisdom, “Strength and Beauty. Whoso can dream with a mineral, feel with a flower, rejoice with the birds, sympathize with the cravings and delights of the animals, is a poet, a seer, whose imagination senses what is the Divine Purpose for which they were planned. Not merely to look at a landscape, but to think and feel as each blade of grass, as each shrub

nhưng thuộc loại nguyên thủy; và Sự Sống Thiêng Liêng trong giai đoạn đầu của hoạt động của con người được đại diện bởi “người lùn”, người nguyên thủy. Đời sống con người, sau nhiều kỷ nguyên tăng trưởng, trở nên mạnh mẽ về thể chất, với những hình dạng khổng lồ, hung bạo, ích kỷ, phá hoại; nhưng cuộc sống đó là chính Thượng đế, và vì vậy Đấng Hoá Thân là Parashu Rama—Rama với chiếc rìu—người có năng lượng tập trung nhiều hơn vào sự hủy diệt hơn là tái thiết.

Giờ đây đến giai đoạn Sự Sống Thiêng Liêng là nhân loại đầy đủ và hoàn hảo, và Đấng Hoá Thân là Ramachandra, vị vua lý tưởng của người Hindu, người trị vì ở Ấn Độ hàng chục ngàn năm trước, và những chiến công và sự hy sinh của Ngài cho Bốn Phận và Chính Nghĩa được trân trọng trong mọi trái tim người Ấn Độ ngày nay. Sau đó đến giai đoạn kế tiếp, khi người hoàn hảo vừa là người vừa là Thượng đế hữu thức, và vì vậy Đấng Hoá Thân là Shri Krishna, Đấng đã dạy dỗ với uy quyền, cai trị và hướng dẫn con người vì Ngài là Thượng đế. Một Đấng Hoá Thân nữa được hứa hẹn, mặc dù trí tưởng tượng của chúng ta khó có thể nắm bắt được nó là gì; sách nói rằng Kalki sẽ đến, cưỡi trên một con ngựa trắng có cánh, một lần nữa để thiết lập Chính Nghĩa vì lợi ích của con người.

Vì vậy, sự sống tiến hóa, ở mỗi giai đoạn giải phóng nhiều hơn tâm thức được trân trọng trong đó, và không ngừng trở thành một sự phản ánh đầy đủ hơn về Minh Triết Thiêng Liêng, “Sức Mạnh và Vẻ Đẹp. Bất cứ ai có thể mơ ước với một khoáng vật, cảm nhận với một bông hoa, vui mừng với những chú chim, đồng cảm với những khao khát và niềm vui của động vật, là một nhà thơ, một nhà tiên tri, người có trí tưởng tượng cảm nhận được Thiên Ý mà chúng được hoạch định. Không chỉ nhìn

²⁵ Perhaps the aeroplane.

and tree opens its heart to the sun's rays, as each of them contributes its tiny note to nature's wondrous harmony, is to transcend man's limitations and to put on the attributes of an Angel, a deva, and lastly of God himself. It was not a beautiful phantasy but a most glorious verity which Coleridge saw, when he sang:

And what if all of animated nature

Be but organic harps diversely framed,

That tremble into thought, as o'er them
sweeps,

Plastic and vast, one intellectual breeze,

At once the Soul of each, and God of All?

vào một phong cảnh, mà còn suy nghĩ và cảm nhận như mỗi ngọn cỏ, như mỗi bụi cây và cây cối mở lòng đón nhận ánh nắng mặt trời, khi mỗi loài đóng góp nốt nhạc nhỏ bé của mình vào sự hài hòa kỳ diệu của thiên nhiên, là vượt lên trên những giới hạn của con người và khoác lên mình những thuộc tính của một Thiên Thần, một thiên thần, và cuối cùng là của chính Thượng đế. Đó không phải là một ảo ảnh đẹp đẽ mà là một chân lý vinh quang nhất mà Coleridge đã thấy, khi Ông hát:

Và nếu tất cả giới tự nhiên có tri giác

Chỉ là những cây đàn hữu cơ được tạo khung khác nhau,

Rung động thành suy nghĩ, khi lướt qua chúng,

Uyển chuyển và bao la, một làn gió trí tuệ,

Đồng thời là Linh Hồn của mỗi loài, và Thượng đế của Tất Cả?

CHƯƠNG XII

NATURE'S MESSAGE OF BEAUTY—THÔNG điệp VỀ VẺ ĐẸP CỦA THIÊN NHIÊN

When we use the word “truth”, we mean a knowledge of the universe, in all its embodiments, visible and invisible. These embodiments, when mirrored in our consciousness, give rise to the sense of law.

But each law concerning the universe is woven into its innermost texture. Because the universe is what it is, the laws which our minds formulate exist, whether we exist or not to discover them. Truth, in reality, is not the result of the discoveries of the seekers of truth. Truth is, because the universe is.

Now, this truth is ourselves. For man, who is an infinitesimal part of the Whole, is nevertheless, in a mysterious way, himself that Whole. Furthermore, in a way that seems incredible, every truth which concerns the Whole is to be found somewhere in every fraction of the Whole.

Therefore, the truths as to God, nature, and man's ascent to Divinity exist in man himself.

The treasures of the wisdom, love and beauty of the Whole exist in the innermost recesses of man's soul. If a man will but seek rightly, he can find all truth.

Khi chúng ta sử dụng từ “chân lý”, chúng ta có nghĩa là một kiến thức về vũ trụ, trong tất cả các hiện thân của nó, hữu hình và vô hình. Những hiện thân này, khi được phản ánh trong tâm thức của chúng ta, làm nảy sinh cảm giác về định luật.

Nhưng mỗi định luật liên quan đến vũ trụ đều được dệt vào cấu trúc sâu thẳm nhất của nó. Bởi vì vũ trụ là như vậy, các định luật mà thể trí của chúng ta xây dựng nên tồn tại, cho dù chúng ta có tồn tại hay không để khám phá chúng. Chân lý, trong thực tế, không phải là kết quả của những khám phá của những người tìm kiếm chân lý. Chân lý là, bởi vì vũ trụ là.

Giờ đây, chân lý này là chính chúng ta. Vì con người, vốn là một phần vô cùng nhỏ bé của Toàn Thể, tuy nhiên, theo một cách bí ẩn, chính là Toàn Thể đó. Hơn nữa, theo một cách có vẻ khó tin, mọi chân lý liên quan đến Toàn Thể đều có thể được tìm thấy ở đâu đó trong mọi phần nhỏ của Toàn Thể.

Do đó, những chân lý về Thượng đế, thiên nhiên và sự thăng lên Thiên Tính của con người tồn tại trong chính con người.

Kho tàng minh triết, tình thương và vẻ đẹp của Toàn Thể tồn tại trong những góc ngách sâu thẳm nhất của linh hồn con người. Nếu một người chỉ tìm kiếm đúng đắn, y có thể tìm thấy mọi chân lý.

There are two possible modes of discovering truth. One process is by using Manas, the mind; the other is by using Buddhi, the intuition. At the present stage of evolution, the process of discovering truth by Buddhi, unaided by Manas, is possible only to a few; we may therefore omit Buddhi in our consideration of the means of arriving at truth. The mind, however, has already been well developed by the advanced Egos of our Humanity, and it has served us well to discover truth. The modes of discovery are mathematics, science and philosophy.

But what mind has so far revealed is incomplete, because the mind has omitted to bring into the problem one aspect of nature. This aspect is that of nature as revealing Beauty. Until nature is seen to reveal not only Law, but also Beauty, our vision of truth remains only partial.

We have seen in Chapter X, in our study of the laws of the building of matter, how the Divine Mind of the Logos constructs according to certain fundamental principles. We not only watch, as we study the chemical elements, an enthralling wisdom, but we can also react with a sense of wonder in admiration of a work that is exquisite in symmetry and proportion. When we shall have before our eyes the diagrams which give in detail the building of all the chemical elements of the Periodic Law²⁶, this sense of wonder will be as powerful as when we contemplate a perfect edifice like the Parthenon or the Taj Mahal. For, as the Logos builds, He builds in beauty, and all nature is His handiwork.

Có hai phương thức có thể có để khám phá chân lý. Một quá trình là sử dụng Manas, thể trí; quá trình còn lại là sử dụng Bồ đề, trực giác. Ở giai đoạn tiến hóa hiện tại, quá trình khám phá chân lý bằng Bồ đề, không có sự hỗ trợ của Manas, chỉ có thể thực hiện được đối với một số ít; do đó, chúng ta có thể bỏ qua Bồ đề trong việc xem xét các phương tiện để đạt được chân lý. Tuy nhiên, thể trí đã được phát triển tốt bởi các chân ngã tiến hóa của Nhân Loại chúng ta, và nó đã phục vụ chúng ta tốt để khám phá chân lý. Các phương thức khám phá là toán học, khoa học và triết học.

Nhưng những gì thể trí đã tiết lộ cho đến nay là chưa đầy đủ, bởi vì thể trí đã bỏ qua việc đưa vào vấn đề một khía cạnh của tự nhiên. Khía cạnh này là khía cạnh của tự nhiên khi tiết lộ Vẻ Đẹp. Cho đến khi thiên nhiên được nhìn thấy không chỉ tiết lộ Định Luật, mà còn cả Vẻ Đẹp, thì tầm nhìn của chúng ta về chân lý vẫn chỉ là một phần.

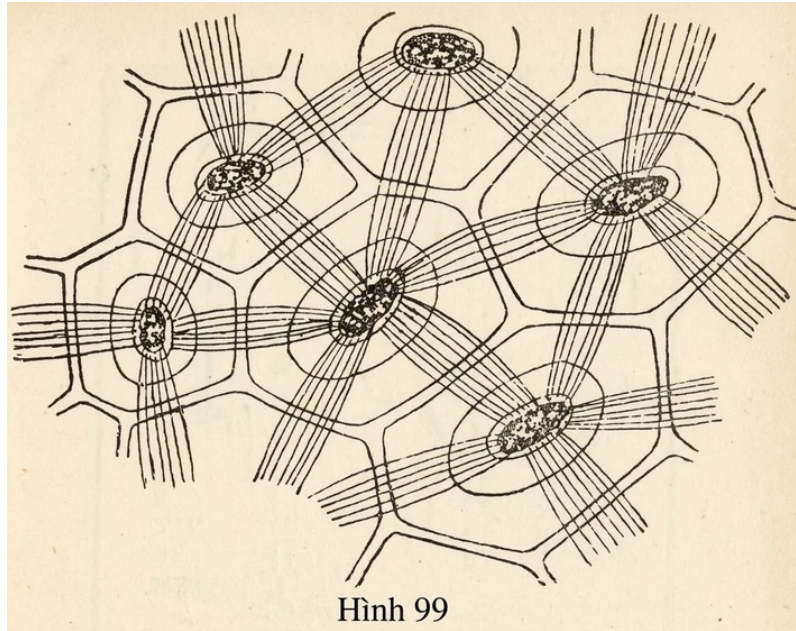
Chúng ta đã thấy trong Chương X, trong nghiên cứu của chúng ta về các định luật xây dựng vật chất, Thể Trí Thiêng Liêng của Hành Tinh Thượng để xây dựng theo những nguyên tắc cơ bản nhất định như thế nào. Chúng ta không chỉ quan sát, khi nghiên cứu các nguyên tố hóa học, một minh triết hấp dẫn, mà chúng ta còn có thể phản ứng với một cảm giác kinh ngạc khi chiêm ngưỡng một tác phẩm tinh tế về tính đối xứng và cân đối. Khi chúng ta có trước mắt những sơ đồ trình bày chi tiết việc xây dựng tất cả các nguyên tố hóa học của Định Luật Tuần Hoàn, cảm giác kinh ngạc này sẽ mạnh mẽ như khi chúng ta chiêm ngưỡng một công trình hoàn hảo như đền Parthenon hoặc Taj Mahal. Vì, khi Hành Tinh Thượng để xây dựng, Ngài xây dựng trong vẻ đẹp, và tất cả thiên nhiên là công trình của Ngài.

²⁶ In the third edition of *Occult Chemistry*.

Let us look at three leaves (Figs. 95, 96, 97). Nature has worked throughout the ages to produce in each of them a quality that is beautiful. Many laws are involved in building into the leaf the carbon of the air, in using the sun's rays for making its chlorophyll, in transmuting the minerals of the earth and in lifting them from the soil against gravity. But what is the mysterious attribute of nature which has built, "mechanically" we are apt to think, such a beautiful thing as one of these leaves? We get a glimpse of one law of nature's handiwork in our next illustration (Fig.98). The law is not of chemistry or physics, but of another sphere, that of art. It is the law of radiation. Beauty is once more revealed as nature builds a leaf, a flower, a crustacean and a crystal of snow. A beauty which is less evident to most is shown when building the cells of *Scolopendrium officinarium* (Fig. 99), as its protoplasmic filaments traverse the cell walls.

Chúng ta hãy nhìn vào ba chiếc lá (Hình 95, 96, 97). Thiên nhiên đã làm việc trong suốt các thời đại để tạo ra trong mỗi chiếc lá một phẩm chất đẹp đẽ. Nhiều định luật liên quan đến việc xây dựng carbon trong không khí vào lá, sử dụng tia nắng mặt trời để tạo ra chất diệp lục của nó, chuyển hóa các khoáng chất của trái đất và nâng chúng lên từ đất chống lại trọng lực. Nhưng thuộc tính bí ẩn của thiên nhiên là gì vốn đã xây dựng, "một cách máy móc" chúng ta có khuynh hướng nghĩ, một thứ đẹp đẽ như một trong những chiếc lá này? Chúng ta có được một cái nhìn thoáng qua về một định luật trong công trình của thiên nhiên trong hình minh họa tiếp theo của chúng ta (Hình 98). Định luật không phải là về hóa học hay vật lý, mà là về một lĩnh vực khác, đó là nghệ thuật. Đó là định luật bức xạ. Vẻ đẹp một lần nữa được tiết lộ khi thiên nhiên xây dựng một chiếc lá, một bông hoa, một loài giáp xác và một tinh thể tuyết. Một vẻ đẹp ít hiển nhiên hơn đối với hầu hết được thể hiện khi xây dựng các tế bào của *Scolopendrium officinarium* (Hình 99), khi các sợi nguyên sinh chất của nó đi qua các thành tế bào.

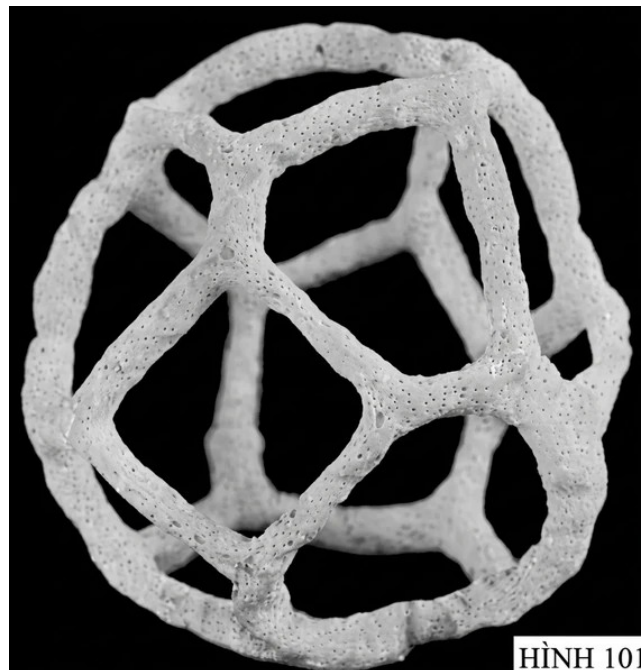
-
-
-



Hình 99

—One fact is clear, that, while the essential attribute of nature is beauty, yet that beauty has a framework of geometry. The old maxim of the Stoics, “God geometrizes”, is full of truth, as science delves into nature’s mysteries. In the radiating whorl of spiral leaves in *Alstroemeria* (Fig. 100), one of the commonest geometrical forms is revealed.

Một thực tế rõ ràng là, trong khi thuộc tính thiết yếu của thiên nhiên là vẻ đẹp, thì vẻ đẹp đó lại có một khuôn khổ hình học. Phương châm cũ của những người Khắc Kỷ, “Thượng đế hình học hóa”, chứa đầy chân lý, khi khoa học đi sâu vào những bí ẩn của thiên nhiên. Trong vòng xoáy bức xạ của lá xoắn ốc trong *Alstroemeria* (Hình 100), một trong những dạng hình học phổ biến nhất được tiết lộ.



HÌNH 101

How the life-force in the vegetable kingdom insists on building geometrically appears in a fungus (Fig. 101), which was photographed eleven years ago near Wellington in New Zealand.

Cách lực sống trong giới thực vật nhấn mạnh vào việc xây dựng theo hình học xuất hiện trong một loại nấm (Hình 101), được chụp ảnh cách đây mười một năm gần Wellington ở New Zealand.

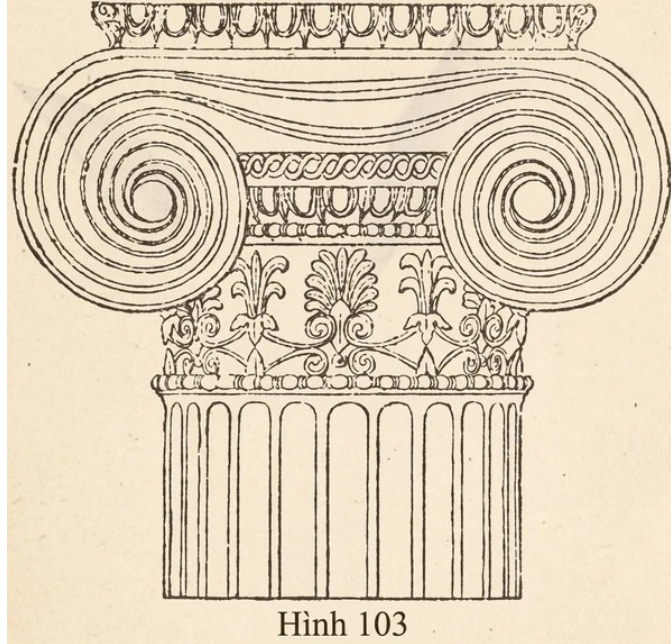


Hình 102

More instructive is the sea-shell, *Solarium perspectivum* (Fig. 102), because its spiral is a logarithmic curve.²⁷ This shell—as indeed all spiral shells—brings us directly into the realm of art.

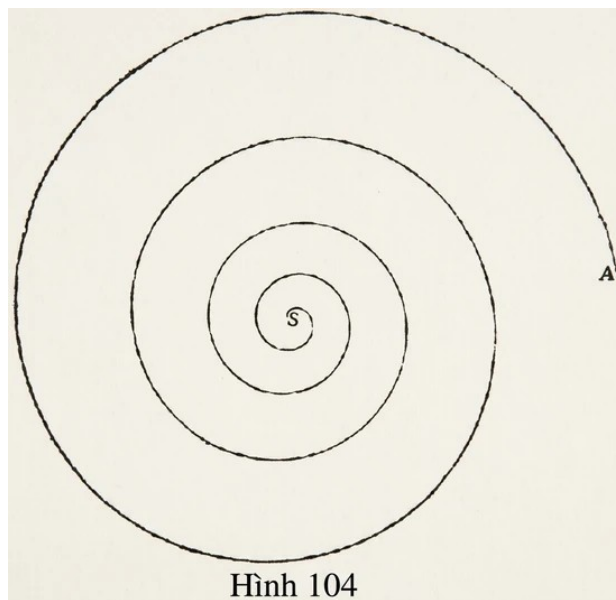
Mang tính hướng dẫn hơn là vỏ sò, *Solarium perspectivum* (Hình 102), vì đường xoắn ốc của nó là một đường cong logarit. Vỏ này—cũng như tất cả các vỏ xoắn ốc—đưa chúng ta trực tiếp vào lĩnh vực nghệ thuật.

²⁷ See also Fig. 127, the shell of the chambered *Nautilus pompilius*.



The spiral volute in the Ionic pillar in Greek architecture (Fig. 103) is developed from this and other shells which reveal the logarithmic curve. The curve which is drawn, when a string wound round a conical shell is unwound from its top, with a pencil touching the paper, is shown in Fig. 104.

Đường xoắn ốc trong cột Ionic trong kiến trúc Hy Lạp (Hình 103) được phát triển từ vỏ này và các vỏ khác tiết lộ đường cong logarit. Đường cong được vẽ, khi một sợi dây quấn quanh một vỏ hình nón được tháo ra từ đỉnh của nó, với một cây bút chì chạm vào giấy, được hiển thị trong Hình 104.



An exquisite wonder is the building of the sea-

Một điều kỳ diệu tuyệt vời là việc xây dựng

creature, *Lichnaspis giltochii*, one of the *acantharia* (Fig. 105), whose spines radiate in so precise a fashion that a law, formulated by Muller, tells us that the spines are arranged in groups which are designated respectively, north polar, north tropical, equatorial, south tropical and south polar spines.

sinh vật biển, *Lichnaspis giltochii*, một trong những loài *acantharia* (Hình 105), có gai tỏa ra theo một cách chính xác đến mức một định luật, được Muller xây dựng, cho chúng ta biết rằng các gai được sắp xếp theo các nhóm được chỉ định tương ứng là gai cực bắc, nhiệt đới bắc, xích đạo, nhiệt đới nam và cực nam.



HÌNH 106

We all know that nature builds geometrically in all minerals. We know that ice is a crystal but who would dream that water freezing to ice could ever form the wonder revealed in Fig. 106? "But this exquisite design must have been drawn and moulded by a great artist, surely," we would say, if the photograph were of a moulded ceiling. But it is a photograph of ice-crystals. What is the principle in nature that produces the fronds of the American maiden-hair fern, *Adiantum pedatum* (Fig. 107), so that the artistic imagination is thrilled with their beauty?

Tất cả chúng ta đều biết rằng thiên nhiên xây dựng theo hình học trong tất cả các khoáng chất. Chúng ta biết rằng băng là một tinh thể nhưng ai có thể mơ rằng nước đóng băng thành băng có thể tạo thành điều kỳ diệu được tiết lộ trong Hình 106? "Nhưng thiết kế tinh tế này chắc hẳn đã được vẽ và đúc bởi một nghệ sĩ vĩ đại," chúng ta sẽ nói, nếu bức ảnh là về một trần nhà được đúc khuôn. Nhưng đó là một bức ảnh về các tinh thể băng. Nguyên tắc nào trong tự nhiên tạo ra các tán lá của cây dương xỉ tóc mai Mỹ, *Adiantum pedatum* (Hình 107), để trí tưởng tượng nghệ thuật rung động với vẻ đẹp của chúng?



Hình 107

Everywhere nature builds in beauty.

Ở khắp mọi nơi thiên nhiên xây dựng trong vẻ đẹp.



Hình 108

Whence the beauty of the Lyre bird of Australia (Fig. 108), or the beauty of the curve

Vẻ đẹp của chim Lyre của Úc (Hình 108) đến từ đâu, hay vẻ đẹp của đường cong trên lưng

of the cat's back (Fig. 109)?

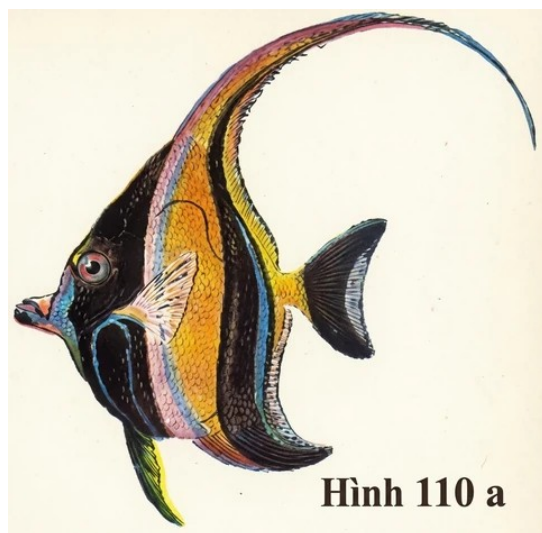
mèo (Hình 109)?



Hình 109

How could nature “mechanically”, ever fashion a structure of bone and muscle so that the cat's pose is beautiful, and equally too that of the playful kitten? Watch any bird in flight (Fig. 110), and there nature reveals not merely her masterly artistic hands, but also the poetry of motion.

Làm thế nào thiên nhiên có thể “một cách máy móc”, tạo ra một cấu trúc xương và cơ để tư thế của mèo trở nên đẹp đẽ, và cũng như vậy đối với chú mèo con tinh nghịch? Hãy quan sát bất kỳ con chim nào đang bay (Hình 110), và ở đó thiên nhiên không chỉ tiết lộ đôi bàn tay nghệ thuật điêu luyện của mình, mà còn cả chất thơ của chuyển động.



Hình 110 a

It is when we come to *coloring*, as shown in birds and fishes, that our sense of delight in nature's artistic creations becomes profound. No theory of a mechanical selection of the genes within the chromosome, nor even that of a geometrical structure inherent in nature, will explain the rich fantasy of a master artist who has colored the birds and the fishes. It is only one who is himself an artist—that is, one who has trained his eye and hand through long years, and has developed his imagination to sense that indescribable principle which is “Art”—who knows that nature cannot be mechanical, nor merely the fashioning by a “pure geometrician”. The life of nature throbs with art, though geometry can also be found if we seek for it.

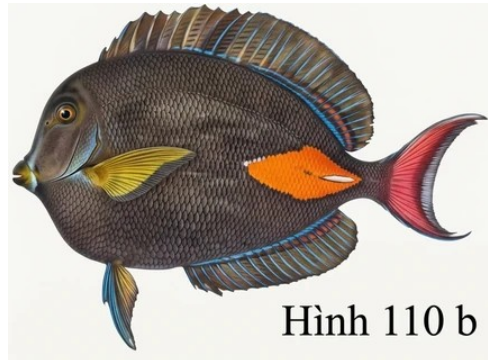
Let anyone look at two among the dozens of varieties of fishes to be found in the seas around Hawaii, and shown in the aquarium at Honolulu; and he cannot help feeling (if he has the root of art in him) that he is gazing at the creations of a master. *Teuthis achilles*, Pa kui in Hawaiian, is pure black, the last imaginable color for a fish; yet round the mouth, ear and

Chính khi chúng ta nói đến màu sắc, như được thể hiện ở chim và cá, thì cảm giác thích thú của chúng ta đối với những sáng tạo nghệ thuật của thiên nhiên trở nên sâu sắc. Không có lý thuyết nào về sự lựa chọn cơ học của các gen trong nhiễm sắc thể, thậm chí không phải là lý thuyết về một cấu trúc hình học vốn có trong tự nhiên, sẽ giải thích được sự tưởng tượng phong phú của một nghệ sĩ bậc thầy đã tô màu cho chim và cá. Chỉ có một người là chính một nghệ sĩ—tức là, một người đã rèn luyện đôi mắt và bàn tay của mình trong nhiều năm dài, và đã phát triển trí tưởng tượng của mình để cảm nhận được nguyên tắc không thể diễn tả đó là “Nghệ thuật”—người biết rằng thiên nhiên không thể là máy móc, cũng không chỉ là sự tạo dáng bởi một “nhà hình học thuần túy”. Sự sống của thiên nhiên rung động với nghệ thuật, mặc dù hình học cũng có thể được tìm thấy nếu chúng ta tìm kiếm nó.

Hãy để bất kỳ ai nhìn vào hai trong số hàng tá giống cá khác nhau được tìm thấy ở vùng biển xung quanh Hawaii, và được trưng bày trong hồ cá ở Honolulu; và y không thể không cảm thấy (nếu y có gốc rễ của nghệ thuật trong mình) rằng y đang nhìn vào những sáng tạo của một bậc thầy. *Teuthis achilles*, Pa kui trong tiếng Hawaii, có màu đen tuyền, màu

eye, and in the lower and upper fins, are touches of color, blue and red; and in the tail and the side-fins near the tail such a “laying on”, as a painter would say, of red that the observer, if he is artistic, knows and salutes with joy the unseen artist.

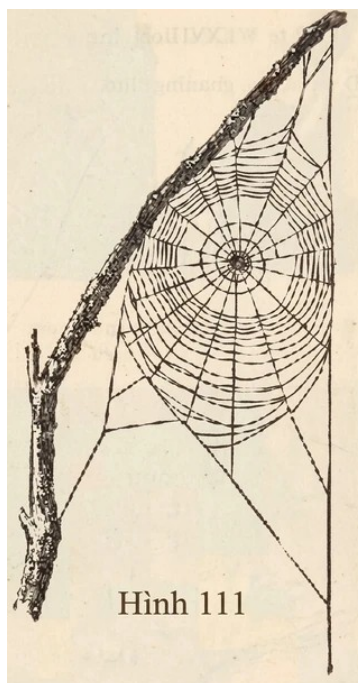
sắc khó tưởng tượng nhất đối với một con cá; tuy nhiên, xung quanh miệng, tai và mắt, và ở vây dưới và vây trên, có những nét chấm phá màu sắc, xanh lam và đỏ; và ở đuôi và vây bên gần đuôi, một sự “đặt lên”, như một họa sĩ sẽ nói, màu đỏ đến nỗi người quan sát, nếu y có tính nghệ thuật, biết và chào đón với niềm vui người nghệ sĩ vô hình.



Hình 110 b

Impossible to describe in words is *Zaclus canescens*, Kihikihi in Hawaiian, a fish strange in shape; once again the color is “laid on” with a master’s hand. But more than its color is its shape, which reveals the rich fantasy of the artist who, in a playful mood and as if to rest from serious labors, sends forth from his studio this fish so strange in shape and yet beautiful.

Không thể mô tả bằng lời là *Zaclus canescens*, Kihikihi trong tiếng Hawaii, một loài cá có hình dạng kỳ lạ; một lần nữa màu sắc được “đặt lên” bằng bàn tay của một bậc thầy. Nhưng hơn cả màu sắc của nó là hình dạng của nó, tiết lộ sự tưởng tượng phong phú của người nghệ sĩ, người, trong một tâm trạng vui tươi và như thể để nghỉ ngơi sau những công việc nghiêm túc, gửi từ xưởng vẽ của mình con cá này có hình dạng kỳ lạ nhưng vẫn đẹp đẽ.



Were one to describe the beauty of the birds, the only way would be to gather together all the birds, and say to the seeker of truth, "Look; and if you do not understand, look again".

Nếu người ta mô tả vẻ đẹp của các loài chim, cách duy nhất là tập hợp tất cả các loài chim lại với nhau, và nói với người tìm kiếm chân lý, "Hãy nhìn; và nếu bạn không hiểu, hãy nhìn lại".

The next two illustrations, of a spider's web (Fig. 111), and of the Periodic Law of the chemical elements (Fig. 112), link in an undecipherable mystery a microcosm with the Macrocosm. For in the center of the spider's web is the logarithmic curve; how does the spider know to build according to geometrical principle? And why does the universe, as it comes into being, create 92 elements in such a rhythmic fashion that we can group them into families, and tabulate them all according to their atomic weights, so as to make a spiral curve similar to the spider's and to that of Solarium (Fig. 102)?

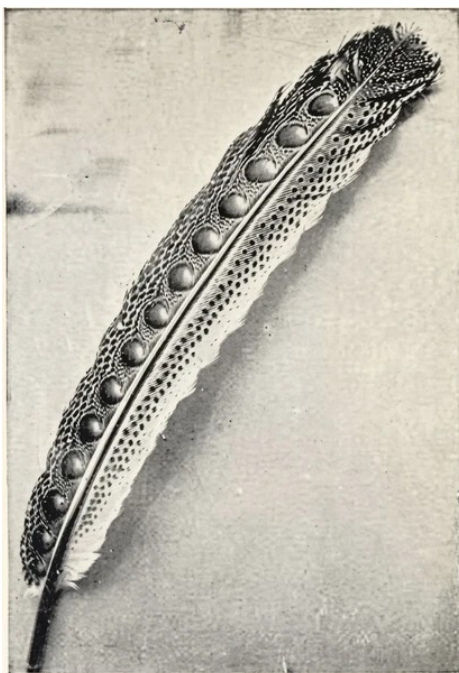
Hai hình minh họa tiếp theo, về mạng nhện (Hình 111), và về Định Luật Tuần Hoàn của các nguyên tố hóa học (Hình 112), liên kết trong một bí ẩn không thể giải mã được một tiểu thiên địa với Đại thiên địa. Vì ở trung tâm của mạng nhện là đường cong logarit; làm thế nào con nhện biết xây dựng theo nguyên tắc hình học? Và tại sao vũ trụ, khi nó hình thành, lại tạo ra 92 nguyên tố theo một cách nhịp nhàng đến mức chúng ta có thể nhóm chúng thành các họ và lập bảng tất cả chúng theo trọng lượng nguyên tử của chúng, để tạo thành một đường cong xoắn ốc tương tự như của nhện và của Solarium (Hình 102)?

An acute sense of the beauty of nature as she works is essential to our understanding of truth. For the mind which catalogues facts and deduces laws can take us only up to a certain point, and no farther.

Life has more mysteries than the mind can ever formulate. As we gaze at *Hymenocallis litoralis* (Fig. 113), it is as if we must perforce fall in adoration. (But, indeed, he who seeks to know the Eternally True does fall in adoration in his imagination before every flower.) Are not the beads in the feather of the Argus pheasant (*Argus argusianus*) of Java (Fig. 113a) like the repetition of a chord in music?

Một cảm giác sâu sắc về vẻ đẹp của thiên nhiên khi Bà làm việc là điều cần thiết để chúng ta hiểu về chân lý. Vì thể trí lập danh mục các sự kiện và suy ra các định luật chỉ có thể đưa chúng ta đến một điểm nhất định, và không xa hơn nữa.

Sự sống có nhiều bí ẩn hơn thể trí có thể xây dựng nên. Khi chúng ta nhìn vào *Hymenocallis litoralis* (Hình 113), dường như chúng ta buộc phải rơi vào sự tôn thờ. (Nhưng, thật vậy, người tìm cách biết Chân Lý Vĩnh Cửu sẽ rơi vào sự tôn thờ trong trí tưởng tượng của mình trước mọi bông hoa.) Chẳng phải những hạt cườm trên lông chim trĩ Argus (*Argus argusianus*) của Java (Hình 113a) giống như sự lặp lại của một hợp âm trong âm nhạc sao?



Hình 113a

And what of the star fish (actual size) picked up on Madras Beach by the writer (Fig. 114)?

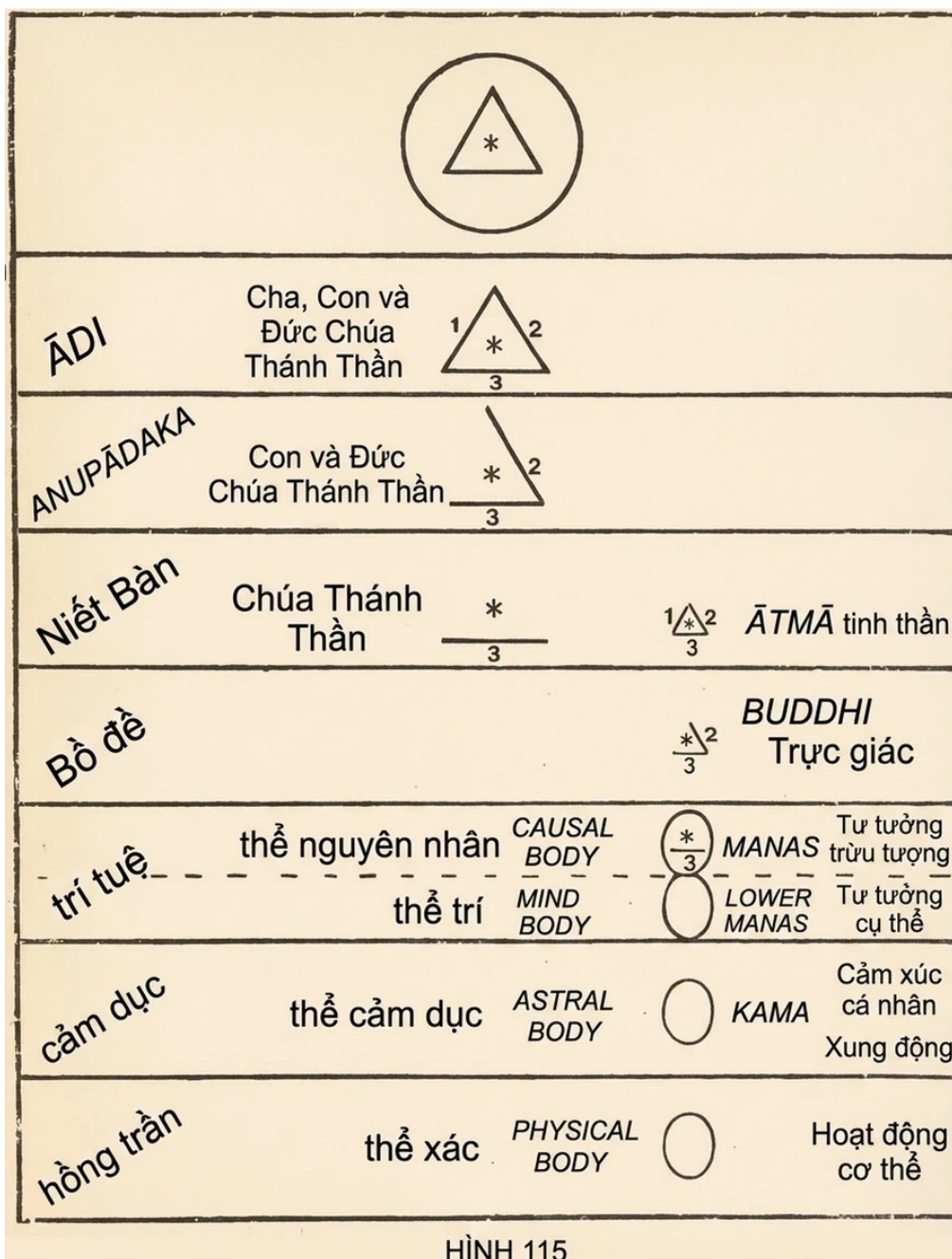
Và còn con sao biển (kích thước thực tế) được người viết nhặt trên Bãi biển Madras (Hình 114) thì sao?



Hình 114a

And when we look at the picture of the Wave, by Hokusai of Japan (Fig. 114a), and when we sense the Cosmic Will in the wave and feel in it the beauty of nature's rhythm, what may we do but be dumb? Yet it is in that silence that we discover one aspect of the Eternally True, which is also the Eternally Good and the Eternally Beautiful.

Và khi chúng ta nhìn vào bức tranh Sóng, của Hokusai ở Nhật Bản (Hình 114a), và khi chúng ta cảm nhận được Ý Chí Vũ Trụ trong con sóng và cảm nhận được vẻ đẹp của nhịp điệu của thiên nhiên trong đó, chúng ta có thể làm gì ngoài việc câm lặng? Tuy nhiên, chính trong sự im lặng đó mà chúng ta khám phá ra một khía cạnh của Chân Lý Vĩnh Cửu, vốn cũng là Thiện Lành Vĩnh Cửu và Vẻ Đẹp Vĩnh Cửu.



HÌNH 115

CHƯƠNG XIII

THE EVOLUTION OF CONSCIOUSNESS—SỰ TIẾN HÓA CỦA TÂM THỨC

Could one but understand what Consciousness really is, one would find the clue to all problems in evolution. For consciousness is the highest expression of that One Existence which is both force and matter, form and life.

OM, AMITAYA! measure not with words

The Immeasurable; nor sink the string of thought

Into the Fathomless. Who asks doth err,

Who answers, errs. Say nought!²⁸

Yet such is the fabric of our nature that we must ask, and we can find satisfaction in life only as we deem ourselves to have found answers to our questions. The answer of yesterday may not satisfy us today; but we cannot be content today, unless we find some answer for today, though we may discard it tomorrow. An intellectual grasp of how consciousness evolves only takes us part way to the realization of what consciousness is. Nevertheless, the knowledge of how consciousness evolves is the science of sciences.

The first great marvel about consciousness is that the whole is in the part, the total is in the unit. For, though the consciousness in an electron be as a pinpoint of consciousness, yet that tiny unit is linked to the vast totality of consciousness which is the Logos. All of Him

Nếu người ta có thể hiểu được Tâm thức thực sự là gì, người ta sẽ tìm thấy manh mối cho mọi vấn đề trong quá trình tiến hóa. Vì tâm thức là sự biểu hiện cao nhất của Sự Tồn Tại Duy Nhất đó, vốn vừa là mãnh lực vừa là vật chất, hình tướng và sự sống.

OM, AMITAYA! đừng đo bằng lời

Điều Không Thể Đo Lường; cũng đừng nhấn chìm sợi dây suy nghĩ

Vào Điều Không Thể Dò Thấu. Ai hỏi thì sai,

Ai trả lời thì sai. Đừng nói gì cả!

Tuy nhiên, bản chất của chúng ta là như vậy, chúng ta phải hỏi, và chúng ta chỉ có thể tìm thấy sự thỏa mãn trong cuộc sống khi chúng ta cho rằng mình đã tìm thấy câu trả lời cho những câu hỏi của mình. Câu trả lời của ngày hôm qua có thể không làm chúng ta hài lòng ngày hôm nay; nhưng chúng ta không thể hài lòng hôm nay, trừ khi chúng ta tìm thấy một số câu trả lời cho ngày hôm nay, mặc dù chúng ta có thể loại bỏ nó vào ngày mai. Sự thấu hiểu trí tuệ về cách tâm thức tiến hóa chỉ đưa chúng ta một phần đến sự nhận ra tâm thức là gì. Tuy nhiên, kiến thức về cách tâm thức tiến hóa là khoa học của các khoa học.

Điều kỳ diệu lớn đầu tiên về tâm thức là toàn bộ nằm trong một phần, tổng thể nằm trong đơn vị. Vì, mặc dù tâm thức trong một electron giống như một điểm tâm thức, nhưng đơn vị nhỏ bé đó được liên kết với toàn bộ tâm thức rộng lớn vốn là Thượng đế. Tất cả về Ngài đều

²⁸ *The Light of Asia*, Book VIII.

is there, though we with our limitations can only discover so much of Him as makes the electron. Just as, when a myriad diffused rays of sunlight are focused by a lens into a point, all the ray's energies are there in that point, so is it with every type of consciousness ensouling every form. All possible revelations of consciousness are in each ensouled unit, great or small. The Mendelian biologist is only stating the occult truth when he says that "Shakespeare once existed as a speck of protoplasm not so big as a small pin's head"²⁹. Place a lens before a great panorama extending for miles; the lens will bring all the rays of the panorama in to one focal point. The whole landscape will there exist in the point, and yet there will be no picture to be seen. It is only as we get away from the focal point, that picture after picture will appear on a screen placed to reflect the rays, each picture varying in size according to the distance from the point where we place the screen. According to the distance is the size of the picture; and according to the size will be the legibility of the picture's details. The picture is all there in the point; it is only as we get away from the point that the picture steps out of nothing towards us. This is an apt illustration of the evolution of consciousness.

The evolution of consciousness is also as the drawing aside of a curtain which screens a light; the action of drawing the curtain aside adds nothing to the light. Having nothing to gain, the Light only wills to banish the Darkness. Till we ourselves consciously identify ourselves with the Light, we shall not realize why It so wills. Its action is both a sacrifice and a joy; the sacrifice comes from enduring a limitation, the joy from a giving. To partake of that Sacrifice and of that Joy is to

ở đó, mặc dù với những hạn chế của mình, chúng ta chỉ có thể khám phá ra Ngài nhiều như tạo ra electron. Giống như, khi vô số tia nắng khuếch tán được hội tụ bởi một thấu kính thành một điểm, tất cả năng lượng của tia đó đều ở đó trong điểm đó, thì mọi loại tâm thức phú linh mọi hình tướng cũng vậy. Tất cả những mặc khải có thể có của tâm thức đều nằm trong mỗi đơn vị được phú linh, lớn hay nhỏ. Nhà sinh vật học theo thuyết Mendel chỉ đang tuyên bố sự thật huyền bí khi Ông nói rằng "Shakespeare đã từng tồn tại như một đốm nguyên sinh chất không lớn bằng đầu kim". Đặt một thấu kính trước một toàn cảnh rộng lớn trải dài hàng dặm; thấu kính sẽ đưa tất cả các tia của toàn cảnh vào một tiêu điểm. Toàn bộ phong cảnh sẽ tồn tại ở đó trong điểm, nhưng sẽ không có bức tranh nào được nhìn thấy. Chỉ khi chúng ta rời xa tiêu điểm, thì hết bức tranh này đến bức tranh khác sẽ xuất hiện trên màn hình được đặt để phản chiếu các tia, mỗi bức tranh có kích thước khác nhau tùy theo khoảng cách từ điểm mà chúng ta đặt màn hình. Theo khoảng cách là kích thước của bức tranh; và theo kích thước sẽ là khả năng đọc được các chi tiết của bức tranh. Bức tranh có tất cả ở đó trong điểm; chỉ khi chúng ta rời xa điểm đó, bức tranh mới bước ra khỏi hư không về phía chúng ta. Đây là một minh họa thích hợp về sự tiến hóa của tâm thức.

Sự tiến hóa của tâm thức cũng giống như việc kéo một tấm màn che ánh sáng; hành động kéo tấm màn sang một bên không thêm gì vào ánh sáng. Vì không có gì để đạt được, Ánh Sáng chỉ muốn xua tan Bóng Tối. Cho đến khi chính chúng ta ý thức đồng nhất mình với Ánh Sáng, chúng ta sẽ không nhận ra tại sao Nó lại muốn như vậy. Hành động của Nó vừa là một sự hy sinh vừa là một niềm vui; sự hy sinh đến từ việc chịu đựng một sự hạn chế, niềm vui đến từ sự cho đi. Tham dự vào Sự Hy Sinh đó và

²⁹ Bateson, Presidential Address, British Association, 1914.

attain Divinity.

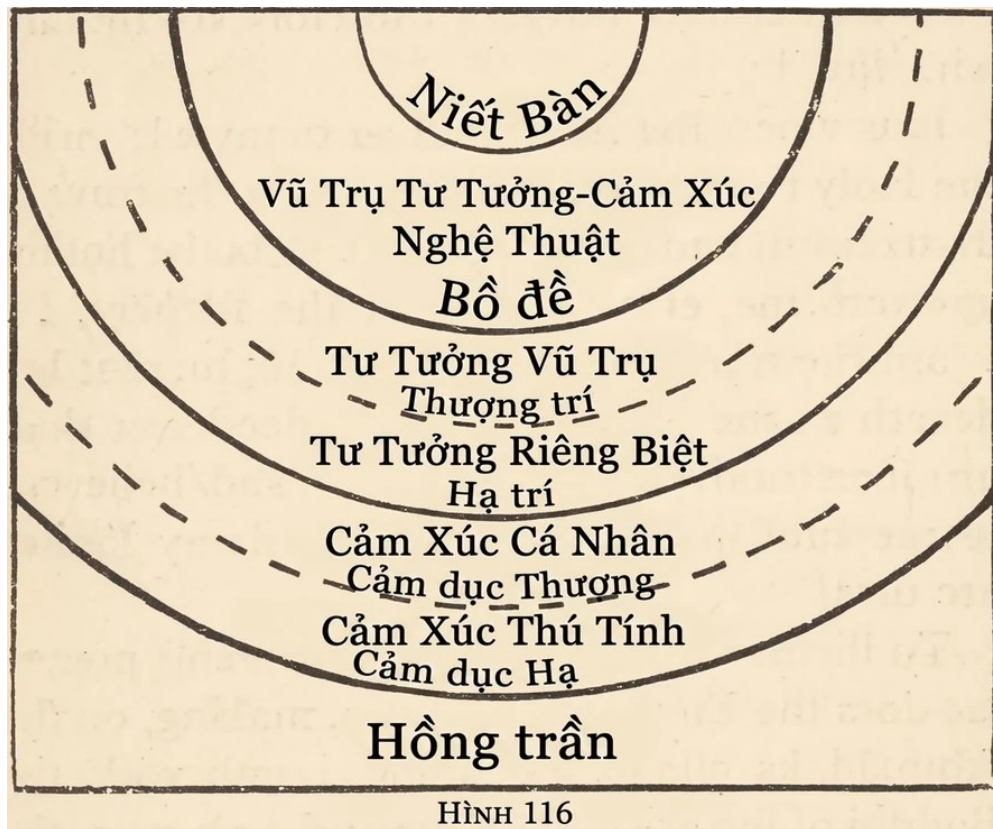
The evolution of consciousness in man is by giving. The principle of growth for the animal and vegetable kingdoms is competition, rivalry and self-seeking; the principle of growth for man is cooperation, renunciation and self-sacrifice. The Logos is eternally sacrificing Himself on the cross of life and matter; only as man imitates Him does man grow into His likeness. This is the great principle ever to keep in mind. The consciousness in man unfolds hidden possibilities stage by stage, but without self-sacrifice there, is no passing from one stage to the next. Man must die to every remnant of the brute in him, though it takes hundreds of lives. When, after many births and deaths, self-sacrifice has become instinctive with him, then he knows that sacrifice is joy, the only conceivable joy.

Before consciousness can evolve, it must first have been involved. It is this process of involution which we have outlined in our next diagram, Fig. 115.

Niềm Vui đó là đạt được Thiên Tính.

Sự tiến hóa của tâm thức trong con người là bằng cách cho đi. Nguyên tắc tăng trưởng cho giới động vật và giới thực vật là cạnh tranh, ganh đua và tìm kiếm bản thân; nguyên tắc tăng trưởng cho con người là hợp tác, từ bỏ và hy sinh bản thân. Thượng đế vĩnh viễn hy sinh Bản thân Ngài trên thập giá của sự sống và vật chất; chỉ khi con người bắt chước Ngài, con người mới phát triển thành hình ảnh của Ngài. Đây là nguyên tắc tuyệt vời để luôn ghi nhớ. Tâm thức trong con người mở ra những khả năng tiềm ẩn theo từng giai đoạn, nhưng nếu không có sự hy sinh bản thân, thì không có sự chuyển đổi từ giai đoạn này sang giai đoạn khác. Con người phải chết đi mọi tàn tích của con thú trong y, mặc dù phải mất hàng trăm kiếp. Khi, sau nhiều lần sinh và tử, sự hy sinh bản thân đã trở thành bản năng đối với y, thì y biết rằng sự hy sinh là niềm vui, niềm vui duy nhất có thể hình dung được.

Trước khi tâm thức có thể tiến hóa, trước tiên nó phải được giáng hạ tiến hoá. Chính quá trình giáng hạ tiến hoá này mà chúng ta đã vạch ra trong sơ đồ tiếp theo của mình, Hình 115.



There are in it seven horizontal divisions to make the seven great planes of our solar system; and above them all is the symbol of the Unmanifested Logos, before creative processes begin. Within the circle, which represents the Absolute, is a triangle. This is the Trinity of the Logos. Within that triangle is a Star; it represents the Monad of man.

As the first step of involution, the Logos descends on to the Adi plane; there all the three great aspects, as Shiva, Vishnu and Erahma, or Father, Son and Holy Ghost, function in perfection. When the Logos descends to the next plane, the Anupadaka, He endures limitation, for His aspect as the First Logos is there latent, and only the aspects as the Second and Third Logos can find perfect expression. This is represented in the diagram by omitting the side of the triangle which symbolizes the First Logos. At the, next stage

Trong đó có bảy phân khu nằm ngang để tạo thành bảy cõi lớn của hệ mặt trời của chúng ta; và trên tất cả chúng là biểu tượng của Thượng đế Không Biểu Hiện, trước khi các quá trình sáng tạo bắt đầu. Bên trong vòng tròn, đại diện cho Tuyệt Đối, là một hình tam giác. Đây là Tam Vị của Thượng đế. Bên trong hình tam giác đó là một Ngôi Sao; nó đại diện cho Chân Thần của con người.

Là bước đầu tiên của giáng hạ tiến hoá, Thượng đế giáng xuống cõi Adi; ở đó, tất cả ba phương diện vĩ đại, như Shiva, Vishnu và Erahma, hay Cha, Con và Chúa Thánh Thần, hoạt động một cách hoàn hảo. Khi Thượng đế giáng xuống cõi tiếp theo, Anupadaka, Ngài chịu đựng sự hạn chế, vì phương diện của Ngài là Thượng đế Thứ Nhất ở đó tiềm ẩn, và chỉ các phương diện là Thượng đế Thứ Hai và Thứ Ba mới có thể tìm thấy sự thể hiện hoàn hảo. Điều này được thể hiện trong sơ đồ bằng cách bỏ qua cạnh của hình tam giác tượng trưng cho

of descent, the Logos undergoes still further limitation, and the Third Logos alone can fully manifest on the plane of Nirvana, the aspects of the Second and First Logos finding it impossible to manifest Their attributes on that plane. Only one line of the triangle remains.

Perhaps it may be difficult to some to grasp how an omnipotent Logos should suffer limitation, as He descends from plane to plane. We can grasp the idea, if we take an example from our knowledge of space relations. We all know what a cube is; it has three dimensions, of length, breadth and height. To everyone who can walk round a cube, and look down upon it, and look too at its bottom by lifting it, a cube is a solid object, having six square faces, with twelve bounding lines.

But suppose we put ourselves into the consciousness of a microbe who is on a piece of paper, a microbe who is unable to lift himself out of the surface of the paper. Then, when the cube is placed on the paper, the microbe, coming up to the cube, and walking round the cube where it touches the paper, will see or feel only four equal, impenetrable lines; with his highest imagination, he may be able to conceive of a square, that is, a plane surface bounded by four equal lines. But, since the microbe cannot leave the plane of the paper, the cube will never be able to reveal itself to him as a cube, a solid in three dimensions. The cube may present its six faces in succession before the microbe's eyes; but the microbe will say each time: "It is only a square."

So too, when any object of three dimensions presents itself to a consciousness which

Thượng đế Thứ Nhất. Ở giai đoạn giáng xuống tiếp theo, Thượng đế trải qua sự hạn chế hơn nữa, và chỉ có Thượng đế Thứ Ba mới có thể biểu hiện đầy đủ trên cõi Niết Bàn, các phương diện của Thượng đế Thứ Hai và Thứ Nhất cảm thấy không thể biểu hiện các thuộc tính của Các Ngài trên cõi đó. Chỉ còn lại một đường của hình tam giác.

Có lẽ một số người sẽ khó nắm bắt được làm thế nào mà một Thượng đế toàn năng lại phải chịu đựng sự hạn chế, khi Ngài giáng xuống từ cõi này sang cõi khác. Chúng ta có thể nắm bắt được ý tưởng này, nếu chúng ta lấy một ví dụ từ kiến thức của chúng ta về các mối quan hệ không gian. Tất cả chúng ta đều biết hình khối là gì; nó có ba chiều, chiều dài, chiều rộng và chiều cao. Đối với tất cả những ai có thể đi vòng quanh một hình khối, và nhìn xuống nó, và cũng nhìn vào đáy của nó bằng cách nhấc nó lên, một hình khối là một vật thể rắn, có sáu mặt vuông, với mười hai đường bao.

Nhưng giả sử chúng ta đặt mình vào tâm thức của một vi khuẩn trên một tờ giấy, một vi khuẩn không thể tự nhấc mình ra khỏi bề mặt của tờ giấy. Sau đó, khi hình khối được đặt trên giấy, vi khuẩn, tiến đến hình khối và đi vòng quanh hình khối nơi nó chạm vào giấy, sẽ chỉ nhìn thấy hoặc cảm thấy bốn đường bằng nhau, không thể xuyên thủng; với trí tưởng tượng cao nhất của mình, y có thể có thể hình dung ra một hình vuông, đó là một bề mặt phẳng được giới hạn bởi bốn đường bằng nhau. Nhưng, vì vi khuẩn không thể rời khỏi mặt phẳng của tờ giấy, hình khối sẽ không bao giờ có thể tự bộc lộ cho y như một hình khối, một vật rắn trong ba chiều. Hình khối có thể lần lượt trình bày sáu mặt của nó trước mắt vi khuẩn; nhưng vi khuẩn mỗi lần sẽ nói: "Nó chỉ là một hình vuông."

Tương tự như vậy, khi bất kỳ vật thể ba chiều nào tự trình bày cho một tâm thức chỉ biết hai

knows only two dimensions, that object undergoes a limitation. That limitation is not in the nature of the object; it exists with reference to the power which the object can exercise in the two-dimensional world. Similarly it is with the limitations which the Logos undergoes, as He descends from plane to plane. In His Nature, He is ever the same; but as He works on the planes which He creates, He suffers limitation plane by plane, according to the materiality of the plane.

During all the period of the descent of the Logos on to the three highest planes, the human Monad dwells within Him. This fact is symbolized in the diagram by the tiny star within the triangle. There is never a moment when each of us, as a Monad, does not live and move and have our being in Him. Though at first we know nothing of Him, though we, even when knowing, may for a while go contrary to His Will, yet, in all the stages through which we have gone, from mineral to plant, from plant to animal and man, no separation from Him has ever been possible. Thus speaks the ancient stanza of *The Secret Doctrine*:³⁰

The Spark hangs from the Flame by the finest thread of Fohat. It journeys through the Seven Worlds of Maya. It stops in the First, and is a Metal and a Stone; it passes into the Second, and behold—a Plant; the Plant whirls through seven changes and becomes a Sacred Animal. From the combined attributes of these Manu, the Thinker, is formed.

And ever, the Spark hangs from the Flame. The sense of individuality, as a doer, begins in the Monad when, on the plane of Nirvana, he finds himself as a triplicity of Atma, Buddhi

chiếu, vật thể đó sẽ trải qua một sự hạn chế. Sự hạn chế đó không nằm trong bản chất của vật thể; nó tồn tại liên quan đến sức mạnh mà vật thể có thể thực hiện trong thế giới hai chiều. Tương tự như vậy, đó là những hạn chế mà Thượng đế phải trải qua, khi Ngài giáng xuống từ cõi này sang cõi khác. Trong Bản Chất của Ngài, Ngài luôn giống nhau; nhưng khi Ngài làm việc trên các cõi mà Ngài tạo ra, Ngài phải chịu đựng sự hạn chế từ cõi này sang cõi khác, tùy theo tính vật chất của cõi đó.

Trong suốt thời gian Thượng đế giáng xuống ba cõi cao nhất, Chân Thần của con người ngự trong Ngài. Thực tế này được biểu thị trong sơ đồ bằng ngôi sao nhỏ bé bên trong hình tam giác. Không bao giờ có một khoảnh khắc nào mà mỗi chúng ta, với tư cách là một Chân Thần, không sống và di chuyển và có sự tồn tại của mình trong Ngài. Mặc dù lúc đầu chúng ta không biết gì về Ngài, mặc dù ngay cả khi biết, chúng ta có thể trong một thời gian đi ngược lại Ý Chí của Ngài, nhưng, trong tất cả các giai đoạn mà chúng ta đã trải qua, từ giới kim thạch đến giới thực vật, từ giới thực vật đến giới động vật và con người, không có sự tách biệt khỏi Ngài nào có thể xảy ra. Vì vậy, cổ ngữ của Giáo Lý Bí Nhiệm nói:

Tia Lửa treo trên Ngọn Lửa bằng sợi dây Fohat tốt nhất. Nó du hành qua Bảy Cõi Ảo Lực. Nó dừng lại ở Cõi Thứ Nhất, và là một Kim Loại và một Hòn Đá; nó đi vào Cõi Thứ Hai, và kìa—một Cây; Cây xoay tròn qua bảy thay đổi và trở thành một Động Vật Thiêng Liêng. Từ các thuộc tính kết hợp của những Manu này, Nhà Tư Tưởng được hình thành.

Và mãi mãi, Tia Lửa treo trên Ngọn Lửa. Cảm giác về tính cá nhân, như một người thực hiện, bắt đầu trong Chân Thần khi, trên cõi Niết Bàn, y thấy mình là một tam phân của Atma,

³⁰ By H. P. Blavatsky.

and Manas, separate from the Flame as a spark, and yet gaining from the Flame all the attributes of its light and fire. The triple Monad, on the plane of Nirvana, is a miniature Logos, in all ways in the image of his Maker. He is represented in the diagram by the little triangle.

Just as the Logos underwent a process of involution, so too does the Monad in his turn.

All three aspects of the Monad reveal themselves on his true plane, that of Nirvana. The moment he descends to the Buddhist plane, he undergoes a limitation, and his aspect as the Atma is veiled, and only Buddhi and Manas manifest themselves. So one side of his triangle becomes unmanifest and latent. Similarly, when he descends one plane lower still, to the mental plane, he undergoes a further limitation; and, in the causal body which he forms there, only his aspect as Manas appears, the other two being latent with regard to the higher mental plane. Now only one side of his triangle, its base, can manifest.

Once again, there begins the process of involution, and now of the Ego who lives in the causal body. When the Ego descends into incarnation, he undergoes limitation plane by plane, as he makes successively the mental, astral and physical bodies.

The evolution of consciousness is the process of releasing the hidden energies, first of the Ego, then of the Monad, and lastly of the Logos, through the vehicles made on all the planes. The mode of releasing the consciousness of the Ego, by the process of training his vehicles, has already been dealt with in Chapter VI, "Man in Life and in Death", where the process is described with the aid of

Bồ đề và Manas, tách biệt với Ngọn Lửa như một tia lửa, nhưng vẫn nhận được từ Ngọn Lửa tất cả các thuộc tính của ánh sáng và lửa của nó. Chân Thần tam phân, trên cõi Niết Bàn, là một Thượng đế thu nhỏ, về mọi mặt theo hình ảnh của Đấng Tạo Hóa của y. Y được thể hiện trong sơ đồ bằng hình tam giác nhỏ.

Giống như Thượng đế đã trải qua một quá trình giáng hạ tiến hoá, Chân Thần cũng vậy đến lượt mình.

Cả ba phương diện của Chân Thần đều tự bộc lộ trên cõi thật của y, cõi Niết Bàn. Khoảnh khắc y giáng xuống cõi Bồ đề, y trải qua một sự hạn chế, và phương diện của y là Atma bị che khuất, và chỉ có Bồ đề và Manas tự biểu hiện. Vì vậy, một cạnh của hình tam giác của y trở nên không biểu hiện và tiềm ẩn. Tương tự như vậy, khi y giáng xuống thấp hơn một cõi nữa, đến cõi trí, y trải qua một sự hạn chế hơn nữa; và, trong thể nguyên nhân mà y hình thành ở đó, chỉ có phương diện của y là Manas xuất hiện, hai phương diện còn lại tiềm ẩn liên quan đến cõi thượng trí. Bây giờ chỉ một cạnh của hình tam giác của y, đáy của nó, có thể biểu hiện.

Một lần nữa, quá trình giáng hạ tiến hoá bắt đầu, và bây giờ là của chân ngã sống trong thể nguyên nhân. Khi chân ngã giáng xuống nhập thể, y trải qua sự hạn chế từ cõi này sang cõi khác, khi y lần lượt tạo ra thể trí, thể cảm dục và thể xác.

Sự tiến hóa của tâm thức là quá trình giải phóng các năng lượng tiềm ẩn, đầu tiên là của chân ngã, sau đó là của Chân Thần, và cuối cùng là của Thượng đế, thông qua các vận cụ được tạo ra trên tất cả các cõi. Phương thức giải phóng tâm thức của chân ngã, bằng quá trình huấn luyện các vận cụ của y, đã được đề cập trong Chương VI, "Con Người trong Cuộc Sống và trong Cái Chết", nơi quá trình này được mô

Fig. 53. After the Ego has gained the requisite control of his vehicles, the next stage in the expansion of his consciousness comes when he enters the Great White Brotherhood. He is then taught, at the First Initiation, how to function in full consciousness on the lowest sub-plane of Buddhi. Then, for the first time, he begins to know, by actual realization and not by mere belief, the unity of all that lives, and how his destiny is indissolubly linked with the destiny of all the myriads of souls who with him form Humanity. Nay, more, he realizes that they are a part of him, and that all those divisions of "I" and "thou," of "mine" and "thine" which mark existence on the planes below Buddhi, are illusions. He has now, at this ascending stage on the Buddhic plane, realized and brought into manifestation two sides of his triangle.

Further expansions of consciousness, at the Second, Third and Fourth Initiations, give him mastery of the remaining sub-planes of the Buddhic plane, till, at the Fifth Initiation, that of the Asekha, his consciousness works unbrokenly on the plane of Nirvana. The triangle of the Monad is now complete, and the "Eternal Pilgrim" has now returned home, "rejoicing, bringing his sheaves with him".

Him the Gods envy from their lower seats;

Him the Three Worlds in ruin should not shake;

All life is lived for him, all deaths are dead;

Karma will no more make.

New houses. Seeking nothing, he gains all;

tả với sự trợ giúp của Hình 53. Sau khi chân ngã đã giành được quyền kiểm soát cần thiết đối với các vận cụ của mình, giai đoạn tiếp theo trong sự mở rộng tâm thức của y đến khi y gia nhập Huynh đệ Đoàn Chánh đạo. Sau đó, y được dạy, tại lần điểm đạo thứ nhất, cách hoạt động với tâm thức đầy đủ trên cõi phụ thấp nhất của Bồ đề. Sau đó, lần đầu tiên, y bắt đầu biết, bằng sự nhận ra thực tế chứ không chỉ bằng niềm tin đơn thuần, sự hợp nhất của tất cả những gì đang sống, và số phận của y được liên kết không thể tách rời với số phận của vô số linh hồn vốn cùng với y tạo thành Nhân Loại. Hơn nữa, y nhận ra rằng họ là một phần của y, và tất cả những sự phân chia "Tôi" và "bạn", "của tôi" và "của bạn" vốn đánh dấu sự tồn tại trên các cõi bên dưới Bồ đề, đều là ảo tưởng. Bây giờ, ở giai đoạn đi lên này trên cõi Bồ đề, y đã nhận ra và đưa vào biểu hiện hai cạnh của hình tam giác của mình.

Sự mở rộng tâm thức hơn nữa, tại lần điểm đạo thứ hai, thứ ba và thứ tư, mang lại cho y quyền làm chủ các cõi phụ còn lại của cõi Bồ đề, cho đến khi, tại lần điểm đạo thứ năm, đó là của Asekha, tâm thức của y hoạt động không ngừng trên cõi Niết Bàn. Hình tam giác của Chân Thần bây giờ đã hoàn thành, và "Người Hành Hương Vĩnh Cửu" giờ đã trở về nhà, "vui mừng, mang theo những bó lúa của mình".

Các Vị Thần ghen tị với y từ những chỗ ngồi thấp hơn của Các Ngài;

Ba Cõi này trong sự hủy diệt không nên lay chuyển y;

Tất cả sự sống đều sống vì y, tất cả cái chết đều chết;

Nghiệp quả sẽ không còn tạo ra nữa.

Những ngôi nhà mới. Không tìm kiếm gì, y đạt được tất cả;

Foregoing self, the Universe grows "I".

If any teach Nirvana is to cease,

Say unto such they lie.

If any teach Nirvana is to live,

Say unto such they err; not knowing this,

Nor what light shines beyond their broken lamps,

Nor lifeless, timeless, bliss.³¹

At this stage of the Asekha Adept, the Monad knows, by direct realization, that marvel of marvels—that, Spark though he be, he is the Flame. He is thenceforth the Christos, the "Anointed", crowned with that kingly Crown which, as the Son of God, he went forth "to war" to gain.

From this time, the triangle of the Monad is in direct contact with the Triangle of the Logos, though only with one line of it, with its base, which is the aspect of the "Holy Ghost". Hence Christian tradition tells us that there are two baptisms, one of water and the other of "fire". John the Baptist could give the first baptism, with water; but only a Christos could give the second, with the Holy Ghost and fire: "I indeed baptize you with water unto repentance; but he that cometh after me is mightier than I, whose shoes I am not worthy to bear; he shall baptize you with the Holy Ghost, and with fire."

Từ bỏ bản thân, Vũ Trụ phát triển thành "Tôi".

Nếu ai đó dạy rằng Niết Bàn là chấm dứt,

Hãy nói với những người như vậy rằng họ nói dối.

Nếu ai đó dạy rằng Niết Bàn là sống,

Hãy nói với những người như vậy rằng họ sai lầm; không biết điều này,

Cũng không biết ánh sáng nào chiếu sáng bên ngoài những ngọn đèn vỡ của họ,

Cũng không phải là phúc lành vô tận, vô thời gian.

Ở giai đoạn này của Chân sư Asekha, Chân Thần biết, bằng sự nhận ra trực tiếp, điều kỳ diệu của những điều kỳ diệu—rằng, mặc dù y là Tia Lửa, y là Ngọn Lửa. Từ đó trở đi, y là Đức Christos, "Đấng Được Xức Dầu", được trao vương miện với Vương Miện vương giả đó, với tư cách là Con của Thượng đế, y đã ra đi "chiến đấu" để giành lấy.

Từ thời điểm này, hình tam giác của Chân Thần tiếp xúc trực tiếp với Hình Tam Giác của Thượng đế, mặc dù chỉ với một đường của nó, với đáy của nó, vốn là phương diện của "Chúa Thánh Thần". Do đó, truyền thống Cơ đốc giáo nói với chúng ta rằng có hai phép báp têm, một bằng nước và một bằng "lửa". John the Baptist có thể ban phép báp têm đầu tiên, bằng nước; nhưng chỉ có một Đức Christos mới có thể ban phép báp têm thứ hai, với Chúa Thánh Thần và lửa: "Ta thật vậy làm phép báp têm cho các người bằng nước để ăn năn; nhưng Đấng đến sau ta mạnh hơn ta, ta không xứng đáng mang giày Ngài; Ngài sẽ làm phép báp têm cho các người bằng Chúa Thánh Thần và bằng lửa."

³¹ The Light of Asia, Book VIII.

It is when the Monad is so baptized “with the Holy Ghost and with fire”, that he can say in triumph and in dedication: “As the Father knoweth me, even so know I the Father.... I am the resurrection and the life; he that believeth in me, though he were dead, yet shall he live; and whosoever liveth and believeth in me shall never die.... I and my Father are one.”

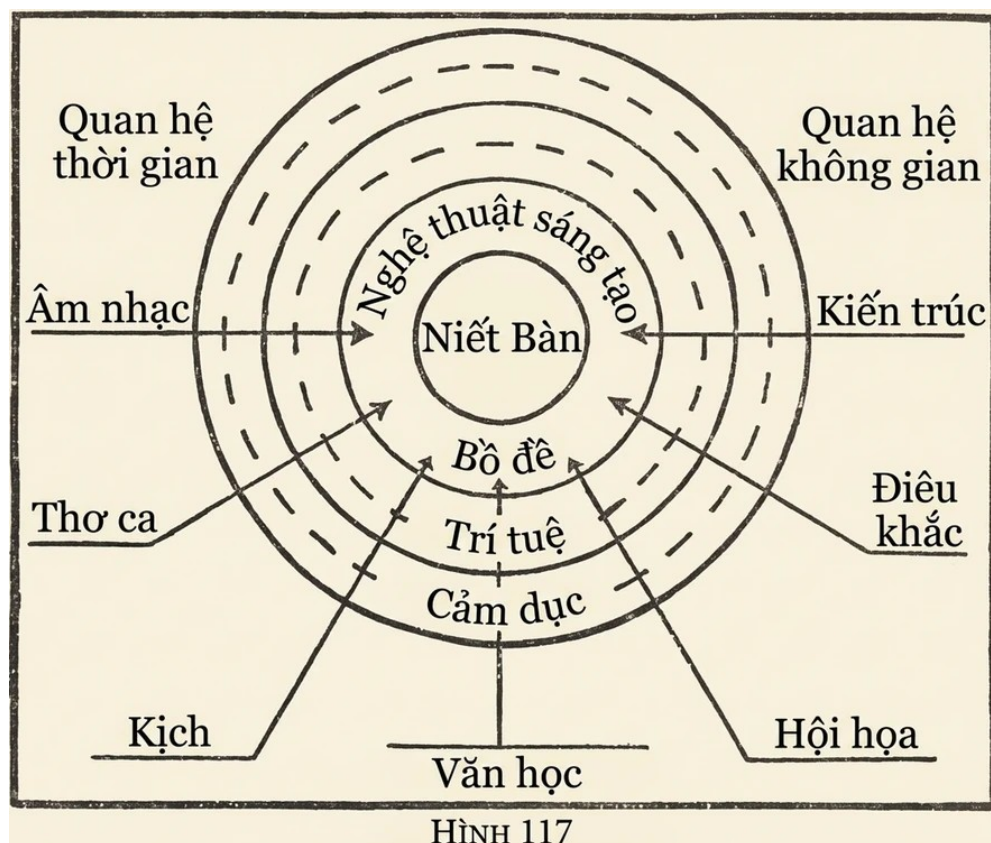
To further heights still, inconceivable now to us, does the Eternal Pilgrim go, making, on the Anupadaka plane, his Buddhi one with the Buddhi of the great Triangle and, at last, on the Adi plane, making his Atma one with the eternal Atma of all that is, was and ever shall be, the Logos of our System.

Man's ascent to Divinity can be studied from many points of view, and another such is given in the next diagram, Fig. 116. The fundamental thought in it is that, as is the kind of impact on a consciousness from outside, so is the discovery of the world by that consciousness. Response to impacts, physical, astral or mental, gives us a knowledge of the world; according to the type of response is the expansion of consciousness in the individual. A physical stone responds, in the main, only to the impacts of heat and cold and pressure; therefore it knows only the physical world. A plant responds to astral vibrations of like and dislike; and hence it has an instinct of adaptation to environment; it knows both the physical and astral worlds, though the latter only dimly. The animal responds to the vibrations of the lower mental world, and so thinks as well as feels; it therefore knows the physical, astral and mental worlds, though the last only vaguely. But man is capable of being affected by the higher mental world, which means that his vision of the universe is from that plane.

Chính khi Chân Thần được báp têm như vậy "bằng Chúa Thánh Thần và bằng lửa", y có thể nói trong chiến thắng và trong sự hiến dâng: "Như Cha biết ta, ta cũng biết Cha.... Ta là sự sống lại và sự sống; ai tin ta, dù đã chết, cũng sẽ sống; và ai sống và tin ta sẽ không bao giờ chết.... Ta và Cha ta là một."

Đến những đỉnh cao hơn nữa, giờ đây không thể hình dung được đối với chúng ta, Người Hành Hương Vĩnh Cửu đi, tạo ra, trên cõi Anupadaka, Bồ đề của y hợp nhất với Bồ đề của Hình Tam Giác vĩ đại và, cuối cùng, trên cõi Adi, tạo ra Atma của y hợp nhất với Atma vĩnh cửu của tất cả những gì là, đã từng là và sẽ mãi mãi là, Thượng đế của Hệ Thống của chúng ta.

Sự thăng lên cõi Thần của con người có thể được nghiên cứu từ nhiều quan điểm, và một quan điểm khác được đưa ra trong sơ đồ tiếp theo, Hình 116. Tư tưởng cơ bản trong đó là, loại tác động lên một tâm thức từ bên ngoài như thế nào, thì sự khám phá thế giới của tâm thức đó cũng như vậy. Phản ứng với các tác động, thể xác, cảm dục hoặc trí tuệ, cho chúng ta kiến thức về thế giới; theo loại phản ứng là sự mở rộng tâm thức trong cá nhân. Một viên đá thể xác phản ứng, chủ yếu, chỉ với các tác động của nóng và lạnh và áp suất; do đó nó chỉ biết thế giới thể xác. Một cái cây phản ứng với các rung động cảm dục của thích và không thích; và do đó nó có một bản năng thích nghi với môi trường; nó biết cả thế giới thể xác và cảm dục, mặc dù cái sau chỉ lơ mờ. Con vật phản ứng với các rung động của cõi hạ trí, và do đó suy nghĩ cũng như cảm nhận; do đó nó biết thế giới thể xác, cảm dục và trí tuệ, mặc dù cái sau chỉ mơ hồ. Nhưng con người có khả năng bị ảnh hưởng bởi cõi thượng trí, điều đó có nghĩa là tầm nhìn của y về vũ trụ là từ cõi đó.



The lower astral world is thrown by man into activity by animal feelings like anger, lust, envy and jealousy, As man's astral body gets refined, and he is capable of affection, devotion and sympathy, though they may be strongly tinged with his personal needs, he discovers the higher astral world of feeling. In a similar fashion, the disjointed, unrelated thoughts which we have concerning things in general enable us to contact the lower mental world of particularized thought. It is only when we can arrange our ideas into categories of thought and feeling, and discover laws from them, that we reach up to the vision of the higher mental world, To think with the causal body is to rise above particularized thoughts, and to come to those universal thoughts concerning religion, philosophy, science and art which characterize the philosophic mind.

Beyond the highest attribute of pure thought,

Cõi hạ cảm dục bị con người ném vào trạng thái hoạt động bởi những cảm xúc thú tính như giận dữ, ham muốn, ghen tị và đố kỵ. Khi thể cảm dục của con người trở nên tinh tế hơn, và y có khả năng yêu thương, tận tâm và thông cảm, mặc dù chúng có thể bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi những nhu cầu cá nhân của y, y khám phá ra cõi thượng cảm dục của cảm xúc. Tương tự, những suy nghĩ rời rạc, không liên quan mà chúng ta có về mọi thứ nói chung cho phép chúng ta tiếp xúc với cõi hạ trí của tư tưởng cụ thể hóa. Chỉ khi chúng ta có thể sắp xếp các ý tưởng của mình thành các phạm trù tư tưởng và cảm xúc, và khám phá ra các định luật từ chúng, thì chúng ta mới vươn tới tầm nhìn của cõi thượng trí. Suy nghĩ bằng thể nguyên nhân là vượt lên trên những tư tưởng cụ thể hóa, và đi đến những tư tưởng phổ quát liên quan đến tôn giáo, triết học, khoa học và nghệ thuật vốn đặc trưng cho trí triết học.

Vượt lên trên thuộc tính cao nhất của tư tưởng

man has yet another faculty, or instrument of cognition, which, for want of a better term, Theosophy calls by the Hindu philosophical term *Buddhi*. Its characteristic is that an object is known by it, not by examination from outside, but by identification with it by the knower. *Buddhi* is a mode of consciousness which is neither thought alone, nor feeling alone, nor both simply combined; yet at once it is both, and more still, a kind of indescribable *being-thought-feeling*. One can only say that, when *Buddhi* affects the higher mental plane, the mind grasps universal concepts; and that, when the force of *Buddhi* is reflected on a pure astral nature, the tenderest of sympathies result. *Buddhi* is a Divine Intuition, surer than knowledge, because it judges not only from a past and a present but also from a future, more precise in understanding than the profoundest emotion, because the knower at will becomes the known. Hindu philosophers have termed it *arsha-buddhi*, the *Buddhi* of Rishis or saints, not of common men.

If already words fail to describe what *Buddhi* is, how may one describe that faculty of the Monad which expresses itself on the Nirvanic plane? Suffice it to say that, as *Buddhi* is different and more wonderful than pure thought and pure emotion, so is the Atma aspect of the soul more wonderful still than *Buddhi*.

The cultural growth of humanity will not be complete till all can function on the plane of Nirvana. So far, the highest achievement of mankind has been to touch, through the efforts of a few geniuses, the Buddhistic plane through Art. We must, however, not forget that "art" is not merely painting, sculpture, music, etc. Art also manifests through

thuần túy, con người vẫn còn một khả năng khác, hay một công cụ nhận thức, mà vì thiếu một thuật ngữ tốt hơn, Thông Thiên Học gọi bằng thuật ngữ triết học Hindu là Bồ đề. Đặc điểm của nó là một đối tượng được biết đến bởi nó, không phải bằng cách xem xét từ bên ngoài, mà bằng cách đồng nhất với nó bởi thức giả. Bồ đề là một phương thức tâm thức không chỉ là tư tưởng, không chỉ là cảm xúc, cũng không phải cả hai chỉ đơn giản kết hợp; nhưng ngay lập tức nó là cả hai, và hơn thế nữa, một loại tư tưởng-cảm xúc-hiện hữu không thể diễn tả được. Người ta chỉ có thể nói rằng, khi Bồ đề tác động đến cõi thượng trí, thể trí nắm bắt các khái niệm phổ quát; và rằng, khi sức mạnh của Bồ đề được phản ánh trên một bản chất cảm dục thuần khiết, những cảm xúc dịu dàng nhất sẽ nảy sinh. Bồ đề là một Trực Giác Thiêng Liêng, chắc chắn hơn kiến thức, bởi vì nó phân xét không chỉ từ quá khứ và hiện tại mà còn từ tương lai, chính xác hơn trong sự thấu hiểu so với cảm xúc sâu sắc nhất, bởi vì thức giả theo ý muốn trở thành cái được biết. Các triết gia Hindu đã gọi nó là *arsha-buddhi*, Bồ đề của các Rishi hay các vị thánh, không phải của những người bình thường.

Nếu ngay cả những từ ngữ cũng không thể mô tả Bồ đề là gì, thì làm thế nào người ta có thể mô tả khả năng của Chân Thần vốn tự biểu lộ trên cõi Niết Bàn? Chỉ cần nói rằng, Bồ đề khác biệt và tuyệt vời hơn tư tưởng thuần túy và cảm xúc thuần túy như thế nào, thì khía cạnh Atma của linh hồn còn tuyệt vời hơn Bồ đề.

Sự phát triển văn hóa của nhân loại sẽ không hoàn thành cho đến khi tất cả có thể hoạt động trên cõi Niết Bàn. Cho đến nay, thành tựu cao nhất của nhân loại là chạm đến, thông qua những nỗ lực của một vài thiên tài, cõi Bồ đề thông qua Nghệ thuật. Tuy nhiên, chúng ta không được quên rằng "nghệ thuật" không chỉ là hội họa, điêu khắc, âm nhạc, v.v. Nghệ thuật

Devotion, through Love, through Philosophy, whenever these touch the realm of Buddhi. But it is as if only yesterday that mankind discovered art, and that there exists a realm of being where man can fashion objects of beauty that are joys forever, and create not for a day but for all time.

When the mind of a genius, whether in religion or art, in philosophy or science, breaks through into the Buddhic plane, what he creates enshrines the essence of art. If as scientist he deals with nature's facts, he conceives and presents them so artistically that his science is luminous with intuition; if as philosopher he creates a system, he broods with tenderness on both the small and the great, and enwraps them with a beauty and a unity. The ethical precepts of the great Teachers are revelations of the purest art, for their commandments are universal in their applicability to all men's problems, and un-ageing in their freshness and beauty at all epochs of time.

Any one expression of art contains within it some of the characteristics of all the others; a picture is a sermon, and a symphony is a philosophy. When Buddhi gives its message, religion is science, and art is philosophy, and all four are love. It is only on the lower mental plane of particularized thoughts that the unity breaks into diversity, and then he who cannot sense the unity through one particular expression sees the particulars as contradicting each other. Man the thinker, the lover, the doer, when the Buddhi is awake in him, achieves a unity of himself which he cannot fully reveal except on the Buddhic plane.

cũng biểu hiện thông qua Sự Sùng Kính, thông qua Tình Thương, thông qua Triết học, bất cứ khi nào những điều này chạm đến cõi Bồ đề. Nhưng dường như chỉ mới ngày hôm qua nhân loại đã khám phá ra nghệ thuật, và rằng có một cõi hiện hữu nơi con người có thể tạo ra những đối tượng của vẻ đẹp vốn là niềm vui mãi mãi, và sáng tạo không phải cho một ngày mà cho mọi thời đại.

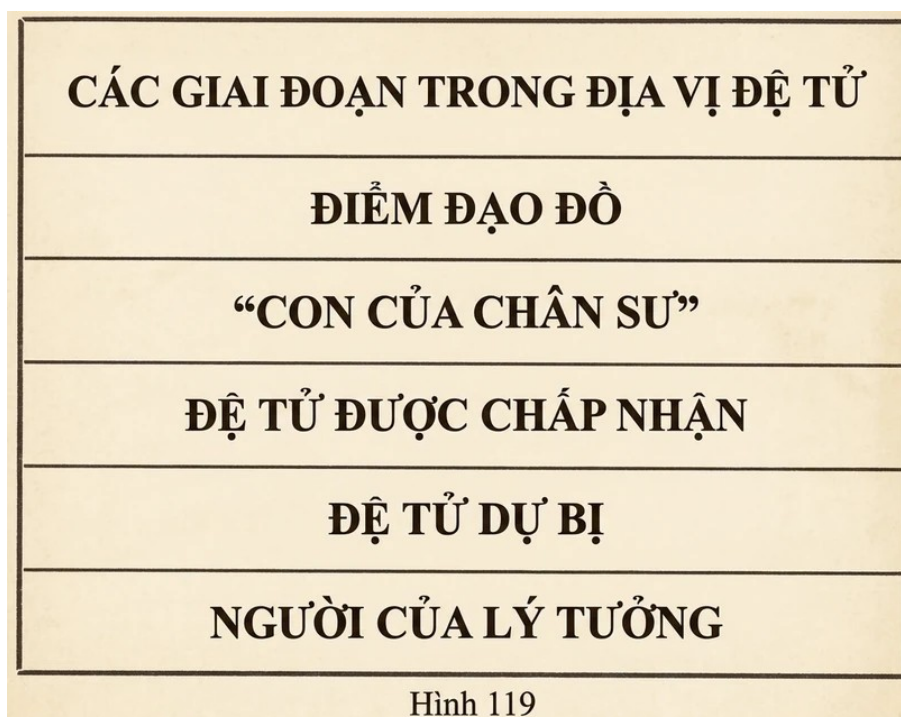
Khi thể trí của một thiên tài, dù trong tôn giáo hay nghệ thuật, trong triết học hay khoa học, đột phá vào cõi Bồ đề, những gì y tạo ra đều gói trọn tinh chất của nghệ thuật. Nếu với tư cách là nhà khoa học, y đối phó với các sự kiện tự nhiên, y hình dung và trình bày chúng một cách nghệ thuật đến mức khoa học của y rực rỡ với trực giác; nếu với tư cách là nhà triết học, y tạo ra một hệ thống, y nghiền ngẫm với sự dịu dàng về cả những điều nhỏ bé và vĩ đại, và bao bọc chúng bằng một vẻ đẹp và một sự thống nhất. Những lời răn dạy đạo đức của các Huấn Sư Vĩ Đại là những mặc khải của nghệ thuật thuần khiết nhất, vì những điều răn của Các Ngài mang tính phổ quát trong khả năng áp dụng của chúng cho tất cả các vấn đề của con người, và không bị lão hóa trong sự tươi mới và vẻ đẹp của chúng ở mọi thời đại.

Bất kỳ một biểu hiện nghệ thuật nào cũng chứa đựng bên trong nó một số đặc điểm của tất cả những biểu hiện khác; một bức tranh là một bài giảng, và một bản giao hưởng là một triết lý. Khi Bồ đề đưa ra thông điệp của nó, tôn giáo là khoa học, và nghệ thuật là triết học, và cả bốn đều là tình thương. Chỉ trên cõi hạ trí của những tư tưởng cụ thể hóa, sự thống nhất mới vỡ thành đa dạng, và sau đó y, vốn không thể cảm nhận được sự thống nhất thông qua một biểu hiện cụ thể nào đó, thấy những chi tiết cụ thể mâu thuẫn với nhau. Con người, nhà tư tưởng, người yêu thương, người hành động, khi Bồ đề thức tỉnh trong y, đạt được một sự thống nhất của bản thân mà y không thể

Mankind is being taught to attain to That, which exists out of time and space, by using time and space. Our highest tool of cognition, so far, is creative art. How its various aspects are related to each other is one of the problems in philosophy; one mode of their relation is suggested in diagram, Fig. 117.

tiết lộ đầy đủ ngoại trừ trên cõi Bồ đề.

Nhân loại đang được dạy để đạt đến Cái Đó, vốn tồn tại ngoài thời gian và không gian, bằng cách sử dụng thời gian và không gian. Công cụ nhận thức cao nhất của chúng ta, cho đến nay, là nghệ thuật sáng tạo. Các khía cạnh khác nhau của nó liên quan đến nhau như thế nào là một trong những vấn đề trong triết học; một phương thức quan hệ của chúng được gợi ý trong sơ đồ, Hình 117.



In literature of the highest type, we have both a brilliant “word-painting” and a graphic dramatization of events and ideas. From literature, according as it uses time-values or space-values, the arts develop. On the side of time, literature leads to drama, and drama tends to poetry, and poetry through its essential musical quality leads on to music.

Trong văn học thuộc loại cao nhất, chúng ta có cả một “bức tranh bằng lời” rực rỡ và một sự kịch tính hóa sống động các sự kiện và ý tưởng. Từ văn học, tùy theo cách nó sử dụng các giá trị thời gian hay các giá trị không gian, các loại hình nghệ thuật phát triển. Về phía thời gian, văn học dẫn đến kịch, và kịch có xu hướng thơ ca, và thơ ca thông qua phẩm chất âm nhạc thiết yếu của nó dẫn đến âm nhạc.

On the side of space, the word-painting of literature is linked to painting, and painting that uses two dimensions rises to a three-

Về phía không gian, bức tranh bằng lời của văn học được liên kết với hội họa, và hội họa sử dụng hai chiều tăng lên thành một biểu hiện

dimensional manifestation in sculpture, and sculpture to those wonderful abstract conceptions of rhythm and beauty which architecture gives. It is not difficult to see how drama, narrating events in time, is related to painting, which depicts events in space.

Sculpture is like dumb poetry, while poetry sculptures image after image from the matter of the imagination. The description of Goethe and Lessing, that architecture is "frozen music", gives us the clue to the relation between music and architecture.

All true forms of art lead man's consciousness to grasp those values in life which the Monad knows on the Buddhic plane. The artistic sense of humanity is rudimentary as yet, but with the growth of Brotherhood more of art will be sensed in life. On the other hand, with the development in men of their artistic sense, there will be a greater power to realize Brotherhood. Lastly, when we have come to the utmost limits of artistic creation, and begin to feel in us powers and realizations not expressible even in the highest art, then shall we know those activities of creation which characterize the Monad on his true plane of Atma. But in what manner we shall join the splendor of Nirvana and this earth of ours into one realm of Action is a mystery of the future.

* * * *

To understand fully the evolution of consciousness is to solve the mystery of God's nature. Yet since all life is He, and since we too are fragments of Him, our growth in consciousness is both a discovery of Him and a growing into His likeness. Yet while we

ba chiều trong điêu khắc, và điêu khắc đến những quan niệm trừu tượng tuyệt vời về nhịp điệu và vẻ đẹp mà kiến trúc mang lại. Không khó để thấy kịch, thuật lại các sự kiện theo thời gian, có liên quan đến hội họa, vốn mô tả các sự kiện trong không gian như thế nào.

Điêu khắc giống như thơ câm, trong khi thơ điêu khắc hết hình ảnh này đến hình ảnh khác từ chất liệu của trí tưởng tượng. Sự mô tả của Goethe và Lessing, rằng kiến trúc là "âm nhạc đông cứng", cho chúng ta manh mối về mối quan hệ giữa âm nhạc và kiến trúc.

Tất cả các hình thức nghệ thuật chân chính đều dẫn tâm thức của con người nắm bắt những giá trị trong cuộc sống mà Chân Thần biết trên cõi Bồ đề. Cảm quan nghệ thuật của nhân loại vẫn còn sơ khai, nhưng với sự phát triển của Tình Huynh Đệ, nhiều nghệ thuật hơn sẽ được cảm nhận trong cuộc sống. Mặt khác, với sự phát triển ở con người về cảm quan nghệ thuật của họ, sẽ có một sức mạnh lớn hơn để nhận ra Tình Huynh Đệ. Cuối cùng, khi chúng ta đạt đến giới hạn tột cùng của sự sáng tạo nghệ thuật, và bắt đầu cảm nhận trong chúng ta những sức mạnh và nhận thức không thể diễn tả được ngay cả trong nghệ thuật cao nhất, thì chúng ta sẽ biết những hoạt động sáng tạo vốn đặc trưng cho Chân Thần trên cõi Atma chân thực của Ngài. Nhưng bằng cách nào chúng ta sẽ kết hợp sự huy hoàng của Niết Bàn và Trái Đất này của chúng ta thành một cõi Hành Động là một bí ẩn của tương lai.

* * * *

Để hiểu đầy đủ sự tiến hóa của tâm thức là giải quyết bí ẩn về bản chất của Thượng đế. Tuy nhiên, vì tất cả sự sống là Ngài, và vì chúng ta cũng là những mảnh vỡ của Ngài, nên sự phát triển tâm thức của chúng ta vừa là một sự khám phá về Ngài vừa là một sự trưởng thành

discover Him, it is ourselves whom we discover. This is the mystery of consciousness, that the part is the Whole. But to know this is one thing, and to be this another. To be the Whole is only possible as we act as the Whole, and that is, by giving ourselves as fully and freely to all within our little circle of being, as the Whole gives Himself to all within the vast circle of His Being. It seems incredible that we shall ever be capable of imitating the Whole. Yet because that indeed is our destiny, He has sent us forth from Him to live our separated lives. That the only life worth living is to join in His eternal Sacrifice is the testimony of all who have come from Him, and are consciously returning to Him.

theo hình ảnh của Ngài. Tuy nhiên, trong khi chúng ta khám phá ra Ngài, thì chính chúng ta là người mà chúng ta khám phá ra. Đây là bí ẩn của tâm thức, rằng bộ phận là Toàn Thể. Nhưng biết điều này là một chuyện, và trở thành điều này lại là một chuyện khác. Trở thành Toàn Thể chỉ có thể khi chúng ta hành động như Toàn Thể, và đó là, bằng cách hiến dâng bản thân một cách trọn vẹn và tự do cho tất cả những gì trong vòng tròn hiện hữu nhỏ bé của chúng ta, như Toàn Thể hiến dâng Chính Ngài cho tất cả những gì trong vòng tròn bao la về Sự Hiện Hữu của Ngài. Đường như không thể tin được rằng chúng ta sẽ có khả năng bắt chước Toàn Thể. Tuy nhiên, vì đó thực sự là định mệnh của chúng ta, Ngài đã phái chúng ta đi từ Ngài để sống cuộc sống tách biệt của chúng ta. Việc cuộc sống duy nhất đáng sống là tham gia vào Sự Hy Sinh vĩnh cửu của Ngài là lời chứng của tất cả những ai đã đến từ Ngài, và đang ý thức trở về với Ngài.

CHƯƠNG XIV

THE INNER GOVERNMENT OF THE WORLD—CHÍNH PHỦ NỘI TẠI CỦA THẾ GIỚI

Among the many startling ideas which confront the inquirer into Theosophy, one of the most significant is that there is an inner Government of the World. The international life of the world throughout the ages seems to us so purposeless in most ways, that one is thoroughly in accord with Gibbon's dictum that the history of the nations "is, indeed, little more than the register of the crimes, follies, and misfortunes of mankind".

It seems scarcely credible to the skeptical mind of today that every event in the world's happenings is being used and guided to fulfil a Divine Plan. Our religious faith is sufficient to believe in a *far-off* "divine event to which the whole creation moves"; but when it comes to believing literally that not a sparrow "shall fall on the ground without your Father", our faith is of the heart and not of the head.

Yet no more wonderful fact exists in nature than this revealed by the Christ; it is literally true that not a sparrow falls, without that event being noted in a Consciousness, and without a Love enwrapping the sparrow as it falls, and guiding it beyond the gates of death to a happier life. Here, on this globe of ours which spins round the sun, Mighty Beings guide every event; and the crimes, follies and misfortunes of mankind, as too, their heroisms, sacrifices and dreams, are used by Them to achieve that particular part of the Plan of the Logos, which is intended for fulfilment as the days and months pass, one by one.

Trong số nhiều ý tưởng gây sửng sốt mà người tìm hiểu Thông Thiên Học phải đối mặt, một trong những ý tưởng quan trọng nhất là có một Nền Chính Phủ Nội Tại của Thế Giới. Cuộc sống quốc tế của thế giới trong suốt các thời đại dường như vô nghĩa đối với chúng ta theo nhiều cách, đến nỗi người ta hoàn toàn đồng ý với lời tuyên bố của Gibbon rằng lịch sử của các quốc gia "thực sự chỉ là bản ghi chép về tội ác, sự điên rồ và bất hạnh của nhân loại".

Dường như khó tin đối với trí óc hoài nghi ngày nay rằng mọi sự kiện trong các sự kiện của thế giới đang được sử dụng và hướng dẫn để hoàn thành một Thiên Cơ. Đức tin tôn giáo của chúng ta đủ để tin vào một "sự kiện thiêng liêng" xa xôi "mà toàn bộ sự sáng tạo hướng tới"; nhưng khi nói đến việc tin theo nghĩa đen rằng không một con chim sẻ nào "rơi xuống đất mà không có Cha của các con", đức tin của chúng ta là của trái tim chứ không phải của lý trí.

Tuy nhiên, không có sự thật nào tuyệt vời hơn tồn tại trong tự nhiên so với sự thật được Đức Christ tiết lộ này; theo nghĩa đen, không một con chim sẻ nào rơi xuống mà sự kiện đó không được ghi nhận trong một Tâm Thức, và không có một Tình Thương nào bao bọc con chim sẻ khi nó rơi xuống, và hướng dẫn nó vượt qua cổng tử thần đến một cuộc sống hạnh phúc hơn. Ở đây, trên địa cầu của chúng ta đang quay quanh mặt trời, Các Đấng Cao Cả hướng dẫn mọi sự kiện; và những tội ác, sự điên rồ và bất hạnh của nhân loại, cũng như những hành động anh hùng, hy sinh và ước mơ của họ, được Các Ngài sử dụng để đạt được phần cụ thể của Thiên Cơ của Hành Tinh

The facts as to an Inner Government of the World have been long kept as the most precious of secrets in the Ancient Mysteries; but, with the opportunities of a swifter evolution now dawning for men, what was once hidden is now revealed. To many, no doubt, the revelation will mean nothing at all; in some it will give rise to mockery; in a few it may call forth both a new insight into life, and a new determination to throw themselves heart and soul into the work of furthering "God's plan, which is Evolution". It is for the sake of these latter, who long to understand in order to justify to the brain the faith which is in their hearts, that a great body of occult knowledge has been revealed to men through the Theosophical Movement.

Throughout all these pages of *First Principles of Theosophy*, the one dominant theme has been that all that happens in nature, in life, and in the heart of man, is the Self-revelation of the Logos. It has been shown that His Life reveals itself stage by stage, and that all forms of life and consciousness are related to each other in a ladder of evolution. An atom and an ameba contain His Life; but more of His Life is revealed in a Dhyani Chohan or a Planetary Logos. On this earth of ours, all of us men are embodiments of His Life, and we reveal Him more fully than can our younger brothers of the animal creation. In an exactly similar way, there are Beings higher than man who reveal more still of His Life than can man. It is They who form the Inner Government of the World.

Thượng đế, vốn được dự định để hoàn thành khi những ngày và tháng trôi qua, hết ngày này qua ngày khác.

Những sự thật về một Nền Chính Phủ Nội Tại của Thế Giới từ lâu đã được giữ kín như những bí mật quý giá nhất trong Các Mật Truyền Cổ Xưa; nhưng, với những cơ hội tiến hóa nhanh hơn hiện đang hé mở cho con người, những gì đã từng bị che giấu giờ đây đã được tiết lộ. Đối với nhiều người, chắc chắn, sự mặc khải sẽ không có ý nghĩa gì cả; ở một số người, nó sẽ làm nảy sinh sự chế nhạo; ở một số ít người, nó có thể khơi dậy cả một cái nhìn sâu sắc mới về cuộc sống và một quyết tâm mới để dốc hết tâm huyết vào công việc thúc đẩy "Thiên Cơ của Thượng Đế, vốn là Sự Tiến Hóa". Chính vì lợi ích của những người sau này, những người khao khát được thấu hiểu để biện minh cho bộ não về đức tin vốn có trong trái tim họ, mà một khối lượng lớn kiến thức huyền bí đã được tiết lộ cho con người thông qua Phong Trào Thông Thiên Học.

Trong suốt tất cả những trang này của Những Nguyên Tắc Đầu Tiên của Thông Thiên Học, chủ đề chủ đạo duy nhất là tất cả những gì xảy ra trong tự nhiên, trong cuộc sống và trong trái tim của con người, là Sự Tự Mặc Khải của Hành Tinh Thượng đế. Người ta đã chỉ ra rằng Sự Sống của Ngài tự biểu lộ từng giai đoạn, và tất cả các hình thức sự sống và tâm thức đều liên quan đến nhau trong một bậc thang tiến hóa. Một nguyên tử và một amíp chứa đựng Sự Sống của Ngài; nhưng Sự Sống của Ngài được tiết lộ nhiều hơn trong một Dhyani Chohan hoặc một Hành Tinh Thượng đế. Trên Trái Đất này của chúng ta, tất cả chúng ta, những người phàm, là hiện thân của Sự Sống của Ngài, và chúng ta tiết lộ Ngài đầy đủ hơn so với những người anh em trẻ tuổi hơn của chúng ta trong giới động vật. Theo một cách hoàn toàn tương tự, có những Đấng cao hơn con người, những người tiết lộ nhiều hơn nữa về Sự Sống của

Each globe within the solar system has a band of His Ministers who carry out His Plan for that globe. This body is called the “Hierarchy” of the globe, and the Hierarchy on our Earth is known in tradition by many names, the one now chiefly in use being the “Great White Brotherhood”. This Brotherhood is not a mere association of Supermen but a living organism which contains the Life-energies of the Logos. It is truly a “Grand Lodge Above”, the pattern of every Grand Lodge that has ever been, and its mighty Officers labor from noon to noon without ceasing. The Adepts of the Great White Brotherhood work in true hierarchical order, according to their qualifications, each having his work in a particular department of the Plan.

It has just been said that the Great White Brotherhood contains the Life-energies of the Logos. As the Logos, when in manifestation, works as a Trinity, so all His energies flow through three Ministers, who are the representatives for this Earth of His triple nature, and who are the channels of the energies of that Triplicity. The Great Triangle, “eternal in the heavens”, is that of the Logos as the First, Second and Third Logos—Shiva, Vishnu and Brahma, or Father, Son and Holy Ghost. Its representation here on the Earth is another Triangle, composed of three Great Adepts, known as the Lord of the World, the Bodhisativa and the Maha-Chohan. The First brings down to humanity the energies of the Atmic or Power aspect of the Logos; the Second, as the World-Teacher, is the channel of His Wisdom aspect, and performs for humanity the mysterious function which is

Ngài so với con người. Chính Các Ngài tạo thành Nền Chính Phủ Nội Tại của Thế Giới.

Mỗi bầu hành tinh trong hệ mặt trời đều có một nhóm các Bộ Trưởng của Ngài, những người thực hiện Thiên Cơ của Ngài cho bầu hành tinh đó. Cơ quan này được gọi là "Thánh Đoàn" của địa cầu, và Thánh Đoàn trên Trái Đất của chúng ta được biết đến trong truyền thống bằng nhiều tên gọi, tên gọi hiện đang được sử dụng chủ yếu là "Đại Huynh Đệ Đoàn Chánh Đạo". Huynh Đệ Đoàn này không chỉ là một hiệp hội của những Siêu Nhân mà là một cơ thể sống chứa đựng Năng Lượng Sự Sống của Hành Tinh Thượng đế. Nó thực sự là một "Đại Hội Quán Bên Trên", mô hình của mọi Đại Hội Quán đã từng có, và các Viên Chức hùng mạnh của nó làm việc từ trưa đến trưa không ngừng nghỉ. Các Chân sư của Đại Huynh Đệ Đoàn Chánh Đạo làm việc theo trật tự huyền giai thực sự, theo trình độ của họ, mỗi người có công việc của mình trong một bộ phận cụ thể của Thiên Cơ.

Vừa rồi có nói rằng Huynh đệ Đoàn Chánh đạo chứa đựng các Sinh mệnh-năng lượng của Hành Tinh Thượng đế. Khi Hành Tinh Thượng đế, lúc trong biểu hiện, hoạt động như một Tam Vị, thì tất cả các năng lượng của Ngài đều chảy qua ba Vị Thượng Sư, vốn là những đại diện cho Trái Đất này về bản chất tam phân của Ngài, và là những kênh dẫn năng lượng của Tam Vị đó. Tam Giác Vĩ Đại, “vĩnh hằng trên các tầng trời”, là Tam Giác của Hành Tinh Thượng đế như là Hành Tinh Thượng đế Thứ Nhất, Thứ Hai và Thứ Ba—Shiva, Vishnu và Brahma, hay Cha, Con và Chúa Thánh Thần. Sự đại diện của nó ở đây trên Trái Đất là một Tam Giác khác, bao gồm ba Chân sư Vĩ Đại, được biết đến là Đức Chúa Tể Thế Giới, Bồ Tát và Maha-Chohan. Vị Thứ Nhất mang xuống cho nhân loại các năng lượng của khía cạnh Atma hay Quyền Năng của Hành Tinh Thượng đế; Vị Thứ Hai, với tư cách là Huấn Sư Thế Giới,

the “Atonement”; the Third is the channel of His Divine Mind, and reveals to earth all those activities which are typical of the Third Logos, the “Holy Ghost”.

Though the Logos in activity is a Trinity, there is an aspect of Him as the Unmanifested; similarly is it with the Triangle of the Hierarchy of this Earth. Behind the Great Three—the King who wills, the Prime Minister who plans, and the General who executes—is a Fourth, the Silent Watcher, who in the last Round was the Lord of the World of our globe, and now “watches and waits” behind the Three, but doing what mighty actions for man and God we scarce can conceive.

The grades of the Hierarchy which rules the world are set down briefly in Fig. 118.

The Head of the Hierarchy is that lofty Being, the Lord of the World, who wills and orders all events on this globe for men and for angels. Within His consciousness is recorded everything which happens on all the seven planes of our globe. Since His aura pervades the entire Earth, He is aware of all that happens within that aura, and no act is so secret but He knows, no injustice so small but He records it.

The King, as He is often named, is not an Adept of our humanity; the position which He holds is too lofty a one to be filled by any Adept of our human evolution. He is a mighty Adept of the great Venus Scheme of Evolution, and came thence six and a half million years ago to take charge of the evolution of this Earth, to

là kênh dẫn của khía cạnh Minh Triết của Ngài, và thực hiện cho nhân loại chức năng huyền bí vốn là “Sự Chuộc Tội”; Vị Thứ Ba là kênh dẫn của Thể Trí Thiêng Liêng của Ngài, và tiết lộ cho trái đất tất cả những hoạt động vốn là điển hình của Hành Tinh Thượng đế Thứ Ba, “Chúa Thánh Thần”.

Mặc dù Hành Tinh Thượng đế trong hoạt động là một Tam Vị, có một khía cạnh của Ngài như là Đấng Không Biểu Hiện; tương tự như vậy với Tam Giác của Thánh Đoàn của Trái Đất này. Đằng sau Ba Đấng Vĩ Đại—Đức Vua người chủ ý, Thủ Tướng người lên kế hoạch, và Vị Tướng người thi hành—là một Đấng Thứ Tư, Người Quan Sát Im Lặng, vốn trong Cuộc Tuần Hoàn cuối cùng là Đức Chúa Tể Thế Giới của địa cầu chúng ta, và giờ “quan sát và chờ đợi” đằng sau Ba Đấng, nhưng thực hiện những hành động mạnh mẽ nào cho con người và Thượng đế mà chúng ta khó có thể hình dung.

Các cấp bậc của Thánh Đoàn vốn cai quản thế giới được trình bày văn tắt trong Hình [118].

Người đứng đầu Thánh Đoàn là Đấng cao cả đó, Đức Chúa Tể Thế Giới, Đấng chủ ý và ra lệnh cho tất cả các sự kiện trên địa cầu này cho con người và cho các thiên thần. Bên trong tâm thức của Ngài được ghi lại mọi thứ xảy ra trên tất cả bảy cõi của địa cầu chúng ta. Vì hào quang của Ngài lan tỏa khắp Trái Đất, Ngài nhận thức được mọi điều xảy ra bên trong hào quang đó, và không hành động nào bí mật đến mức Ngài không biết, không bất công nào nhỏ đến mức Ngài không ghi lại.

Đức Vua, như Ngài thường được gọi, không phải là một Chân sư của nhân loại chúng ta; vị trí mà Ngài nắm giữ quá cao cả để bất kỳ Chân sư nào của sự tiến hóa nhân loại chúng ta có thể đảm nhiệm. Ngài là một Chân sư hùng mạnh của Hệ Tiến Hóa Sao Kim vĩ đại, và đến từ đó sáu triệu rưỡi năm trước để phụ trách sự

succeed a predecessor who had taken charge when humanity had been transferred from the Moon Chain to the Earth Chain. Without His fiat, none can be admitted into the Great White Brotherhood, and it is His Star which flashes in assent over the head of the Adept Initiator, as a sign that He accepts the initiate into His Brotherhood. Hindu tradition, which knows of Him, calls Him Sanat Kumara; the “Eternal Virgin-Youth”, for His Body, though physical, is not born of woman, but was made by *kriyashatki*, or will-power, and it never ages; and He is in appearance not a man but a “Youth or sixteen summers”. He is the Will of the Logos incarnate for men, and yet is His mighty Love as vast as the ocean.

Round Him stand the Four Great Devarajas, or the Rulers of the Elements, who adjust the karmas of men, and great Devas or Angels are as His ministers, ready to do His bidding. All earthly kings, whose dynasties have gained His Benediction as a recognition of their selfless service for men, have that mysterious “divine right of kings” as a part of their invisible heritage. When the crown of England is set upon the head of her King, a far-off reminiscence of the tradition as to the Great King of the World is seen in the little globe which is placed in the King’s left hand, and in the sceptre, or Rod of Power, which is placed in his right. For of a truth, this Earth of ours, large though it be to us, does lie in the hollow of His Hand, and verily not a sparrow

tiến hóa của Trái Đất này, để kế nhiệm một người tiền nhiệm đã phụ trách khi nhân loại được chuyển từ Dây Mặt Trăng sang Dây Địa Cầu. Nếu không có sắc lệnh của Ngài, không ai có thể được nhận vào Huynh đệ Đoàn Chánh đạo, và Chính Ngôi Sao của Ngài lóe lên đồng ý trên đầu của Chân sư Điểm đạo, như một dấu hiệu cho thấy Ngài chấp nhận điểm đạo đồ vào Huynh đệ Đoàn của Ngài. Truyền thống Hindu, vốn biết về Ngài, gọi Ngài là Sanat Kumara; “Trinh-Niên Vĩnh Hằng”, vì Thể Xác của Ngài, mặc dù là thể xác, không phải do người nữ sinh ra, mà được tạo ra bởi *kriyashatki*, hay ý chí, và nó không bao giờ già đi; và về hình dáng Ngài không phải là một người đàn ông mà là một “Thanh Niên mười sáu xuân xanh”. Ngài là Ý Chí của Hành Tinh Thượng để hóa thân cho con người, và tuy nhiên Tình Thương vĩ đại của Ngài cũng bao la như đại dương.

Quanh Ngài là Bốn Đại Devaraja, hay những Đấng Cai Trị các Nguyên Tố, vốn điều chỉnh nghiệp quả của con người, và các Deva hay Thiên Thần vĩ đại là các vị thượng sứ của Ngài, sẵn sàng làm theo lệnh của Ngài. Tất cả các vị vua trần thế, có triều đại đã nhận được Phước Lành của Ngài như một sự công nhận về sự phụng sự vô kỷ của họ cho con người, đều có “quyền thiêng liêng của các vị vua” bí ẩn đó như một phần di sản vô hình của họ. Khi vương miện của nước Anh được đội lên đầu Vua của họ, một ký ức xa xôi về truyền thống liên quan đến Đại Vua của Thế Giới được thấy trong quả cầu nhỏ được đặt trong tay trái của Vua, và trong vương trượng, hay Thần Trượng Quyền Năng, được đặt ở tay phải của ông. Vì sự thật là, Trái Đất của chúng ta, dù lớn đối với

falls but He knows.

With Him are three Pupils and Assistants, who also came from Venus; They are named in Hindu tradition Sanandana, Sanaka and Sanarana, and all the glorious Four are called “mind-born Sons of Brahma” and “Lords of the Flame”. The four Lords of the Flame have been also called “the Head, the Heart, the Soul and the Seed of undying knowledge”. When the life wave shall pass from Earth to Mercury, it is these Three who will become in turn Lords of Mercury, and guide all evolution on that globe. They are known in Buddhism as Pratyeka Buddhas, the “solitary Buddhas”; for They do not teach, or establish world-religions. They are on the First or ruling Ray, while the Buddhas are on the Second or teaching Ray. Though They stand at the level of the Buddhas, Theirs is not the role of World-Teachers. Hence the curiously misleading description in popular Buddhism of Them as “solitary” or “selfish” Buddhas, who “cannot” teach. Their love is as great as that of the Buddhas, but They give to men Power, not Wisdom.

The Buddha Initiation is the highest achievement on this Earth on the Second Ray, and it is taken by a Bodhisattva or World-Teacher as the crown of His work of ages for humanity. After founding religion after religion, [a Bodhisattva] gathers, in the last of His lives, all His pupils who are ready to enter

chúng ta, nằm trong lòng Bàn Tay của Ngài, và quả thật không một con chim sẻ nào rơi xuống mà Ngài không biết.

Cùng với Ngài là ba Đệ Tử và Phụ Tá, những người cũng đến từ Sao Kim; Họ được gọi trong truyền thống Hindu là Sanandana, Sanaka và Sanarana, và cả Bốn vị vinh quang đều được gọi là “Các Con do trí tuệ sinh ra của Brahma” và “Các Chúa Tể của Ngọn Lửa”. Bốn Chúa Tể của Ngọn Lửa cũng được gọi là “Đầu, Tim, Linh Hồn và Hạt Giống của tri thức bất diệt”. Khi làn sóng sự sống sẽ đi từ Trái Đất đến Sao Thủy, chính Ba Đấng này sẽ lần lượt trở thành Các Chúa Tể của Sao Thủy, và hướng dẫn tất cả sự tiến hóa trên địa cầu đó. Họ được biết đến trong Phật giáo là Pratyeka Phật, “những vị Phật đơn độc”; vì Các Ngài không giảng dạy, hoặc thiết lập các tôn giáo thế giới. Các Ngài ở trên Cung Thứ Nhất hay cung cai quản, trong khi các vị Phật ở trên Cung Thứ Hai hay cung giảng dạy. Mặc dù Các Ngài đứng ở cấp độ của các vị Phật, vai trò của Các Ngài không phải là Huấn Sư Thế Giới. Do đó, có sự mô tả gây hiểu lầm kỳ lạ trong Phật giáo phổ biến về Các Ngài như là những vị Phật “đơn độc” hay “ích kỷ”, những người “không thể” giảng dạy. Tình thương của Các Ngài cũng vĩ đại như của các vị Phật, nhưng Các Ngài ban cho con người Quyền Năng, không phải Minh Triết.

Cuộc Điểm Đạo của Đức Phật là thành tựu cao nhất trên Trái Đất này trên Cung Thứ Hai, và nó được thực hiện bởi một Bồ Tát hay Huấn Sư Thế Giới như là đỉnh cao trong công việc hàng ngàn năm của Ngài cho nhân loại. Sau khi sáng lập hết tôn giáo này đến tôn giáo khác, [một Bồ Tát] tập hợp, trong kiếp sống cuối cùng của

the various grades of Initiation, and He reincarnates on earth with them. Then He establishes a world-religion, and after the work of that physical body is over, He passes to loftier work on other planes. As He passes from humanity, He hands over to His successor the duties of the World-Teacher. The last of the Buddhas was the Buddha Gautama, and His successor in the office of World-Teacher is the Bodhisattva Maitreya, already called by Buddhist tradition Maitreya Buddha, in anticipation of His future office.

On all the remaining five Rays, from the Third to the Seventh, the highest Initiation, as a member of our humanity, is that of the Maha-Chohan. This office is held by only one Adept at a time. According to the dominant influence in evolution, at any given epoch, of a Ray and its sub-rays, is the type of Adept who holds the position of Maha-Chohan. He is the great “Keeper of the Records” of the evolutionary processes of the globe, and supervises and directs all the activities of the members of the Great Brotherhood, as stage by stage They develop the Great Plan. He has been described as one “to whose insight the future lies like an open page”.

The Adept of the First Ray who takes the Fifth Initiation usually enters thereafter upon the arduous duties of the Manu of a Root-race on a globe. His work has already begun with the slow selection of the Egos who are going to work under Him at the commencement of the new race, and through all the successive sub-races as they appear one by one. During the hundreds of thousands of years of the history

Ngài, tất cả các đệ tử của Ngài, những người đã sẵn sàng bước vào các cấp bậc Điểm Đạo khác nhau, và Ngài tái sinh trên trái đất với họ. Sau đó, Ngài thiết lập một tôn giáo thế giới, và sau khi công việc của thể xác đó kết thúc, Ngài chuyển sang công việc cao cả hơn trên các cõi khác. Khi Ngài rời khỏi nhân loại, Ngài trao lại cho người kế nhiệm của Ngài các nhiệm vụ của Huấn Sư Thế Giới. Vị Phật cuối cùng là Đức Phật Gautama, và người kế nhiệm của Ngài trong chức vụ Huấn Sư Thế Giới là Bồ Tát Maitreya, đã được truyền thống Phật giáo gọi là Phật Di Lặc, để dự đoán về chức vụ tương lai của Ngài.

Trên tất cả năm Cung còn lại, từ Cung Thứ Ba đến Cung Thứ Bảy, Cuộc Điểm Đạo cao nhất, với tư cách là một thành viên của nhân loại chúng ta, là của Maha-Chohan. Chức vụ này chỉ được nắm giữ bởi một Chân sư tại một thời điểm. Theo ảnh hưởng chi phối trong sự tiến hóa, vào bất kỳ thời đại nào, của một Cung và các cung phụ của nó, là loại Chân sư nắm giữ vị trí Maha-Chohan. Ngài là “Người Giữ Gìn Hồ Sơ” vĩ đại về các quá trình tiến hóa của địa cầu, và giám sát và chỉ đạo tất cả các hoạt động của các thành viên của Đại Huynh đệ Đoàn, khi Các Ngài từng bước phát triển Thiên Cơ Vĩ Đại. Ngài đã được mô tả là một người “mà đối với cái nhìn sâu sắc của người đó, tương lai nằm như một trang sách mở”.

Vị Chân sư của Cung Thứ Nhất, người thực hiện Cuộc Điểm Đạo Thứ Năm, thường sau đó bước vào các nhiệm vụ gian khổ của Manu của một Giống dân gốc trên một địa cầu. Công việc của Ngài đã bắt đầu với việc chậm rãi lựa chọn các chân ngã, những người sẽ làm việc dưới quyền Ngài khi bắt đầu giống dân mới, và thông qua tất cả các giống dân phụ kế tiếp khi chúng xuất hiện lần lượt. Trong hàng trăm

of a Root-race, He directs as its Manu the building of variant after variant of the sub-races, and Himself incarnates in each sub-race to set the form for it. After His work as Manu is completed, He passes on to take the Eighth Initiation as a Pratyeka Buddha, and aeons later to take the Ninth Initiation, that of a Lord of the World. Only two Manus now remain with humanity, the Manu Chakshusha who founded the Fourth Root-race, the Atlantean, over a million years ago, and the ManuVaivasvata, who founded the Fifth Root-race, the Aryan, about sixty thousand years ago.

A careful study of Fig. 118 will show that, on all the seven Rays, there are Adepts up to the level of the Asekha Initiation³². At this stage, the Adept can make one of seven choices, as to his future work (see Fig.73). If he decides to continue to work with our humanity, he works on and finally takes the Sixth Initiation. After this, he may, if he so chooses, leave his work with humanity, and take up work elsewhere. But if he decides to continue with humanity, he then qualifies himself to be a Manu, or a Bodhisattva, or a Maha-Chohan, and takes the Seventh Initiation³³. The Adept who is a Maha-Chohan, after his period of office is over, once more makes his “choice”. If he chooses still to continue to work with humanity as an official of the Hierarchy, he must transfer himself to the First or the Second Ray, in order to proceed to take the Eighth Initiation. Similarly, the Adept who

ngàn năm lịch sử của một Giống dân gốc, Ngài chỉ đạo với tư cách là Manu của nó việc xây dựng hết biến thể này đến biến thể khác của các giống dân phụ, và chính Ngài hóa thân trong mỗi giống dân phụ để thiết lập hình thức cho nó. Sau khi công việc của Ngài với tư cách là Manu hoàn thành, Ngài tiếp tục thực hiện Cuộc Điểm Đạo Thứ Tám với tư cách là một Pratyeka Phật, và hàng tỷ năm sau đó thực hiện Cuộc Điểm Đạo Thứ Chín, đó là của một Đức Chúa Tể Thế Giới. Chỉ có hai Manu hiện vẫn còn với nhân loại, Manu Chakshusha, người đã sáng lập Giống dân gốc Thứ Tư, Atlantis, hơn một triệu năm trước, và Manu Vaivasvata, người đã sáng lập Giống dân gốc Thứ Năm, Arya, khoảng sáu mươi ngàn năm trước.

Một nghiên cứu cẩn thận về Hình [118] sẽ cho thấy rằng, trên tất cả bảy Cung, có những Chân sư lên đến cấp độ Điểm Đạo Asekha. Ở giai đoạn này, Chân sư có thể đưa ra một trong bảy lựa chọn, về công việc tương lai của mình (xem Hình [73]). Nếu y quyết định tiếp tục làm việc với nhân loại chúng ta, y sẽ tiếp tục làm việc và cuối cùng thực hiện Cuộc Điểm Đạo Thứ Sáu. Sau đó, y có thể, nếu y chọn như vậy, rời bỏ công việc của mình với nhân loại và đảm nhận công việc ở nơi khác. Nhưng nếu y quyết định tiếp tục với nhân loại, thì y sẽ tự đủ điều kiện để trở thành một Manu, hoặc một Bồ Tát, hoặc một Maha-Chohan, và thực hiện Cuộc Điểm Đạo Thứ Bảy. Vị Chân sư là một Maha-Chohan, sau khi thời gian tại vị của y kết thúc, một lần nữa đưa ra “lựa chọn” của mình. Nếu y vẫn chọn tiếp tục làm việc với nhân loại với tư cách là một quan chức của Thánh Đoàn, y phải chuyển mình sang Cung Thứ Nhất hoặc Thứ

³² The first, second, third and fourth Initiations will be dealt with in the next Chapter, “The Path of Discipleship”.

³³ There are, however, Adepts on both the First and Second Rays who have taken the Seventh Initiation, and who do not hold the offices of Manu or Bodhisattva, but do other work in the Great Plan.

holds the office of Buddha, if he chooses still to take office in the Hierarchy, must transfer himself to the First Ray to take the Ninth Initiation.

The Adepts of any Ray, who leave humanity from the Asekha level upwards, will take elsewhere those Initiations for which they have not qualified themselves on this globe. One Ray is not better than another. All the Initiations can be taken on all the Rays. But since only three Lords of the World are required during a world-period, and only seven Manus and seven Buddhas, and only a certain number of Maha-Chohans, not all Adepts as a matter of fact qualify for these offices, and the majority of them “enter Nirvana” after the Asekha Initiation, and pass on to forms of work which do not bring them directly in touch any more with our humanity.

The work of the world, visible and invisible, is under the direction of the Adepts of the Great White Brotherhood. Into Their hands the Logos commits His Power, Wisdom and Love, and They distribute the energy of the Logos into all the many departments of human activity. Religion and philosophy, science and art, commerce and development, are inspired and guided by Them; either incarnating among men, or from the invisible, They move men and nations as pawns on a board, striving to win over men to cooperate with the Divine Plan. They are constantly hindered in Their work by the unwillingness of men; yet since They may not coerce men’s wills, They toil with a patience which has no bounds, and They inspire and guide all, brooding over men’s good and evil with infinite love and understanding.

Hai, để tiến hành thực hiện Cuộc Điểm Đạo Thứ Tám. Tương tự, vị Chân sư nắm giữ chức vụ Phật, nếu y vẫn chọn đảm nhận chức vụ trong Thánh Đoàn, phải chuyển mình sang Cung Thứ Nhất để thực hiện Cuộc Điểm Đạo Thứ Chín.

Các Chân sư của bất kỳ Cung nào, những người rời bỏ nhân loại từ cấp độ Asekha trở lên, sẽ thực hiện ở nơi khác những Cuộc Điểm Đạo mà họ chưa đủ điều kiện trên địa cầu này. Một Cung không tốt hơn Cung khác. Tất cả các Cuộc Điểm Đạo có thể được thực hiện trên tất cả các Cung. Nhưng vì chỉ có ba Đức Chúa Tế Thế Giới là cần thiết trong một giai đoạn thế giới, và chỉ có bảy Manus và bảy vị Phật, và chỉ một số lượng nhất định Maha-Chohan, không phải tất cả các Chân sư trên thực tế đều đủ điều kiện cho các chức vụ này, và phần lớn trong số họ “bước vào Niết Bàn” sau Cuộc Điểm Đạo Asekha, và chuyển sang các hình thức công việc không còn mang họ trực tiếp tiếp xúc với nhân loại chúng ta nữa.

Công việc của thế giới, hữu hình và vô hình, nằm dưới sự chỉ đạo của các Chân sư của Đại Huynh đệ Đoàn Chánh đạo. Vào Bàn Tay của Các Ngài, Hành Tinh Thượng để giao phó Quyền Năng, Minh Triết và Tình Thương của Ngài, và Các Ngài phân phối năng lượng của Hành Tinh Thượng để vào tất cả các bộ phận hoạt động của con người. Tôn giáo và triết học, khoa học và nghệ thuật, thương mại và phát triển, được Các Ngài truyền cảm hứng và hướng dẫn; hoặc hóa thân giữa con người, hoặc từ vô hình, Các Ngài di chuyển con người và các quốc gia như những con tốt trên bàn cờ, cố gắng thu phục con người hợp tác với Thiên Cơ. Các Ngài liên tục bị cản trở trong công việc của Các Ngài bởi sự không sẵn lòng của con người; tuy nhiên, vì Các Ngài không thể ép buộc ý chí của con người, Các Ngài làm việc với sự kiên nhẫn vô bờ bến, và Các Ngài truyền cảm hứng và hướng dẫn tất cả, suy ngẫm về

The “Everlasting Arms” of the Great Brothers enfold humanity, and while They labor to complete the Plan, no ultimate failure is possible for mankind. Because They, once weak and sinful as we are today, have now achieved Perfection, the vision of our Perfection some day is not a dream but a reality. In Their love is our comfort, and in Their strength is our peace and salvation. To serve Them is to gain the certainty that all things move in the direction of the Good, the True and the Beautiful; to be accepted by Them as Their assistants and helpers is to enter on the Path that leads to Deification.

điều tốt và điều xấu của con người với tình thương và sự thấu hiểu vô hạn.

“Vòng Tay Vĩnh Cửu” của Các Huynh Trưởng Vĩ Đại bao bọc nhân loại, và trong khi Các Ngài lao động để hoàn thành Thiên Cơ, không có thất bại cuối cùng nào là có thể đối với nhân loại. Bởi vì Các Ngài, từng yếu đuối và tội lỗi như chúng ta ngày nay, giờ đã đạt được Sự Hoàn Hảo, tầm nhìn về Sự Hoàn Hảo của chúng ta một ngày nào đó không phải là một giấc mơ mà là một thực tế. Trong tình thương của Các Ngài là sự an ủi của chúng ta, và trong sức mạnh của Các Ngài là sự bình an và cứu rỗi của chúng ta. Phụng sự Các Ngài là để đạt được sự chắc chắn rằng mọi thứ đều di chuyển theo hướng Thiện, Chân và Mỹ; được Các Ngài chấp nhận làm phụ tá và người giúp đỡ của Các Ngài là bước vào Thánh Đạo dẫn đến Sự Thần Thánh Hóa.

CHƯƠNG XV

THE PATH OF DISCIPLESHIP—CON ĐƯỜNG ĐỆ TỬ

As the Ancient Wisdom unfolds to the gaze of the seeker the majestic Plan of Evolution, there are some whose hearts burn within them with an overwhelming longing to consecrate themselves to that Plan. All things in life lose their savor after the Heavenly Vision is seen, and nothing thenceforth is possible except to give utterly, holding back nothing, to an Ideal of service, devotion or renunciation. The noblest impulses in man are the manifestations on earthly levels of an expansion of consciousness in the heavenly realms; the vision of an ideal brings with it the promise of its attainment. For within man is the Way, the Truth and the Life; he only needs to be roused from his lethargy to see the Light which burns in his Soul.

The awakening of the soul has many stages, and the influences of all forms of culture are brought to bear on him, to make the Divine Spark within him to shine forth as a flame. In the long history of the soul's unfolding of consciousness, there comes the stage when he is clearly recognizable as committed not to self-seeking but to altruism. The soul is then on earth the man or woman of ideals, who, however often he or she may betray the ideal, never finally renounces it, though the cost is suffering and martyrdom.

It is at this stage that there enters into the soul's life One who shall guide his expansion of consciousness to greater heights of realization. This is a "Father in God", a Master of the Wisdom, who has watched the soul's struggles, life after life, to be true to his ideal;

Khi Minh Triết Ngàn Đời mở ra trước mắt người tìm kiếm Thiên Cơ Tiến Hóa hùng vĩ, có một số người có trái tim bùng cháy bên trong họ với một khát khao mãnh liệt để hiến dâng bản thân cho Thiên Cơ đó. Mọi thứ trong cuộc sống đều mất đi hương vị sau khi Tầm Nhìn Thiêng Liêng được nhìn thấy, và không có gì sau đó là có thể ngoại trừ việc dâng hiến hoàn toàn, không giữ lại gì, cho một Lý Tưởng phụng sự, tận tâm hoặc từ bỏ. Những thôi thúc cao quý nhất trong con người là những biểu hiện trên các cấp độ trần thế của sự mở rộng tâm thức trong các cõi thiên đường; tầm nhìn về một lý tưởng mang theo lời hứa về sự đạt được nó. Vì bên trong con người là Thánh Đạo, Chân Lý và Sự Sống; y chỉ cần được đánh thức khỏi sự hôn mê của mình để nhìn thấy Ánh Sáng đang bùng cháy trong Linh Hồn của y.

Sự thức tỉnh của linh hồn có nhiều giai đoạn, và những ảnh hưởng của tất cả các hình thức văn hóa được đưa ra để tác động lên y, để làm cho Tia Lửa Thiêng Liêng bên trong y tỏa sáng như một ngọn lửa. Trong lịch sử lâu dài về sự mở ra tâm thức của linh hồn, có một giai đoạn khi y được nhận ra rõ ràng là cam kết không tìm kiếm bản thân mà là vị tha. Linh hồn khi đó trên trái đất là người nam hay người nữ của những lý tưởng, người mà dù thường xuyên phản bội lý tưởng đến đâu, cuối cùng không bao giờ từ bỏ nó, mặc dù cái giá phải trả là đau khổ và tử đạo.

Chính ở giai đoạn này, có Một Đấng bước vào cuộc sống của linh hồn, Đấng sẽ hướng dẫn sự mở rộng tâm thức của y đến những tầm cao nhận thức lớn hơn. Đây là một "Người Cha trong Thượng đế", một Chân sư của Minh Triết, người đã theo dõi những đấu tranh của

He now comes to make a bond with the soul as Master to disciple.

linh hồn, hết kiếp này đến kiếp khác, để trung thành với lý tưởng của mình; Giờ đây, Ngài đến để tạo mối liên kết với linh hồn với tư cách là Chân sư với đệ tử.

The stages on the Path of Discipleship, leading upwards from the man of ideals to the Initiate of the Great White Brotherhood, are given in Fig. 119.

Các giai đoạn trên Con Đường Đệ Tử, dẫn lên từ người của những lý tưởng đến Điểm Đạo Đồ của Đại Huynh đệ Đoàn Chánh đạo, được đưa ra trong Hình [119].

Những điều kiện cần thiết cho sự Điểm Đạo	
1	Sự phân biện
2	Sự Vô Dục
3	Sáu điểm về Hạnh Kiểm: I. Tự chế ngự Thể Trí II. Tự chủ trong Hành Động III. Sự Bao Dung IV. Sự Vui Vẻ V. Sự Nhất Tâm VI. Sự Tự Tin
4	Bác Ái

Hình. 120

The first stage is that of the Probationary Pupil, when a Master of the Wisdom puts the aspirant "on Probation". This is done either on the physical or the astral plane, but more usually on the latter. At the Master's command, the aspirant is conducted to Him by a senior pupil, and the Master formally puts the candidate on Probation. It is at this time that the Master makes what is known as the "living image"; it is a living replica, fashioned

Giai đoạn đầu tiên là giai đoạn của Đệ Tử Dự Bị, khi một Chân sư Minh Triết đặt người chí nguyện vào "giai đoạn Dự Bị". Điều này được thực hiện trên cõi hồng trần hoặc cõi cảm dục, nhưng thường là trên cõi cảm dục hơn. Theo lệnh của Chân sư, người chí nguyện được một đệ tử thâm niên dẫn đến Ngài, và Chân sư chính thức đặt người đó vào giai đoạn Dự Bị. Vào thời điểm này, Chân sư tạo ra cái được gọi là "hình ảnh sống"; đó là một bản sao sống

by the Master's will, of the pupil's astral and mental bodies. The living image is kept near the Master, and it is so magnetically connected with the pupil that it records perfectly the effects of the latter's thoughts and emotions as he does his work in life. The Master examines frequently this living image, to note how far the pupil is succeeding or failing. Needless to say, when He so examines, it is not merely as judge; He sends through the living image to the pupil such purification and strengthening as the latter will allow himself to receive.

The act of being put on Probation is the response to a demand, made by the pupil to the Guardians of Humanity, to be given opportunities for a swifter evolution than is normal with the generality of mankind. The response brings with it a readjustment of the individual's karma. This karmic readjustment has the aim: (1) of freeing the individual slowly from such types of karma as handicap him from exercising a greater usefulness; (2) of giving him opportunities for a wider knowledge, especially the knowledge of the hidden truths of nature; (3) of bringing to him new opportunities for self-expression through Service.

The Probation or *proving* of the pupil consists in testing him, to see how far he can withstand the shocks of his karma, and remain without diminishing his altruism, in spite of the fact that his life becomes more barren of those satisfactions and delights which make life worth living for most men. He is also tested to see if, as a worker, he can sufficiently adapt himself to be a worker in the Master's plan. For each Master of the Wisdom is the center of a large number of activities, which He has undertaken to foster as His contribution to the Plan of the Logos; an aspirant, therefore, is put

động, được tạo ra bởi ý chí của Chân sư, về thể cảm dục và thể trí của đệ tử. Hình ảnh sống được giữ gần Chân sư, và nó được kết nối từ tính với đệ tử đến mức nó ghi lại một cách hoàn hảo những ảnh hưởng từ tư tưởng và cảm xúc của người đó khi y thực hiện công việc của mình trong cuộc sống. Chân sư thường xuyên xem xét hình ảnh sống này, để ghi nhận mức độ thành công hay thất bại của đệ tử. Không cần phải nói, khi Ngài xem xét như vậy, đó không chỉ là với tư cách là người phán xét; Ngài gửi qua hình ảnh sống đến đệ tử sự thanh lọc và tăng cường mà người đó sẽ cho phép bản thân nhận được.

Hành động được đưa vào giai đoạn Dự Bị là sự đáp ứng cho một yêu cầu, do đệ tử đưa ra cho Các Đấng Bảo Hộ Nhân Loại, để được tạo cơ hội cho một sự tiến hóa nhanh hơn so với bình thường đối với phần lớn nhân loại. Sự đáp ứng mang theo nó một sự điều chỉnh lại nghiệp quả của cá nhân. Sự điều chỉnh nghiệp quả này có mục đích: (1) giải phóng cá nhân một cách chậm rãi khỏi những loại nghiệp quả vốn cản trở y phát huy sự hữu ích lớn hơn; (2) tạo cho y cơ hội để có được kiến thức rộng hơn, đặc biệt là kiến thức về những chân lý ẩn giấu của tự nhiên; (3) mang đến cho y những cơ hội mới để tự thể hiện thông qua Phụng sự.

Giai đoạn Dự Bị hay chứng minh của đệ tử bao gồm việc thử thách y, để xem y có thể chịu đựng được những cú sốc của nghiệp quả của mình đến mức nào, và vẫn giữ được lòng vị tha của mình mà không hề suy giảm, mặc dù thực tế là cuộc sống của y trở nên cần cỗi hơn những sự thỏa mãn và thú vui vốn làm cho cuộc sống đáng sống đối với hầu hết mọi người. Y cũng được thử thách để xem liệu, với tư cách là một người làm việc, y có thể thích nghi đủ để trở thành một người làm việc trong thiên cơ của Chân sư hay không. Vì mỗi Chân sư Minh Triết là trung tâm của một số lượng lớn các hoạt

on Probation less to gain knowledge from the Master and, more to train himself to be an apprentice to help the Master in His work. The probationary pupil must therefore be ready, if necessary, to change his methods of work to fit himself to those of his Master; he must be ready to cooperate with his fellow-apprentices; and in all ways he must prove that an Ideal of work weighs more with him than his personal satisfaction as a worker.

When a Master takes an aspirant as a probationary pupil, it is usually with the expectation of presenting him for Initiation in that life. It does not follow that the pupil will succeed because a Master has responded to his aspiration; he has earned a karmic right to be given the opportunity, but what he makes of that opportunity depends on himself. Still, if he “means business”, and will allow himself to be guided by the senior pupils of his Master, he is more likely to succeed than to fail.

If he strenuously works at the qualifications for Initiation, then the Will to Good inherent in nature will help him with illumination and strength. These qualifications are given in tabular form in Fig. 120; they are taken from *At the Feet of the Master*, by J. Krishnamurti. The author of that priceless gem gives the explanations and comments on them which were given to him by his Master when he was prepared for Initiation. The aspirant who is seeking the Master cannot do better than take that little book, study it, and live it. If, after seven years of testing, the pupil on Probation is found to have grown in self-sacrifice to man and to God, his Master then finally receives the

động, mà Ngài đã đảm nhận để thúc đẩy như là sự đóng góp của Ngài vào Thiên Cơ của Hành Tinh Thượng đế; do đó, một người chí nguyện được đưa vào giai đoạn Dự Bị không phải để đạt được kiến thức từ Chân sư mà là để rèn luyện bản thân trở thành một người học việc để giúp Chân sư trong công việc của Ngài. Do đó, đệ tử dự bị phải sẵn sàng, nếu cần thiết, thay đổi phương pháp làm việc của mình để phù hợp với phương pháp của Chân sư; y phải sẵn sàng hợp tác với những người học việc khác; và bằng mọi cách, y phải chứng minh rằng một Lý Tưởng về công việc có giá trị hơn đối với y so với sự hài lòng cá nhân của y với tư cách là một người làm việc.

Khi một Chân sư nhận một người chí nguyện làm đệ tử dự bị, thông thường là với kỳ vọng giới thiệu y cho Cuộc Điểm Đạo trong kiếp đó. Không phải lúc nào đệ tử cũng thành công vì một Chân sư đã đáp ứng nguyện vọng của y; y đã giành được một quyền nghiệp quả để được trao cơ hội, nhưng những gì y tạo ra từ cơ hội đó phụ thuộc vào chính y. Tuy nhiên, nếu y “nghiêm túc” và sẽ cho phép bản thân được hướng dẫn bởi các đệ tử thâm niên của Chân sư, thì y có nhiều khả năng thành công hơn là thất bại.

Nếu y ra sức làm việc để đạt được các phẩm chất cho Cuộc Điểm Đạo, thì Ý Chí hướng Thiện vốn có trong tự nhiên sẽ giúp y có được sự soi sáng và sức mạnh. Những phẩm chất này được trình bày dưới dạng bảng trong Hình [120]; chúng được lấy từ Dưới Chân Thầy, của J. Krishnamurti. Tác giả của viên ngọc vô giá đó đưa ra những lời giải thích và bình luận về chúng mà Chân sư của Ông đã đưa ra cho Ông khi Ông được chuẩn bị cho Cuộc Điểm Đạo. Người chí nguyện đang tìm kiếm Chân sư không thể làm gì tốt hơn là lấy cuốn sách nhỏ đó, nghiên cứu nó và sống theo nó. Nếu, sau bảy năm thử thách, người đệ tử trong giai đoạn Dự Bị được phát hiện là đã trưởng thành

pupil into the stage of Acceptance. The living image is dissolved, and the Master makes with the accepted pupil an inward link which, even if temporarily broken by the pupil through failure, will in all lives to come be felt as drawing him to his Master.

trong sự hy sinh bản thân cho nhân loại và cho Thượng đế, thì Chân sư của y cuối cùng sẽ nhận người đệ tử vào giai đoạn Chấp Nhận. Hình ảnh sống bị hòa tan, và Chân sư tạo ra với người đệ tử được chấp nhận một mối liên kết nội tại, ngay cả khi bị người đệ tử tạm thời phá vỡ do thất bại, thì trong tất cả các kiếp sau này sẽ được cảm nhận như là đang kéo y đến với Chân sư của mình.

CÁC GIAI ĐOẠN TRÊN ĐƯỜNG ĐẠO	
5	ASEKHA — CHÂN SƯ
4	ARHAT — BẬC TÔN GIẢ
3	ANĀGĀMI — BẬC BẤT LAI
2	SAKADĀGAMI — BẬC NHẤT LAI
1	SOTĀPANNA — BẬC NHẬP LƯU

HÌNH 121

When accepted, the pupil is given the right to a mystical experience, which is of the greatest inspiration to him in his work. When any matter arises which he cannot decide out of his own experience, he may test his judgment by the judgment of the Master on the matter. This is done by raising his consciousness for the moment so as to touch the fringe of his Master's consciousness. If he can free himself of the prejudices of his personality, and knows how to guard himself against the idiosyncrasies of his temperament, then such a possibility of testing his judgment by the criterion of the Master is one of the greatest privileges in life to which the pupil can attain. It enables him to distinguish between what is

Khi được chấp nhận, người đệ tử được trao quyền trải nghiệm một kinh nghiệm huyền bí, vốn là nguồn cảm hứng lớn nhất cho y trong công việc của mình. Khi có bất kỳ vấn đề nào phát sinh mà y không thể quyết định dựa trên kinh nghiệm của bản thân, y có thể kiểm tra phán đoán của mình bằng phán đoán của Chân sư về vấn đề đó. Điều này được thực hiện bằng cách nâng cao tâm thức của mình trong giây lát để chạm vào rìa tâm thức của Chân sư. Nếu y có thể giải phóng bản thân khỏi những thành kiến của phàm ngã, và biết cách bảo vệ mình khỏi những đặc điểm riêng của khí chất của mình, thì khả năng kiểm tra phán đoán của mình bằng tiêu chí của Chân sư là một trong những đặc ân lớn nhất trong cuộc sống

more useful and less useful, between what is more helpful and less helpful, as he works for men in the name of his Master.

There are some pupils put upon Probation who have shortened the usual seven years between Probation and Acceptance into one year, or even less; but such fortunate souls are few, for it means that behind them, as they enter upon Probation, there exists a great accumulated karma of Service, which gives them the strength and the opportunities which others have not earned. The interval of time between the various stages on the Probationary Path depends upon the initiative and the capabilities of the pupil; if he is forceful and determined, he may override obstacle after obstacle and “enter the Path” swiftly; or, if he lets opportunities slip by, he may spend decades in one stage before passing to the next. All pupils, without distinction, receive the inspiration of the Master, but each assimilates from it according to his capacity.

A still closer link between Master and pupil takes place at the next stage, when the pupil becomes the “Son of the Master”. More and more the pupil’s hopes and dreams begin to reflect the wondrous life which the Master lives among His peers, and slowly the pupil becomes as a cell in the living organism of his Master. He grows to be a ray of his Master’s consciousness, and he comes to possess a depth of wisdom which is not his, but is given to him for use by his Father in God.

Nevermore can the pupil be alone; in griefs and in joys, in darkness and in light, the Master’s consciousness enfolds that of the pupil, even though at times the pupil may not

mà người đệ tử có thể đạt được. Nó cho phép y phân biệt giữa những gì hữu ích hơn và ít hữu ích hơn, giữa những gì hữu ích hơn và ít hữu ích hơn, khi y làm việc cho mọi người nhân danh Chân sư của mình.

Có một số đệ tử được đưa vào giai đoạn Dự Bị đã rút ngắn bảy năm thông thường giữa giai đoạn Dự Bị và Chấp Nhận xuống còn một năm, hoặc thậm chí ít hơn; nhưng những linh hồn may mắn như vậy rất ít, vì điều đó có nghĩa là đằng sau họ, khi họ bước vào giai đoạn Dự Bị, tồn tại một nghiệp quả Phụng sự tích lũy lớn, mang lại cho họ sức mạnh và cơ hội mà những người khác chưa giành được. Khoảng thời gian giữa các giai đoạn khác nhau trên Con Đường Dự Bị phụ thuộc vào sáng kiến và khả năng của người đệ tử; nếu y mạnh mẽ và quyết tâm, y có thể vượt qua hết trở ngại này đến trở ngại khác và nhanh chóng “bước vào Con Đường”; hoặc, nếu y để những cơ hội trôi qua, y có thể trải qua hàng thập kỷ ở một giai đoạn trước khi chuyển sang giai đoạn tiếp theo. Tất cả các đệ tử, không phân biệt, đều nhận được nguồn cảm hứng từ Chân sư, nhưng mỗi người đồng hóa từ đó theo khả năng của mình.

Một mối liên kết chặt chẽ hơn nữa giữa Chân sư và đệ tử diễn ra ở giai đoạn tiếp theo, khi người đệ tử trở thành “Con của Chân sư”. Ngày càng có nhiều hy vọng và ước mơ của người đệ tử bắt đầu phản ánh cuộc sống kỳ diệu mà Chân sư đang sống giữa Các Ngài đồng đẳng của Ngài, và từ từ người đệ tử trở thành một tế bào trong cơ thể sống của Chân sư. Y phát triển thành một tia tâm thức của Chân sư, và y sở hữu một chiều sâu minh triết không phải của y, mà được Cha của y ban cho để sử dụng trong Thượng đế.

Người đệ tử không bao giờ có thể đơn độc nữa; trong những nỗi buồn và niềm vui, trong bóng tối và ánh sáng, tâm thức của Chân sư bao bọc tâm thức của người đệ tử, mặc dù đôi khi người

be aware of that glorious fact. Now, as he works for the plan of his Master, whether the world accepts him with acclamation or martyrs him, he works, not as a solitary craftsman, but as a younger brother by whose side toils an elder and more expert Brother.

His commandments grievous are not Longer than men think them so; though He send me forth, I care not, Whilst He gives me strength to go. When or whither, all is one, On His business, not mine own, I shall never go alone.

At each stage, from Probation to Acceptance and to Initiation, the Master formally presents his pupil to the Maha-Chohan, the Keeper of the Records of the Hierarchy; the pupil's name and rank are entered by the Maha-Chohan in His imperishable Record.

Coincident usually with the stage of the Son of the Master, the pupil is presented by his Master to the Great White Brotherhood for Initiation. The Master thereby affirms to the Brotherhood that his pupil is sufficiently fit, by his ideals and by his life; and by the balance between his good karma and bad, to share in the mysterious life of that august Body, and to be a channel of Its forces to the world. Besides his own Master, a second member of the Brotherhood, of the rank of a Master, has also to stand sponsor for the candidate. The presentation is made in the first instance to the Maha-Chohan, who then appoints one of the Adepts to act as the Hierophant Initiator. Either in the Hall of Initiation, or in some other appointed place, the candidate is formally initiated at a stately ceremony. What happens to the candidate is truly an "initiation", i.e., *a beginning*. It is the beginning

đệ tử có thể không nhận thức được sự thật vinh quang đó. Giờ đây, khi y làm việc cho thiên cơ của Chân sư, dù thế giới có chấp nhận y bằng sự hoan nghênh hay hành hạ y, y làm việc, không phải như một người thợ thủ công đơn độc, mà như một người em trai bên cạnh người anh trai lớn tuổi hơn và thành thạo hơn đang vất vả.

Những điều răn của Ngài không còn khó khăn hơn những gì người ta nghĩ; mặc dù Ngài phái tôi đi, tôi không quan tâm, Miễn là Ngài cho tôi sức mạnh để đi. Khi nào hoặc đi đâu, tất cả đều như nhau, Trong công việc của Ngài, không phải của riêng tôi, Tôi sẽ không bao giờ đi một mình.

Ở mỗi giai đoạn, từ Dự Bị đến Chấp Nhận và đến Cuộc Điểm Đạo, Chân sư chính thức giới thiệu đệ tử của mình với Maha-Chohan, Người Giữ Sổ Sách của Thánh Đoàn; tên và cấp bậc của đệ tử được Maha-Chohan ghi vào Sổ Sách bất diệt của Ngài.

Thông thường trùng với giai đoạn Con của Chân sư, người đệ tử được Chân sư của mình giới thiệu với Đại Huynh Đệ Đoàn Chánh Đạo để Điểm Đạo. Qua đó, Chân sư khẳng định với Huynh Đệ Đoàn rằng đệ tử của mình đủ khả năng, bằng những lý tưởng và cuộc sống của mình; và bằng sự cân bằng giữa nghiệp quả tốt và xấu của y, để chia sẻ cuộc sống huyền bí của Cơ Thể tôn kính đó, và trở thành một kênh dẫn các mãnh lực của Nó đến thế giới. Bên cạnh Chân sư của mình, một thành viên thứ hai của Huynh Đệ Đoàn, với cấp bậc Chân sư, cũng phải đứng ra bảo trợ cho ứng viên. Việc giới thiệu được thực hiện trước tiên với Maha-Chohan, sau đó chỉ định một trong những Chân sư để đóng vai trò là Đấng Điểm Đạo Tối Cao. Hoặc trong Phòng Điểm Đạo, hoặc ở một nơi được chỉ định khác, ứng viên được chính thức điểm đạo trong một buổi lễ trang trọng. Những gì xảy ra với ứng viên thực sự là một

of a new phase of existence, where the Personality becomes steadily more and more a reflection of the Ego, and the Ego himself begins to draw upon the powers of his Monad³⁴.

The Soul of Man is in truth that highest part of him which is the Monad; but from that moment, when the Monad made the causal body out of the animal group-soul at individualization, the “Spark hangs from the Flame by the finest thread of Fohat”. The Ego, though linked thus to the Monad, has had, up to the moment of Initiation, no means of communication with that highest aspect of himself. But at Initiation, at the call of the Hierophant, the Monad descends into the causal body to take the vows of Initiation. From that moment, the “finest thread of Fohat” becomes as a bundle of threads, and the Ego, instead of hanging merely as a “spark”, becomes as the lower end of a funnel, which reaches upwards to the Monad and brings down from him life and light and strength. From the time of Initiation, there comes into the Initiate a virility and a power of resistance of which he was not capable before, and he finds thenceforth in his own self a Rock of Ages which nothing can shake.

After his Initiation, the candidate is taken by his Master, or by a senior pupil, to the Buddhic plane, to be taught to function there in his Buddhic vehicle. This means that the causal body must be transcended. Here now happens what has not happened before. Each night, when he left his body to work on the astral or the mental plane, his physical body, or his astral—one or both, as the case may be—has been left behind on the bed, to be donned when he returned to them. When he leaves the higher mental plane for the Buddhic plane, he

“cuộc điểm đạo”, tức là một sự khởi đầu. Đó là sự khởi đầu của một giai đoạn tồn tại mới, nơi Phàm ngã ngày càng trở thành sự phản ánh của Chân ngã, và bản thân Chân ngã bắt đầu khai thác sức mạnh của Chân Thần của mình.

Linh Hồn của Con Người thực sự là phần cao nhất của y, đó là Chân Thần; nhưng từ thời điểm đó, khi Chân Thần tạo ra thể nguyên nhân từ hỗn nhóm động vật tại thời điểm biệt ngã hóa, thì “Tia Lửa treo trên Ngọn Lửa bằng sợi chỉ Fohat mỏng manh nhất”. Chân ngã, mặc dù được liên kết như vậy với Chân Thần, nhưng cho đến thời điểm Điểm Đạo, không có phương tiện liên lạc với khía cạnh cao nhất đó của bản thân. Nhưng tại Cuộc Điểm Đạo, theo lời kêu gọi của Đấng Điểm Đạo Tối Cao, Chân Thần giáng xuống thể nguyên nhân để tuyên thệ Điểm Đạo. Từ thời điểm đó, “sợi chỉ Fohat mỏng manh nhất” trở thành một bó sợi, và Chân ngã, thay vì chỉ treo như một “tia lửa”, trở thành đầu dưới của một cái phễu, vươn lên đến Chân Thần và mang xuống từ Ngài sự sống, ánh sáng và sức mạnh. Từ thời điểm Điểm Đạo, một sức sống và sức mạnh kháng cự mà trước đây y không có khả năng xuất hiện trong người được Điểm Đạo, và từ đó trở đi, y tìm thấy trong chính mình một Tầng Đá Muôn Đời mà không gì có thể lay chuyển.

Sau Cuộc Điểm Đạo của mình, ứng viên được Chân sư của mình, hoặc bởi một đệ tử thâm niên, đưa đến cõi Bồ đề, để được dạy cách hoạt động ở đó trong vận cụ Bồ đề của mình. Điều này có nghĩa là thể nguyên nhân phải được siêu việt. Ở đây bây giờ xảy ra những gì chưa từng xảy ra trước đây. Mỗi đêm, khi y rời khỏi thể xác để làm việc trên cõi cảm dục hoặc cõi trí, thể xác của y, hoặc thể cảm dục của y—một hoặc cả hai, tùy từng trường hợp—đã bị bỏ lại trên giường, để được mặc vào khi y trở lại với chúng. Khi y rời khỏi cõi thượng trí để đến cõi

³⁴ For further information, see *The Masters and the Path*, by C. W. Leadbeater.

of course leaves his causal body; but this causal body, instead of remaining with the physical, astral and mental bodies, vanishes.

When the pupil, from his Buddhist vehicle, looks down on to the higher mental plane, no causal body is there any longer to represent him. It is true that, when he returns, he finds himself in a causal body again; but it is not the causal body which he has had for millions of years since the day of individualization, but a causal body which is a replica of that age-long house of his.

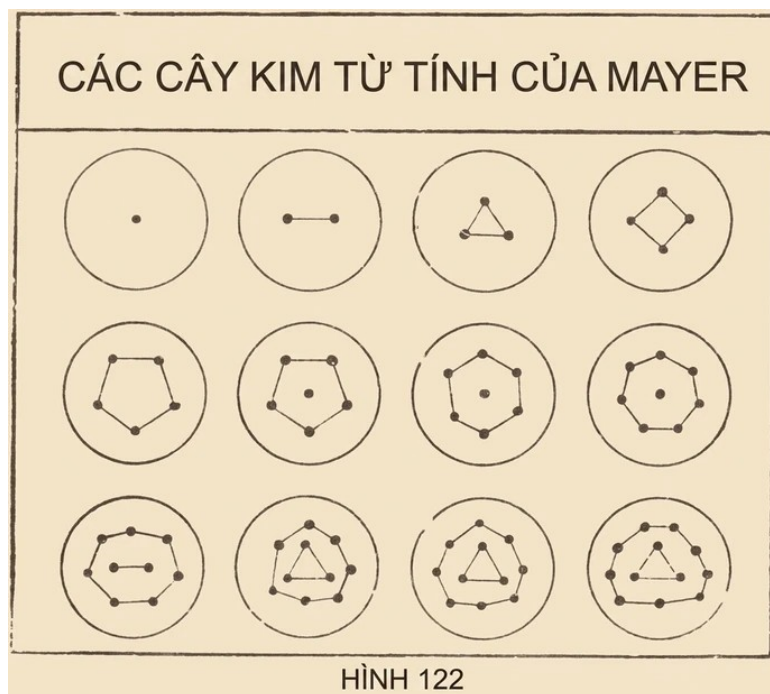
This experience shows the Initiate that he is not the Ego, but something more transcendental still; he knows now at first hand that his “self”, to which he has clung from the time of individualization, is no true self at all, but only “that thing which he has with pain created for his own use and by means of which he purposes, as his growth slowly develops his intelligence, to reach to the life beyond individuality”³⁵. Also, with his first Buddhist experience, the Initiate knows, not merely believes on faith, the Unity of all that lives—how all men’s lives, their griefs as their joys, their failures as their successes, are inseparable from his life. Thenceforth, his standard of all things is changed; he has shifted his center from that of his personal self and its interests to that of a greater Self, the “great Orphan”, Humanity. At Initiation, the Soul “enters the Stream”, (Fig. 121).

Bồ đề, tất nhiên y sẽ rời khỏi thể nguyên nhân của mình; nhưng thể nguyên nhân này, thay vì ở lại với thể xác, thể cảm dục và thể trí, sẽ biến mất.

Khi người đệ tử, từ vận cụ Bồ đề của mình, nhìn xuống cõi thượng trí, không còn thể nguyên nhân nào ở đó để đại diện cho y nữa. Đúng là, khi y trở lại, y thấy mình lại ở trong một thể nguyên nhân; nhưng đó không phải là thể nguyên nhân mà y đã có trong hàng triệu năm kể từ ngày biệt ngã hóa, mà là một thể nguyên nhân là bản sao của ngôi nhà lâu đời đó của y.

Kinh nghiệm này cho người được Điểm Đạo thấy rằng y không phải là Chân ngã, mà là một cái gì đó siêu việt hơn nữa; giờ đây y biết một cách trực tiếp rằng “bản thân” của y, mà y đã bám víu vào từ thời điểm biệt ngã hóa, hoàn toàn không phải là bản thân thật sự, mà chỉ là “thứ mà y đã vất vả tạo ra để sử dụng cho riêng mình và bằng phương tiện đó, y dự định, khi sự phát triển của y từ từ phát triển trí thông minh của mình, để vươn tới cuộc sống vượt ra ngoài cá tính”. Ngoài ra, với kinh nghiệm Bồ đề đầu tiên của mình, người được Điểm Đạo biết, không chỉ tin vào đức tin, Sự Hợp Nhất của tất cả những gì đang sống—cuộc sống của tất cả mọi người, những nỗi buồn của họ cũng như những niềm vui của họ, những thất bại của họ cũng như những thành công của họ, không thể tách rời khỏi cuộc sống của y. Từ đó trở đi, tiêu chuẩn của y về mọi thứ đã thay đổi; y đã chuyển trung tâm của mình từ trung tâm của bản thân cá nhân và những mối quan tâm của nó sang trung tâm của một Bản Thể vĩ đại hơn, “Đứa Trẻ Mồ Côi vĩ đại”, Nhân Loại. Tại Cuộc Điểm Đạo, Linh Hồn “bước vào Dòng Chảy”, (Hình [121]).

³⁵ *Light on the Path*



This is the ancient Buddhist phrase, which describes the great transition which takes place in the life of the Initiate. He enters the great tide of the Will of the Logos, which has determined that, on this Earth Chain, the majority of our humanity shall commit themselves to His Plan, before the great day of testing in the Fifth Round, when the laggard souls must drop out of evolution, as the failures of the Earth Chain. They drop out, not for ever, but only for an age; when the next Chain begins, they resume their evolution, after their long rest, at that level whence they dropped out from the Earth Chain.

This is that “eternal damnation” with which the ungodly are threatened in Christianity. But it is not a condemnation, but rather an evolutionary arrangement for those souls who must drop out, because they cannot keep pace with their more spiritually equipped

Đây là cụm từ Phật giáo cổ xưa, mô tả sự chuyển đổi lớn diễn ra trong cuộc đời của người được Điểm Đạo. Ý bước vào dòng chảy lớn của Ý Chí của Hành Tinh Thượng đế, vốn đã quyết định rằng, trên Dây Địa Cầu này, phần lớn nhân loại của chúng ta sẽ cam kết với Thiên Cơ của Ngài, trước ngày thử thách lớn trong Vòng Thứ Năm, khi những linh hồn chậm chạp phải rời khỏi sự tiến hóa, như những thất bại của Dây Địa Cầu. Chúng rời đi, không phải mãi mãi, mà chỉ trong một thời đại; khi Dây tiếp theo bắt đầu, chúng tiếp tục sự tiến hóa của mình, sau thời gian nghỉ ngơi dài, ở cấp độ mà chúng đã rời khỏi Dây Địa Cầu.

Đây là “sự nguyên rửa vĩnh cửu” mà những kẻ vô đạo bị đe dọa trong Cơ đốc giáo. Nhưng đó không phải là một sự lên án, mà là một sự sắp xếp tiến hóa cho những linh hồn phải rời đi, bởi vì chúng không thể theo kịp những người đồng hành được trang bị tinh thần tốt hơn của

fellows. Nor is it eternal, but only, as in the original Greek of the New Testament, “eonian”, that is, for the period of an eon or dispensation. But he who has “entered the Stream” is “safe” or “saved”; and, slowly or with speed, he will “attain Nirvana”, the goal of human perfection, according to the plan for the Earth Chain. Therefore the Initiate is called in Buddhism Sotapanna, “he who has entered the Stream”.

It is said that usually seven lives intervene between the First Initiation and the Fourth, that of the Arhat, and that similarly between the Arhat and the Asekha, seven more lives are necessary in which to do the required work of purification. Each Initiation means an expansion of consciousness, and each must be prepared for by adequate experience and self-training. But while one Initiate may take the full limit of time for the work to be done, another may condense it all into a much briefer period. It is largely a matter of the accumulated karma of the individual, i.e., of the work done in past lives, and of the growth in strength and purification achieved by him in them. But all who “enter the Stream” reach the “further shore”, that is, to the bliss of Nirvana.

The stages on the Path of Holiness, as this process of spiritual unfoldment is called, are marked by expansions of consciousness, and by the gift by the Great White Brotherhood of new knowledge and new powers to the Initiate. The Brotherhood requires from the candidate, before he can pass from one stage to another, a record of work done for humanity, a freedom from specified mental and moral defects, and the possession of certain spiritual faculties. In particular, there are ten “Fetters”, which the candidate must

minh. Nó cũng không phải là vĩnh cửu, mà chỉ, như trong tiếng Hy Lạp gốc của Tân Ước, là “eonian”, nghĩa là, trong khoảng thời gian của một eon hoặc sự phân phát. Nhưng người đã “bước vào Dòng Chảy” thì “an toàn” hay “được cứu rỗi”; và, chậm rãi hay nhanh chóng, y sẽ “đạt được Niết Bàn”, mục tiêu của sự hoàn thiện của con người, theo thiên cơ cho Dãy Địa Cầu. Do đó, người được Điểm Đạo được gọi trong Phật giáo là Sotapanna, “người đã bước vào Dòng Chảy”.

Người ta nói rằng thường thì bảy kiếp sống xen vào giữa lần Điểm Đạo Thứ Nhất và Thứ Tư, tức là của bậc A La Hán, và tương tự như vậy, giữa bậc A La Hán và bậc Vô Học, cần thêm bảy kiếp sống nữa để thực hiện công việc thanh lọc cần thiết. Mỗi lần Điểm Đạo có nghĩa là một sự mở rộng tâm thức, và mỗi lần phải được chuẩn bị bằng kinh nghiệm đầy đủ và tự rèn luyện. Nhưng trong khi một điểm đạo đồ có thể mất toàn bộ thời gian giới hạn để hoàn thành công việc, thì một người khác có thể cô đọng tất cả vào một khoảng thời gian ngắn hơn nhiều. Phần lớn là vấn đề nghiệp quả tích lũy của cá nhân, tức là công việc đã làm trong các kiếp sống trước đây, và sự tăng trưởng về sức mạnh và sự thanh lọc mà y đã đạt được trong các kiếp đó. Nhưng tất cả những ai “bước vào Dòng” đều đạt đến “bờ bên kia”, tức là niềm hạnh phúc Niết Bàn.

Các giai đoạn trên Thánh Đạo, như quá trình khai triển tinh thần này được gọi, được đánh dấu bằng sự mở rộng tâm thức, và bằng món quà tri thức mới và sức mạnh mới từ Đại Huynh Đệ Đoàn Chánh Đạo cho điểm đạo đồ. Huynh Đệ Đoàn yêu cầu ứng viên, trước khi y có thể chuyển từ giai đoạn này sang giai đoạn khác, một bản ghi chép về công việc đã làm cho nhân loại, sự thoát khỏi những khiếm khuyết về tinh thần và đạo đức được chỉ định, và việc sở hữu một số năng lực tinh thần nhất định. Đặc biệt, có mười “Kiết Sử”, mà ứng viên phải

cast off one by one, before he can finally come to Adeptship. After the candidate has “entered the Stream”, and before he can be given the Second Initiation, he must show, besides the record of work which he presents, that he is free of the first three Fetters; these are, according to Buddhist terminology:

(1) Sakkayaditthi,

(2) Vichikichchha, and

(3) Silabbataparamasa.

The first Fetter, *Sakkayaditthi*³⁶, means “the delusion as to one’s individuality or Self”. Many a man thinks of his physical body as the Self; and he identifies himself with its lusts and cravings, with its health or want of health, with its persistence during life, or with its death. A man more evolved will identify his Self with his “temperament”, with his professions of belief, with his religious and esthetic ideas, and with his sympathies and antipathies. Only very few, who are capable of dispassion and analysis, will begin to realize how most of the ideas and emotions, which a man thinks are his own, are in reality a garment which he wears, a garment which is less of his own making and far more made for him by his sex, race, caste or class, and religion. And all, except the supreme idealists, instinctively make a distinction between their personal selves and the humanity of which they are units.

To get rid of the Fetter of the delusion of Self is to know what the real Self is—that It is the Heart of all that lives, and that Its gain and

rũ bỏ từng cái một, trước khi cuối cùng có thể đạt đến địa vị Chân sư. Sau khi ứng viên đã “bước vào Dòng”, và trước khi y có thể được trao lần Điểm Đạo Thứ Hai, y phải chứng tỏ, bên cạnh bản ghi chép về công việc mà y trình bày, rằng y đã thoát khỏi ba Kiết Sử đầu tiên; theo thuật ngữ Phật giáo, đây là:

[1] Sakkayaditthi,

Vichikichchha, và

Silabbataparamasa.

Kiết Sử đầu tiên, Sakkayaditthi, có nghĩa là “ảo tưởng về cá tính hoặc Bản ngã của một người”. Nhiều người nghĩ về thể xác của họ như là Bản ngã; và y đồng nhất mình với những ham muốn và thèm khát của nó, với sức khỏe của nó hoặc sự thiếu sức khỏe, với sự tồn tại của nó trong suốt cuộc đời, hoặc với cái chết của nó. Một người tiến hóa hơn sẽ đồng nhất Bản ngã của mình với “tính khí” của mình, với những tuyên bố về niềm tin của mình, với những ý tưởng tôn giáo và thẩm mỹ của mình, và với những thiện cảm và ác cảm của mình. Chỉ rất ít người, những người có khả năng vô tư và phân tích, sẽ bắt đầu nhận ra rằng hầu hết những ý tưởng và cảm xúc mà một người nghĩ là của riêng mình, trên thực tế là một chiếc áo choàng mà y mặc, một chiếc áo choàng ít do y tự tạo ra hơn và do giới tính, chủng tộc, đẳng cấp hoặc tầng lớp và tôn giáo của y tạo ra cho y nhiều hơn. Và tất cả, ngoại trừ những người theo chủ nghĩa lý tưởng tối cao, theo bản năng tạo ra sự khác biệt giữa bản thân cá nhân của họ và nhân loại mà họ là một phần tử.

Để thoát khỏi Kiết Sử của ảo tưởng về Bản ngã là biết Bản ngã thực sự là gì—rằng Nó là Trái Tim của tất cả những gì đang sống, và rằng sự

³⁶ Sanskrit: Sat-kaya-drishhti

good come only from the gain and good of the Whole. The Buddhic experience, when the causal body vanishes, shows the way to the Initiate to discover by experiment and experience what is that true Self in him, which has no part in the limiting forces of “race, creed, sex, caste or color”.

The second Fetter, *Vichikichchha*³⁷, means “Doubt”. This is doubt as to “God’s plan, which is Evolution”, especially as to that part which concerns the growth of the individual by the process of Reincarnation, in accordance with the Law of Karma. There are many stages in doubt, from rank disbelief to the acceptance of a truth as a “working hypothesis”. In practical conduct, the noblest lives have been lived by men and women who have had only working hypotheses as to the nature of existence. A lofty idealism, based on working hypotheses, will lead a man through the gates of Initiation; but there comes the time when some at least of his working hypotheses must be living facts of his inmost consciousness, facts known to be true because, by outer observation and by inward realization, they are part of his individuality evermore. The Fetter of Doubt as to the fundamental laws governing human evolution must be utterly thrown aside, before the soul can pass to the second stage.

The third Fetter, *Silabbataparamasa*³⁸, means “reliance upon rites and ceremonies”. It was the Lord Christ who pointed out in Palestine that “the sabbath was made for man, and not man for the sabbath; therefore the Son of man is Lord also of the sabbath”. It was the same great truth which the Lord Buddha

đạt được và điều tốt đẹp của Nó chỉ đến từ sự đạt được và điều tốt đẹp của Toàn Thể. Kinh nghiệm Bồ đề, khi thể nguyên nhân biến mất, chỉ ra con đường cho điểm đạo đồ khám phá bằng thử nghiệm và kinh nghiệm Bản ngã chân thật đó trong y, vốn không có phần trong các lực lượng giới hạn của “chủng tộc, tín ngưỡng, giới tính, đẳng cấp hoặc màu da”.

Kiệt Sử thứ hai, *Vichikichchha*, có nghĩa là “Nghĩ ngờ”. Đây là sự nghi ngờ về “Thiên Cơ, vốn là Sự Tiến Hóa”, đặc biệt là về phần liên quan đến sự tăng trưởng của cá nhân thông qua quá trình Tái Sinh, phù hợp với Định luật Nghiệp Quả. Có nhiều giai đoạn trong sự nghi ngờ, từ sự không tin tưởng hoàn toàn đến việc chấp nhận một chân lý như một “giả thuyết làm việc”. Trong hành vi thực tế, những cuộc đời cao quý nhất đã được sống bởi những người nam và nữ chỉ có những giả thuyết làm việc về bản chất của sự tồn tại. Một chủ nghĩa lý tưởng cao cả, dựa trên các giả thuyết làm việc, sẽ dẫn một người qua các cổng Điểm Đạo; nhưng đến lúc ít nhất một số giả thuyết làm việc của y phải là những sự thật sống động trong tâm thức sâu thẳm nhất của y, những sự thật được biết là đúng bởi vì, bằng quan sát bên ngoài và bằng nhận thức bên trong, chúng là một phần của cá tính của y mãi mãi. Kiệt Sử Nghi Ngờ về các định luật cơ bản chi phối sự tiến hóa của con người phải bị loại bỏ hoàn toàn, trước khi linh hồn có thể chuyển sang giai đoạn thứ hai.

Kiệt Sử thứ ba, *Silabbataparamasa*, có nghĩa là “dựa vào các nghi lễ và nghi thức”. Chính Đức Christ đã chỉ ra ở Palestine rằng “ngày Sa-bát được tạo ra cho con người, chứ không phải con người cho ngày Sa-bát; vì vậy Con Người cũng là Chúa của ngày Sa-bát”. Chính Đức Phật cũng đã tuyên bố chân lý vĩ đại tương tự, khi Ngài

³⁷ Sanskrit: Vichikitsa.

³⁸ Sanskrit: Shēla-vrata-paramarsha

proclaimed, when He held that reliance upon prayers and invocations, upon rites and ceremonies, is a superstition, from which the wise man should be free. Rituals and ceremonies, when scientifically constructed, are like any other piece of scientific mechanism; they are reservoirs of energy or conductors of force. But they are to be servants to do man's will, not masters to control man's behaviour. This is the true attitude towards rites and ceremonies.

They are not necessary, nor indispensable, for wise conduct or for cooperation with the Divine; they are useful, especially to souls of certain temperaments; to help them to attune their wills to the One Will. But the same work can be done by earnest striving and aspiration, each man for himself, without rites and ceremonies, and without help of priests or Devas or Angels. The advice and guidance of men or Supermen, of earthly or heavenly denizens, are only useful to enable a man to look up and not down, forward and not back; but these helpers cannot tread the Path for him, nor lead him to Salvation. A man must "save" himself. To know utterly that within one's own self, and not without, is "the Way, the Truth and the Life", is to cast off forever this Fetter of Superstition.

When the Master finds that the pupil has transcended the first three Fetters, and has to his credit the requisite amount of work done, then He presents the pupil once again for Initiation. As before, in a similar stately ceremony, the Hierophant opens up at Initiation new possibilities of consciousness in the candidate, and entrusts him with those secrets and powers which appertain to the

cho rằng việc dựa vào những lời cầu nguyện và khẩn cầu, vào các nghi lễ và nghi thức, là một sự mê tín, mà người khôn ngoan nên thoát khỏi. Các nghi lễ và nghi thức, khi được xây dựng một cách khoa học, giống như bất kỳ bộ máy khoa học nào khác; chúng là những hồ chứa năng lượng hoặc dây dẫn của mãnh lực. Nhưng chúng là những người hầu để thực hiện ý chí của con người, không phải là chủ nhân để kiểm soát hành vi của con người. Đây là thái độ đúng đắn đối với các nghi lễ và nghi thức.

Chúng không cần thiết, cũng không thể thiếu, cho hành vi khôn ngoan hoặc cho sự hợp tác với Đấng Thiêng Liêng; chúng hữu ích, đặc biệt đối với những linh hồn có tính khí nhất định; để giúp họ điều chỉnh ý chí của mình với Ý Chí Duy Nhất. Nhưng công việc tương tự có thể được thực hiện bằng sự cố gắng và khát vọng chân thành, mỗi người cho chính mình, mà không cần nghi lễ và nghi thức, và không cần sự giúp đỡ của các linh mục hoặc thiên thần hoặc Thiên Thần. Lời khuyên và hướng dẫn của những người phàm hoặc Siêu nhân, của cư dân trần thế hoặc thiên đường, chỉ hữu ích để giúp một người nhìn lên chứ không nhìn xuống, nhìn về phía trước chứ không nhìn lại; nhưng những người trợ giúp này không thể bước đi trên Thánh Đạo cho y, cũng không thể dẫn y đến Sự Cứu Rỗi. Một người phải "cứu" chính mình. Để biết hoàn toàn rằng bên trong chính mình, chứ không phải bên ngoài, là "Con Đường, Chân Lý và Sự Sống", là rũ bỏ mãi mãi Kiết Sử Mê Tín này.

Khi Chân sư thấy rằng đệ tử đã vượt qua ba Kiết Sử đầu tiên, và có được số lượng công việc cần thiết đã hoàn thành, thì Ngài lại giới thiệu đệ tử một lần nữa để Điểm Đạo. Như trước đây, trong một buổi lễ trang trọng tương tự, Bậc Khai Tâm mở ra tại buổi Điểm Đạo những khả năng tâm thức mới trong ứng viên, và giao phó cho y những bí mật và sức mạnh vốn thuộc về giai đoạn mới. Điểm đạo đồ của

new stage. The Initiate of the second grade is called *Sakadagamin*, “he who returns once”, for only one more physical birth is obligatory for him; at the end of his next physical life he can, if he so chooses, complete the remaining stages of the Path without returning to incarnation.

As he passes on to the next Initiation, new faculties must be evolved, and a yet larger record of work must be achieved. There are no Fetters to be cast off between the Second and Third Initiations; but the higher mind must be made a mirror of the wisdom of the Intuition, and trained to conceive and elaborate those truths which the mind cannot discover, unless implanted in it by a faculty greater than the mind.

When the higher mind has become the tool of the Intuition, and the pupil’s record of service is adequate, he is presented by his Master for the Third Initiation. He becomes then *Anagamin*, “not returning”; for birth in a physical body, unless he so chooses, is no longer obligatory in order to attain to the final goal. The work can be done in the invisible worlds, and the Initiate can from there, if he so decides, proceed to the Fourth and Fifth Initiations.

Between the Third and Fourth Initiations, two Fetters must be cast off: *Kamaraga*, sensuality, and *Patigha*, anger. Of course, long before this, all the cruder forms of sense-gratification and anger will have been eliminated by the Initiate; but there are subtle forms of these two Fetters which bind the aspirant as firmly as their cruder forms enslave the man of the world. In addition to freedom from these Fetters, and the record of work, the candidate

cấp độ thứ hai được gọi là *Sakadagamin*, “người trở lại một lần”, vì chỉ còn một lần sinh thể xác nữa là bắt buộc đối với y; vào cuối kiếp sống thể xác tiếp theo của mình, y có thể, nếu y chọn như vậy, hoàn thành các giai đoạn còn lại của Thánh Đạo mà không cần trở lại hóa thân.

Khi y chuyển sang lần Điểm Đạo tiếp theo, những năng lực mới phải được khai triển, và một bản ghi chép công việc lớn hơn nữa phải đạt được. Không có Kiết Sở nào bị rũ bỏ giữa lần Điểm Đạo Thứ Hai và Thứ Ba; nhưng thượng trí phải được tạo thành một tấm gương phản chiếu sự minh triết của Trực Giác, và được huấn luyện để hình thành và trau chuốt những chân lý mà thể trí không thể khám phá ra, trừ khi được cấy vào đó bởi một năng lực lớn hơn thể trí.

Khi thượng trí đã trở thành công cụ của Trực Giác, và bản ghi chép phụng sự của đệ tử là đầy đủ, y được Chân sư của mình giới thiệu cho lần Điểm Đạo Thứ Ba. Sau đó, y trở thành *Anagamin*, “không trở lại”; vì việc sinh ra trong một thể xác, trừ khi y chọn như vậy, không còn bắt buộc để đạt được mục tiêu cuối cùng. Công việc có thể được thực hiện trong các cõi vô hình, và điểm đạo đồ có thể từ đó, nếu y quyết định như vậy, tiến hành đến lần Điểm Đạo Thứ Tư và Thứ Năm.

Giữa lần Điểm Đạo Thứ Ba và Thứ Tư, hai Kiết Sở phải bị rũ bỏ: *Kamaraga*, sự dâm dục và *Patigha*, sự giận dữ. Tất nhiên, từ lâu trước đó, tất cả các hình thức thô thiển hơn của sự thỏa mãn giác quan và sự giận dữ sẽ bị điểm đạo đồ loại bỏ; nhưng có những hình thức tinh vi của hai Kiết Sở này ràng buộc người chí nguyện chặt chẽ như các hình thức thô thiển của chúng nô dịch người phạm trần. Ngoài việc thoát khỏi những Kiết Sở này và bản ghi chép

must show that he has acquired mastery over some of the invisible worlds, and that his brain consciousness can be made, when necessary, a true record of his life on higher planes. At the Fourth Initiation, he becomes the Arhat, “the venerable”. During all the stages—*Sotapanna*, *Sakadagamin*, *Anagamin* and *Arhat*—the Initiate is *sekha*, a “disciple”, under the instruction and supervision of a Master of the Wisdom. The next stage is to become *Asekha*, “no-more-disciple”, the Master³⁹. He is a Master of the Wisdom, that is, he has within him all the capacities and powers which are requisite in order to know all that concerns the evolution-past, present and future-of the Planetary Chain to which he belongs. But before this stage can be reached, five more Fetters must be cast aside, the hardest of all.

Lo! like fierce foes slain by some warrior,

Ten sins along these Stages lie in dust,

công việc, ứng viên phải chứng tỏ rằng y đã đạt được quyền làm chủ một số cõi vô hình, và rằng tâm thức não bộ của y có thể được tạo ra, khi cần thiết, một bản ghi chép chân thực về cuộc sống của y trên các cõi cao hơn. Tại lần Điểm Đạo Thứ Tư, y trở thành A La Hán, “đáng kính”. Trong tất cả các giai đoạn—*Sotapanna*, *Sakadagamin*, *Anagamin* và *Arhat*—điểm đạo đồ là *sekha*, một “đệ tử”, dưới sự hướng dẫn và giám sát của một Chân sư Minh Triết. Giai đoạn tiếp theo là trở thành *Asekha*, “không còn là đệ tử nữa”, Chân sư. Y là một Chân sư Minh Triết, nghĩa là, y có trong mình tất cả các năng lực và sức mạnh cần thiết để biết tất cả những gì liên quan đến sự tiến hóa—quá khứ, hiện tại và tương lai—của Dãy Hành Tinh mà y thuộc về. Nhưng trước khi giai đoạn này có thể đạt được, năm Kiết Sử nữa phải bị loại bỏ, khó khăn nhất trong tất cả.

Kìa! giống như những kẻ thù hung dữ bị giết bởi một chiến binh,

Mười tội lỗi dọc theo các Giai đoạn này nằm

³⁹ These five stages on the Path probably correspond to the five stages in Hinduism, known as:

1. *Kutichaka*,
2. *Bahudaka*,
3. *Hamsa*,
4. *Paramahamsa*,
5. *Atita*.

In the Festivals of the Christian Church, the five Initiations are symbolized in the life-story of the Christ by five great Festivals, commemorating

- (1) the Virgin Birth,
- (2) the Baptism,
- (3) the Transfiguration,
- (4) the Crucifixion and the Resurrection, and
- (5) Ascension and Descent of the Holy Ghost.

(See *The Hidden Side of Christian Festivals*, by C. W. Leadbeater.)

The Love of Self, False Faith, and Doubt are three

Two more, Hatred and Lust.

Who of these Five is conqueror hath trod

Three Stages out of Four; yet there abide

The Love of Life on earth, Desire for Heaven, Self-Praise, Error, and Pride⁴⁰.

The five Fetters which the Arhat must cast off before he can take the Fifth Initiation, that of the Asekha, are *Rulparaga*, “desire for life in worlds of form”, *Aruparaga*, “desire for life in worlds of no-form”, *Mano* “pride”, *Uddhachchha*, “irritability”, and *Avijja*, “ignorance”. What is the true significance of these terms it is difficult to say; but knowledge about these five Fetters is not essential to those who have not yet entered the Path. Suffice it to say that, before the Fifth Initiation can be taken, man must put on the attributes of the Superman; he must become the Christos, “the Anointed”, who has come “unto the measure of the stature of the fullness of Christ”.⁴¹

This is the great Day for which the Monad went forth a “kingly crown to gain”; and when he gains it, he gains it not for himself but for all creatures, human, sub-human and super-human. All nature rejoices in his achievement; for one more Saviour of Humanity has joined the ranks of those who live to give utterly, as the Logos gives. It is said that when one of our humanity attains to Perfection, all Nature

trong bụi,

Tình Yêu Bản Thân, Đức Tin Sai Lầm và Nghi Ngờ là ba

Hai điều nữa, Hận Thù và Dục Vọng.

Ai trong số Năm Điều này là người chinh phục đã bước đi

Ba Giai đoạn trong số Bốn; nhưng vẫn còn đó

Tình Yêu Cuộc Sống trên trái đất, Khao Khát Thiên Đường, Tự Khen, Sai Lầm và Kiêu Hãnh.

Năm Kiết Sử mà bậc A La Hán phải rũ bỏ trước khi y có thể thực hiện lần Điểm Đạo Thứ Năm, tức là của bậc Vô Học, là *Rulparaga*, “khao khát cuộc sống trong các cõi hình tướng”, *Aruparaga*, “khao khát cuộc sống trong các cõi vô hình”, *Mano* “kiêu hãnh”, *Uddhachchha*, “tính dễ cáu kỉnh” và *Avijja*, “vô minh”. Ý nghĩa thực sự của những thuật ngữ này là gì thì khó có thể nói; nhưng kiến thức về năm Kiết Sử này không cần thiết cho những người chưa bước vào Thánh Đạo. Chỉ cần nói rằng, trước khi có thể thực hiện lần Điểm Đạo Thứ Năm, con người phải khoác lên mình những thuộc tính của Siêu Nhân; y phải trở thành Đức Christos, “Đấng Được Xức Dầu”, Đấng đã đến “đến tầm vóc đầy trọn của Đức Christ”.

Đây là Ngày trọng đại mà Chân Thần đã ra đi để “giành lấy một vương miện vương giả”; và khi y giành được nó, y giành được nó không phải cho bản thân mà cho tất cả chúng sinh, con người, hạ nhân và siêu nhân. Tất cả thiên nhiên đều vui mừng trước thành tựu của y; vì một Đấng Cứu Rỗi Nhân Loại nữa đã gia nhập hàng ngũ những người sống để cho đi hoàn toàn, như Các Thượng đế cho đi. Người ta nói

⁴⁰ *Light on the Path*, Book VIII.

⁴¹ St. Paul, Ephesians, iv, 3.

thrills with joyous awe and feels subdued. The silver star now twinkles out the news to the night-blossoms, the streamlet to the pebbles ripples out the tale; dark ocean-waves will roar it to the rocks surf-bound, scent-laden breezes sing it to the vales, and stately pines mysteriously whisper: "A Master has arisen, a Master Of The Day"⁴².

* * * *

Know, O disciple, that those who have passed through the silence, and felt its peace and retained its strength, they long that you shall pass through it also.... Give your aid to the few strong hands that hold back the powers of darkness from obtaining complete victory. Then do you enter into a partnership of joy, which brings indeed terrible toil and profound sadness, out also a great and ever-increasing delight⁴³.

These are the words of a Master of the Wisdom, uttered to those who seek to serve God or Man or an Ideal. There awaits each man and woman of noble instincts and pure enthusiasms such a life of delight as only those know who have become Disciples. It is a delight which comes not from ease and the fruition of dreams, but from ceaseless toil in the noblest cause which man's imagination can conceive. To look up and see God, and know that one can be His messenger; to look down and see men's ignorance and misery, and know that in one's hand is the power to lessen both for them; to look round at nature and know that one can become her prophet; to

rằng khi một người trong nhân loại chúng ta đạt đến Sự Hoàn Hảo, tất cả Thiên Nhiên đều rung động với sự kinh ngạc vui sướng và cảm thấy khuất phục. Ngôi sao bạc giờ lấp lánh tin tức cho những bông hoa đêm, dòng suối róc rách kể câu chuyện cho những viên sỏi; những con sóng biển đen ngòm sẽ găm lên với những tảng đá bị sóng vỗ, những làn gió mang hương thơm hát nó cho những thung lũng, và những cây thông trang nghiêm bí ẩn thì thầm: "Một Chân sư đã xuất hiện, một Chân sư của Ngày".

* * * *

Hỡi đệ tử, hãy biết rằng những người đã trải qua sự im lặng, và cảm nhận được sự bình an của nó và giữ được sức mạnh của nó, họ mong muốn rằng con cũng sẽ trải qua nó.... Hãy giúp đỡ những bàn tay mạnh mẽ ít ỏi đang giữ các thế lực bóng tối không giành được chiến thắng hoàn toàn. Sau đó, con bước vào một mối quan hệ đối tác của niềm vui, vốn thực sự mang lại sự lao nhọc khủng khiếp và nỗi buồn sâu sắc, nhưng cũng mang lại một niềm vui lớn lao và ngày càng tăng.

Đây là những lời của một Chân sư Minh Triết, được thốt ra cho những người tìm cách phụng sự Thượng đế hoặc Con Người hoặc một Lý Tưởng. Một cuộc sống vui sướng như vậy đang chờ đợi mỗi người nam và nữ có bản năng cao quý và lòng nhiệt thành thuần khiết như chỉ những người đã trở thành Đệ tử mới biết. Đó là một niềm vui không đến từ sự dễ dàng và sự thành đạt của những giấc mơ, mà đến từ sự lao nhọc không ngừng trong sự nghiệp cao quý nhất mà trí tưởng tượng của con người có thể hình dung ra. Nhìn lên và thấy Thượng đế, và biết rằng người ta có thể là sứ giả của Ngài; nhìn xuống và thấy sự ngu dốt và đau khổ của con người, và biết rằng trong tay mình có sức

⁴² *The Voice of the Silence*, by H. P. Blavatsky

⁴³ *Light on the Path*

look within and know that a Light is there to lead men from the darkness of death to a new day—it is these things which inspire; those who have torn the veil of self-interest which enwraps them, and have seen something of the Hidden Light and the Hidden Work. It was said by the Rishis of India, of those who see the Heavenly Vision: *Nanyah panthah vidyate 'yanaya*—"No other path at all is there to go." For those who have seen what the Logos does and, from that what the Logos is, there is indeed "no other path at all to go".

The Path is full of toil, and renunciation of hopes and dreams, and weariness; yet are the days and nights, when treading that Path" suffused with a keen enthusiasm inspiring to new hopes and to new dreams, and filled with the delight of knowledge and mastery. It is said in a book of occult maxims: "When one enters the Path, he lays his heart upon the cross; when the cross and the heart have become" one, then hath he reached the goal." And that goal is a Transfiguration. To that Transfiguration the Logos calls us, and to go whither He calls is to discover what has never yet been revealed.

Enter the Path; There is no grief like hate!

No pains like passion, no deceit like sense!

Enter the Path! Far hath he gone whose foot

Treads down one fond offence.

mạnh để giảm bớt cả hai cho họ; nhìn xung quanh thiên nhiên và biết rằng người ta có thể trở thành nhà tiên tri của bà; nhìn vào bên trong và biết rằng có một Ánh Sáng ở đó để dẫn dắt con người từ bóng tối của cái chết đến một ngày mới—chính những điều này truyền cảm hứng; những người đã xé bỏ tấm màn che đầy lợi ích cá nhân bao bọc họ, và đã thấy một phần Ánh Sáng Ẩn Giấu và Công Việc Ẩn Giấu. Các Rishi của Ấn Độ đã nói về những người nhìn thấy Khải Tượng Thiên Đường: *Nanyah panthah vidyate 'yanaya*—"Không có con đường nào khác để đi cả." Đối với những người đã thấy những gì Các Thượng đế làm và, từ đó những gì Các Thượng đế là, thì quả thực "không có con đường nào khác để đi cả".

Thánh Đạo đầy rẫy sự lao nhọc, và sự từ bỏ những hy vọng và ước mơ, và sự mệt mỏi; tuy nhiên, những ngày và đêm, khi bước đi trên Thánh Đạo đó" tràn ngập một sự nhiệt tình mãnh liệt truyền cảm hứng cho những hy vọng mới và những giấc mơ mới, và tràn ngập niềm vui tri thức và quyền làm chủ. Người ta nói trong một cuốn sách về những phương châm huyền bí: "Khi một người bước vào Thánh Đạo, y đặt trái tim mình lên thập giá; khi thập giá và trái tim đã trở thành" một, thì y đã đạt đến mục tiêu." Và mục tiêu đó là một Sự Biến Hình. Các Thượng đế kêu gọi chúng ta đến Sự Biến Hình đó, và đi đến nơi Ngài kêu gọi là khám phá ra những gì chưa từng được tiết lộ.

Bước vào Thánh Đạo; Không có nỗi buồn nào như sự căm ghét!

Không có nỗi đau nào như đam mê, không có sự lừa dối nào như giác quan!

Bước vào Thánh Đạo! Y đã đi xa người mà chân

Chà đạp một sự xúc phạm yêu thích.

Enter the Path! There spring the healing
streams

Quenching all thirst! There bloom th'
immortal flowers

Carpeting all the way with joy! There throng
Swiftest and sweetest hours!⁴⁴

Bước vào Thánh Đạo! Ở đó mọc lên những
dòng suối chữa lành

Dập tắt mọi cơn khát! Ở đó nở rộ những bông
hoa bất tử

Trải thảm cả con đường bằng niềm vui! Ở đó
tụ tập những giờ phút nhanh nhất và ngọt
ngào nhất!

⁴⁴ The Light of Asia, Book VIII.

CHƯƠNG XVI

GOD'S PLAN, WHICH IS EVOLUTION—THIÊN CƠ, VỐN LÀ SỰ TIẾN HÓA

There is a saying attributed to Plato which is full of significance: it is, “God geometrizes”. In that saying we have the proclamation of the Divine Wisdom that there exists a God of the universe, and that all nature is a creation by Him after a Plan. Modern science, with her doctrine of evolution, acknowledges a “design in Nature”, but that design is to most scientists, merely the result of the mechanical interplay of natural forces, and it in no way warrants the belief in a Creator. It is only a scientist here and there who is ready to acknowledge that the structure of the universe reveals the mind of a “pure mathematician”, the Great Architect of the Universe.

The Ancient Wisdom proclaims with no hesitating voice that every part of nature's design reflects the plan of a Divine Mind. This “God's plan, which is Evolution” is not mechanical; what seems a “fortuitous concourse of atoms” is the resultant diagonal of the energies of the Logos, and their quantity and direction as they operate are determined by Him at each moment of time.

It is difficult for the modern mind to imagine our Solar System as a living organism. Yet that is what it is. The sphere in space, whose center is the Sun and whose radius is the distance from the center to the trans-Plutonian planet “X”⁴⁵, is the physical body of the Logos, and His mind directs all the activities within that vast sphere. The magnitude of that Mind baffles

Có một câu nói được cho là của Plato vốn đầy thâm nghĩa: đó là, “Thượng đế hình học hóa”. Trong câu nói đó, chúng ta có lời tuyên bố về Minh Triết Thiêng Liêng rằng có một Thượng đế của vũ trụ, và tất cả tự nhiên là sự sáng tạo của Ngài theo một Thiên Cơ. Khoa học hiện đại, với học thuyết tiến hóa của mình, thừa nhận một “thiết kế trong Tự nhiên”, nhưng đối với hầu hết các nhà khoa học, thiết kế đó chỉ đơn thuần là kết quả của sự tương tác máy móc của các lực lượng tự nhiên, và nó không đảm bảo niềm tin vào một Đấng Sáng Tạo. Chỉ có một vài nhà khoa học sẵn sàng thừa nhận rằng cấu trúc của vũ trụ tiết lộ thể trí của một “nhà toán học thuần túy”, Đại Kiến Trúc Sư của Vũ Trụ.

Minh Triết Ngàn Đời tuyên bố bằng một giọng nói không hề do dự rằng mọi phần trong thiết kế của tự nhiên đều phản ánh thiên cơ của một Thể Trí Thiêng Liêng. “Thiên Cơ của Thượng đế, vốn là Sự Tiến Hóa” này không mang tính máy móc; cái có vẻ là một “sự tập hợp ngẫu nhiên của các nguyên tử” là đường chéo kết quả của các năng lượng của Hành Tinh Thượng đế, và số lượng và phương hướng của chúng khi vận hành được Ngài xác định tại mỗi thời điểm.

Thật khó để thể trí hiện đại hình dung Hệ Mặt Trời của chúng ta như một sinh vật sống. Nhưng nó là như vậy. Hình cầu trong không gian, có tâm là Mặt Trời và bán kính là khoảng cách từ tâm đến hành tinh “X” bên ngoài Sao Diêm Vương, là thể xác của Hành Tinh Thượng đế, và thể trí của Ngài chỉ đạo mọi hoạt động trong phạm vi hình cầu rộng lớn đó. Tầm vóc

⁴⁵ See Fig. 3.

human imagination; only a few glimpses here and there of Its wonders can we gain as we study creation. Looking at that Mind with the heart, It appears as infinite Love; observing It with the developed artistic imagination, It is infinite Beauty.

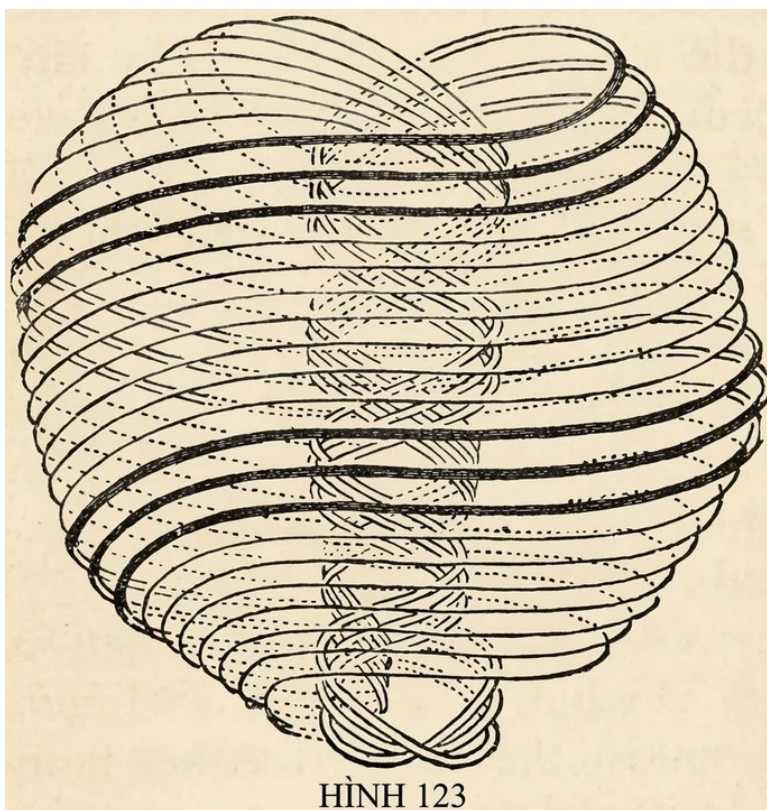
When the mind looks at Its activities in visible nature, there is revealed a fascinating geometrical design. Why “God geometrizes” we may not know till our little minds can directly contact His great Mind; we can but look with our eyes and ponder on what they report, and what they report is order, rhythm and beauty.

All matter is electricity, though no one yet knows what is electricity, nor what is magnetism, the force induced by electricity. Unknown as these two forces are in their true nature, we yet know that, as one of them, magnetism, operates, geometrical design at once appears. When needles are pierced upright in corks, each needle made into a magnet with a north and south pole, and when the corks are allowed freely to float in water, and when over the floating needles there is held a powerful electro-magnet, the result is shown in Fig. 122.

của Thể Trí đó làm bối rối trí tưởng tượng của con người; chúng ta chỉ có thể có được một vài thoáng nhìn về những điều kỳ diệu của Nó khi chúng ta nghiên cứu sự sáng tạo. Nhìn vào Thể Trí đó bằng trái tim, Nó hiện ra như Tình Thương vô hạn; quan sát Nó bằng trí tưởng tượng nghệ thuật đã phát triển, Nó là Vẻ Đẹp vô hạn.

Khi thể trí nhìn vào các hoạt động của Nó trong tự nhiên hữu hình, một thiết kế hình học hấp dẫn được tiết lộ. Tại sao “Thượng đế hình học hóa” chúng ta có thể không biết cho đến khi thể trí nhỏ bé của chúng ta có thể trực tiếp tiếp xúc với Thể Trí vĩ đại của Ngài; chúng ta chỉ có thể nhìn bằng mắt và suy ngẫm về những gì chúng báo cáo, và những gì chúng báo cáo là trật tự, nhịp điệu và vẻ đẹp.

Tất cả vật chất là điện, mặc dù chưa ai biết điện là gì, cũng như từ điện là gì, lực do điện tạo ra. Mặc dù hai lực này chưa được biết đến trong bản chất thật của chúng, nhưng chúng ta vẫn biết rằng, khi một trong số chúng, từ điện, hoạt động, thiết kế hình học sẽ xuất hiện ngay lập tức. Khi kim được xuyên thẳng đứng vào nút chai, mỗi kim được làm thành một nam châm có cực bắc và cực nam, và khi các nút chai được tự do nổi trên mặt nước, và khi trên các kim nổi có một nam châm điện mạnh, kết quả được thể hiện trong Hình 122.



When only one needle floats, it comes directly under the magnet; on the introduction of a second cork, the two corks range themselves side by side; three form a triangle; four a square; five a pentagon; six a pentagon with a needle at its center. The experiment has been carried to 52 needles; with 51, the circles are of 6, 11, 14 and 19, with one needle in the middle. With 52 needles, the circles are the same, but instead of one needle, two form the nucleus round which the circles are grouped. Why do the magnets arrange themselves in these geometrical designs? Because so to act is “God’s plan” for magnetism.

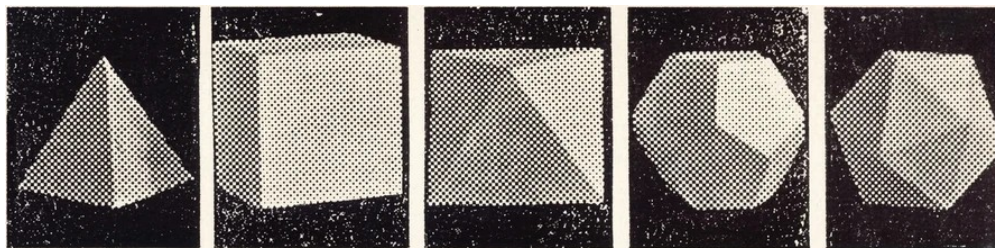
For, everything has work to do, mapped out for it in that Plan. Even at this very beginning of physical forces, “number” and geometry come into play. It was this that Pythagoras taught when he said that the universe is constructed according to “number”. Everywhere we look, a geometrical design appears. And as rhythm in structure and

Khi chỉ có một kim nổi, nó sẽ nằm ngay dưới nam châm; khi đưa nút chai thứ hai vào, hai nút chai sẽ xếp cạnh nhau; ba tạo thành một hình tam giác; bốn một hình vuông; năm một hình ngũ giác; sáu một hình ngũ giác với một kim ở trung tâm của nó. Thí nghiệm đã được thực hiện với 52 kim; với 51, các vòng tròn là 6, 11, 14 và 19, với một kim ở giữa. Với 52 kim, các vòng tròn vẫn giống nhau, nhưng thay vì một kim, hai kim tạo thành hạt nhân xung quanh đó các vòng tròn được nhóm lại. Tại sao các nam châm tự sắp xếp theo các thiết kế hình học này? Bởi vì hành động như vậy là “Thiên Cơ của Thượng đế” đối với từ điện.

Bởi vì, mọi thứ đều có công việc phải làm, được vạch ra cho nó trong Thiên Cơ đó. Ngay cả khi bắt đầu các lực lượng vật chất này, “số” và hình học đã phát huy tác dụng. Chính điều này mà Pythagoras đã dạy khi Ông nói rằng vũ trụ được xây dựng theo “số”. Ở mọi nơi chúng ta nhìn, một thiết kế hình học xuất hiện. Và vì nhịp điệu trong cấu trúc và chuyển động có

movement means music, the universe makes music as it works at its tasks. The electrons make waves as they rush through the ether; but their notes are scarcely within the audibility of the average clairaudient ear. But the note which the Earth makes as it circles the Sun, pushing its way through the ether, and the harmonies of that note, can be heard⁴⁶. Each visible and invisible planet has its note, and the “music of the spheres” is not a fantasy, but a most sober verity.

Let us look for a moment now at the ultimate physical atom (Fig.123).



Hình 124

It is a living heart, pulsating with energy; with its three thicker whorls and the seven thinner, it is also a transformer; each whorl is made up of seven orders of spirillae. Spirals and spirillae are its basis or structure; the atom is fashioned to do a work.

“In the three whorls flow currents of different electricities, the seven vibrate in response to etheric-waves of all kinds—to sound, light, heat, etc.; they show the seven colors of the spectrum; give out the seven sounds of the natural scale; respond in a variety of ways to physical vibration—flashing, surging, pulsing bodies, they move incessantly, inconceivably beautiful and brilliant.

nghĩa là âm nhạc, nên vũ trụ tạo ra âm nhạc khi nó thực hiện các nhiệm vụ của mình. Các electron tạo ra sóng khi chúng lao qua dĩ thái; nhưng các nốt nhạc của chúng hầu như không nằm trong khả năng nghe được của tai thông nhĩ trung bình. Nhưng nốt nhạc mà Trái Đất tạo ra khi nó quay quanh Mặt Trời, đẩy mình qua dĩ thái, và sự hài hòa của nốt nhạc đó, có thể được nghe thấy. Mỗi hành tinh hữu hình và vô hình đều có nốt nhạc của nó, và “âm nhạc của các thiên cầu” không phải là một ảo mộng, mà là một sự thật hết sức tinh tảo.

Chúng ta hãy nhìn vào nguyên tử vật chất tối thượng trong giây lát (Hình 123).

Nó là một trái tim sống, rung động với năng lượng; với ba vòng xoắn dày hơn và bảy vòng xoắn mỏng hơn, nó cũng là một máy biến áp; mỗi vòng xoắn được tạo thành từ bảy cấp độ spirillae. Các đường xoắn ốc và spirillae là cơ sở hoặc cấu trúc của nó; nguyên tử được tạo ra để thực hiện một công việc.

“Trong ba vòng xoắn, các dòng điện khác nhau chảy, bảy vòng xoắn rung động để đáp ứng với các sóng dĩ thái thuộc mọi loại—đối với âm thanh, ánh sáng, nhiệt, v.v.; chúng hiển thị bảy màu của quang phổ; phát ra bảy âm thanh của thang âm tự nhiên; đáp ứng theo nhiều cách khác nhau đối với rung động vật lý—những thể nhấp nháy, trào dâng, rung động, chúng di chuyển không ngừng, đẹp và rực rỡ

⁴⁶ I can testify to the existence of some of these notes by continuous personal experience night and day.—C.J.

“The atom has—as observed so far—three proper motions, i.e., motions of its own, independent of any imposed on it from outside. It turns incessantly upon its own axis, spinning like a top; it describes a small circle with its axis, as though the axis of the spinning top moved in a small circle; it has a regular pulsation, a contraction and expansion, like the pulsation of the heart. When a force is brought to bear upon it, it dances up and down, flings itself wildly from side to side, performs the most astonishing and rapid gyrations, but the three fundamental motions incessantly persist. If it be made to vibrate, as a whole, at the rate which gives anyone of the seven colors, the whorl belonging to that color glows out brilliantly.”⁴⁷

Why has the atom this peculiar shape, and these many motions and functions? Because that is “God’s plan” for the atom. Out of its tiny life the Logos expects a cooperation, and age by age the atom is being trained by His agents to perform that duty. And when men are willing to do their duty to the full, then the atom and mankind will join in a common work with a forcefulness not now possible.

Order, rhythm and beauty are more evident to our minds when we look at the shapes of the chemical elements⁴⁸. The five “Platonic Solids” (Fig. 124) give the axes of structure for all the elements. Verily God geometrizes, as He builds the bricks of matter out of which the

đến khó tin.

“Nguyên tử có—theo quan sát cho đến nay—ba chuyển động thích hợp, tức là các chuyển động của riêng nó, độc lập với bất kỳ chuyển động nào áp đặt lên nó từ bên ngoài. Nó liên tục quay trên trục của chính nó, quay như một cái đỉnh; nó mô tả một vòng tròn nhỏ với trục của nó, như thể trục của đỉnh quay di chuyển trong một vòng tròn nhỏ; nó có một sự rung động đều đặn, một sự co lại và giãn nở, giống như sự rung động của trái tim. Khi một lực tác dụng lên nó, nó nhảy lên xuống, ném mình điên cuồng từ bên này sang bên kia, thực hiện những vòng quay đáng kinh ngạc và nhanh chóng nhất, nhưng ba chuyển động cơ bản vẫn liên tục tồn tại. Nếu nó được làm cho rung động, như một tổng thể, với tốc độ tạo ra bất kỳ một trong bảy màu, thì vòng xoắn thuộc về màu đó sẽ phát sáng rực rỡ.”

Tại sao nguyên tử lại có hình dạng đặc biệt này, và nhiều chuyển động và chức năng này? Bởi vì đó là “Thiên Cơ của Thượng đế” đối với nguyên tử. Từ sự sống nhỏ bé của nó, Hành Tinh Thượng đế mong đợi sự hợp tác, và hết kỷ nguyên này đến kỷ nguyên khác, nguyên tử đang được các tác nhân của Ngài huấn luyện để thực hiện nhiệm vụ đó. Và khi con người sẵn sàng làm tròn bổn phận của mình một cách trọn vẹn, thì nguyên tử và nhân loại sẽ cùng nhau tham gia vào một công việc chung với một sức mạnh mà hiện tại không thể có được.

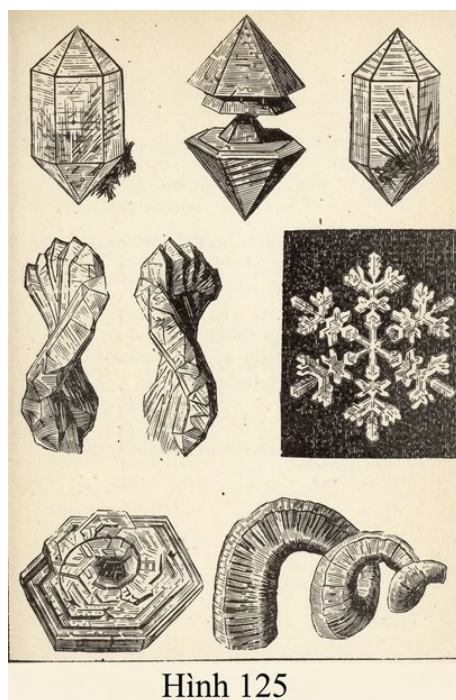
Trật tự, nhịp điệu và vẻ đẹp càng trở nên rõ ràng hơn đối với thể trí của chúng ta khi chúng ta nhìn vào hình dạng của các nguyên tố hóa học. Năm “Khối Đa Diện Plato” (Hình 124) cho các trục cấu trúc của tất cả các nguyên tố. Quả thật, Thượng đế hình học hóa, khi Ngài xây

⁴⁷ *Occult Chemistry*, by Annie Besant and C. W. Leadbeater

⁴⁸ See Chapter X, “The Evolution of Matter and Force”

solar system is to be made.

dựng các viên gạch vật chất để tạo ra hệ mặt trời.



Why is Calcium a tetrahedron and Phosphorus a cube? Because it is God's plan. For each element has its part in the Great Plan; each gives to the universe its own revelation of the nature of the Logos. Each is a mirror of the inexhaustible fullness of the Divine Life; each is a channel, both to bring down to earth the energies of that Life, as also to conduct upwards and inwards to It the response which nature gives.

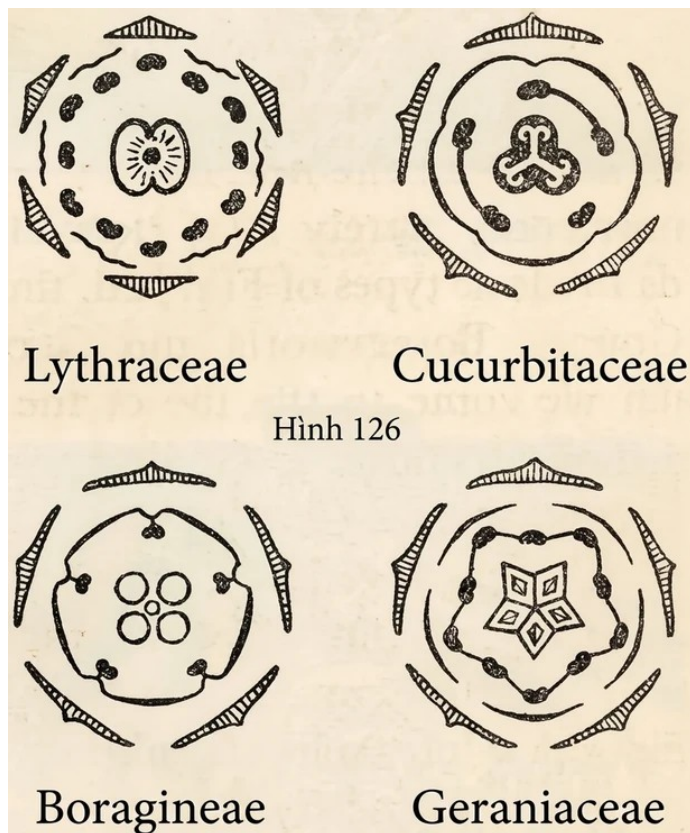
When we come to the molecular world, who that has looked at minerals has not noted how crystals carry out geometrical design to perfection? The precision of their angles is often more perfect than can be achieved by the most accurate of man-made measuring tools. After building angular solids, exquisite for symmetry and beauty, the mineral life next fashions out of them solids with curves;

Tại sao Canxi là một hình tứ diện và Phốt pho là một hình lập phương? Bởi vì đó là Thiên Cơ của Thượng đế. Vì mỗi nguyên tố đều có phần của nó trong Đại Thiên Cơ; mỗi nguyên tố mang đến cho vũ trụ sự mặc khải riêng về bản chất của Hành Tinh Thượng đế. Mỗi nguyên tố là một tấm gương phản chiếu sự viên mãn vô tận của Sự Sống Thiêng Liêng; mỗi nguyên tố là một kênh, vừa để mang xuống trái đất những năng lượng của Sự Sống đó, vừa để dẫn lên trên và vào bên trong Nó sự đáp ứng mà tự nhiên mang lại.

Khi chúng ta đến với thế giới phân tử, ai đã nhìn vào các khoáng chất mà không nhận thấy cách các tinh thể thực hiện thiết kế hình học một cách hoàn hảo? Độ chính xác của các góc của chúng thường hoàn hảo hơn so với độ chính xác có thể đạt được bằng các công cụ đo lường do con người tạo ra chính xác nhất. Sau khi xây dựng các chất rắn góc cạnh, tinh xảo về tính đối xứng và vẻ đẹp, sự sống khoáng

one can but perennially marvel at the ingenuity of the mineral, as it arranges tiny crystals of quartz and other minerals to make spirals (Fig. 125).

chất tiếp theo tạo ra từ chúng các chất rắn có đường cong; người ta chỉ có thể liên tục ngạc nhiên trước sự khéo léo của khoáng chất, khi nó sắp xếp các tinh thể thạch anh nhỏ bé và các khoáng chất khác để tạo thành các đường xoắn ốc (Hình 125).



Hình 126

The life activities of the mineral kingdom are a glorification of the Divine Mind which thinks in “numbers”, and ever shapes the combinations of the elements into forms of order, rhythm and beauty. Each mineral carries out God’s plan for it, and the crystal world is a mirror of those geometrical laws of the Divine Mind which the artist senses and the mathematician deduces.

Các hoạt động sống của giới kim thạch là một sự tôn vinh Thể Trí Thiêng Liêng vốn tư duy bằng “số”, và luôn định hình sự kết hợp của các nguyên tố thành các hình thức trật tự, nhịp điệu và vẻ đẹp. Mỗi khoáng chất thực hiện Thiên Cơ của Thượng đế dành cho nó, và thế giới tinh thể là một tấm gương phản chiếu những định luật hình học của Thể Trí Thiêng Liêng mà người nghệ sĩ cảm nhận và nhà toán học suy luận.

As the life of the Logos expresses itself in more pliant forms of matter, the rhythm and the music become ever more complex with each higher stage. Each plant is built rhythmically,

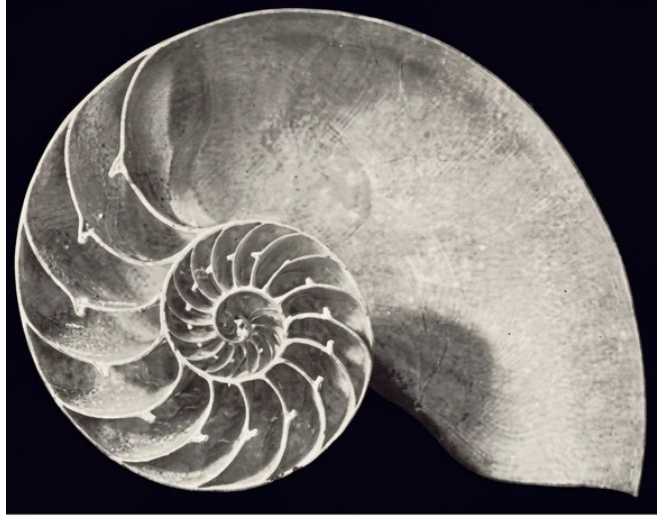
Khi sự sống của Hành Tinh Thượng đế thể hiện chính nó trong các hình thức vật chất dễ uốn hơn, nhịp điệu và âm nhạc trở nên phức tạp hơn với mỗi giai đoạn cao hơn. Mỗi loài

the place of leaf on twig, and branch on stem, being fixed by laws of geometry and design. When we look at the flowers, then each flower, built as it is according to “number”, is as a chord in a great musical octave. Consider the arrangement of sepals and petals, of stamens and ovaries, in any flower, and the geometry of the mineral life reappears in new variations and combinations at the next stage as the vegetable group-soul; surely God geometrizes as He builds the four types of Fig.126, the Loosestrifes, Gourds, Borageworts and Geraniums.

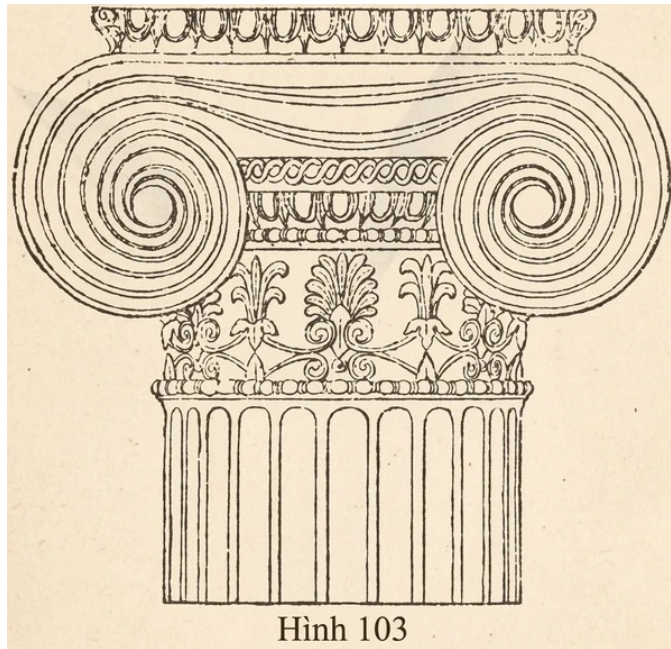
And when we come to the life of the animal kingdom, how exquisite is God’s geometry in the shell of the *Nautilus pompilius* (Fig. 127), and in that of *Solarium* (Fig. 128).

thực vật được xây dựng theo nhịp điệu, vị trí của lá trên cành và cành trên thân được cố định bởi các định luật hình học và thiết kế. Khi chúng ta nhìn vào những bông hoa, thì mỗi bông hoa, được xây dựng theo “số”, giống như một hợp âm trong một quãng tám âm nhạc tuyệt vời. Hãy xem xét sự sắp xếp của các lá đài và cánh hoa, của nhị đực và bầu nhụy, trong bất kỳ bông hoa nào, và hình học của sự sống khoáng chất xuất hiện trở lại trong các biến thể và tổ hợp mới ở giai đoạn tiếp theo như là hỗn nhóm thực vật; chắc chắn Thượng đế hình học hóa khi Ngài xây dựng bốn loại Hình 126, Loosestrifes, Gourds, Borageworts và Geraniums.

Và khi chúng ta đến với sự sống của giới động vật, hình học của Thượng đế trong vỏ của *Nautilus pompilius* (Hình 127) và trong vỏ của *Solarium* (Hình 128) thật tinh tế làm sao.



Hình 127



Hình 103

Beauty is there clear to our gaze; but what of the laws of mathematics in their curves, and of mechanics in the moulding of their chambers? In the *Nautilus*, Surely a Grand Geometrician is visibly at work, and His Mind is full of rhythm and melody.

In all the myriads of creatures of the animal kingdom, God geometrizes as in the plant and the mineral. But His geometry is less evident, though the movement of every muscle

Vẻ đẹp ở đó rõ ràng trước mắt chúng ta; nhưng còn những định luật toán học trong các đường cong của chúng, và cơ học trong việc đúc các khoang của chúng thì sao? Trong Nautilus, chắc chắn một Nhà Hình Học Vĩ Đại đang hoạt động một cách hữu hình, và Thể Trí của Ngài tràn ngập nhịp điệu và giai điệu.

Trong tất cả vô số sinh vật của giới động vật, Thượng đế hình học hóa như trong thực vật và khoáng vật. Nhưng hình học của Ngài ít rõ ràng hơn, mặc dù chuyển động của mọi cơ bắp

illustrates laws of rhythmic motion, and a higher beauty exists in the animal than in plant or mineral. Grace of line and limb and movement, with a complexity of rhythm difficult to analyze, characterizes all the forms of the animal world. In each animal God geometrizes, and teaches its duty in His plan.

So “God’s plan, which” is Evolution”, is worked out in each order of creation, from the atom to the animal. And when the animal life individualizes to become the habitation of a Monad, a Son of God gone forth to realize his Divinity, then the whole life of man, did he but know how to live it, can become one harmony of thought and feeling and action, bodying forth, in worlds visible and invisible, form after form of beauty. Every atom and cell in his vehicles then spring forth to give their love of order, rhythm and beauty, to make his life as a melody in the eternal symphony of the Logos. For, we make music wherever we go, with all our bodies—physical, astral, mental and causal; either we amplify the great chords sounded by the Logos, and weave out of them new melodies of our own, or we mar the music of nature, and introduce discords which reverberate and cause confusion in the melodies which others, more noble than we, are trying to weave.

God’s plan for men is to unfold their latent Divinity. For that, the Logos sends us forth from Himself to live our separate lives, each bound on a wheel of birth and death and birth again; and each life is as a day in the School of Eternal Life. There, we learn, taught by His

minh họa các định luật chuyển động nhịp nhàng, và một vẻ đẹp cao hơn tồn tại trong động vật hơn là trong thực vật hoặc khoáng vật. Vẻ duyên dáng của đường nét và chi và chuyển động, với một sự phức tạp của nhịp điệu khó phân tích, là đặc điểm của tất cả các hình thức của thế giới động vật. Trong mỗi con vật, Thượng đế hình học hóa, và dạy bốn phận của nó trong Thiên Cơ của Ngài.

Vì vậy, “Thiên Cơ của Thượng đế, vốn là Sự Tiến Hóa”, được thực hiện trong mỗi trật tự sáng tạo, từ nguyên tử đến động vật. Và khi sự sống động vật biệt ngã hóa để trở thành nơi cư ngụ của một Chân Thần, một Con của Thượng đế ra đi để nhận ra Thiên Tính của mình, thì toàn bộ cuộc sống của con người, nếu y biết cách sống nó, có thể trở thành một sự hài hòa của tư tưởng và cảm xúc và hành động, thể hiện, trong thế giới hữu hình và vô hình, hết hình thức này đến hình thức khác của vẻ đẹp. Mọi nguyên tử và tế bào trong các vận cụ của y sau đó nảy sinh để trao đi tình yêu trật tự, nhịp điệu và vẻ đẹp của chúng, để làm cho cuộc sống của y như một giai điệu trong bản giao hưởng vĩnh cửu của Hành Tinh Thượng đế. Bởi vì, chúng ta tạo ra âm nhạc ở bất cứ nơi nào chúng ta đến, với tất cả các thể của chúng ta—thể xác, thể cảm dục, thể trí và thể nguyên nhân; hoặc chúng ta khuếch đại các hợp âm tuyệt vời do Hành Tinh Thượng đế tạo ra, và dẹt nên từ chúng những giai điệu mới của riêng chúng ta, hoặc chúng ta làm hỏng âm nhạc của tự nhiên, và đưa vào những sự bất hòa vang vọng và gây ra sự nhầm lẫn trong các giai điệu mà những người khác, cao quý hơn chúng ta, đang cố gắng dẹt nên.

Thiên Cơ của Thượng đế dành cho con người là khai mở Thiên Tính tiềm ẩn của họ. Vì điều đó, Hành Tinh Thượng đế gửi chúng ta đi từ Chính Ngài để sống cuộc sống riêng biệt của chúng ta, mỗi người bị ràng buộc vào một bánh xe sinh tử và tái sinh; và mỗi cuộc đời giống như

Messengers, what are the lessons necessary for us in order to pass from a lower class to a higher (Fig. 129).

một ngày trong Trường Học Cuộc Sống Vĩnh Cửu. Ở đó, chúng ta học, được dạy bởi các Sứ Giả của Ngài, những bài học cần thiết cho chúng ta để chuyển từ một lớp thấp hơn lên một lớp cao hơn (Hình 129).

Trường học về Đời Sống Vĩnh Cửu	
Giai đoạn	Động cơ của Hành động
CHÂN SƯ	<i>Không phải tôi mà là Đức Cha</i>
ĐỆ TỬ	<i>Nhân Danh Ngài</i>
TINH THẦN	<i>Tôi sẽ giúp bạn</i>
VĂN MINH	<i>Chúng ta hãy chia sẻ nó</i>
DÃ MAN	<i>Tôi muốn nó</i>

FIG. 129

God's plan for the savage is selfishness, with an ever-insistent "I want it", in order to strengthen the center of his individuality. But after many lives as the savage, God's plan for him changes, and "We", not "I", becomes slowly the lesson which he must learn; he must now cooperate with the Logos by sharing, not by asking for himself alone. "Let us share it" becomes his creed as the citizen of a community. Comes next the later stage, when he must be spiritual, having as the keynote of his life a desire to share the burdens of others. "I will help you" is the way that God's plan speaks to the heart of the man rising to spirituality.

Thiên Cơ của Thượng đế dành cho người dã man là sự ích kỷ, với một câu "Tôi muốn nó" luôn khẳng khẳng, để củng cố trung tâm cá tính của y. Nhưng sau nhiều kiếp sống như người dã man, Thiên Cơ của Thượng đế dành cho y thay đổi, và "Chúng ta", không phải "Tôi", từ từ trở thành bài học mà y phải học; giờ đây y phải hợp tác với Hành Tinh Thượng đế bằng cách chia sẻ, không phải chỉ bằng cách yêu cầu cho riêng mình. "Chúng ta hãy chia sẻ nó" trở thành tín ngưỡng của y với tư cách là công dân của một cộng đồng. Tiếp theo là giai đoạn sau, khi y phải tinh thần, có mong muốn chia sẻ gánh nặng của người khác làm chủ đạo trong cuộc sống của y. "Tôi sẽ giúp bạn" là cách mà Thiên Cơ của Thượng đế nói với trái tim của người đang vươn lên tinh thần.

God's plan for the Disciple is that he shall live in the name of his Master, becoming day by day a nobler warden and a saintlier almoner of the blessings which his Master creates for the

Thiên Cơ của Thượng đế dành cho Đệ tử là y sẽ sống nhân danh Chân sư của mình, ngày càng trở thành một người quản lý cao quý hơn và một người bố thí thánh thiện hơn những

world. At the last stage of all, that of the Master of the Wisdom, God's plan is fully achieved, and the soul lives in an indescribable unity of man and God. "I seek not mine own will, but the will of the Father," is then the motive of every action. As he alone can know, and none below the level of his achievement; he realizes what the Sages meant when they said, "I am the Self", and what Christ meant when He proclaimed, "I and my Father are one".

And this wonder, which is each moment's experience for the Master of the Wisdom, is God's plan *for all men*, the savage and the civilized, the spiritual and the Disciple. And He will fulfil it in His own good time, winning the cooperation of all, of the sinner as of the saint. For that purpose alone has He sacrificed Himself to fashion a universe for our habitation and growth. Where He works, no failure is possible, and to join Him in His work is to feel deathlessness and mastery.

God's plan is not, as it sometimes seems to our eyes, a round of weariness and pain, an implacable Fate which wrings out of man many griefs for each joy which he creates for himself. To the babe who tries to walk, there is stress of limb and anxiety of mind as he makes his first steps; but, if a mother's joyous face and laughing eyes are before him to encourage him, the effort of body is little, compared to the final bliss in her loving arms. So is it with all life. If, from one angle, evolution seems an unending stress, from another it is an exhilarating play. It is the great Game which the Logos plays with us, and the laws of

phước lành mà Chân sư của y tạo ra cho thế giới. Ở giai đoạn cuối cùng của tất cả, giai đoạn của Chân sư Minh Triết, Thiên Cơ của Thượng đế được hoàn thành đầy đủ, và linh hồn sống trong một sự hợp nhất không thể diễn tả giữa con người và Thượng đế. "Tôi không tìm kiếm ý muốn của riêng tôi, mà là ý muốn của Cha", sau đó là động cơ của mọi hành động. Vì chỉ một mình Ngài mới có thể biết, và không ai dưới cấp độ thành tựu của Ngài; Ngài nhận ra những gì các Nhà Hiền Triết muốn nói khi Các Ngài nói, "Tôi là Bản Thể", và những gì Đức Christ muốn nói khi Ngài tuyên bố, "Ta và Cha ta là một".

Và điều kỳ diệu này, vốn là trải nghiệm của mỗi khoảnh khắc đối với Chân sư Minh Triết, là Thiên Cơ của Thượng đế dành cho tất cả mọi người, người dã man và người văn minh, người tinh thần và Đệ tử. Và Ngài sẽ hoàn thành nó vào thời điểm tốt đẹp của riêng Ngài, giành được sự hợp tác của tất cả, của người tội lỗi cũng như của vị thánh. Chỉ vì mục đích đó mà Ngài đã hy sinh Chính Mình để tạo ra một vũ trụ cho nơi ở và sự phát triển của chúng ta. Nơi Ngài làm việc, không có thất bại nào là có thể xảy ra, và tham gia cùng Ngài trong công việc của Ngài là cảm nhận được sự bất tử và quyền làm chủ.

Thiên Cơ của Thượng đế không phải là, như đôi khi có vẻ như đối với mắt chúng ta, một vòng luẩn quẩn của sự mệt mỏi và đau đớn, một Định Mệnh không thể lay chuyển vốn vất kiệt khỏi con người nhiều nỗi đau cho mỗi niềm vui mà y tạo ra cho chính mình. Đối với đứa trẻ cố gắng bước đi, có sự căng thẳng của chi và sự lo lắng của thể trí khi nó thực hiện những bước đi đầu tiên; nhưng, nếu khuôn mặt vui vẻ và đôi mắt cười của người mẹ ở trước mặt nó để khuyến khích nó, thì nỗ lực của thể xác là không đáng kể, so với niềm hạnh phúc cuối cùng trong vòng tay yêu thương của bà. Cũng như vậy với tất cả cuộc sống. Nếu, từ

Righteousness are the rules of the game.

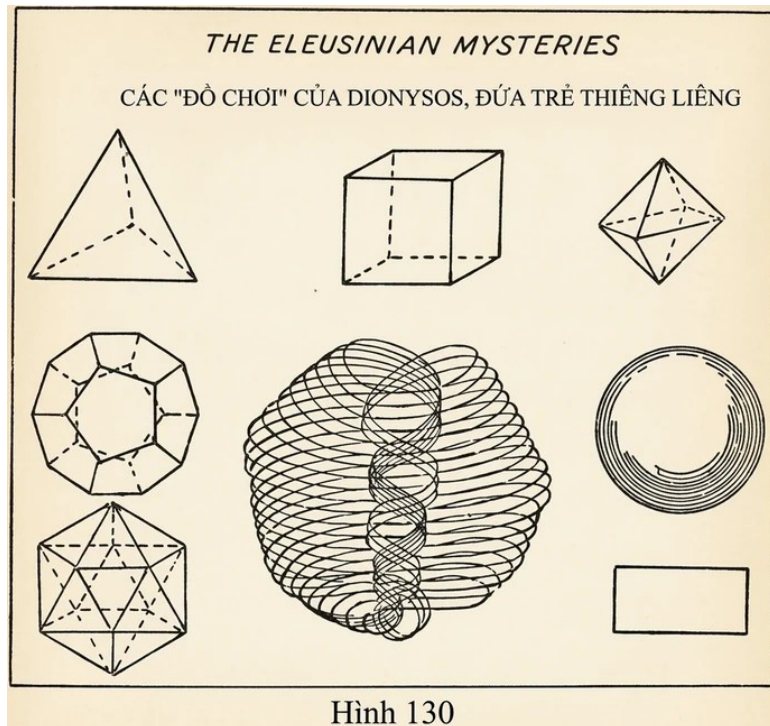
The joyousness which is the undercurrent of nature's processes must be sensed by each for himself, out of his own experiences. It may take many a life before he can say, in spite of all that he has suffered, that Love is the fulfilling of the Law; but his evolution is incomplete till he knows for himself that the heart of things is indeed Love and Joy, and that all the tragedy of evolution is only a passing phase.

One of the mystery teachings of the past is that the universe is at play while it is at work. Hinduism teaches that all manifestation is the "dance of Shiva", and the same doctrine was taught in the Eleusinian Mysteries. One of the experiences of the initiated in those Mysteries was to feel what was in the "sacred basket"; these were the "playthings" of Dionysus, the Divine Child. Tradition reports that they were the dice, the spinning-top, the ball, and the mirror. What they were in reality, we have in Fig. 130.

một góc độ, sự tiến hóa dường như là một căng thẳng vô tận, thì từ một góc độ khác, nó là một trò chơi thú vị. Đó là Trò Chơi vĩ đại mà Hành Tinh Thượng đế chơi với chúng ta, và các định luật về Sự Công Bình là các quy tắc của trò chơi.

Niềm vui vốn là dòng chảy ngầm của các quá trình tự nhiên phải được mỗi người tự cảm nhận, từ những kinh nghiệm của riêng y. Có thể phải mất nhiều kiếp y mới có thể nói rằng, bất chấp tất cả những gì y đã phải chịu đựng, Tình Thương là sự viên mãn của Định luật; nhưng sự tiến hóa của y là chưa hoàn thiện cho đến khi y tự mình biết rằng trái tim của vạn vật thực sự là Tình Thương và Niềm Vui, và tất cả bi kịch của sự tiến hóa chỉ là một giai đoạn thoáng qua.

Một trong những giáo lý bí ẩn của quá khứ là vũ trụ đang vui chơi trong khi nó đang làm việc. Ấn Độ giáo dạy rằng tất cả sự biểu hiện là "điệu nhảy của Shiva", và giáo lý tương tự đã được dạy trong các Nghi lễ Eleusinian. Một trong những trải nghiệm của người được điểm đạo trong những Nghi lễ đó là cảm nhận những gì trong "giỏ thiêng"; đây là những "đồ chơi" của Dionysus, Đứa Trẻ Thiêng Liêng. Truyền thống kể lại rằng chúng là xúc xắc, con quay, quả bóng và gương. Những gì chúng thực sự là, chúng ta có trong Hình 130.



The “dice” were the five Platonic Solids, which give the axes for the growth of the chemical elements and crystals; the “top” was a model of the ultimate physical atom; the “ball” was a model of the Earth, and the “mirror” was the symbol of the seven planes on which are reflected what the Logos fashions on high. These were the “play-things” of the Logos as the Divine Child and the initiates at Eleusis were taught to sense beneath the processes of nature a deep under-current of joy.

All the principles of Theosophy, which this work has so far tried to explain, are summed up in our next figure, Fig. 131.

“Xúc xắc” là năm Khối Đa Diện Platon, vốn cho các trục để các nguyên tố hóa học và tinh thể phát triển; “con quay” là một mô hình của nguyên tử vật chất tối thượng; “quả bóng” là một mô hình của Trái Đất, và “gương” là biểu tượng của bảy cõi vốn phản ánh những gì Hành Tinh Thượng để tạo ra ở trên cao. Đây là những “đồ chơi” của Hành Tinh Thượng để với tư cách là Đứa Trẻ Thiêng Liêng và những người được điểm đạo tại Eleusis đã được dạy để cảm nhận bên dưới các quá trình của tự nhiên một dòng chảy ngầm sâu sắc của niềm vui.

Tất cả các nguyên tắc của Thông Thiên Học, mà tác phẩm này cho đến nay đã cố gắng giải thích, được tóm tắt trong hình tiếp theo của chúng ta, Hình 131.

CÁC NGUYÊN TẮC TRONG TIẾN HOÁ

1. Tâm Thức Thiêng Liêng che phủ Chính Nó dưới dạng Sự Sống và Vật Chất.
2. Hình tướng chết đi để giải phóng Sự Sống. Sự Sống quay trở lại trong Hình Tướng được tổ chức tốt hơn.
3. Sự Xây Dựng mang tính Hình Học trong mọi hình tướng, hữu hình và vô hình.
4. Mọi sự xây dựng đều theo Mô Hình Nguyên Mẫu ở trên cao.
5. Con người củng cố trung tâm của mình thông qua sự Ích Kỵ; người ấy tỏa ra từ trung tâm của mình thông qua sự Tự Hy Sinh.
6. Sự Sống Thiêng Liêng tồn tại trong vạn vật — khoáng vật, thực vật, động vật, con người, thiên thần — không phải là ít hơn hay nhiều hơn, mà là Thiên Tính Hoàn Hảo.

HÌNH 131

The first and the last maxims give the clue to what is happening around us, that all is consciousness, the Divine Consciousness itself, and none less; and that, wherever the Divine: Manifestation reveals itself there is neither “less” nor “more”. Where He is, there He is in His Perfection.

We have so far considered God’s plan largely from the standpoint of man, as the individual and as the unit, and only here and there gained a glimpse of the Plan in its larger aspect.

There remains only to attempt to see the Plan as a whole. Could we but step outside the limits of the planes of our globe, then should we see the work of the Logos for the Solar System as a whole.

Those who are able to see that work in its entirety say that the appearance of the Solar

Các phương châm đầu tiên và cuối cùng đưa ra manh mối cho những gì đang xảy ra xung quanh chúng ta, rằng tất cả là tâm thức, chính Tâm thức Thiêng Liêng, và không gì kém hơn; và rằng, bất cứ nơi nào Sự Biểu Hiện Thiêng Liêng tự bộc lộ, thì không có “ít hơn” hay “nhiều hơn”. Nơi Ngài ở, Ngài ở đó trong Sự Hoàn Hảo của Ngài.

Cho đến nay, chúng ta đã xem xét kế hoạch của Thượng đế phần lớn từ quan điểm của con người, với tư cách là cá nhân và là đơn vị, và chỉ ở đây và ở đó có được một thoáng nhìn về Thiên Cơ trong khía cạnh lớn hơn của nó.

Chỉ còn lại việc cố gắng nhìn Thiên Cơ như một tổng thể. Giá mà chúng ta có thể bước ra ngoài giới hạn của các cõi của địa cầu, thì chúng ta sẽ thấy công việc của Hành Tinh Thượng đế cho toàn Hệ Mặt Trời.

Những người có thể nhìn thấy công việc đó một cách trọn vẹn nói rằng sự xuất hiện của

System from high planes is that of a wonderful cosmic Flower of many petals and colors, with a great golden pistil which is the Sun, as the heart of the Flower (see frontispiece, Fig.132.)⁴⁹ Each of the seven Planetary Logoi permeates the whole system with His influences, but the matter especially affected by one type of those influences forms a great ellipsoid in space, the major focus of which is the Sun, and the minor focus the planet of the Planetary Logos. These ellipsoids of influence are changing in their relation to each other, and those changes are partly indicated by the changing positions of the physical planets. So the Solar System, as the Logos and His seven great Assistants who work with Him, appears as a great Flower of many petals, with a great, glowing, golden heart at its center.⁵⁰

Whoso can attain to this vision of the work of the Logos can never have a shadow of doubt as to His Love and Might and Beauty. Each vision of the Truth, through religion or philosophy, through science or art, or through philanthropy and service, leads the soul one step nearer to the goal, which is, to live and move and have his being, in full consciousness, and with exceeding joy, in the Logos of our Solar System.

Hệ Mặt Trời từ các cõi cao là một Bông Hoa vũ trụ tuyệt vời với nhiều cánh hoa và màu sắc, với một nhụy hoa màu vàng tuyệt vời vốn là Mặt Trời, như trái tim của Bông Hoa (xem trang đầu, Hình 132.) Mỗi một trong bảy Hành Tinh Thượng để thẩm nhuần toàn bộ hệ thống bằng những ảnh hưởng của Ngài, nhưng vật chất đặc biệt bị ảnh hưởng bởi một loại ảnh hưởng đó tạo thành một hình elip lớn trong không gian, tiêu điểm chính của nó là Mặt Trời, và tiêu điểm phụ là hành tinh của Hành Tinh Thượng đế. Những hình elip ảnh hưởng này đang thay đổi trong mối quan hệ của chúng với nhau, và những thay đổi đó một phần được chỉ ra bởi sự thay đổi vị trí của các hành tinh vật chất. Vì vậy, Hệ Mặt Trời, với tư cách là Hành Tinh Thượng đế và bảy Phụ Tá vĩ đại của Ngài vốn làm việc với Ngài, xuất hiện như một Bông Hoa vĩ đại với nhiều cánh hoa, với một trái tim bằng vàng rực rỡ ở trung tâm của nó.

Bất cứ ai có thể đạt được tầm nhìn này về công việc của Hành Tinh Thượng đế sẽ không bao giờ có một chút nghi ngờ nào về Tình Thương, Quyền Năng và Vẻ Đẹp của Ngài. Mỗi tầm nhìn về Chân Lý, thông qua tôn giáo hoặc triết học, thông qua khoa học hoặc nghệ thuật, hoặc thông qua hoạt động từ thiện và phụng sự, dẫn dắt linh hồn tiến gần hơn một bước đến mục tiêu, đó là sống và vận động và có sự tồn tại của y, trong tâm thức trọn vẹn, và với niềm vui vô bờ bến, trong Hành Tinh Thượng đế của Hệ Mặt Trời của chúng ta.

⁴⁹ It is impossible to do more than barely suggest this vision in a diagram. The planets cannot be placed to a true scale in the small diagram. The colors adopted are not the ancient traditional colors of the Seven Planetary Logoi, but simply the seven colors of the solar spectrum taken in order. The colors used in Ancient Chaldea are described in *Man: Whence, How and Whither*, by Annie Besant and C. W. Leadbeater, Chap. XIII.

⁵⁰ See *The Inner Life*, by C. W. Leadbeater, Vol. I, under "Symbology" [starting with the sentence, "Another symbol is that of the lotus ...], for a fuller description.

KẾT LUẬN

In a swift survey, we have seen what the Ancient Wisdom says of man and his destiny, of Nature and her message, and of God and His Work. There is no philosophy to equal Theosophy in its idealism, in its hopefulness, and in its all-embracing tenderness. It reveals to the intellect so stupendous a panorama of life's activities, in worlds visible and invisible, that the mind of man is at first stupefied, and then transported with its entrancing beauty. Above all, the Ancient Wisdom does not speculate, but speaks with authority. "These are the eternal facts of Nature", say the Teachers of the Wisdom, and They ask us to live a life of Idealism, because no other life is possible for reasonable men and women who desire to act in the light of Truth, and not under the sway of error. Well may the inquirer into Theosophy ask, confronted with its seeming dogmatism: How can I know for myself that all this is true?

Knowledge is of many kinds—what the senses report, what the mind sees, what the heart conceives, and what the intuition knows. One or other of these, or all, are for a man avenues to Truth, according to his temperament. We are not all alike, and, the value to each of us of the world and its happenings varies according to what we seek from life. As is the fabric of a man's mind and heart, so is his vision of life.

But while what is a fact to one man may perhaps be an illusion to another, there is one

Trong một cuộc khảo sát nhanh chóng, chúng ta đã thấy Minh Triết Ngàn Đời nói gì về con người và vận mệnh của y, về Tự Nhiên và thông điệp của Bà, và về Thượng đế và Công Việc của Ngài. Không có triết lý nào sánh được với Thông Thiên Học về tính duy tâm, về sự hy vọng và về sự dịu dàng bao trùm tất cả của nó. Nó tiết lộ cho trí tuệ một bức tranh toàn cảnh đồ sộ về các hoạt động của sự sống, trong các thế giới hữu hình và vô hình, đến nỗi thể trí của con người lúc đầu choáng váng, và sau đó được vận chuyển với vẻ đẹp mê hồn của nó. Trên hết, Minh Triết Ngàn Đời không suy đoán, mà nói với uy quyền. Các Huấn Sư của Minh Triết nói: "Đây là những sự thật vĩnh cửu của Tự Nhiên", và Các Ngài yêu cầu chúng ta sống một cuộc sống của Chủ Nghĩa Duy Tâm, bởi vì không có cuộc sống nào khác có thể dành cho những người nam và nữ hợp lý vốn mong muốn hành động dưới ánh sáng của Chân Lý, và không phải dưới sự chi phối của sai lầm. Người tìm hiểu về Thông Thiên Học có thể hỏi, khi đối mặt với chủ nghĩa giáo điều có vẻ ngoài của nó: Làm thế nào tôi có thể tự mình biết rằng tất cả điều này là đúng?

Tri thức có nhiều loại—những gì các giác quan báo cáo, những gì thể trí nhìn thấy, những gì trái tim hình dung và những gì trực giác biết. Một hoặc một số trong số này, hoặc tất cả, là những con đường dẫn đến Chân Lý cho một người, tùy theo tính khí của y. Chúng ta không phải ai cũng giống nhau, và giá trị đối với mỗi chúng ta về thế giới và những gì xảy ra trong đó khác nhau tùy theo những gì chúng ta tìm kiếm từ cuộc sống. Bản chất tâm trí và trái tim của một người như thế nào, thì tầm nhìn của y về cuộc sống cũng như vậy.

Nhưng trong khi những gì là một sự thật đối với một người có lẽ có thể là một ảo tưởng đối

test of Truth which is the same for all. *Truth is what compels.* A fact of nature, when once viewed honestly and clearly, thereafter draws all one's nature to act in accordance with it; its compulsion may be swift or slow, but such is the effect on the mind of the Thing-that-is, that the mind can never free itself from the power of that Thing. Furthermore, if what the mind has seen is a vision of Truth and not an illusion, the vision grows day by day, ever revealing larger horizons. Doubts may surge up one after another, but a million doubts cannot invalidate one truth. The soul who thinks that he has grasped the essence of Truth can patiently fight on, slaying one by one the hosts of doubts as they arise.

If these many truths of Theosophy are facts in nature, then in time they will prove themselves so to everyone. They must sooner or later be built into the fabric of every man's thinking, if a man is to think truly in accordance with *all* facts. They can be *seen*, one by one, as the faculties necessary for their sight are developed; but to see all, from the atom at its work to the solar system as it carries out the Will of the Logos, is not for everyone of us, at our present stage of limitation. As a man's consciousness grows, and faculty after faculty is added, more and more facts will be seen. One by one, each fact, which is at first merely believed in, will be seen with direct vision, and relied upon with an unassailable certainty. To all will come this direct vision; but the full vision in its splendor will come only when the soul becomes the Master of the Wisdom.

với người khác, thì có một bài kiểm tra về Chân Lý vốn giống nhau cho tất cả. Chân Lý là những gì thôi thúc. Một sự thật của tự nhiên, khi đã được xem xét một cách trung thực và rõ ràng, sau đó thu hút tất cả bản chất của một người hành động phù hợp với nó; sự thôi thúc của nó có thể nhanh chóng hoặc chậm chạp, nhưng đó là tác động lên thể trí của Sự Vật-vốn-là, đến nỗi thể trí không bao giờ có thể giải phóng bản thân khỏi sức mạnh của Sự Vật đó. Hơn nữa, nếu những gì thể trí đã thấy là một tầm nhìn về Chân Lý và không phải là một ảo ảnh, thì tầm nhìn đó lớn lên từng ngày, không ngừng tiết lộ những chân trời rộng lớn hơn. Những nghi ngờ có thể trở dậy hết lần này đến lần khác, nhưng hàng triệu nghi ngờ không thể làm mất hiệu lực một sự thật. Linh hồn vốn nghĩ rằng y đã nắm bắt được bản chất của Chân Lý có thể kiên nhẫn chiến đấu, tiêu diệt hết lần này đến lần khác vô số nghi ngờ khi chúng phát sinh.

Nếu nhiều sự thật này của Thông Thiên Học là những sự thật trong tự nhiên, thì theo thời gian chúng sẽ chứng minh chúng là như vậy cho mọi người. Chúng sớm hay muộn phải được xây dựng vào cấu trúc tư duy của mỗi người, nếu một người muốn suy nghĩ một cách chân thật phù hợp với tất cả các sự thật. Chúng có thể được nhìn thấy, từng cái một, khi các khả năng cần thiết cho tầm nhìn của chúng được phát triển; nhưng để nhìn thấy tất cả, từ nguyên tử trong công việc của nó đến hệ mặt trời khi nó thực hiện Ý Chí của Hành Tinh Thượng đế, không phải dành cho tất cả chúng ta, ở giai đoạn giới hạn hiện tại của chúng ta. Khi tâm thức của một người phát triển, và hết khả năng này đến khả năng khác được thêm vào, ngày càng có nhiều sự thật sẽ được nhìn thấy. Từng sự thật một, vốn ban đầu chỉ được tin tưởng, sẽ được nhìn thấy bằng tầm nhìn trực tiếp và được tin cậy với một sự chắc chắn không thể công kích. Tầm nhìn trực tiếp này sẽ đến với tất cả; nhưng tầm nhìn đầy đủ trong

Till that day, we can at least each act in the light of the vision of Truth which each has. If we will only realize that not only the five senses and the mind are the avenues of sight, but also the aspirations, the imagination, our refined loves and our spirit of sacrifice, then Truth will pour into our natures from many avenues which are now barred by us. Life is a greater thing than can be known by merely one instrument of cognition, the mind; the mind is a useful instrument to record, but it is a very limiting one to give us vision.

There is no surer way for the inquirer, if he desires to prove one by one the truths of Theosophy, than to put into practice one great truth which he can readily accept. It is the truth of Brotherhood. Let a man remember that another is as himself, that the same life of nature flows in both, that what is hard for himself is hard for the other too; let him, looking at his neighbour, say, "This is *myself*, in a hitherto unknown aspect of me"; let him study with patience this mysterious part of himself that exists outside of him; then let him see if, as he grows in charity and long-suffering, he is not mysteriously impelled to discover about man and God truths of whose existence he was not aware. *Loving action is Divine Wisdom at work and whoso acts lovingly must inevitably come to the Wisdom.*

This is the surest way to prove that the truths of Theosophy are realities, and not the beautiful creations of some philosopher's

sự huy hoàng của nó sẽ chỉ đến khi linh hồn trở thành Chân sư của Minh Triết.

Cho đến ngày đó, ít nhất mỗi chúng ta có thể hành động dưới ánh sáng của tầm nhìn về Chân Lý mà mỗi người có. Nếu chúng ta chỉ nhận ra rằng không chỉ năm giác quan và thể trí là những con đường của tầm nhìn, mà còn cả những khát vọng, trí tưởng tượng, những tình thương tinh tế và tinh thần hy sinh của chúng ta, thì Chân Lý sẽ tuôn vào bản chất của chúng ta từ nhiều con đường hiện đang bị chúng ta ngăn chặn. Sự sống là một điều vĩ đại hơn những gì có thể được biết chỉ bằng một công cụ nhận thức, thể trí; thể trí là một công cụ hữu ích để ghi lại, nhưng nó là một công cụ rất hạn chế để cho chúng ta tầm nhìn.

Không có cách nào chắc chắn hơn cho người tìm hiểu, nếu y mong muốn chứng minh từng sự thật một của Thông Thiên Học, hơn là đưa vào thực hành một sự thật vĩ đại mà y có thể dễ dàng chấp nhận. Đó là sự thật về Tình Huynh Đệ. Hãy để một người nhớ rằng người khác cũng như chính y, rằng cùng một sự sống của tự nhiên chảy trong cả hai, rằng những gì khó khăn cho chính y cũng khó khăn cho người kia; hãy để y, nhìn vào người hàng xóm của mình, nói, "Đây là bản thân tôi, trong một khía cạnh chưa được biết đến của tôi"; hãy để y nghiên cứu với sự kiên nhẫn phần bí ẩn này của bản thân vốn tồn tại bên ngoài y; sau đó hãy để y xem liệu, khi y phát triển trong lòng bác ái và sự chịu đựng lâu dài, y có bị thúc đẩy một cách bí ẩn để khám phá về con người và Thượng đế những sự thật mà y không hề hay biết về sự tồn tại của chúng hay không. Hành động yêu thương là Minh Triết Thiêng Liêng đang hoạt động và bất cứ ai hành động yêu thương chắc chắn sẽ đến với Minh Triết.

Đây là cách chắc chắn nhất để chứng minh rằng những sự thật của Thông Thiên Học là những thực tại, và không phải là những sáng

brain. If a man cannot believe in all the teachings of Theosophy, let him at least act as Theosophy teaches. He will then find that the word “Theosophy” describes a wonderful Reality. And when he knows, with every fiber of his being, and in each moment of time, that all that he is—his highest love and sacrifice, his fullest faith and offering—is that Reality in him, and that apart from It he has no existence, then he will find within himself an instrument of knowledge by means of which he can discover all for himself. For God’s Truth is within a man’s own nature; it is not an utter stranger to him, but ever the Companion of his dreams.

Because man is Divine, the Wisdom is his heritage. Nay, not Wisdom alone, but Power also—power to dare, to suffer, and to conquer. This sense of Victory, which brings with it all joy, is the gift which the Ancient Wisdom gives to all who cherish her.

May 14, 1921

tạo tuyệt vời của thể trí của một nhà triết học nào đó. Nếu một người không thể tin vào tất cả những lời dạy của Thông Thiên Học, thì ít nhất hãy để ý hành động như Thông Thiên Học dạy. Sau đó, y sẽ thấy rằng từ “Thông Thiên Học” mô tả một Thực Tại tuyệt vời. Và khi y biết, với mọi thớ thịt trong con người mình, và trong mỗi khoảnh khắc thời gian, rằng tất cả những gì y là—tình thương và sự hy sinh cao cả nhất của y, đức tin và sự hiến dâng trọn vẹn nhất của y—là Thực Tại đó trong y, và rằng ngoài Nó ra y không có sự tồn tại, thì y sẽ tìm thấy bên trong mình một công cụ tri thức nhờ đó y có thể tự mình khám phá ra mọi thứ. Vì Chân Lý của Thượng đế nằm trong chính bản chất của một người; nó không phải là một người hoàn toàn xa lạ với y, mà luôn là Người Bạn Đồng Hành trong những giấc mơ của y.

Bởi vì con người là Thiêng Liêng, Minh Triết là di sản của y. Không, không chỉ Minh Triết, mà còn cả Quyền Năng—quyền năng để dám, để chịu đựng và để chinh phục. Cảm giác Chiến Thắng này, vốn mang lại tất cả niềm vui, là món quà mà Minh Triết Ngàn Đời ban tặng cho tất cả những ai trân trọng Bà.

Ngày 14 tháng 5 năm 1921

LỜI CẢM ƠN

In continuation of my obligation to various sources for illustrations, I have to add the following, with sincere thanks: Fig. 98 to the late C. F. Bragdon; Fig. 101 to The Evening Post, Wellington, New Zealand; Fig. 103 to Architecture of Athens by Stuart and Revett; Fig. 104 to The Curves of Life by T. A. Cook; Fig. 106 to Illustrated London News; Fig. 107 to Art Forms in Nature by Karl Blossfeldt; Fig. 108 to the Australian Museum, Sydney; Fig. 109 to Tiere in Schonen Bildren by K. R. Langewische; Fig. 113 to Vita delle Piante by R. H. France; Fig. 105 to The Protozoa by G. N. Calkins; Fig. 110 to the famous Japanese painter Chiura of the period of the Shogun Yoritomo.

Tiếp tục nghĩa vụ của tôi đối với nhiều nguồn khác nhau về hình ảnh minh họa, tôi phải thêm những điều sau đây, với lòng biết ơn chân thành: Hình 98 cho cố C. F. Bragdon; Hình 101 cho The Evening Post, Wellington, New Zealand; Hình 103 cho Kiến trúc của Athens của Stuart và Revett; Hình 104 cho Các Đường Cong của Sự Sống của T. A. Cook; Hình 106 cho Illustrated London News; Hình 107 cho Các Hình Thức Nghệ Thuật trong Tự Nhiên của Karl Blossfeldt; Hình 108 cho Bảo tàng Úc, Sydney; Hình 109 cho Tiere in Schonen Bildren của K. R. Langewische; Hình 113 cho Vita delle Piante của R. H. France; Hình 105 cho The Protozoa của G. N. Calkins; Hình 110 cho họa sĩ nổi tiếng người Nhật Chiura thuộc thời kỳ Tướng quân Yoritomo.